ĐOÀN DUY THÀNH

Làm người là khó

làm người là khó

ĐOÀN DUY THÀNH

Paris * 04.2025

Bìa : ***M. C. P***
Nguồn : ***Internet***

làm người là khó

ĐOÀN DUY THÀNH

Nhà xuất bản Hải Phòng
2012

Ông Đoàn Duy Thành

MỤC LỤC

Lời nói đầu 13

1. Chương 1 21
Thời niên thiếu

2. Chương 2 55
Tham gia phong trào cách mạng và khởi nghĩa tháng 8 năm 1945

3. Chương 3 119
Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ 2 trên đất Kim Thành, Hải dương

4. Chương 4 177
Cuộc chiến đấu mới, mặt đối mặt với quân thù

5. Chương 5 259
Ra tù và tiếp tục hoạt động cách mạng

6. Chương 6 415
Thời kỳ đổi mới ở Hải Phòng

7. Chương 7 615
Tòng chính tại thủ đô

8. Chương 8 739
Cuộc đối chất có một không hai trong lịch sử đảng ta

9. Chương 9 795
Con cá nó sống vì nước . . .

10. Chương 10 937
Đồng Chí Trường Chinh, . . .

11. Chương 11 1001
Kết luận

LỜI NÓI ĐẦU

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình Nho học ở một làng quê giữa vùng đồng bằng Bắc Bộ, tham gia cách mạng từ thuở niên thiếu và đã trở thành một cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, ông Đoàn Duy Thành còn là tác giả của nhiều cuốn sách, đặc biệt là những sách viết về làm kinh tế và quản lí kinh tế trong thời kì đổi mới đã được phổ biến rộng rãi, hoặc sách dùng giáo dưỡng thế hệ trẻ.

Tiếp theo một số tác phẩm đã có

dịp ra mắt bạn đọc trước đây, lần này xin được trân trọng giới thiệu cuốn Làm người là khó của tác giả.

Tập hồi kí này không chỉ là những hồi tưởng về cuộc đời mà qua đó, giúp bạn đọc hình dung một các sinh động cả một bối cảnh xã hội của đất nước cũng như Thành phố Hải Phòng qua những chặng đường lịch sử đầy biến động. Với một trí nhớ đáng ngạc nhiên, tác giả nhắc lại những sự kiện gắn bó với tên đất, tên người, những số liệu đi cùng năm tháng mà chắc chắn sẽ rất có ích cho nhiều thế hệ. Từ những ngày trước cách mạng, đến không khí hào hùng của Cách mạng Tháng Tám, nạn đói khủng khiếp năm 1945 do phát xít Nhật gây ra, ngày Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần

thứ II, công cuộc cải cách ruộng đất, tiếp quản Hải Phòng, cuộc chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội những ngày đầu thời kì đổi mới ở Hải Phòng, việc khoán sản phẩm trong nông nghiệp, v.v...

Đằng sau và bên trong của những sự kiện, chính là chân dung con người, đó là hình ảnh tác giả cùng đồng chí đồng bào, xuyên suốt mấy trăm trang viết. Là một nhà chính trị kinh tế, song tập hồi kí có sức lôi cuốn qua lối viết giàu tâm huyết, có cá tính, chân thực, thẳng thắn, nhất quán từ khi còn thuở niên thiếu giác ngộ cách mạng, vượt qua khó khăn thử thách tù đày, tưởng như không thể trụ vững được, trở thành nhà lãnh đạo cao nhất của Thành phố Hải Phòng, rồi một vị Bộ trưởng, một Phó Thủ tướng, Chủ

tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Là người có vốn Nho học sâu rộng, thấm nhuần đạo lí truyền thống dân tộc và tinh thần cách mạng, ông lại sớm có tư tưởng cách tân, một tầm nhìn rộng rãi và hành động mạnh mẽ.

Dường như ông làm việc không chỉ biết chấp hành, mà luôn khai phá, năng động sáng tạo. Bởi thế, vinh quang cũng có mà không ít gian truân, ở cương vị của ông, có không ít việc đã làm được, đã để lại tình cảm, ấn tượng tốt đẹp trong lòng đồng bào; có một số việc còn dang dở mà lẽ ra có thể rút ngắn thời gian để đi xa hơn, nhanh hơn, nếu như ... Chẳng hạn, nếu như cộng sự của ông cũng nhận thức như thế, nếu như ý tưởng của ông được thực thi, nếu như không có những rào cản, trước hết không phải là rào cản

của điều kiện bên ngoài, mà là rào cản trong tâm thức con người. Hơn nửa thế kỷ cống hiến cũng là quá đủ đối với đóng góp một đời người, nhưng ở đây trước hết không chỉ là con số, mà là hệ lụy của những con số ấy, là sức mạnh của trí tuệ, hoài bão, là những trăn trở, tìm tòi, tuyên chiến với dốt nát, giả trá, thủ cựu, biết chấp nhận và chối từ.

Cũng là sự trùng hợp giữa các quãng thời gian đầy ắp những sự kiện lịch sử này với cuộc đời của tác giả. Thế hệ đã từng sống bấy giờ, mặc dù đã chứng kiến, chiêm nghiệm qua số phận bản thân, vẫn tìm thấy ở đây thêm lời giải đáp, có dịp nhìn nhận điềm tĩnh hơn, công tâm hơn trong cách xem xét, đánh giá đúng đắn từng vấn đề. Thế hệ sau có thể xem đây là cuốn sách đáng tin cậy để tìm hiểu

về một thời hào hùng và cũng lắm thăng trầm của Thành phố Hải Phòng cùng đất nước.

Trong tình hình đất nước đang trên đà đổi mới và hội nhập, thông thoáng hơn về cách nghĩ, cách làm, việc ra mắt cuốn sách trên chắc sẽ đem lại điều bổ ích và cần thiết, ôn cũ biết mới, nhắc nhở đạo làm người.

Tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách "Làm người là khó" với rộng rãi bạn đọc của Thành phố Hải Phòng cùng cả nước.

PHẠM NGÀ

Giám đốc Nhà xuất bản Hải Phòng

Chương 1

THỜI NIÊN THIẾU

Tôi sinh ngày 15-9-1929 ở thôn Tường Vu, xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Giống như bao làng quê thuần nông của đồng bằng Bắc bộ, làng tôi có lũy tre xanh bao bọc, nổi lên tựa một hòn đảo nhỏ giữa biển lúa mênh mông. Làng tôi không lớn, nhưng tất cả, tất cả đều gắn bó với tôi rất thân thiết và sâu sắc trong thời thơ ấu và niên thiếu. Tôi thuộc từng nét mặt người, từng mái nhà, xóm ngõ, từng

gốc cây, bờ ao, giếng nước... Sau này dù đi khắp nơi, mảnh đất chôn rau cắt rốn vẫn luôn hiện lên rõ nét trong tâm trí tôi với một nỗi nhớ da diết, cháy bỏng. Có một cây gạo cổ thụ cao vút, vượt khỏi những vồng tre giữa làng, mỗi độ xuân về nó đơm đầy hoa đỏ, rực rỡ giữa trời xanh.

Cây gạo ấy đã như một biểu tượng của làng tôi. Những khi đi xa về gần, cứ chợt thấy bóng dáng cây gạo từ xa, lòng tôi lại bồi hồi xao xuyến. Kia, làng tôi kia rồi...

Dưới lũy tre xanh, con đường làng hình thành tự nhiên từ những lối mòn ngoằn ngoèo, uốn lượn Khi trời mưa, đường trơn như đổ mỡ, lầy lội, bùn đất ngập ngang mắt cá chân. Một ngôi chùa nhỏ mái ngói rêu phong nằm cạnh đầu làng. Kỳ tuần rằm lễ tiết nào, mẹ tôi cũng

đưa tôi lên chùa lễ Phật. Nhờ năng đi lễ mà từ bé tí tôi đã thuộc hết từng cầu đối chữ nho ở đó.

Dân làng tôi quanh năm đầu tắt mặt tối, chân lấm tay bùn nhưng vẫn thiếu đói, rau cháo đắp đổi. Trừ một vài nhà thuộc diện địa chủ, phú nông, có nhà ngói cây mít, còn hầu hết đều mái tranh vách đất, dột nát, tồi tàn. Tuy thế trong cái cộng đồng nhỏ bé dường như yên bình này, hàng ngày, hàng giờ vẫn diễn ra bao nhiêu chuyện, bao buồn vui theo dòng đời của một xã hội thu nhỏ, mà tôi sẽ kể sau.

Làng Tường Vu nối liền với làng Lai Khê, có đường quốc lộ số 5, có đường sắt Hà Nội - Hải Phòng đi qua, có cầu và ga Lai Khê. Kế tiếp là làng Thanh Liên, có trường tiểu học Pháp-việt (Ecole Primaire) mở từ những năm 1924, trước cả

trường của huyện 4 năm. Ba làng chúng tôi hợp thành một xã, ngày nay gọi là xã Cộng Hòa. Do vị trí địa lý thuận lợi như thế nên quê tôi dù nghèo vẫn phảng phất chút văn minh đô thị, văn minh công nghiệp, cũng như sự nhậy cảm chính trị với tình hình thời cuộc, tạo điều kiện cho dân làng sớm tiếp cận các phong trào cách mạng trong từng thời kỳ lịch sử đất nước.

Trường tiểu học nơi tôi vỡ lòng có 2 cấp. Mỗi cấp học trong 3 năm. Học xong 6 năm, nếu thi đỗ và đủ 16 tuổi sẽ được bổ nhiệm làm hương sư ở các làng khác, trình độ gọi vắn tắt là đã có bằng "Séc"1 sau này ta dịch là "bằng sơ học bổ túc", qui sang hệ giáo dục của ta tương đương lớp 4. Tuy nhiên sức học thực tế của những người có bằng "Séc" (Certificat d'étude primaire complémentaire)

khá hơn lớp 4 hiện nay rất nhiều vì được học kỹ, học sâu, cả toán lẫn Pháp văn. Toán đã học đại số, ngoại ngữ thì những học sinh giỏi có thể giao tiếp, viết văn bằng tiếng Pháp được.

Cha mẹ tôi sinh cả thảy 10 lần, nhưng 6 người bị chết ngay từ nhỏ, còn lại hai trai, hai gái. Về kinh tế, gia đình tôi thuộc diện trung lưu. Xưa ông nội tôi dạy học ở nhà ông ngoại, dạy 2 con trai của gia đình ngoại học chữ Hán. Ông bà ngoại tôi cảm kích gả mẹ tôi cho con giai thầy đồ tức là bố tôi. Ông bà ngoại còn cho bố mẹ tôi 3 mẫu ruộng (mỗi mẫu là 3.600 m2) làm vốn. Khi tôi còn nhỏ, gia đình có điều kiện cho tôi đi học cùng với người anh ruột, hơn tôi 3 tuổi, nhưng cùng học một lớp. Sau 3 năm học, hai anh em tôi đều đỗ lấy bằng "Sơ học yếu lược". Thi chuyển cấp hai anh em cũng được

lên. Nhưng mới học nửa học kỳ, gia đình tôi gặp tai biến: Bố tôi thua bạc, bị gia đình Trưởng Cơ (Cơ Ký), một thương gia kiêm địa chủ ở thành phố Hải Dương lừa, chiếm mất 3 mẫu ruộng. Kinh tế bị sa sút, bố mẹ tôi buộc phải chuyển chúng tôi về học Hán tự (chữ Nho) để giúp thêm gia đình cày cấy, chăn nuôi, khắc phục hoàn cảnh khó khăn.

Hàng ngày, buổi sáng chúng tôi học chữ Nho, chiều giúp đỡ gia đình chăn trâu, nuôi lợn, nấu cơm, tát nước và học cày bừa, cấy gặt. Ngày còn theo học tại trường, tôi học khá, lại chăm chỉ, lễ phép, quý mến bè bạn, học bạ luôn được phê: "hạnh kiểm tốt và rất tốt; thông minh và rất thông minh (Bonne conduite et très bonne intelligence et très intelligent...), bởi vậy các thầy giáo đều tiếc cho tôi.

Các thầy khuyên tôi mượn sách vở

của người cậu họ và cháu họ để tiếp tục học thêm. Một vài tuần thầy giáo Nhất (thầy Phong - hiệu trưởng), và thầy giáo Nhì (Nguyễn Đình Tụng) cho phép tôi đến nhà để kèm cặp. Đặc biệt thầy giáo Tụng rất yêu quý tôi. Chính thầy giúp đỡ tôi giải 565 bài tính đố trong tập toán luyện thi sơ học yếu lược mà thầy là tác giả. Sách đã xuất bản vào cuối những năm 30 - 40 của thế kỷ 20, một cuốn sách được hầu hết thầy trò những lớp sơ đẳng năm thứ 3 các trường ưa chuộng, nhất là các tỉnh phía Bắc.

Thầy Tụng tham gia kháng chiến chống Pháp. Sau khi miền Bắc giải phóng, thầy về làm kế toán trưởng Trường Sư phạm miền núi, rồi được cử về làm cán bộ cải tạo công thương nghiệp ở thành phố Hải Phòng và được phân công về đơn vị tôi phụ trách. Thầy trò gặp nhau

tay bắt mặt mừng, nhưng "Thầy vẫn là thầy, trò vẫn là trò", tuy chức vụ nay đã khác xưa. Tôi lúc nào cũng giữ lễ độ như khi còn là đứa trò nhỏ, vẫn xưng "con" với thầy. Nhiều lần thầy bảo tôi: "Nay trò là thủ trưởng, thầy là cán bộ dưới quyền, xưng hô như vậy thầy thấy ngượng". Tôi phải giải thích mãi. Nhiều ngày chủ nhật thầy không về ngôi nhà 222 Hàng Bột, Hà Nội, thầy lại nhà tôi ăn bữa cơm "rau mắm", chia sẻ với chúng tôi hoàn cảnh kinh tế khó khăn lúc đó. Thầy trò lại được một dịp hàn huyên vui vẻ, ôn chuyện cũ. Cho đến năm 1982 thầy qua đời. Lúc đó tôi là Bí thư Thành uỷ Hải Phòng, tôi lên viếng Thầy với bao xúc động. Cả nhà, cụ bà và các em đều khóc. Ngày hôm đó thật là ngày đau buồn!

Do xuất thân từ gia đình nhà nho nông dân yêu nước, nay lại trở về học

chữ thánh hiền nhờ bác tôi và cha tôi dạy, được giáo dục theo "cửa Khổng, sân Trình" nên tôi thấm nhuần rất nhanh đạo đức Nho giáo. Để tôi có thêm ý thức về truyền thống gia đình, hai ông chú ruột con cụ nội tôi là cụ Đốc Khảm thường hay kể lại chuyện cụ tham gia phong trào Bãi Sậy, do chủ soái Nguyễn Thiện Thuật chỉ huy. Phó tướng thứ nhất kiêm Tham mưu trưởng là cụ Cử Đức. Chính cụ Cử từng ngồi dạy học ở nhà tôi 9 năm. Bên ngoài là dạy học, bên trong là chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy. Nhưng cuộc khởi nghĩa thất bại, các cơ sở ở Hưng yên bị phá gần hết, các cụ đều chuyển về nhà tôi ở Kim Thành với một số cơ sở ở Thanh Hà, ở Tứ Kỳ, cùng thuộc tỉnh Hải Dương. Mỗi khi có động, các cụ vượt sông Tường Vu, tức sông Rạng, sang Thanh Hà rồi đi Tứ Kỳ, tới một xã đảo trên sông Thái Bình ẩn

náu. Nghe cha tôi kể lại, trước khi cụ Tán Thuật - Nguyễn Thiện Thuật - tránh nạn sang Trung Quốc, cụ đã lưu lại nhà tôi hơn một tháng. Trong thời kỳ cụ ở đây, sự canh gác vô cùng cẩn mật. Ông nội tôi vừa là nghĩa quân Bãi Sậy, vừa là học trò cụ Cử Đức, có trách nhiệm bảo vệ, cắt người canh gác từ đường số 5 và chung quanh nhà tôi. Đường số 5 nếu vạch thẳng vào nhà tôi như con đường ngày nay chỉ có 400m, nhưng trước đây do dân cư không có quy hoạch, đường sá xấu, nên đi vào nhà tôi phải mất cây số rưỡi.

Sáng nào cụ Tán và cụ Cử cũng dậy rất sớm. Không có đồng hồ, các cụ dùng 3 nén hương đen, đốt hết là dậy, xem xét, nghe ngóng hiện tượng chim kêu, hót... để phán đoán tình hình. Có một buổi sớm tinh mơ, thấy con chim lợn

kêu éc éc ba tiếng rồi bay đi, các cụ liền cho chuyển địa điểm ngay. Thuyền các cụ sang Thanh Hà thì khoảng tám, chín giờ hôm đó lính Tây cùng Tri huyện Kim Thành kéo đến khám nhà tôi. Chúng lục soát nhưng không bắt được tang vật. Bọn lính lấy cắp mất một ít đồ đạc vải vóc rồi bỏ đi.

Sau khi cụ Tán Thuật đã lánh nạn sang Trung quốc, cụ Cử Đức đã ổn định chỗ ở, cụ nội tôi - cụ Đốc Khảm, lên Huyện kiện về việc lính đến khám nhà ăn cắp tài sản. Quan Tri huyện hồi đó cùng đỗ cử nhân đồng khoa với cụ cử Đức (tôi quên tên ông ta) nên rất nể cụ đốc Khảm, đã đền bù chức "Phó tổng" cho một người con trai cụ Đốc. Quan điểm của các cụ tôi lại là học hành thành tài chỉ đi dạy học, làm thuốc cứu dân độ thế, chứ không làm bất cứ chức sắc gì

để hợp tác với Pháp làm hại dân mình. Nhưng chức Phó tổng lúc đó cũng to, bỏ thì có người tiếc, nên các cụ bàn cứ để người cháu ngoại cụ Đốc, ông Nguyễn Văn Quốc, nhận chức đó, tạo thế hợp pháp che chở cho những người yêu nước và không được hà hiếp nhân dân.

Tôi học chữ nho gần 4 năm, học miệt mài. Cha tôi dạy: "Học phải như thiết như tha, như trác như ma, như nang huỳnh, như ánh tuyết" (có nghĩa học phải như mài, như dũa, như cắt, như cưa sắt, không có đèn dùng ánh sáng đom đóm, ánh trăng, ánh tuyết mà làm đèn học). Tôi thức khuya dạy sớm, nằm quỳ viết, hệt các nho sinh, sĩ tử ngày xưa. Nhờ dùi mài kinh sử, chẳng bao lâu tôi đã học hết Tứ thư, sang Ngũ kinh. Đặc biệt Kinh thi và Kinh Xuân thu (dạy cách trị quốc của phong kiến Trung Quốc) tôi

phải nhập tâm rất kỹ. Do nỗi ấm ức vì không có điều kiện theo học quốc ngữ tại trường nên tôi dồn hết khát khao vào việc đèn sách tại nhà. Bởi vậy sự tiến bộ của tôi khiến mọi người ngạc nhiên.

Nhưng cha tôi không mấy khi khen con trước mặt. Tôi chỉ nghe lỏm được một lần bác tôi, người cùng dạy dỗ tôi, nửa đùa nửa thật nói nhỏ với cha tôi:

- Tôi và chú đèn sách có dễ hơn hai chục năm, học qua các cụ Cử, cụ Tú, kể cả cụ Thủ Khoa Huân... nhưng xem ra ta sắp hết chữ dạy thằng bé. Đúng thế. Tôi thực sự lấy làm lạ thằng bé này1!

Nghe vậy, cha tôi gạt đi. Người càng tỏ ra nghiêm khắc rèn cặp tôi hơn trước.

Tôi còn nhớ có lần sau khi học xong hai quyển thuộc bộ sách Mạnh Tử, bác

và cha tôi bắt tập làm câu đối. Bác tôi ra vế:

"Sự Tề hồ? sự Sở hồ? Đằng Văn chi vấn thậm nan" (thờ vua nước Tề hay thờ vua nước Sở, vua Đằng Văn Công hỏi rất khó trả lời).

Tôi đối lại:

"Vi Tướng dã! vi Quân dã! Thứ dân diệc do bình dị?" (làm tướng, hay làm vua, người dân cũng coi là dễ)

Bác tôi khuyên son tất cả, lại khen niêm luật đủ. Nhưng bác chê tôi không trích được điển tích. Quan trọng nhất là khẩu khí tôi coi thường nhà vua, lời lẽ ấy ngày trước thi viết có thể bị chém đầu như bỡn. Tôi thấy ngại, xin thôi không tập làm câu đối nữa, chỉ tập viết, làm vài bài thơ hoặc bài phú ngắn đưa trình bác tôi xem cho vui.

Các bạn đồng học với tôi hàng ngày đọc thật to những sách Bắc sử, Minh tâm chính văn... (cách học ngày xưa bắt buộc phải gào toáng lên như vậy) Tôi có cái thú lắng nghe những tiếng ê a của họ rồi thuộc lúc nào không nhớ. Đối với tôi cũng là một trò chơi thôi. Ai ngờ đến nay đã hơn 60 năm, tôi vẫn còn thuộc lòng hàng trang những bài học cũ, nhất là những bài mang tính triết lý cao mà mình tâm đắc.

Đương nhiên những thể loại thơ Đường luật như "Thất ngôn bát cú" hoặc "Tứ tuyệt" bằng chữ Hán, tôi có thể làm trong mươi mười lăm phút. Khi cảm xúc dào dạt thì thơ cũng thấy hay hay, khi bị bắt buộc thì ý tứ cũng đủ, nhưng thường thôi, gọi là có!

Ông nội tôi, cụ Khóa Thản, đã mất sớm trước khi tôi ra đời. Nghe cha tôi

kể lại, cụ học giỏi, nhưng đi thi Hương ba, bốn bận chỉ đỗ đến "Nhị trường" vì "Phú" cụ kém. Ai đỗ "Tam Trường" thì giỏi là Cử nhân, trung bình là Tú tài (Cụ Thủ Khoa Huân người Nam Hà, trùng tên với cụ Thủ Khoa Huân ở Nam Bộ; cụ có thời ngồi dạy học ở nhà tôi.). Cụ Khóa Thản dạy học ở nhiều nơi trong tỉnh, trong huyện. Học trò cụ khá đông. Cùng với số học trò cụ Đốc Khảm, thân sinh của cụ, cộng lại môn đồ hai cha con cụ có tới hàng trăm người. Tôi là cháu chắt nội các cụ, được thơm lây, đi đến đâu đều được trọng vọng, quí mến.

Ngoài ra tôi có hai ông chú ruột là cụ khóa Đôi và cụ Lý Xá. Cụ Lý Xá chỉ là con nuôi cụ Đốc tôi, gọi cụ bằng chú rể. Cụ Lý Xá học hành rất sáng dạ nên sau cũng dạy học và làm thuốc, làm thầy địa lý, xem số tử vi. Có bận hai cụ đem lá số

của tôi ra chấm, tấm tắc khen tôi có số làm quan to. Cha tôi nghe thấy gạt đi, ý không muốn nhắc tới chuyện đó.

Cha tôi là người hiền lành, ít nói, sống thì trên kính dưới nhường, không to tiếng với ai. Đối với con cái cha rất hiền từ, dạy bảo nhỏ nhẹ. Mỗi khi anh em tôi sai quấy, ông chỉ tỏ vẻ khó chịu trên nét mặt, "chặc, chặc..." vài tiếng. Tuy cha không nói gì thêm, nhưng chúng tôi đều rất sợ và kính nể, cố không để cha phật lòng. Anh chị em tôi bảo ban nhau chăm học, chăm làm cho bố mẹ vui lòng, chỉ mong gia đình hòa thuận, êm ấm.

Có điều cha tôi thích chơi tổ tôm. Ông có thể đánh bài thông hai ba ngày liền. Nhưng ông đánh rất thấp, mười lần thua đến chín. Rút cục ông thua nhiều, mắc nợ, phải gán ruộng... Lần ấy ông phải viết giấy tạm gán (đoản mại) 3 mẫu

ruộng, nhưng họ lừa ông, bảo viết giấy bán đứt (đoạn mại), ông cũng nghe theo. Do đó gia đình tôi bị nhà tư sản kiêm địa chủ ở Hải Dương là Trường Cơ chiếm đoạt mất 3 mẫu ruộng kể trên. Gia đình khánh kiệt. Mẹ tôi tiếc của, khóc lóc không nguôi. Bà quyết định lên tận Hải Dương vạch mặt đôi co với vợ chồng Trưởng Cơ. Nhưng bà yếu thế chẳng làm gì được họ.

Đau khổ quá, khi trở về đến cầu Phú Lương bà định nhảy xuống sông Thái Bình tự vẫn. Lúc đó mẹ tôi đang mang thai em út tôi (cô Vinh, nay gần 70 tuổi). Nhìn xuống bụng, mẹ tôi thương con đứt ruột, đành gạt nước mắt trở về... Gia đình xúm vào khuyên can, an ủi mãi nên mẹ tôi mới từ bỏ ý định tự tử.

Trong những năm vừa học Hán tự vừa tập làm nghề nông, từ cày bừa, cấy

gặt, xay lúa giã gạo đến nghề mà nhiều người sợ mất vệ sinh không dám làm như gánh phân và rải phân "bắc" ra ruộng tôi đều làm cả.

Năm 13 tuổi, tôi bàn với anh giai là Đoàn Hữu Hòe rằng phải thay đổi cách làm ăn mới mong khá được. Cau quá già cỗi, không ra quả phải phá bỏ. Ngoài đồng cấy một vụ lúa rồi trồng khoai lang nuôi lợn. Đan thuyền chở lúa không phải gánh, vừa nhẹ, vừa không mất tiền thuê. Tôi còn vận động anh rể đi cày cùng anh Hòe, thực sự làm ruộng, cấy thuê cho Trưởng Cơ. Hai em gái tôi cắt cỏ chăn trâu.

Sau vài năm vất vả, kinh tế gia đình đã khá lên, nghĩa là đủ cơm ăn hai bữa sáng, trưa, tối nhịn. Những năm mất mùa, tháng ba ngày tám mới phải ăn bữa cơm bữa cháo. Tuy thế vẫn sướng hơn

nhiều gia đình trong làng, họ chỉ ăn rau cháo, khoai lang, củ chuối... Có buổi tối bố mẹ tôi bắt học khuya, đói quá, anh em phải chia nhau đứa hái ngọn khoai, đứa sắp nồi nấu, nêm ít mắm muối, mỗi người một bát ăn cho ấm bụng rồi lại học. Sáng sớm đã phải dạy đọc bài cho bố tôi và bác tôi nghe, xong anh em chia nhau nấu cơm, nấu cám lợn... sau đó người đi học, người ra đồng, ai vào việc nấy. Cha tôi không làm chức sắc gì, nhưng vẫn được vì nể, bởi họ Đoàn cũng là họ lớn, cùng với họ Nguyễn chia nhau các ngôi thứ trong làng. Nếu hai họ không hòa thuận tất sinh ra mâu thuẫn, kiện cáo, đánh nhau, hằn thù liên miên, năm này qua năm khác... Chỉ đến Cách mạng tháng 8-1945 mới tạm chấm dứt hận thù giữa hai họ. Tôi là người góp phần quan trọng vào việc hòa giải từ ngày đó cho tới tận hôm nay... và mãi mãi mai sau...

Về điều này có nhiều chuyện ly kỳ, thậm chí man rợ. Ông bác họ tôi làm Tiên chỉ (cụ Bá Xừ) cũng là thầy dạy chữ Nho cho tôi, ông kể: "Khi ông tranh nhau chức Lý trưởng cùng với người em con bà cô ruột là ông Bá Ngôi, do lòng căm ghét ông đã đi thuê một thích khách về giết em họ. Người thích khách ẩn ở nhà bố vợ ông Bá Xừ, nơi ông nội tôi ngồi dạy học. Do đó ông tôi phát hiện ra người thích khách. Ông tôi vội gọi ông Bá Xừ đến khuyên ngăn, giảng giải về đạo đức, nhân nghĩa ở đời. Rằng họ Đoàn chuyên làm điều thiện không làm điều ác, thất đức. Ông tôi là thầy dạy ông Bá Xừ nên lời khuyên can đó có kết quả. Ông Bá Xừ mới bỏ ý định giết ông Bá Ngôi. Tuy nhiên hai họ không hết kình địch nhau, vẫn tìm cách tiêu diệt nhau nếu có cơ hội".

Lại năm 1940, chú họ tôi là Đoàn Hữu Lộng, vừa tham gia phong trào khởi nghĩa Bắc Sơn về nhà vào đêm 14-8 âm lịch, sáng hôm sau là ngày rằm tháng 8, ông đã bị tên Két-may, Chánh mật thám tỉnh Hải Dương cùng Tri huyện Kim Thành Phạm Gia Hệ đem một trung đội lính khố đỏ vừa Tây vừa ta về bao vây, bắt ông. Chúng còng tay ông, giải luôn lên tỉnh. Qua tin tức mật, được biết chính Chánh hội Hổ, con ông Bá Ngôi, báo cho viên cai trạm Bưu điện Lai Khê để y báo cho mật thám Hải Dương về bắt ông Lộng.

Khi Cách tháng 8 thành công, ông Đoàn Hữu Bảy, em ruột ông Lộng, lúc này là cán bộ Việt Minh bị truy nã, dăm sáu năm không dám công khai về nhà. Ông Bảy có ý muốn trả thù ông Nguyễn Văn Hổ (Chánh hội Hổ). Tôi vội can

ngăn. Trả thù sẽ khiến hận thù kéo dài mãi mãi, không bao giờ chấm dứt. May mà ông Bảy nghe lời tôi.

Cuối năm 1946 giặc Pháp trở lại chiếm đóng quê tôi. Trong một cuộc diệt tề phản động, ta bao vây bí mật bắt tên trùm phản động đầu sỏ đến đánh bạc tại nhà Chánh hội Hổ. Lúc đó ông Hổ đang đánh bạc cùng tên này. Một người cháu họ ông Hổ giương súng định bắn luôn ông ta. Tôi vội ngăn lại nên ông Hổ thoát chết. Từ đó ông Hổ theo hẳn Cách mạng, ra vùng tự do. Ông được học tập ít lâu rồi trở về hoạt động vùng tạm chiếm, trở thành Đảng viên, làm đến Bí thư chi bộ. Khi ông Hổ bị địch bắt, bị tra tấn, ông không khai, không hợp tác với địch. Ông được nhân dân và Đảng viên quê tôi tín nhiệm, sống trọn đời, hơn 80 tuổi mới mất. Con cái ông sau này đều đi theo

Cách mạng đến cùng và đời sống cũng khá giả. Sinh thời ông hay kể lại chuyện cũ, nói rằng rất biết ơn tôi.

Có thể nói sự tranh giành quyền lực gay gắt giữa bọn kỳ hào lý dịch ở nông thôn hồi ấy, cảnh chèn ép lẫn nhau đến mức tàn khốc đã gây ấn tượng rất sâu sắc trong thời niên thiếu của tôi. Đặc biệt là việc nhà tôi cấy ruộng "tô" cho địa chủ Trưởng Cơ. Sau mỗi vụ, bà Trưởng Cơ cùng gia nhân đến thu tô từng nhà. Đó thật sự là một ngày khủng khiếp... Họ kéo tới hàng chục người, do viên đồ tể Tuần Ca cầm đầu. Họ bước vào, thấy chưa kịp mở cửa buồng cho họ xúc thóc ra đong, viên tuần Ca xông tới đạp tung cửa buồng. Trông mặt mũi ông ta thật hung bạo... Cả nhà tôi cùng khóc. Riêng bố tôi, ông ngồi im ở một góc giường, nhắm mắt suy nghĩ. Còn mẹ tôi vừa khóc, vừa

giằng co với họ, cãi nhau chuyện đong đầy, đong vơi (lúc đó đâu có cân để cân thóc).

Không những thế, tôi còn bị địa chủ Trưởng Cơ nghi cho viết lên kho thóc nhà y ở thôn Thanh Liên, chửi y và ông chánh tổng H. Ông H là thông gia với y, nên một buổi sáng, tôi đi đến trường tiểu học Thanh Liên, bị ông H cùng với người đầy tớ túm áo, bắt vào nhà tra hỏi. Tôi hoàn toàn không làm việc này, bị oan ức, tôi kêu khóc rất to. Ba thầy giáo: Thầy Phong, Thầy Tụng, thầy Phi cùng đến can thiệp, và nói: "Cháu là học trò có hạnh kiểm tốt, không bao giờ viết bậy như vậy". Ông H. vừa tức vừa thẹn thùng, tha tôi ra. Khi tôi đến trường, thầy Hiệu trưởng tỏ thái độ bực tức, nói trước học sinh: "Đồ bắt nạt trẻ con..." rồi thầy vẫy tay bảo tôi vào học... Đến nay

tôi còn nhớ như in nét mặt, thái độ của thầy Phong - thầy Hiệu trưởng lúc đó, với tấm lòng cảm kích.

Về quan hệ họ tộc, ông H., vợ ông với cha tôi là con cô con cậu ruột. Vợ ông là cháu ngoại cụ Đốc. Gia đình ông còn phải đóng giỗ Tết với gia đình tôi. Bởi vậy hôm sau mẹ tôi ra tận nhà ông Chánh H. trách móc ông gay gắt. Đến những năm 1944-1945 phong trào cách mạng đang lên, ông H. biết là làng tôi có Việt Minh bí mật, và hai ông Đoàn Hữu Lộng, Đoàn Hữu Bảy đã xuất hiện về làng công khai, nên ông H lo xa. Ông hay đến nhà tôi chơi. Khi ông ta qua rẻo ruộng gặp tôi đang tát nước, làm ruộng... mặc dù tôi mới 14, 15 tuổi nhưng đã lớn, ông dừng lại nói chuyện với tôi, khen ruộng này, ruộng kia lúa tốt, khen tôi học thông minh, hay làm và thân mật

xưng "bác" với tôi. Ông nói "Bác sẽ làm mối cho cháu lấy H". Đó là con gái ông Giáo Q. em ruột ông H. Cô H. cùng học với tôi một lớp, sau cũng đi hoạt động cách mạng tích cực. Cô đẹp gái, nết na, đúng bản chất con nhà giáo, thuỳ mị dễ thương. Nhưng không may mẹ cô bị tai nạn giao thông, do ta đánh mìn đường 5 tàu đổ, cô phải trông nom đàn em nhỏ, không tiếp tục tham gia cách mạng được lâu dài... Cô cũng không đi lấy chồng, nay vẫn sống độc thân ở thành phố Hồ Chí Minh. Sau ngày thống nhất, cô H. ra Hà Nội, Hải Phòng thăm tôi mấy lần. Khi nhà tôi qua đời năm 1999, cô có viết cho tôi một lá thư dài, kể lại quãng đời của cô và lý do không đi lấy chồng. Còn giữa tôi và cô H. không có sự gặp gỡ hứa hẹn gì, nhưng trong lòng, theo ý riêng tôi thì hai người đều kính trọng nhau về

phẩm chất và tình bạn học, bạn làm cách mạng.

Đối với ông Chánh H. Sau cách mạng tháng 8-1945, gia đình ông có nhiều người tham gia cách mạng và trưởng thành, tôi đối xử với ông đúng mực, không có hận thù gì để lại trong tôi. Kể cả con cái ông bà Trưởng Cơ khi cách mạng thành công, kháng chiến bùng nổ, chạy về làng tôi và sang huyện Thanh Hà tản cư, tôi đều thu nạp họ vào các đoàn thể quần chúng.

Từ những năm tôi mới 13-14 tuổi bố mẹ tôi đã ép lấy vợ. Bảo tôi lấy ai tôi cũng từ chối. Đến năm tôi 15-16 tuổi, gia đình đã đi hỏi vợ cho tôi tới 6, 7 chỗ, nhưng tôi không ưng ai cả, cho là mình còn ít tuổi, còn ăn bám gia đình, chưa có khả năng tự lập để lấy vợ. Phong tục "tảo

hôn" đã làm tôi rất phiền lòng. Anh Hòe lấy vợ từ năm 16 tuổi và đã có con. Trong làng vào độ tuổi tôi đều có gia đình cả, nên tôi cũng thấy lẻ loi, nhưng vẫn quyết tâm chưa lấy vợ. Có lần bị sức ép quá, tôi doạ nếu cứ tổ chức cưới, tôi sẽ tự tử. Từ đó cha mẹ tôi không dám ép nữa. Có ai nói tới việc này, cha mẹ tôi chỉ trả lời: "Tùy ý cháu..."

Trong những tháng năm như vậy, ông Đoàn Hữu Lộng đã mãn hạn tù, thường đến nhà tôi chơi, tuyên truyền về Cộng sản, về Việt Minh với cha tôi và anh em chúng tôi. Trong lúc suy nghĩ mông lung của tuổi đang lớn, tôi gặp rất nhiều xu hướng tư tưởng khác nhau của những người trong họ tác động. Ông anh Đoàn Hữu Xừ thì khuyên tôi cố gắng học hành để làm lý dịch. Sống ở làng, không có chân lý dịch dễ bị khinh rẻ. Rồi anh lấy

việc ông Nguyễn Văn Hổ khi làm Chánh hội đã đến gọi cha tôi đi đắp đê vì không đủ thóc đóng cho làng. Chú họ cha tôi là cụ Lệ Tố (Đoàn Hữu Sóng) bảo cha tôi: "Lấy váy đàn bà mà mặc". Cụ Lệ Tố đâu biết do lời nguyền từ thời cụ Tán, cụ Cử, cụ Đốc... "không hợp tác với thực dân Pháp", nên tuy cha tôi là đại biểu họ Đoàn (gọi là tộc biểu) ông không chịu ra làm Chánh hội, mà ký cho ông Nguyễn Văn Hổ làm chức đó. Cụ Lệ Tố nói nặng lời như vậy, cha tôi chỉ lặng im, không nói lại gì cả.

Lúc đó anh Đoàn Hữu Xừ thường tâm sự với tôi: "Làm Cách mạng mình không có tài, ra thành thị mình không có nghề, còn ở lại nông thôn thì phải làm chức lý dịch mới không bị chèn ép...".

Đến năm 1944 cuối cùng anh Xừ cũng chạy được làm chức Phó lý. Sang

năm 1945 Cách mạng tháng 8 bùng nổ, mọi chức sắc kỳ hào lý dịch làng Tường Vu đều bị xóa bỏ. Lúc đó anh Xừ nói với tôi:

- Tôi hơn chú hơn hai mươi tuổi, nhưng tôi dại hơn chú!

- Đến năm 1987, anh ốm nặng, tôi đến thăm anh, anh Xừ lại nhắc:

- Khi ấy chú còn trẻ, nhưng chú thông minh và khôn hơn tôi nhiều!

- Tôi chỉ cười trả lời anh:

- Anh theo thời, tôi gặp thời, chứ khôn thì chưa chắc ai đã khôn hơn ai.

Lúc đó tôi đang là Phó Thủ tướng. Anh vui vẻ bảo tôi:

- Không, chú thức thời, anh xu thời mới đúng!

Cả hai anh em cùng cười xoà. Ai ngờ tháng sau anh tôi qua đời. Anh thọ 80 tuổi.

Chương 2

THAM GIA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VÀ KHỞI NGHĨA THÁNG 8 NĂM 1945

Trong những năm 1943-1944 phòng trào Việt Minh bí mật đã có cơ sở ở xã tôi. Ông Đoàn Hữu Lộng sau khi được tha từ Hoả Lò về, ông Đoàn Hữu Bẩy sau một thời gian bị truy nã, phải đi trốn tránh biệt tích, nay đã bí mật trở về xã hoạt động. Hai ông xây dựng được một vài cơ sở là ông Đoàn Hữu Thụ, ông cụ Xu... ở Thanh Liên, anh Nguyễn

Huy Hoàng tức Chương cũng được tha từ Hoả Lò về. Cụ Trần Cung, tức Giáo Cư, thỉnh thoảng cũng về ở nhà cụ Xu và con cụ là anh Xi để chỉ đạo phong trào.

Những năm tháng trước và sau khi bị bắt, ông Đoàn Hữu Lộng thường xuyên đến nhà tôi vào buổi tối để nói chuyện về Chủ nghĩa cộng sản, về Việt Minh, về lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Có cả ông Ký Hãnh chú họ tôi cũng đến nghe. Nhiều bữa chúng tôi trao đổi trò chuyện đến 1, 2 giờ sáng hôm sau mới về.

Câu chuyện chủ yếu là Thế chiến thứ II, Nhật xâm chiếm Đông Dương, Đức đánh Nga-Xô, mặt trận đồng minh đánh phát xít, các trận Đức tấn công Mát-cơ-va, Nhật đổ bộ lên Tân Gia Ba (Singapore)... Thế mà đêm này qua đêm khác, khi ông Lộng kể, khi ông Bẩy kể, chỉ có uống nước chè tươi nhưng ai cũng say

sưa nghe và trao đổi thâu đêm suốt sáng.

Hết kể chuyện mới, lại nói đến chuyện Đông Kinh Nghĩa Thục, phong trào khởi nghĩa Bãi Sậy - Hưng Yên; khởi nghĩa Yên Thế - Bắc Giang của cụ Đề Thám, rồi chuyện cụ Phan Chu Trinh, cụ Phan Bội Châu..., rồi lại đọc thơ của các cụ. Tôi còn nhớ mấy câu thơ kêu gọi nhân dân đứng dậy chống Pháp của cụ Phan Bội Châu mà ông Đoàn Hữu Bẩy hay đọc: "...Sống như thế sống để sống nhục, sống làm chi cho chật non sông. Thà rằng chết quách cho xong, cái thân nô lệ làm chi cho rầy...". Tôi cũng thích đọc đoạn đó. Mẹ tôi bảo: "Thằng này chán đời hay sao mà đọc câu ấy...". Tôi đọc cả bài cho mẹ tôi nghe và nói của cụ Phan Bội Châu. Mẹ tôi bảo: "Thơ này của hội Trống, hội Kín đấy. Tây nó cấm, lý dịch họ nghe thấy báo Tây về bắt thì sao?". Tôi bảo mẹ:

"Bây giờ không sợ thằng Tây nữa. Nhật nó đánh cho Tây thua chạy hết rồi, chỉ còn Nhật đến bắt dân mình trồng đay, thu thóc thuế cao của dân để đánh nhau. Ta phải đánh Nhật thôi". Mẹ tôi hỏi lấy gì mà đánh? Tôi bảo có cụ Nguyễn Ái Quốc. Mẹ tôi lại hỏi, cụ Nguyễn Ái Quốc là ai? Tôi trả lời: "Mai hỏi ông Lộng...".

Trong những ngày đó tôi suy nghĩ rất nhiều và rất thích nghe ông Lộng kể chuyện. Ông biết võ, nói chuyện rất vui, tuy học ít nhưng thông minh, biết làm thuốc bắc, đặc biệt là tư cách ông đàng hoàng, dễ gần. Tôi rất kính trọng ông. Nhất là hôm rằm tháng 8 âm lịch 1940, khi tôi đi học về, gặp bọn mật thám Tây và Viên Tri huyện xích tay ông giải lên tỉnh, hai cổ tay bị xích, hai cánh tay bị trói, mặc cái quần trắng "xáo lòng" và cái áo sơ-mi xanh, ông đi rất đàng hoàng. Theo

thường lệ tôi cúi đầu chào ông, ông mỉm cười và gật đầu. Tên Chánh mật thám Két-may cũng gật đầu. Y tưởng chúng tôi chào y và y nói tiếng Việt ngọng nghịu: "Học trò tốt, tốt...".

Năm 1944 mất mùa, lúa gặt về chẳng được mấy. Khi trả thóc tô cho địa chủ Trưởng Cơ, lại bị Lý trưởng Nguyễn Văn Gia kê man diện tích cho gia đình tôi phải đóng khống 1 tạ thóc (100 kg). Do đó gia đình đời sống khó khăn. Tôi nói chuyện này với ông Lộng. Ông Lộng bảo tôi viết đơn kiện Lý Gia lên Công sứ Hải Dương. Tôi viết đơn và đưa mẹ tôi lên Tỉnh, đến dinh Công sứ. Lần đầu tiên tôi theo mẹ vào đấy, thấy mẹ phải bỏ một đồng Đông Dương cho viên Thư ký thường trực, ông ta mới đưa cho một con tem dán vào góc đơn.

Mẹ con tôi bước vào căn phòng rộng

lớn, thấy viên công sứ Mát-xi-mi (Massimie) ngồi ở giữa, trước cái bàn lim rất to. Viên Công sứ nhận đơn, hỏi qua loa mấy câu, rồi bảo sẽ xét đơn. Mẹ con tôi đi ra thì gặp 2 người "ăn xin" đệ đơn vào. Viên công sứ hỏi: "Ai xui chúng bay". Hai người "ăn xin" nói: "không có ai xui cả. Vì đói quá đến xin quan lớn cấp cho ít tiền và gạo". Mát-xi-mi hất hàm đuổi về bảo quan lớn sẽ xét và lệnh cho viên thư ký bóc con tem trả lại người thư ký bán tem ngồi ngoài, rồi lấy lại một đồng Đông Dương trả hai người "ăn xin", không đóng dấu vào con tem như đơn kiện của mẹ tôi.

Hai mẹ con tôi ra về, tôi kể chuyện cử chỉ của công sứ Mát-xi-mi cho ông Lộng nghe. Ông bảo đó là cách mị dân của thực dân Pháp, bề ngoài tỏ vẻ lương thiện nhưng bên trong cực kỳ gian ác.

Khi Nhật đảo chính, Mát-xi-mi bị Nhật bắt giam, đến cách mạng tháng 8-1945 ta tha hắn, hắn về Hải Phòng với thân phận là Pháp kiều.

Tháng 12-1946 Pháp chiếm Hải Phòng, quả nhiên Mát-xi-mi được cử làm Đốc lý Hải Phòng và đeo lon thiếu tá, tiếp tục đàn áp nhân dân ta. Còn Lý Gia không chịu trả lại nhà tôi một tạ thóc, mà ông ta trừ vào số thóc thuế vụ mùa sau vụ tháng 10 năm 1944.

Hai ông Lộng và Bẩy rất quí tôi. Tuy ít tuổi nhưng trong những câu chuyện trao đổi tôi thường có những câu hỏi, những nhận xét sắc sảo được các ông cho là tinh ý. Do đó hai ông thường bảo tôi lại nhà chơi, giảng giải về nguyên nhân vì sao ta phải làm cách mạng phải đánh Nhật, Pháp, giành độc lập, không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ cho

ngoại bang. Ông Lộng hiểu sâu, lại có văn hóa hơn ông Bẩy, được đào tạo qua nhà tù Hoả lò, được đồng chí Đặng Việt Châu giao công tác sau khi ra tù, nên ông phân tích có tình có lý, với giọng nói thuyết phục, ai nghe cũng thích, nhất là lớp thanh niên chúng tôi. Ông bảo muốn đánh được Nhật - Tây phải tổ chức nhau lại thành đoàn thể, đoàn kết muôn người như một, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh do cụ Nguyễn Ái Quốc là lãnh tụ của Mặt trận. Sau đó ít lâu, thỉnh thỏang ông giao việc cho tôi, như đến nhà người này, người khác, chuyển thư cho ông, đặc biệt là theo rõi bọn Lý dịch trong làng xem họ có hành động ám hại hai ông không. Khi có cán bộ về làng, ông thường giao cho tôi canh gác. Nhất là khi cụ Trần Cung về hoạt động, nghỉ tại nhà cụ Xi, ông bảo tôi:

"Có ông Giáo về chơi, cháu ra ngoài Lai Khê, tìm cách đến nhà cai trạm bưu điện Lý Đờn, ga Lai khê, xem có tin tức và động tĩnh gì thì tìm mọi cách báo về cho chú biết".

Ông hướng dẫn, dặn dò tôi cách đi lại, và những ám hiệu cần thiết để thông tin nhanh về nhà. Tôi làm rất chu đáo nên ông đã giới thiệu tôi cho cụ Trần Cung biết.

Đầu thập kỷ 40 của thế kỷ 20, quân Nhật sau khi chiếm Lạng Sơn, đổ bộ lên Hải Phòng qua đò Khuể, Kiến An, tấn công chiếm thành phố Hải Phòng. Nhật chỉ thả 3 quả bom rồi kéo bộ binh vào thành phố. Thực dân Pháp ngay lập tức đầu hàng, giao thành phố cho phát xít Nhật. Tôi nhớ lúc đó máy bay Nhật đã thả màn khói, khi khói tan thì rất nhiều hình máy bay trong khói hiện ra. Chúng

thả từ Hải Phòng, các hình máy bay bằng khói bay tới Hải Dương. Chính mắt chúng tôi trông thấy hàng đàn máy bay rồi chốc lát tan biến. Bấy giờ chúng tôi mới biết là Nhật tung hoả mù để doạ quân đội thực dân Pháp.

Sau khi chiếm Hải Phòng, bộ binh Nhật kéo từ Hải Phòng chiếm thành phố Hải Dương (thời thực dân xâm chiếm Hải Dương, thị xã cũng đã được gọi là thành phố như ngày nay). Từ Lạng Sơn quân Nhật kéo về chiếm Hà Nội. Dân ta từ đó một cổ hai tròng. Thực dân Pháp đầu hàng dâng nước ta cho Nhật, Nhật vẫn dựa vào chính quyền tay sai của Pháp và do Pháp điều khiển để bóc lột nhân dân ta. Chúng bắt người dân nhổ lúa trồng đay để làm nguyên liệu cho chiến tranh. Mỗi nơi trồng đay chúng đều có một tên sĩ quan Nhật cùng với bọn kỳ hào, chánh

phó tổng, thúc ép nhân dân trồng và thu đay, để vào kho rồi chuyển đi.

Khu vực Lai Khê có viên trung uý Nhật tên là Trường Sơn cai quản với người vợ là gái điếm.

Hắn chiếm một gian nhà của ông Khách Làm (Thịnh Phong) ở ga Lai Khê làm nơi ở và làm việc.

Hàng ngày lý dịch các làng chung quanh phải đến báo cáo với y. Con vợ y môi son, má phấn, hét ra lửa. Các viên kỳ hào lý dịch gặp "thị" cúi đầu chào, thưa bẩm "bà lớn", trông rất nhục nhã. Ông Đoàn Hữu Lộng, ông Bẩy, anh Hoàng... đem những hành động dã man của giặc Nhật, sự hèn nhát của bọn công sứ Pháp, lính Pháp để phân tích cho nhân dân biết, kích động nhân dân đứng dậy lật đổ cả Pháp và Nhật, giành độc lập cho

Tổ quốc. Bất cứ một hành động xấu xa đê tiện nào của chúng đối với nhân dân ta đều được thu thập và truyền miệng trong nhân dân...

Phát xít Nhật chiếm đến đâu là đóng quân đến đó. Ga Lai Khê thuộc xã tôi có 3 tên lính Nhật gác; cầu Lai Vu có một trung đội. Khi máy bay đồng minh bắt đầu thả bom đánh phá cầu Lai Vu, phá đầu tầu xe lửa đậu ở ga Lai Khê thì nhân dân xã tôi lại phải gánh chịu hậu quả, một người chết và một số người bị thương. Ga Lai Khê bị phá, cầu Lai Vu bị đổ, Nhật bắt Pháp phải làm cầu tạm bằng gỗ.

Máy bay của đồng minh bắt đầu oanh tạc Hải Phòng, Hải Dương. Chẳng mấy ngày chúng tôi không được xem máy bay đồng minh và máy bay Nhật đánh nhau bay qua làng tôi. Lúc đó hiểu

biết quá kém, nên trên trời máy bay đánh nhau, chúng tôi ở dưới ngửa mặt lên xem, không những thế, còn reo hò nữa. Có lần tôi đang tát nước ở ruộng, máy bay "Đồng Minh" ném bom ga Lai Khê, văng cả mảnh bom xuống ao và ruộng, tôi còn nhặt mấy mảnh bom, cũng chẳng thấy sợ. Do không hiểu biết, chúng thả bom trên trời mặc chúng, mình cứ tát nước. Sau này mới được phổ biến là nó thả bom, mình phải nằm xuống...

Một hôm máy bay "Đồng Minh" thả bom ở Hải Phòng, trên đường bay về Côn Minh Trung Quốc, bị 4 máy bay khu trục của Nhật đuổi đánh. Chúng tôi được tận mắt nhìn chiếc máy bay thả bom to kếch sù, còn 4 máy bay Nhật nhỏ xíu như những con "nhạn" đánh nhau với "diều hâu". Nhưng "diều hâu" bị thương, bay lướt qua xã tôi và rơi xuống huyện Nam

Sách, cách xã tôi khoảng 8 km. Hôm sau chúng tôi kéo nhau đi xem máy bay rơi. Lúc đó mới biết máy bay là thế nào. Sao nó to thế!

Người ước nó bằng cái đình, người bảo nó to bằng cái nhà gỗ lim 5 gian... Nhân dân kéo nhau đi xem bàn tán, người ca ngợi "Đồng Minh", người ca ngợi Nhật, đủ thứ luận điệu khác nhau. Nhưng từ khi Liên Xô tham chiến, chiều hướng dư luận ngả hẳn sang khen Đồng Minh giỏi, sẽ chiến thắng, còn phát xít Đức, Ý, Nhật sẽ thua.

Những hành động hung bạo ngông cuồng của phát xít Nhật dạo đó hay được bọn tay sai thổi phồng lên. Nào là quân Nhật hùng mạnh, chiến đấu gan dạ, đánh đâu được đấy... Trong một buổi nghe ông Lộng nói chuyện, tôi thắc mắc hỏi ông:

- Người ta bảo quân đội Nhật gan dạ, sao họ phải xích chân lính vào súng ở cầu Lai Vu kia?

Ông Lộng bảo:

- Họ tuyên truyền Võ sĩ đạo của Nhật dũng cảm, dám hy sinh liều chết để bảo vệ Nhật Hoàng, để nước "Mặt trời" sẽ không bao giờ lặn... làm được việc đó chỉ có một số ít người do cuồng tín, bị mê hoặc đến mông muội... Còn đã là người ai không ham sống sợ chết? Cổ nhân có câu "Nhân giai uý tử cầu sinh". Lính Nhật cũng sợ chết, vì họ chỉ là người dân bị bắn đi lính, họ chẳng có lý tưởng gì. Nay cả sĩ quan lẫn binh lính Nhật đều bị xích chân vào cỗ súng bắn máy bay là để buộc họ phải bắn trả. Nếu sợ quá bỏ chạy không bắn thì máy bay Đồng minh sẽ bỏ bom chết hết. Nếu bắn mạnh còn có hy vọng máy bay mải tránh đạn, bỏ

bom bị chệch, hoặc không dám đến gần cầu, họ có cơ may thóat chết.

Đó là lý do vì sao tụi Nhật phải xích chân lính vào cỗ pháo bắn máy bay.

Sau đó chúng tôi thỉnh thỏang lên Hải Dương, qua hai cầu Lai Vu và Phú Lương, trông thấy các vị lính của "Thiên Hoàng" đầu đội mũ "đầu lốc", mắt một mí, tay bưng cơm mà chân vẫn bị xích, trông thảm hại, rất buồn cười...

Nạn đói khủng khiếp

Năm 1944 và đầu năm 1945, khi Đại chiến Thế giới sắp kết thúc, phát xít Nhật và thực dân Pháp càng tăng cường đàn áp, bóc lột nhân dân ta. Ruộng đất bị chiếm để trồng đay, diện tích cấy lúa còn rất ít, thóc thuế bị thu rất nặng, nên thóc dự trữ trong nông dân không có. Một

số địa chủ đầu cơ ghìm thóc chờ giá cao mới bán, hơn nữa có bán ra nhân dân cũng không có tiền để đong.

Cuối năm 1944-1945 rét rất đậm, phá hoại nhiều hoa màu, ngô, khoai... không mọc lên được. Đến rau muống, rau má cũng bị tàn lụi. Đầu Xuân Ất Dậu (1945) bắt đầu thấy ăn mày, ăn xin khắp nơi đổ về ga Lai Khê, nằm rải rác dọc đường số 5 và đường 186 từ ga đến nhà thương, đến trường Thanh Liên. Sau Tết âm lịch đã thỉnh thoảng có người chết đói nằm ở dọc đường. Nhưng đến tháng 2,3 âm lịch thì ăn mày kéo về càng đông và người chết đói càng ngày càng tăng, từ 3-4 người/ngày rồi lên 8-9 người/ngày. Sang đến cuối tháng 3 đầu tháng 4, có ngày lên đến hơn 10 người chết! Thật là khủng khiếp!

Trước tình hình đó, những cơ sở

Việt Minh bí mật, dưới sự chỉ đạo của ông Lộng, ông Bẩy và anh Hoàng đã vận động thanh niên cùng với chính quyền xã của Nhật - Pháp tổ chức đi chôn cất những người chết đói, vận động những người hảo tâm cho gạo, khoai, ngô, cám... rồi nấu cháo cứu những người còn sống... Có những cảnh chết đói tôi được chứng kiến đến nay nghĩ lại vẫn còn rùng rợn, rơi nước mắt: những em bé cứ ngậm nhay mãi vú mẹ, trong khi người mẹ đã chết từ bao giờ; hay cảnh con chết đói, bố đem con nấu cháo ăn ở Miễu Quỳnh (làng Quỳnh Khê). Khi Tri huyện Nguyễn Bích Liên bắt người bố giải về đến huyện thì người bố cũng lăn ra chết.

Lúc đó người chết thường hai ba ngày sau mới được chôn, hầu hết chỉ bó chiếu, chôn vài người một hố. Lại nhiều

khi không thể dùng cuốc xẻng, gậy gộc để xúc họ vào chiếu được, phải dùng bằng tay, mà lúc đó làm gì có găng tay, phải dùng tay mình kéo xác, bó chiếu, ghê rợn vô cùng. Xác họ rất lạnh, da ráp như da cóc, người mắt trợn ngược, người mồm méo xệch, người tay còn như sờ soạng chới với kêu cứu... Quần áo họ đều rách tả tơi để lộ hình hài những da cùng xương... Có trường hợp đang kéo chân thì chân rời thân thể luôn, lòng ruột tuột cả ra ngoài, bốc mùi hôi thối nồng nặc khiến mọi người đều ói mửa. Hàng ngày phải cắt cử luân phiên nhau, không ai có thể làm được liền hai ngày. Nhưng dù thế nào cũng phải có người làm nòng cốt. Tôi nhớ lúc đó anh Oản Con, người to béo, suốt ngày ngà ngà hơi rượu, chẳng biết sợ là gì, cứ được ăn no uống say thì bất kể trường hợp nào anh cũng làm tất. Anh cứ vừa làm vừa chửi

bọn Nhật - Pháp, bọn địa chủ bóc lột làm dân chết đói. Chửi chán, anh Oản Con quay ra cầu nguyện những người chết phù hộ anh sống lâu, giầu có, hứa sẽ cúng khấn những vong hồn chết đói tử tế. Anh chỉ vào mấy xác chị em gái, nói oang oang:

- Những cô nàng đẹp gái lắm đây. Thế mà chết đói mới tội nghiệp. Nếu tao giàu, tao nuôi tất, lớn lấy làm vợ, bé nuôi làm con. Chỉ tại ông Giời không cho số tao giàu, tao phải đi chôn chúng mày. Phù hộ cho tao giàu đi, rồi kiếp sau ta gặp nhau.

Anh làm việc thiện mà ai cũng sợ, cũng muốn tránh. Nhưng anh mặc kệ, vẫn vừa làm, vừa tươi tỉnh động viên người khác:

- Mình may không bị chết đói, còn

sống đây. Nếu lỡ chết đói thì cũng như họ thôi. Việc gì phải sợ, cứ làm đi! Họ chết thế này thiêng lắm, sẽ phù hộ độ trì cho chúng ta giàu có, không bị chết đói như họ.

Rồi anh tu một hớp rượu, chai rượu luôn giắt ở thắt lưng, lại cười thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Tuy anh hay chửi thề văng tục, nhưng lúc ấy ai cũng nể anh. Vì không có anh, lấy ai làm nòng cốt cho việc đại sự thê thảm đau lòng này?

Đảo chính Nhật, Pháp và phá kho thóc Trường Cơ để cứu đói

Sáng ngày 9-3-1945, nhân dân xã tôi xôn xao về việc Nhật đánh Pháp ở thành phố Hải Dương. Tin tức mỗi lúc một dồn dập.

Ga Lai Khê có bưu điện nên tin tức lan ra rất nhanh. Những người từ Hải Dương, Hải Phòng, Hà Nội đi qua mang theo tin tức bốn phương đổ về. Nào tin tên công sứ Mat-xi-mi bị trói và giam ở đề lao Hải Dương; tên quan tư giám binh Tây bị Nhật mổ bụng, phơi xác giữa ngã tư thành phố; các quan ta quan tây chạy trốn như vịt... Nhân dân thành phố Hải dương rất hoang mang lo sợ, còn nhân dân ở nông thôn lắng nghe tin và phấp phỏng chờ đợi một việc gì trọng đại sắp xảy ra, đâu đâu cũng xôn xao bàn tán.

Thế là nạn đói đã cướp đi 225 người xã tôi. Nếu kể cả người nơi khác đến thì cả xã Cộng Hòa nạn đói giết chết đi 538 sinh mạng, gần bằng một phần tư dân số xã. Có 17 gia đình chết đói cả nhà.

Đến một buổi sáng, lệnh phát ra từ đâu không rõ, ông Lộng, ông Bẩy, anh

Hoàng... họp trao đổi ở Thanh Liên, rồi phổ biến cho mọi người đi phá kho thóc của địa chủ để cứu đói. Sáng sớm hôm đó, ông Lộng đi tắt qua nhà tôi, bảo tôi báo tin cho mọi người ra Thanh Liên, vào kho Trưởng Cơ lấy thóc. Rất nhanh, mọi người tập trung đi từng đoàn ra phá kho thóc. Người có thúng dùng thúng, có rổ rá dùng rổ rá. Có người cởi cả quần ra, túm hai ống lại, xúc thóc đổ vào rồi khóac lên vai chạy về nhà, mặc dù cởi truồng nhưng vừa cười vừa chạy hối hả để còn làm chuyến nữa... Đứng ngoài cổng kho thóc Trưởng Cơ, anh Hoàng, ông Bảy, mỗi người cầm một thanh kiếm Nhật, mặt sát khí đằng đằng. Bọn cường hào lý dịch, trương tuần, phu tuần không dám ho hoe gì... Đến khoảng 10 giờ sáng kho thóc bị lấy hết. Nhân dân tỏa về các làng phá thêm một vài kho thóc của địa chủ nhỏ, như ở làng tôi phá thêm kho

thóc của ông Hội Hiếu (phú nông) và ông chánh Hội Viên (địa chủ nhỏ).

Nhờ số thóc lấy được, nạn đói đã kết thúc, mọi người có gạo ăn cầm cự cho đến vụ chiêm... Mấy hôm sau một trung đội lính Nhật về đóng ở ga Lai Khê và nhà thương Lai Khê. Viên Tri huyện thực tập Nguyễn Bích Liên có "trát" cho Chánh tổng Lai Vu, cùng với các lý trưởng các làng xung quanh phải truy nã những người phá kho thóc của Trưởng Cơ và các kho khác ở Tổng Lai Vu.

Ông chánh tổng H. cùng các Lý trưởng, Trương tuần, Phu tuần đi nạt nộ một số người nghèo, còn anh Hoàng gọi ông chánh H. bằng bác ruột nên ông H. nể mặt. Ông Bẩy là người cách mạng bị truy nã mới về công khai hoạt động nên ông H. cũng tránh đụng vào. Ông H. cho người xông vào nhà ông Vệ Cần

dùng kiếm chém một nhát vào cánh tay ông Cần chảy máu nhẹ và trói ông giải về Huyện, hôm sau huyện giải ông lên tỉnh, sau 3 ngày được tha về. Mọi người thấy khí thế của Việt Minh mạnh lên, chẳng ai dám bàn đến việc ai chỉ huy phá kho thóc Trưởng Cơ nữa...

Phong trào Việt Minh ở xã tôi ngày càng mở rộng, tuy tổ chức chưa chặt chẽ, nhưng việc tuyên truyền bằng miệng và rải truyền đơn viết tay đã bắt đầu. Một áp phích viết tay dán giữa biển chỉ đường ra ga Lai Khê vào Đông Triều: "Chánh H., chú cháu Cửu D. và cai Trạm coi chừng!" làm xôn xao cả khu vực. Trong lúc đó tin tức Việt Minh ở Đông Triều, Kinh Môn, Thanh Hà đã xử tử những tên cường hào gian ác, nên bọn lý dịch khu vực Tổng Lai Vu càng run sợ, co rúm lại...

Thế giới đại chiến, tình hình quân

Đồng Minh đang tiến công dồn dập các mặt trận. Đức, Ý, Nhật thua liểng xiểng. Chiến trường Nga - Đức, Hồng Quân thắng lớn, Việt Minh tuyên truyền rất mạnh cho chiến thắng của Nga. Nước Pháp được giải phóng, bọn tay sai Pháp lại ngo ngoe... Nhưng chúng cũng biết được quan thầy chúng hèn nhát như thế nào khi quân Đức tấn công, thống chế Pê-tanh đầu hàng nhục nhã phát xít Đức.

Trong lúc phong trào Việt Minh vận động chống đói cho nhân dân thì bọn tay sai phát xít Nhật tuyên truyền thuyết "Đại Đông Á" làm cho một số người Việt Nam mơ hồ chạy theo Nhật. Chính phủ Trần Trọng Kim thân Nhật ra đời, họ cũng kêu gọi "Nhiễu điều phủ lấy giá gương", bớt ăn để giúp đỡ người đang sắp chết, chết đói; chúng tuyên truyền sẽ chở gạo từ Nam bộ ra giúp dân nghèo

chống đói. Nhưng đâu có thấy gì.

Khi lúa chiêm đã thu hoạch thì diện đói được thu hẹp. Không còn người chết đói, chỉ thỉnh thoảng có người "chết no", vì một số người đói kéo dài, chỉ ăn rau má, "củ chóc" (loại củ ăn xong rất ngứa, như sắp bị xé tan cổ họng) nên khi có gạo chiêm mới ngon miệng, ăn quá bát, cứ sưng bụng hoặc đi ỉa lỏng mà chết...

Mãi đến khi thu hoạch vụ chiêm gần xong, cả làng Tường Vu tôi mới nhận được 40 kg gạo mốc xanh từ miền Nam chuyển ra cứu tế cho nạn đói!

Nạn "hồng thủy" chưa từng có

Đúng như các cụ xưa thường nói: "phúc bất trùng lai, hoạ vô đơn chí" nghĩa là: "vận may không cùng đến một lúc, tai vạ không chỉ xảy ra một lần", nạn chết đói

vừa tạm thời kết thúc thì nạn vỡ đê làm lụt lớn cả đồng bằng Bắc bộ. Từ nhỏ đến lúc đó, tháng 6, 7-1945, tôi chưa thấy ở quê tôi trận lụt nào ghê sợ như vậy. Nước sông Thái Bình, sông Kinh Thầy lên rất to, tràn qua đường số 5, đường sắt, ào vào làng tôi. Nước chảy tràn vào nhà làm cho thóc lúa mới thu hoạch ướt sũng, giường chiếu nổi lềnh bềnh, gà bay lên cây đỗ, chó mèo kêu thảm thiết. Tường nhà bằng đất bị ngấm nước, tã ra và sụp đổ, khiến cho nhà không còn tường đỡ, ngả nghiêng xiêu vẹo. Mấy bố con tôi tập trung nhau chống nhà, làm sàn để chứa thóc gạo, thu dọn quần áo, dụng cụ gác lên cao. Gia đình nào cũng rất bận rộn, trẻ con kêu khóc, người lớn hối hả, nhà nào lo việc nhà ấy, chẳng ai cứu được ai! Trong lúc đó mẹ tôi dắt em gái út tôi còn bé, chạy ra khu "Đống Bài" là nơi cao nhất làng, tạm lánh nước lũ. Mẹ tôi vừa

đi vừa niệm Phật, cầu trời khấn phật cho lai qua nạn khỏi trong trận "hồng thủy" nước chảy ngang trời này. Tôi vừa thương mẹ, thương em, nhưng bật cười vì thấy mẹ tôi quá mê tín. Bà tỏ ra chẳng lo lắng công việc mà chỉ lo khấn trời phật. Hình như bà nghĩ sau khi khấn vái xong nước sẽ rút xuống. Một tay dắt con còn bé, một tay mẹ tôi vái trời, miệng lẩm bẩm: "Lạy bốn phương trời, lạy mười phương phật, phù hộ độ trì cho chúng con..." Cứ nhắc đi nhắc lại cho đến khi tôi không còn nghe thấy tiếng bà nữa...

Nước to, mưa lớn, nước rút không kịp, trong làng đi lại phải dùng thuyền. Trong nhà nước dâng lên đến giường, rồi sát những mái nhà thấp. Mọi người đêm đến phải ra các gò đống cao để ngủ. Các cán bộ Việt Minh lúc đó tranh thủ đi tuyên truyền, vận động nhân dân giúp

đỡ lẫn nhau thóat khỏi nạn lũ. Nước tràn về sớm nên lúa mùa bị chết hết. Bởi vậy, nước rút đến đâu phải nhanh chóng cấy đến đấy cho kịp thời vụ. Nơi nào không cấy được thì trồng hoa màu để tránh nạn đói tháng 8.

Cán bộ Việt Minh rất hăng hái (nhất là những người mới được gia nhập) họ say sưa đi tuyên truyền, đôi khi còn tỏ ra hãnh diện vì công việc của mình. Nhật đang thua lớn, bọn tay sai, lý dịch lo sợ không dám hành động gì, đôi khi còn khúm núm trước những người họ nghi là Việt Minh bí mật.

Ông Đoàn Hữu Thụ, người anh con ông bác của ông Lộng, rất hăng hái, đi đâu cũng tuyên truyền cho phong trào Việt Minh, lắm lúc ông còn nói "bốc" hơn cả sự thật, gặp ai cũng tuyên truyền về "nam nữ bình quyền", về dân chủ. Một

hôm tôi gặp ông, vì nước lũ ông không mặc quần đùi để tránh ướt quần, nhưng ông cởi quần dài khóac lên vai, rồi cứ đi tự nhiên như chỗ không người. Gặp một số người trong đó có cả đàn bà, con gái, ông quên, cứ đi đàng hoàng và tuyên truyền Việt Minh cho mọi người nghe.

Tất cả tròn mắt kinh ngạc, nhất là mấy cô gái vừa ngượng vừa tủm tỉm cười. Vừa lúc tôi đi đến, lấy tay phát vào vai ông và bảo: "chú mặc quần vào rồi hãy nói". Ông quay lại tôi, tay sờ sờ, kêu "chết chửa", vội mặc quần, rồi cười loe toét nói chữa thẹn: "Thời kỳ nam nữ bình quyền mà... ". Mọi người cười rộ lên, thông cảm với tính quá hăng hái của ông.

Khởi nghĩa cướp chính quyền huyện Kim Thành

Nước lụt vẫn chưa tiêu hết ra biển,

mưa lại nhiều. Để giữ bí mật nơi họp hành của Việt Minh vẫn phải họp ở những đống cao và hẻo lánh. Đống Cao, đống Lềnh thuộc làng Lai Khê, đống Vua Nước thuộc làng Thanh Liên là những chỗ để cho các tổ Việt Minh bí mật họp, chuẩn bị Tổng khởi nghĩa.

Tôi được ông Lộng giao cho phụ trách thanh niên. Tôi đi vận động được hơn 20 người. Đến ngày 1-7-¬1945 tôi được giao chính thức làm Bí thư thanh niên cứu quốc làng Tường Vu (gọi là làng để phân biệt với xã mới sau cách mạng). Tôi họp anh em lại chia làm 5 tổ, rồi phân các tổ phát triển thêm hội viên, từ 16 tuổi trở lên đều được kết nạp vào đoàn. Nhiệm vụ của đoàn viên lúc đó là giúp mọi gia đình khôi phục lại nhà cửa sau lũ lụt, học tập võ do ông Lộng huấn luyện, chuẩn bị quần chúng tham gia

tổng khởi nghĩa cướp chính quyền xã và huyện.

Trong lúc chờ đợi ngày phát lệnh tổng khởi nghĩa, chúng tôi háo hức như ngày hội, đêm nào cũng ra đống Cao họp để nghe phổ biến tin tức chiến sự. Cán bộ từ đệ tứ chiến khu Đông Triều về báo tin cho biết Đông Triều đã cướp được chính quyền, Việt Minh đã xử tử một số tên tướng cướp. Khi nước lũ xảy ra bọn cướp đã cướp phá nhà bà cựu Hải làng Cam Đông, bắn chết một bạn học của tôi nên tôi càng phấn khởi trước việc làm của Việt Minh.

Tối ngày 15-8-1945, ông Lộng, ông Bẩy triệu tập chúng tôi họp, chuẩn bị lực lượng để sáng sớm ngày 16-8-1945 đi xuống huyện cướp chính quyền. Cả đêm chúng tôi không ngủ. Tôi thấy ông Bẩy, ông Lộng, ông Thụ, anh Hoàng, anh

Phách, cùng anh Tiến, anh Khoảnh... ăn mặc gọn gàng, đeo kiếm Nhật trông thật oai hùng mà mê. Anh Tiến, cai lính khố xanh giác ngộ theo ta từ lâu, còn mặc quần soóc, đeo khẩu súng lục, đi đi lại lại tỏ vẻ sốt ruột (anh Tiến nay là đại tá về hưu). Anh Khoảnh cũng vốn là "Đội Khoảnh", đội khố đỏ trước đây, được tuyên truyền giác ngộ.

Tập hợp lực lượng xong, chúng tôi bừng bừng khí thế, lên đường.

Đi đầu đoàn lực lượng võ trang khởi nghĩa có mấy khẩu súng bắn chim, còn toàn là giáo mác, gậy gộc. Nam giới ăn mặc gọn gàng, nữ giới thắt lưng sang bên trái. Lờ mờ sáng đã tập trung ở miếu Quỳnh Khê, giáp huyện lỵ khoảng 2 km, rồi chia làm 2 ngả, ngả đi bộ từ ga Thái vào Bàng La (huyện lỵ lúc đó còn đóng ở Bàng La (ở gần ga Phú Thái); một cánh

đi thuyền tắt qua chùa Muống (Dưỡng Mông). Lúc đó nước lũ còn lớn nên đi thuyền qua cánh đồng, vòng lên Bàng La rồi cả hai cánh cùng tiến vào huyện.

Anh Nguyễn Ngọc Phách gặp Tri huyện thực tập Nguyễn Bích Liên, tuyên bố: "Chính quyền Trần Trọng Kim do Nhật lập ra đã tan rã. Ông bàn giao dấu, ấn lại cho chúng tôi. Đại diện Tổng bộ Việt Minh sẽ tha thứ cho các ông. Ông phải tập hợp số lính khố đỏ và lính lệ lại, giao nộp súng, bàn giao hồ sơ tài sản của huyện cho chúng tôi". Tri huyện Nguyễn Bích Liên mặt tái, lời nói run run: "Thưa các ông tôi đã chuẩn bị sẵn sàng giao lại chính quyền cho Việt Minh". Ông ta đang nói thì một ông già mặc bộ quần áo lụa nâu, lom khom hai tay chắp trước ngực vái lia lịa các đồng chí đại diện Việt Minh và nói: "Tôi là cha ông Huyện, cháu nó ra

trường đi thực tập tri huyện mới về được ít tháng, không dám làm việc gì trái với Việt Minh. Tôi cũng sợ cháu trẻ người non dạ, nên theo sát cháu để bảo ban, kẻo cháu còn điều gì sai sót. Thôi thì nếu cháu còn dại, xin các ông tha cho". Anh Phách, anh Hoàng giải thích chính sách khoan hồng của Việt Minh cho cha con tri huyện nghe, hai cha con ông ta sung sướng, cảm ơn rối rít, rồi tri huyện Bích Liên hạ lệnh cho 5 lính "khố đỏ" gác huyện lỵ và đám "lính lệ" xếp hàng trước "công đường" huyện quan, hạ súng nộp cho cách mạng.

Sau 3 ngày bàn giao xong, tri huyện Bích Liên xin về Hà Nội, ta cho người đưa gia đình ông ấy ra ga Phú Thái để lên tàu về Hà Nôi, chấm dứt cuộc đời mới ra làm quan của ông huyện trẻ. Còn viên Thừa phái và trợ tá tri huyện xin ở lại

làm việc cho Việt Minh. Khi chiến tranh xảy ra họ bỏ đi tản cư, không theo cơ quan sơ tán sang Thanh Hà.

Chính quyền cách mạng lâm thời mới thành lập, anh Nguyễn Ngọc Phách làm chủ tịch Uỷ ban Cách mạng lâm thời huyện Kim Thành, anh Vũ Viết Nhuận con bà Hậu Khai, đại địa chủ làng Quỳnh khê làm uỷ viên tài chính, anh Nguyễn Quý Nỹ làm uỷ viên Thư ký, anh Phạm văn Khoảnh làm uỷ viên quân sự, anh Thái làm uỷ viên tư pháp. Còn anh Hoàng cùng anh Minh Thứ, anh Dị phụ trách bên huyện bộ Việt Minh, anh Minh Thứ phụ trách Đảng (anh Minh Thứ người làng Lan Can huyện Thanh Hà là Tỉnh uỷ viên Hải Dương phụ trách huyện Kim Thành).

Trong lúc trăm công nghìn việc vào lúc mới khởi nghĩa, toàn là học sinh và

hương sư ra làm việc, vừa làm vừa học, rồi đâu cũng vào đấy cả, bộ máy dần dần ổn định. Cán bộ Việt Minh phân công nhau đi lập chính quyền các làng (xã cũ). Tôi được cử vào Ban chấp hành thanh niên cứu quốc huyện. Tuy tôi mới 16 tuổi nhưng người lớn, lại học sâu về chữ nho, nên nói năng ôn lồn lễ phép theo kiểu "nho giáo", không "lấc cấc" như mấy anh bạn cũ của tôi thuần theo "tây học", nên khi gặp may ông kỳ hào lý dịch, những người có học ít nhiều Hán tự, tôi dễ thuyết phục họ.

Đội ngũ cán bộ chính quyền mới và các đoàn thể Việt Minh huyện, trông đi trông lại hầu hết là người tổng Lai Vu, còn 5 tổng dưới rất ít người tham gia, do đó cần mở rộng cán bộ các nơi tham gia vào Mặt trận, như anh Nguyễn Thượng Trình, tức Vũ Chính, tức Lê Răm, chủ

tịch Uỷ ban lâm thời xã Bát Nạo lên làm cán bộ Việt Minh huyện, sau đó làm Bí thư huyện bộ Việt Minh và Bí thư huyện uỷ năm 1947-1948.

Tôi được cử cùng mấy anh bạn học cũ ở trường Thanh Liên, vác cờ đỏ sao vàng đi về các làng thuộc tổng Lai Vu để thu bằng triện của tiên chỉ, lý trưởng và thành lập các Uỷ ban cách mạng lâm thời. Bầu cử bằng cách giơ tay, hầu hết là do người của các cơ sở Việt Minh tham gia Uỷ ban cách mạng lâm thời xã. Khi làm công tác tuyên truyền giải thể chính quyền cũ, thành lập chính quyền mới, nhiều viên lý trưởng, tiên chỉ cũng còn nuối tiếc quyền lực. Tuy sợ Việt Minh, nhưng cũng có người so sánh giữa cụ Hồ Chí Minh với ông Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh. Nhất là ở những nơi có cơ sở của Quốc dân Đảng như xã Lai Vu, xã

Thượng Vũ... nhiều người hỏi: "Chúng tôi là chánh phó tổng, Việt Minh có dùng chúng tôi không?". Như ông phó tổng Cựa ở xã Thượng Vũ, tôi cùng học với con ông ta, ông biết tôi, nên tôi trả lời ông: "Việt Minh là mặt trận đoàn kết toàn dân, thu hút mọi người vào mặt trận. Người có tài được sử dụng, không kể quá khứ làm gì. Ông Phó tổng là nhà nho học uyên thâm, mà cụ chủ tịch Hồ Chí Minh là bậc hiền triết nho học, con cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, chắc chắn cụ Chủ tịch rất trọng người tài. Ông Phó tổng còn nhớ câu Khổng Tử đánh giá về Trọng Cung: "Lê ngưu chi tử tuynh thả dốc chứ?". Ông tổng Cựa gật gù tán thưởng cho là chí lý. Đến khi Pháp chiếm đóng trở lại, ông bị Pháp ép ra làm chánh tổng, nhưng vẫn ủng hộ ta, không có hành động gì chống đối, giúp cán bộ qua lại công tác ở khu vực ông

làm chánh tổng. Khi ta phá hết tề, tôi bảo ông ta đi xuống Hải Phòng mà ở, không nên ở quê nữa, ông ta nghe theo. Chính quyền mới thành lập ở huyện được 3,4 tháng thì xảy chuyện nội bộ lục đục, tranh giành quyền lực giữa hai ông cháu, anh Phách và anh Hoàng (anh Hoàng gọi anh Phách bằng ông). Rồi anh Hoàng báo cáo lên tỉnh và trung ương rằng anh Phách khi học ở Hà Nội là người của Việt Cách... Tỉnh cử đồng chí Trần Cung về giải quyết. Đồng chí Trần Cung cho bắt giam Nguyễn Ngọc Phách và một số người, giam ở chùa Muống (chùa Dưỡng Mông), cử anh Nguyễn Huy Hoàng lên làm chủ tịch Uỷ ban cách mạng lâm thời, cử anh Nguyễn Hải cán bộ tỉnh về làm Phó chủ tịch. Lúc đó tôi đã có cảm nghĩ rằng: "Tham vọng đẩy con người vào vòng luẩn quẩn, đời này qua đời khác, khó có thể chấm dứt được "lòng tham

không đáy" (nhân dục vô nhai). Nhưng tôi vẫn hy vọng nó sẽ giảm dần với chế độ mới. Anh Phách bất mãn, sau khi được tha về làng anh đi dạy học, đến 1950 thì bỏ vào vùng địch... nay sống ở Mỹ, thỉnh thỏang có về thăm quê hương.

Sau khi đã lập xong chính quyền mới ở các làng (xã) tôi xin về xã hoạt động và được cử làm Bí thư xã bộ Việt Minh, cùng với chính quyền lo việc sản xuất, xóa nạn mù chữ, xây dựng các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, thiếu nhi, lão thành...Chính quyền xã (làng) tôi do ông Đoàn Hữu Lộng làm chủ tịch, ông Đoàn Hữu Thụ là phó chủ tịch, ông Đoàn Hữu Bẩy làm uỷ viên... Công việc nói chung chạy đều. Những xích mích giữa hai họ Đoàn và họ Nguyễn đã dần dần được khắc phục, tuy chính quyền xã họ Đoàn nắm vai trò chủ chốt. Vì toàn là những

người có thành tích cách mạng nên nhân dân ủng hộ, mà họ Nguyễn cũng nể phải đồng tình.

Nạn đói được đẩy lùi, uy tín của cách mạng ngày càng tăng, nhân dân tham gia chống giặc đói, giặc dết, giặc ngoại xâm ngày càng mạnh mẽ.

Để chuẩn bị cho việc tổng tuyển cử, bầu cử ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và bầu cử Hội đồng nhân dân xã. Hội đồng nhân dân xã lúc đó được qui định là người đại diện cho nhân dân để bầu ra Uỷ ban hành chính huyện, và Uỷ ban hành chính xã. Quyền lực của Hội đồng nhân dân xã rất lớn, xã tôi lúc đó được chính phủ quyết định nhập 3 xã (làng) cũ thành liên xã Cộng hòa, gồm 3 xã cũ là: Tường Vu, Lai Khê, Thanh Liên. Sau bỏ 2 chữ "Liên xã" chỉ gọi là xã Cộng Hòa, cho đến cải cách

ruộng đất đổi là xã Kim Liên. Nhưng khi sửa sai, nhân dân không tán thành tên mới mà phải giữ lại tên cũ cho đến nay vẫn là xã "Cộng Hòa", xã anh hùng lực lượng vũ trang thời kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau này, tôi có hỏi cụ Trần Cung, tại sao lại bắt giam anh Nguyễn Ngọc Phách. Cụ Trần Cung trả lời tôi: "Mình cũng làm quá tay! nhưng chỉ giam mấy tháng rồi tha ngay". Rồi cụ Trần Cung hỏi tôi có biết Phách bây giờ ra sao không? Tôi trả lời, năm 1950 có nhận được một lá thư của Phách muốn xin về Hải Phòng công tác, rồi sau không nhận được tin tức gì cả. Đến khi thống nhất đất nước mới biết tin Phách đang dạy học ở Tây Ninh và gia nhập đạo Cao Đài, mấy năm sau đi Mỹ, đã có lần về quê Kim Thành. Cụ Trần Cung tỏ vẻ suy nghĩ, nhưng không

hỏi gì thêm.

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa I và bầu cử Hội đồng nhân dân đầu tiên

Ngày 6-1-1946 là ngày Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa trong tình hình chính trị cực kỳ phức tạp. Thực hiện chỉ thị của Tổng bộ Việt Minh về cuộc bầu cử, chính quyền lâm thời và xã bộ Việt Minh được giao nhiệm vụ tuyên truyền để mọi người đi bầu theo phổ thông đầu phiếu, một việc rất mới mẻ. Ngay tên "Quốc hội" nghĩa là gì cũng phải lên tỉnh hoặc xuống huyện hỏi. Xã tôi ở giữa tỉnh và huyện, lên tỉnh còn gần hơn và đường dễ đi hơn, nên vấn đề gì cán bộ không nắm được thì lên phòng thông tin tỉnh hỏi, sẽ được giải đáp chu đáo, về phổ biến lại cho nhân dân.

Tỉnh Hải Dương lúc đó được bầu 13 đại biểu, hầu hết là nhân sĩ trí thức văn nghệ sĩ như cụ Phan Tất Tuân, nhà thơ Xuân Diệu, nhà giáo Nguyễn Sinh Anh... Còn đảng viên chỉ có 3 đồng chí là Vũ Duy Hiệu, Chủ tịch Uỷ ban cách mạng lâm thời tỉnh, đồng chí Nguyễn Công Hòa và chị Bùi Thị Diệm, ba đồng chí này hiện cư trú ở Hà Nội tuổi đã 90 và gần 100 tuổi.

Trong lúc ta tuyên truyền bầu cử Quốc hội để thành lập chính phủ mới thay cho chính phủ lâm thời, Quốc Dân Đảng và một số đảng phái thân Pháp, Nhật ra sức xuyên tạc phá hoại bầu cử. Phố ga Lai Khê có chi bộ Quốc Dân Đảng, do một số đảng viên là kỳ hào lý dịch cũ vừa bị chính quyền cách mạng giải tán, như Lý Tán xã Lai Vu, Lý Đờn, Chương Bạ Hiệu ở Lai Khê, cựu Nhạn ở Thượng Vũ (Cựu

Nhạn là tay hai mang, vừa làm cán bộ Việt Minh vừa theo Quốc Dân Đảng, khi kháng chiến bùng nổ thì y theo Tây và bị chết do chúng bắn lẫn nhau). Trụ sở chúng treo cờ Tưởng Giới Thạch, Trung Quốc, hàng ngày bắc loa tuyên truyền nói xấu Việt Minh, nói xấu xuyên tạc Bác Hồ... Chúng tôi cảnh cáo chúng không nghe, sau phải cấm chủ nhà là ông Làm (Thịnh Phong) Hoa kiều cư trú ở ga Lai Khê, buôn bán gạo đã mấy đời, nên ông này không cho chúng kéo cờ và bắc loa tuyên truyền xuyên tạc nữa. Do đó cuộc bầu cử ở quê tôi nói chung suôn sẻ và đạt kết quả tốt. Toàn dân đi bầu, đông như hội, chỉ đến 12 giờ trưa đã đạt 100% cử tri đi bầu. Những đại biểu do Việt Minh giới thiệu đều trúng cử.

Sau bầu cử Quốc hội, ngày 26-4-1946 bầu cử Hội đồng nhân dân xã. Làng

Tường Vu dân số đông được bầu 6 đại biểu, Lai Khê được 5 đại biểu, Thanh Liên 4 đại biểu, tổng cộng 15 đại biểu. Tôi mới 17 tuổi nhưng lúc đó tính theo âm lịch kể cả tuổi "mụ" tôi 18 tuổi, được đi bầu và được xã bộ Việt Minh giới thiệu. Tôi trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân với số phiếu cao nhất.

Trong thời gian diễn ra các cuộc bầu cử, ở Tường Vu vẫn còn xảy ra tranh giành giữa họ Đoàn và họ Nguyễn. Họ Đoàn có 4 người ứng cử, họ Nguyễn cũng có 4 người ứng cử. Dưới sự điều hành của ông Đoàn Hữu Lộng là Chủ tịch Uỷ ban cách mạng lâm thời, ông xin nghỉ nên không ra ứng cử, nhưng ông chỉ đạo vừa khách quan vừa khéo léo. Để tránh sự nghi ngờ gian lận, ông đề cử ông Nguyễn Văn Chương là nhà giáo làm chủ tịch Hội đồng bầu cử. Mọi việc diễn ra tốt đẹp.

Trong vận động bầu cử cũng có một vài tờ rơi và áp phích nói xấu lẫn nhau bằng ca dao, không gây ảnh hưởng gì đến bầu cử. Nhưng khi kiểm phiếu xong, trong số 6 đại biểu được bầu thì họ Đoàn trúng 4 là: Đoàn Duy Thành, Đoàn Hữu Bẩy, Đoàn Hữu Thụ, Đoàn Hữu Thiều. Còn họ Nguyễn chỉ có một ông Nguyễn Văn Hổ trúng cử, một người khác là Nguyễn Văn Hát thuộc họ Nguyễn dưới, không thuộc họ Nguyễn của ông Chương. Bởi vậy ông Chương không ký biên bản. Ông Lộng phải thuyết phục và Hội đồng bầu cử đều xác nhận cuộc bầu cử hợp lệ, ông Chương mới chịu ký biên bản.

Hội đồng nhân dân xã hồi đó được bầu chính quyền 2 cấp: xã và huyện, việc bầu cử Uỷ ban hành chính xã Thuận Lợi, xã Cộng Hòa do ông Nguyễn Mạnh Vinh làm chủ tịch. Riêng bầu chủ tịch

huyện có việc tranh giành giữa hai ứng cử là đồng chí Nguyễn Huy Hoàng (tức Chương) và đồng chí Trần.

Xuân Viên (tức Viễn Chi). Đồng chí Viễn Chi được tỉnh uỷ giới thiệu (danh nghĩa tỉnh bộ Việt Minh), còn đồng chí Chương tự ứng cử với danh nghĩa nguyên Chủ tịch Uỷ ban cách mạng lâm thời. Đồng chí Viễn Chi người Nam Định, hoạt động ở Thanh Hà- Hải Dương, có năng lực hơn đồng chí Chương. Nhưng đồng chí Chương lấy thế là người địa phương, in truyền đơn vận động bầu cho mình, trong truyền đơn có câu ca dao: "Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn...". Tôi nghĩ sao lại tranh nhau như vậy? Đồng chí Chương là đảng viên từ 1940, bị bắt giam ở Hoả Lò, cuối năm 1944 mới được tha. Cách mạng thành công rồi mà không bảo được nhau, nhất

là trong lúc nước sôi lửa bỏng, thù trong giặc ngoài... Kết quả đồng chí Chương chỉ được 73 phiếu, chiếm 25%, còn đồng chí Viễn Chi được 75% phiếu, trở thành Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện Kim thành. Đồng chí Chương được tỉnh bộ Việt Minh điều về làm Bí thư huyện bộ Việt Minh Gia Lộc, sau về làm chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Khóai Châu - Hưng Yên. Sau này tôi hỏi đồng chí Chương tại sao lại làm như vậy, đồng chí trả lời tôi: "Do ấu trĩ cả", tôi bảo: "Do cá nhân địa vị, cục bộ địa phương...", đồng chí cười không nói gì thêm. Thế mới hay "nhân dục vô nhai" thực sự khó khắc phục lắm thay!

Ông Đoàn Hữu Lộng được nhân dân yêu mến tín nhiệm, nhưng vì con đông, nhà nghèo, lại đẻ sinh đôi, nên ông buộc lòng phải xin nghỉ việc để làm thuốc nuôi

vợ con và bố mẹ già. Nhưng ông ở nơi nào cũng tham gia tích cực ở cơ sở nơi đó. Cho đến khi ông qua đời, thọ 89 tuổi, mất ở huyện lỵ Vĩnh Bảo, mọi người đều quí trọng và kính mến ông.

Trong lúc chính quyền ta còn non yếu, quân đội Quốc dân Đảng Trung Quốc do Lư Hán và Tiêu Văn đem hàng vạn quân vào Bắc Bộ, với danh nghĩa thay mặt Đồng Minh tước khí giới quân Nhật. Thực chất đội quân này rất ô hợp, ốm đói. Họ kéo đến đóng ngập xã tôi, hết toán này đi, toán kia lại đến, nhũng nhiễu nhân dân, thấy gì cũng lấy cắp, thấy bánh xà phòng tưởng bánh kẹo cũng lấy ăn, không ăn được mới vứt đi. Một hôm họ vào một nhà ở làng tôi bắt gà, tôi can thiệp, chúng đánh tôi một cái tát, tôi đến báo cho viên "Trung uý Bài trưởng" (trung uý đại đội trưởng) ông ta

bắt tên lính đánh tôi phải xin lỗi tôi và viên trung uý tát tên lính của ông ta hai cái. Sau này tôi mới biết loại lính này mới tập hợp ở Hoa Nam, không được đào tạo giáo dục gì, cần đủ quân số vào giải giáp binh lính Nhật. Những toán lính đến sau, ăn mặc chỉnh tề và có kỷ luật hơn chút ít. Lúc đó có bài hát chế diễu quân Tưởng Giới Thạch như sau:

"Đoàn quân Tầu ô đi, sao mà ốm thế?

Vác chân phù sang ăn hại nước Việt Nam..."

Trong thời gian này tôi vẫn là Bí thư xã bộ Việt Minh, trực tiếp phụ trách thanh niên cứu quốc xã và tham gia Ban chấp hành huyện bộ Việt Minh, thỉnh thoảng được huy động đi làm cán bộ của huyện một hai tháng như tổ chức các lớp huấn luyện, đi tuyên truyền cho việc

chuẩn bị kháng chiến, tổ chức các cuộc đón tiếp lớn như đón trưởng đoàn Việt Nam Phạm Văn Đồng đi họp Hội nghị Phông ten nơ bờ lô (Fontainebleau) ở Pháp về. Đồng chí về bằng tàu hoả, qua ga Lai Khê. Khi tàu dừng ở ga Lai Khê, đồng chí xuống sân ga nói chuyện với nhân dân khoảng 3 phút. Tôi thấy đồng chí mặc áo khoác bằng da, nghiêm nghị và trầm ngâm suy nghĩ. Đồng chí bắt tay các đại biểu ra đón, phát biểu mấy câu ngắn gọn, đại ý: "Tôi đi đàm phán với Chính phủ Pháp, họ đưa ra nhiều điều kiện bất hợp lý, nên cuộc đàm phán không có kết quả. Ta đã đưa ra những điều kiện nhân nhượng, nhưng phía Pháp cứ khăng khăng giữ ý kiến của họ... Chủ tịch Hồ Chí Minh còn ở lại Pháp ít ngày nữa để tiếp tục đàm phán với Tổng thống Pháp...". Trông đồng chí gầy nhưng đi lại rất nhanh nhẹn, với con mắt sáng

và bộ mặt khắc khổ, da ngăm ngăm đen, mọi người vừa thương mến, vừa ca ngợi: đúng là ông Đồng, "mình đồng da sắt". Khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, anh Phạm Văn Đồng được Chính phủ và Hồ chủ tịch phân công phụ trách các tỉnh Nam Trung bộ, từ đèo Hải Vân trở vào. Năm 1949, anh từ Liên Khu 5 ra Bắc để nhận chức Phó Thủ tướng, kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, gánh vác bớt công việc cho Bác. Anh qua đường Kim Thành để lên Việt Bắc. Tôi làm nhiệm vụ tổ chức lực lượng bảo vệ cho anh vượt đường số 5. (Đến tháng 2-1987 tôi được cử làm Phó Thủ tướng. Anh Phạm Văn Đồng biết tôi người Kim Thành, Hải Dương nên sau những buổi làm việc anh hay nhắc lại chuyện đi Pháp về qua Kim Thành và chuyến vượt đường 5 để lên Việt Bắc gặp Bác. Anh còn kể lại cho tôi nghe suốt chặng đường từ Nam Trung

bộ ra đến Việt Bắc, đường đi vừa dài vừa khó khăn, địch phục kích luôn...).

Tháng 10-1946 Hồ Chủ tịch từ Pháp trở về bằng tàu thủy. Chiến hạm Đuy-mông-tuyếc-vin (Dumont d'Urville) chở Bác từ cảng Mác-xây (Marseille) về cảng Hải Phòng. Hôm sau Bác về bằng tàu hoả. Từ Hà Nội xuống Hải Phòng đón Bác có cụ Nguyễn Văn Tố, Phó Chủ tịch thường trực Quốc hội.

Từ sáng sớm ngày 21-10-1946 hàng vạn nhân dân 3 huyện Kim Thành, Thanh Hà, Kinh Môn đã đứng dọc đường số 5 và đường sắt, tay cầm cờ đỏ sao vàng, biểu ngữ, suốt lừ ga Phạm Xá đến cầu Lai Vu dài 7km, để được vẫy chào Bác. Thật là một ngày hội hiếm có kéo dọc một đoạn đường khá dài. Khi đoàn tàu chở Bác dừng lại ga Lai Khê, cụ Nguyễn Văn Tố xuất hiện đầu tiên, với bộ quần

áo "Nam Phục" khăn xếp, áo dài lương, quần trắng, giầy "Ký Long". Cụ bước xuống sân ga, thông báo cho mọi người biết, cụ Chủ tịch ở toa sau, cụ sẽ ra chào đồng bào. Chúng tôi tranh thủ cử đồng chí Phạm Tất Đạt và ba cháu thiếu nhi, cùng cụ bà Quản Khoáy, lên tận toa tàu Bác ngồi để chào và xin chữ ký. Bác ghi vào sổ vàng "Các cháu gắng học cho ngoan - Hồ Chí Minh".

Mọi người dự lễ đón Bác ở ga Lai Khê ngóng chờ, mong được nhìn thấy Bác, vị Cha già của dân tộc, bao năm bôn ba nước ngoài, nay với cương vị Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, là khách mời của Tổng thống Pháp, từ nước Pháp trở về, được toàn dân đón mừng, đặc biệt là những người đang chờ đợi Bác ở ga Lai Khê. Tôi vừa phụ trách tổ chức công việc cho mọi người đón

Bác vui vẻ phấn khởi, vừa bảo đảm an toàn chuyến đi của Bác, vừa bận rộn giữ gìn trật tự. Ngoài ra tôi phải nhanh mắt nhìn Bác xuất hiện, vì đây là lần đầu tôi được tận mắt thấy Bác, muốn xem Bác có phải mỗi bên mắt có hai "con ngươi" không? Rất nhiều người tung tin là Bác "Song mục trùng đồng".

Vừa lúc đó tàu từ từ chuyển bánh. Bác xuất hiện, vẫy tay chào mọi người. Mọi người đổ dồn vào toa tàu Bác đang vẫy tay. Tàu đi khá chậm, kéo dài mấy phút đủ để mọi người đứng gần đó nhìn thấy Bác. Bác tuy gầy nhưng rất vui tươi, tay Bác vẫy chào đồng bào cho đến lúc tàu mở tốc độ đi nhanh, rồi khuất xa. Mọi người ra về, chuyện trò vui như Tết và chỉ kể chuyện về Bác. Cụ bà Quản Khoáy được Bác bắt tay, xúc động kể lại cảm tưởng sung sướng của cụ. Cụ nói:

"Bây giờ có chết cũng thỏa lòng...".

Chi bộ xã Cộng Hòa vừa mới thành lập được 6 ngày thì được giao nhiệm vụ bảo vệ tuyệt đối an toàn chuyến đi của Bác. Chúng tôi đã làm tròn nhiệm vụ dưới sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ, đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng của các xã, các huyện bạn, làm tốt cuộc đón Bác đầu tiên ở quê nhà. Tuy Bác chỉ đi qua thôi, nhưng đã gây một ấn tượng sâu sắc trong lòng nhân dân xã tôi, nhất là các em thiếu niên nhi đồng, được Bác ghi vào sổ vàng của Đội. Cuốn sổ vàng khi chiến tranh bùng nổ bị thất lạc nay không còn nữa. Thật là đáng tiếc. Sẽ không bao giờ có một vật kỷ niệm vô giá như thế đối với Đảng bộ, nhân dân xã Cộng Hòa và các em thiếu niên nhi đồng.

Quan hệ Việt - Pháp ngày một căng thẳng. Hải Phòng cách xã tôi có 34 km,

hàng ngày luôn xảy ra xung đột. Không khí chiến tranh lan rộng. Phái đoàn Liên kiểm Việt Pháp do đồng chí Hoàng Hữu Nam (Phan Bôi) làm trưởng đoàn. Phía Pháp do Đại tá La-mi (Lamie) làm Trưởng đoàn. Phái đoàn ta qua lại Lai Khê luôn luôn vì mỗi cuộc xung đột ở Hải Phòng, phải xuống dàn xếp. Khi về anh Hoàng Hữu Nam thường dừng lại ở ga Lai Khê, gặp Uỷ ban hành chính và chi bộ xã trao đổi tình hình, nói cho mọi người cùng thấy rõ âm mưu của thực dân muốn xâm chiếm nước ta lần thứ hai. Bởi vậy mọi việc chuẩn bị cho cuộc chiến tranh rất khẩn trương. Trên cử anh Nam Long (tức Đoàn Văn Ưu) về chỉ đạo chuẩn bị kháng chiến trên địa bàn dọc đường 5 từ Hải Dương xuống Hải Phòng. Chúng tôi chuẩn bị mọi lực lượng chiến đấu, chuẩn bị phá đường 5, đường sắt, thực hiện "vườn không nhà

trống". Mọi người thường gọi anh Nam Long là tướng Nam Long, dù lúc đó chưa có chuyện phong quân hàm.

Tôi là cán bộ trẻ lại nhanh nhẹn, nên việc gì cũng được giao, cũng dính vào. Tôi cảm thấy quá bận, nhưng rất phấn khởi, vì tuổi trẻ vừa sôi nổi, vừa hăng say, không thấy chiến tranh mà sợ hãi, thậm chí tôi còn mong cho nó đến sớm để đánh bọn Tây một trận cho biết tay nhau, chứ để nó lấn tới mà ta cứ nhân nhượng thì rất khó chịu. Cho nên sách "xưa" đã dạy: "Niên thiếu lực cường, khí huyết phương cương, giới chi tại đấu" (nghĩa là: người ít tuổi, sức thì mạnh, khí huyết đang phát triển, bồng bột, nên chú ý răn dạy họ phải kiềm chế hành động quá khích).

Mọi sức lực, trí tuệ của tôi lúc đó dồn hết vào việc chuẩn bị cho cuộc kháng

chiến chống thực dân Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Kết thúc sớm hay muộn chưa biết, chỉ mong sao ta đánh thắng chúng thật nhanh để chúng khỏi nghênh ngang hàng ngày dùng xe cơ giới qua lại, thỉnh thoảng bắn vài phát súng thị uy khi xe đang chạy trên đường 5 với tốc độ cao, vài tuần lại có máy bay treo cờ 3 sọc rải truyền đơn khiêu khích quân dân ta. Đầu óc tới lúc đó cứ suy nghĩ triền miên về cuộc chiến sắp xây ra...

CHƯƠNG 3

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ 2 trên đất Kim Thành, Hải dương

Ngày 15-10-1946 chi bộ xã Cộng hòa được thành lập gồm 4 đồng chí: Trần Đình Cự, Đoàn Duy Thành, Bùi Quang Xôi, Phạm Tất Đạt, do đồng chí Trần Cự làm Bí thư.

Dự buổi lễ thành lập chi bộ, có các đồng chí Nguyễn Thượng Trình (tức Lê Ràm, Vũ Chính) phó bí thư Huyện uỷ Kim Thành, đồng chí Tăng Bá Chuẩn

cán bộ huyện uỷ, đồng chí Vũ Chính nay đã 86 tuổi, đại tá về hưu. Lúc đó tôi mới 17 tuổi, làm Bí thư xã bộ Việt Minh. Ý kiến đồng chí Trình và đồng chí Chuẩn muốn tôi làm Bí thư chi bộ, nhưng tôi từ chối vì còn ít tuổi, để đồng chí Cự làm Bí thư, tôi sẽ làm tốt nhiệm vụ Bí thư xã bộ Việt Minh, trực tiếp phụ trách thanh niên cứu quốc xã và dân quân tự vệ.

Trong thời kỳ này công việc chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp rất khẩn trương. Hàng ngày tin tức chiến sự ở miền Nam đưa về, địch phá hiệp định đình chiến 6-3-1946, tạm ước 14-¬9-1946 gây ra bao nhiêu vụ bắn giết đồng bào ta ở Hải Phòng, Hà Nội... Bọn Quốc dân đảng phản động Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh núp sau bọn lính Tưởng Giới Thạch sang tước khí giới phát xít Nhật,

nay quân Tưởng rút về nước, quân Pháp thay thế, chúng sợ chạy trốn theo quân Tưởng. Nhất là sau khi ta khám phá vụ thảm sát ở phố Ôn Như Hầu, Hà Nội (phố Nguyễn Gia Thiều ngày nay), bộ mặt thật của bọn Quốc dân đảng phản động ở phía bắc bị lột mặt nạ, những chi bộ Quốc dân đảng ở xã Lai Vu, Cộng Hòa đều co rúm lại không dám ngo ngoe gì nữa.

Tháng 11-1946 Pháp gây hấn ở Hải Phòng, chiếm Sở thuế quan (Hải quan) độc quyền thu thuế xuất nhập khẩu. Ta chiến đấu chống lại. Quân đội thực dân Pháp dùng tổng lực đánh chiếm Hải Phòng. Quân đội ta chiến đấu quyết liệt. Sau một tháng, do tương quan lực lượng ta yếu hơn địch, nên phải rút sang Kiến An để bảo toàn lực lượng kháng chiến lâu dài.

Tháng 12-1946 địch được viện quân từ Pháp sang, huy động quân ở Nam bộ ra, chúng khởi sự tiến công lên Hà Nội. Biết rõ âm mưu địch nên ta chủ động tiến công bốt địch đóng ở cầu Lai Vu (do Hiệp định 6-3-1946 qui định ta đóng phía đầu cầu Hà Nội xuống, Pháp đóng đầu cầu phía Hải Phòng lên).

Hai đêm 19/20-12-1946 ta đánh cầu Lai Vu, đốt cháy cầu (lúc đó cầu bằng gỗ, do Nhật bắc tạm, cầu sắt bị quân đồng minh đánh sụp từ 1944). Tôi với cương vị chỉ huy dân quân tự vệ xã Cộng hòa, phối hợp với lực lượng chủ lực đánh cầu Lai Vu 2 đêm liền, chỉ đốt được cầu và tiêu hao một phần sinh lực địch, không tiêu diệt được bốt địch đóng ở phía nam.

Chi bộ lúc đó mới thành lập được hơn hai tháng nhưng đã lãnh đạo nhân dân, dân quân du kích đánh địch rất

quyết liệt. Trong số bốn đồng chí, khi chiến tranh nổ ra, đồng chí Đạt được điều về huyện phụ trách giao thông, đồng chí Cự, và đồng chí Xôi đưa gia đình đi sơ tán. Huyện uỷ chỉ định tôi làm Bí thư chi bộ, trực tiếp chỉ huy lực lượng vũ trang của xã cùng với lực lượng vệ quốc đoàn chiến đấu chống địch.

Sáng ngày 21-12-1946, quân đội thực dân Pháp gồm có xe tăng, xe bọc thép, tàu chiến, máy bay yểm trợ, kéo quân hai ngả tiến đánh đường số 5, mở đường tiến lên Hà Nội. Đường thủy chúng đi theo sông Kinh Môn, sông Kinh Thầy, đổ quân lên bến phà Tuần Mây để đánh chiếm ga Lai Khê, cách Tuần Mây 2 km dọc theo đường 186.

"Quân Pháp bị Hải đội Ký con và đại đội 3 của Trung đoàn Nam Long chặn đánh. Xã Cộng Hòa có 2 trung đội dân

quân tự vệ, khoảng 70 người, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của chi bộ Đảng do đồng chí Đoàn Duy Thành làm Bí thư chi bộ, tổ chức chiến đấu rất quyết liệt. Địch bị tiêu diệt một số tên, không tiến công được phải quay lại Tuần Mây, tổ chức lại lực lượng. Chúng tiếp tục tiến công. Đến chiều ngày 21-12-1946 địch mới chiếm được ga Lai Khê. Trong trận chiến đấu này dân quân tự vệ xã Cộng hòa hy sinh 2 đồng chí là: Liệt sĩ Đỗ Văn Điệu và Nguyễn Văn Tham...” (Trích báo cáo của Đảng uỷ xã Cộng hòa ngày 20-12-2003).

Trong trận chiến đấu này có một thương binh là anh Bùi Quang Ngong. Trong lúc đang chiến đấu quyết liệt anh bị thương vào cánh tay, anh vừa chạy vừa ôm cánh tay gẫy, máu chảy đầm đìa kêu cứu: “Nó bắn chết hết cả rồi”. Tôi quát to:

"Chạy về phía sau có cứu thương, không được kêu la ầm ĩ". Anh Ngong là bạn học của tôi, lại là anh ruột chị dâu tôi, nhưng có điều viết hồi ký cần tôn trọng sự thật nên tôi nói rõ, một điều mà trước đây gia đình anh Ngong có hỏi nhưng tôi chưa nói.

Nguyên do là có sự éo le phức tạp của cuộc đời anh Ngong. Anh sinh trưởng trong gia đình hào lý, nên khi cách mạng tháng 8-1945 anh bị chú ruột là Lý trưởng cùng một vài đảng viên Quốc dân đảng phản động tuyên truyền, lôi kéo đi làm lính cho Quốc dân đảng, đóng ở thị xã Quảng Yên. Sau đó tôi bảo gia đình gọi anh ta về, không cho theo Quốc dân đảng. Anh đã bỏ về, rồi gia nhập dân quân tự vệ xã. Câu chuyện nếu đến đây kết thúc thì tôi vẫn có thể chứng thực cho anh là thương binh. Khốn nỗi

trong những năm sau này, khi hồi cư về, mang cánh tay khoèo, không tham gia đoàn thể gì cả, hôm giỗ thầy dạy chữ nho ở thôn Tường Vu, vào Tường Vu cúng thầy, ăn uống xong không về nhà, lại đi "ghẹo gái" (bản tính anh này học dốt, nhưng đa dâm dục). Du kích xã bắt giải sang Thanh Hà, báo cáo là một tên Quốc dân đảng. Hôm sau tôi đi họp ở huyện về, xã báo cáo với tôi, tôi bảo: "Cậu này nó chẳng hiểu chính trị gì đâu, chỉ đi "ve gái" thôi. Trước cậu ta là lính Quốc dân Đảng phản động, nhưng sau đã tham gia kháng chiến và bị thương. Cho cậu ta về". Được tha nhưng anh ta lại còn nấn ná ở lại Thanh Hà mấy hôm chơi bời. Tôi đi vào đất Kim Thành một tuần sau ra Thanh Hà thì được biết đã xảy ra chuyện đáng tiếc. Xã gặp đồng chí chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện, báo cáo về việc anh Ngong, đồng chí chủ tịch

huyện bảo: "Cho giết đi...". Thế là dân quân du kích đêm đem ra sông giết anh Ngong. Sau này tôi hỏi đồng chí V.V.N chủ tịch huyện vì sao anh lại quyết định giết anh Ngong. Anh trả lời tôi: "Hồi đó còn trẻ cả, nên tả khuynh". Tôi nói lại, nếu anh ta không bị giết, bây giờ có thể anh ta là thương binh chống Pháp đấy! Anh V.V.N tỏ vẻ buồn và ân hận... Sự việc khá phức tạp, suy đi nghĩ lại mãi chưa muốn nói. Nhưng anh Ngong là bạn học với mình, mình lại biết rõ sự thật 100%, không nói sẽ ân hận với lương tâm... còn nay nên giải quyết như thế nào cho hợp với đạo lý và chính sách của Đảng và Nhà nước, thực là khó. Nhưng vẫn có thể giải quyết được, nếu ta quyết tâm giải quyết đúng với bản chất của sự việc.

Còn anh Trần Cự đi sơ tán, đến năm 1948, tôi gọi về huyện và giao nhiệm vụ

làm giáo viên bình dân học vụ dậy cho bà con làm chài lưới ở Quí Cao. Năm 1949 tôi điều anh Cự về làm văn phòng cho huyện hội Liên Việt và kết nạp Đảng lần thứ 2 cho anh. Sau này tôi chứng thực cho anh được công nhận là Lão thành cách mạng.

Trận chiến đầu tiên, cũng là trận giặc Pháp chiếm đóng ga Lai Khê kéo dài suốt 8 năm cho đến tháng 12-1954, chúng phải rút khỏi ga Lai Khê theo Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Từ đây bắt đầu cuộc trường kỳ kháng chiến trên đất Kim Thành - Hải Dương và cả nước chống đế quốc Pháp xâm lược lần thứ hai nước ta.

Tôi là Bí thư chi bộ xã Cộng Hòa, lại được huyện uỷ Kim Thành giao phụ trách cả 4 xã thuộc tổng Lai Vu cũ là:

Cộng Hòa, Lai Vu, Cổ Dũng, Thượng Vũ. Trong lúc này chiến tranh đã bước vào giai đoạn rất ác liệt và chiến tranh du kích bắt đầu. Tôi động viên các hội viên, các đoàn thể phụ lão, thanh niên, phụ nữ và chính quyền các xã hướng dẫn bà con đi sơ tán, vận chuyển hết thóc gạo sang vùng hậu phương, thực hiện "vườn không nhà trống" kháng chiến lâu dài. Tôi cũng phân công các đồng chí phụ trách các đoàn thể và chính quyền các xã ổn định lòng dân, tổ chức sinh hoạt các nhóm gia đình sơ tán để thông báo tình hình địch chiếm đóng quê hương, những hành động dã man của chúng và tin chiến thắng của quân đội ta. Mặt khác tôi cùng với một số cán bộ Công an, quân sự do huyện tăng cường cho khu vực tôi phụ trách, như đồng chí Vấn, đồng chí Phạm Thiệp công an, đồng chí Tiến Minh, đồng chí Đại tình báo, đồng

chí Tư Nghiễn quân sự... hợp thành lực lượng tổng hợp, làm đủ mọi việc, từ điều tra theo rõi địch, nắm quần chúng nơi sơ tán, rải truyền đơn địch vận. Cùng với quần chúng đêm đêm về làng, chúng tôi cắt cử các đồng chí về theo, phối hợp với du kích quấy rối địch, làm cho chúng ăn không ngon ngủ không yên. Có khi chúng tôi cử 1 -2 du kích đến bốt Lai Khê hoặc Phạm Xá bắn 1, 2 phát súng quấy rối địch, khiến chúng phải bắn suốt đêm, hết hàng thúng đạn... Sau khi quấy rối địch, chúng tôi bơi qua sông về đất Thanh Hà, quần áo ướt sũng, trời rét nhưng mọi người rất thích thú, nằm nghe địch bắn hàng giờ rồi mới về nơi ăn nghỉ.

Đông xuân năm 1946-1947 trời rét rất đậm, gia đình tôi sơ tán sang xã Cẩm Chế - Thanh Hà trong điều kiện rất khó

khăn. Bố tôi lúc đó bị thương ở chân do nhiễm trùng, rụng mất bốn ngón bên trái, nước vàng suốt ngày chảy ra, đi đâu cũng phải khiêng cáng. Hai em gái tôi còn nhỏ chưa biết làm gì, anh ruột thì cháu bé bị ốm nặng, hai vợ chồng chỉ biết trông con. Tôi một mình vừa lo việc chiến đấu, vận động nhân dân, ban đêm phải về nhà lấy thóc tiếp tế cho gia đình, hết sức vất vả. Với một con thuyền nan nhỏ, mỗi khi qua nhà tôi xúc một ít thóc chở sang Thanh Hà. Tôi nhiều lần định chở theo con chó "xồm" vàng rất khôn, nhưng nó không chịu theo tôi, cứ đến bến sông Tường sang Thanh Hà là nó nhảy lên bờ. Ngồi trông tôi chở thuyền qua sông, nó khóc. Khi tôi sang bên bờ bên kia nó mới lững thững quay về nhà. Nó bị đói, nên tối đến, nó đón tôi để được ăn cơm, nhưng bắt nó đi theo, nó giãy giụa, cắn lung lung, quay về nhà.

Được khoảng 2 tuần không thấy nó đâu nữa. Có lẽ nó bị chết đói hoặc có người bắt rồi.

Trong điều kiện kinh tế khó khăn, nhà nuôi được 3 con lợn, ủng hộ bộ đội 1 con, còn 2 con tôi chở sang thôn Tiền Tảo, Thanh Hà. Chưa tới nhà đã bị bà Giũi đòi lấy một con to. Vì hôm chiến đấu, anh em dân quân tự vệ có đến nhà bà Giũi vận động ủng hộ một con lợn để làm thức ăn cho dân quân chiến đấu 2 đêm liền ở cầu Lai Vu, bà Giũi đã sẵn sàng ủng hộ. Nhưng khi thấy tôi chở lợn sang, bà đòi lại Tôi trả ngay con lợn to, không nói một câu, nhưng cũng tiếc công chở lợn sang Thanh Hà, vất vả, đêm tối mà chẳng được gì, nhà lại đang lâm vào cảnh túng thiếu, bố ốm không có tiền mua thuốc. Nhà bà Giũi lúc đó lại khá giả hơn nhà tôi nhiều. Sau này tôi

vẫn chứng thực cho gia đình bà Giũi là địa chủ kháng chiến, không hề nhắc lại chuyện cũ.

Tháng 3, tháng 4-1947, dân đi tản cư cũng đã cạn kiệt lương thực, lúa chiêm bà con tranh thủ về cấy ban đêm cũng sắp được thu hoạch, nên trên chủ trương cho dân về hồi cư, bám đất để kháng chiến lâu dài. Được lệnh, tôi huy động các đoàn thể theo dân cùng hồi cư, để tổ chức hướng dẫn làm ăn cho nhân dân, đồng thời xây dựng lực lượng vũ trang, đấu tranh với địch ngay trên đất tạm chiếm. Một vấn đề lớn được đặt ra lúc đó cho Đảng và chính quyền phải xử lý là địch bắt dân theo chúng, lập chính quyền bù nhìn (ta gọi cái tên lúc đó là "hội tề"), cũng có đủ: lý trưởng, chánh tổng, tiên thứ chỉ như trước cách mạng tháng 8-1945.

Được trên cho phép, ta cho người của ta lập "tề", nhưng ta phải nắm chắc những người này, bề ngoài làm cho địch, nhưng là người của ta đưa vào. Trong khi ta chưa kịp đưa người của ta, một số nơi địch đã đưa người của chúng ra lập "tề", rất phản động, gây khó khăn cho ta. Mặc dù ta đã cử người đến thuyết phục họ, nhưng họ cố tình theo địch, buộc ta phải xử lý như lý trưởng Tường Vu và Cổ Dũng, chánh tổng Cam Lâm. Đến cuối năm 1947 tất cả các xã dọc đường 5 (17 km thuộc đất Kim Thành) bề ngoài là "tề" của địch nhưng bên trong ta nắm được toàn bộ. Chỉ có một thôn An Bình (làng Vừng) do một đơn vị quân sự của huyện về phá "tề", bị bọn phản động chống lại quyết liệt, có một số dân theo chúng, nên đồng chí chỉ huy đơn vị xử lý không đúng, đã đốt một số nhà ở thôn An Bình. Địch kích động dân rào làng

chống lại ta. Đến 1954, một số dân thôn này di cư vào Nam. Ở một vài nơi khác có người vừa làm cho ta, vừa làm tay sai cho địch, ta đã gọi ra hậu phương cảnh cáo, như Lý Kỷ thôn Thắng Yên, phó tổng Phu, tổng Lai Vu. Sau đó những người này không dám làm việc hai mang nữa, đến khi ta có lệnh giải tán các loại "hội tề" thì những người này bỏ chạy vào Hải Phòng, nhưng không làm gì có hại cho ta.

Cuối năm 1947 cơ sở ta đã mạnh lên, các đoàn thể được tổ chức lại, các chi bộ đảng được xây dựng, tôi được đề bạt tham gia huyện uỷ Kim Thành và được giao phụ trách các xã thuộc 2 tổng Lai Vu và Cam Lâm gồm: Cộng Hòa, Cổ Dũng, Lai Vu, Thượng Vũ, Lâm Xá, Tuấn Hưng, Việt Hưng, Lâm Thái.

Riêng xã Cổ Dũng chưa đủ đảng viên

lập chi bộ nên tôi kiêm Bí thư chi bộ xã này và là Bí thư chi bộ đầu tiên của xã.

Tháng 12-1947 các "hội tề" đều phá hết, dù là "tề" do người của ta đưa vào làm, chỉ còn chính quyền ta công khai với dân, nhưng bí mật với địch. Hai bốt "dõng" ở Cổ Dũng và Tường Vu ta cũng phá luôn, thu được 13 khẩu súng trường Mỹ (Cổ Dũng 8 khẩu, Tường Vu 5 khẩu). Khu vực tôi phụ trách được đón phái đoàn của Chính phủ, do đồng chí Trần Cung, đặc phái viên của Chính phủ làm trưởng đoàn, đồng chí Đặng Tính, Bí thư tỉnh uỷ Hải Dương về thăm, nói chuyện với đồng bào xã Cộng Hòa, tại thôn Tường Vu (nhà ông Bích xóm Trại). Phái đoàn đã biểu dương và khen ngợi tinh thần yêu nước của nhân dân xã Cộng Hòa và toàn huyện Kim Thành. (Phái đoàn Chính phủ do Bộ trưởng

Hoàng Minh Giám làm Trưởng đoàn, nhưng đến huyện Thanh Hà, Bộ trưởng Hoàng Minh Giám bị mệt không vào đất tạm chiếm được, đồng chí Trần Cung thay).

Mặc dù địch đóng bốt rất dày, riêng xã Cộng hòa có tới 4 bốt, sau này lên đến 6 bốt, nhưng địch cũng không lập được "tề". Đôi khi địch o ép quá, ta phải đưa ra một vài người rất ngớ ngẩn, không biết chữ, làm đại diện cho chúng, như ông Thoại thôn Tường Vu. Địch buộc phải chấp nhận. Công tác địch vận chống bắt phu, bắt lính, chống thu thuế rất có kết quả. Tất cả thanh niên đến tuổi đều ra hậu phương đi tòng quân, tham gia bộ đội huyện, tỉnh, chủ lực, còn lại làm dân quân du kích, kết hợp với lực lượng vũ trang huyện phá "tề", trừ gian. Sau này nhiều xã đội đã chủ động đánh địch.

Lúc này huyện uỷ Kim Thành quyết định thành lập 3 khu, gọi là 3 đồn: Đồn 8 gồm các xã thuộc đường 5 của hai tổng Lai Vu và Cam Lâm, do tôi phụ trách: Lai Vu, Cộng Hòa, Cổ Dũng, Thượng Vũ, Lâm Xá, Lâm Thái, Tuấn Hưng, Việt Hưng. Đồn 5 gồm các xã đường 5 còn lại là: Song Thái, Vạn Tân và các xã lân cận là Kim Quang, Ngũ Phúc, Vạn Thọ, Hưng Đạo, Tân Dân (thuộc 2 tổng Bất Nạo và Phú Tải) do đồng chí Hoàng Hồi phụ trách.

Đồn 9 có các xã thuộc 2 tổng Phí Gia và Nại Xuyên gồm: xã Bình Dân, Cẩm La, Tam Kỳ, Đại Đức, Hoàng Xá, Liên Hòa do đồng chí Phiên (Bách) phụ trách.

Sau khi xây dựng củng cố đồn 8, tôi chuyển xuống phụ trách đồn 5, như vậy là tôi đã phụ trách tất cả các xã dọc theo

đường 5 dài 17km.

Trong thời gian công tác ở hai đồn 8 và 5, tôi hoạt động cùng các cán bộ thuộc hai đồn đều còn rất trẻ, rất xông xáo và hăng say công tác như đồng chí: Lê Công Thiện, Nguyễn Tiến Long, Nguyễn Văn Ngoạn, Nguyễn Văn Sanh, Phạm Văn Bổn, Văn Tuấn, Nguyễn Văn Khóai, đồng chí Khoa, đồng chí Cung (tức Cường), đồng chí Thủ. Cán bộ quân sự có đồng chí Phí Văn Tư (Tư Nghiễn), đồng chí Hoàng Văn Bút, đồng chí Nghê, đồng chí Thịnh (Đen). Cán bộ phụ nữ có: cô Cúc, cô Xuân, cô Dung. Cán bộ công an có đồng chí Phạm Thiệp, đồng chí Vấn. Cán bộ tình báo trung đoàn 42: đồng chí Minh Tiến, đồng chí Đại... tất cả đều là những đồng chí hăng say công tác, sẵn sàng xông vào đất địch, không sợ gian lao nguy hiểm...

Cuộc sống của chúng tôi vừa giản dị vừa đầm ấm. Suốt đêm đi hoạt động trong đất địch, ngủ bờ ngủ bụi, cơm ăn nhiều lúc không đủ no, quần áo nhiều lúc chỉ có bộ rưỡi, nhưng lúc nào chúng tôi cũng vui như ngày hội. Các cụ xưa thường khen các bậc chí sĩ yêu nước, những gương anh hùng coi cái chết "nhẹ như lông hồng", còn chúng tôi lúc đó hình như ít ai nghĩ đến cái chết, bao giờ nó đến với mình cũng được, nó nặng hay nhẹ hơn lông hồng cũng chẳng ai biết, cứ được giao việc là đi làm, không thấy ai từ chối bao giờ!

Tôi lúc đó còn rất trẻ, hiền lành, nhưng bảo anh em cái gì họ cũng làm răm rắp, chẳng bao giờ phải ra mệnh lệnh. Chúng tôi đi vũ trang tuyền truyền, đi phá "tề" trừ gian, có lúc tôi và đồng chí Vấn công an ăn ngủ tại nhà ông Đội

Sử làm chánh tổng "Tể" Lai Vu, nhà sát bốt Tuần Mây gần 200m, hoặc ngủ lại bốt "Dõng" ở Đình Vuông xã Cổ Dũng. Những người lính bề ngoài của địch, bên trong là người của ta đã bảo vệ chúng tôi. Trong lúc đang chiến đấu cùng nhau, có những đồng chí đã hy sinh trước mũi súng quân thù như đồng chí Quý, Bí thư thanh niên huyện Kim Thành; đồng chí Ngoạn, hy sinh khi làm chính trị viên huyện đội Kim Thành; cô Dung bị địch giết rất dã man; đồng chí Tiến Long bị bắt và hy sinh khi vượt Côn Đảo; đồng chí Cọ, đồng chí Kiêm bị bắt mất tích... Nhưng cũng có đồng chí nửa đường nhỡ bước sa cơ, bị địch bắt, không chịu được tra tấn đã đầu hàng địch (anh Hanh - tức Ngải thôn Đính Giàng, xã Đại Đức).

Người tiêu biểu mẫu mực cho các thời kỳ hoạt động ở Kim Thành, cùng

trong cấp uỷ với tôi, là Bí thư Huyện uỷ Lê Ràm. Tên thật anh là Nguyễn Thượng Trình. Khi làm báo Quân đội, anh lấy thêm tên Vũ Chính. Nhưng cái tên Lê Ràm thì đến hôm nay anh cũng vẫn thích dùng. Duyên do anh Trình đặt tên ấy có ý nhắc nhở đồng chí Huyện uỷ viên, Trưởng ban Tuyên huấn Huyện uỷ, lúc đó không chịu vào đất tạm chiếm hoạt động, chỉ ở vùng tự do huyện Tứ Kỳ, tối về cầu Ràm, huyện Ninh Giang, nơi vợ bán hàng tại đó. Anh Trình lấy tên Lê Ràm không những ám chỉ đồng chí này chỉ "lê" ở cầu "Ràm", đồng thời cũng phê bình chung một số cán bộ Kim Thành hay ở lâu vùng tự do (nay anh Trình đã 86 tuổi, là Đại tá về hưu, viết thư cho tôi bao giờ cũng ký: Lê Ràm).

Anh Lê Ràm luôn luôn bám sát đất tạm chiếm để đánh địch, giản dị, không

có quá 2 bộ quần áo nâu và cái khăn vuông đen để gói quần áo đeo vào vai, tối làm chăn che bụng, lúc đó gọi vui là: "Khăn gói quả mướp". Tôi nhớ Tết âm lịch năm 1947-1948, mồng một Tết tôi vừa ăn Tết với nhân dân trong vùng địch tạm chiếm, sáng mồng 2 tôi đi một mạch qua huyện Thanh Hà sang Nhân Lý huyện Tứ Kỳ thăm chúc tết Bí thư Huyện uỷ. Đi 5, 6 tiếng đồng hồ, đường mưa lầy lội đến văn phòng huyện uỷ, bụng mẩm chắc Bí thư Huyện uỷ sẽ chiêu đãi Tết. Nhưng đến văn phòng ở một nhà dân thì được ông chủ nhà cho biết Bí thư đi công tác từ tối 30 tết. Chúng tôi ngồi đợi một lúc mới thấy Bí thư Lê Ràm về, cùng với chú Hải (Mão) văn phòng Huyện uỷ. Hỏi ra được biết đêm 30 Tết Bí thư Lê Ràm ra chùa ngủ nhờ, sợ ngủ ở nhà "giông" cho gia chủ. Ngày mồng một Tết Bí thư Cộng sản ăn nhờ lộc Phật ở chùa và mồng hai

Tết mới về làm việc. Anh em gặp nhau kể lại chuyện Tết trong đất "tề", coi như là báo cáo với Bí thư Huyện uỷ. Trưa hôm đó ăn hơi muộn, ông bà chủ hồ hởi tổ chức bữa cơm Tết, tuy muộn mằn cho chúng tôi, nhưng rất thịnh soạn...

Năm 1948, mở đầu cuộc đấu tranh chính trị lớn nhất ở các xã đường số 5 là cuộc đấu tranh chống thu thuế vụ hè của địch. Ta đã phá hết "tề" các loại, địch tổ chức vào thu thuế, ta đánh mìn chặn đường chúng. Tiêu biểu là 2 trận đánh mìn ở xóm Gốc Me 17-8-1948 và xóm Đình, cổng nhà ông Tú ngày 23-8-1948 thôn Tường Vu, xã Cộng Hòa. Ta giết hàng chục tên địch đến cướp thóc của dân, sau khi chúng đi càn ở Thanh Hà về qua thôn Tường Vu. Địch trả thù hèn hạ bằng cách đốt sạch thôn Tường Vu. Đối với các gia đình thôn Lai Khê về phía

Nam đường số 5, chúng bắt 22 người dân xếp hàng tập trung rồi xả súng bắn chết hàng loạt. Chỉ còn một người sống sót là ông Đoàn Hữu Nhung. Khi chúng sắp bắn ông đã lăn ra, chúng cho là chết rồi nên thóat chết. Tàn bạo hơn nữa, chúng thiêu sống ông Đỗ Văn Hứa ngay tại nhà ông. Ngày này đã thành ngày giỗ Trận ở xã Cộng Hòa.

Song song với 17km đường số 5 trên đất Kim Thành là đường tàu hoả, con đường huyết mạch của địch vận tải binh lính, vũ khí, lương thực từ chính quốc và miền Nam ra, cung cấp cho Hà Nội cùng chiến trường Bắc bộ. Đây thực sự là con đường chiến lược của thực dân Pháp đối với chiến trường Bắc Đông Dương bao gồm cả Thượng Lào.

Được chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Tổng tư lệnh và tỉnh uỷ

Hải Dương, Huyện uỷ Kim Thành chỉ đạo huyện đội (có một trung đội do người trung đội trưởng nổi tiếng là đồng chí Tăng Bá Liệp chỉ huy) cùng với lực lượng dân quân du kích các xã luôn nắm sát tuyến đường số 5 và đường sắt thuộc Kim Thành, để tổ chức đánh mìn, phá đường tàu hoả, phá kế hoạch vận tải của địch. Tôi cùng các đồng chí cán bộ quân sự, công an, tình báo, cán bộ phụ trách xã, tiểu khu... luôn luôn nắm sát tình hình địch vận chuyển đi lại trên đường 5, đường sắt, tìm những điểm yếu của địch, kết hợp với tin từ cơ sở tình báo Hải Phòng để biết những chuyến tàu vận tải binh lính, vũ khí, lương thực, đánh cho trúng. Vì năm 1948 ta cũng đã đánh nhầm một đoàn tàu chợ, tuy phá tan được đầu tàu, đổ mấy toa, một số dân thường bị thương vong, từ đó chúng tôi kết hợp chặt chẽ với tình báo Hải Phòng đồng

thời quan sát kỹ mỗi chuyến tàu rồi mới cho bấm mìn nổ. Năm 1947 ta chưa biết cách sử dụng pin (điện) để nổ mìn, phải dùng sức người kéo dây giật cho mìn nổ, nên thường không chính xác trúng đầu tàu, hơn nữa sau khi mìn nổ rút lui khó khăn, vì đông người địch dễ phát hiện.

Từ năm 1948 ta dùng pin (điện) nối vào đầu dây dẫn đến kíp mìn, nên độ chính xác rất cao và điều kiện giữ bí mật cũng tốt hơn, vị trí ngồi bấm nút cũng xa mìn hơn. Kéo dây giật phải ngồi gần, đông người mới kéo nổi giây cho mìn nổ (thường từ 3 người trở lên), còn bấm điện chỉ cần 2 người là đủ.

Nhưng đánh mìn bằng bấm điện cũng có cái phức tạp. Phải thử mìn trước khi đánh, phải cho điện chạy qua quả mìn, qua bóng điện, đèn sáng mới là mìn tốt. Có lần thử bóng đèn hỏng, khi

bấm điện mìn nổ luôn, ba đồng chí bộ đội huyện bị hy sinh. Chỉ tìm thấy được vài cánh tay bay xa hàng trăm mét. Cả ba gian nhà của cụ Cựu Càng thôn Du La, xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà, Hải Dương và cót thóc đầy bay hết, nhưng không thiệt hại về người, vì mỗi khi thử mìn như vậy, anh em bộ đội Kim Thành nói với gia đình đi ra ngoài, tránh bất trắc xảy ra (gia đình cụ Cựu Càng là gia đình cách mạng, cụ và các con như anh Quản, chị Ngân, anh Kiên... đều là cán bộ cách mạng, là những người con trung hiếu). Khi sự cố mìn nổ, tôi đến thăm uý lạo anh em bộ đội huyện, thu dọn hậu quả và cảm ơn cụ... Cụ Cựu Càng nói: "Tôi chỉ thương tiếc các đồng chí hy sinh. Tối hôm qua anh em đi tìm nơi đặt mìn, đặt dây mìn, hôm nay thử mìn để tối đem đi đặt, không may mìn nổ trước. Tôi thương tiếc anh em vô hạn. Còn nhà

và thóc của tôi có đáng là bao. Cần hy sinh bao nhiêu nữa, tôi cũng không tiếc. Tôi sẽ làm lại 3 gian nhà và mời anh em bộ đội Kim Thành về ở". Rồi cụ khóc... Không đầy một tháng nhà đã dựng xong, anh em lại về nhà cụ ở, mọi việc lại diễn ra bình thường như không có chuyện gì xảy ra!

Trên đoạn đường 5 (Kim Thành) địch tìm trăm phương ngàn kế, hòng ngăn chặn hoạt động của quân ta. Nhưng chúng đã thất bại! Tháng nào cũng có tàu địch bị mìn ta lật đổ trên đoạn đường này. Do những chiến công vang dội đánh mìn trên đường sắt, đội du kích Kim Thành đã 2 lần được Bác Hồ gửi thư khen và đã xuất hiện nhiều cán bộ chiến sĩ đánh mìn xuất sắc như: "Bộ ba vua mìn Cảnh, Huy, Chính"; nữ du kích Đinh Thị Nhìn, chiến sĩ thi đua toàn quốc Nguyễn Huy

Trường, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Văn Thòa...

Có đoạn đường sắt từ ga Phạm Xá, đến thôn Phương Duệ (thôn Dòi) - Quỳnh Khê, ta đánh đi đánh lại rất nhiều lần nhưng địch vẫn không sao tránh được! Nhiều trận đánh chúng tôi ngồi tại một nơi kín đáo ở phía bắc đường 5 để xem tàu đổ chỉ cách 200 - 300m. Mỗi chuyến tàu đến, nghe tiếng còi tàu, tim chúng tôi như bắn lên, vừa mong đợi, vừa lo cho anh em, lo mìn không nổ, lo không phải tàu nhà binh... đủ mọi nỗi lo. Rồi lại mím môi chờ đợi, chẳng ai muốn nói với ai chuyện gì, tất cả tập trung vào ý nghĩ mìn nổ trúng đầu tàu vận chuyển quân sự... Đang suy nghĩ miên man thì tàu xình xình sắp qua chỗ đặt mìn. Bỗng một luồng khói lớn trùm hết đoàn tàu. Đầu tàu sững lại. Các toa tàu chùn lại

như con sâu róm bị chạm đầu vào lửa hoặc vật gì nguy hiểm đến tính mạng... Đầu tàu đổ xuống, các toa đổ theo. Sau đó chúng tôi mới nghe thấy tiếng mìn nổ inh tai... Mọi người sung sướng... chui xuống hầm để phòng địch càn cả sang phía bắc đường xe lửa. Sau 2 giờ địch tập trung truy tìm, anh em ở phía Nam kịp thời rút về thôn Thiệu Đáp, rồi bơi qua sông sang thôn Lan Can, xã Hưng Đạo, huyện Thanh Hà. Còn chúng tôi cũng rút về thôn Cam Đông, xã Việt Hưng ăn mừng chiến thắng... Trận nào cũng có cán bộ chỉ huy quan sát ở vị trí phía Bắc đường số 5 để theo dõi đánh giá kết quả trận đánh cho chính xác. Có lần chúng tôi mời cán bộ lãnh đạo huyện, tỉnh về quan sát trực tiếp... Tiếc rằng lúc đó không có máy ảnh ghi hình làm kỷ niệm. Máy quay phim thì không bao giờ dám nghĩ tới và cũng không hình dung

quay phim thế nào. Mỗi chúng tôi cũng chỉ được nghe loáng thóang về xem xi-nê, chứ không ai được nhìn thấy nó!

Ngoài việc đánh mìn, còn có từng đợt phá đường tàu. Như năm 1949, hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương chuyển sang thời kỳ chuẩn bị tổng phản công, có một đêm ta đã dùng pháo mìn, phá hơn 10 km đường ray thuộc đất Kim Thành. Có thể nói đêm đó là ngày hội. Mỗi dân quân du kích được giao 2 quả mìn, phụ trách 50 mét đường ray. Đặt xong pháo mìn, từng đoạn dài 1 km có cán bộ quân sự Huyện phụ trách. Đến giờ phát hoả toàn tuyến bằng một phát pháo hiệu, mìn nổ ầm ầm sáng rực cả bầu trời Kim Thành. Sau trận phá đường, địch phải tập trung sửa hàng tuần, tàu mới chạy qua được đất Kim Thành.

Về việc phá tề trừ gian, hai đồn 8

và 5 làm liên tục, không cho "tề" phản động mọc ra. Muốn vậy trước nhất phải phá tan cái quận "bù nhìn" đóng tại thôn Thanh Liên, do Đặng Thúc Quỳnh làm quận Trưởng. Phạm vi của quận này gồm hầu hết các xã dọc đường 5 thuộc đất Kim Thành và một phần huyện Kinh Môn. Quận có 2 tiểu đội lính Pa-ti-giăng canh gác. Tên Quỳnh thuộc loại có học (tú tài cũ), ta đã vận động bọn lính bảo vệ quận, đồng thời viết thư kêu gọi quận Trưởng Quỳnh, nên y tỏ thái độ trung lập, không dùng bọn "tề" phản động phá cơ sở ta. Những gợi ý của cán bộ địch vận, y đều làm theo như không bắt dân làm thẻ căn cước để kiểm soát, không thu thuế những nơi mất mùa, nơi phải nuôi dưỡng cán bộ nhiều như Tường Vu, Lai Khê... y lờ đi không buộc dân phải đóng thuế. Do công tác địch vận tốt của xã Cộng Hòa y có ý muốn ra với

kháng chiến và xã Cộng Hòa đã tổ chức đón y. Nhưng chuyện không thành chỉ vì không thống nhất ám hiệu. Sau y phải tự tìm đường ra với cách mạng. Ngày 11-10-1948 y đã dẫn binh lính dưới quyền mình ra xã Lâm Xá, đến thôn Bộ Hổ gặp được đồng chí Hoàng Văn Bút, cán bộ quân sự của Đồn 8 đưa toàn bộ quận Trưởng, 1 thư ký, 11 lính cùng võ khí vượt qua đường số 5 sang xã Cổ Dũng, qua đò sang thôn Du La, xã Cẩm Chế, Thanh Hà, được cơ quan huyện Kim Thành và nhân dân sở tại đón tiếp chu đáo. Họ rất phấn khởi. Những người lính đều tham gia vào bộ đội Huyện và Tỉnh. Còn Đặng Thúc Quỳnh được sử dụng ở Ban địch vận tỉnh. Khi địch đánh rộng ra vùng tự do của tỉnh Hải Dương, y lại chạy vào nội thành, nhưng không làm gì có hại cho cách mạng.

Tháng 1-1949 tôi được bầu làm uỷ viên Thường vụ Huyện uỷ, được Huyện uỷ phân công phụ trách tổ chức, phụ trách dân vận, làm chủ nhiệm Huyện bộ Việt Minh. Khi hợp nhất mặt trận Việt Minh vào Mặt trận Liên Việt, tôi làm thư ký mặt trận Liên Việt Huyện, về Đảng phụ trách khối Dân vận và Tổ chức Đảng.

Thời gian này, tuy địch đóng khá dày trên đất Kim Thành nhưng phong trào quần chúng ở các xã đều rộng khắp. Các tổ chức Phụ lão, Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân... hoạt động rất sôi nổi, nhưng chỉ có một thôn An Bình (làng Vừng) là có cơ sở bí mật. Còn ở các xã, tổ chức quần chúng giữ bí mật với địch, công khai với dân. Những tên phản động hoặc những người cầu an đã chạy vào thành phố Hải Phòng. Các phong trào thi đua yêu nước như mua công phiếu kháng

chiến, nộp thuế, đi dân công, tuyển quân, huyện Kim Thành đều làm đầy đủ nghĩa vụ do Tỉnh giao.

Phong trào học tập văn hóa, tập diễn văn nghệ rất sôi nổi. Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mark ra đời do tôi làm Hội trưởng để tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, có đồng chí Phí Văn Tưởng làm cán bộ giúp việc (đồng chí Tưởng mang cái tên "Tưởng - Marx" là vì thế. Sau này đồng chí Tưởng làm Chủ tịch huyện Kim Thành, và làm Chủ nhiệm Công ty Bách hóa Hải Dương).

Đặc biệt phong trào luyện quân, xây dựng lực lượng vũ trang rất nổi. Mỗi xã có một Trung đội dân quân du kích, huyện có một đại đội gồm 3 trung đội. Tháng 8-1949 toàn huyện đã tổ chức Đại hội Tập ở huyện Tứ Kỳ trong 3 ngày liền. Nhân dân toàn huyện tuy bị địch

chiếm đóng, nhưng đã kéo ra khu Tự do Tứ Kỳ hàng vạn người dự Đại hội Tập. Địch biết ta tổ chức Đại hội Tập rất lớn ở vùng Tự do nhưng chúng cũng chẳng dám làm gì. Phong trào quần chúng rất vững. Khi địch đánh chiếm vùng Tự do Từ Kỳ, Ninh Giang, Thanh Miện... của Hải Dương, cơ quan huyện đã chuyển hẳn về đất Kim Thành. Đầu năm 1950 đã tổ chức Đại hội Đảng ở thôn Cao Ngô, xã Liên Hòa.

Xây dựng gia đình

Đầu năm 1949 tôi đã bước sang tuổi 20. Lúc này các đồng chí trong Huyện uỷ với lứa tuổi như tôi đều đã có gia đình, con cái đề huề, riêng tôi vẫn sống độc thân, lại là uỷ viên Thường vụ phụ trách dân vận. Lệ "tảo hôn" cũng làm tôi phiền lòng. Ban Chấp hành Phụ nữ huyện có nhiều đồng chí chưa lập gia đình, nên

các đồng chí cứ gán ghép, giới thiệu với tôi nhiều "cô". Tôi cũng hiểu Ban Thường vụ rất quan tâm đến việc thành lập gia đình của tôi. Mới 20 tuổi mà mọi người cho rằng tôi đã "ế vợ", hoặc có bệnh (?) nên mới không lấy vợ. Các cô phụ nữ xã, huyện, đều muốn gán cho tôi cô này, cô khác. Có cô mạnh dạn nói thẳng "muốn làm bạn" với tôi. Cô khác tế nhị hơn chỉ chăm sóc đời sống cho tôi như giặt giũ, vá may quần áo giúp. Tôi đều cảm ơn, tất cả không dám ngỏ lời với bất cứ ai, vì tôi nghĩ mình còn ít tuổi, trong lúc kháng chiến gian khổ, không may bị hy sinh sẽ làm dang dở cho chị em, nên tôi không dám đặt vấn đề xây dựng gia đình...

Khoảng tháng 4-1949, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hải Dương dự kiến điều tôi lên làm Trưởng ban chiếm đóng của Tỉnh. Các đồng chí khuyên tôi nên lấy vợ

trước khi lên Tỉnh, nhất là những đồng chí thân thiết như đồng chí Lê Công Thiện, Hoàng Hồi, Nguyễn Văn Ngoạn. Đồng chí Thiện lúc đó phụ trách đồn 9, có xã Bình Dân. Đồng chí Hồi người xã Bình Dân giới thiệu cho tôi cô Phí Thị Tâm là Bí thư Phụ nữ xã Bình Dân mới 17 tuổi. Tôi cũng biết sơ qua đồng chí Tâm, vì đồng chí Tâm được kết nạp vào Đảng mới 16 tuổi, mà qui định Điều lệ Đảng lúc đó là 17 tuổi (tính cả tuổi mụ là 18) thì mới được kết nạp vào Đảng. Khi tôi là Trưởng ban Tổ chức Huyện uỷ đã về xã Bình Dân thẩm tra việc kết nạp sai điều lệ về tuổi của đồng chí Phí Thị Tâm. Nhưng sự việc cũng dừng ở đó thôi. Đến khi đồng chí Thiện và Hồi giới thiệu, nhận làm mối cho tôi, tôi cũng rất phân vân. Sau do sự vận động, có lúc như thúc ép, tôi mới nhận lời. Chúng tôi gặp nhau được 3 lần, trao đổi sơ sơ, nhưng

Ban Thường vụ Huyện uỷ có ý kiến là tổ chức đám cưới luôn, và chủ động đi bàn bạc với hai gia đình chúng tôi. Hai gia đình cũng đồng ý.

Thế là đến ngày 13-6-1949 đám cưới của chúng tôi được tổ chức theo hình thức "đời sống mới" ở thôn Phù Tinh thuộc khu Hà Đông, huyện Thanh Hà. Ngày tổ chức lễ thành hôn do Huyện và hai xã Cộng Hòa, Bình Dân đứng ra tổ chức rất đông vui. Tiệc cưới có bánh kẹo, đặc biệt là có xôi vò, chè đường, do hai xã tặng cô dâu chú rể. Hôm đó tôi bận họp Thường vụ, việc tổ chức là nhờ vào huyện, xã, cô Tâm với gia đình lo liệu. Cô Tâm mới 17 tuổi nhưng đã quán xuyến một phần công việc ngày hôm đó. Đúng 5 giờ chiều, họp xong Ban Thường vụ Huyện uỷ, chúng tôi cùng về một lúc. Đến Phù Tinh, tôi mới mượn được chiếc

áo sơ-mi trắng của anh Hồng Long và cái quần ka ki của anh Ngoạn để mặc về làm lễ thành hôn. Tôi thay bộ quần áo nâu đưa cho nhà tôi gói cất đi. Cô dâu cũng giở gói tư trang đưa cho tôi đôi dép cao su trắng hiệu "con hổ". Lần đầu tiên tôi được đi đôi dép cao su trắng, do vợ mua cho, tôi rất cảm động...

Hình như tôi có duyên với đồng chí Lê Ràm. Trong dịp này đồng chí Lê Ràm công tác ở Ban chiếm đóng Liên khu III về công tác ở Kim Thành. Tôi mời đồng chí đến dự, đồng chí đã làm bài hát và tự hát trong buổi lễ thành hôn của chúng tôi. Tôi chỉ còn nhớ có một câu... "Cả huyện đi ăn cưới đôi Thành - Tâm"...

Oái oăm và đáng buồn cho chúng tôi! Đúng 9 giờ tối, mọi người đang thu xếp dọn dẹp, nhất là gia đình cụ Hương Hòi thôn Phù Tinh suốt cả ngày lo lắng

nấu nướng giúp đỡ, nhà sư chùa Phù Tinh tạo mọi điều kiện tốt nhất cho lễ thành hôn của chúng tôi, tất cả còn đang bận rộn dọn dẹp thì có tin địch sẽ tiến công vào khu Hà Đồng sáng sớm ngày hôm sau. Như vậy là cơ quan huyện Kim Thành đóng tại Hà Đồng, ngay đêm 13-6-1949 phải chuyển hết sang Tứ Kỳ. Gia đình hai họ phải trở về Kim Thành ngay đêm đó. Thật là không ngờ ngày vui lại vất vả đến thế.

Mọi việc chuẩn bị cho đêm tân hôn không còn nữa vì 12 giờ đêm thu xếp xong công việc, hai vợ chồng đi bộ đến sáng ngày 14-6-1949 mới đến làng Mép - Tứ Kỳ, nơi gia đình tôi sơ tán.

Ngày hôm sau địch không đánh lên khu Hà Đồng, đó chỉ là tin dự báo thôi. Còn tôi lại phải đi họp ở tỉnh rồi về họp ở huyện. Thực sự đêm tân hôn

của chúng tôi phải sau 17 ngày nữa mới được "chính thức hóa". Nói chuyện này nhiều đồng chí của tôi vừa buồn cười, vừa không tin, nhưng sự thật là thế.

Sau này thỉnh thoảng tôi hay nói vui với nhà tôi, nhất là sau khi từ "Ăng ca" ở Campuchia du nhập sang, tôi bảo đám cưới chúng mình do "Ăng ca" cưới cho đấy? Vợ chồng cùng cười... Nhưng "Ăng ca" Việt Nam khác "Ăng ca" Campuchia.

Đồng chí Phí Thị Tâm khi còn trẻ là cô gái xinh đẹp nhất nhì trong huyện. Về phẩm chất đạo đức phải nói là hiếm có, giỏi việc nước, đảm việc nhà. Sáu năm tôi đi tù và công tác xa, đồng chí giữ chữ hiếu với cha mẹ hai bên, giữ trọn nghĩa tình với chồng, làm trọn nhiệm vụ với Đảng và nhân dân giao cho, trông nom con cái chu đáo. Sau 8 năm chúng tôi cưới nhau mới sinh cháu đầu là Đoàn

Duy Linh năm 1957 và tiếp 3 cháu nữa. Liền trong 4 năm 11 tháng chúng tôi đã sinh 4 cháu trai, trong lúc kinh tế cực kỳ khó khăn. Vợ tôi vẫn đi làm và chăm nuôi con, giúp đỡ chồng rất chu đáo, dạy bảo con cái đến nơi đến chốn, cho tới ngày các cháu trưởng thành. Đồng chí Nguyễn Thị Định, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữa Việt Nam đã đến tận nhà tôi để gắn Huy chương vì Sự nghiệp giải phóng Phụ nữ cho cả hai vợ chồng tôi.

Đồng chí Tâm xuất thân từ gia đình nhà nho nghèo yêu nước. Ông nội là cụ Thương Quê, còn gọi là quan Thương, đô tú tài làm Thương tá Hải Dương, cùng với Cao Bá Quát chống vua Tự Đức. Cụ bị xử tử hình, chôn nửa người, sau một tuần mới mất. Do những người lính canh tử tế, đêm đem nước cháo cho cụ uống, nên mới sống được 7 ngày. Gia đình sợ

hãi phải chạy xuống xóm "Lau" xã Đại Đức, Kim Thành lánh nạn. Gia đình trở lên nghèo khổ. Khi cải cách ruộng đất được qui thành phần cố nông. Tuy nhà nghèo, đến Cách mạng tháng 8-1945 mới được đi học, nhưng đồng chí Phí Thị Tâm chăm học, có di truyền thông minh, nên học giỏi, tiếp thu rất nhanh, khi đi làm cách mạng từng bước được học tập, đào tạo nên công việc phụ trách đều làm tốt. Họ Phí thôn Quê Phương, xã Bình Dân, Kim Thành có truyền thống nho học, thông minh nên địa phương có câu: "Văn chương họ Phí, lý sự họ Bùi..." vì thời kỳ đó cả huyện Kim Thành chỉ có hai người đỗ Tú tài thì đều người họ Phí cả.

Đầu năm 1950, giặc Pháp đánh chiếm vùng Tự do của tỉnh. Để chia lửa với hậu phương, phân tán lực lượng địch,

huyện uỷ phân công 3 đồng chí uỷ viên Thường vụ Huyện uỷ về 3 đồn vận động quần chúng đánh địch. Mỗi đồn phải tổ chức một trận đánh tiêu biểu. Tôi được phân công về đồn 8, đồng chí Hoàng Hồi về đồn 5, đồng chí Vũ Viết Thưởng huyện đội trưởng về đồn 9. Huyện Kim Thành lúc đó đóng ở thôn Bàu và thôn Bửa thuộc khu Hà Đông, huyện Thanh Hà. Tôi về đồn 8, xã Cộng Hòa là nơi có lực lượng vũ trang mạnh, có đồng chí Bí thư chi bộ xã, Chủ tịch xã, xã đội trưởng, Thường vụ rất năng nổ, chiến đấu dũng cảm như đồng chí: Vượng, Văn, Cao, Quang, Đắn, Hoàn, Vanh. Đồng chí Huyện uỷ viên phụ trách đồn là Nguyễn Tiến Long rất hăng say đánh giặc...

Tôi cùng các đồng chí nghiên cứu đánh một trận mở đầu ở đồn Lai Khê, nơi địch tập trung mạnh nhất huyện. Nếu

ta đánh thắng sẽ có tiếng vang cho toàn huyện. Nắm được qui luật đi lấy nước ngọt của địch ở giếng thôn Thanh Liên, tôi chọn cách đánh "độn thổ", giáp vị trí quận, để gây bất ngờ cho địch. Chúng tôi đào 8 hố giấu kín 8 du kích đã được thực tập gần một tháng ở Bến Tắm huyện Chí Linh, khu căn cứ kháng chiến. Trên nắp hố và chung quanh được hóa trang rất cẩn thận. Những người đi đào hố đều lấy du kích thôn Tường Vu, khi đào xong trở về đều tập trung ở xóm Trại thôn Tường Vu, chờ đến khi trận đánh kết thúc mới được về nhà để bảo đảm tuyệt đối bí mật cho trận đánh.

Chiều ngày hôm trước 4-3-1950 có cuộc họp để phân công chỉ huy trận đánh tại nhà anh Chuẩn xóm Trại thôn Tường Vu. Đồng chí Đào Quang Đắn (tức Tuyên) xã Đội trưởng xã Cộng Hòa

đã cùng anh em đi tập luyện ở Bến Tắm, Chí Linh, đề nghị xin cử đồng chí khác làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Tuyên chỉ nhận làm chỉ huy phó. Qua trao đổi một lát với các đồng chí lãnh đạo xã, tôi quyết định cử đồng chí Đào Quang Vượng, phó Bí thư chi bộ, chính trị viên xã đội, con người dũng cảm mưu trí và đã chỉ huy trực tiếp hai trận đánh mìn ở xóm gốc Me và Xóm Đình năm 1948, là người đã theo sát tình hình diễn biến hàng ngày địch đi lấy nước ngọt ở giếng Thanh Liên, làm chỉ huy trưởng trận đánh quan trọng này. Mọi người đều nhất trí. Hai đồng chí Vượng và Tuyên cùng 8 du kích hứa quyết tâm làm trọn nhiệm vụ được giao. Tôi còn trao đổi kỹ với hai đồng chí chỉ huy trưởng và chỉ huy phó về một số tình huống bất trắc có thể xảy ra. Sau đó tôi cho các đồng chí ăn nghỉ, đến 10 giờ đêm ra trận địa để nhận địa hình, nơi

mình sẽ phải nằm dưới hố khoảng 10 giờ để chờ địch. Tôi biết đó là những giờ phút rất căng thẳng, nhất là những anh em nằm dưới hố. Tuy tất cả là người địa phương rất quen biết địa hình, đã đi xem xét và thực tập nhiều lần, nhưng anh em vẫn có nhiều lo lắng. Giả dụ xe tô đè lên miệng hố, thì có quyền xông lên đánh địch không? Ngồi lâu dưới đất khi lên có thể bị chuột rút bị mắt quáng gà? nước uống cho anh em? nếu địch không đến, hoặc bị lộ...? Tất cả mọi tình huống đặt ra đều được giải đáp chu đáo.

Ngày 5-3-1950 vào hồi 8h30 một xe chở nước (Citerne) cùng hai tên lính da đen trên một xe Jeep, cùng đi với 4 người tù chúng bắt đi vác vòi bơm. Hai đồng chí chỉ huy rất lo. Khi đến bờ giếng chúng dừng xe, đi quan sát rất kỹ, đi đi lại lại mà không cho vòi xuống bơm

nước. Các đồng chí đã nghĩ đến chuyện bị lộ, nhưng đồng chí Vượng nói cứ bình tĩnh, theo rõi sát mấy thằng lính... Có lúc tên lính đến rất gần chỗ chỉ huy của hai đồng chí, nhưng các đồng chí vẫn giữ yên lặng theo rõi. Sau khoảng 15-20 phút rất căng thẳng, 2 tên lính da đen quay về xe lấy nước, bắt tù vác vòi xuống giếng. Máy bơm nổ thì lúc đó đồng chí Vượng phát hoả, hô "xung phong". Tám chiến sĩ du kích gan vàng, dạ sắt, đã đồng loạt đội nắp hố cá nhân xông lên đánh địch. Do bị đánh bất ngờ, địch vô cùng hoảng sợ. Ta bắt sống hai lính da đen, tước súng và tha ngay 2 tên này, giải thóat 4 tù chính trị địch bắt đi lấy nước. Đây là trận đánh "độn thổ" đầu tiên của huyện Kim Thành, là trận đánh sâu trong lòng địch, làm cho chúng hoang mang lo sợ. Chúng cho là bộ đội chủ lực đã vào sâu trong đất tạm chiếm của chúng, chỉ có

bộ đội chủ lực mới dám đánh "độn thổ" như thế. Chúng sợ bị phục kích, không dám tung quân ra truy kích lực lượng ta, dù bốt quận cách trận địa 100 mét, cách Tiểu khu quân sự Lai Khê 400m. Mãi đến chiều 5-3-1950 sau khi tung quân thăm dò các ngả đường vào giếng Thanh Liên, chúng cho là an toàn, đến 4 giờ chiều chúng mới dám đến nơi trận chiến xảy ra. Còn lực lượng ta đã được chuẩn bị chu đáo rút về xã Thượng Vũ an toàn. Ngay trưa hôm đó, tôi chỉ thị cho anh em hóa trang là phụ nữ, súng tháo ra làm ba, bỏ vào quang gánh, 12 giờ trưa vượt đường 5, đóng giả là người đi chợ vượt đường 5, đường sắt, về qua xã Cổ Dũng rồi về thôn Tường Vu, Xóm Trại. Tối hôm đó tổ chức liên hoan mừng chiến thắng, nhưng rất bí mật và gọn nhẹ. Sau đó tôi cử hai đồng chí du kích xã là Đoàn Hữu Cự và Lưu Văn Thơ cùng đồng chí xã đội

trưởng mang 2 súng trường Mỹ - chiến lợi phẩm, nộp cho huyện đội Kim Thành và lĩnh thưởng mỗi khẩu 500 đồng tiền cụ Hồ.

Trong đêm hôm đó, tôi cũng vượt qua đường số 5, đường sắt, xuống thôn Cam Đông, xã Việt Hưng thuộc đồn 8 và các xã khác để tuyên truyền chiến thắng, và phân tích âm mưu của địch đánh rộng ra vùng tự do của tỉnh Hải Dương. Các chiến sĩ gan vàng, dạ sắt của xã tôi gồm 10 người (2 chỉ huy, 8 du kích) đến hôm nay chỉ còn 5 đồng chí. Hai đồng chí chỉ huy là Vượng và Tuyên đã về hưu, đang sinh sống ở xã Cộng Hòa.

Đồng chí Vượng không may bị mù cả hai mắt. Tám du kích, nay còn 3 đồng chí là: đồng chí Ngách, đồng chí Nàng, đồng chí Thành đang sinh sống ở xã Cộng Hòa. Ba đồng chí này là người của

3 thôn: Đồng chí Ngách thôn Tường Vu, đồng chí Năng thôn Lai Khê, đồng chí Thành thôn Thanh Liên. Thật là sự ngẫu nhiên thú vị, mỗi thôn còn một đồng chí làm nhân chứng lịch sử. Còn 5 đồng chí khác do tuổi già sức yếu đã qua đời.

Đây là trận chiến đấu lần cuối trong đời hoạt động của tôi ở Kim Thành, Hải Dương trước khi chuyển sang hoạt động ở một môi trường mới, phức tạp và gian khổ hơn - Thành phố Hải Phòng.

Kết thúc giai đoạn công tác ở Hải Dương, nơi chôn rau cắt rốn của tôi và tôi đã trưởng thành từ đấy bằng những công việc thiết thực cụ thể để xứng đáng với Hải Dương quê hương có đường 5 "Anh dũng kiên cường" yêu quí, với xã Cộng Hòa anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời chiến tranh chống thực dân xâm lược Pháp, xứng đáng

với Thành phố Hải Phòng "Trung dũng quyết thắng" thân thương, là nơi "Lửa thử vàng, gian nan thử sức" rất khốc liệt, mặt đối mặt với quân thù, nơi cái sống và cái chết diễn ra không đầy gang tấc và đã kéo dài đời hoạt động của tôi tới 36 năm chẵn (tháng 6¬-1950 đến 6-1986), tại Thành phố Cảng anh hùng, biết bao kỷ niệm buồn vui và đầy kịch tính.

Chương 4

CUỘC CHIẾN ĐẤU MỚI, MẶT ĐỐI MẶT VỚI QUÂN THÙ

Sau chiến thắng tuy nhỏ nhưng vang dội vì cách đánh rất táo bạo ngay trong lòng địch, tôi đang đi sang các xã khác dọc theo đường số 5 thuộc đất Kim Thành vừa tuyên truyền chiến thắng vừa chuẩn bị một trận chiến khác, thì được lệnh ra Thanh Hà gặp cấp trên.

Đó là đầu tháng 4-1950, tôi cùng Ban Thường vụ huyện uỷ đến thôn Phù Tinh khu Hà Đông thuộc huyện Thanh

Hà, Hải Dương, gặp đồng chí Lê Thanh Nghị, Phó Bí thư Liên khu uỷ III, Bí thư phân khu uỷ Tả ngạn Sông Hồng về làm việc với Huyện uỷ. Có các đồng chí Đào Đức Chính - phó Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh Hải Dương và một số đồng chí khác.

Sau buổi làm việc xong, anh Nghị gặp tôi nói chuyện và hỏi tôi về tình hình khu tạm chiếm Kim Thành, trận đánh độn thổ ở Thanh Liên. Rồi anh nói: "Tôi về kiểm tra 4 tỉnh và Thành phố Hải Phòng thuộc Tả Ngạn Sông Hồng, tôi đã quyết định chia Hải Phòng làm 3 quận, nay thiếu cán bộ chủ chốt làm Bí thư Quận uỷ. Tỉnh uỷ Hải Dương giới thiệu đồng chí về làm Bí thư một quận".

Tôi đang quen công tác ở nông thôn, gắn bó với Kim Thành, đường 5 khói lửa, nay sang một môi trường mới, tôi đang

phân vân suy nghĩ, anh Nghị nói ngay: "Đồng chí vào công tác nội thành thích hợp đấy, sẽ quen dần...". Lúc đó tôi mới 21 tuổi và cũng hơi đẹp trai, nên anh Nghị tỏ vẻ mến tôi lắm. Tôi trả lời anh: "Đảng điều động đi đâu, tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh...". Và kể từ đây tôi biết anh Nghị, rất quý anh.

Tháng 6-1950 tôi sang Đèo Voi, nơi Thành uỷ Hải Phòng sơ tán thuộc đất huyện Sơn Động tỉnh Bắc Giang, tôi lại gặp anh Nghị. Anh đã viết xong quyển "Bệnh cẩu an", cho tôi một quyển. Tôi hỏi anh sao lại gọi là "cẩu an" chứ không phải "cầu an". Anh giải thích "cẩu an" là con chó nằm yên, chữ có dùng ý phê bình cán bộ, đảng viên nhiều nơi trong khu Tả Ngạn sợ chết, như con chó không dám hoạt động gì, đầu hàng, đầu thú... còn "cầu an" thì nhẹ quá. Cần nghiêm

khắc phê bình nên phải dùng "cẩu an". Đầu quyển sách nhỏ, thay lời tựa, anh Nghị viết những lời hết sức trân trọng quí mến Bác Hồ như có câu: "Để mừng ngày sinh nhật Người 19-5, con xin kính dâng lên Người bài viết này...".

Khoảng tháng 5-1950 tôi nhận được nghị quyết của Tỉnh uỷ Hải Dương điều sang công tác ở Hải Phòng, do đồng chí Trần Tạo - Quyền Bí thư Tỉnh uỷ kiêm Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính Hải Dương ký (lúc này anh Nguyễn Năng Hách là Bí thư Tỉnh uỷ đang ở Khu căn cứ địa Chí Linh). Tôi đến chào anh Trần Tạo để sang Hải Phòng công tác. Tỉnh uỷ đóng ở thôn Bàu Bửa thuộc khu Hà Đông, Thanh Hà. Anh Trần Tạo gặp tôi rất vui vẻ. Anh nói: "Tỉnh uỷ đã chọn rất kỹ số cán bộ của tỉnh, nay chọn đồng chí sang Hải Phòng công tác, đồng chí cố

gắng làm tròn nhiệm vụ. Tỉnh uỷ trước đây đã dự kiến đưa đồng chí sang làm Bí thư Huyện uỷ Kinh Môn, nhưng theo yêu cầu của Khu uỷ, Tỉnh uỷ cử đồng chí sang Hải Phòng". Tôi hỏi thêm anh Trần Tạo về một số tình hình ở Hải Phòng, anh bảo tôi: "Chắc đồng chí Phó Bí thư Liên Khu uỷ đã nói rõ tầm quan trọng của địa bàn Hải Phòng với đồng chí rồi..." Sau đó, anh bảo Văn phòng lấy 500 đồng tiền cụ Hồ, có in hình con trâu xanh cho tôi, để có tiền đi đường sang Đông Triều, đến Đèo Voi Bắc Giang nhận công tác tại Thành uỷ Hải Phòng.

Nhớ phong trào! Nhớ nhân dân! Nhớ đồng chí! Đặc biệt là thương vợ mới cưới được 10 tháng. Dù đồng chí Phí Thị Tâm lúc đó mới 18 tuổi, đã trưởng thành, vào Đảng từ năm 16 tuổi, đã làm Bí thư phụ nữ xã Bình Dân, nhưng tình

chồng vợ hương lửa đang nồng, chia tay nhau sao khỏi bịn rịn. Hôm tiễn đưa tôi sang Hải Phòng công tác, đứng dưới gốc cây gạo thôn Tường Vu, cây gạo có hàng trăm tuổi, (nay vẫn là cây cổ thụ sống lâu nhất vùng), vợ tôi nước mắt lưng tròng, bắt tay tôi, mặt quay đi để tôi không nhìn thấy giọt lệ tuôn trào. Một số đồng chí xã Cộng Hòa như đồng chí Long, đồng chí Ngoạn Huyện uỷ viên cũng đến gốc cây gạo tiễn tôi. Nửa tiểu đội dân quân du kích xã Cộng Hòa đưa tôi vượt đường 5, đến thôn Cam Đông xã Việt Hưng. Tôi ngủ lại một đêm, chiều hôm sau qua Kinh Môn đến trạm giao thông Nhị Chiều của Hải Phòng để được dẫn đến Đèo Voi Bắc Giang gặp Thành uỷ Hải Phòng. Giúp tôi đi đường xa, huyện đội Kim Thành cử chú Phết liên lạc của huyện đội đi với tôi đến Đèo Voi, sau một tháng chú Phết trở lại Kim Thành.

Đến Hải Phòng, nằm chờ ít ngày ở núi Cò Nhớn Đèo Voi, tôi gặp đồng chí Văn Bút, Bí thư Huyện uỷ An Dương, Kiến An, đồng chí Giản tức Kim, Thường vụ Huyện uỷ Thái Ninh tỉnh Thái Bình đến nhận công tác làm Bí thư Quận uỷ, cùng ở Đèo Voi. Cơm hẩm cá khô, rau muống, đồng chí Bút sau này thường nhắc đi nhắc lại nhiều lần: "Một con cá phèn, sáng tôi ăn đầu, anh Thành ăn đuôi, chiều tôi ăn đuôi, anh Thành ăn đầu...". Cho đến tháng 6-1950 tôi nhận quyết định về làm Bí thư Quận uỷ Ngô Quyền kiêm Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính, Chính trị viên Quận đội. Đồng chí Nguyễn Văn Bút, Bí thư Quận uỷ Bạch Đằng, đồng chí Giản tức Kim vì không quen công tác nội thành nên không dám nhận chức Bí thư Quận uỷ. Thành uỷ quyết định cử đồng chí Minh Sơn làm quyền Bí thư Quận uỷ Cửa Cấm. Sau khi

có quyết định tôi đã nhanh chóng hình thành bộ máy cơ quan Quận. Có điều lúc này Thành uỷ đã chủ trương chuyển hướng, chỉ đấu tranh chính trị, không đấu tranh vũ trang. Ngay cả 2 huyện Thủy Nguyên và Hải An cũng không đấu tranh vũ trang. Bởi vậy tổ chức ra Quận đội rất hình thức, thêm cồng kềnh, có vũ khí không được nổ súng. Tôi quen hoạt động ở Kim Thành, cán bộ chính trị dân vận cũng được đào tạo và trang bị cho súng ngắn, lựu đạn, nếu cần là chiến đấu ngay. Nay có súng phải giấu đi, địch đến bắt phải giơ hai tay cho chúng trói, chúng còng. Nghĩ lại bây giờ thấy rất tiếc Những lúc địch sở hở, ta chỉ cần một quả lựu đạn có thể diệt hàng chục tên địch!

Khoảng cuối năm 1950 tôi đang ở ven đô, xã Kiền Bái thuộc huyện Thủy Nguyên để củng cố cơ sở khu 6 thuộc

quận Ngô Quyền bị phá vỡ. Bí thư chi bộ, chi uỷ như các đồng chí Huệ tức Hoạt, đồng chí Tố, đồng chí Học, đồng chí Sơn... đều đã bị bắt. Tôi củng cố vừa xong, cử đồng chí Hồng Sơn tức Sơn thọt tạm thời làm Bí thư chi bộ... thì được triệu tập về Đèo Voi họp, vì Thành uỷ có chủ trương tăng cường cán bộ cho Quận, cử các đồng chí Thành uỷ viên hoặc Thường vụ Thành uỷ xuống làm Bí thư Quận uỷ. Quận tôi do đồng chí Nguyễn Mạnh Ái làm Bí thư, tôi xuống làm Phó Bí thư còn các chức vụ khác vẫn giữ nguyên. Đồng chí Hoàng Mậu uỷ viên Thường vụ làm Bí thư quận uỷ Bạch Đằng, đồng chí Nguyễn Văn Phùng làm Bí thư Quận uỷ Cửa Cấm. Các Quận về đóng rải rác ở Thủy Nguyên, Kinh Môn.

Sang năm 1951 tôi làm xong giấy tờ vào nội thành hoạt động.

Trận chiến đầu tiên

Cảng Hải Phòng lúc này là cái cuống họng của đội quân viễn chinh Pháp ở Bắc Bộ, nên chúng bố phòng rất chặt chẽ. Mật thám, chỉ điểm giăng khắp các nẻo phố, nhung nhúc như rươi, hung ác hơn cả dã thú. Vì hoạt động trong lòng địch nên tôi giữ rất nghiêm ngặt nguyên tắc bí mật. Khi đến Hải Phòng, tôi đóng vai người dân ở Hà Nội xuống Cảng tìm mối buôn bán. Mọi việc nói chung được trôi chảy, thuận lợi...

Mùa thu năm 1951 Hải Phòng kỷ niệm 2 ngày lễ lớn của dân tộc 19-8 và 2-9. Năm đó có sự chuyển hướng đấu tranh trong lòng địch. Thành uỷ quyết định không treo cờ và rải truyền đơn như mọi năm mà tổ chức từng nhóm, tổ ba người, cùng với quần chúng cảm tình cách mạng đi nói chuyện tới từng

gia đình, từng người về cách mạng tháng Tám, về Hồ Chủ Tịch, về cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược, vận động nhân dân chống bắt lính, ủng hộ kháng chiến, đưa con em ra vùng tự do tòng quân giết giặc...

Trong bối cảnh đó, ngày 18-9-1951 lúc tôi đang ăn cơm tối với ông chủ nhà, ông Ngỗi, là cơ sở của ta, thì bị sa vào tay địch. Nguyên do Lê Thanh là Phó Bí thư Huyện Hội phụ nữ huyện Hải An bị giặc bắt, không chịu được đòn thù của địch đã khai phá cơ sở.

Lúc bọn mật thám nhốn nháo xông vào nhà ông Ngỗi, chúng kéo theo cả một số người vừa bị bắt, người nào cũng thâm tím mặt này, áo quần bết cả bùn lẫn máu. Tôi buông đũa nhìn ra: anh Hùng (Điều) giao thông viên quận tôi, anh Tham (Rỗ)

Phó thư ký công đoàn khu 6 thuộc quận Ngô Quyền, anh Đào Hữu Thăng, chị Khương và bốn, năm người nữa đều là cơ sở cách mạng. Thấy nguy cơ bị bắt, tôi tháo vội chiếc đồng hồ và chiếc nhẫn vàng quẳng xuống gầm giường. Nhưng quan trọng là làm thế nào để thông tin cho các đồng chí của tôi vừa bị bắt đừng có nhận nhau, đừng có khai báo. Thằng Xếp Hòa lấy tay đẩy tôi ra khỏi cửa và hỏi: "Anh biết những đứa này chứ?".

Lợi dụng câu hỏi, tôi nhìn thẳng vào mấy chỗ anh chị em vừa bị bắt và lên tiếng trả lời:

- Không? tôi không hề quen biết mấy người này. Tôi không biết họ là ai, bởi tôi mới ở Hà Nội xuống đây tìm người nhà.

- Mày nói dóc! - Hắn vừa nói vừa phẩy tay ra lệnh cho mấy tên ác ôn lục

soát trong nhà.

Tôi vẫn cố ý cãi to:

- Tôi là người Hà Nội, thẻ căn cước của tôi ở Hà Nội! Giấy đi khám bệnh ở Hà Nội. Tôi vừa xuống đây tìm người nhà để tìm mối buôn bán.

Thằng mật thám Tây lai Mác-tanh, xem giấy tờ của tôi, có một thoáng ngần ngừ song vẫn phẩy tay ra lệnh:

- Mặc áo vào.

Tôi đứng yên không mặc.

- Đù mẹ thằng này bướng!

Thằng Phúc vừa chửi vừa thẳng tay nện hai quả thật lực vào ngực tôi đánh "hự", lấy còng khóa tay và ấn tôi lên xe. Chiếc xe chật ních người. Mặc mấy tên chỉ điểm ngồi kèm sát, tôi đưa mắt nhìn

từng người và lắc đầu ngầm ra tín hiệu cho các đồng chí của tôi không khai, không nhận nhau. Về bốt Cống Trắng - Cát Bi, hành dinh của bọn mật thám không quân, tôi đã thấy Lê Thanh. Hình như sau khi chị đã khai báo, địch nới tay cho chị ra ngoài phòng giam. Thấy tôi, chị liền giơ tay đấm vào bụng tôi ba bốn đấm, nói trước mặt mấy tên mật thám:

- Mày biết võ nghệ của tao chưa?

Tôi nhìn chị nửa giận, nửa thương hại, nói luôn:

- Võ của chị đánh tôi không đau đâu, mà tay chị mới đau.

- Tao đã khai mày là chủ tịch rồi!

Tôi trừng mắt nhìn chị và nói:

- Tôi quen biết gì chị? Chị là phụ nữ

mà ăn không nói có, chị không để đức cho con cháu mai sau à? Tôi xưa nay không hề quen biết chị.

Nghe tôi nói hai mắt chị cụp xuống, quay mặt và lảng đi về phía buồng giam tù.

Chúng đẩy tôi vào xà lim. Lúc này một phần lo cho bản thân, phải chuẩn bị gồng mình chịu tra tấn, nhưng lo hơn cả là số đồng chí của tôi vừa bị bắt. Phải làm thế nào giữ vững tinh thần của các đồng chí, không khai báo, không nhận nhau? Nếu để chúng tra hỏi họ trước, có thể sẽ rất nguy, danh tính của tôi cùng cơ sở sẽ bị lộ hết.

Vào đây tôi được biết cứ 12 giờ đêm chúng mới lôi người bị bắt lên tra tấn hỏi cung. Hôm ấy chừng 11 giờ tôi đập cửa xà lim, gọi rầm lên. Bọn chúng đang ngủ,

chồm dạy chửi tục:

- Tiên sư thằng này, mày định khai báo hay sao?

- Tôi người Hà Nội xuống đây, là người dân lương thiện, sao các ông lại bắt mà không hỏi cho rõ, lại giam ở đây không cho về?

- Đ. mẹ thằng này làm ông mày mất giấc ngủ hả? Lôi cổ nó lên đây! Cho nó, nếm thử các món xào xáo của các ông Tổ sư nhà trời!

Chúng lôi tôi lên đấm đá một hồi, nhưng tôi vẫn cãi to, cố ý để mấy đồng chí dưới xà lim nghe thấy:

- Tôi có đủ giấy tờ hợp lệ của các ông cấp. Tôi là người Hà Nội, các ông bắt oan tôi!

Quả nhiên sáng hôm sau chúng điệu tôi lên đánh trước, đánh quyết liệt.

- Thằng này đêm qua đánh lừa chúng ông...

Chúng dùng găng tay đấm bốc đánh vào hai bên thái dương, vào mặt, đánh thúc vào ngọc hành, chúng "xin âm dương" khi tôi đứng lên, đá mũi giày vào mạng sườn khi tôi ngã xuống. Thằng Đới "hứ hự" to khoẻ nên những cú đá của nó rất nặng cân. Chiếc xương sườn bên trái tôi, nơi có cái nhọt, bị gãy, máu me chan hòa, máu càng vọt ra khi chính tay nó cầm gậy tre thọc sâu vào nơi đó...

- Cơ sở mày ở đâu? Tài liệu mày để đâu? Súng và con dấu mày để đâu?

Tôi chỉ còn nghe láng máng lời tra hỏi, lúc ngất đi, khi tỉnh lại. Nhưng khi

tỉnh lại tôi vẫn một mực trả lời không chút khiêu khích:

- Tôi hồi cư về Hà Nội, về cùng các ông, kiếm sự an toàn của các ông. Tôi xuống đây tìm người nhà để làm ăn buôn bán. Xuống đây tôi đã đi trình báo...

- Sao thằng Tham nó biết mày?

- Tôi chỉ đến hiệu nó may cái áo sơ mi. Tên tôi nó còn chưa biết. Các ông đánh nó đau quá, nó nói liều để đỡ đòn đó thôi.

Máu chảy nhiều quá, chiếc sơ mi đẫm máu, tôi ngất đi, tỉnh lại không rõ bao nhiêu lần. Chúng khiêng tôi vứt về xà lim. Lúc chúng điệu tôi qua cửa những buồng giam số anh em bị bắt hôm qua, với thân hình mềm nhũn, áo quần rách tả tơi đầm đìa máu đỏ hẳn số anh chị

em này biết tôi không khai, không nhận. Đau đớn nhưng tôi thấy yên lòng là bằng hành động này tôi đã ngầm thông tin cho các đồng chí của tôi phải gắng chịu đựng để đảm bảo cơ sở

Sau trận đòn ngày đầu, thân thể tôi bầm tím, máu bên sườn vẫn chảy, chẳng có thuốc mà cũng chẳng có băng. Tôi xé những mảnh áo rách nối lại làm băng buộc thấm máu. Những ngày tiếp chúng đánh tôi bằng nhiều cách khác, cho chết mà không có thương tích.

Có lẽ chúng thấy giấy tờ của tôi hợp lệ là người Hà Nội, nên cũng gờm, sợ tôi có thế lực ở trên đó. Vì vậy chúng thay đổi cách đánh. Tra điện qua ngọc hành. Mỗi lúc dòng điện chạy qua thắt cuộn ruột gan, cả người tôi co rúm lại, máu nơi vết đâm phọt ra ướt đất. Tra điện vào mang tai, từng lúc tôi thấy đầu tôi

như vỡ tung ra với muôn ngàn con đom đóm. Tôi lại ngã vật xuống, ngất đi. Khi tỉnh lại miệng khô đắng và khát nước, thèm nước. Chúng cho tôi uống nước vôi. Không uống thì chúng đè ra lấy muỗng tống muối vào miệng rồi đổ nước vôi cho muối trôi xuống. Đòn treo, treo ngược đầu xuống đất, treo hai tay quặt sau lưng, rồi dùng thước nện hai bả vai, hai bên đùi. Tôi có cảm giác như con chó sắp bị đem cắt tiết. Mỗi khi chúng buông thừng xuống, tôi đều bất tỉnh. Đợi khi tôi mở được mắt, chúng lại lải nhải dồn mấy câu hỏi cũ: "Con dấu mày để đâu? Cơ sở mày ở đâu?.." Tôi vẫn chậm rãi trả lời, không khiêu khích nhưng cũng không van xin:

- Tôi chỉ là người dân hồi cư về Hà Nội, về cùng các ông. Xuống đây tìm người nhà để buôn bán. Các ông xét xem

nếu tôi là Việt Minh thì sao khi xuống đây tôi lại đi trình báo hộ khẩu ngay.

- Thế mày tìm ai? ở đâu?

- Tôi mới xuống được vài ngày đang đi tìm chưa thấy, chứ nếu đã tìm được xin trình báo các ông ngay.

- Sao nhiều đứa bảo mày là chủ tịch?

- Tôi ở Hà Nội, có quen biết ai ở dưới này đâu. Các ông đánh quá đau, chúng khai lung tung thế.

Mười ngày qua, trận đòn nọ nối tiếp trận đòn kia. Đêm đó khoảng mười hai giờ tôi thấy chúng rì rì chạy một cái xe jeep đến. Có thằng Pơ-lê, xếp Hòa và lao xao một lũ ác ôn. Chúng mở cửa xà lim giam tôi. Tôi thấy chúng lôi trong xe ra một cái bao tải lớn. Tôi chắc hôm nay mình sẽ bị chúng giết chết. Bởi ở nơi

đây có biết bao nhiêu lần chúng làm như vậy. Chúng tống người vào bao buộc lại, quăng lên ô tô và đưa ra sông Lạch Tray, vứt tòm xuống, hoặc đào hố chôn ngay trên bãi. Sau khi hòa bình lập lại, ta đào bãi có biết bao bộ xương của những người con yêu nước vô danh. Thằng Hòa nhìn tôi nhún vai nói:

- Tao đã bảo mày khai thì chỉ cần khai một người, một việc, là mày được sống. Không cơ sở, không tài liệu, mày phải chết. Hôm nay tao cho mày hết cái gan, cái lì của mày đi. Tao sẽ chôn sống mày. Vừa nói nó vừa vẫy tay ra lệnh cho mấy tên ác ôn khiêng tôi nhét vào bao. Còn thằng Pơ-lê thì giở phép lịch sự của bọn quỷ sứ, giơ tay ngang mũ, kiểu chào vĩnh biệt người chết. Chúng kéo dài việc khâu, buộc miệng bao. Tôi nằm trong bao thoáng nghĩ đến Tâm, người vợ hiền

của tôi, song tự đáy lòng thấy cái chết đến yên ắng. Trong suốt mười ngày vượt qua đòn thù tra tấn, sức lực tàn kiệt, máu bên sườn nơi cái nhọt bị đâm thủng vẫn rỉ ra, nhưng tinh thần tôi vẫn vững vàng. Bao nhiêu cơ sở, bao nhiêu đồng chí cấp dưới trong cơ quan của tôi, bao nhiêu tài liệu, súng ống tôi đã giữ được trọn vẹn cho Đảng, cho cách mạng. Tôi mở mắt ra. Trong bao tối om, hình như chỉ có cái đốm trên đỉnh đầu, nơi bộ óc còn loé sáng. Nằm trong bao và yên trí chỉ lát nữa tôi vĩnh biệt cuộc sống, nhưng tôi vẫn nói vọng ra: "Sao các ông lại giết tôi? Giết một người dân hồi cư theo lời kêu gọi của các ông", nói đến đó thì tôi nghe thấy thằng Hòa ra lệnh: "Cởi ra đã".

Chúng lại tháo nút buộc. Thằng Hòa đến cạnh bao ôn tồn thuyết phục:

- Anh là người có học, thông minh,

tôi tiếc cho anh biết mấy. Chúng tôi đánh kẻ chạy đi, chứ không ai đánh kẻ chạy lại. Anh chỉ cần khai liên lạc với ai? Chỉ cần nói một người, một người thôi, thì ngày mai tôi lập tức cấp giấy tha anh ngay.

Chả là những khi bị tra tấn tôi chỉ nói xuống đây tìm người nhà, nay nó hỏi liên lạc với ai. Tín hiệu này tôi đã thoáng thấy chúng đã có nghi ngờ bọn chỉ điểm nói tôi là chủ tịch. Tôi trả lời ngay:

- Tôi hồi cư về Hà Nội, tin là vào trong này sẽ an toàn, có sự bảo trợ của các ông, sao các ông lại giết tôi, giết một người dân hồi cư theo lời kêu gọi của các ông? Nếu như đã tìm được người nhà, tôi đã thành thực khai, giấu các ông làm sao được.

Nghe vậy thằng Hòa lại quát lên:

- Thằng này muốn chết, phải chết - y lại ra lệnh - Khâu bao và tống mẹ nó xuống sông.

Hai ba thằng lại túm đầu ấn tôi vào bao. Thằng Focquet (Phốc-kê) lái xe, mở máy rì rì, ỉn ỉn như chuẩn bị chuyển bánh. Tôi vẫn nói vọng ra:

- Tôi không khai thì các ông cho là không trung thực, nhưng nếu nói bừa thì lại có lỗi với các ông.

Thằng Hòa lại quát:

- Mày nói lý, hôm nay chúng tao sẽ chiều theo ý mày! Sẽ chôn sống mày.

Chúng vẫn buộc miệng bao chầm chậm. Tôi lại mở mắt ra. Tối đen, chỉ có hơi xăng của chiếc xe đang nổ máy xộc vào mũi. Hình ảnh Tâm vẫn chập chờn trước mắt, tôi thấy nhói lên một

niềm thương. Hình ảnh thành phố cảng, những khu phố quen thuộc mà hàng ngày tôi qua lại, ngập ngụa bóng Tây say, những đồng chí của tôi lặn lội ngày đêm trong lòng địch, những bà mẹ cơ sở nuôi sống tôi. Tất cả hiện lên mồn một trong kí ức cùng với nỗi đau nhức nhói trong tim. Tôi nằm yên trong bao và loáng thoáng nghe thằng Pơ-lê nói với thằng Hòa: "Có thể... (certainement, possible) chứng liệu không chính xác!".

Độ mấy phút sau thằng Hòa ra lệnh cởi bao lôi tôi ra và nói:

- Ông xếp này bảo là cho mày thêm một đêm để suy nghĩ. Không khai, ngày mai mày sẽ chết...

Chúng lại khiêng tôi vứt vào xà lim. Tôi bò lết vì cả chân tay tê dại, khó nhấc lên được. Chỗ xương sườn bị gãy, nơi cái

nhọt bị đâm, vẫn đau nhức ri rỉ máu, mủ. Nhưng tôi cười thầm cái trò hù doạ xỏ lá của bọn chúng. Mấy đồng chí của tôi bị bắt ở ca-sô gần đấy lấp ló nhìn ra. Có lẽ sự chịu đựng và thái độ của tôi trước kẻ thù đã gieo được vào lòng họ những suy nghĩ về bổn phận của mình. Chị Lê Thanh, từ sau cái hôm đấm tôi mấy đấm vào bụng và nghe những lời nói bóng gió của tôi, tôi thấy chị cứ muốn lánh mặt. Mỗi buổi bọn mật thám điệu tôi lên bàn tra cung, rồi khi hết buổi chúng lại khiêng tôi xuống buồng giam với thân hình đẫm máu, mỗi lần như vậy tôi thấy chị quay mặt và lảnh đi chỗ khác. Thế rồi một hôm, chị lén ném cho tôi một cuộn băng và nói vội: "Lỡ bước trượt rồi thì đứng lại thế nào hở anh?". Tôi cũng trả lời vội: "Đứng lại ở đấy và đừng bước nữa thì khỏi ngã" (chị Lê Thanh hiện còn sống).

Cậu Xôi - Phong Cốc, (hắn là người Phong Cốc - Hà Nam, Quảng Yên). Hắn lầm lì ít nói, người cùng quê với xếp Hòa. Trước kia hắn cũng là cơ sở của kháng chiến, sau khi bị bắt, bị mua chuộc, rồi xếp Hòa dùng hắn để gác bốt và coi tù. Hình như hắn cũng chú ý theo dõi những người bị bắt lên tra đánh. Cứ mỗi lúc y thấy tôi máu me đầy người, không lết đi được sau khi bị tra đánh, thì y đều có cái nhìn thiện cảm. Bởi vậy khi tôi đập cửa xin nước, hắn đều đem lại rất sốt sắng. Có lần hắn còn lén bỏ vào ca nước những cục đường.

Rồi một hôm, bọn mật thám lôi Điều lên tra tấn. Sau những phát đạp đánh, Hùng Điều kêu rú lên, rồi thấy chúng điệu Điều ra xe nổ máy. Mấy phút sau chúng bắt về bốt một bà già. Khi Điều bước xuống xe thì Xôi xấn lại, y túm luôn

lấy Điều dùng báng súng nện vào ngực, chân đá Điều lăn lên, lộn xuống. Vừa đánh y vừa chửi tục: "Đù mẹ thằng này, mày mù à! Mày không nhìn thấy ai à! Mày định dẫn bắt hết cả dân thành phố này à..." Thì ra vậy! Trong lương tri sâu kín của những người con yêu nước, họ vẫn gặp nhau, tìm đến nhau, vẫn nhìn và làm theo nhau.

Anh Tham (rỗ), anh là phó thư ký công đoàn khu 6 thuộc quận, cơ sở đổ bể, anh bị giặc bắt. Mấy hôm nay bọn mật thám tập trung đánh và khai thác chức danh của tôi. Chúng đã thất bại khi đem Hùng Điều lên nhận diện. Hôm nay chúng dẫn Tham đến trước mặt tôi. Chúng đẩy Tham và giục: - Mày nói đi. Tên nó là gì?

Tham chưa kịp mở miệng tôi đã tranh nói trước: - Tôi ở Hà Nội có quen

biết gì nó.

Thằng Hòa đạp tôi một cái và chửi:

- Tao hỏi mày à! Khép cái mồm mày lại.

Rôi quay sang Tham:

- Nó làm cái gi?

Tham ấp úng:

- Con không biết, nhưng chắc nó làm to lắm.

Lập tức cả bọn xúm lại quật Tham xuống, vừa đánh vừa chửi: "Tổ sư mày! Cái mồm mày như đít con nhà thổ. Lúc có, lúc không". Tôi nhìn Tham, lại nhìn xuống chỗ có cái nhọt, nơi rẻ xương bị đánh gầy và vẫn rỉ máu, bỗng thấy bớt đau.

Mấy hôm sau chúng gọi tôi đến gần một chị phụ nữ quần áo tả tơi, đầu tóc rũ rượi. Xung quanh chị có thằng Lai-xanh và hôm nay, đặc biệt có cả thằng Đơ-he, chánh mật thám liên bang Đông Dương, thằng quản Xồm, tên mật thám phòng nhì khét tiếng hung bạo ở Hải Phòng. Tôi nhẩm chắc phen này sẽ bị chúng đánh chết, bởi chị phụ nữ đó chính là cô Hoa, Bí thư phụ nữ khu 7. Đã qua hai người nhận diện chúng đều thất bại. Lần này đưa Hoa ra nhận diện chắc khó có thể chối được.

Vừa nhìn thấy Hoa, ngay trước cả bọn Tây tôi rọi tia mắt nhìn thẳng vào mặt chị. Thằng Hòa lên tiếng hỏi Hoa: "Thằng này là ai?" Hoa chưa kịp mở miệng, tôi đã nói:

- Tôi không hề quen biết chị này!

- Hãy vạch mặt nó ra xem có phải con Hoa?

Chúng vạch mớ tóc rối bù trên mặt chị, tôi vẫn nhìn thẳng chị. Chị nói:

- Tôi không biết nó là ai, không hề quen nó.

Thằng Lai-xanh đá luôn hai đá vào bụng chị và hỏi dồn:

- Sao mày bảo biết nó là chủ tịch?

Hoa cuống lên:

- Không, con không biết. Tôi không biết! Các quan hỏi ông ấy!

Lai-xanh đá thốc luôn hai nhát giày nữa vào mặt chị và chửi tục:

- Cút mẹ mày xuống xà lim đi - và quay lại hỏi tôi - Sao nó bảo mày là chủ tịch?

- Các ông đánh nó đau quá nó khai lung tung.

- Mày hãy vào đây xem tao đánh nó.

- Các ông đánh nó, nó là phụ nữ, thì nó chết. Không chết, nó đau sẽ khai bừa. Các ông sẽ bắt hết dân Hải Phòng của các ông hay sao?

Thằng Lai-xanh ngẩn lại một phút và phẩy tay cho tôi trở về chỗ cũ. Mãi đến bây giờ có người đến hỏi chị Hoa đã 72 tuổi còn sống ở Hải Phòng: "Tại sao lúc đó chị lại chối không quen biết anh Thành?". Chị trả lời: "Chính nét mặt đôn hậu và đôi mắt nhìn nảy lửa của anh ấy làm tôi cuống lên, bật ra câu trả lời: Tôi không biết, các quan hỏi ông ấy.

Thằng Phiên béo, là đảng viên Việt Nam quốc dân đảng. Pháp nhảy dù Bắc

Cạn bắt được đem về Hải Phòng sử dụng. Y thành tên ác ôn khét tiếng nhất của bọn mật thám không quân ở bốt Cống trắng. Y đánh, tôi không khai, không van xin, bị đau đến ngất xỉu, nhưng khi tỉnh lại lời nói vẫn bình thản. Một hôm y tìm đến gặp tôi, bữa ấy y không gọi tôi là mày nữa mà nói:

- Ông Duy ạ! (tên tôi trong tù là Duy). Làm tay sai cho Tây cũng nhục như chó!

Tôi chẳng cần đắn đo trả lời ngay:

- Chúng tôi là người làm cho ông đỡ nhục, nhưng ông lại đánh chúng tôi nhiều nhất.

Nghe tôi nói vậy, y cúi gầm đầu xuống lấy mũi giầy hất hất những viên sỏi lăn đi lăn lại. Cũng từ hôm ấy, tôi thấy y không đánh tù hung hăng như trước nữa. Y

nhìn tôi bằng con mắt kính phục, nhưng tránh không dám gần.

Những ngày ra Salông và đến căng Đoạn Xá, chúng chẳng khai thác được gì ở tôi, nhưng chúng cũng không tha và đề vào phích tù: "Không có cứ liệu, nhưng nhiều người khai là chủ tịch" và chuyển vào giam ở căng Đoạn Xá.

Bọn quản Xồm thấy phích tù đề "không có chứng cớ" liền tung tay chân bủa lưới quanh tôi. Có nhiều đồng chí của tôi bị bắt vào đây, song gay cấn nhất là Xuân Đào. Anh em gọi hắn là Đào "răng vàng". Hắn vốn là quận uỷ viên quận Cửa Cấm bị giặc bắt, khai phá cơ sở và được bọn mật thám liên bang sử dụng, thứ nữa là cậu B. giao thông quận Cửa Cấm. B. cũng bị bắt, bị mua chuộc. Xuân Đào theo lệnh của quản Xồm moi tìm những cán bộ bị bắt còn giấu được

tung tích. Ngay từ ngày đầu, tôi tìm gặp Xuân Đào, đúng lúc hắn đang chăm chú nhìn cậu cần vụ vắt chanh vào cốc nước giải khát. Đợi cậu thanh niên này vắt hết nước, vứt cái vỏ chanh xuống đất, tôi tiến lên một bước, vừa cất tiếng chào vừa cúi nhặt cái vỏ chanh.

Lúc này Đào đã nhận ra tôi và nói:

- Anh nhặt cái đó làm gì? Chanh đã vắt hết nước.

Tôi tranh thủ nói thẳng với Xuân Đào:

- Anh thừa hiểu nghĩa thật và nghĩa bóng của câu anh vừa nói. Tôi đến gặp anh để nói thật với anh rằng tôi không khai nhận, và không bao giờ tôi khai nhận! Anh có tố giác tôi thì tôi cũng chết và chắc chắn anh cũng không sống được.

Bởi anh biết khi tôi đã không nhận thì đối với địch anh chỉ là đứa tâng công nói bừa, nó sẽ không tin nữa và cuối cùng chúng cũng không tha anh. Ở ngoài kia, anh biết đấy, bọn chúng đang thua chạy ở khắp các mặt trận.

Đào yên lặng, không trả lời, hất cốc nước chanh tung toé xuống đất mà không uống.

Tôi lại tìm đến B. và cũng nói thẳng:

- Cậu khai bắt Xuân Đào đã là cái tội. Bây giờ cậu có tố giác mình thì cậu xem đấy. Tôi chỉ vết thương nơi cái nhọt vẫn rỉ máu và khẳng định - Không bao giờ tôi khai nhận đâu.

Lời nói của tôi quả có tác dụng. Xuân Đào và B. không những không tố giác tôi, mà không còn hoạt động tệ hại như

trước nữa. Còn B. thì hối hận. Cậu ta săn sóc, tìm cả bông băng, hàng ngày lau rửa vết thương rỉ máu của tôi và nhất là không khai báo cơ sở với địch nữa. Sau này được tha tôi đã nhận thực cho B. được phục hồi Đảng tịch.

Những ngày ở Đoạn Xá vết nhọt bị đâm trên sườn tôi vẫn sưng bầm. Làm gì có thuốc chữa trị, ngoài thứ thuốc đỏ. Nơi rẻ xương sườn bị gãy và vết đâm có nhiều hút như hút chạch, cả máu lẫn mủ ngày đêm ri rỉ chảy, lầy nhầy như máu cá. Tay ôm viết thương, tôi vẫn cố tìm đến tổ chức. Tôi muốn bằng sự kiên nghị của mình sẽ khống chế được số anh em dao động tinh thần, mặt khác giữ vững được tinh thần cho số đông đồng chí bị giặc bắt. Với tư cách Phó Bí thư chi bộ trong nhà tù, tôi có biết bao công việc phải làm, không thể nhớ hết...(Nhưng đáng

quý là có những anh em đồng chí bên tôi lại nhớ được nhiều chuyện vào giai đoạn đó. Như đồng chí Văn Tân, sau này báo cáo về Trung ương, tháng 3-1993, có đoạn viết:

"Khoảng tháng 4-1952 đồng chí Đoàn Duy Thành có phân công tôi trực tiếp chỉ huy 50 anh em bộ đội đi làm ở bốt pháo thủ, mé bên kia bến Bính... đến 7 giờ hôm đó khi địch tập trung anh em chúng tôi lên ôtô về Cảng thì chúng tôi xông vào đồn cướp súng, phá khẩu cao xạ 4 nòng, rồi theo bãi sú về làng Dương Quan như đã liên lạc từ trước".

" Khoảng một tuần sau, đồng chí Đoàn Duy Thành cho tôi kiểrm tra lại kế hoạch giải phóng 100 anh em bộ đội đi làm ở núi Voi... Và kế hoạch này ngay chiều hôm sau anh em đã thực hiện thắng lợi giải phóng cả 100 anh em, trước toàn

bộ súng ống của bọn lính áp tải...”

Như thế, ban ngày mọi hoạt động lôi cuốn tôi, nhưng đêm đêm trong buồng giam nghe tiếng súng công đồn khi gần khi xa, lòng tôi xốn xang, không thể nào chợp mắt được. Tôi nhớ những đêm theo giao liên đi họp, từng đoàn đom đóm lập loè trong lùm cây, nhớ những đêm mưa phùn, đi sát qua đồn giặc, những đám ma trơi vật vờ nơi bãi tham ma, nơi giặc vùi xác đồng bào, cán bộ mình. Nhớ cả những buổi đang đi gặp phải lính tuần đường, tất cả nằm nép xuống bờ nước, lúc bò lên mới thấy đỉa bu quanh lưng, bu khắp mặt lầy nhầy...

Tôi băn khoăn nhiều đến nhiệm vụ Thành uỷ giao phó mà chưa hoàn tất, nào hoạt động với khối công nhân khu ga, khu cảng, khu lán bè... Còn bây giờ, bây giờ phải tìm mọi cách thóat khỏi nhà tù,

thóat nhưng phải làm sao không đụng chạm thất thiệt đến tổ chức trong khám. Bởi vậy khi Văn Tân kiểm tra xong kế hoạch trốn cả 100 anh em bộ đội, tôi đã dặn: "Bố trí kiểm tra xong, đồng chí phải ở lại". Bởi mình phải nghĩ tới mấy ngàn cán bộ, bộ đội ta còn bị giặc nhốt ở đây, căng tù này cũng là một điểm nóng mà người cán bộ phải có trách nhiệm.

Đi đày Côn Đảo

Lúc này giặc đại bại ở biên giới. Hàng binh đoàn với cả tướng tá của chúng đã bị ta bắt sống. Vùng đồng bằng sông Hồng, nơi mà chúng cho là an toàn nay bị uy hiếp. Vì vậy chúng tìm cách chuyển số tù binh và cán bộ của ta bị bắt vào phía Nam.

Vết thương bên cạnh sườn của tôi vẫn như cái nhọt bọc. Ngày đêm đau

nhức tưởng khó có thể qua được. Xem bưu thiếp của số anh em đã ra đảo gửi về, tôi biết những đồng tiền Đồng dương mà chi bộ căng tù Đoạn xá chúng tôi đưa cho anh em trước lúc xuống tàu khi tới đảo đều bị chúng thu hết bằng lối khám trần truồng.

Ngày chúng tôi bị thanh lọc và đợi tàu ra đảo, thành uỷ Hải Phòng qua chi bộ căng tù Đoạn xá gửi cho chúng tôi ba ngàn tiền Đông Dương. Tôi đã gửi mua 10 chỉ vàng, đánh thành 10 cái nhẫn để hở khuy. Tôi nghĩ rằng nếu bị lột trần khám xét thì chỉ còn hai cách: Thứ nhất là cắn bẹt ra rồi nuốt vô bụng, khi đại tiện bới ra tìm lại; hai là bẻ ra gắn vào qui đầu rồi tuốt da xuống thì bố nó cũng không tìm được. Quả nhiên khi ra đảo, bọn cai tù khám bằng lối khám đặc biệt mà anh em tù gọi là "điệu múa phượng hoàng vỗ

cánh". Chúng tôi cho chim đeo vòng vẫn giữ nguyên được 9 chỉ. Riêng đồng chí Thíu (Bình Giang) nuốt vào bụng, khi đại tiện thò tay vào thùng phân mò mãi không thấy.

Hôm ấy, 1-10-1952 một đoàn xe nhà binh bịt bùng, kín mít tiến vào sân căng. Anh em chúng tôi lần lượt bị gọi ra xếp hàng xuống tàu đi đầy. Nhiều anh em trong trại nhìn tiễn chúng tôi bằng ánh mắt thương cảm. Chúng tôi hô to các khẩu hiệu: "Đả đảo thực dân Pháp - Hồ Chủ tịch muôn năm...!". Tôi giơ cao tay, nói thật to: "Chào anh em ở lại, chúng ta sẽ gặp nhau ngày Thủ đô giải phóng".

Xây dựng Đảng trong nhà tù và cuộc vượt ngục lớn nhất

Trong nhà tù, Chi bộ đảng, hạt nhân lãnh đạo cuộc đấu tranh mặt đối mặt với

quân thù, phải căn cứ vào hoàn cảnh của tù nhân, của từng trại giam để có phương sách xây dựng Đảng, tổ chức đấu tranh thích hợp nhất, vừa bảo tồn được lực lượng, vừa tránh mắc mưu khiêu khích của kẻ thù, hoặc rơi vào sự mua chuộc dụ dỗ sinh ra tư tưởng cầu an hưởng lạc, nằm yên, thậm chí làm tay sai cho địch, không dám đấu tranh chia lửa với bên ngoài. Và khi có thời cơ, phải biết tổ chức tự giải thoát hoặc phối hợp với lực lượng bên ngoài đánh địch tại ngay những nơi chúng cho là an toàn nhất, như các trại tù ở các đảo xa đất liền.

Tôi vừa chân ướt chân ráo đến căng Đoạn Xá, San D1 (Salle Dangereux No 1 - khám tù nguy hiểm số 1), thì gặp ngay được một đồng chí rất tốt. Anh quen biết tôi và qua theo dõi khi tôi bị bắt, thấy tôi không khai báo làm hại cách mạng, anh

đã cho tôi biết kế hoạch đào đường hầm xuyên ra ngoài. Đồng thời anh bố trí tôi vào tốp đồng chí nằm ngủ chờ khi có lệnh thì chui đường hầm vượt ngục. Sự việc không thành (Tạp chí Lịch sử Đảng, số 6, năm 1995 đã có bài viết về sự kiện này), anh Th. Huyện đội trưởng một huyện, bị địch đánh, đã khai ra gần hết các đồng chí trong Ban chi uỷ (Chi uỷ lúc đó có 7 người) và một số đảng viên. Trong tình thế đó, đồng chí Trần Thành Thọ là chính trị viên Tiểu đoàn, người chỉ huy quân sự cao nhất ở San bộ đội, đứng ra nhận trách nhiệm là người chỉ huy cuộc đào hầm vượt ngục. Đồng chí Thọ bị địch đánh chết ngay đêm hôm ấy. Các đồng chí khác không bị tra tấn, trừ hai anh Tường (tức Thâm) và Cao Văn Đoàn. Sau một tháng giam ở ca sô (hầm tối) cho ăn cơm muối, không tìm được chứng cứ, địch phải thả hết.

Ban chỉ ủy cũ coi như bị lộ. Chúng tôi bàn nhau củng cố chi bộ. Tôi được cử làm phó bí thư phụ trách xây dựng Đảng và phòng gian bảo mật (Chi uỷ lúc này chỉ có 3 người là các anh Dụ, Kỷ và tôi). Công việc đầu tiên là rà soát lại các đảng viên đã được sinh hoạt Đảng trước đây, phân tích sự không thành công của cuộc vượt ngục, xem xét các đảng viên sau cuộc vượt ngục, tìm ra những đồng chí sau thất bại này lại hăng hái hơn trong cuộc đấu tranh với địch như đồng chí Văn Tân, Tường (tức Thâm), Châu "lé"... Bởi vì đã có đồng chí trước đây ở ngoài là uỷ viên Thường vụ huyện uỷ như đồng chí Ch.

Sau cuộc vượt ngục không thành, sinh ra bi quan, hằng ngày ăn cơm xong lấy manh chiếu cuộn tròn nằm ở cuối khám, không trò chuyện với bất cứ ai

cho đến khi địch chuyển đi trại giam khác. Sức khoẻ tôi lúc này rất kém, lại phải dồn sức vào củng cố phong trào tù nhân. Theo sự phân công của chi uỷ, tôi trực tiếp đọc cho đồng chí Sâm "cụt" viết bằng mực hóa học, tại một góc San D1, bản báo cáo gửi Thành uỷ Hải Phòng về công tác của chi bộ. Bọn địch không phát hiện được vì chúng tôi giả như là mấy người học tiếng Pháp và ăn chung cùng mâm với nhau gồm cả Đào Hữu Thăng, Nhận được báo cáo gửi ra qua đường dây liên lạc của đồng chí Trần Hồi và Phiên (Hoán), Thành uỷ đã báo cáo lên Thường vụ Khu uỷ. Đồng chí Nguyễn Năng Hách (em ruột đồng chí Lê Thanh Nghị) Khu uỷ viên, kiêm Bí thư Thành uỷ Hải Phòng thay mặt Khu uỷ ký quyết định công nhân chi bộ nhà tù Đoạn Xá là chi bộ chính thức. Chúng tôi chuyển quyết định có đóng dấu son cho các đồng

chí chi uỷ viên xem rồi hủy ngay. Lúc này đảng bộ đã có 206 đảng viên, phân bố trong các khám, nhưng đông nhất là San D1 và San sĩ quan quân đội.

Hoạt động của chi bộ dần đi vào nền nếp. Các hình thức đấu tranh được tổ chức tốt, bao gồm tổ chức vượt ngục, lãn công khi địch bắt đi lao động, đưa kiến nghị yêu sách đòi cải thiện sinh hoạt, đòi thả những người bệnh nặng và chữa chạy cho tù nhân đau ốm. Tiêu biểu cho giai đoạn này là hai cuộc vượt ngục của 100 tù binh đi lao động ở núi Voi Kiến an (Trong cuộc vượt ngục, ta đã cướp toàn bộ súng của bọn lính coi tù và thoát ra vùng tự do), vượt ngục bằng cách rút chấn song sắt ở căng tin San D1 (Tạp chí Lịch sử đảng số 6-1995 đăng bài: Chi bộ nhà tù Đoạn Xá Hải Phòng có nhắc đến các sự kiện này). Các cuộc vượt ngục đã

làm cho bọn cai ngục và bọn thực dân Pháp ở vùng duyên hải Bắc Bộ phải thay đổi một phần chế độ hà khắc đối với tù nhân, đồng thời chúng tiếp tục phân tán anh em bằng cách đày đi Côn Đảo, Phú Quốc những người chúng cho là lãnh đạo trong nhà tù.

Đến nhà ngục Côn đảo

Lúc này mùa gió chướng sắp đến. Việc chuẩn bị cho cuộc vượt ngục Côn Đảo đang diễn ra sôi nổi nhưng rất bí mật. Qua kiểm tra sàng lọc xem xét của Đảng, đồng chí Lê Đình Thụ và tôi được bổ sung vào Đảo uỷ. Chúng tôi bắt tay ngay công tác chuẩn bị cho cuộc đánh địch cướp đảo, nhằm đưa tất cả tù nhân về đất liền, tham gia kháng chiến. Sau khi đồng chí Văn, Bí thư Đảo uỷ phổ biến chủ trương, chúng tôi soát lại kế hoạch đánh chiếm đảo, phương tiện thuyền

và vũ khí. Chúng tôi khẳng định chỉ có đánh chiếm được toàn đảo, sử dụng đại bộ phận tàu thuyền sẵn có của địch để về đất liền mới bảo đảm thắng lợi. Còn thuyền do ta chuẩn bị, khung thuyền bằng gỗ và song, với vải sơn bọc ngoài, khó có thể vượt qua được sóng to gió lớn.

Không khí chuẩn bị cuộc vượt đảo có một không hai này sôi sục trong tâm tư tình cảm của mỗi người tù, nhất là Banh III tù binh. Nhưng bề ngoài chúng tôi rất thầm lặng, nói chuyện với nhau qua ánh mắt, nụ cười thầm kín. Bởi vậy vẫn giữ được tuyệt đối bí mật cho đến giờ nổ súng. Tôi được phân công phụ trách chuẩn bị danh sách và tàu thuyền hiện có trên đảo, có thể dùng làm phương tiện về đất liền được, kế hoạch đối phó với địch sau trận đánh chiếm đảo, những biện pháp đối phó với những tình huống

xảy ra như thắng lợi hoàn toàn, hoặc đi được một bộ phận, hoặc cuộc chiến dấu thất bại.

Tôi đã cùng với số anh em giúp việc thu thập tình hình để ra các biện pháp xử lý. Sau khi chuẩn bị xong, đã đưa ra thường vụ Đảng uỷ góp ý kiến.

Trong việc chuẩn bị này, khó nhất là phương tiện chở anh em về đất liền, chỉ bảo đảm được khoảng 550 người, mà ở đảo lúc đó có 2100 người. Riêng banh III tù binh đã có 500 người. Phải tính đến chuyện dùng các loại thuyền đánh cá nhỏ, không có máy nổ, tự tạo buồm, mái chèo, mà đi từng tốp nhỏ. Nếu đúng dịp đó có tàu hàng đi qua thì cướp luôn tàu để đi. Nếu phải kéo dài thì giờ thì việc quan trọng nhất là chiếm được máy phát tín của địch ở "Hòn bảy cạnh", khống chế địch ở đây, phát tín hiệu bình thường về

đất liền 2 ngày một lần như địch làm thường lệ và chuẩn bị cho anh em về chuyến sau cùng bằng một ca nô tốt nhất của đảo, có khả năng chạy một đêm đến cửa Mỹ Thanh, khu tự do của ta thuộc tỉnh Bạc Liêu.

Từ giữa tháng 11-1952 thỉnh thỏang đã có gió "chướng" thổi qua đảo. Anh em rạo rực chờ đợi. Tôi lúc nào người cũng nóng ran, như bị sốt 40 độ. Gió "chướng" đến rất ngắn, nửa ngày hoặc một ngày đã hết. Tôi đề nghị với anh Văn bố trí cho tôi và anh Thụ đi làm với kíp làm đường ở đầu mom để quan sát tình hình cụ thể và nếu có điều kiện bàn thêm với kíp làm rừng ở bến Đầm. Số anh em làm rừng được làm lều ở cố định, còn kíp làm đường thì sáng đi tối về bằng xe vận tải. Anh Thụ không ốm nên khi xếp hàng được đi làm ngay. Còn tôi ốm yếu, sốt rét

da vàng ậng, khi điểm danh tên đội Tây trắng Roberl đẩy tôi về. Y bảo "malade" (ốm) ở lại. Phải tìm cách lừa hắn.

Một hôm tôi xếp hàng, y đang điểm danh ngoảnh đi, thừa cơ tôi nhanh chân lén lên chỗ y đã điểm. Tôi thoát ra đi làm một ngày với kíp làm đường. Tôi có điều kiện quan sát toàn cảnh khu vực sẽ xảy ra chiến đấu. Phải bắt sống toàn bộ hơn một trung đội Âu-Phi mạnh nhất của đảo (toàn đảo chúng có một đại đội, 2 trung đội ốm yếu bố trí ở thị trấn, hơn một trung đội mạnh do viên chánh quản Bordesoul (Bốt-đờ-xun) chỉ huy. Tên này là lính của Trung đoàn Pháp đi đánh nhau với Bắc Triều Tiên về, mang tư tưởng thất bại ở chiến trường Triều tiên và có thái độ cảm tình với anh em tù binh.

Chúng tôi đã bàn thống nhất với

nhau kế hoạch đánh nhanh, cướp toàn bộ vũ khí, hóa trang là lính địch chở tù về, tấn công vào trụ sở chỉ huy của chúa đảo Jacty. Khi súng nổ, các nơi đã có kế hoạch hợp đồng tác chiến, nổi lên chiếm toàn đảo. Riêng banh III, tù binh là lực lượng chủ công, do đồng chí Tụy, đồng chí Nghĩa phụ trách, có nhiệm vụ bắt sống tiểu đội lính da đen, tước vũ khí và chi viện cho các đơn vị chung quanh, cùng với đơn vị ở kíp làm rừng, làm đường kéo về, giải quyết những điểm chưa chiếm được. (Đồng chí Tụy hiện nay về hưu ở Hưng Yên).

Tôi và anh Thụ cùng đồng chí Nghĩa, Bí thư liên chi đảng bộ Banh III, đặt văn phòng Đảo uỷ và bộ máy chỉ huy toàn đảo tại ngay Banh III. Địch khủng bố gắt gao hơn. Số anh em bị chết nhiều đã làm nảy sinh những biểu hiện hoang mang

dao động ở một bộ phận đảng viên và quần chúng. Chúng tôi đã trao đổi, phân tích những nguyên nhân không thành công của cuộc vượt ngục, nhận xét âm mưu của địch và đề ra kế hoạch đối phó của ta. Xác định rõ chủ trương đấu tranh cướp đảo, giải phóng toàn thể tù nhân là đúng đắn, chỉ đạo bộ phận y tế và cấp dưỡng liên lạc chặt chẽ với anh em bị bắt lại, giữ vững tinh thần anh em; cứu chữa những đồng chí bị thương, bị bệnh tật do phải sống trong rừng hàng tuần... Khi địch tra hỏi về kế hoạch vượt đảo thì phải nhân dịp này vạch trần chế độ lao tù hà khắc của địch, buộc những người tù phải tìm cách tự giải thoát, lên án chúng không thực hiện Công ước Genève về tù binh. Còn về tham gia cuộc vượt ngục này, chỉ khai có 2 kíp tù binh đi làm rừng và làm đường mà thôi, những người chỉ huy đều đã hy sinh rồi.

Sau hơn một tháng lấy khẩu cung 117 người bị bắt lại, địch không khai thác được gì, phải chuyển số anh em này về Sài Gòn, để chuẩn bị đưa ra tòa án binh của chúng xét xử.

Chúng tôi đã báo cáo về Đặc Khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn, nhờ luật sự Nguyễn Hữu Thọ cãi giúp. Luật sự nhận lời và đã nhiều lần vào khám Chí Hòa thăm anh em, lấy chứng cứ cãi trước tòa. Cuối cùng chúng không xử được và khi có Hiệp định dình chiến ở Genève, tất cả anh em được trao trả theo Hiệp định đã ký.

Quá trình đấu tranh gian khổ, tôi bị tra tấn ác liệt, bị đánh gẫy một xương sườn số 9 bên trái. Vết thương làm cho lá phổi bên trái chảy nước vàng suốt ngày đêm, hôi thối không thể tưởng tượng được. Lại thêm sốt rét liên miên. Tôi ngỡ

như cái chết đã đến gần. Địch bỏ tôi vào nhà xác trong tình trạng mê man không biết gì, chỉ còn thở thoi thóp. Chúng chuẩn bị đem chôn thì nhóm y tế do liên đoàn tù nhân Côn Đảo cử ra như các anh Trần Huy Bích, Phòng... phát hiện là tôi chưa chết. Anh em đấu tranh đòi đưa tôi về Banh III ở với anh em và đùm bọc cứu chữa với tình thân thương xót. Mọi người đã dành cho tôi những thức ăn quý nhất lúc đó ở đảo như sữa, đường để bồi dưỡng.

Tôi càng cảm động trước những hồi ức của các đồng chí sau này về thời kỳ đó:

- Trích lời phát biểu của đồng chí Vũ Quang Đạo - Đại tá, nguyên Trưởng ban Thi đua toàn quân ở cuộc họp ngày 26-2-1993 do Ban Bí thư Trung ương Đảng triệu tập. "Tôi biết rõ đồng chí Thành

hồi ấy cách đây 40 năm, tôi còn trẻ và đồng chí Thành cũng rất trẻ. Đã bị tù đày ở Côn Đảo thì người nào cũng gầy còm, nhưng thân hình đồng chí Thành thì rất thương tâm mặc bộ quần áo tù rộng thùng thình, hai tay và hai chân như hai que củi khô, gầy guộc, phổi thì chảy nước, nhưng ánh mắt thì yêu đời. Đồng chí Thành đã tham gia hoạch định kế hoạch táo bạo vũ trang cướp đảo giải phóng tù nhân cùng với anh Văn (Văn Hiến) và anh Thụ (Vũ Hồng)".

- Trích hồi ký của Bác sĩ Trần Huy Bích, Phó Giám đốc Sở y tế Hải Phòng. "Sau khi cho anh em khám bệnh, lĩnh thuộc, tôi đến thăm anh Duy. Anh là Bí thư Quận uỷ, bị bắt đày ra Côn Đảo, bị tra tấn rất dã man. Đòn thù làm nát lá phổi bên trái. Anh bị viêm màng phổi mủ, một lỗ rò ở ngực, không kín miệng,

nước vàng lẫn máu, mủ cứ rỉ ra. Tôi ngồi bên giường hỏi anh tình hình chạy chữa và kể cho anh nghe cuộc đấu tranh xây dựng chính quyền của chúng ta trong nhà lao. Anh mỉm cười, mắt rung rinh, lấp lánh. Nhưng giọng của anh sao mà mong manh thế. Tôi vội hỏi:

- Sức khoẻ của anh có khá hơn không?

- Kém đi, không ăn được...

Cố sức trả lời tôi cơn ho ụa lên ngực, anh nghiêng người khạc đờm, đồng thời nước vàng từ lỗ rò bắn vọt ra.

Ngày mai tôi sẽ chất vấn viên quan ba thầy thuốc Leproux về cách điều trị bệnh của anh. Hôm sau trở lại, tôi sửng sốt vô cùng thấy chỗ nằm của anh bỏ trống, chiếu cuộn sạch trơn. Tôi hốt hoảng hỏi người nằm cạnh.

- Chúng đưa đồng chí Duy đi đâu?

- Nhà xác - Trời!

Hai bàn tay tôi rủ xuống. Cuốn sổ trên tay rơi giữa sàn nhà. Thế là chúng cố tình thủ tiêu đồng chí Duy!

Tuy mới gặp một lần song những câu chuyện về anh các đồng chí trong lao đã kể, để lại trong tôi những ấn tượng không thể phai mờ. Đảng bộ đã giao cho tôi trách nhiệm phải tìm cách đưa anh về nhà lao để săn sóc. Vậy mà!

Tôi chạy vào khu nhà xác. Tôi mở tấm vải che mặt anh khẽ gọi:

- Anh Duy! Anh Duy!

Tôi nhấc tấm ga buông xuống thành giường.

Anh mở mắt nhìn tôi rồi lại nhắm.

Có phải anh còn sống hay tôi đang tưởng tượng? Tôi ghé sát tai trên lồng ngực anh. Tiếng trái tim thoi thóp. Tôi reo thầm. "Anh còn sống, phải làm cho ra nhẽ".

Tôi chạy về nhà thương tìm viên thầy thuốc.

- Ông Leproux!

Leproux hất hàm nhìn tôi, môi dẩu như thách thức.

- Ông Le Proux!

- Cái gì?

- Ông dám ký lệnh đưa một người còn sống xuống nhà xác! Ông không sợ tòa án nước Pháp chân chính buộc ông vào tội giết người vô lương tâm như thế à?

- Cái gì?

- Ông làm việc theo lệnh ai?

- Lương tâm người thầy thuốc hay chỉ thị của bọn chúa đảo? Chúng mượn tay ông để giết người vô tội.

- Vô lý! Duy đã chết từ 16 giờ chiều hôm qua.

- Bây giờ tỉnh lại rồi.

Buộc lòng Le Proux phải theo tôi xuông nhà xác. Lúc này anh Duy đã tỉnh hơn. Vừa lúc Le Proux đến Duy phều phào:

- Nước, nước!

Le Proux đứng lặng, cúi đầu xuống người bệnh. Có lẽ hắn ta đang suy nghĩ. Cần phải gõ vào lương tâm và danh dự người thày thuốc. Tôi thuyết phục hắn.

Một lúc sau, hắn nói với tôi, giọng trầm trầm.

- Anh đưa ông ta về nhà lao.

Bọn chúa ngục không thủ tiêu nổi đồng chí Duy bằng cách đê hèn đó!

Chúng đưa anh về chuồng cọp lao, cách ly hẳn anh, anh Thu và chúng tôi. Tôi đòi sang săn sóc anh, vừa làm liên lạc nối hai anh với tập thể. (anh Năm Thi và anh Duy). Bọn cai ngục kiểm soát tôi rất nghiêm ngặt. Mỗi lần qua gặp anh Duy, nó bắt tôi cởi truồng, hai tay nâng khay men ngang mặt, trên đó chỉ được để ít bông, băng và một lọ thuốc đỏ.

Những hôm trời lạnh, anh Duy ôm ngực "ừ hự, ừ hự" mấy cái, máu mủ lại rỉ ra. Tôi lau vết thương cho anh, lòng buốt như gai nhọn đâm nhót thấu tim.

Qua cơn đau anh lại nói chuyện vui và lấy hòn gạch non viết trên sàn xi măng. Anh học văn hóa, học ngoại ngữ... Ở anh, một con người lạc quan hồn nhiên, tưởng chừng như thần chết có đến cửa cũng phải vác lưỡi hái và túi vô đáy bỏ đi nơi khác.

Những ngày đầu, công việc được nhắn qua trí nhớ của tôi, nhưng về sau, tôi đã tìm được cách chuyển công văn qua lại giữa đảng uỷ với hai anh. Tôi còn nhớ hồi còn bé, lên cơn sốt, bà nội tôi mua một thứ bột gì cho tôi uống, mua ở Chợ Bằng mà sao đắng thế! Bà tôi phải lấy giấy túm tròn lại cho tôi nuốt. Một mảnh giấy nuốt vào người có gì là độc hại! Tôi liền nghĩ cách cuốn tròn công văn của đảng qua lớp giấy bóng kính để nước bọt không thấm nước. Nếu bọn cai ngục bắt tôi há mồm, tôi sẽ nuốt ngay

vào bụng. Với cách đó tôi đã chuyển công văn của đảng đến các anh và đem lại ý kiên nhận định của hai anh gửi về đảo uỷ được đều đặn.

Đảo uỷ lại đấu tranh đòi thả hai anh về với tập thể. Bọn cai ngục không có cách gì giữ các anh ở chuồng cọp lâu như thế, đành phải nhượng bộ.

Đưa được anh Duy về rồi, đảo uỷ liền giao cho tôi nhiệm vụ phải cứu sống anh, để làm bằng chứng về tội ác của bọn chúa đảo, vừa phần để uy hiếp tinh thần tên quan ba thầy thuốc rồi sau này chúng ta buộc Leproux phải chữa chạy cho anh em tù đúng chế độ của nhà thương, mặc dù cái chế độ ấy cũng rất tồi tệ.

Nhưng lấy đâu ra chất bổ đê bồi dưỡng cho anh Duy? Giữa nơi bốn bức tường đá ngăn cách. Tôi bèn nghĩ đến

một nguồn thực phẩm ở đây, nhưng mới nghĩ đến tôi đã rùng mình. Đó là thịt cóc ở Côn Đảo. Con cóc bé nhất cũng phải bằng cái bát ăn cơm. Trên lưng xù xì của nó, lấp lánh những hạt xanh biếc, trông rất huyền bí. Tôi rất sợ cóc. Nhưng mà các cụ vẫn nói thịt cóc bổ lắm! Thế là tôi dẫm chân lên lưng con cóc, đưa dao xẻo hai cái đùi rồi nhắm mắt đá hất nó đi. Tôi lấy hai cái đùi đó nấu cho anh Duy bát cháo.

Tôi không cho anh biết cháo nấu với thịt gì, cứ lặng lẽ đưa cho anh.

- Cố ăn lấy sức.

Anh Duy đưa bát cháo lên miệng, tợp tợp vài miệng, gật gù.

- Ừ ngon.

Ngồi chờ anh ăn hết bát cháo, mồ hôi lấm tấm trên trán anh, mồ hôi lấm tấm trên cả trán tôi. Chắc có ai nhìn tôi lúc này, sẽ thấy trên khuôn mặt hiện lên vẻ hân hoan như cậu học trò được nhận phần thưởng.

- Ngày mai tôi lại nấu cho anh ăn nhé.

- Ừ, ngon lắm!

Những ngày nắng ấm, tôi đưa anh ra ngồi ngoài sân. Anh nheo mắt nhìn bầu trời ôm vai tôi.

- Đến ngày độc lập, Bích về quê mình chơi. Quê mình có dòng sông Lai Vu. Chúng mình sẽ đi thuyền lên đền Kiếp Bạc viếng Trần Hưng Đạo, sang Côn Sơn thăm nơi ẩn dật của cụ Nguyễn Trãi ngày xưa...

Nghe anh nói say sưa bao nhiêu, lòng tôi càng buồn bấy nhiêu! Vết rò không lành, mỗi cơn ho, nước vàng vẫn vọt ra. Liệu anh còn chống chọi với bệnh tật được bao lâu nữa? Ý nghĩ ấy cứ dày vò tôi, thôi thúc động viên tôi phải chăm sóc sức khoẻ, sao cho anh sống trở về dòng sông Lai Vu, đưa anh về thăm đền Kiếp Bạc thờ Trần Hưng Đạo, thăm Côn Sơn của Nguyễn Trãi...".

***

Bệnh tôi không khỏi. Anh em đấu tranh buộc địch đưa tôi về nhà thương Chợ Quán - Sài Gòn để chữa. Hơn nửa tháng ở đó, tôi đã liên lạc được với cơ sở cách mạng ở nội thành do anh Lê Đình Thụ, Thành uỷ viên Sài Gòn - Gia Định cùng tù với tôi giới thiệu. Tôi chuẩn bị

vượt ngục thì bị bắt lại, địch tống tôi đến Căng Phú Lâm (Sài Gòn). Mặc dù sức yếu, bị địch theo dõi, tôi vẫn liên lạc được với anh em tích cực ở đây.

Căng Phú Lâm có gần 300 tù nhân, nhưng không có chi bộ, đấu tranh lẻ tẻ, không có lãnh đạo, nội bộ anh em không đoàn kết, cãi lộn nhau, tranh nhau nơi nằm ngủ, khi ăn uống... để kẻ địch khinh thường. Mặt khác, trong căng cũng có một số tên phản động, tay sai của địch, do bị địch nghi ngờ cho vào tù ở lẫn với chúng tôi. Bọn này muốn "đới tội lập công" tìm cách báo cáo với địch về sự hoạt động của ta. Qua tìm hiểu, gặp một số đồng chí cũng ở Côn Đảo về đây như Tặng, Tiến... tôi được biết anh Khánh là chính trị viên đại đội, đảng viên người miền Bắc nên chúng tôi trao đổi về kế hoạch để xây dựng chi bộ.

Căng Phú Lâm không có đại diện do tù nhân cử ra, địch chỉ định đại diện là ông Từ Việt Anh. Theo ông kể, ông là thành viên trong phái đoàn kinh tế Nam Bộ bị địch bắt, ông thường xưng với anh em tù bằng "ba", anh em cũng thường gọi ông bằng "ba". Tôi nói chuyện với ông vài lần, thấy ông không có chính kiến chính trị, thích được tâng bốc, lại được tên sếp căng cho bán foyer (bán thức ăn vặt cho tù nhân) ông nói chuyện với tây bằng tiếng Pháp, thái độ bình thường, không khúm núm. Tôi cũng có đôi chút cảm tình với ông.

Tôi trao đổi với anh Khánh về việc xây dựng chi bộ Đảng. Không rõ anh Khánh đã bàn với những ai, nhưng ít ngày sau đồng chí Tặng kể với tôi, ông Từ Việt Anh tỏ ý không tán thành việc xây dựng chi bộ Đảng ở đây. Tôi biết cách làm của

anh Khánh bị lộ vì quá tin vào ông Từ Việt Anh. Tôi phải lờ đi không bàn thêm gì với anh Khánh nữa. Khi tôi gặp một số anh em ở các tỉnh Nam Bộ bị bắt vào, qua tìm hiểu thái độ, tôi nói về tình hình kháng chiến ở miền Bắc, về Bác Hồ làm cho anh em nhận thức đúng về sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ trong công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, để anh em tăng cường tình đoàn kết gắn bó, củng cố lực lượng tù nhân, đấu tranh kiên quyết với địch, cải thiện sinh hoạt. (đồng chí Tặng là Phó Ban tổ chức chính quyền tỉnh Hải Hưng, nay đã về hưu ở Hưng Yên).

Rất vui là sau ngày giải phóng miền Bắc, ông Từ Việt Anh tập kết ra Bắc, về Bộ Văn hóa và được cử về Sở Văn hóa Hải Phòng làm cán bộ cải tạo. Ông Từ Việt Anh đến thăm tôi tại cơ quan, kể lại

câu chuyện cũ cùng tù ở căng Phú Lâm - Sài Gòn. Gặp lại nhau rất mừng. Sau đó ông còn đến thăm tôi vài lần nữa. Có lần ông bày tỏ nguyện vọng muốn gia nhập Đảng. Tôi động viên ông học tập, công tác rèn luyện để trở thành đảng viên tốt. Có lần ông ngập ngừng muốn đề nghị tôi gì đó. Tôi đoán là ông muốn xin giấy chứng thực của tôi khi cùng tù ở Phú Lâm, nhưng ngại ngùng chuyện cũ nên không nói ra... Về sau, ông lại về Bộ Văn hóa và nghỉ hưu ở Thành phố Hồ Chí Minh. Năm nay nếu còn, có lẽ ông đã tám, chín mươi tuổi. Lâu nay tôi không được tin về ông.

Khoảng tháng 3-1953, mặc dù bệnh tôi không khỏi, nước vàng trong phổi hàng ngày vẫn rỉ ra, mỗi ngày phải thay băng 2 lần, điều kiện trong tù thiếu thốn bông băng, các bạn tù vẫn tận tình chăm

sóc tôi, trong đó có đồng chí Võ Tá Lâm (cháu nội cụ Võ Tánh), đại đội trưởng pháo binh Trung đoàn 100 Bình Trị Thiên, một đảng viên xuất thân gia đình quý tộc ở Huế. Đồng chí Lâm luôn luôn thể hiện là một chiến sĩ cộng sản gương mẫu, tận tuỵ với công việc của Đảng, khiêm tốn... Thật tình cờ, khi tôi được chuyển về Sài Gòn chữa bệnh thì đồng chí Võ Tá Lâm cùng một số sĩ quan quân đội ta bị bắt được chuyển từ Côn Đảo về căng Hanh Thông Tây. Đến khi tôi bị trả lại Côn Đảo, địch lại chuyển một số sĩ quan từ Hanh Thông Tây ra Côn Đảo. Lúc lên tàu tôi lại gặp đồng chí Võ Tá Lâm.

Đến Côn Đảo lần thứ hai, bệnh tôi trầm trọng thêm. Tôi báo cáo với Đảo uỷ về chuyến đi chữa bệnh và công việc làm của tôi ở nhà thương Chợ Quán và

căng Phú Lâm. Các đồng chí động viên tôi dù hoàn cảnh nào cũng phải cố gắng để sớm trở về đất liền, tiếp tục tham gia cuộc chiến đấu. Đảo uỷ giao cho bộ phận y tế, lập danh sách cho tôi đi khám bệnh và tố cáo bọn thầy thuốc Pháp ở Sài Gòn thiếu trách nhiệm, bệnh không khỏi, không chữa tiếp, cũng không đề xuất thả về, trong khi phía ta đã trao trả hàng trăm thương binh Pháp và ngụy ở chiến dịch biên giới Bắc Bộ.

***

Bệnh tôi không khỏi. Anh em đấu tranh buộc địch đưa tôi về nhà thương Chợ Quán - Sài Gòn để chữa. Hơn nửa tháng ở đó, tôi đã liên lạc được với cơ sở cách mạng ở nội thành do anh Lê Đình Thụ, Thành uỷ viên Sài Gòn - Gia Định cùng tù với tôi giới thiệu. Tôi chuẩn bị vượt ngục thì bị bắt lại, địch tống tôi

đến Căng Phú Lâm (Sài Gòn). Mặc dù sức yếu, bị địch theo dõi, tôi vẫn liên lạc được với anh em tích cực ở đây.

Căng Phú Lâm có gần 300 tù nhân, nhưng không có chi bộ, đấu tranh lẻ tẻ, không có lãnh đạo, nội bộ anh em không đoàn kết, cãi lộn nhau, tranh nhau nơi nằm ngủ, khi ăn uống... để kẻ địch khinh thường. Mặt khác, trong căng cũng có một số tên phản động, tay sai của địch, do bị địch nghi ngờ cho vào tù ở lẫn với chúng tôi. Bọn này muốn "đới tội lập công" tìm cách báo cáo với địch về sự hoạt động của ta. Qua tìm hiểu, gặp một số đồng chí cũng ở Côn Đảo về đây như Tặng, Tiến... tôi được biết anh Khánh là chính trị viên đại đội, đảng viên người miền Bắc nên chúng tôi trao đối về kế hoạch để xây dựng chi bộ.

Căng Phú Lâm không có đại diện do tù nhân cử ra, địch chỉ định đại diện là ông Từ Việt Anh. Theo ông kể, ông là thành viên trong phái đoàn kinh tế Nam Bộ bị địch bắt, ông thường xưng với anh em tù bằng "ba", anh em cũng thường gọi ông bằng "ba". Tôi nói chuyện với ông vài lần, thấy ông không có chính kiến chính trị, thích được tâng bốc, lại được tên sếp căng cho bán foyer (bán thức ăn vặt cho tù nhân) ông nói chuyện với tây bằng tiếng Pháp, thái độ bình thường, không khúm núm. Tôi cũng có đôi chút cảm tình với ông.

Tôi trao đổi với anh Khánh về việc xây dựng chi bộ Đảng. Không rõ anh Khánh đã bàn với những ai, nhưng ít ngày sau đồng chí Tặng kể với tôi, ông Từ Việt Anh tỏ ý không tán thành việc xây dựng chi bộ Đảng ở đây. Tôi biết cách làm của

anh Khánh bị lộ vì quá tin vào ông Từ Việt Anh. Tôi phải lờ đi không bàn thêm gì với anh Khánh nữa. Khi tôi gặp một số anh em ở các tỉnh Nam Bộ bị bắt vào, qua tìm hiểu thái độ, tôi nói về tình hình kháng chiến ở miền Bắc, về Bác Hồ làm cho anh em nhận thức đúng về sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ trong công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, để anh em tăng cường tình đoàn kết gắn bó, củng cố lực lượng tù nhân, đấu tranh kiên quyết với địch, cải thiện sinh hoạt. (đồng chí Tặng là Phó Ban tổ chức chính quyền tỉnh Hải Hưng, nay đã về hưu ở Hưng Yên).

Rất vui là sau ngày giải phóng miền Bắc, ông Từ Việt Anh tập kết ra Bắc, về Bộ Văn hóa và được cử về Sở Văn hóa Hải Phòng làm cán bộ cải tạo. Ông Từ Việt Anh đến thăm tôi tại cơ quan, kể lại

câu chuyện cũ cùng tù ở căng Phú Lâm - Sài Gòn. Gặp lại nhau rất mừng. Sau đó ông còn đến thăm tôi vài lần nữa. Có lần ông bày tỏ nguyện vọng muốn gia nhập Đảng. Tôi động viên ông học tập, công tác rèn luyện để trở thành đảng viên tốt. Có lần ông ngập ngừng muốn đề nghị tôi gì đó. Tôi đoán là ông muốn xin giấy chứng thực của tôi khi cùng tù ở Phú Lâm, nhưng ngại ngùng chuyện cũ nên không nói ra... Về sau, ông lại về Bộ Văn hóa và nghỉ hưu ở Thành phố Hồ Chí Minh. Năm nay nếu còn, có lẽ ông đã tám, chín mươi tuổi. Lâu nay tôi không được tin về ông.

Khoảng tháng 3-1953, mặc dù bệnh tôi không khỏi, nước vàng trong phổi hàng ngày vẫn rỉ ra, mỗi ngày phải thay băng 2 lần, điều kiện trong tù thiếu thốn bông băng, các bạn tù vẫn tận tình chăm

sóc tôi, trong đó có đồng chí Võ Tá Lâm (cháu nội cụ Võ Tánh), đại đội trưởng pháo binh Trung đoàn 100 Bình Trị Thiên, một đảng viên xuất thân gia đình quý tộc ở Huế. Đồng chí Lâm luôn luôn thể hiện là một chiến sĩ cộng sản gương mẫu, tận tuỵ với công việc của Đảng, khiêm tốn... Thật tình cờ, khi tôi được chuyển về Sài Gòn chữa bệnh thì đồng chí Võ Tá Lâm cùng một số sĩ quan quân đội ta bị bắt được chuyển từ Côn Đảo về căng Hanh Thông Tây. Đến khi tôi bị trả lại Côn Đảo, địch lại chuyển một số sĩ quan từ Hanh Thông Tây ra Côn Đảo. Lúc lên tàu tôi lại gặp đồng chí Võ Tá Lâm.

Đến Côn Đảo lần thứ hai, bệnh tôi trầm trọng thêm. Tôi báo cáo với Đảo uỷ về chuyến đi chữa bệnh và công việc làm của tôi ở nhà thương Chợ Quán và

căng Phú Lâm. Các đồng chí động viên tôi dù hoàn cảnh nào cũng phải cố gắng để sớm trở về đất liền, tiếp tục tham gia cuộc chiến đấu. Đảo uỷ giao cho bộ phận y tế, lập danh sách cho tôi đi khám bệnh và tố cáo bọn thầy thuốc Pháp ở Sài Gòn thiếu trách nhiệm, bệnh không khỏi, không chữa tiếp, cũng không đề xuất thả về, trong khi phía ta đã trao trả hàng trăm thương binh Pháp và ngụy ở chiến dịch biên giới Bắc Bộ.

Cuộc chiến đấu mới, mặt đối mặt với quân thù

Chương 5

RA TÙ VÀ TIẾP TỤC HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG

Ngày 27-10-1953 tôi từ Côn Đảo về Sài Gòn cùng với ông Bùi Văn Phái hơn 60 tuổi, bằng tàu của Hồng Thập tự Quốc tế.

Do chuyến đi chữa bệnh ở nhà thương Chợ Quán tháng 2-1953, tôi đã liên hệ được với cơ sở ta ở Sài Gòn, tôi nhắn tin bà Nguyễn Thị Năm là cơ sở cách mạng đã từng nuôi đồng chí Phan Bôi (Hoàng Hữu Nam) nguyên Thứ trưởng

Bộ Nội vụ năm 1946-1947, đến Căng Phú Lâm đón tôi và ông Bùi Văn Phái về. Ông già Phái người quê ở Hành Thiện, Nam Định, ông ở lại nhà bà Năm ít ngày thì được ông Nguyễn Thế Truyền người cùng quê, làm chủ bút báo Thần Chung ở Sài Gòn đón về nhà. Ông Phái giới thiệu tôi với ông Truyền. Ông Truyền cho con trai mời tôi đến tòa báo để phỏng vấn, tôi từ chối. Sau đó ông Truyền có viết một bài trên báo Thần Chung, giới thiệu ông Bùi Văn Phái là đại tá quân đội của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và nhắc tên tôi là Duy cùng về chuyến với ông Phái - đăng ở trang nhất báo Thần Chung với cái "tít" rất to "Quân tử cố cùng" ca ngợi sự dũng cảm của những người tù chính trị Côn Đảo. Tờ báo này bà Năm có gửi ra cho tôi, tôi đã chuyển đến đồng chí Hoàng Mậu - Bí thư Thành uỷ và các đồng chí uỷ viên Thường vụ Thành uỷ

Hải Phòng lúc đó xem.

Sau khi tôi báo cáo xong với Đặc khu uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn (thay mặt cho Trung ương cục Miền Nam), được đặc khu uỷ Sài Gòn bố trí cho về Bắc bằng máy bay dân dụng.

Khoảng 20-11-1953 tôi ra đến Khu căn cứ của Thành uỷ Hải Phòng ở huyện Quỳnh Côi, Thái Bình, được Văn phòng Thành uỷ thu xếp cho ở tại nhà chú Siêu thôn Đồn Xá, Quỳnh Côi. Còn Văn phòng Thành uỷ ở thôn An Phú cách chỗ tôi ở khoảng 1 km.

Đón tôi tại trạm giao thông của Thành uỷ tại Quỳnh Côi có đồng chí Vũ Kính, Chánh Văn phòng Thành uỷ, nguyên là uỷ viên Thường vụ quận Ngô Quyền; đồng chí Bảo tức Nhạn, cán bộ Ty giao thông Hải Phòng. Gặp lại các

đồng chí cũ rất vui. Hai đồng chí Kính và Bảo hiện nay còn sống ở Hải Phòng.

Hôm sau các đồng chí Hoàng Mậu và Tô Duy, Vũ Kính đến thăm tôi tại nhà chú Siêu, hỏi thăm qua loa tình hình sức khoẻ, chuyến đi từ Côn Đảo về Sài Gòn và từ Sài Gòn ra Bắc. Đồng chí Hoàng Mậu nói: "Tớ đã biết cậu được tha ra Sài Gòn lâu rồi, Trung ương cục Miền Nam đã báo cho biết...". Chính vì thế tôi cũng bớt được nhiều hình thức phiền toái khi cuộc cải cách ruộng đất đang thời kỳ quyết liệt Một vài anh em được tha, hoặc vượt ngục ra trước tôi đều phải ở rất xa Thành uỷ. Chỉ có mình tôi được ở gần cơ quan Thành uỷ. Sau khoảng một tuần nghỉ ngơi cho lại sức, tôi bước vào giai đoạn thẩm tra việc bị bắt, bị tù... Thành uỷ lập riêng một tổ thẩm tra do đồng chí Hoàng Mậu, Khu uỷ viên Khu uỷ Tả

Ngạn, Bí thư Thành uỷ Hải Phòng làm tổ trưởng (cựu tù chính trị Côn Đảo thời kỳ 1930-1936); đồng chí Lê Thành Dương, Phó ban Tổ chức Thành uỷ và đồng chí Đào Luyện, Trưởng phòng chính trị Ty Công an làm uỷ viên.

Trong hơn hai tháng thẩm tra, tôi chỉ ở nhà chú Siêu thôn Đồn Xá, trừ 3 ngày phải di chuyển sang Hải Dương vì có tin địch tấn công vào Thái Bình phải tạm lánh sang huyện Ninh Giang, Hải Dương. Khi về qua sông Luộc, đò quá đông. Trong đoàn chúng tôi có 2 đồng chí là Nguyễn Văn Quyết và Vân (Vân Phễu) không biết bơi. Thuyền sắp đắm, kêu gọi người biết bơi nhảy xuống. Tôi yên trí là mình bơi giỏi, quên là mình đang ốm, nên đã nhảy xuống bơi trước. Bơi gần vào bờ bị dòng xóay cuốn, không thể bơi vào được. Nhờ đồng chí Đoàn

(Đoàn đen) bơi vào trước, may lại thấy cây chuối ở ngay bên bờ sông, đồng chí Đoàn vất cây chuối xuống cho, tôi mới bơi vào được. Khi sắp chìm, tôi nghĩ không chết ở Côn Đảo nay về Hải Dương - Thái Bình lại chết đuối ư? Những kỷ niệm như thế này chúng tôi nhớ rất lâu. Sau này đồng chí Đoàn, đồng chí Quyết, đồng chí Vân... thường đến tôi chơi, nhắc lại chuyện này. "Nếu không có chúng tôi nhảy xuống bơi cứu thuyền khỏi đắm thì một số đồng chí và nhân dân đi chuyến đò đó sẽ chết". Kết quả không ai việc gì, trừ tôi xuýt chết đuối. Khi lên bờ, mọi người cởi áo ra cho tôi mặc chống rét, vì lúc đó là mùa đông giá buốt.

Anh Hạnh ghi: "Mon papa et ma Belle journée...". Tôi nghĩ mãi không hiểu tại sao Hạnh lại ghi thế. Về đến Hải Phòng mới biết vợ anh tên là Nhật. Hóa

ra tay Hạnh chơi chữ với "Tây"? "Belle journée" có nghĩa: "Ngày đẹp", tức là Hạnh - Nhật.

Trong thời gian ở Quỳnh Côi, Thái Bình, tôi báo cáo với Thành uỷ về đề nghị của Đảo uỷ xin Thành uỷ và TƯ gửi tiếp tế cho anh em Côn Đảo. Cuộc sống ở Côn Đảo rất khó khăn, thuốc không có, địch chỉ cho tiếp tế sữa đường và các thức ăn khô. Đồng chí Hoàng Mậu, nguyên là tù chính trị Côn Đảo nên rất thông cảm với anh em. Nhưng ngân sách thành phố không có, phải báo cáo lên khu uỷ và TƯ mới có tiền để tiếp tế cho anh em tù ngoài Côn Đảo được.

Tôi về đến thôn Mạc Thủ, xã Liên Mặc, huyện Thanh Hà, gặp đồng chí Trần Phương (Phương xích) Thành uỷ viên, phụ trách giới công thương Hải Phòng. Lúc này đã giải tán cấp quận, nên đồng

chí Phương không còn là Bí thư quận uỷ Ngô Quyền nữa. Đồng chí Phương trả lại tôi tài liệu tư trang mà khi vào nội thành hoạt động tôi đã gửi lại đồng chí Vũ Kính, uỷ viên thường vụ quận uỷ Ngô Quyền, đồng chí Kính chuyển cho đồng chí Phương trả lại tôi. Tôi nghỉ tại Mạc Thủ và nhắn tin cho vợ tôi ra ăn tết với tôi, tại nhà một người cháu gọi tôi là chú họ, lấy chồng tại thôn Mạc Thủ. Chao ôi, bao nhiêu nhớ thương, lo âu, xa cách đã trút vào những giọt nước mắt mừng tủi của vợ tôi. Mới thấm thía rằng sự hy sinh thầm lặng của những lứa đôi cùng hoạt động cách mạng thật không sao kể xiết. Và dù sao chúng tôi cũng có được giấy phút hạnh phúc này. Còn biết bao đồng chí tôi ngoài Côn Đảo, trong các nhà tù, khát khao phấp phỏng chưa biết sống chết ra sao, bao giờ mới gặp lại vợ? Nghĩ thế mà cầm tay vợ cứ rưng rưng

nước mắt...

Cơ quan đồng chí Trần Phương cũng ở gần đó, trong mấy ngày Tết những anh em quen biết lại có dịp gặp nhau hàn huyên chuyện cũ khi còn công tác ở quận, ở khu căn cứ Đèo Voi...

Ăn tết xong, trước khi trở lại Thái Bình để chuẩn bị đi chỉnh huấn, tôi bàn với nhà tôi cố gắng gom góp ít tiền gửi tiếp tế cho anh em Côn Đảo. Vợ tôi đã bán lứa lợn nái, ít thóc, mua 3 bộ đồ cắt tóc gửi cho 3 banh. Lúc đó Côn Đảo chỉ có 3 banh; banh 1 và banh 2 nhốt tù án chính trị, banh 3 nhốt tù binh (chủ yếu là ở miền Bắc chuyển vào). Vì lúc này ở Côn Đảo không có phương tiện cắt tóc, anh em phải xin hoặc mua lưỡi dao cũ của những người Việt trông nom tù, có những người tốt họ gom các lưỡi dao cạo cho chúng tôi. Chúng tôi bẻ đôi lưỡi dao,

rồi dùng đũa tre chẻ làm đôi, kẹp nửa lưỡi dao cạo (Gillete) vào giữa, vừa làm dao vừa làm kéo, phát lóc từ trên xuống, rồi cạo. Có những anh em thợ cạo giỏi như anh Thân, anh Nhường dùng dao phát tóc cũng đều như cắt bằng tông-đơ hay bằng kéo. Vợ tôi đã làm việc này rất chu đáo. Số dao kéo ấy khi được trao trả, anh Thân đã mang về được một bộ.

Khi nhà tôi gửi đồ tiếp tế ra Côn Đảo, được phép của Thành uỷ tôi đã viết một lá thư bằng mực hóa học cho Đảo uỷ Côn Đảo, nói tóm tắt tình hình chiến sự cả nước và chỉ thị của TƯ và Thành uỷ cho Côn Đảo. Lá thư vợ tôi viết gửi anh Vũ Hạnh với danh nghĩa là vợ tôi báo tin tôi đã đi Pháp chữa bệnh, theo ám hiệu tôi đã bàn với Đảo uỷ, trước khi ra tù, nhằm đánh lạc hướng địch. Khi nhận được thư, các đồng chí trong

đó dùng "Tanh-tuya đi-ốt" bôi lên phía sau lá thư là hiện chữ. Đọc nhanh và ghi chép. Khi giấy khô chữ trong thư cũng biến hết. Lá thư này đã đến tay các đồng chí Đảo uỷ. Sau này khi còn sinh thời, vợ tôi hàng năm đến họp mặt, các đồng chí Côn Đảo đều nhắc lại sự kiện trên. Nhiều đồng chí đề nghị kết nạp vợ tôi là thành viên tù chính trị Côn đảo vì đã hết lòng với anh em.

Đi chỉnh huấn

Sau những ngày nghỉ phép ăn Tết với vợ tôi ở Mạc Thủ, Thanh Hà, tôi trở lại Quỳnh Côi, Thái Bình để chuẩn bị đi chỉnh huấn.

Khoảng trung tuần tháng 2-1954 chúng tôi tập trung đến lớp chỉnh huấn do khu uỷ Tả ngạn tổ chức. Lớp chỉnh huấn do đồng chí Đỗ Mười, Bí thư khu

uỷ, trưởng ban tuyên huấn khu uỷ Tả ngạn, trực tiếp chỉ đạo. Còn những người chỉ đạo thường xuyên là đồng chí Trần Phương, Phó ban Tuyên huấn; đồng chí Thế Phấn; đồng chí Dũng, uỷ viên Ban Tuyên huấn và một số cán bộ của Ban phụ trách lớp.

Hồi trước tôi biết đồng chí Trần Phương khi còn ở Hưng Yên, khi đồng chí sang Hải Phòng làm Phó Bí thư Thành uỷ thì tôi đã bị bắt. Gặp nhau ở lớp chỉnh huấn, tôi cảm thấy đồng chí như đã thân quen lâu rồi, trao đổi chuyện ở tù, hoạt động ở nội thành v.v...

Lớp trưởng kiêm Bí thư chi bộ là chị Nguyễn Thị Định, uỷ viên Thường vụ, Phó Chủ tịch tỉnh Thái Bình. Tôi được cử làm tổ trưởng một tổ. Tuy chưa được giới thiệu sinh hoạt đảng, nhưng các cuộc họp chi bộ tôi được mời họp như

một đảng viên chính thức.

Đến tháng 4-1954 Thành uỷ Hải Phòng giới thiệu tôi với chi bộ, tôi được tiếp tục sinh hoạt Đảng. Có lẽ tôi là một đảng viên duy nhất ra tù được tiếp tục sinh hoạt sớm như vậy. Một phần vì nhà tù Côn Đảo được Trung ương trực tiếp chỉ đạo, còn các nhà tù khác do Thành uỷ, Tỉnh uỷ, Khu uỷ trực tiếp chỉ đạo thì phải sau chỉnh huấn thẩm tra, xác minh, mới được phục hồi, được tính tuổi đảng liên tục, hoặc cắt tuổi đảng một số năm, hoặc bị khai trừ... tùy theo lỗi nặng nhẹ khi bị bắt, bị tù, khai báo...

Trong buổi khai mạc lớp, lần đầu tiên tôi biết đồng chí Đỗ Mười. Trước tôi chỉ nghe nói tới anh Mười, Khu uỷ viên phụ trách phụ vận Liên khu III, khi chưa thành lập khu Tả Ngạn. Tôi nghĩ anh Mười chắc là người hiền dịu, nho nhã.

Khi thấy anh đến nói chuyện, tôi cảm thấy anh là võ tướng, ăn nói bộc trực, dễ gần... Đôi lúc thông tục anh vỗ vào ngực nói: "ở Tả Ngạn, tôi làm Bí thư Khu uỷ, Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính Khu, Tư lệnh kiêm Chính uỷ, Trưởng ban Tổ chức, Trưởng ban Tuyên huấn...". Tôi nghĩ chắc anh giỏi lắm. Hay Tả Ngạn không có người tài buộc anh phải kiêm tới 6 chức? Anh đến lớp giải đáp những vấn đề thảo luận và hôm bế mạc anh đến dặn dò anh em. Tôi thấy anh hăng say, xông xáo, ăn nói khúc chiết, đôi khi người ta cảm thấy được cả sự tự hào, tự phụ bên trong người anh nữa. Trong quá trình học tập, kiểm điểm, nghe báo cáo phụ khóa về giảm tô và Cải cách ruộng đất, xem phim "Bạch Mao nữ" và "chiến sĩ gang thép" của Trung Quốc, đọc "Thép đã tôi" của Liên Xô, xong từng bài liên hệ kiểm điểm. Chỉ gợi ý nói khuyết điểm

thôi, không nói ưu điểm. Từng bài liên hệ kiểm điểm xong phải báo cáo Trung tâm thông qua. Trước và sau đó phải đưa ra Tổ thông qua. Trong tổ tôi có 3 đồng chí là người Hải Phòng: tôi, đồng chí Nghĩa (tức Linh), đồng chí Phạm Văn Diệt là Trưởng phòng giao thông quận, cũng mới ở tù ra. Còn các đồng chí ở các tỉnh khác trong Khu, trong số đó có đồng chí Mai, nguyên là Thông phán Tòa sứ Hưng Yên thời Pháp thuộc, đã chỉnh huấn lớp trước, nhưng kiểm điểm tiếp thu không tốt, phải đi chỉnh huấn lại. Tổ giao cho tôi đi sát giúp đỡ anh Mai. Tôi đã giúp anh Mai đi vào thực chất của vấn đề kiểm điểm, phân tích rõ ràng ranh giới giữa kẻ thù và ta. Anh nói với tôi: "Nghe anh phân tích tôi thấy thông. Nhưng mấy con mẹ (chỉ mấy chị trong tổ) chỉ đáng làm "vú em" cho nhà tôi chẳng hiểu cái gì cả, mà lại lên "nước mặt, nói không ai nghe

được". Tôi phải phân tích cho anh biết vì sao lại như thế? Vì chị em nghèo, không được học hành như anh, họ thấy đâu nói đấy, lời lẽ giản đơn, thô kệch, nhưng thiết thực. Ta chấp nhận cái đúng, cái cốt của câu nói, không nên chấp nê về kiểu cách lời nói rồi sinh ra phản ứng, bỏ mất cái hay... Cuối lớp anh viết thu hoạch tốt và được thông qua.

Tôi ở Côn Đảo cũng đã tổ chức chỉnh huấn cho anh em, kiểm điểm rất sâu sắc những sai lầm khuyết điểm khi bị bắt, khai báo, đầu hàng về tư tưởng, thoái chí, cầu an hưởng lạc nhưng cũng nêu gương những mặt ưu điểm, thành tích. Còn ở lớp chỉnh huấn này chỉ nêu khuyết điểm, tôi thấy làm cho mình "hèn" đi, tự mình bôi nhọ mình những điều không có. Nếu không thế, báo cáo không được thông qua. Riêng tôi, tôi kiên trì có thế nào, nói

thế, không nói thành tích, nhưng cũng không bịa ra khuyết điểm để báo cáo, để sớm được thông qua. Kết quả báo cáo của tôi vẫn được thông qua sớm, từ tổ, chi bộ lên đến Ban chỉ đạo lớp cũng được thông qua nhanh.

Một hôm tôi gặp đồng chí Trần Phương, tôi tâm sự với đồng chí ấy về phương pháp học tập, kiểm điểm, cần khơi dậy ý chí chiến đấu, tinh thần dũng cảm của mọi người. Nếu chỉ nói khuyết điểm sẽ làm giảm khí thế mọi người, chỉ thấy hèn nhát mà không thấy kiên cường... Rồi tôi nhắc đến vụ bắn Nguyễn Thị Năm, địa chủ Thái Nguyên. Sự việc này khi ra đến Sài Gòn, tình cờ tôi gặp một cơ sở của Khu 6, thuộc quận Ngô Quyền, anh Nam người huyện An Dương, bị địch lùng bắt phải chạy vào Sài Gòn, ở xóm Chiếu, bên nhà bà Năm,

biết tôi mới ở Côn Đảo về, là người Hải Phòng nên anh Nam kể mọi chuyện miền Bắc, từ vụ bắn Nguyễn Thị Năm, giảm tô, Cải cách ruộng đất nghe rất lạ tai và khủng khiếp, cả vụ "H cent vingt deux" (H122) anh Nam cũng kể rất rành rọt cho tôi nghe. Tôi chỉ nghe, không bình luận gì, vì mới ở tù ra, dù sao cũng phải giữ bí mật với anh Nam về mọi hoạt động của tôi ở Sài Gòn, để làm tròn nhiệm vụ của Đảo uỷ giao cho. Nhưng được một ít thông tin cũng tốt. Tôi chỉ nhắc anh Nam cẩn thận, kẻo địch xuyên tạc về giảm tô và Cải cách ruộng đất của ta. Khi học về chính sách Cải cách ruộng đất, tôi liên hệ giữa chính sách và việc thực hiện vụ bắn Nguyễn Thị Năm có 3 điều sai chính sách và một điều không hợp đạo lý truyền thống của người Việt Nam. Ba điều sai chính sách là:

- Địa chủ kháng chiến được chiếu cố,

- Địa chủ kiêm công thương được chiếu cố.

- Địa chủ hiến ruộng được chiếu cố.

Nguyễn Thị Năm có được 3 điều mà luật Cải cách ruộng đất khóa thứ I Quốc hội thông qua, có chiếu cố. Điều không hợp đạo lý, Nguyễn Thị Năm là phụ nữ, bắn một địa chủ là nữ, không phải cường hào gian ác sẽ trái đạo lý thông thường của người Việt Nam. Tôi trao đổi với đồng chí Trần Phương việc này, đồng chí bảo tôi: "Cậu tập trung vào học tập chỉnh huấn, kiểm điểm cho tốt để báo cáo được thông qua. Còn việc đó nói gì cũng không được đâu, có khi còn nguy hiểm nữa... chúng ta sẽ bàn sau...". Với thái độ thân mật, nghiêm túc, thông cảm của đồng chí Trần Phương, tôi nghĩ chắc

vấn đề này nghiêm trọng lắm!

Sau này khi sửa sai Cải cách ruộng đất xong, tôi được nghe nhiều cán bộ cao cấp nói lại: "Khi chuẩn bị bắn Nguyễn Thị Năm, Bác Hồ đã can thiệp và nói đại ý: "chẳng lẽ Cải cách ruộng đất không tìm được một tên địa chủ, cường hào gian ác là nam giới mà mở đầu đã phải bắn một phụ nữ địa chủ hay sao?". Nhưng cán bộ thừa hành báo cáo là đã hỏi cố vấn Trung Quốc và được trả lời là: "Hổ đực hay hổ cái, đều ăn thịt người cả!". Thế là đem hành hình Nguyễn Thị Năm!

Qua hơn 3 tháng học tập chỉnh huấn, sắp đến ngày bế mạc. Hội nghị Genève khai mạc cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ - chấn động địa cầu. Lớp chỉnh huấn chúng tôi được tập trung đi tuyên truyền cho hội nghị Genève. Tôi được cử làm đội trưởng một đội đi xa và sâu vào

lòng địch là Thành phố Hải Phòng. Đội gồm có tôi và anh Phạm Văn Điện người Hải Phòng, 2 cán bộ là người Tiên Lãng, Kiến An (lúc đó Hải Phòng - Kiến An chưa hợp nhất), 2 cán bộ nữa là người Thái Bình. Sức khoẻ của tôi lúc này có khá hơn, nhưng vết thương ở ngực bên trái nước vàng vẫn chảy ra, hàng ngày vẫn phải thay băng. Có đồng chí gợi ý tôi xin ở lại lớp, hoặc vào nơi tạm chiếm Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, đi lại thuận tiện hơn, có gì phải cấp cứu cũng nhanh hơn.

Nhưng tôi vẫn đi Hải Phòng, vào sâu sát ngoại thành Hải Phòng - Kiến An, ở thôn Xích-thổ. Sau bị địch càn quét, tôi chuyển cả đội sang thôn Bạch Mai huyện An Dương, có đêm phải bơi qua sông Cái Tắt sang xã Hùng Vương, đoạn đường số 5 sát Hải Phòng. Sang đến nơi bị động, cơ

sở trốn hết, cả đoàn lại bơi về, sang thôn Văn Tra - Văn Cú, An Dương. Mỗi lần bơi qua sông lên bờ, đầu tiên là tôi phải băng ngay lại vết thương. Lúc nào trong ba lô của tôi cũng có gói bông băng và lọ thuốc đỏ. Hôm bị địch vây ở thôn Xích Thổ phải chui xuống hầm nước, đỉa bu cắn cả vào chung quanh vết thương. Khi địch rút lui, còn mấy con đỉa bám gần vết thương. Nay nghĩ lại vẫn sởn gai ốc. May không bị vi trùng uốn ván, thật là phúc.

Kết thúc đợt đi tuyên truyền, về dự tổng kết lớp chỉnh huấn, tôi được khen thưởng cao nhất, được khen học tập tốt, báo cáo kiểm điểm nghiêm túc, đi vào sâu đất địch. Tôi nhận giấy khen của Ban Tuyên huấn Khu do đồng chí Phó ban Trần Phương ký, được 2 ảnh nhỏ (4x6)

của Bác Hồ. Nay tôi vẫn còn giữ làm kỷ niệm.

Về công tác tại Văn phòng Thành uỷ

Tôi được phân công tiếp tục về Hải Phòng công tác, nằm trong Ban Thư ký vụ, phụ trách công tác tổng hợp. Văn phòng lúc này đóng ở huyện Vĩnh Bảo. tình hình chính trị, hội nghị Genève diễn ra thuận lợi, công việc văn phòng càng phải khẩn trương, phải nắm tình hình địch ở nội thành, sự di chuyển của chúng. Ngoài việc phụ trách tổng hợp, tôi còn phải theo dõi phụ trách một số đường dây mới, do các đồng chí ở tù ra mà tôi nắm được, gây dựng được nhiều cơ sở trong các cơ quan đầu não của địch ở Hải Phòng. Tài liệu ở nội thành chuyển ra rất nhiều. Tôi phải làm việc suốt ngày

đêm, tranh thủ ngủ vài tiếng đồng hồ, ngay trong bữa ăn cũng làm việc, cũng đọc báo cáo. Đồng chí Hoàng Mậu, Bí thư Thành uỷ là đồng chí hoạt động từ năm 1930, công nhân kỹ thuật cơ khí bậc cao, người Việt gốc Hoa. Đồng chí Hoàng Mậu là đồng chí gương mẫu toàn diện, học lực có hạn, nhưng khi tôi viết báo cáo với đồng chí, đồng chí duyệt rất cẩn thận. Đặc biệt có những từ ngữ đã tâm đắc thì báo cáo thiếu là không được. Đồng chí có thư ký riêng là đồng chí Hải, sau sang làm phó giám đốc đài phát thanh Hải Phòng, nhưng mọi việc viết báo cáo tôi đều phải viết và báo cáo trực tiếp với đồng chí Hoàng Mậu. Các thư ký khác có viết một báo cáo nào đó, đồng chí Hoàng Mậu cũng bảo đưa qua tôi sửa chữa và trực tiếp báo cáo với đồng chí ấy, mặc dù đã có chánh văn phòng lúc đó là đồng chí Minh Sơn. Nếu đã qua đồng

chí Minh Sơn, đồng chí Hoàng Mậu cũng bảo đưa qua tôi, nên công việc đã bận lại càng bận thêm. Tôi sợ mình bao biện công việc của đồng chí khác, anh em đồng nghiệp sẽ không vui, nhưng đồng chí Hoàng Mậu không nghe, anh em cũng rất thông cảm với tôi và giúp tôi hoàn thành nhiệm vụ.

Mọi việc ở Văn phòng Thành uỷ đang ổn định, tháng 10-1954 tiếp quản Hà Nội. Mấy ngày sau văn phòng Thành uỷ chuyển về thôn Vũ Xá - xã Ái Quốc, huyện Nam Sách nằm trên đường số 5, tiện cho việc chỉ đạo của Thành uỷ, các cơ quan Hải Phòng đóng dọc theo đường số 5 đến ga Phạm Xá, ga trung chuyển giữa khu tự do mới được giải phóng và khu "chu vi 300 ngày" nơi quân Pháp tập kết chuyển vào miền Nam dưới vĩ tuyến 17.

Đồng chí Đỗ Mười, Bí thư khu uỷ, vừa được đề bạt làm uỷ viên TƯ dự khuyết khóa II, cùng với 4 đồng chí khác là Xuân Thủy, Trần Hữu Dực, Bùi Quang Tạo, Nguyễn Thị Thập. Đồng chí Đỗ Mười được cử làm trưởng ban chỉ đạo tiếp quản khu "chu vi 300 ngày", trực tiếp làm Bí thư Thành uỷ Hải Phòng

Trong một buổi về thôn Vũ Xá làm việc với thành uỷ Hải Phòng, làm việc xong, mọi người còn có mặt cả, đồng chí Đỗ Mười bảo đồng chí Hoàng Mậu: "Cho đồng chí Thành về giúp việc tôi tiếp quản Hải Phòng..." Tôi vừa ngỡ ngàng vừa sững sờ, không hiểu ai đã giới thiệu tôi với đồng chí Đỗ Mười, mà đồng chí biết tôi một cách đột ngột như vậy. Đồng chí Hoàng Mậu hơi lúng túng nói: "Có một cậu nó đang làm quen với công việc, anh lấy đi chưa có người

thay!" Anh Mười đứng phắt dậy tuyên bố: "Cứ cho cậu Thành lên giúp việc tôi, nếu Hải Phòng có gì xảy ra tôi chịu trách nhiệm..".Anh Mậu lặng im. Tôi đứng dậy thưa với anh Mười: "Tôi mới ở tù ra, mới đi chỉnh huấn về, mới được xác minh, còn nhiều anh em biết tôi nhưng chưa về, sợ rằng sau này có vấn đề chính trị sẽ phiền cho anh." Anh Mười nói to: "Cậu muốn lấy lý do để không đi giúp việc mình. Cậu phải biết tôi là Bí thư khu uỷ chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính khu, Tư lệnh kiêm chính uỷ khu, trưởng ban tổ chức, trưởng ban tuyên huấn, ai thế nào mình biết hết, địch ta ai lừa dối được mình". Anh Mậu nhìn tôi có vẻ e dè, sợ anh Mười, khẽ gật đầu. Tôi nói: "Nếu anh đã nói như vậy tôi xin đi giúp việc anh". Anh Mười và đoàn tùy tùng ra về. Anh Mười dặn lại tôi: "Mai lên Hải Dương gặp tôi..." Lúc đó khu đóng

ở thành phố Hải Dương mới giải phóng.

Về Thủ đô mới giải phóng công tác

Hôm sau tôi nhận quyết định của đồng chí Hoàng Mậu lúc đó kiêm cả chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính Hải Phòng ký. Tôi về công tác ở Ban chỉ đạo tiếp quản khu "300 ngày", kiêm đại diện Uỷ ban kháng chiến hành chính Hải Phòng tiếp dân ở Hải Phòng ra Hà Nội gặp chính quyền mới. Thành uỷ cử cho tôi một cán bộ giúp việc là đồng chí Trần Việt (Việt mặt đỏ).

Hôm sau tôi lên Hải Dương gặp đồng chí Đỗ Mười nhận việc. Đồng chí giao cho tôi thu xếp trụ sở cho Ban chỉ đạo về Hà Nội, anh Mười cũng bàn giao công việc của khu tả ngạn cho đồng chí khác thay thế.

Tôi cùng đồng chí Việt thuê nhà làm trụ sở của Đại diện Uỷ ban kháng chiến hành chính Hải Phòng ở số 32 Bà Trưng Hà Nội làm trụ sở tạm thời. Mấy hôm sau anh Mười lên Hà Nội gặp tôi và đưa tôi đến gặp đồng chí Trần Danh Tuyên, Bí thư Thành uỷ Hà Nội để xin nhà làm trụ sở Ban chỉ đạo khu "300 ngày". Đồng chí Tuyên cho nhà "Khai trí Tiến Đức" gần Bờ Hồ. Tôi ký các thủ tục nhận nhà, thu xếp dọn dẹp vệ sinh để đón anh Mười và Văn phòng về ở. Công việc rất bận rộn. Lúc đầu chỉ có tôi, đồng chí Việt và cô cấp dưỡng đến dọn dẹp nhà cửa, nấu nướng ăn. Nhà to cửa rộng, không có người ở, lá rụng đầy sân, chỉ riêng việc dọn lá bàng ở sân đã mất mấy ngày. Anh Mười cử cả tiểu đội bảo vệ đến giúp làm vệ sinh, chúng tôi mới đỡ vất vả. Ngân sách chưa có, không có tiền thuê lao động đã phải huy động anh em làm ngoài giờ.

Bộ máy lúc đầu giúp việc anh Mười chỉ có đồng chí Phạm Gia Tuân, đồng chí Vũ Trọng Nam làm Thư ký và một tiểu đội bảo vệ, một lái xe Jeep cho anh Mười. Tôi làm cả hai việc vừa giúp anh lo chuẩn bị tiếp quản Hải Phòng, vừa làm đại diện cho Uỷ ban kháng chiến hành chính Hải Phòng, phụ trách hành chính cơ quan, thu xếp dọn dẹp, bất cứ việc gì cũng đến tay. Chỉ trong 15 ngày là ổn định mọi việc.

Các tỉnh thuộc khu 300 ngày đều cung cấp cán bộ như Kiến An có đồng chí Hồng Cẩn cán bộ trung đoàn và một đồng chí nữa, Hồng Quảng có đồng chí Chuyền, khu Tả Ngạn cử đồng chí Vũ Viết Nhuận... Tổng số đã lên hơn 10 người. Mọi công việc chuẩn bị cho tiếp quản rất khẩn trương. Nào báo cáo của quân sự do đồng chí Nguyễn Như Thiết,

Phó Tư lệnh Quân khu Tả Ngạn chuẩn bị các hướng hành quân vào Khu "300 ngày"; báo cáo chính trị về kế hoạch tiếp quản lên Bác Hồ và Bộ Chính trị duyệt; mở 2 lớp đào tạo cán bộ vào tiếp quản, mỗi lớp khoảng 500 người ở hội trường Tổng Công đoàn do Trung ương tổ chức và chỉ đạo (nhưng Ban chỉ đạo phải đến báo cáo tình hình và kế hoạch tiếp quản). Chuẩn bị cho 500 cán bộ hành chính vào trước. Công việc bề bộn, cộng với tác phong khẩn trương của anh Mười, làm cho chúng tôi, nếu không chuẩn bị có khi suốt ngày không kịp ăn. Nhiều lúc vừa ăn vừa bàn công việc. Tôi đang ngồi làm việc, anh Mười vào vẫy tay đi, thế là chạy ra xe đi ngay. Có khi vừa đi vừa thắt quần.

Hôm sang ngân hàng gặp anh Lê Viết Lượng, Tổng giám đốc ngân hàng

Việt Nam xin 20.000 đồng Đông Dương để chi cho cán bộ vào nội thành chuẩn bị trước (lúc đó kinh tế khó khăn, mới tiếp quản Thủ đô tiền Đông Dương khan hiếm), tôi ngồi nghe đồng chí Lê Viết Lượng phân tích khó khăn, sốt cả ruột. Anh Mười nói đi nói lại sự cần thiết phải có số tiền đó. Mãi anh Lê Viết Lượng mới đồng ý, nhưng thái độ tỏ ra không vui. Anh Mười giao cho tôi nhận tiền. Anh Lượng nhắc tôi: "Bảo anh Mười tiêu tiết kiệm nhé!". Tôi hơi khó chịu trả lời: "Chúng tôi sẽ tiết kiệm từng xu, anh biết tính anh Mười rồi đấy, anh đừng lo...". Anh Lượng vẫn còn nói thêm: "Vẫn cần phải nhắc như vậy cũng không thừa". Sau này tôi mới biết anh Lê Viết Lượng được ghép vào 4 vị "Tứ kiệt" của Việt Nam.

Tôi cầm về một bó tiền Đông Dương, không tủ, không két, cứ phải bỏ vào cái

túi vải, đi đâu cũng mang theo mình. Chỉ mong sao chi hết sớm cho đỡ vất vả. Vừa phải làm thủ quỹ, vừa làm kế toán, công việc này tôi chưa quen, nhưng vẫn phải mở sổ sách. Chứng từ thì viết tay, chỉ sợ mất tiền, anh em vào nội thành không có tiền ăn, còn mình lấy tiền đâu đền? Công việc đã bận, lại kè kè gói tiền bên mình, sinh mất ăn, mất ngủ. Bên cạnh đó vết thương cũng chưa lành vẫn phải băng bó. Thế mà anh em khen tôi trẻ ra. Mới biết thức ăn tinh thần quan trọng đến mức nào? Hàng ngày đã làm việc liên miên, đến tối lại phải nghe phản ảnh của anh Nguyễn Tài, Trưởng Phái đoàn Việt Nam thực hiện Hiệp định chuyển giao khu "300 ngày". Anh Tài sáng đến Quỳnh Khê, Kim Thành để họp với Phái đoàn Pháp, tối về phản ảnh với anh Mười kết quả đàm phán. Đủ mọi sự việc diễn ra hàng ngày, nào địch tháo dỡ máy móc

chuyển vào Nam, dân di cư dồn về Hải Phòng, yêu cầu nọ, yêu cầu kia của địch, đêm nào cũng bàn thâu đêm, suốt sáng để có phương án cho hôm sau anh Tài đi "đấu" tiếp với phái đoàn Pháp.

Tôi thấy anh Vũ Trọng Nam thức khuya nhiều quá, chân tay mọc lông lá... rất ái ngại! Lắm lúc ban ngày ngồi làm việc, mấy bàn thư ký đều ngồi ngủ gật, trông rất buồn cười...

Phương án tiến quân do anh Nguyễn Như Thiết trình bày đến lần thứ 11 mới được thông qua. Anh Thiết mỗi hôm ra về đều than phiền với tôi:

- Tôi biết tính anh Mười cẩn thận, nên kế hoạch làm rất tỉ mỉ, các tình huống đều nêu ra hết, nhưng vẫn không được thông qua! Trong chiến đấu tôi cũng không thấy khổ bằng bây giờ!

Tôi động viên anh Thiết:

- Bọn tôi ở đây phải phân công nhau ngồi nghe với anh Mười, tuy vậy nhiều lúc anh Mười gọi tất cả cùng phải nghe. Nghe đi nghe lại, đầu gật mà mắt vẫn phải mở, sợ thủ trưởng phê bình.

Không những thế 3, 4 giờ sáng anh Mười còn đến phòng ngủ của tôi đánh thức dậy và bảo:

- Thành, Thành, nếu nó ỳ ra không chịu rút thì làm thế nào?

Tôi phân tích:

- Địch đã đến nước này, phải rút về Khu 300 ngày. Chúng không dám ỳ ra đâu, anh yên tâm!

Anh Mười lại đặt các câu hỏi khác, phân tích tình hình, đồng bào di cư, địch

dỡ máy móc phải làm sao giữ lại, vận động quần chúng đấu tranh ra sao, và bảo tôi viết chỉ thị cho Hải Phòng về rất nhiều vấn đề mà Mười đã nêu ra. Có lần tôi mệt quá, vừa đặt lưng xuống giường là ngủ thiếp đi, anh Mười đến phát vào lưng tôi: "Dậy, dậy, sao mà ngủ nhanh thế!" Anh lại nêu vấn đề: "Địch ỳ ra không rút thì giải quyết thế nào?". Tôi vừa mệt, mắt cay xè, thấy thủ trưởng lo lắng, tâm huyết quá mà các lý lẽ đã phân tích với anh Mười những buổi trước hết rồi, tôi bình tĩnh, nhưng nói giọng hơi gay gắt:

- Nó ỳ ra thì đánh bỏ mẹ nó đi...

Anh Mười ngồi yên, suy nghĩ không nói gì rồi từ từ đứng dậy đi vào phòng ngủ, mặc dù chị Thanh, phu nhân của anh đã đến từ tối.

Bản thân là con người say sưa công việc cách mạng, không từ nan việc gì bao giờ, nhưng từ hôm về Hà Nội làm việc thực sự với anh Mười tôi tự thấy mình "lây" ngọn lửa nhiệt tình của anh. Sau này tôi vẫn thường nhắc lại điều đó với anh Mười.

Ba trăm ngày chẳng mấy chốc đã sắp hết, ngày tiếp quản Hải Phòng đến gần. Cơ quan chúng tôi lại chuyển về thị xã Hải Dương với bao nhiêu công việc. Cán bộ các nơi ùn ùn tập trung đến. Mặc dù Ban tổ chức Thành uỷ đã có sự chỉ đạo của đồng chí Hoàng Mậu, nay là Phó Bí thư, nhưng anh Mười vẫn nhắc tôi phải xem lại. Tôi cảm thấy quá sức và lo rằng có khi làm cho các đồng chí tổ chức không thông cảm đánh giá mình bao biện, nhất là các đồng chí mới ở tỉnh, thành phố và các đồng chí cán bộ miền Nam

tập kết ra Bắc. Nhưng mọi sự việc đều xếp sắp ổn thỏa.

Nhớ lại những ngày ở Khai Trí Tiến Đức bên bờ Hồ Hoàn Kiếm, mọi người làm việc mệt mỏi, những khi nghỉ ngơi chốc lát, đứng trông ra cửa sổ về phía Hàng Khay thấy học trò nữ Trường Trưng Vương quần áo dài thướt tha qua bờ Hồ, nhiều đồng chí ngắm nhìn không chớp mắt. Anh Mười biết, bảo: "Các cậu hủ hóa mắt hết rồi... Hỏng hết, viên đạn bọc đường nó làm hỏng hết cán bộ...". Chỉ có tôi, anh Nam, anh Tuân, là anh Mười không bắt được chúng tôi nhìn, ngắm bao giờ nên anh không nói gì. Thỉnh thoảng đi họp Trung ương về, anh bỏ kẹo vào túi rồi vứt cho chúng tôi mỗi người vài cái.

Có nhiều lần họp chi bộ, anh cứ dùng chữ "viên đạn bọc đường" để nhắc nhở

anh em. Tôi thấy anh nhắc nhiều lần quá, nên đứng dậy đề nghị anh Mười không nên nhắc nhở điều ấy nữa, vì chúng ta cũng có thể là viên đạn bọc đường, bọc lại chúng, chứ không chỉ bị chúng bọc. Anh Mười không nói gì, nhưng từ đó anh thôi dùng câu: "đạn bọc đường".

Khi phục vụ cho đồng chí Nguyễn Tài và các đồng chí Ban liên hiệp đình chiến TƯ ở Trung Giã, tôi có làm một việc, chủ ý gây cho địch lúng túng, mất thì giờ, ta có cớ để đấu với chúng. Đó là việc lập danh sách tù binh Việt Nam. Tôi cứ để tên tôi là Duy vào danh sách tù chưa được thả, phái đoàn ta phụ trách về tù cứ đòi, địch phải mất công tìm hết nơi này nơi khác về tên Duy tù binh. Phái đoàn ta nói: "Không thấy tù nhân tên Duy được trao trả về". Cuối cùng tìm không thấy, địch đem những văn bản, quyết định tha

tôi cho phái đoàn ta để xác minh giúp, còn chúng sẽ xác minh xem tên Duy có ở lại khu chúng kiểm soát không? Ý định tôi lúc đó ra sao tôi có nói với cán bộ phụ trách tù binh: chỉ là "đánh lừa" để chúng mất thời giờ truy tìm...v.v. Tôi không bao giờ nghĩ tới chuyện ấy sau này gây phiền phức. Đó là trong đơn vu khống lý lịch tôi, kẻ xấu đã viết: "Chính Duy là tay sai địch nên địch đã truy tìm bằng nhiều văn bản, gửi các địa phương của chúng, tìm Duy để sử dụng...". Những hồ sơ của địch sau khi đã có kết luận, tôi đã xin các đồng chí sao lục cho mộc bản. Câu cách ngôn: "gậy ông lại lập lưng ông" cũng là bài học cho những ai chỉ đơn giản nghĩ điều thuận mà không thấy điều nghịch như tôi.

Về tiếp quản Hải Phòng

Ngày 13-5-1955, Văn phòng Ban chỉ đạo và văn phòng Thành Ủy nhập làm một, về trước một ngày, đóng tại Sở dầu - Hạ lý. Ngủ một đêm tại đây, sáng hôm sau tất cả theo đại quân vào tiếp quản Hải Phòng.

Anh Mười hỏi tôi vào thành sẽ ở đâu, tôi nói đã chuẩn bị với bộ phận vào trước, chuẩn bị cho anh và văn phòng ở số 9 phố De La République, nay là số 1 Hoàng Diệu, là trụ sở của Đốc Lý Hải Phòng. Còn Thành Ủy về ở số 11 Négrier, phòng Nhì của bộ tư lệnh Pháp miền Duyên Hải, nay là phố Lý Tử Trọng, sau chuyển cho Bộ tư lệnh Quân khu, rồi chuyển tiếp cho Bộ Tư lệnh Hải Quân. Còn Thành Ủy chuyển về số 5 Đinh Tiên Hoàng ngày nay, là một cơ sở hậu cần của quân đội Pháp đóng tại Hải Phòng.

Tôi về làm thư ký văn phòng Thành Ủy và được bầu là Bí thư chi bộ, do đồng chí Nguyễn Mạnh Giao làm Chánh văn phòng, đồng chí Trần Phương (Phương xích) Thành Ủy viên phụ trách văn phòng. Tôi được phân công theo rõi khối nội chính.

Lúc đó tiếp quản công việc bề bộn, giải quyết chưa xuể thì ngày 26-9-1955 Hải Phòng bị một cơn bão lớn, gió đông vào lúc thủy triều dâng, tràn hết các con đê oèo oặt do thực dân Pháp để lại. Nước ngập tràn thành phố. Do nước cường tràn vào nhanh, những xã ven đê như Tràng Cát có tới 327 người chết, hầu hết là người già và trẻ em. Anh hùng Phạm Minh Đức đã xả thân cứu giúp đồng bào, bị nước cuốn trôi. Khi nước rút phải vận động cán bộ toàn thành phố đi cạo mặn giúp dân. Những xã ven sân bay Cát Bi,

chúng tôi đi giải quyết hậu quả, phải vào sát hàng rào dây thép gai kéo các em bé ra, cháu nào cũng chúc đầu vào dây thép gai, chết rất thê thảm. Lúc nước cường, anh Mười, anh Hoàng Mậu và tôi đi xe Jeep của anh Mười xuống nhà thờ Nam Pháp. Đến đó thì nước đang dội vào thành phố, có nguy cơ xe chết máy không về được. Tôi bảo chú lái xe chở anh Mười về trước, còn anh Hoàng Mậu và tôi cùng đồng chí Vân bảo vệ anh Mậu sẽ về sau. Nước tràn vào mỗi lúc một lớn, chúng tôi không thể nào xuống được xã Sâm Bồ, Hạ Đoạn. Ba anh em phải khóac tay nhau đi hàng ba về nội thành. Về đến đầu cầu Rào nước đã lên ngang thắt lưng. Ba anh em đi về đến nội thành, thì nội thành biến thành bể nước, không còn chỗ nào hở cả. Về đến văn phòng đã trưa, mọi người chờ đợi. Chúng tôi phải một mẻ ướt sũng. Nhưng khi nước thủy

triều rút, bão cũng gần tan nên nước rút nhanh. Lúa bị chết hết vì nước mặn. Đê không đủ cống để thoát nước. Thật là trời thử thách lòng kiên định của nhân dân Hải Phòng.

Theo các cụ cao niên kể lại: "Đây là trận Hồng thủy lớn nhất sau 150 năm mới lại xảy ra" (Khi quai đê lấn biển đường 14 Đồ Sơn, tôi đã lấy mực nước lớn nhất năm 1955 làm Tiêu chuẩn cho đê biển Hải Phòng. Đê cao hơn mốc nước năm 1955 là 2 mét, chân đê rộng 60 mét, có kè đá hoặc xi măng cốt thép bên ngoài bảo đảm 150 năm sau nếu lịch sử thủy triều lập lại thì nhân dân ven biển sẽ tránh được tại hoạ).

Mọi công việc tiếp quản ngày một ổn định. Nhưng Cải cách ruộng đất đợt 5 lại đến. Thành phố có đỡ hơn. Ngoại thành làm mạnh. Tôi phụ trách nội chính nên

phải theo rõi tình hình Cải cách ruộng đất. Hồ sơ cán bộ do các đoàn Cải cách ruộng đất gửi về Thành Ủy, xin bắt đồng chí này, đồng chí khác... ngày càng nhiều. Còn riêng tôi, nghĩ gia đình chỉ là trung nông nên tôi cũng chẳng để ý đến gia đình là thành phần gì. Một hôm tôi cùng một vài đồng chí trồng một cây bàng ở sân văn phòng Thành Ủy (cây bàng nay vẫn còn), đồng chí Hoàng Mậu nhìn tôi cười cười và nói: "Cậu trồng cây đó làm gì?". Linh tính báo cho tôi biết có điều gì chẳng lành, tôi đoán chắc mình cũng có hồ sơ của đoàn Cải cách ruộng đất gửi về nhưng văn thư giữ kín không chuyển cho tôi. Tôi vẫn bình tĩnh. Mấy đồng chí thư ký khác như anh Hưng, anh Quảng, anh Minh Sơn cũng có danh sách là gia đình địa chủ. Trông đi trông lại văn phòng đều là con cái địa chủ cả. Nhưng ban thường vụ chẳng thấy nói gì. Tôi vẫn làm việc

bình thường. Khoảng tháng sau, người chị dâu nhà tôi "giả vờ" đi chợ xuống Hải Phòng vào thăm tôi, nhà tôi nhắn tin xuống: "Nhà bị qui là địa chủ thường. Em tuy con nhà cố nông, nhưng vì liên quan, không được sinh hoạt đảng. Anh bị họ tố là Bí thư chi bộ Quốc dân đảng, nhưng họ tố bí mật với nhau, không nói công khai, đội Cải cách ruộng đất không thấy nói gì, anh yên tâm công tác. Em phản đối kịch liệt họ tố sai. Đội họ bảo em cứng đầu cứng cổ, chẳng sợ gì cả. Em nghĩ họ làm bậy, tố bậy, nên em coi họ rất thường!". Khi sửa sai gia đình tôi được hạ xuống trung nông, còn nhà tôi đến khi sửa sai mới được khôi phục đảng tịch. Nhà tôi được cả xã, cả khu vực khen ngợi là dám chống lại những việc làm sai trái của Cải cách ruộng đất, nói thẳng nói thật, không như một số đảng viên khác cùng về làm dâu ở làng tôi như chị C.

(còn sống), đấu bố chồng và gọi tên bố chồng chửi... nhà tôi rất khinh. Sau này tuy là chị em trong họ, nhưng khi chị C. đến chơi, nhà tôi vẫn lảng tránh, tỏ ra khinh bỉ. Tôi cũng nhắc nhà tôi nhiều lần "Đảng đã sửa sai, biết bao nhiêu kẻ cơ hội, đâu có riêng gì chị C..".

Trong lúc phong trào Cải cách ruộng đất đang lên, du kích và cốt cán Cải cách ruộng đất vác súng vào thành phố lùng bắt địa chủ và con cái địa chủ là cán bộ công nhân viên chức Nhà nước. Họ đã bắt được một vài người. Tôi báo cáo anh Mười cứ để thế này thì không nên. Thành phố mới tiếp quản, lòng dân còn nhiều điều suy nghĩ về chế độ mới, đề nghị anh nhắc các Đoàn Ủy Cải cách ruộng đất không để cốt cán vác súng vào nội thành tìm địa chủ... Anh Mười nổi nóng tuyên bố: "Bắt trói tất cả đứa nào vác súng vào

bắt cán bộ nghi là địa chủ. Muốn làm loạn à? ". Công an ra tay, tóm được mấy nhóm giải về Đoàn Ủy xử lý. Từ đó không có cốt cán nào dám vào nội thành nữa. Nhưng họ tung tin: "Tay Bí thư Thành Ủy Hải Phòng phản động, chống lại Cải cách ruộng đất, nhưng nó to lắm, Đoàn Ủy cũng không làm gì được...". Đến khi phát hiện sửa sai, đi họp Trung ương về, anh Mười phấn khởi gọi tôi bảo: "Mình đúng, mình đúng? Làm sai hết rồi! Sửa sai mới mệt cơ!".

Trong Cải cách ruộng đất ở Hải Phòng còn một chuyện: Đón đồng chí Mi-cai-ăng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô.

Đồng chí Mi-cai-ăng lúc đó là nhân vật thứ 3 của những nhà lãnh đạo Liên Xô. Ta mới được giải phóng một nửa nước, được đón tiếp một cán bộ cao cấp

của Liên Xô lúc đó là một điều rất vinh dự. Trong chuyến thăm này, chương trình của Đoàn có đến thăm Thành phố Hải Phòng, vào ngày 12-3-1956. Hải Phòng thành lập ban đón tiếp do anh Mười trực tiếp chỉ đạo. Tôi được giao trách nhiệm đi báo cáo, liên lạc với Ban đón tiếp Trung ương. Từ ngày bắt đầu chuẩn bị hơn một tháng trời, tôi được giao chiếc Moscovic Liên Xô kiểu cũ với đồng chí lái xe là anh ruột đồng chí Nguyễn Mạnh Giao, Chánh Văn phòng Thành Ủy, sáng đi chiều về, lên Hà Nội nghe chỉ thị, lúc thì gặp anh Ung Văn Khiêm, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, khi thì gặp anh Vũ Tuân, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, có hôm phải gặp cả hai người để báo cáo tình hình chuẩn bị đón tiếp đồng chí Mi-cai-ăng ở Hải Phòng. Rồi nghe truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Trung ương.

Vì là lần đầu tiên đón khách quan trọng, nên anh Mười bảo tôi phải hỏi kỹ cách thức đọc diễn văn chào mừng ra sao, bắt tay, đi đứng ra sao? Anh Ung Văn Khiêm đều hướng dẫn cho tôi, để tôi về báo cáo anh Mười. Anh Ung Văn Khiêm còn cho dịch quyển Tự điển Ngoại giao từ tiếng Nga sang tiếng Việt của đồng chí Vi-sanh-ky, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô, để tôi đọc và báo cáo tóm tắt với anh Mười.

Mọi việc chuẩn bị rất khẩn trương. Hàng ngày tôi đi Hà Nội, qua quê tôi, nhìn cây gạo đầu làng cao nhất vùng, đang mùa nở hoa đỏ ối, thấy nhớ vợ, nhớ nhà da diết. Vì từ khi bắt đầu Cải cách ruộng đất, cán bộ không được phép về thăm nhà. Tôi cho xe đi chậm chậm, mỗi khi qua quê. Tôi nhìn mọi người sao thấy họ đều lo âu, trầm tư. Cũng có

người nhìn thấy tôi, khẽ nghiêng đầu chào thầm lặng. Tôi biết là tình hình đấu tranh rất căng thẳng. Chiều từ Hà Nội về, khoảng 16 giờ mà đã vắng tanh, không ai qua lại đường 5, chỉ còn những chiếc xe tô lác đác chạy ngược xuôi Hà Nội - Hải Phòng.

Ít ngày sau đó tôi được tin xã tôi đã bắn ông Đào Quang Xương mối lái trâu thuần, có hơn một mẫu ruộng. Cả nhà cụ Tổng Toạ, gia đình toàn đi kháng chiến, con gái lớn là cô Đàm làm chủ tịch, con gái thứ hai là cô Địch làm xã đội trưởng, chiến đấu rất dũng cảm, vì nhà có 3 mẫu ruộng cũng bị đấu tố sỉ vả... Không chịu đựng được sự oan ức, sáng sớm ngày mồng một Tết năm đó, cả nhà đã giả vờ đi tát nước sớm, đến bờ sông Tường, 4 người đều nhảy xuống sông tự tử. Riêng cô Bùi Thị Địch, khi

chết hai chân còn để trên bờ. Mọi người đoán là cô Địch bố trí cho bố, mẹ và chị nhảy xuống sông tự tử trước, còn cô Địch nhảy xuống sau. Nhưng do quá uất ức nên chân còn trên bờ, đầu đâm xuống nước chết ngay! Đối với tôi, tôi còn phải gọi cô Đàm, cô Địch bằng dì, hai cô với mẹ tôi là con cô con cậu ruột. Trước khi Cải cách ruộng đất có lần tôi về nhà, hai dì đến nhà tôi chơi có hỏi: "Tình hình Cải cách ruộng đất sắp đến, chắc gay go lắm? Cậu Quảng (tức Phạm Chí Dũng nay là Đại tá về hưu, là em cùng bố khác mẹ với các dì), cậu Quảng đã viết thư về đoạn tuyệt với gia đình". Hai dì bảo tôi cho vài lời khuyên. Tôi nói: "Gia đình ta chỉ có 3 mẫu ruộng, cụ chỉ có chức Phó tổng mua, gia đình hiền lành tử tế, đều tham gia kháng chiến rất tích cực, hai dì chiến đấu ở xã ai mà chẳng biết. Theo ý cháu, đối chiếu với chính sách gia đình

chỉ là phú nông là cùng thôi. Hai dì cứ yên tâm, tin tưởng vào chính sách Cải cách ruộng đất và Bác Hồ". Hai dì vẫn tỏ ra rất buồn, nhất là chuyện cậu em ruột viết thư đoạn tuyệt gia đình. Hai dì ngồi suy nghĩ hồi lâu rồi đứng dậy ra về: "Anh nói tôi cũng thấy tin, nhưng ông bà (ý nói cụ ông, cụ bà Tổng Đàm) thì vẫn lo lắm anh ạ". Tôi động viên hai dì mấy câu và gửi lời thăm hai cụ. Rất thương là hai dì đều chưa có gia đình. Khi Cải cách ruộng đất, không phải ai xa lạ mà chính là bà vợ hai với cô con dâu vợ cậu Quảng là cốt cán Cải cách ruộng đất, đấu tố hai cụ quyết liệt nhất...

Sáng ngày 12-3-1956 toàn dân Hải Phòng, quần áo chỉnh tề tay cầm cờ hoa đứng dọc đường từ Sở dầu về đến Hải Phòng, đón đồng chí Mi-cai-ăng và Đoàn từ Hà Nội xuống.

Tôi cũng rất phấn khởi vì sắp làm tròn nhiệm vụ được giao. Nếu hôm nay không có chuyện gì xảy ra là toàn thắng. Mọi người hào hứng, phấn khởi chờ đợi. Anh Mười, anh Mậu và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt Hải Phòng quần áo chỉnh tề chuẩn bị đón đoàn. Tôi đi kiểm tra lại một lần nữa ở chung quanh trụ sở Ủy ban Quân quản thành phố. Không khí Cải cách ruộng đất ở ngoại thành căng thẳng, nhưng trong thành phố rất vui.

Khoảng 10 giờ bỗng có điện từ Hà Nội về báo tin Đoàn không xuống nữa làm mọi người rất thất vọng. Anh Mười chuẩn bị micro phát biểu một vài ý kiến cảm ơn đồng bào. Giữa lúc anh Mười sắp nói, thì anh Trần Quốc Hoàn; Bộ trưởng Bộ Công an và anh Lê Quốc từ Hà Nội xuống. Anh Hoàn nhanh nhảu nói: "Đoàn sắp đến nơi rồi". Anh Mười vỗ vai

anh Hoàn nói: "Đoàn không xuống rồi". Anh Hoàn cãi lại: "Tôi vừa ở chỗ Đoàn, đang chuẩn bị đi. Xe tôi đi trước để kiểm tra". Anh Mười nắm hai vai anh Hoàn bảo: "Thôi, thôi xong rồi... Để tôi nói với đồng bào vài lời cảm ơn...".

Thế mới biết đón một đoàn Quốc tế đầu tiên sang thăm Việt Nam, nó quan trọng đến chừng nào. Tổ chức bảo vệ thật là kỳ công. Thế mà bạn không chiếu cố. Sau tôi được biết là cán bộ tùy tùng bảo vệ đề nghị đồng chí Mi-cai-ăng không đi, vì Hải Phòng mới giải phóng, tình hình Cải cách ruộng đất đang căng thẳng, không an toàn, do đó Đoàn quyết định không đi thăm Hải Phòng nữa.

Anh Mười bảo tôi xuống nhà máy Tơ giải tán buổi nói chuyện của Ban tuyên huấn. Tuy với danh nghĩa bề ngoài như vậy, nhưng thực chất tập trung gần 1000

cán bộ quân đội, dân chính có vấn đề nghi vấn tới nghe nói chuyện. Khi đón đoàn xong sẽ giải tán. Lúc đó tôi mới biết cuộc họp "đặc biệt kỳ lạ" này vì an ninh cho phái đoàn. Khi đến nhà máy tôi lại gặp đồng chí Hồng Vũ, Vũ Hạnh là bạn tù Côn Đảo, một số cán bộ của Quân khu Tả ngạn.v.v. Tôi nghĩ may mà mình về trước được mấy tháng, nếu ra tù sau với hồ sơ ghi "T.T" (trao trả), chắc mình cũng nằm trong diện các đồng chí này đây. Nghĩ thế vừa buồn vừa mừng.

Đến cuối năm 1956, đầu năm 1957, thời kỳ sửa sai Cải cách ruộng đất, Trung ương điều anh Mười lên làm Thứ trưởng Bộ Thương nghiệp, anh Hoàng Hữu Nhân, bí thư Khu Ủy Hồng Quảng về thay làm Bí thư thành Ủy Hải Phòng.

Trước khi về Trung ương công tác, anh Mười nói với tôi: "Tôi lên Trung

ương công tác, cậu ở lại, nếu được bố trí làm phó chủ tịch Ủy ban thành phố thì tốt, chí ít cũng làm Giám đốc một sở".

Sang công tác thương nghiệp

Anh Mười đi khoảng hai tháng, tôi nhận được quyết định sang làm phó chủ nhiệm công ty Bách hóa, do đồng chí Nguyên Danh Huyền làm chủ nhiệm. Tôi cầm quyết định đi ngay, không nói một lời.

Sang Sở thương nghiệp gặp đồng chí Dương Văn Mùi, Phó Giám đốc, đồng chí Dương Văn Mùi cầm quyết định xem, có vẻ không vui (đồng chí Mùi hiện đang ở Hải Phòng), đồng chí nói: "Thành Ủy cứ quyết định, không bàn gì với Sở. Trước đã điều anh Nguyễn Hoài, Thư ký văn phòng Ủy ban về làm chủ nhiệm công ty Bông vải sợi, anh em trong ngành thắc

mắc...” Tôi cũng không nói gì. Đồng chí Mùi giới thiệu tôi về công ty Bách hóa gặp đồng chí Huyền. Đồng chí Huyền cũng tỏ vẻ không vui, phân công tôi phụ trách nghiệp vụ kinh doanh, ra ngồi riêng ở 31 Hoàng Văn Thụ. Còn đồng chí Huyền chủ nhiệm, đồng chí Nguyễn Hữu Huân phó chủ nhiệm ngồi ở số 5 Trần Quang Khải. Đồng chí Huân tiếp tôi vui vẻ. Nếu nói về trình độ nghiệp vụ thì tôi chưa quen công tác thương nghiệp, nhưng nói về chính trị thì tôi đã kinh qua Bí thư Quận Ủy, vào Đảng từ 1946, được thưởng Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng nhì; còn đồng chí Huyền mới vào Đảng năm 1950 được thưởng Huy chương Kháng chiến chống Pháp, lương kém tôi 2 bậc.

Nhưng đồng chí Huyền là con người cũng dễ gần. Sau vài cuộc họp, nhất là sau

đại hội chi bộ, tôi được giới thiệu tham gia chi Ủy. Tôi không bầu cho mình, điều đó nhiều đồng chí trông thấy, nhưng tôi vẫn được phiếu cao nhất.

Tôi làm việc được khoảng nửa năm, công việc đã quen dần. Tôi sống hòa mình, ngày ngày cùng đi lao động, tối đi học bổ túc văn hóa với anh em. Tôi vào học lớp 5 cùng với anh Huyền, anh Huân, anh Hòai, anh Tốn, anh Hân (Sở Thương nghiệp) và nhiều đồng chí trong ngành. Mọi người chưa biết trình độ nhau ra sao. Qua hai tuần học tập, thầy giáo bổ túc dạy toán giảng về "thừa số nguyên tố". Sau bài giảng, giáo viên hỏi có đồng chí nào xung phong lên phân tích "thừa số nguyên tố?". Giáo viên nhắc mãi, chẳng ai lên, tôi buộc phải giơ tay lên phân tích 3 con số thầy cho trước. Tôi phân tích cả ba số cũng khá nhanh.

Thầy bảo tôi chắc đã học trước rồi. Tôi cười. Từ hôm đó mọi người "kháo" nhau tôi học giỏi lắm. Khi đến giờ toán, giáo viên gọi lên bảng là mọi người chỉ tôi. Lúc đó tôi nhớ lại việc cụ Phan Bội Châu kiên quyết đi thi, sau khi hết tang mẹ, lấy văn bằng Thủ khoa Thi hương, cốt để thuyết phục được các nho sĩ làm cách mạng theo mình.

Đi Hà Nội học nghề buôn bán

Tôi được Sở Thương nghiệp Hải Phòng cử đi học lớp "cao trung thương nghiệp" ở Hà Nội. Có 6 đồng chí đi học lớp này. Chúng tôi tập trung về số 66 Hoàng Hoa Thám. Trường làm bằng tre nứa lá, tường nhà và các phòng ngăn cách nhau cũng bằng nứa, khung tre; trống tuyềnh, trống toàng. Đêm đông, đắp cái chăn chiên rét thấu xương, nhưng mọi người rất chăm học. Chúng tôi vừa

củng cố nhà trường mới xây, chủ nhật đi kéo xe bò xây dựng "đường Thanh niên" (đường Cổ Ngư cũ). Tôi được cử làm Bí thư Chi bộ kiêm Chi trưởng Chi G (trường có 6 chi gồm hơn 300 học sinh). Trong 7 tháng chúng tôi học tập nghiệp vụ, đồng thời học xong chương trình lớp 6 bổ túc văn hóa. Trường có mời một số giáo viên Liên Xô và trường Nguyễn Ái Quốc sang giảng. Mỗi môn học đều kiểm tra rất kỹ. Các đồng chí giáo vụ cũng rất chăm lo hướng dẫn cho học viên. Tôi vừa học cho mình, vừa lãnh đạo anh em trong chi, trong tổ học tập nghiêm túc, nên mỗi đợt kiểm tra mọi học viên trong chi, trong tổ đều đạt điểm cao. Thi hết khóa tôi được là học sinh xuất sắc toàn diện, đỗ thủ khoa, được đồng chí Hoàng Quốc Thịnh thứ trưởng, trao giấy khen của Bộ Thương mại cho tôi và 2 đồng chí thứ nhì, thứ ba.

Tôi trở lại Hải Phòng với số vốn kiến thức sơ đẳng thương mại, nhưng dù sao cũng là người có học. Vì tất cả các đồng chí làm công tác thương nghiệp khác chưa ai đi học nghề buôn bán cả. Đây là lớp đầu của Bộ Thương nghiệp, và trường 66 Hoàng Hoa Thám cũng là tiền thân của hai trường Đại học Thương nghiệp và Ngoại thương sau này. Cho nên tôi không còn là "lính mới" nữa.

Trong khi tôi đi học vắng, công ty bách hóa đã tách làm hai: công ty bách hóa bán buôn, công ty bách hóa bán lẻ. Tôi vẫn là Phó chủ nhiệm công ty bách hóa bán buôn, anh Nguyễn Hoài làm chủ nhiệm công ty. Sau hai tháng anh Hoài sang làm chủ nhiệm công ty ăn uống, phục vụ. Còn công ty bách hóa bán buôn chuyển thành công ty Bông vải sợi may mặc, do tôi làm chủ nhiệm, đồng chí

Nguyễn Văn Tích và đồng chí Trương Giám làm phó chủ nhiệm.

Những mặt hàng kinh doanh bách hóa chuyển sang công ty bách hóa đảm nhiệm, những mặt hàng bông, vải, sợi của công ty bách hóa chuyển lại cho công ty tôi kinh doanh. Việc sát nhập các công ty lúc đó còn do Bộ Thương nghiệp quyết định, UBND thành phố tham gia, nhưng thường là nghe ý kiến của Bộ cả, cho nên lúc đó có câu ca dao (vận Kiều):

Trong tay sẵn có đồng tiền

Tách ra rồi lại nhập liền như chơi...

Tôi xây dựng công ty Bông vải sợi may mặc trở thành đơn vị tiên tiến với khẩu hiệu đề ra: "Vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi". Bộ đã lấy làm khẩu hiệu chung cho toàn quốc.

Phong trào xây dựng Tổ lao động xã hội chủ nghĩa, cửa hàng may mặc Hồng Bàng kéo dài được 20 năm. Toàn là chị em nữ mậu dịch viên, với những tên tuổi nổi tiếng lúc đó như: Mai Thị Đảm, Trần Thị Phương... đã một thời được nhân dân và mậu dịch viên cả nước biết đến.

Tôi cũng là chiến sĩ thi đua nhiều năm liền. Khi còn ở Văn phòng Thành Ủy cũng là chiến sĩ thi đua, sang thương nghiệp cũng là chiến sĩ thi đua, nên năm 1960 được Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng II cho công ty và cá nhân tôi được tặng Huân chương Lao động hạng III. Năm 1959 tôi được vinh dự Bác Hồ tặng bằng khen, là một trong những cán bộ được thương huân chương lao động sớm nhất của Thành phố Hải Phòng.

Năm 1959-1960 Công ty Bông vải

sợi may mặc được Bộ Thương nghiệp và UBND Thành phố lấy làm đơn vị thí điểm cải tiến quản lý. Chúng tôi đã xây dựng một nếp làm việc mới cho toàn công ty. Kiểm kê, kiểm soát hàng hóa bán hàng, cập nhật hàng ngày, kho tàng ngăn nắp, các phiếu kho công khai để theo ô hàng, ai muốn kiểm tra có thể biết ngay. Do cung cách làm ăn khoa học như thế, chúng tôi đã đào tạo nên những chiến sĩ thi đua thủ kho toàn quốc Nguyễn Văn Nổi (khi về tiếp quản miền Nam, làm Giám đốc Công ty thương mại tỉnh An Giang), chiến sĩ bảo vệ Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Phát (người Việt gốc Hoa) v.v... đều rất tận tâm với công việc.

Năm 1959 do cải tiến quản lý hàng hóa nhập kho, đo đếm cẩn thận, nên cuối năm số dư tồn kho 800.000 tiền mới (800 triệu tiền cũ), Bộ cho là kinh doanh

phục vụ tốt, nhưng tài sản thừa lớn như vậy là quản lý để hỗn loạn tài sản. Tôi trình bày thế nào Bộ và Thành phố cũng không nghe. Tôi đã nói: "Nếu chúng tôi tham ô hết số hàng hóa này, chắc sẽ được khen thưởng. Nhưng vì chúng tôi quá thật thà mới có số dư này. Lý do vì vải popeline sanford nhập từ Nhật Bản, mỗi tấm nhập chỉ tính 30m/tấm, nhưng khi đo thực tế là 33m đến 35m/tấm. Khi bán hàng, mậu dịch viên đo đúng, còn thừa lại nhập kho. Các hàng hóa khác nhập ngoại cũng tương tự như vậy, nên nó thừa ra. Tôi mời cán bộ kế toán tài vụ, kho vận của Bộ về xác minh, các đồng chí không nghe, bảo đợi năm sau kiểm kê sẽ kết luận. Năm 1959 đáng lẽ công ty và tôi đều được Huân chương nhưng bị dừng lại, riêng tôi được bằng khen của Bác Hồ.

Sang năm 1960 trước khi kiểm kê tôi mời Bộ, UBND và Sở Thương nghiệp đến chứng kiến, tôi trực tiếp chỉ đạo, kiểm kê hết 40 ngày. Kết thúc kiểm kê, hội đồng đánh giá là chính xác, và sự thừa ra đúng là do quản lý tốt, không để thất thoát, không để mậu dịch viên tham nhũng. Cho nên trong công ty tôi lúc đó, mặc dù chính sách lương bổng, khen thưởng giải quyết thích đáng, nhưng vẫn có tiếng kêu làm thương nghiệp chỉ có "tiền đền, không có tiền đổ". Nhưng chỉ hơn 10 năm sau, tôi trở lại làm Giám đốc Sở Thương nghiệp, thì chẳng còn tiếng kêu đó nữa, mọi người đua chen xin vào thương nghiệp với bất cứ giá nào! Tôi nghĩ: quả là có nhiều vấn đề trong quản lý thương nghiệp rồi!

Khi làm Chủ nhiệm công ty tôi rất quan tâm đến xây dựng cơ sở vật chất

cho công ty, mở rộng màng lưới bán lẻ, may đo, như cửa hàng 44 Hoàng Văn Thụ, Gi-long, Phúc Vĩnh Xương v.v. làm cho màng lưới ngày càng rộng, chiếm lĩnh thị trường bán buôn, thị trường bán lẻ, sắp xếp tư thương có nề nếp. Tôi còn trực tiếp đi khai thác các nguồn hàng, trao đổi với các nơi, nhất là thị xã Móng Cái- Hải Ninh lúc đó. Kế hoạch phân phối hàng hóa của các tổng công ty rất có hạn nên phải tìm nguồn hàng. Tôi cùng với cán bộ nghiệp vụ, nhất là với đồng chí San (hơn tuổi tôi, nhưng là cán bộ nghiệp vụ biết việc, chịu khó), lần nào đi Móng Cái mua hàng, đồng chí San cũng đi với tôi. Lúc đó giao thông khó khăn, chỉ có đường thủy. Tàu Hải Đông đóng bằng gỗ, do Trung Quốc đóng giúp, trọng tải khoảng 15 tấn, chạy từ Hải Phòng - Móng Cái phải mất khoảng hơn 12 giờ. Chúng tôi cứ tối đi, sáng đến Núi Ngọc,

nếu nước to thì tàu chạy đến sông Can Long, không phải đi bộ hơn 10 km từ Núi Ngọc đến Móng Cái. Mỗi chuyến đi mua hàng là rất vất vả hàng tuần. Ra đến Móng Cái phải nhờ các đồng chí tỉnh Hải Ninh trao đổi với bên Trung Quốc giúp, hoặc các đồng chí mua vải của Trung Quốc về Việt Nam rồi bán cho Hải Phòng bằng chuyển khoản hoặc đổi hàng. Mỗi lần cũng mua được hàng trăm nghìn mét, chủ yếu là vải hoa và ka ki Trung Quốc. Mặc dù lúc đó ở Trung Quốc rất nghèo, sang thị trấn Đông Hưng (nay là Thành phố Đông Hưng) chỉ có lèo tèo vài rổ ốc, cá tôm tép lặt vặt. Có một cửa hàng ăn duy nhất, không có khách.

Các đồng chí Trung Quốc cho biết: nhân dân chỉ được phân phối 0,4 mét vải/người để vá quần áo. Thế mà bạn vẫn tiết kiệm vải bán cho ta!

Có lần hai anh em đi tàu Hải Đông, đến cửa Vạn Hoa, sóng to gió lớn, tàu không thể nào vượt được sóng để sang vịnh Hạ Long, lái tàu quay ngược, quay xuôi mãi xuýt đắm mới qua được cửa Vạn Hoa, thật là hú vía.

Khi có hàng về, tôi phân phối cho các cửa hàng may đo, may thêu quần áo trẻ em. Bán miễn tem phiếu, hoặc miễn một nửa, cũng làm cho người mua lúc đó phấn khởi lắm rồi. Nhưng bán được ít ngày, Sở thương nghiệp có lệnh phải thu đủ tem phiếu, nếu không thu các tỉnh kéo về mua làm gì có quần áo trẻ em mà bán? Tôi nghĩ cũng đúng, vì nhiều nơi có tem phiếu cũng không mua được vải, được quần áo... Chế độ tem phiếu của mô hình kế hoạch hóa tập trung bao cấp, đã để lại trong tôi bao ấn tượng, ví như ngày mời Thứ trưởng Thường trực

Bộ Nội thương Trần Văn Hiển về chứng kiến kho tem phiếu, được coi giá trị bằng tiền, đã mốc meo, hôi thối... mà chẳng ai quản lý, kiểm kê, kiểm soát. Ngoài thị trường thì "con phe" đầy rẫy, xếp hàng mua bán đủ mọi thứ tem phiếu... Nhờ vậy vụ đốt tem phiếu được coi như một cuộc cách mạng ghê gớm trong ngành thương nghiệp.

Sang công tác thương nghiệp được hơn 4 năm, tôi phụ trách cả 3 công ty: Bông vải sợi may mặc, bách hóa, bách hóa bán buôn. Công việc đã để lại trong tôi rất nhiều suy nghĩ về tổ chức này, tính chất phục vụ nhân dân của nó, với đầy đủ ý nghĩa của một Nhà nước CNXH. Tôi hết sức làm việc, xây dựng cơ sở vật chất tính toán, đồng thời đi học tiếp văn hóa, nghiệp vụ... để nâng cao kiến thức với mong muốn phục vụ tốt hơn và tìm

được cách thay đổi phương thức làm ăn.

Tạm biệt nghề buôn bán, sang nghề sản xuất công nghiệp.

Tôi đang say sưa công tác thương nghiệp thì 1962 tôi nhận được quyết định sang làm Phó Giám đốc Sở Công nghiệp, chuyên lo phụ trách khối Tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Giám đốc lúc đó là Hồng Cẩn.

Mối quan hệ giữa Liên hiệp xã thủ công nghiệp với Sở công nghiệp vốn không được tốt đẹp lắm.

Anh em bên Liên hiệp xã thủ công nghiệp cho là Sở chèn ép, phụ thuộc Sở quá nhiều. Tôi là Phó Giám đốc Sở kiêm Phó Chủ nhiệm Liên hiệp xã thủ công nghiệp, còn chủ nhiệm là Nguyễn Thị Minh Nhã, Bí thư Hội phụ nữ Hải

Phòng, Ủy viên Thường vụ Thành Ủy. Tôi phải làm việc với 2 thủ trưởng, Văn phòng sở riêng, Văn phòng Liên hiệp xã riêng, tôi vẫn ngồi làm việc tại số 3 Cù Chính Lan, trụ sở của Sở Công nghiệp. Còn 90 Hồng Bàng trụ sở Liên hiệp xã thủ công nghiệp có Đồng chí Thịnh làm Phó Chủ nhiệm Liên hiệp xã làm ở bên đó. Tôi phải có kế hoạch tốt để làm việc vì đồng chí Hồng Cẩn muốn nhập hẳn Liên hiệp xã vào Sở công nghiệp, còn Liên hiệp xã thì chị Nhã và anh chị em không muốn. Tôi cố gắng thu xếp làm việc cho có hiệu quả. Sau hơn một năm công việc dần dần ổn định. Công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp Hải Phòng đều phát triển mạnh mẽ. Có lá cờ đầu Hợp tác xã Hồng Quang nổi tiếng lúc đó. Do vậy Thường vụ Thành Ủy thấy cần thành lập Sở Tiểu công nghiệp + Thủ công nghiệp riêng để chỉ đạo

cho sát, xứng với tầm của một thành phố công nghiệp lớn ở miền Bắc.

Thành lập hai sở: Sở Công nghiệp, Sở Tiểu công nghiệp - và thủ công nghiệp. Năm 1964 Thành phố tách Sở Công nghiệp ra làm 2 sở: Sở Công nghiệp và Sở Tiểu công nghiệp - thủ công nghiệp. Thực chất là Sở xí nghiệp công nghiệp quốc doanh và sở Hợp tác xã sản xuất công nghiệp và thủ công. Lúc đó có những hợp tác xã như Hồng Quang, Sông Lô, Kim Sơn v.v... còn lớn hơn một số xí nghiệp quốc doanh.

Đồng chí Nguyễn Hữu Cẩn (Hồng Cẩn) làm Giám đốc Sở công nghiệp, tôi làm Giám đốc sở tiểu, thủ công nghiệp, kiêm Chủ nhiệm Liên hiệp hợp tác xã thủ công nghiệp.

Lúc đó Xí nghiệp công nghiệp quốc

doanh của thành phố có khoảng trên dưới 30 đơn vị (không kể quốc doanh Trung ương đóng tại Hải Phòng). Còn hợp tác xã Thủ công nghiệp thì có hàng trăm đơn vị, chưa kể tổ sản xuất và cá thể. Hai sở liên kết với nhau chặt chẽ. Tôi thường nói vui với đồng chí Hồng Cẩn là: "Hai sở thi đua nhau xem sở nào hơn..." Tuy nói vui, nhưng tôi thực sự cố làm cho ngành phát triển nhanh chóng.

Tôi cùng các đồng chí trong sở và Liên hiệp xã tổ chức sắp xếp qui hoạch lại các hợp tác xã. Tất cả các hợp tác xã cơ khí nội thành tổ chức thành hơn 30 hợp tác xã có qui mô lớn từ 100 xã viên trở lên, tập trung vào một khu vực ở An Dương (Khu đường Thiên lôi, kéo đến Lán bè ngày nay). Các hợp tác xã sản xuất hàng bách hóa tiêu dùng, tập trung về khu miếu Hai xã...v.v. Trong khi đó, xí

nghiệp quốc doanh địa phương vẫn còn ở rải rác trong các đường phố. Các hợp tác xã của tôi thì ở tập trung, những ngôi nhà mới lợp tôn, khung sắt vững chãi, mọc lên ở 2 khu trên, làm cho ngành thủ công nghiệp lúc đó mọi người đều nhìn thấy là đang vươn lên so với xí nghiệp quốc doanh địa phương.

Ngành thủ công nghiệp Hải Phòng được lấy làm thí điểm cải tiến quản lý. Liên hiệp xã thủ công nghiệp Trung ương coi thủ công nghiệp Hải Phòng như "con cưng" của mình. Các vấn đề nghiên cứu chính sách đối với công nghiệp, Ban công nghiệp Trung ương lúc đó đều xuống Hải Phòng nghiên cứu, hoặc có các hội nghị về chính sách đối với sản xuất công nghiệp, Hải Phòng thường được Trung ương giao chuẩn bị báo cáo thực tế và đề xuất chính sách.

Sự nghiệp phát triển tiểu công nghiệp - thủ công nghiệp Hải Phòng rất nhanh, đa ngành nghề. Nhiều mặt hàng mới được tổ chức sản xuất như: cúc bấm của hợp tác xã Quần Lực, khóa Thăng Long, giầy vải Hợp Lực, nồi nhôm Toàn Thắng và Quần Lực, đúc đồng chân vịt máy tàu của 19-5, vành xe đạp Hồng Quang và các phụ tùng xe đạp của Quyết Tiến, Quyết Thắng... được người tiêu dùng ưa thích, kể cả việc chế biến hạt nhân ngọc trai bán cho đảo Cô Tô để nuôi ngọc trai xuất khẩu v.v... Tôi đã chỉ đạo xây dựng một mô hình "xí nghiệp hợp tác xã", lấy một số thợ kỹ thuật đúc đồng của ngành quân giới, như bố con cụ Chiếu ở 40 ngõ Cấm, bố con ông Mỹ Long... về xây dựng một xí nghiệp hợp tác xã đúc đồng. Lúc đó cả phía bắc chưa đúc được chân vịt (Hê-lít) cho ca-nô và tàu biển, phải nhập ngoại. Đồng chí Nguyên, cán bộ miền

Nam tập kết, phụ trách việc nghiên cứu đúc thử chân vịt. Đêm đúc thử 5 chân vịt, đường kính dài 25 cm, tôi cùng anh chị em thợ đúc đồng thức suốt đêm để xem kết quả. Đúc xong, khi dỡ khuôn mẫu ra hỏng 4 cái, còn một cái tuy đủ hình thù nhưng rỗ nhiều, phải dùng que hàn đồng để hàn cho hết rỗ... Mọi người tỏ ra bi quan. Vì đúc không có máy đo độ lỏng của đồng, phải thử bằng "que cời", độ xoắn của cổ chân vịt dùng dây rơm để đo... Tôi động viên anh em yên tâm, sau hai ngày nghỉ ngơi, rút kinh nghiệm, lại đúc tiếp. Lần này đúc 5 cái, chỉ hỏng 2, còn 3 cái rỗ cũng ít hơn. Như vậy coi là thắng lợi. Tôi cho đúc tiếp hàng loạt, vì lúc đó phương tiện giao thông đường thủy đang phát triển, nhất là loại chạy trên sông ven biển. Nhà nước thiếu ngoại tệ nhập chân vịt của Liên Xô, Ba Lan... nên mặt hàng chân vịt bán khá

chạy. xí nghiệp hợp tác xã đúc đồng ngày càng nổi tiếng, không những đúc chân vịt loại nhỏ, mà nâng lên đúc loại 50 cm, rồi đến một mét. Đến nay đã đúc được chân vịt 2,2 mét cho tàu một vạn tấn... Trong quá trình trưởng thành của xí nghiệp đúc đồng 19-5, năm nay là hơn 40 tuổi, nhưng năm nào công nhân và lãnh đạo xí nghiệp cũng nhớ đến người sáng lập ra nó. Nay xí nghiệp đã trưởng thành, đúc tượng đồng đứng nữ tướng Lê Chân tại vườn hoa công viên thành phố cao lớn0, tượng ngồi Nguyễn Bỉnh Khiêm, là những tác phẩm đáng kể của xí nghiệp đúc đồng Hải Phòng. Một vài năm, tôi lại đến thăm xí nghiệp.

Có câu chuyện mang tính "duy tâm", anh chị em công nhân kể cho tôi nghe: Có hai đồng chí Giám đốc đều chết trẻ, vì bệnh ung thư cả. Anh em cho rằng

những năm trước ta không nhập nguyên liệu đồng để sản xuất, anh chị em mua đủ mọi loại đồng, như tượng phật, chuông chùa, đồ cúng tế bằng đồng... đem về đúc thành chân vịt... nên trời Phật phạt các Giám đốc. Từ ngày nhập đồng lanh-gô về đúc thì giám đốc mạnh khoẻ. Tôi bảo "Có khi các đồng chí làm vệ sinh không kỹ khi đúc". Các đồng chí nói: "Công nhân trực tiếp đúc lại không việc gì!" Tôi nói: "Vấn đề tâm linh còn phải bàn tiếp, dài lắm, khoa học chưa chứng minh được, ta không nên phủ nhận mà cũng không nên công nhận. Đợi khoa học kết luận cho thận trọng...".

Trong quá trình xây dựng ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp Hải Phòng, mỗi khi nghĩ đến, tôi lại càng căm thù đế quốc Mỹ, không khác gì căm thù thực dân Pháp, kẻ bắt mình tra tấn

gần chết... Đó là, Giôn-xơn thả bom, đánh phá kinh tế miền Bắc. Chúng thả bom B52 và các loại bom vào khu vực An Dương, san bằng thành bình địa khu vực các hợp tác xã cơ khí thủ công nghiệp. Đồng chí Hiệu chủ nhiệm hợp tác xã cơ khí Kim Sơn hy sinh. Mặc dù các máy móc của hợp tác xã đã chuyển đi sơ tán ra vùng ngoại thành và huyện Kim Thành thuộc tỉnh Hải Dương, chỉ còn vỏ nhà máy mà thôi, nhưng đối với kinh tế hợp tác xã, thì đó cũng là tổn thất rất lớn. Tôi cứ nghĩ nếu không xảy ra chiến tranh phá hoại miền Bắc của giặc Mỹ, chắc chắn ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp Hải Phòng phải tiến nhanh vượt bậc so với xí nghiệp công nghiệp quốc doanh địa phương. Các xã viên trong ngành cũng nói như vậy. Sau khi chiến tranh kết thúc, ngành hợp tác xã thủ công nghiệp Hải Phòng vẫn phát huy

được truyền thống của mình, vẫn giữ vững được sự phát triển với tốc độ cao.

Tham gia Thành Ủy Hải Phòng

Tháng 2-1968, giữa lúc chiến tranh phá hoại bằng máy bay địch ác liệt, một kỳ đại hội rất đặc biệt họp trong hang núi Voi. Trời mưa suốt. Nhưng đại hội rất sôi nổi, nhất là những phiên họp bầu cử, làm việc đến 2 giờ sáng mới xong. Vì việc kiểm phiếu thủ công, lại tranh thủ họp để kết thúc hội nghị sớm, các đại biểu dự đại hội rất vất vả.

Trong một bữa cơm chiều, đồng chí Quốc Hiệu, Giám đốc Sở thương nghiệp mời tôi đi ăn thịt bò thui do thị đội thị xã Kiến An mời, đúng là hơn 20 năm tôi mới lại được ăn bữa thịt bò thui rất ngon.

Trời mưa tầm tã. Có lẽ anh em cũng không giữ được vệ sinh, hay là do tôi ăn nhiều, mới bị "Tào tháo" đuổi. Lo quá, phải uống nhanh mấy viên thuốc. May mà ổn định, nên vẫn tiếp tục về họp đại hội suôn sẻ. Thật bất ngờ, tôi được đại hội bầu vào ban chấp hành Thành phố.

Tạm biệt sở thủ công nghiệp và liên hiệp hợp tác xã, sang làm Trưởng ban Tài mậu Thành Ủy.

Sau đại hội, tôi được phân công làm trưởng ban Tài mậu, đồng chí Nguyễn Đỉnh Khôi cùng là thành Ủy viên, thay tôi làm Giám đốc Sở thủ công nghiệp. Lần này tôi trở lại công tác thương nghiệp, ngân hàng, giá cả, tài chính, nhưng chủ yếu là tổng kết, nghiên cứu, đề xuất chính sách với thành Ủy và Trung ương.

Sau khi tổng kết 10 năm công tác tài

mậu ở Hải Phòng, có nhiều vấn đề thành công và tồn tại.

Tôi đặc biệt thấy nổi bật vấn đề lãng phí trí tuệ chất xám là lãng phí lớn nhất. Ban Tài mậu Trung ương lúc đó đồng chí Nguyễn Thanh Bình là trưởng ban, đồng chí Tô Duy là phó ban. Tháng 7-1968 đồng chí Tô Duy xuống làm việc với ban Tài mậu Hải Phòng, đồng chí nói: "Ban tài mậu sắp mở lớp bồi dưỡng cho các đồng chí phụ trách tài mậu tỉnh, thành phố, huyện thị. Mới sang làm tài mậu, nên anh Thành cần đi học vì chưa làm tài mậu bao giờ." Tôi đồng ý đi học gần 2 tháng ở Hưng Yên. Lúc đó sơ tán, không học ở Hà Nội. Đến lớp học chỉ có mình tôi là cấp tỉnh thành, còn đều là cán bộ huyện cả. Hình như thành phố Hà Nội không có ai đi học. Khi xem chương trình tôi thấy thấp hơn khóa học cao

trung thương mại của Bộ thương nghiệp. Nhưng tôi vẫn học nghiêm túc. Chương trình đã học rồi nên có thì giờ đọc sách, nghiên cứu, khảo sát, tối đốt đèn dầu đánh "tổ tôm" với Ban giáo vụ. Đồng chí Tô Duy cũng giảng mấy bài, đem giáo án ra đọc rồi phân tích. Trong các bài giảng khác, tôi chỉ tiếp thu được một ý của đồng chí Đoàn Trọng Truyến về "Phân công lao động mới trong CNXH". Khi kết thúc lớp học, viết thu hoạch, tôi viết kỹ và sâu về các vấn đề ban giáo vụ nêu ra, tôi viết và phân tích cả những vấn đề nhà trường không đề cập tới. Viết xong chuyển lên ban giáo vụ. Mấy hôm sau đồng chí Tô Duy gặp tôi cười và nói: "Chắc anh đã học những vấn đề này rồi phải không?"

Tôi cười, không nói gì.

Sang đầu năm 1969 tôi đi học lớp

chính trị cao cấp khóa V, trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương. Các khóa trước học có 18 tháng, khóa V học hai năm. Khóa học lại vào thời gian Mỹ tập kích vào Sơn tây nhằm giải phóng "giặc lái Mỹ", nhưng thất bại do ta mới di chuyển tù binh đi nơi khác. Trường lại bắt đầu đào giao thông hào chiến đấu, đêm phải cử học sinh trực đêm canh gác trên mái trường. Tôi trong Ban chi Ủy và Tổ trưởng học tập, tôi tự lập kế hoạch học lập lý luận, học văn hóa ngoại ngữ, tranh thủ đọc sách, 3 tháng mới về thăm nhà một lần. Khi còn ở địa phương công việc rất bận rộn, không có nhiều thì giờ ng-hiên cứu học tập. Nhất là thư viện trường Nguyễn Ái Quốc lúc đó sách nước ngoài rất nhiều, kể cả sách kinh tế của chủ nghĩa Tư bản như của: Ricardo, Adam Smith, Keynes v.v... tôi ham đọc sách quên cả mọi việc, chủ nhật nào cũng ở

lại trường mượn sách đọc, đọc đến vàng mắt, khi ra ngoài trời chỉ thấy màu vàng hàng mấy giờ liền. Ngoài học tập, nhà trường còn cho mỗi tổ 10 m2 đất để tăng gia cải thiện. Tổ tôi có hai đồng chí Đặng Việt và Nguyễn Văn Hân rất chăm chỉ lao động. Tuy có 10 m2 đất mà chúng tôi trồng hơn mười thứ rau, mùa nào thứ ấy, đủ rau ăn cho tổ, còn bán cho bếp nhà trường. Khi bế mạc, chúng tôi có đủ tiền để liên hoan mời cán bộ nhà trường đến dự, tiêu chuẩn mỗi người một con vịt. Còn thừa 75 đồng, chúng tôi gửi biếu tạp chí "Học tập" nay là tạp chí "Cộng sản".

Nói về tăng gia, tôi phải nhắc đến đồng chí Đặng Việt, con ông Đặng Hướng, Tổng đốc Nghệ An. Cải cách ruộng đất qui gia đình đồng chí Việt là đại địa chủ, cường hào gian ác. Đồng chí Đặng Việt lúc ấy là Trung đoàn

trưởng trung đoàn Cao Bắc Lạng, nổi tiếng một thời đánh Pháp trên đường số 4, đoạn Cao Bằng - Lạng Sơn được gọi "Vua đường 4". Vì thành phần, đồng chí Đặng Việt phải chuyển ngành sang Tổng cục Thủy sản. Trong học tập đồng chí rất chăm chỉ, cùng học tiếng Anh với tôi, nhưng đồng chí rất giỏi tiếng Pháp nên cũng giúp tôi được nhiều. Ưu điểm nổi bật nhất là thành tích tăng gia trồng rau. Cứ tối đến, anh tranh thủ xách cái thùng lấy phân, sang khu chung cư của Ban Lịch sử Đảng phía bên kia đường, đối diện với trường Nguyễn Ái Quốc, lấy phân bắc về bón rau. Đồng chí chịu khó cả lao động lẫn học tập. Tôi với đồng chí Đặng Việt ngày nào cũng nấu canh rau đủ loại. Chúng tôi lấy cơm tập thể của trường, đem về phòng nấu thêm thức ăn. Nhất là năm thứ hai, các lớp khác bế mạc, nên học viên được ở nới rộng 2

người/phòng, thay vì 4 người/phòng. Có phòng chỉ có một người, nên cuộc sống tinh thần, vật chất của trường được cải thiện rõ rệt. (Nay đồng chí Đặng Việt đã hơn 80 tuổi, người rất khoẻ và đánh tennis rất giỏi, thỉnh thóang vẫn lại chơi với tôi và cho sách mới viết của đồng chí).

Hai năm học tập nghiên cứu ở Học viện, thực sự tôi có thì giờ nghiên cứu lý luận có hệ thống, về lý luận Marx-Lénine. Tư tưởng Hồ Chí Minh triết học trước Marx và các học thuyết kinh tế của các nhà kinh tế tư bản chủ nghĩa, tạo cái vốn lý luận để sau khi ra trường xử lý các vấn đề yên tâm hơn, không sợ sai như trước. Khi học, tôi rất chú ý so sánh cái cũ, cái mới, những cái Marx kế thừa, những cái Marx sáng tạo, để thấy rõ thiên tài của Marx là ở chỗ nào. Cả Lénine cũng vậy. Tôi phân tích và ghi chép những cái mới

của các vị và suy ngẫm vận dụng vào thực tế Việt Nam, nên ít giáo điều hơn. Khi viết thu hoạch hoặc kiểm tra, các giáo viên thường thích những lập luận mới của tôi.

Khóa V coi như khóa có nhiều cải tiến trong học tập, thảo luận, đọc nhiều hơn giảng, thoải mái hơn, viết thu hoạch kiểm tra cũng thóang hơn trước, không cho điểm, viết đạt yêu cầu trung bình là xong. Sau hai năm học tập, thực sự tôi thấy mình trưởng thành, hiểu biết lý luận có hệ thống, so sánh được cái hay cái dở của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Vì tôi công tác hành động cụ thể nhiều ở địa phương, làm thiết thực, nên đối chiếu với lý luận nhìn vấn đề đúng sai rất rõ. Không còn "tù mờ" như trước. Ngoài học tập lý luận tôi học xong chương trình văn hóa lớp 7 và lớp 8. Anh, Pháp văn

cũng được nâng lên. Hán tự tôi cũng đọc xong cuốn "Gia" (nhà) của nhà văn Mao Thuẫn (ta dịch sang tiếng Việt sau này là "Gia đình"), do đồng chí Lâm Bá Cương cùng tổ cho mượn. Khi còn nhỏ tôi học chữ nho, văn viết theo văn phạm cổ điển Trung Quốc, gọi là "Văn ngôn", còn văn nói gọi là "Văn bạch thoại" hoặc gọi văn phạm "phổ thông", nên nhiều đoạn hành văn tôi không hiểu, phải hỏi đồng chí Cương. Lúc nhỏ tôi đã đọc hết các chuyện "Tam quốc", "Đông chu Liệt quốc", "Tây Hán chí", "Phong Thần" "Thủy hử" 108 anh hùng Lương Xuân Bạc, văn họ viết theo ngữ pháp văn ngôn, tuy thế lúc đầu cũng phải có người hướng dẫn... nhưng dễ đọc. Tôi không nói tiếng Trung Quốc được nhiều, nhưng đọc thì tốt, nên sau này tôi vẫn mua Nhân dân Nhật báo Bắc Kinh để đọc.

Kết thúc lớp học dài hạn chính trị cao cấp, tôi về Hải Phòng, lúc này đang chuẩn bị Đại hội Đảng bộ lần thứ III (Đại hội Đảng tỉnh, thành phố 2 năm hoặc 2 năm rưỡi họp một lần, không phải 5 năm một lần như bây giờ)

Đại hội lần này diễn ra không suôn sẻ lắm!

Đại hội dự kiến bầu 35 Ủy viên Ban Chấp hành, Đại hội chỉ bầu được 22 đồng chí. Nhiều đồng chí Thành Ủy viên cũ không trúng cử (trong số hơn 10 đồng chí trong Thành Ủy cũ không trúng cử, có 4 đồng chí Ủy viên thường vụ, một Phó Bí thư Thường trực). Tôi vẫn được bầu vào Thành Ủy và được phân làm Trưởng ban công nghiệp kiêm Trưởng ban Khoa học kỹ thuật. Số Thành Ủy viên bầu được ít nên các đồng chí thành Ủy phải kiêm nhiệm nhiều công việc, rất

bận rộn.

Khi chiến tranh phá hoại miền Bắc mở rộng, tôi được phân công sơ tán triệt để các xí nghiệp và nhân dân thành phố ra ngoại thành, trừ xí nghiệp xi măng không thể chuyển ra ngoại thành được, ta phải bám trụ để sản xuất tiếp.

Đồng thời xây dựng một xí nghiệp xi măng sản xuất theo kiểu nửa thủ công, nửa cơ giới ở Minh Đức (sau này thường gọi là xi măng Minh Đức). Công việc chuẩn bị sơ tán lần này rất khẩn trương và triệt để. Tôi phải huy động hầu hết cán bộ Ban công nghiệp và Ban Khoa học kỹ thuật làm công tác sơ tán, phối hợp với các đồng chí Phó Chủ tịch khối bên Ủy ban nhân dân Thành phố như đồng chí Hồng Cẩn, đồng chí Kim Tái. Công việc sơ tán nhân dân và xí nghiệp cơ bản xong.

Đêm 16-4-1972 Mỹ đem máy bay vào đánh phá Hải Phòng. Ta biết trước địch sẽ dùng B52 ném bom khoảng 10 tiếng. Ta huy động mọi lực lượng để vận động nhân dân sơ tán. Nhưng nhiều người còn do dự, vì những năm trước địch chỉ đánh bom bằng máy bay thường, đánh rồi lại nghỉ, nên nhân dân coi thường... không chịu đi sơ tán triệt để, nhất là lần này đi sơ tán gặp rất nhiều khó khăn về đời sống. Khu công nhân xi măng thì phải bám trụ để sản xuất.

Tối hôm đó khu phố đã huy động tổng lực cán bộ đi vận động nhân dân sơ tán trước 10 giờ đêm, nhưng vẫn còn người ở lại.

Đúng 12 giờ đêm 16-4-1972 Mỹ cho hàng loạt máy bay B52 thả bom rải thảm khu thượng Hạ Lý, An Dương. Chúng tập trung vào khu Thượng Lý, có

nhà máy xi măng và kho Thượng Lý, Sở Dầu... Nhà máy xi măng coi như thiệt hại lớn nhất, chỉ còn 3 ống khói (nhưng chỉ sau 3 ngày, khói trắng xi măng lại nhả khói lên bầu trời cao). Nhà cửa của nhân dân bị san bằng, bom Mỹ đã giết hại dân thường, hầu hết bà già trẻ em chui trong hầm kèo tre, không kiên cố. Riêng khu Thượng Hạ Lý có 960 người bị chết, còn khu An Dương sơ tán triệt để hơn, mật độ bom rải mỏng hơn, nên thiệt hại về người không lớn.

Trận ném bom ác liệt này làm cho đoạn đường số 5 từ cầu xi măng đến ga Thượng Lý hỏng nặng. Đường bị phá, đất lật lên ngập đường, có những đống đất cao hàng mét. Khi đến để giải quyết hậu quả, xe tôi phải bỏ lại sau, đi bộ. Lúc đó còn chưa sáng rõ, tôi thấy một đồng chí bộ đội lò mò đi về hướng tôi. Đến

gần mới biết là tướng Đặng Kinh, Tư lệnh quân khu III vừa ở trong nhà máy xi măng đổ nát ra. Chúng tôi gặp nhau, trao đổi một vài việc cần làm ngay, rồi chia tay nhau, để đi vào công việc của mỗi người.

Thời gian từ tháng 4-1972 đến ngày ký Hiệp định Paris tháng 1-1973 là những tháng ngày chống chiến tranh phá hoại ác liệt nhất của Hải Phòng. Sau trận ném bom B52 rải thảm đầu tiên, địch thả thủy lôi phong tỏa Cảng. Đêm ngày chúng cho các loại máy bay vào ném bom, bắn phá. Chúng đánh không theo một qui luật nào, nên việc sơ tán nhân dân nội thành lúc này hết sức khẩn trương và triệt để. Có những đêm tôi kiểm kê nhân dân ở nội thành, chỉ còn 7.000 người, đều là những người có trách nhiệm phải ở lại.

Cơ quan tôi không ở số 7 Đinh Tiên

Hoàng mà phải sơ tán xuống số 44 Lạch Tray, là trụ sở của Ban Khoa học kỹ thuật, xa Cảng và nhà máy xi măng hơn. Lúc này các con tôi đều đi sơ tán, nhà tôi là Bí thư Đảng Ủy kiêm Phó Giám đốc Công ty Kho vận nội thương, hàng ngày vẫn phải nhận hàng, bảo quản kho hàng hóa ở rải rác khắp nội thành. Chúng tôi cùng ở 44 Lạch Tray, phải đào hai hố tránh bom cách nhau khoảng 50m ở ngay trong cơ quan, đề phòng rủi ro, còn có người trông nom 4 con nhỏ. Có lần chúng tôi chuẩn bị bữa cơm chiều, mua được con vịt chưa cắt tiết, để ở giữa sân, thì máy bay đến thả bom ngay nhà bên, mảnh bom văng cắt đứt đầu con vịt. Cũng may chúng tôi đã xuống hầm, mọi người không việc gì! Khi "máy bay địch đã bay xa, mọi việc trở lại bình thường" tiếng loa của Đài phát thanh thành phố vừa phát, chúng tôi chui ra khỏi hố cá

nhân, thì thấy con vịt mất đầu, lăn ra chết ở giữa sân Ban Khoa học kỹ thuật. Sự sống chết lúc này, cảm thấy nó nhẹ nhàng quá! Chẳng ai quan tâm đến con vịt, mà mọi nhà xoay quanh vào bữa cơm chiều cho nhanh, đề phòng máy bay địch trở lại đánh ban đêm...

Giặc Mỹ muốn biến Việt Nam trở lại thời kỳ đồ đá. Hải Phòng là cửa ngõ của miền Bắc ra biển, Hạm đội 7 của Mỹ luôn luôn túc trực ở đây. Các loại máy bay đi đánh phá miền Bắc, khi về qua Hải Phòng, còn quả bom, viên đạn nào chúng đều trút xuống, "góp phần đưa Việt Nam về thời kỳ đồ đá" vừa nhẹ máy bay, đỡ nguy hiểm khi hạ cảnh xuống "Hàng không mẫu hạm" đỗ ngay trên vịnh

Những ngày này cho đến kết thúc cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, ký

hiệp định Paris, không đêm nào tôi vắng mặt ở Hải Phòng. Có những đêm tôi đi kiểm tra việc sơ tán của nhân dân ở các khu phố, ra đến Bến Bính thì còi báo động vang lên, đèn thành phố tắt hết. Có đồng chí cùng ngồi trên xe với tôi, bảo tôi chạy vào số 3 Cù Chính Lan, trụ sở của Sở Công nghiệp, xưa là nhà Bank của Pháp, xây dựng kiên cố, chui xuống tầng hầm là yên tâm. Tôi bảo đồng chí lái xe, tắt đèn chạy về số 44 Lạch Tray. Tôi nói đùa với các đồng chí: "cứ về đất Thánh...".

Đến 44 Lạch Tray chúng tôi vừa chui xuống hầm thì bom nổ khắp nơi trong thành phố. Sau khi máy bay địch đã bay xa, tôi được thông tin địch ném bom đúng vào số 3 Cù Chính Lan, sụp hẳn một gian nhà 2 tầng, mọi người "hú vía". Từ đó anh em bảo tôi là tạng

người "sống dai", đã chết hụt khi bị tra tấn, vút nhà xác Côn Đảo cũng không chết... Trong chiến tranh, trước cái sống cái chết quá dễ dàng, "tâm linh" mờ ảo, chẳng có cơ sở khoa học gì, đôi khi chỉ dựa vào những suy đoán vớ vẩn cũng làm cho người ta yên tâm hơn... Đồng chí Tấn thường nói với mọi người: "Cứ đi với ông Thành là yên tâm, không chết đâu mà lo...". Lòng tin không có căn cứ khoa học ấy đã giúp tôi hoàn thành nhiệm vụ một cách nhanh, gọn.

Như khi đồng chí Bí thư Thành Ủy Trần Kiên giao nhiệm vụ cho tôi làm Trưởng đoàn ra Cát Bà kiểm tra đôn đốc phân tán kho tàng ở thị trấn Cát Bà, di dân vào trong núi, đề phòng địch tập kích bất ngờ bằng không quân... Những người ra đi cùng tôi không hề ngại ngần. Lúc này cảng Hải Phòng bị giặc Mỹ phong tỏa

bằng các loại thủy lôi, loại hẹn giờ, loại do chấn động sẽ nổ. Chúng làm cho tàu của thế giới không dám vào Cảng. Hôm trước ta khai thông được luồng nào, hôm sau chúng lại rải thủy lôi tiếp. Ta dùng mọi kỹ thuật để phá thủy lôi, nên cũng hạn chế được ít nhiều tác hại của chúng.

Các cửa sông ra vào cảng như cửa Nam Triệu, Lạch Huyện, chúng rải thủy lôi rất dày. Ta phải đặt nhiều chòi canh ven các cửa sông, nhất là từ Phao số 0 trở vào. Các chòi canh phải đếm từng quả thủy lôi địch rải xuống, đánh dấu toạ độ vị trí có thủy lôi để thông báo cho các tàu qua lại. Do đó không một tàu nào bị nạn thủy lôi cả. Một vài tàu đánh cá nhỏ chủ quan, cho là chấn động của máy nhẹ, thủy lôi không nổ, nên có một vài trường hợp đụng phải thủy lôi nổ, nhưng thiệt hại không lớn. Đoàn tôi gồm 14 cán bộ, do

tôi làm Trưởng đoàn, đồng chí Vũ Minh Chính, Phó Ban Tuyên huấn, đồng chí Nguyễn Đình Nhiên, Phó Ban Tổ chức làm Phó trưởng đoàn. Đoàn ra Cát Bà phải đi làm 2 chặng đường: đoạn 1 bằng thuyền buồm, và chèo rất nhẹ nhàng, vượt qua sông Bạch Đằng sang đảo Cát Hải, rồi đi bộ qua đảo Cát Hải. Đến xã Lương Năng, tàu hải quân hóa trang đưa chúng tôi qua bến Gót, đi ra thị trấn Cát Bà, hết 2 tiếng đồng hồ, theo ven núi ít có thủy lôi. Nguy hiểm nhất là qua bến Gót. Thủy lôi giặc thả rất dày, tàu vượt qua bãi thủy lôi, mọi người im phăng phắc. Đồng chí nào cũng được hải quân cho mượn một phao buộc ngang ngực. Các đồng chí hướng dẫn ngồi lên mui tàu, nếu thủy lôi nổ nó tung người lên, các đồng chí sẽ vớt. Trong lúc mọi người lo lắng, đồng chí Tấn là cán bộ Ban Công nghiệp thường đi công tác với tôi, người

Bình Định, lại nói vui: "Đi với ông Thành thủy lôi nó không nổ đâu!." Mọi người phá lên cười, quên cả sự nguy hiểm.

Ai ở lâu Hải Phòng thời trước, mới thấy hết khó khăn của đường ra đảo Cát Bà, Cát Hải như thế nào. Mỗi tuần chỉ có 3 chuyến ca nô chở khách, còn lại là đi nhờ thuyền đánh cá, đi "đâm độ" từ bến Bính, hoặc cửa Cấm ra Cát Hải, rồi lại thuê thuyền đánh cá ra Cát Bà, không có lối đi bộ... Mới thấm thía vì sao con đường xuyên đảo ngày nay được nhân dân đón nó như sự "đổi đời" của mình.

Đoàn tôi ra đảo công tác hơn ba tuần, mọi người rất hăng hái làm việc. Ở thị trấn rồi về các xã Trần Châu, Gia Luận, Xuân Đám, Việt Hải... toàn đi bộ leo núi. Giữa Đảo cá, mà ngày nào cũng chỉ có rau cải, rau muống luộc chấm nước mắm và ít cá khô. Mãi đến hôm Đoàn ra

về, đồng chí Lê Nam, Bí thư Huyện Ủy mới bắt con gà mái của nhà nuôi, làm thịt chiêu đãi đoàn. Trong hơn 3 tuần làm việc ở thị trấn Cát Bà, việc đầu tiên là chuyển nhanh 300 tấn gạo dự trữ và chuyển hết dân vào hang sâu, giáp với vườn Quốc gia. Chúng tôi cùng huyện Ủy, UBND huyện Cát Hải, tổ chức các cuộc nói chuyện về âm mưu địch, việc chúng đánh bom thị trấn Cát Bà chỉ còn là ngày một, ngày hai. Nhân dân cần đi sơ tán triệt để. Sau một tuần toàn cơ quan Huyện Ủy, Ủy ban, lui vào sâu trong xã, làm việc trong các hang núi an toàn. Sau đó chúng tôi đi xuống các xã thuộc đảo Cát Bà để tuyên truyền chiến thắng ở miền Nam và chiến thắng ở miền Bắc, chống chiến tranh phá hoại của Mỹ. Cát Bà xa thành phố theo đường "chim bay" khoảng 45 km, cách Đồ Sơn 30 km, đi phải hết 4 giờ bằng đường thủy, trong

thời bình, còn trong chiến tranh đi lại rất vất vả không biết đâu mà tính. Việc đi bộ leo trên vách núi từ thị trấn Cát Bà, qua đèo Khế vào các xã Trân Châu, Xuân Đám nếu người yếu tim cũng có thể rơi xuống biển. Đoàn chúng tôi lặn lội về hết các xã, xã xa nhất là Việt Hải, vừa đi vừa có dân quân đi trước chặt cây, dọn lối cho đoàn đi, phải hết 4 giờ mới đến được xã. Nếu sang xóm Trà Báu phải mất thêm 1 giờ leo núi nữa. Mọi công việc được giao, chúng tôi đã hoàn thành trong hơn 3 tuần. Hôm ra về, chúng tôi đi bộ đến xã Hiền Hào rồi sẽ có thuyền của thành phố ra đón ở bến Hiền Hào.

Đoàn chúng tôi chào tạm biết đồng chí Lê Nam và các đồng chí Huyện Ủy, Ủy ban huyện Cát Hải.

Đồng chí Lê Nam nói đã điện về Thành Ủy, khoảng 4-5 giờ sáng sẽ có

thuyền đón Đoàn ở bến Hiền Hào. Tôi hỏi đồng chí Nam điện bằng điện thoại hay mật mã? Đồng chí Nam nói đánh điện thường (claire). Tôi nói ngay "Thế thì nguy hiểm quá, địch sẽ phục kích chúng ta". Chúng tôi quyết định cách đi, không đến Hiền Hào nữa, mà ở xóm trong gần lâm trường Cát Bà, leo qua núi sang xí nghiệp muối Phù Long, nhờ thuyền buồm của xí nghiệp chở đoàn về bến Máy Chai, ô tô của Thành Ủy sẽ ra đón. Ngay đêm đó, chúng tôi báo cho xã Hiền Hào biết và đề phòng địch oanh kích sáng sớm, chuẩn bị dân sơ tán, không đốt lửa sớm, không đi làm ra phía bến Hiền Hào. Các thuyền đánh cá phải sơ tán hết, không cho bất cứ thuyền nào tập trung ở bến Hiền Hào... Đúng như dự đoán, sáng sớm hôm sau chúng tôi chuẩn bị ra hầm thì máy bay Mỹ đã đến bến Hiền Hào. Chúng bay đi bay lại,

rà sát mặt biển, nhưng mọi vật đều yên lặng, chúng tìm kiếm nhiều lần rồi "cút". Sau khoảng 1 giờ, chúng tiếc rẻ, bay trở lại. Lúc đó chúng tôi đã ra đến chân núi, vượt núi sang Phù Long, xí nghiệp muối. Mọi người cũng "hú vía" vì một sơ suất nhỏ! Lúc đó trời đã sáng, chúng tôi nhìn rõ 2 máy bay Mỹ lượn vài vòng rồi sau mới bay đi.

Đường vượt qua núi rừng sang xí nghiệp muối lần này hoàn toàn mới, không giống như sang Việt Hải. Đi Việt Hải tuy phải phá cây cối, nhưng đã có lối mòn, thỉnh thoảng có người qua lại. Còn đường này phải sử dụng một tiểu đội dân quân của xã Hiền Hào và tự vệ lâm trường đi mở đường, mang theo cả dây leo, thậm chí còn phải làm cả thang tạm để bắc đi qua khe. Chúng tôi đem cơm nắm đi theo, ăn dọc đường, mãi đến 2

giờ chiều mới sang đến xí nghiệp muối, gặp đồng chí Kích, Giám đốc xí nghiệp, tổ chức cho bữa cơm toàn "cá và muối". Không có cá to, chỉ có cá lụn vụn khô, nấu "canh chua" và rán. Chúng tôi bày cơm nắm còn lại, và cơm nóng xí nghiệp chiêu đãi đoàn, ăn rất ngon lành. Mọi người nghỉ ngay tại các hang núi Phù Long để chờ tôi đến. Giám đốc Kích trực tiếp lái thuyền buồm của xí nghiệp đưa đoàn về cảng Máy Chai Hải Phòng.

Đi thuyền cũng phải lướt qua bến Gót, bên bãi thủy lôi, nhưng bớt nguy hiểm hơn tàu chiến của thủy quân, vì không có động cơ, chạy bằng buồm và lái bằng gỗ. Lúc đó chưa có kênh Cái Tráp, phải qua sông "Ruột lợn", sông Chanh của Quảng Ninh, qua cửa sông Bạch Đằng, qua kênh Vũ Yên mới về sông Cấm. Đường đi rất dài, chưa đi tắt

kênh Cái Tráp mới đào 1982-1983 như ngày nay được.

Thuyền vừa lướt qua bãi thủy lôi, cửa sông Lạch Huyện (bến Gót) thì gặp sự cố rất nguy hiểm. Nước triều đang xuống mạnh, trời tối, chỉ có ánh trăng lờ mờ, nhìn không rõ, thuyền đâm thẳng vào hàng cọc cắm đăng cá trên sông, với hướng gió buồm đang căng. Đồng chí Kích hỏi đồng chí quan sát: "Có cái gì đen...đen phía trước...". Đồng chí quan sát vội nói to: "Đâm vào đăng rồi". Tôi ngồi bên đồng chí Kích, thấy đồng chí không nói gì, dùng hết sức vừa lái, vừa buông dây buồm cho thuyền quay ngoắt 180 độ. Con thuyền nghiêng ngả 2, 3 lần như sắp lật úp xuống nước. Nhưng với tay lái vững của đồng chí Kích, thuyền trở lại bình thường, hướng về thành phố. Đến Máy Chai cho Đoàn lên bờ đồng

chí Kích lái tàu về ngay, vì nếu chậm đến sáng, máy bay địch đánh Hải Phòng sẽ không có chỗ ẩn nấp. Khi bắt tay tôi, đồng chí nói: "Lúc đó em không nói gì, nhưng rất lo. Nếu nước đang chảy xiết, thuyền chạy đâm vào cọc và đăng chỉ còn nước thuyền lật úp xuống nước. Lúc đó ai biết bơi bám vào cọc xăm, có người vớt ngay thì sống. Nhưng ban đêm, chưa biết có thoát được ai! Em rất bình tĩnh, cắn răng bẻ lái, chùng dây buồm cho thuyền quay 180 độ mà không để lật thuyền. Thế mới khó. Em là dân Thủy Nguyên, quen sông nước, bình tĩnh mới xử lý được tình huống hôm nay". Tôi cảm ơn đồng chí Kích. Về đến trụ sở Đảng, tôi mới nói lại với các đồng chí trong Đoàn, mọi người lại "hú vía" lần nữa.

Tôi gọi điện đến nơi sơ tán của đồng chí Bí thư Thành Ủy Trần Kiên xin đến

báo cáo. Đồng chí Kiên bảo tôi: "Khuya rồi, về nhà nghỉ, sáng mai đến báo cáo sớm".

Đoàn chúng tôi về Hải Phòng, sau 3 ngày thì máy bay Mỹ đánh phá thị trấn Cát Bà, cuộc đánh phá mang tính chất hủy diệt. Liền trong một tuần, suốt từ sáng đến chiều, chúng cho từng đoàn máy bay đánh phá liên tục, từ biển vào đánh Cát Bà, qua Long Châu, rồi Bạch Long Vĩ. Chúng tàn sát tất cả cái gì nổi trên mặt đất của thị trấn Cát Bà. Chỉ sau một tuần Cát Bà biến thành bình địa. Sau hòa bình trở lại, ta mới xây dựng cơ quan huyện vào phía trong, là cơ quan đầu não của huyện Cát Hải. Còn thị trấn, mặt bằng do bom Mỹ tạo nên trở thành mặt bằng xây dựng khu du lịch và Cảng hiện nay, chạy chung quanh vịnh Cát Bà, nơi còn có cái tên quen thuộc của nhân

dân địa phương là "Tùng Dinh, Tùng Vụng".

Thương tiếc thay, đồng chí Kích, một con người đẹp trai, tháo vát, có tài như thế lại gặp một thảm nạn hết sức vô lý, ở hiền mà không gặp lành. Hôm đó có cơn lốc và một đám mây tích điện lớn đã gây ra tiếng sét kinh hoàng. Sét đánh trúng xí nghiệp muối, là nguyên nhân cái chết rất thương tâm của Kích. Chao ôi, trong tích tắc Xí nghiệp muối Phù Long mất đi người Giám đốc trẻ đang sung sức mà anh chị em công nhân hết sức mến yêu. Đã bao năm qua anh lãnh đạo hơn 300 nhân viên, hầu hết phụ nữ chưa chồng, ở một nơi xa thành phố, xa thị trấn Cát Bà anh dành hết thời gian nhiệt huyết vào việc quản lý kinh doanh, quản lý tổ chức nhân sự để mọi người yên tâm sản xuất, chiến đấu giỏi, góp phần bắn rơi máy bay

và bắt sống giặc lái trên biển. Riêng tôi càng tiếc một cán bộ dưới quyền năng động, có nhiều triển vọng như anh.

Từ chuyến đi dài ngày ra công tác ở Cát Bà - Cát Hải, qua thực tế cuộc sống của nhân dân, tôi biết ước mơ của mọi người trên đảo là có một con đường bộ nối với thành phố. Tôi hình thành một ý tưởng là khi có điều kiện sẽ xây dựng một con đường "xuyên đảo". Ước mơ, ý tưởng ấy cứ dằn vặt trong tôi từ lần đi công tác dài ngày đầy gian nan và khó khăn này. Các đồng chí trong Đoàn hiện nay hầu hết còn đủ mặt, trừ đồng chí Nguyễn Đình Nhiên mới qua đời năm 2003.

Hôm sau tôi đến báo cáo với đồng chí Trần Kiên, Bí thư Thành Ủy, đồng chí khen Đoàn chúng tôi đã làm tốt nhiệm vụ, sáng tạo, nên đã trở về thành phố an

toàn. Sau được mấy ngày, giặc Mỹ đánh phá hủy diệt Cát Bà, toàn bộ cán bộ công nhân viên của huyện Đảo và nhân dân thị trấn không có ai thương vong. Ngay tối hôm đó, sau khi được báo cáo của Huyện Ủy Cát Hải, đồng chí Trần Kiên gọi điện cho tôi, tỏ vẻ rất mừng và nói: "Đồng chí thấy không? Nếu tôi không cử Đoàn ra Cát Bà chuẩn bị sơ tán thì thiệt hại biết bao nhiêu". Tôi động viên đồng chí Bí thư: "Anh rất sáng suốt...".

Tôi về tiếp tục công việc cũ là phụ trách việc sơ tán và chuẩn bị kế hoạch xây dựng lại thành phố khi hòa bình trở lại. Nhưng việc chính trước mắt vẫn là chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Trong những tháng cuối năm, Hội nghị Paris đang đi vào thời kỳ cao trào. Địch càng đánh phá quyết liệt miền Bắc.

Hàng ngày từng đàn máy bay vào đánh phá các khu kinh tế, quân sự Hải Phòng, đánh cả vào khu dân cư Cầu Đất, Thượng, Hạ Lý, An Dương, Máy Chai... dù sơ tán đã rất triệt để, số người trong thành phố vẫn còn trên dưới một vạn người có trách nhiệm và lực lượng võ trang, nên ngày nào ít nhiều cũng có người thương vong! Do đó, công việc phòng không nhân dân suốt 24/24 giờ rất căng thẳng. Có khi vừa cất tiếng còi báo yên, tiếng loa phát thanh vừa thông báo: "Máy bay địch đã đi xa, mọi hoạt động trở lại bình thường" thì tiếng còi báo động đã cất lên. Tiếng loa phát thanh lại gấp gáp: "Đồng báo chú ý! đồng bào chú ý! Máy bay địch đang ở phía đông, cách thành phố 30 km... mọi người về nơi trú ẩn an toàn!." Ngày nào cũng lặp đi lặp lại như vậy. Những người còn ở lại thành phố vì trách nhiệm cũng quen dần, coi rất bình thường cái chuyện

báo an, báo động.

Nhưng cũng có việc rất mệt, nhức đầu, không phải chiến tranh phá hoại của Mỹ, mà do mất đoàn kết nội bộ. Tôi phụ trách khối công nghiệp, được phân công chỉ đạo hội nghị kiểm điểm nội bộ của Công ty Gỗ Hải Phòng do đồng chí Hiệp làm giám đốc. Nơi đây nội bộ mất đoàn kết kéo dài giữa các đồng chí trong Đảng Ủy và Ban Giám đốc. Cuộc họp kiểm điểm một tuần tại Xí nghiệp gỗ Hiệp Hưng, khu Hạ Lý. Hầm tránh máy bay ở đây khá tốt. Đang kiểm điểm phê bình, tự phê bình, lại có báo động.

Cuộc họp đứt quãng, tất cả xuống hầm... hết báo động lại họp tiếp. Tôi không phải người trong cuộc mà là người chủ trì cho các đồng chí kiểm điểm, thế mà người tôi lúc nào cũng như bị sốt, nhức đầu, trán hâm hâm nóng,

mồ hôi âm ỉ chảy ra!. Sau khi kết thúc kiểm điểm, tôi tâm sự với một vài đồng chí: "chiến tranh phá hoại của Mỹ cũng không nguy hiểm phức tạp bằng "chiến tranh nội bộ", thiệt hại đủ mọi thứ, nhất là mặt tinh thần, sức khoẻ". Tôi bị mệt mất mấy tuần, nhưng mệt hơn cả là nghĩ lại những lời nói của các đồng chí đối với nhau, thật khó có lời văn "tả chân" nào nói hết được!

Cuộc phong tỏa Cảng Hải Phòng bằng thủy lôi của Mỹ cũng không đem lại kết quả theo mong muốn của chúng. Hàng ngày vẫn có tàu Liên Xô và các nước XHCN ra vào cảng. Việc phá thủy lôi, khai thông luồng lạch cho tàu vào cảng vẫn làm thường xuyên. Địch thả, ta lại phá bằng mọi phương tiện... Đến khi kết thúc chiến tranh, theo Hiệp định Paris, phía Mỹ phải có trách nhiệm phá

hết thủy lôi mà họ thả xuống biển nhằm phong tỏa cảng Hải Phòng, và họ phải luyên bố trước thế giới là đã phá hết thủy lôi. Thực tế thì ta đã phá hết thủy lôi thả theo lòng lạch tàu ra vào. Khi chúng đem phương tiện của Mỹ đến phá, chỉ còn lại những quả thủy lôi thả chệch ra khu vực không có lòng lạch tàu ra vào mà thôi!

Trước diễn biến ở chiến trường miền Nam, trước khi Hiệp định Paris ký kết, canh bạc "khát nước" của Níchsơn và Kit-sing-giơ đến hồi căng thẳng. Chúng phản bội những điều thỏa ước, cho ngừng đàm phán, và dùng B52 đánh phá Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972.

Trong những ngày này tôi và 5 cán bộ dưới quyền với một cái xe Ru-ma-ni "đít vuông" (mà lúc đó có cái tên "xe Rumani vừa đi vừa đẩy") chạy lồng khắp

nơi. Đi đâu người ta cũng biết là xe "Ban sơ tán". Nói vậy thôi, chứ xe chạy tốt, với tài xế Hồng (Ngảnh) thường gọi là "tài Ngảnh" chăm sóc, bảo vệ xe nên mọi chuyến đi do trung uý chuyển ngành "tài Ngảnh" lái đều suôn sẻ. Nhất là những buổi lên Hà Nội báo cáo, phải đi tắt mấy cầu phao, qua phà rất vất vả. Nhiều lúc cầu, phà chỉ cho xe ưu tiên đi. Tài Ngảnh thay áo thường lấy áo bộ đội 4 túi ra mặc, chễm chệ ngồi cầm tay lái. Tôi ngồi bên cạnh cũng bật cười. Nhưng quả thật rất có tác dụng. Anh em bảo vệ cầu phà vẫy tay cho đi ngay. Với bộ quần áo sĩ quan, không đeo lon mà lúc đó cũng rất "hiệu quả", được qua cầu, phà nhanh; đến họp đúng giờ, lại tránh được nguy hiểm khi xếp hàng qua cầu phà, tâm lý thủ trưởng nào cũng khóai. Đồng chí Ngảnh còn bảo tôi: "Khi chuyển ngành em vẫn giữ lại phù hiệu trung uý, nhưng

sợ thủ trưởng mắng không dám đeo". Tôi bảo đồng chí Ngảnh: "Nộp lại cho đơn vị, kẻo phạm quân pháp, ảnh hướng đến cả tôi nữa đấy!". Tài Ngảnh đồng ý ngay.

Trận "Điện Biên Phủ trên không" của quân dân ta đánh B52, khiến con chủ bài cuối cùng ấy của Mỹ đem ra thi thố, đã thất bại. Hiệp định Paris được ký kết, hòa bình được lập lại. Phương án sắp xếp dân về hồi cư, qui hoạch lại đường xá, khu phố, những nơi bị bom Mỹ san bằng như khu Thượng, Hạ Lý, khu Sở Dầu, khu An Dương, tôi trình ra Ban Thường vụ, nhưng không được thông qua, vì khó khăn về tài chính. Nhân dân tự do về tranh cướp lại chỗ ở cũ, không ai ngăn cản nổi, nên kế hoạch qui hoạch, cắm mốc cho dân xây dựng không thành công, cứ mạnh ai người ấy làm.

Sau này qui hoạch tốn kém quá!

Nghĩ lại rất tiếc. Nếu lúc đó Ban Thường vụ Thành Ủy kiên quyết và UBND thực hiện tốt, thì thành phố sẽ đi vào qui hoạch từ những năm giữa thập kỷ 70 rồi!

Sang đầu năm 1973 với thắng lợi Hiệp định Paris lập lại hòa bình ở Việt Nam, quân Mỹ phải rút hết về nước. Một nửa nước đã có hòa bình, chỉ miền Nam còn tiếp tục chiến đấu, chúng ta có nhiều thuận lợi hơn trước. Tình hình giải phóng miền Nam rất sáng sủa và đã có thể dự đoán được ngày thống nhất đất nước.

Sau 9 năm chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ. Hải Phòng là điểm số 1 đánh phá của máy bay Mỹ, từ ngày 5-8-1964 cho đến 31-1-1973. Tuy còn phải cảnh giác với âm mưu tráo trở của đế quốc Mỹ, nhưng trong tâm trí mọi người đã có thể nghĩ đến ý tưởng

của Bác Hồ: "... sẽ xây dựng đất nước ta to đẹp hơn, đàng hoàng hơn...".

Đồng chí Trần Kiên, Bí thư Thành Ủy, đồng chí Đỗ Chính, Phó Bí thư đã tổ chức một đoàn cán bộ chủ chốt thành phố đi thăm Thủy điện Thác Bà, thành phố Việt Trì, Đền Hùng và tỉnh Vĩnh Phú. Tôi là một thành viên trong đoàn với chức danh Trưởng ban Công nghiệp kiêm Trưởng ban Khoa học. Một cuộc đi khá lý thú; vừa đông vừa gặp nhiều sự kiện. Đồng chí Đỗ Chính, người gốc Hưng Yên nhưng đã nhiều năm công tác tại Phú Thọ, đã làm Bí thư huyện Ủy Vũ Ẻn, nơi có rất nhiều truyền thuyết về phụ nữ Vũ Ẻn. Cùng với Phong Châu, Vũ Ẻn là nơi của những con cháu "chính hiệu" Hồng Lạc. Tôi đi cùng xe với đồng chí Đỗ Chính, được nghe đồng chí kể hết chuyện phụ nữ huyện bắt nạt Bí thư

Huyện Ủy, đến chuyện các vị "thầy chùa" đã có hàm sắc Hòa thượng, Thượng toạ, đến cách đi xe đạp, lái xe đạp, nhảy xe đạp của phụ nữ... làm cho chúng tôi cười tưởng "vỡ bụng".

Trưa hôm đó được Bí thư Tỉnh Ủy Vĩnh Phú Kim Ngọc, Phó Bí thư Thường trực Hoàng Quy, đồng chí Đô, Chủ tịch UNDN, tiếp đoàn ở cơ quan nơi sơ tán, cách thị xã Phú thọ khoảng 20km, ở trong rừng.

Lần đầu tôi gặp đồng chí Kim Ngọc, con người nổi tiếng "khoán hộ" trong nông nghiệp từ năm 1965, đã bị phê phán và cấm. Tôi thấy đồng chí có vẻ một thầy đồ "nho", người gầy, mặc bộ quần áo nâu, nói chuyện ít khi cười, kể cả "mỉm cười" cũng không. Tôi tự hỏi đồng chí còn nặng tâm tư hay tính người nghiêm nghị? Đến khi ăn cơm xong, đồng chí

Kim Ngọc về phòng làm việc (cũng là nơi ăn nghỉ), tôi đi theo đồng chí và dừng ở cái bàn bằng mấy cây tre làm chân, một tấm phản gỗ để trên. Đồng chí gọi người phục vụ pha trà cho tôi uống. Hồi đó tôi chưa uống trà, chỉ uống nước sôi để nguội, nên xin đồng chí không phải pha trà. Tôi đi vào câu chuyện mà trước khi ăn cơm đã đề nghị với đồng chí, được đồng chí nhận lời tiếp sau khi cơm nước xong. Chung quy vẫn cáu chuyện khoán chui trong nông nghiệp... Tôi đề nghị đồng chí cho tôi xem Nghị quyết khoán của Tỉnh. Đồng chí chậm rãi, mặt tươi lên, nhưng vẫn không cười, bảo tôi: "Đồ quốc cấm, ông xem làm gì?". Tuy nói vậy song đồng chí vẫn đứng dậy đi vào nơi để tài liệu lấy đưa cho tôi xem. Đồng chí ngồi kiên nhẫn đợi tôi đọc xong, dù có những đoạn tôi phải đọc đi đọc lại để suy ngẫm. Đồng chí Kim Ngọc ngồi xỉa

răng, vẻ mặt đăm chiêu suy nghĩ. Khi tôi đọc xong, trả lại, đồng chí Kim Ngọc hỏi tôi: "Ông thấy thế nào?" Tôi trả lời: "Hay đấy!". Đồng chí bảo tôi: "Cũng dám khen cơ à". Rồi chúng tôi chuyển sang câu chuyện làm ăn sau hòa bình lập lại, chuyện Hải Phòng bị đánh phá, thủy lôi phong tỏa v.v... khoảng 30 phút, tôi cảm ơn đồng chí về nghỉ cùng với đoàn ở một lán trong rừng.

Sau cuộc gặp đồng chí Kim Ngọc, tôi suy nghĩ rất nhiều về nông nghiệp. Mặc dù tôi phụ trách công nghiệp. Một con người cố nông, tá điền, học hành không nhiều mà suy nghĩ sâu sắc. Xem qua văn bản Nghị quyết, nội dung đơn giản, nhưng điều cốt yếu đã đặt lợi ích của nhân dân, của đất nước lên trên hết, thậm chí trên cả tính mạng người ra Nghị quyết.

Tôi nghĩ lại, cuối năm 1950, khi tôi là Bí thư Quận Ủy Ngô Quyền, cơ quan Quận Ủy đóng ở nhà ông Hạp, Châu Xá, Kinh Môn. Xã tổ chức tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản để chuẩn bị Đảng ra công khai 1951. Cán bộ huyện Kinh Môn có mời tôi đến nói chuyện. Tôi nhớ rất kỹ một câu nói của tôi: "Khi đất nước được giải phóng khỏi thực dân Pháp, chúng ta sẽ không còn có nhà tranh vách đất lụp xụp như nhà ông Hạp...". Mọi người hồ hởi tin tưởng Cách mạng. Cách làm của đồng chí Kim Ngọc khi còn là Bí thư Tỉnh Ủy Vĩnh Phúc đã giúp nông dân có nhà ngói, xóa bỏ được nhà tranh vách đất... tại sao lại bị cấm?

Trở lại làm công tác thương nghiệp lần thứ ba

Cuối năm 1973-1974 tôi lai được phân công sang làm Giám đốc Sở Thương

nghiệp. Những năm trước tôi làm thương nghiệp (Lúc đó trong xã hội còn coi khinh nghề "thương"). Sự quản lý rất chặt chẽ, hàng hóa còn dồi dào, việc bán hàng, kiểm kê hàng ngày đã vào nề nếp. Tôi nhớ lại khi tôi làm Phó Chủ nhiệm Công ty bách hóa, ngày mồng một Tết tôi bán hàng cho anh chị em nghỉ Tết. Chỉ bán 3 mặt hàng: pháo rời, kèn te-te cao xu và kẹo, mà đến tối kiểm kê mất 2 đồng 30 xu, tôi phải móc túi ra đền... Sau này hàng tuần mới kiểm kê, nếu thiếu ghi sổ chịu, còn thừa không bao giờ có cả(?).

Tôi sang nhận chức Giám đốc, xuống các công ty thuộc sở, thấy tình hình khác lắm! Anh chị em bán hàng thì cửa quyền, đời sống khá hơn trước nhiều, không có ai xin ra khỏi ngành... Tôi về tổ vải sợi Hồng Bàng thăm chị em, được chị Mai

Thị Đảm và cô Phương cho biết: "Bây giờ khác xa thời thủ trưởng ở đây, bây giờ chỉ có "tiền đổ", không có "tiền đền" như trước đâu...".

Thế ra quá trình làm "cải tiến", rồi "3 xây 3 chống", những kết quả đi đâu hết, mà càng ngày tệ tham nhũng càng phát triển. Tôi nghĩ chữ "Nhân dục vô nhai" của thánh hiền để lại quả là sâu sắc. Chế độ gì đi nữa, không có cơ chế quản lý nghiêm, con người biết quản lý, tạo ra giá trị gia tăng cho toàn xã hội, và phân phối đúng đối tượng tham gia làm ra giá trị gia tăng, thì không có khả năng phát triển sản xuất và không hạn chế tối đa được tham ô lãng phí! Tôi suy nghĩ tìm cách làm cho mậu dịch viên bớt cửa quyền, bán hàng theo tem phiếu, phục vụ bữa ăn sáng cho cán bộ công nhân viên tốt hơn, khai thác nguồn

hàng ở các nơi về bán... Cũng phải thay đổi cả cách tiếp dân, cả sổ mua hàng và tem phiếu. Sở Thương nghiệp có trụ sở to nhất thành phố, nhà băng "Năm sao", trên đường Trần Phú. Tôi được đồng chí Giám đốc Nguyễn Quốc Hiệu bàn giao. Đồng chí Quốc Hiệu sang làm Giám đốc Sở Thủy sản. Đồng chí Quốc Hiệu cho biết làm thương nghiệp phức tạp lắm! Hàng ngày nhân đến đến đợi mua hàng hóa, tất nhiên phải có tem phiếu nhưng đến cửa hàng, mậu dịch viên bảo: "Hàng hết, hoặc chưa có, về nhà đợi khi có hàng đến mua". Nhân dân kéo đến Sở khiếu nại. Nhất là anh em thương binh đến Sở tỏ thái độ rất gay gắt, đôi khi làm mất trật tự nữa. Khi đồng chí bàn giao phòng làm việc cho tôi, Giám đốc Quốc Hiệu chỉ cho tôi hai lối đi, để khi cần phải đi lối hậu, thoát ra ngoài.

Có 4 Phó giám đốc (một là nữ) còn 3 là bạn cũ cả. Hai đồng chí Bùi Ngọc Tiễn và Hoàng Văn Được là Phó Giám đốc khi tôi còn làm Chủ nhiệm công ty, các đồng chí đều hợp tác với tôi để thực hiện nhiệm vụ chung rất tốt. Ngày nay chúng tôi vẫn còn lại những tình cảm nồng nàn với nhau, nhất là đồng chí Vũ Hồng Quảng thường xuyên lên Hà Nội thăm tôi với tình đồng nghiệp.

Sang Thương nghiệp sau cuộc chiến tranh phá hoại mang tính hủy diệt của đế quốc Mỹ, các công ty, cửa hàng hầu hết bị đánh phá. Tôi tập trung giải quyết ý thức phục vụ khách hàng của mậu dịch viên, trở lại khẩu hiệu: "Vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi" của thời kỳ "cải tiến" thương nghiệp ở Công ty Bông vải sợi may mặc.

Tôi tập trung xây dựng cửa hàng bách

hóa tổng hợp Minh Khai, xây dựng lại chợ Sắt, xây dựng lò mổ lợn An Dương v.v..., đồng thời xây dựng hơn 30 ki-ốt, hoặc gian hàng nhỏ bán ăn sáng cho cán bộ công nhân viên. Mỗi buổi sáng phải bảo đảm 150.000 suất ăn sáng trở lên với 4 món ăn mà lúc đó coi là phong phú lắm rồi: phở, cháo, xôi, bánh mì; góp phần cải thiện cho cán bộ công nhân viên, không phải chạy vạy nơi này, nơi khác mới có ăn sáng để kịp giờ đi làm. Từ 4 giờ sáng các cửa hàng đã mở cửa, cũng làm cho không khí sôi động sau bao năm chiến tranh phá hoại ác liệt, giúp cho mọi người thấy thoải mái chút ít.

Còn đối với tem phiếu, đặc biệt là phiếu thịt lợn, vải, tôi tuyên bố công khai trong Đại hội Đảng toàn thành phố là: "Ai không mua được thịt và vải cứ mang tem phiếu đến bắt đền Giám đốc Sở

thương nghiệp...". Khi tôi phát biểu xong, có một vài đồng chí bảo tôi chủ quan, sau đại hội họ mang tem phiếu đến đòi, giám đốc không có hàng bán sẽ mất tín nhiệm. Có một đồng chí Thường vụ (nay còn sống, tôi không tiện nêu tên) bảo tôi: "Ông mất hơn chục phiếu vì câu tuyên bố đó đấy...". Tôi chỉ cười không nói gì. Vì trước khi phát biểu ở Đại hội, tôi đã cân đối thịt, vải... với số lượng phiếu phát ra thấy trước vẫn đủ và thừa. Tại sao nhân dân kêu ca? Con phe bán tem phiếu xếp hàng mua tem phiếu của nhân dân, cán bộ công nhân viên chức rất đông. Thiếu hàng là giả tạo, do mậu dịch viên thông đồng với con phe không bán hàng cho người có tem phiếu mà dành hàng hóa bán cho con phe kiếm lời đấy thôi.

Thật là bất ngờ! Sau lời hứa của tôi ở Đại hội Đảng bộ Thành phố, không có

một ai đem tem phiếu đến bắt đền Giám đốc Sở Thương nghiệp vì không có hàng cả. Tôi xuống kiểm tra các cửa hàng bán 2 mặt hàng chủ yếu thịt và vải, lúc nào cũng đủ hàng bán, nhân dân không phải xếp hàng dài như trước. Sau một năm, số các đồng chí có ý nghi ngờ cho là tôi "đại ngôn" đã bớt hẳn, tôi gây được lòng tin, "lời nói đi đôi với việc làm", dần dần khôi phục lại uy tín của ngành thương nghiệp. Tôi làm Giám đốc Thương nghiệp 23 tháng thì được cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố.

Trong những năm tháng chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở Hải Phòng, mặc dù công việc bận rộn, gia đình có 4 con nhỏ, nhà tôi cũng phải lo công việc kho hàng rất lớn của Bộ Nội thương, trăm công nghìn việc, nhưng tôi vẫn học văn hóa, học ngoại ngữ. Chiến

tranh phá hoại không có lớp học lớn, tôi tổ chức một số anh em cùng học, mời thầy giảng ban đêm, tôi đã học xong lớp 10, để chuẩn bị vào học đại học. Tôi tổ chức học hết chương trình "toán học đại cương" để vào học đại học cho vững, hơn nữa toán sẽ giúp cho công tác chỉ đạo, làm việc khoa học hơn, thiết thực với công việc hàng ngày. Sự học hành của tôi liên tục, không nghỉ lúc nào đến một tháng cả. Do đó, cũng lạo ra được thói quen không bỏ dở, tư duy kiến thức không ngừng nâng cao.

Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

Từ đầu năm 1975 việc chuẩn bị cho giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước rất sôi nổi. Chiến công nối tiếp chiến công. Từ chiến trường miền Nam đưa về, hàng ngày tin chiến thắng giòn

giã. Nhất là sau khi giải phóng Buôn-mê-thuật, mọi sự chuẩn bị cho việc giải phóng miền Nam, tiếp quản các tỉnh, thành phố, được chuẩn bị ráo riết. Ngành thương nghiệp Hải Phòng phải chuẩn bị hàng nghìn cán bộ cho việc tiếp quản thành phố từ Huế, đến Đà Nẵng...

Khi chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, Hải Phòng một lúc cử hơn 800 cán bộ vào tiếp quản thành phố Sài Gòn. Các cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc đi hết. Cán bộ gốc miền Bắc bổ sung. Bộ máy của Sở cạn kiệt nhân lực. Lúc đó thực sự mỗi người làm việc bằng hai, bằng ba nhưng cũng không thấy mỏi mệt. Sự phấn khởi sung sướng trong toàn dân, trong cán bộ công nhân viên chức, không lời nào tả hết. Bao nhiêu năm chờ đợi, một trăm mười ba năm mới có ngày độc lập hôm nay. 93 năm dưới ách đô

hộ của thực dân Pháp và 20 năm dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ, biết bao sự chết chóc, hy sinh, bao nhiêu lần nhà cửa bị đốt phá, làm đi làm lại biết bao nhiêu lần! Cơm rau, cháo chia nhau đi sơ tán... nay về sum họp trọn đời, ai mà không cười rơi nước mắt!

Riêng tôi càng nhớ miền Nam, nhớ Côn Đảo dữ dội. Tôi chỉ ở tù Côn Đảo và các nhà tù miền Nam tròn một năm, nhưng sao nó để lại cho tôi biết bao kỷ niệm, buồn vui lẫn lộn. Tôi nhớ thế, chỉ muốn bay ra Côn Đảo, xem lại nơi bị địch giam cầm. Không có sự đùm bọc của đồng chí, đồng đội chắc tôi cũng để "nắm xương tàn" trên bãi Hàng Dương - Hàng Keo. Không hiểu có ai giống tôi không? Ở những chiến trường gian khổ, ở nơi bị đày ải, nếu tôi chưa đến được đó thăm lại, thì chẳng mấy đêm ngủ ngon.

Trong những giấc mơ, các nơi ấy hiện về như thật. Có giấc mơ vượt đảo, tôi bơi thế nào về đến ao nhà tôi. Khi ở Côn Đảo cũng có nhiều lần tôi mơ vượt đảo, bơi về đến tận sông Tường Vu. Những nơi đó nếu tôi được đến thăm lại thì sau này mới không mơ tới nữa...

Tôi nóng lòng được vào thăm miền Nam được thăm "Má Năm" (bà Nguyễn Thị Phương Lan) một cơ sở cách mạng kiên cường, đã nuôi cán bộ cách mạng từ những năm 1930, như đồng chí Phan Bôi, (năm 1946 là Thứ trưởng Bộ Nội vụ với tên là Hoàng Hữu Nam) rồi đến anh Lê Đình Thụ, Trần Mạnh tức Vũ Quang Đạo và tôi, cùng nhiều đồng chí khác sau này.

Tháng 6-1975 tôi nhận được lá thư, ngoài bì đề: "Gửi chú Duy (tù Côn Đảo), nhờ Thành Ủy Hải Phòng chuyển giúp".

Bóc thư ra xem, là thư của "Má Năm". Tôi phấn khởi quá. Tôi biên thư cho Má và mời Má ra Bắc chơi. Trong thư gửi cho tôi Má cũng dự kiến ra miền Bắc thăm em gái là bà Nguyễn Thị Phương Hoa, Vụ trưởng cơ quan Trung ương Hội Phụ nữ Việt Nam, Đại biểu Quốc hội khóa I, đơn vị tỉnh Kiến An cũ.

Tháng 8-1975, má Năm được bác sĩ Trần Huy Bích đưa ra thăm tôi. Vợ chồng tôi và các cháu, bố mẹ tôi, rất mừng được đón bà Năm ra thăm. Má ở chơi miền Bắc khoảng hơn 2 tháng, được đồng chí Lê Đức Thịnh, Chủ tịch UBND Hải Phòng tiếp và mời cơm thân mật. Má chỉ lên Hà Nội chơi 2 lần gồm hơn một tuần với bà Phương Hoa. Còn Má ở Hải Phòng với vợ chồng tôi và các cháu. Nhà tôi và Má rất "ý hợp tâm đầu", không lúc nào rời nhau, như mẹ con vậy! Vợ chồng tôi đưa

Bà đi chơi khắp Hải Phòng, về quê tôi ở Hải Dương, đi thăm danh lam thắng cảnh ở Hà Nội và vùng chung quanh. Khi ở nhà, bà thêu thùa, may vá cho các cháu đủ loại quần áo. Bốn cháu trai của bà còn nhỏ, nghịch nhiều, quần áo rách đến đâu bà vá đến đó. Lúc ấy vải cung cấp hạn chế, nên bà đùm hai áo rách thành một áo lành. Các cháu mặc khen bà vá đẹp, bà - cháu cùng phấn khởi...

Thăm Côn Đảo sau thống nhất đất nước

Tháng 9-1975, tôi biên thư xin phép đồng chí Trần Kiên, Bí thư Thành Ủy vào thăm miền Nam và thăm Côn Đảo, đồng thời đồng chí Lê Đức Thịnh, Chủ tịch UBND Thành phố giao cho tôi vào miền Nam để mua một số hàng hóa với chức danh là Giám đốc Sở Thương nghiệp. Lúc này má Năm còn đang ở chơi

với gia đình tôi tại Hải Phòng.

Tôi đến Sài Gòn bằng máy bay quân sự. Lúc đó máy bay chở khách cũng do quân đội quản lý.

Sài Gòn mới giải phóng. Sau 22 năm tôi trở lại Sài Gòn, thấy thành phố đổi thay khá nhiều. Những con đường trước đây tôi qua lại nhiều là Căng Phú Lâm, nhà thương Chợ Quán nay đã mở rộng. Riêng chỗ chữa bệnh cho tù nay làm kho thuốc, vẫn còn nguyên hiện trạng. Căng Phú Lâm, khu hầm giam tù còn nguyên, nhưng bên trên đã thay đổi bằng nhà xây mới.

Tôi đến Thành Ủy Sài Gòn gặp đồng chí Lê Đình Thụ, là bạn tù, cùng trong Đảo Ủy vượt đảo khi xửa. Nay đồng chí Thụ đổi tên là Vũ Hồng, Thành Ủy viên Thường trực Thành Ủy, kiêm Chánh Văn

phòng Thành Ủy. Công việc của anh rất bận, nhất là ta vừa tiếp quản thành phố được hơn ba tháng, nhưng anh sốt sắng chuẩn bị cho tôi cùng vợ chồng đồng chí Cao Hồng Lãnh ra thăm ngay Côn Đảo bằng máy bay trực thăng MI 6.

Đi từ sân bay Tân Sơn Nhất ra Côn Đảo chỉ hết 45 phút. Hơn nửa tiếng lúc này bỗng dài dặc biết mấy. Bởi tôi nao nức mong sao thật chóng đến giấy phút gặp lại Côn Đảo, nơi địa ngục trần gian mang tên "Pénitencier de Poulo-condore".

Khi máy bay hạ cánh, một xe Jeep ra đón, đưa thẳng tôi và anh chị Hồng Lãnh đến thăm các trại giam, thăm nhà lao số III và nhà xác Côn Đảo. Lao III lúc đó đang nhốt sĩ quan ngụy, nên chúng tôi chỉ đứng ngoài ngó xem thôi. Côn Đảo từ lâu đã không chỉ có bốn nhà tù như thời tôi ở đó, giờ cả thảy 9 nhà tù lớn với

nhiều nhà tù phụ. Thời tôi, lúc tù đông nhất là 2.300 người, sau này thời Mỹ ngụy các đồng chí hướng dẫn cho biết có lúc lên đến 2 vạn người. Thật kinh khủng. Đi thăm 4 tiếng liền rồi chúng tôi phải rời Côn Đảo về lúc 15 giờ vì sợ máy bay gặp mưa to gió lớn sắp ập đến không bay được. Đành bịn rịn chia tay Côn Đảo!

Khi chưa được thăm Côn Đảo, chỉ mới tới sân bay Tân Sơn Nhất, tôi hào hứng, phấn khởi bao nhiều, giờ trên đường về lại buồn bấy nhiêu. Đàn ông ít khi khóc, vậy mà suốt 45 phút ngồi trên máy bay nhìn xuống biển cả, tôi miên man suy nghĩ tới từng đồng chí trong số 81 anh em hy sinh trong cuộc vượt ngục ngày 12-12-1952...càng nghĩ càng không cầm được nước mắt chứa chan. Anh chị Hồng Lãnh thắc mắc hỏi han khi thấy tôi cứ khóc. Nhưng có lời nào có thể giãi bày

cho anh chị Lãnh hiểu được lòng thương cảm của tôi đối với anh em hy sinh trong chuyến vượt đảo kinh hoàng ngày ấy?

Tối hôm đó Thành Ủy Sài Gòn chiêu đãi chúng tôi bữa cơm thân mật. Anh chị Lãnh bảo tôi tường thuật câu chuyện vượt đảo, Nghe xong anh chị Cao Hồng Lãnh cũng ngậm ngùi tiếc cho cuộc vượt đảo không thành. Anh nói: "Các đồng chí dũng cảm mưu trí hơn chúng tôi thời kỳ 1930-1945". Tôi nói: "Thưa anh, chúng tôi là tù binh, có điều kiện hơn các anh thời trước. Các anh đều là cán bộ chính trị. Còn mưu trí, dũng cảm thì cũng thế cả..." Anh cười vui và nói: "Hậu sinh khả uý"... Thế mà sau này một số người xấu vu khống tôi, họ đặt điều: "Sau ngày giải phóng miền Nam, tôi vội vàng vào miền Nam và ra Côn Đảo để sắp xếp che giấu...?". Từ ngày ra thăm

Côn Đảo về, tôi hết nằm mơ vượt Côn Đảo, nằm mơ về tù ở Côn Đảo. Những giấc mơ như thế rất mệt đối với tim và bàng hoàng khi tỉnh dậy hàng giờ! Trong dịp đi thăm miền Nam sau giải phóng, tôi đã kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ 3 việc mà tôi rút ra từ thực tế tiếp quản miền Nam và kinh nghiệm tiếp quản Hải Phòng.

1. Tập trung thu thập chiến lợi phẩm, các kho tàng quân sự, dân dụng, các phương tiện trang bị mà các công sở không dùng hết, đặc biệt các loại hàng tiêu dùng, kể cả ô tô dân dụng, thiết bị xây dựng... đem bán theo giá thị trường, chuyển ra thành vàng hoặc đô la Mỹ gửi vào ngân hàng. Tôi thấy hàng nghìn xe con bỏ khắp sân bay Tân Sơn Nhất, kho quân sự Long Thành.v.v. Ngay khách sạn Oscar, nơi tôi và đồng chí Tích trưởng

phòng nghiệp vụ Sở thương nghiệp được Bộ Nội thương bố trí cho ở, chỉ trong 2 tuần, người quản lý khách sạn đến tháo vật dụng mang đi 2 lần. Lần đầu tháo điều hòa nhiệt độ, lần thứ hai tháo đi một quạt trần. Hai chúng tôi ở chung một phòng chỉ còn một quạt trần. Không rõ người quản lý tháo điều hòa và quạt đem đi đâu?

2. Tiền và hàng hóa một số nước viện trợ khẩn cấp cho Việt Nam, (như Thái Lan lúc đó viện trợ khẩn cấp cho Việt Nam 2 vạn tấn gạo.v.v.) đều nên bán theo giá thị trường, rồi chuyển thành vàng, đô la Mỹ gửi vào ngân hàng. Tất cả các khoản tiền trên, đợi sau khi qui hoạch, đem ra xây dựng lại đất nước. Không nên vội vàng đem chia, hoặc "gạt" cho mỗi tỉnh một ít, mỗi ngành sử dụng một ít, để sửa chữa xây dựng như lúc đó đang làm.

3. Tập trung cán bộ kỹ thuật thiết kế, xây dựng con đường xuyên Việt, tập trung vốn vào xây dựng để thể hiện ý chí thống nhất đất nước. Mặt khác, về kinh tế, văn hóa xã hội, con đường sẽ tạo ra nhiều thuận lợi cho cả nước, nhất là những tỉnh liên quan đến đường xuyên Việt. Con đường này sẽ có các con đường "răng lược" hoặc "xương cá" chạy rẽ sang 2 bên đến các tỉnh biên giới Campuchia, Lào, Trung Quốc. Tỉnh nào cũng có đường bộ đi đến biển và đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long.

Tháng 6-1976 tôi tham gia Ban Thường vụ Thành Ủy và được phân công làm Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố phụ trách thương nghiệp - tài chính ngân hàng - giá cả - khoa học kỹ thuật. Đến khi vấn đề "nạn kiều" xảy ra, tôi được phân công phụ trách huyện

Cát Hải, xây dựng lại hệ thống phòng thủ đảo Cát Bà. Bởi khi chống chiến tranh phá hoại của Mỹ các công sự, hầm ngầm trong núi, cảng Gia Luận... đều do Trung Quốc giúp xây dựng.

Từ lần đưa Đoàn ra Cát Bà, chỉ đạo sơ tán nhân dân, cơ quan, kho tàng ở thị trấn, chống chiến tranh hủy diệt và phong tỏa Cảng của đế quốc Mỹ, trong suy nghĩ của tôi đã hình thành ý tưởng đề xuất xây dựng một con đường bộ từ Hải Phòng ra Cát Bà. Nay có điều kiện, tôi đề xuất phương án "xây dựng đường xuyên đảo". Ban Thường vụ Thành Ủy bàn. Bàn đi bàn lại mãi, mấy kỳ họp không thành, vì lý do không có tiền và có ý kiến cho rằng Hải Phòng đi thẳng ra Cát Bà sao được? Biển lo, sông rộng, đi thế nào? Có đồng chí bảo tôi: viển vông, duy ý chí, đại ngôn (nói khóac).

Đến tháng 8-1978, các đồng chí Thường vụ nể tôi quá đồng ý một phần kế hoạch, còn tôi cũng thỏa hiệp với các đồng chí chỉ cần có quyết định về chủ trương, để có kinh phí xây dựng phần trên đảo, còn các đoạn khác tính sau. Đa số ý kiến Thường vụ Thành Ủy về con đường bộ phải qua bến Bính, qua Phà Rừng, sang Quảng Yên, qua phà sông Chanh, sang nông trường Hòa Bình thuộc khu Hà Nam phong Cốc thuộc tỉnh Quảng Yên cũ, qua phà Cái Tráp đến Cát Hải, qua phà bên Gót sang Cát Bà. Tất cả phải qua 5 phà và qua đất của Quảng Ninh hơn 20km. Khi thông qua đề án tôi rất buồn nhưng phải chấp nhận vì thiểu số. Dù sao thế cũng đạt được 50%, tức là phần trên đảo Cát Bà, Cát Hải sẽ làm trước, còn lại tính sau...

Chiến tranh biên giới nổ ra. Nhân

dân thị trấn Cát Bà chủ yếu là bà con Hoa kiều, đã bỏ về Trung Quốc hơn 7.000 người, còn lại hơn 10 người là đảng viên, cán bộ người Việt gốc Hoa. Dân số Cát bà lúc đó chỉ còn khoảng hơn 6.000 người, chủ yếu ở các xã làm nông, lâm nghiệp. Nghề đánh cá "vó đèn" hầu hết của bà con người Việt gốc Hoa, nay bỏ về Trung Quốc hết. Bởi vậy nghề đánh cá "vó đèn" từ đây cũng kết thúc vai trò lịch sử của nó. Lúc đó thành phố phải huy động nhân dân các xã huyện An Thuỵ, Tiên Lãng ra Cát Bà canh tác, đánh cá. Một số bà con tuy cũng có nghề cá, nhưng ra Gia Minh, Bến Gót, không quen với nghề cá biển nên bỏ về, trừ nông dân xã Trường Sơn huyện An Thuỵ còn ở lại Khe Sâu để cày cấy, trồng trọt, cung cấp rau quả cho thị trấn.

Tôi ở lại đảo 6 tháng liền, chỉ về Hải

Phòng một vài lần trong những ngày nghỉ, kể cả Tết âm lịch 1978-1979, tôi cũng ăn Tết với nhân dân ở đảo. Nhà tôi ở nhà một mình, vì 2 cháu đi bộ đội, 2 cháu đi học xa. Đêm ba mươi rạng mồng một Tết, chị Huyền, Giám đốc Công ty vật tư, phu nhân của tướng Đặng Kinh đến đón giao thừa với nhà tôi cho đỡ buồn? Tết năm đó đón Xuân ở Cát Bà, người không đông như mọi năm, nhưng tôi cùng với cấp Ủy, cơ quan địa phương vận động tổ chức Tết cho nhân dân rất chu đáo. Pháo nổ suốt đêm, làm tan đi cái không khí vắng vẻ của một thị trấn vốn có gần một vạn người, nay chỉ còn hơn nghìn người. Nông dân các xã cũng ra thị trấn vui Tết, cùng với lực lượng vũ trang Trung đoàn 174 góp phần làm cho không khí thị trấn "Tưng bừng khói lửa".

Tôi cùng đồng chí Quốc Hiệu, Bí thư

huyện Ủy, đồng chí Thơm, Chủ tịch Cát Hải, đồng Trần Khóat, Chính Ủy, đồng chí Thông, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 174 và cán bộ chủ chốt trên Đảo, đi khảo sát kiểm tra toàn bộ các hệ thống phòng thủ để tổ chức bố phòng lại, bảo đảm nếu có chiến sự xảy ra sẽ không bị động.

Tôi có 3 cán bộ cùng đi ra công tác ở Đảo là đồng chí Ngấn, Phó Giám đốc Tài chính, đồng chí Tô Xuân Hồ, sau này là Chánh Thanh tra Thành phố, cùng đồng chí Chính bảo vệ. Đoàn chúng tôi được trang bị 2 tiểu liên, 2 súng lục.

Đi lại khắp trên đảo, mòn hết hai đôi giày bộ đội Liên Xô viện trợ, mà lúc đó thường gọi là "giầy Kôt- xư-ghin" (tên Thủ tướng Liên Xô lúc đó). Chân tôi bị hỏng mất móng chân trái, do đi liên tục, không để ý, khi tháo giày ra thì móng

chân đã đen và rụng luôn. Đến nay nghĩ đến vết thương móng chân bị hỏng tôi lại nghĩ đến đường xuyên đảo...

Để chuẩn bị cho việc thi công tuyến đường trên đảo, Sở Giao thông vận lải cử đồng chí Luận, Trưởng phòng, ra làm Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách giao thông, cùng với đồng chí Phòng phụ trách kinh tế, tham gia ban chỉ huy công trường xây dựng tuyến đường trên đảo.

Tôi đề nghị UBND thành phố chuyển ngay cho một máy xúc, 2 xe tải, dùng phà chuyển ra bến Bèo để cùng lực lượng thủ công thi công xẻ núi, san đường chạy quanh thị trấn. Khi xe xúc, xe tô tải ra đến thị trấn, nhân dân trong các xã kéo ra xem mấy ngày liền. Đầu tiên có xe chạy trên đảo, nó như dấu hiệu một ước mơ dần dần được thực hiện. Trong khi thi công xẻ núi, làm đường ở thị trấn,

tôi cùng các đồng chí lãnh đạo Huyện đi khảo sát con đường từ Đèo Khế vào xã Trân Châu, Xuân Đám... Đây là con đường mòn, đi lại mang hàng hóa, đồ dùng, phải "thổ" trên vai. Đi bộ cũng rất khó khăn. Đồng chí Ngấn đã có lần trượt chân rơi "tõm" xuống biển, may vớt kịp, không việc gì, chỉ quần áo ướt sũng. Đồng chí giơ tay bắt tay tôi: "May quá! Không bị va đầu vào đá". Các cụ trong 2 xã Trân Châu, Xuân Đám, kháo nhau: lần này ông Thành làm được con đường vào xã dân sẽ làm "đền thờ". Có người lại nói: "Ông Thành làm được con đường này thì chó nó cũng đi được guốc!.". Khi làm xong đoạn đường này, tôi đi xe com-măng-ca vào thông đường và thăm nhân dân 2 xã. Nhân dân reo mừng sung sướng. Tôi nói đùa: "Có ai đem chó đi guốc ra đón tôi không?" Mọi người cùng cười hả hê thoải mái.

Đến nay thì con đường này đã trở thành đường "cao tốc" của Đảo, đi suốt từ bến phà Cái Viềng qua đoạn đường này để vào thị trấn Cát Bà, điểm du lịch của Hải Phòng và cả nước.

Đến tháng 8-1979 tôi được bầu làm Chủ tịch UBDN Thành phố. Tôi vẫn tiếp tục xây dựng huyện đảo. Tôi đề nghị Ban Thường vụ ra quyết định bổ sung xây đường xuyên đảo đi trên đất Hải Phòng, không qua đất Quảng Ninh, đào kênh Cái Tráp, không phải qua sông Ruột lợn và sông Chanh, rút ngắn hơn 20 km. Như vậy đường bộ, đường thủy ra Cát Bà đều đi trên đất Hải Phòng, rút ngắn tuyến vận chuyển than từ Hòn Gai về cảng Hải Phòng, các tỉnh thành phố khác cũng rút được phí vận chuyển, không phải qua sông Chanh và sông Ruột Lợn.

Để thực hiện được chủ trương xây dựng Đảo, tôi xin với Quân khu III cho đồng chí Trần Khóat về làm Bí thư huyện Ủy, kết hợp với kinh tế quốc phòng. Đồng chí Trần Khóat rất tích cực thực hiện chủ trương của Thành Ủy và UBND thành phố và sau này là đồng chí Nhật.

Dưới sự lãnh đạo của Thành Ủy và UBND thành phố qua các thời kỳ, dần dần Cát Bà trở thành như hôm nay, xứng đáng là khu du lịch của cả nước, Trung tâm đánh cá của vịnh Bắc Bộ. Đó cũng là ước mơ bao đời nay của nhân dân trên 2 đảo Cát Hải - Cát Bà (tên cũ là Các Bà), niềm tự hào của nhân dân thành phố Cảng "Trung Dũng quyết thắng".

Chương 6

THỜI KỲ ĐỔI MỚI Ở HẢI PHÒNG

Sau 29 năm, từ tháng 6-1950, tôi sang làm Bí thư quận Ủy Ngô Quyền.

Hai mươi chín năm, hơn một phần tư thế kỷ đối với một đời người là dài. Trải biết bao thăng trầm, tôi luôn rèn luyện đạo đức, đặc biệt là học tập, làm thế nào để khi mình làm cán bộ lãnh đạo, cấp dưới không phải phàn nàn: "làm đầy

tớ thằng khôn, hơn làm thầy thằng dại". Làm đầy tớ thằng dại, thì còn khổ biết bao nhiêu!

Tháng 8-1979 tôi được bầu làm Chủ tịch UBND Thành phố. Lúc này tôi đã học xong đại học quản lý kinh tế, học xong bằng C tiếng Anh, và học thêm 2 năm chương trình đại học Anh văn. Về lý luận chính trị, kinh tế tôi đã học tập nghiên cứu và đọc kỹ các tác phẩm kinh điển của các bậc hiền triết thời phong kiến, thời tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là các học thuyết về Chủ nghĩa cộng sản, Chủ nghĩa xã hội và cả học thuyết của các nhà triết học trước Marx... cộng thêm những vốn liếng có được qua 35 năm tham gia cách mạng. Tôi đinh ninh trong dạ khi có điều kiện sẽ thực hiện những kiến thức đã học và kinh nghiệm đã trải qua.

Hoàn cảnh kinh tế, chính trị nước ta nói chung và Hải Phòng nói riêng lúc đó gặp nhiều khó khăn. Về chính trị, cuộc chiến tranh biên giới Việt Trung và Tây Nam Nam Bộ đang lên đỉnh điểm. Kinh tế bước vào thời kỳ khủng hoảng, viện trợ từ bên ngoài cắt giảm nhiều, trật tự xã hội trong thành phố hết sức rối ren. Trong thời bình mà riêng phường Vạn Mỹ (Cầu Tre) có 53 lối đi trong phường, phải rào bớt 36 lối còn lại 17 lối để dễ kiểm tra người qua lại. Ban đêm ở thành phố cũng như ngoại thành phải dùng 3 công cụ, lúc đó gọi là: cái gậy an ninh, cái đèn an ninh, cái kẻng an ninh. Người đi đêm là người ngay thẳng phải mang 1 trong 3 công cụ trên để phòng thân, gặp công an, bảo vệ đi tuần tra sẽ cho đi ngay, chẳng khác gì thời loạn lạc.

Cảng Hải Phòng phải quân sự hóa,

tất cả bộ đội vào làm bốc vác. Đại tá Võ An Đông, Tư lệnh F350, chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Hải Phòng được cử làm Giám đốc cảng. Còn thành phố, một số cán bộ cao cấp ở Trung ương cũng đề nghị xem xét có nên quân sự hóa thành phố không (gọi là quân quản như thời kỳ mới vào tiếp quản), hoặc phải giới nghiêm từ 10 giờ tối đến 5 giờ sáng.

Trong lúc đó mọi việc tôi bàn với đồng chí Bí thư Bùi Quang Tạo, nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Phó ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương, mới được cử về làm Bí thư Thành Ủy. Đồng chí mới về, nên cần nắm tình hình thành phố, mọi việc điều khiển đồng chí Tạo phân cho tôi cứ làm bình thường.

Cảng Hải Phòng khi chưa có vấn đề "Nạn kiều" (Trung Quốc kêu gọi người Việt gốc Hoa về nước), công nhân bốc

xếp ở cảng chủ yếu là người Việt gốc Hoa, rất quen với bốc vác hàng có trọng lượng 100 kg/kiện. Thế mà lúc đó cứ 3 tháng, có khi 1, 2 tháng, đồng chí Đỗ Mười, Phó Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (Phó Thủ tướng) lại phải xuống cảng để giải tỏa cảng. Hàng bốc ra để rải rác khắp đường phố, nhất là khu bãi cổng cảng và vườn hoa Bon-nan. Lãng phí và ăn cắp rất ghê gớm. Chuyển hàng ra khỏi cảng còn để ở ngoài trời, trong cảng hàng hóa đã đến tiếp. Không bốc dỡ kịp, tàu nước ngoài có khi đậu tại cảng chờ giải phóng hàng tháng. Họ kêu ca, ta phải nộp phạt cho một ngày tàu chậm bốc xếp khoảng 13 kg vàng/ngày tùy theo tàu to nhỏ, hết sức lãng phí.

Trong những lần giải tỏa cảng, Chính phủ cử các bộ trưởng, thứ trưởng, cán bộ thuộc các bộ liên quan xuống theo. Một

số tỉnh thành có liên quan đến vận tải hàng hóa như Hà Nội, Quảng Ninh cũng đến Hải Phòng họp hàng tuần... Thành phố bận rộn, lại phục vụ các cuộc họp giải tỏa. Họp giải tỏa nhiều quá cũng nhàm, ít tác dụng. Anh Mười rất vất vả về công tác giải tỏa hàng mấy năm liền...

Lúc đó ở Hải Phòng, mỗi đợt giải tỏa xong, đoàn xe Anh Mười rời Hải Phòng về Hà Nội, công nhân Cảng và nhân dân thành phố đùa tếu nói: "Ông Mười đã đi xa, mọi việc ở Cảng trở lại bình thường...".

Hàng hóa lại ùn tắc, bốc hàng lên không có chỗ để, tàu cứ điều vào, đỗ hết cầu tàu. Tàu vào sau phải đậu ở dọc sông Bạch Đằng, Cửa Nam Triệu ra đến phao số 0. Đêm đến đèn các tàu bật lên sáng như một thành phố trên biển.

Đến khi công nhân bốc xếp là người

Việt gốc Hoa rút về Trung Quốc hết, còn lại toàn công nhân Việt Nam sức yếu, chưa quen việc, xảy ra đổ vỡ mất mát rất nhiều... Bởi vậy trên mới có sáng kiến quân sự hóa Cảng cho bộ đội vào bốc thay công nhân. Nhưng tình hình không được cải thiện. Sau gần 2 tháng quân sự hóa, thì xảy ra vụ cháy kho 5, thiệt hại rất lớn, vì đây là kho vải. Ai cũng biết vải lúc bao cấp nó quan trọng đối với mọi người như thế nào. Chính quyền thành phố phải chịu trách nhiệm hoàn toàn chuyện giải quyết hậu quả. Đã khó khăn lại thêm khó khăn. Vậy mà Trung ương cho Hải Phòng các loại vải bị cháy dở, hoặc đã bị vòi cứu hoả phun nước hoặc hóa chất vào, thì cả nước có câu ca dao:

Cả nước đau lòng

Hải Phòng phấn khởi (?)

Đấy là bể nổi. Mọi nơi nghĩ như vậy, còn chúng tôi thì cực khổ suốt hàng mấy tháng trời, xử lý bao nhiêu công việc do cháy kho 5 sinh ra. Đồng chí Cao Văn, Phó Chủ tịch Ủy ban phải bận vào công việc này 6 tháng liền mới giải quyết xong hậu quả.

Nhưng cả nước không bị thiệt, vì kho của ta có mua bảo hiểm. Khi cơ quan bảo hiểm nước ngoài đến xác định thiệt hại để đền bù, số tiền đền bù vượt hơn thiệt hại chút ít.

Sau khi đã giải quyết xong hậu quả cháy kho 5, Ban Thường vụ Thành Ủy họp, kiến nghị với Trung ương thôi quân sự hóa Cảng và giao việc tổ chức bốc xếp cho địa phương phụ trách. Chính phủ đồng ý ngay. Khi có quyết định, anh Bùi Quang Tạo bàn với tôi tổ chức lại việc bốc xếp Cảng. Hàng ngày sáng nào cũng

giao ban tại Văn phòng Thành Ủy, đồng chí Tạo và tôi cùng dự, anh Tạo rất say sưa với công việc này. Chúng tôi bàn nhau, đặt chỉ tiêu bảo đảm bốc một vạn tấn hàng/ngày. Chỉ sau hơn một tháng chúng tôi đạt mục tiêu đề ra, và những tháng sau từng bước tăng lên. Công nhân có thu nhập, trộm cắp giảm hẳn, tàu không phải chờ đợi, ta không bị nộp phạt. Mọi người hào hứng phấn khởi, và cũng kết thúc ách tắc trong khâu bốc dỡ.

Xong việc giải tỏa Cảng anh Tạo và Thành Ủy, UBND thành phố, Cảng đều vui mừng, sự quản lý Cảng đã sang trang, kết thúc giai đoạn lịch sử "giải tỏa".

Trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý kinh tế, kế hoạch tập trung, tôi có rất nhiều suy nghĩ về cách quản lý của ta. Làm thế nào để xây dựng được cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, cho

dân giàu lên, không thiếu thốn như hiện nay? Làm thế nào cho "dân giàu, nước mạnh", nghe khẩu hiệu này khi tôi mới nói ra, đã có người phản đối. Thực lòng ai cũng muốn khá giả, nhưng nói chữ "giàu" hình như ai cũng coi là mất lập trường, rất kiêng kỵ. Có đồng chí cán bộ cao cấp còn uốn nắn lại thành: "Nước giàu, dân mạnh". Tôi buồn cười, nhưng không dám cười, chỉ lắng nghe.

Có lần xuống xã, một đồng chí bí thư xã mời tôi về nhà chơi. Vừa vào đến sân đồng chí ấy nói: "Tôi rất tự hào báo cáo với đồng chí Bí thư Thành Ủy: Trên 30 năm tham gia cách mạng, đến nay tôi cũng chỉ có một gian nhà tranh, vách đất, và cái giường 3 xà...". Tôi hiểu ý đồng chí muốn nói mình liêm khiết. Tôi buột miệng: "Tôi tưởng đồng chí khoe với tôi là cả xã đồng chí đều có nhà xây, có tiện

nghi... và đồng chí cũng như vậy thì mới đáng lự hào. Chứ hòa bình bao nhiêu năm rồi mà vẫn nghèo như thế này là chúng ta dốt, ai còn theo chúng ta, nói gì đến xây dựng Chủ nghĩa xã hội...".

Tôi chậm được ra nước ngoài. Tháng 9-1974 lần đầu tôi thăm Quảng Châu và Hải Nam Trung Quốc. Tháng 8-1978 sang Nhật bản, tháng 10-1980 sang Liên Xô. Ba cuộc đi ra nước ngoài giúp tôi có sự so sánh và cách nhìn vấn đề khá lý thú.

Tôi sang Trung Quốc thời kỳ đang cách mạng văn hóa rất mạnh ở Trung ương. Nhưng ở Quảng Đông, đồng chí Triệu Tử Dương, Bí thư Tỉnh Ủy thì làm khác, chỉ tập trung làm kinh tế, còn cách mạng văn hóa làm qua loa... Tôi xem nông dân Trung Quốc đào giếng trên các đồi ở Hải Nam để dự trữ nước tưới

cho lúa. Lúa Hải Nam rất tốt do không làm theo các Công xã Trung ương. Đoàn chúng tôi được tiếp đón rất trọng thị...

Rồi tôi thăm Thành phố Yokohama của Nhật do Thị trưởng Thành phố Asô-ka-ta mời. Sau một tuần tham quan nghiên cứu tôi thấy phong cách làm ăn của Nhật thiết thực, lời nói đi đôi với việc làm. Những nơi tôi được tiếp mục sở thị đều đẹp hoặc bằng trên ti-vi giới thiệu. Tinh thần khắc phục sau động đất của Thành phố Yokohama thật xúc động, đáng cảm phục. Tất cả đều hằn sâu trong ký ức tôi.

Năm 1980 tôi đi hội thảo khai thác vùng Si-bi-ri Liên Xô, ở Kha-ba-rốp, thủ phủ Si-bi-ri, do đồng chí Trần Phương, Bộ trưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch làm trưởng đoàn. Đoàn viên có đồng chí Phan Văn Khải, lúc đó là Phó

Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Văn Hiệp, Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội và tôi là Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng, cùng một số Thứ trưởng và chuyên viên cấp vụ của một số ngành Trung ương. Máy bay đưa thẳng đoàn từ Hà Nội đến Kha-ba-rốp, hết gần 7 giờ. Qua eo biển Nhật Bản, được 2 máy bay khu trục của Nhật Bản lên "nghênh tiếp", hai bên cánh đeo 2 quả tên lửa sơn vàng chói.

Lần đầu tiên được sang Liên Xô, tôi nghiên cứu khá tỉ mỉ. Đặc biệt ở Kha-ba-rốp, tôi xuống các hộ nông dân tập thể, có gia đình chỉ còn các cụ già ở nhà, con cái đi lao động ở nông trường. Tôi hỏi thăm cuộc sống của các cụ hàng ngày, được biết các cụ chỉ ăn bánh mì với bơ, khoai tây. Riêng nho rất nhiều. Nhà ở xếp gỗ thành tường, mái lợp da thú như

những cái lều, cái hầm... Chúng tôi trao đổi riêng với nhau: Nhân dân Liên Xô thế này mà giúp đỡ Việt Nam mỗi năm hàng tỷ rúp vàng, tương đương một tỷ đô la Mỹ, điều đó thật đáng suy nghĩ. Còn hội thảo chẳng đi đến kết quả rõ rệt. Các đồng chí Bộ Ngoại thương Liên Xô phát biểu rất bảo thủ, không những thế còn tỏ thái độ uốn nắn Việt Nam... Sau cuộc hội thảo, tôi có rất nhiều băn khoăn về kinh tế Liên Xô lúc đó...

Với tất cả những gì hiểu biết về chủ nghĩa xã hội, về kinh tế, tôi suy nghĩ xây dựng một chiến lược phát triển kinh tế và xã hội cho thành phố Hải Phòng mà tôi đã ấp ủ từ lâu. Nhưng tôi tự nhủ phải thận trọng, nhất là đối với Bí thư Bùi Quang Tạo, một Ủy viên Trung ương từ khóa II, hơn tôi 16 tuổi. Anh cũng bị tù trước 1945. Trong một thời gian rất ngắn

làm việc, anh em tỏ ra "ý hợp tâm đồng" rất dễ làm việc. Công việc tôi đề xuất anh Tạo ủng hộ rất nhanh. Còn ý kiến anh nêu ra tôi chấp hành nghiêm chỉnh, nếu có cái gì cần bàn thêm anh cũng nghe theo ý tôi.

Vấn đề đầu tiêu là an ninh trật tự, ổn định đời sống nhân dân. Còn các vấn đề kinh tế xã hội, văn hóa, giáo dục. tôi đã hình thành trong các bản dự thảo, tùy theo tình hình, thời cơ sẽ đưa ra Ban Thường vụ hoặc Thành Ủy bàn. Những vấn đề này trong các buổi giao ban hàng tuần giữa Bí thư và Chủ tịch Thành phố vào chiều thứ 7, sau khi kết thúc những việc chính, tôi đưa vào câu chuyện ngoài, nói với Bí thư để từng bước tạo sự nhất trí giữa 2 cán bộ chủ chốt của Thành phố, về con đường đi lên CNXH.

Trong 30 tháng làm bí thư Thành Ủy Hải Phòng, cứ đến chiều thứ 7 giao ban xong, anh Tạo về Hà Nội, vì gia đình anh ở Hà Nội cả, chỉ có một người phục vụ ăn uống là ở Hà Nội xuống, còn lái xe cũng do Hải Phòng cử. Dù giao ban xong sớm 5, 10 phút; tôi ra về để anh về Hà Nội, nhưng anh bảo tôi: "Chưa hết giờ..., ở lại bàn thêm". Chúng tôi ở lại nói chuyện quốc sự mà hai anh em cùng quan tâm...

Việc đầu tiên tôi làm là xóa bỏ các rào dậu của một số phường, để các ngõ ngách thông thóang cho dân đi lại bình thường, tăng cường lực lượng kiểm tra của bộ đội, công an, tự vệ về ban đêm, tổ chức phục kích một số bọn trộm cắp có tổ chức với lực lượng chiến sĩ ở các đồn công an Máy Chai, dọc sông Cấm. Ba công cụ "an ninh" thời chiến được xóa bỏ. Tôi trực tiếp vào trại giam xem

xét 12 tên tù tử hình còn giam giữ nhiều năm ở trại giam mà không thực hiện án. Có tên đã trốn tù, mất bao công sức truy tìm mới bắt lại được. Qua đọc hồ sơ tội ác của bọn chúng, và trực tiếp gặp một số tên để cân nhắc, tôi bàn với anh Tạo đề nghị Chủ tịch nước (lúc đó là anh Trường Chinh) và Ban Bí thư giảm tội cho 6 tên xuống chung thân, còn 6 tên gian ác nhất cho thi hành án. Chủ tịch nước và Ban Bí thư đồng ý, giảm án cho 6 tên, còn 6 tên tàn ác nhất đã giết 2 người trở lên để cướp của... cho xử ngay trong một tháng.

Thành phố tổ chức thi hành án tên đầu tiên để rút kinh nghiệm. Anh em Sở Công an và cơ quan thi hành án đem phạm nhân đến Tràng Cát, xa thành phố khoảng 6 km, bắn vào lúc 5 giờ sáng, chỉ có vài chục người đến xem, tác dụng giáo

dục rất ít... Tôi nhắc các đồng chí, những tên xử tiếp, phải đem đến Nhà hát nhân dân xử cho toàn thành phố xem. Gọi 600 tên tiền án, tiền sự ngồi chung quanh nơi hành án, còn nhân dân đứng vòng ngoài. Xử vào lúc 7 giờ sáng, thông báo cho nhân dân biết trước đến xem. Nhân dân kéo đến xem tới hàng vạn người, đứng cả đường ngoài sông, ngăn cách với Nhà hát nhân dân. Sau vụ xử có những tên "tiền án, tiền sự" đái cả ra quần, có tên sợ quá chết ngất đi. Quần chúng đi xem, hả hê, thấy pháp luật Nhà nước nghiêm minh. Khi công bố tội trạng tên tử tội, có người nói: "Tên này phải bắn đến 3 lần mới đúng" hoặc "phải xử bằng hình thức cho dân tùng xẻo chúng hoặc phải lăng trì theo kiểu cổ điển của phong kiến mới hả dạ". Nhưng cũng có ý kiến cho rằng không nên xử ở Nhà hát nhân dân, nên chọn một chỗ khác. Có người còn làm ca

dao đả kích cho thêm sức mạnh thuyết phục:

"Biến nơi văn hóa thành nơi pháp trường..."

Nhưng tôi nói với Thành Ủy và cán bộ chủ chốt là trong tình hình đặc biệt, phải có biện pháp tốt để giáo dục rộng rãi nhân dân. Chế độ ta nhân đạo, bắn một người để cứu hàng vạn người. Người xưa có câu "Sát nhất nhân, thiên vạn nhân cụ". Việc ngăn ngừa tội phạm phải được giáo dục, răn đe, ngắn ngừa từ gốc... Theo tôi lúc này, nếu Nhà hát lớn thành phố dựng được bức tường tránh đạn lạc, còn 3 tên tội phạm sẽ xử tiếp ở Nhà hát lớn mới có tác động tốt hơn cho cả thành phố và các tỉnh lân cận.

Nhưng thế cũng là đủ, còn 3 tên nữa cho xử tiếp ở Nhà hát nhân dân, giải thích

cho người làm ca dao, thấy hết ý nghĩa việc làm của thành phố "quang minh, chính, đại" để họ đồng tình. Thành Ủy và UBND Thành phố hy vọng rằng từ nay về sau không còn phải xử đại hình ở nơi văn hóa này nữa. Quả là từ đó đến khi tôi rời khỏi Hải Phòng không còn án tử hình.

Tình hình trật tự trị an dần dần tốt lên, trộm cắp giảm hẳn. Nhưng vệ sinh đô thị chưa tốt, cuộc sống của dân, nhất là nông thôn, "tháng ba ngày tám" thành phố phải phân chia cán bộ xuống xã để chống đói cho nông dân... Lúa chín nông dân không chịu thu hoạch, thành phố phải huy động cán bộ công nhân viên chức đi gặt giúp. Lương thực cung cấp cho cán bộ công nhân viên chức Nhà nước và khu phi nông nghiệp rất khó khăn. Do đó, một mặt phải đi mua lương

thực ở miền Nam, mặt khác tìm cách khuyến khích nông dân tăng vụ, trồng màu, rau khoai chống giáp vụ... biết bao công việc đặt ra cấp bách.

Tôi quyết định trước hết phải xuống với nông dân, đi vào thực chất xem tại sao trên đồng ruộng vựa thóc, một năm hai vụ chiêm mùa, xen một vụ mầu mà cứ đói triền miên. Những năm trước, tôi xuống theo dõi nông nghiệp cũng rất sâu, chứ không phải "cưỡi ngựa xem hoa". Tôi nghĩ do quản lý, nếu có cày bừa máy vào làm, có giống mới... chắc năng suất có thể lên cao. Nhưng cày bừa máy, khoa học kỹ thuật, giống mới, phân bón, thuốc trừ sâu...tất cả hợp lực hỗ trợ mà năng suất vẫn tụt. Có nơi ngày công 300gam/ngày. Quê tôi đồng đất Hải Dương "ruộng tốt, cau sai", không chua mặn, cũng vậy.

Tháng 9-1977, cụ thân sinh ra tôi

mất. Tôi đưa cụ ra cánh đồng loại nhất đẳng điền, lúa sắp chín mà trông như cỏ may. Khi tôi còn nhỏ, loại ruộng này, nhà tôi cày cấy bình thường cũng được 100 kg/sào. Nay chưa chắc được 40kg/sào. Tôi hỏi các bậc lão nông tri điền họ cũng nói như vậy.

Tôi nghĩ tất cả do khâu quản lý, khi nào có điều kiện tôi sẽ đề xuất thay đổi cách quản lý mới xem sao. Tôi đi kiểm tra tất cả các huyện ngoại thành, từ những hợp tác xã làm ăn giỏi như Phục Lễ huyện Thủy Nguyên, Cổ Am huyện Vĩnh Bảo. Có cán bộ được nhân dân tín nhiệm như đồng chí Công, Bí thư Đảng Ủy xã Phục Lễ, có năng lực, có uy tín. Đánh một hồi trống họp Đảng bộ là 100% đảng viên đến họp. Họp hợp tác xã cũng vậy, xã viên đến đủ 100% trừ người ốm đau nặng. Thế mà năng suất cũng

thất thường, ngày công cũng không khá, chỉ được trên 1 kg/ngày. Xem ra xã viên làm nhanh cho xong công việc hợp tác xã, còn công sức tập trung vào ruộng 5% và đi bắt tôm cá ngoài sông, biển, hoặc đi buôn bán lặt vặt. Kinh tế hợp tác xã chỉ cung cấp khoảng 20% cho cuộc sống của gia đình họ, bởi vậy họ phải bươn chải bên ngoài là chính.

Một hôm tôi xuống xã Hòa Nghĩa thuộc huyện An Thuỵ, xã lớn gần 600 ha, giáp với con đường 14 ra Đồ Sơn (nay là đường 353). Tôi vào thăm một số gia đình, thấy nhà nào cũng đói. Tôi đến một gia đình có 3 cháu đang đói, nằm ở trên giường. Tôi hỏi: "Bố mẹ cháu đi đâu?". Các cháu trả lời: "Bố mẹ chúng cháu ra bãi biển bắt tôm, cá về bán đong gạo"... Đồng chí Bí thư, Chủ tịch, Chủ nhiệm hợp tác xã, cùng đi với tôi cho

biết: "Xã có đất canh tác 500 ha, nhưng năm nào cũng không cày cấy hết, bỏ hoang cho cỏ năn mọc trên dưới 100 ha. Nông dân không cấy vì thu nhập thấp, lúa chín cũng không chịu đi thu hoạch, bỏ ruộng ra bãi biển kiếm sống. Tôi hỏi: "Các cháu bị đói là tại ai?". Đồng chí thì trả lời do nhà thiếu lao động, bố mẹ không chịu lao động cày cấy. Đồng chí Bí thư tự nhận là tại xã quản lý kém v.v.. Tôi nói: "Là tại tôi, tại Chủ tịch thành phố..." Các đồng chí nhìn tôi tỏ vẻ sợ! "Tôi nói thật đấy. Tôi sẽ cho lái xe về ngay nhà lấy mấy cân gạo cho các cháu, nấu cho các cháu ăn kẻo bị đói lả". Các đồng chí vội ngăn lại, bảo xã có gạo. Rồi đồng chí chủ nhiệm hợp tác xã vội về xuất kho lấy gạo nấu cơm cho các cháu. Mấy hôm tiện đường, tôi rẽ vào xã Hòa Nghĩa thì được biết thóc quỹ hợp tác xã còn, các đồng chí xuất cho những gia đình khó khăn

vay. Thành phố hỗ trợ một ít, qua vụ đói. Các xã khác ngoại thành cũng làm tương tự, nhất là huyện Tiên Lãng và huyện An Lão, huyện thuần nông rất nghèo, gặp rất nhiều khó khăn trong đời sống.

Từ những vấn đề thực tế của nông dân, với cương vị Chủ tịch UBND thành phố, tôi đề xuất thay đổi cách quản lý nông nghiệp. Tôi đem vấn đề bức xúc này bàn với anh Bùi Quang Tạo, anh tỏ ý đồng tình. Hai anh em trao đổi ngày này qua ngày khác, những buổi chiều thứ bảy hàng tuần, ngoài những việc phải giải quyết ngay, chúng tôi tập trung suy nghĩ và trao đổi vấn đề "khoán hộ". Anh Tạo nói: "Khó nhất là anh Trường Chinh. Vụ khoán chui của anh Kim Ngọc tỉnh Vĩnh Phúc, lúc đó tôi ở Ban Tổ chức Trung ương thấy găng lắm!" Tôi đề nghị anh ở Hà Nội thăm dò xem liệu

Vĩnh Phúc làm cách đây 15 năm rồi, nay có thể khác không. Tôi nói vui: "Vạn vật biến chuyển, con người tư duy cũng phải biến chuyển. Nhất là lúc này lương thực không đủ ăn, ruộng nông dân bỏ hoang, ta phải vay đô-la nhập lương thực, nhập phân bón bao nhiêu dân vẫn đói, cán bộ công nhân viên phi nông nghiệp chỉ ăn mì. Rõ ràng có ruộng cấy ra thóc, mà không có gạo ăn".Anh Tạo suy nghĩ, tỏ ra rất buồn. Tôi tin tưởng anh Tạo đã đồng tình với tôi. Anh nói chúng ta sẽ liệu và anh bảo tôi: "Anh thân với anh Ba, anh thăm dò ý anh Ba xem. Còn tôi sẽ thăm dò những anh em thân quen anh Trường Chinh". Chúng tôi đi đến thống nhất tạm thời cho khoán màu ở ngoại thành, lấy xã Hưng Đạo làm thí điểm... rồi từng bước ta mở rộng sau. Còn những nơi khoán chui ruộng như Tiên Lãng, ta lờ đi, nhắc báo Hải Phòng không phê bình

Tiên Lãng quá đà trệch hướng, Huyện cho khoán màu, xã lợi dụng khoán cả lúa. Đồng chí Lựu Bí thư Huyện Ủy thấy báo Hải Phòng phê bình, lo quá, đồng chí thanh minh với tôi. Tôi bảo cứ yên lâm, đừng cấm nông dân. Chúng ta sẽ xin với trên cho làm thử khoán lúa tới người lao động và nhóm lao động...

Trong lúc lương thực thiếu, trên cung cấp không đủ, tôi và đồng chí Trịnh Thái Hưng, Phó Chủ tịch cùng một số cán bộ của Văn phòng UBND thành phố vào miền Nam chạy gạo, bằng cách đổi hàng công nghiệp. Chúng tôi đến tỉnh Cửu Long kết nghĩa, được tiếp đón trọng thị, nhưng khi bàn đến mua thóc đổi hàng công nghiệp thì rất khó khăn. Trong lúc đồng chí Sáu Ức, Chủ tịch UBND tỉnh đang bàn giao để đi làm chuyên gia bên Campuchia, giao cho đồng chí Tuấn,

Phó Chủ tịch bàn với chúng tôi. Tôi và đồng chí Hưng bàn đi bàn lại với tỉnh kết nghĩa, có cả đồng chí Văn Hiến tỉnh Ủy viên nguyên là Thành Ủy Hải Phòng làm Giám đốc sở nông nghiệp Cửu long, nhưng đồng chí Phó Chủ tịch chặt chẽ quá. Tôi nghĩ chắc tỉnh cũng có khó khăn về lương thực, nên tôi đề nghị thôi không mua lương thực của tỉnh Cửu long nữa. Về sau các đồng chí nghĩ sao không rõ, đồng chí Tuấn lại bán cho Hải Phòng 1.000 tấn thóc. Tôi nói với đồng chí Văn Hiến rằng, chúng tôi thông cảm, anh không nên áy náy về vấn đề này.

Hôm sau Đoàn chúng tôi sang Hậu giang, gặp đồng chí Chủ tịch Bảy Mạnh, đồng chí Đặng Toàn, Phó Chủ tịch, nguyên Chủ tịch thành phố Hải Phòng vào tăng cường cho Hậu giang. Chúng tôi chỉ bàn 2 tiếng đồng hồ, đồng chí Chủ

tịch bán cho 2.000 tấn gạo bằng cách đổi hàng rất thuận lợi cho Hải Phòng.

Kết quả mua được 2.000 tấn gạo và 1.000 tấn thóc. Chúng tôi ra về bằng đường bộ. Trong dịp đi công tác này, tôi gặp một số tỉnh để vừa học lập, vừa thăm dò việc "khoán" nông nghiệp. Có đồng chí rất bỡ ngỡ vì việc quá mới, có đồng chí trả lời: "Chúng tôi phải tổ chức hợp tác xã xem sao đã. Chưa biết hợp tác xã ra sao, nói gì đến khoán". Tỏ thái độ không đồng tình là Bến Tre và Thuận Hải, còn đa số trả lời chung chung: "Các anh cứ làm trước, nếu tốt chúng tôi sẽ làm". Tôi chỉ dám trao đổi khéo léo, sơ sơ thôi, chứ không dám nói thẳng ra, vì vấn đề này vẫn là vấn đề "quốc cấm".

Trên đường về, chúng tôi làm việc với Khánh Hòa, đêm ngủ tại Cam Ranh. Bộ Tư lệnh Hải quân mời đến xem tàu

ngầm Liên Xô. Sáng hôm sau trên đường về qua thành phố Nha Trang một sự cố đau lòng xảy ra: đồng chí Nguyên Văn Sinh, chuyên viên Văn phòng Ủy ban bị nhồi máu cơ tim chết ngay trên xe trong lúc đang đi cùng với đồng chí Trịnh Thái Hưng. Chúng tôi đưa ngay đồng chí Sinh đến Bệnh viện Nha Trang, nhờ bệnh viện khám lại tử thi để xác định nguyên nhân. Đồng chí Sinh bị đau tim đã lâu. Khi đi vào miền Nam đồng chí Sinh đi bằng máy bay, đồng chí có cháu là bộ đội Hải quân nên kết hợp đi thăm cháu. Trước khi ra Bắc bằng đường bộ, tôi đã bảo đồng chí Sinh xem lại sức khoẻ rồi hãy đi. Đồng chí Sinh nói với tôi: "Anh yên tâm, sức khoẻ tôi khá rồi".

Tôi đến gặp đồng chí Hồ Ngọc Nhường, Chủ tịch UBND tỉnh Phú Khánh đề nghị giúp đỡ. Đồng chí Nhường giúp

hết sức tận tình, chỉ thị cho bệnh viện làm mọi thủ tục, đóng cho một quan tài trong bằng kẽm, ngoài bằng gỗ, giải phẫu và làm vệ sinh tử thi đồng chí Sinh rất chu đáo. Chúng tôi nghỉ lại một đêm ở thành phố Nha Trang, một đêm biết bao buồn bã, không ai ngủ, chỉ mong sao chóng sáng để đưa đồng chí Sinh về Hải Phòng. Sáng sớm hôm sau, đồng chí Hồ Ngọc Nhường và Văn phòng UBND tỉnh Phú Khánh tiễn chúng tôi với sự cảm thông sâu sắc về chuyến công tác gặp nhiều trắc trở. Đoàn chúng tôi ra về với một xe tang bí mật (xe khách do Khánh Hòa chở giúp) trên chở quan tài đức Sinh và một vài cán bộ ngồi phía trước. Còn xe tôi lúc đi trước, lúc lùi lại sau để bảo đảm thời gian và tốc độ đi vừa phải. Nó là cái xe Volga mầu mận tím trước của Giáo sư Tôn Thất Tùng (Giáo sư mua xe mới, chiếc xe cũ cho Hải Phòng). Đoàn xe đến

Lăng Cô thì xe của tôi bị chết máy, đồng chí Chức lái xe chữa mãi không được. Tôi bàn với anh Hưng gọi điện cho anh Trần Hoàn, Ủy viên Thường vụ Bình Trị Thiên, đề nghị cho xe đến đón, và kéo xe của tôi về Huế. Đồng chí Trần Hoàn lập tức mượn xe của đồng chí Vũ Thắng, Chủ tịch UBND tỉnh đến đón tôi, và cho một xe U-oát kéo chiếc xe hỏng về Huế. Thật là:

Phúc bất trùng lai,

Hoạ vô đơn chí !

Về đến Huế, đồng chí Vũ Thắng đã đón tôi tới khách sạn và mời cơm toàn đoàn. Chúng tôi giữ bí mật về chiếc xe khách chở hàng "đặc biệt" đi theo. Vì cả đêm chiếc xe đó phải đỗ ở sân khách sạn Sông Hương, ngại nói ra anh em khách sạn lại sợ, sinh "rách việc", cứ lặng yên

không ai nói gì cả.

Hôm sau chúng tôi cảm ơn, chào tạm biệt đồng chí Vũ Thắng, đồng chí Trần Hoàn, về Hải Phòng. Nhưng các đồng chí ở Huế cũng biết là chiếc xe khách trong chở quan tài, thấy chúng tôi không nói gì, các đồng chí "tế nhị" cũng không hỏi. (Sau này đồng chí Vũ Thắng và đồng chí Trần Hoàn có nói lại với tôi). Viết đến đây, tôi muốn một lần nữa cảm ơn ba anh: Hồ Ngọc Nhường, Vũ Thắng, Trần Hoàn. Nhưng ba anh đã qua đời! Rất buồn và nhớ các anh, những "chiến hữu" không bao giờ quên nhau. Nhất là anh Trần Hoàn, một con người năng động, sôi nổi, tình cảm... luôn coi Hải Phòng là quê hương thứ hai của mình.

Đến 15 giờ cùng ngày, đoàn xe chúng tôi về đến Hải Phòng. Gia đình đồng chí Sinh và Văn phòng Ủy ban, Văn phòng

Thành Ủy, các cơ quan, bạn bè thân thuộc đã đón đồng chí Sinh ở bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp. Vừa buồn vừa tủi, vừa mừng lẫn lộn. Những ngày qua chị Sinh và các cháu lo lắng không biết bác Thành, bác Hưng... có mang được bố các cháu về không? Hay phải mai táng tại Nha Trang? Hôm sau, đám tang đồng chí Sinh được cử hành long trọng. Thi thể đồng chí do Khánh Hòa làm vệ sinh và ướp lạnh tốt, nên hình dáng vẫn như người nằm ngủ. Cả gia đình đều gặp tôi cảm ơn. Tôi bảo đây là trách nhiệm, là tình cảm của đồng chí với nhau, chỉ khi không còn điều kiện mới phải bó tay.

Một thời gian đi công tác dài ngày ở các tỉnh phía Nam, tôi có thêm những suy nghĩ mới về đất nước. Trước đây so với 3 nước như: Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Xô thì Việt Nam vẫn có ưu thế hơn.

Thế mà sau hơn 5 năm thống nhất đất nước, dân vẫn cứ nghèo, thành phố Hồ Chí Minh mấy năm đầu thấy khá hơn các tỉnh phía Bắc nay xuống cấp quá nhanh, xe máy hết dần, chỉ còn xe cũ với loại Honda 50 là phổ biến, xe đạp xuất hiện nhiều. Từ ăn mặc, đến nhậu nhẹt giảm hẳn. Quần áo nâu sồng, dép lốp xuất hiện.

Các tỉnh miền Trung còn khó khăn hơn. Đến Phan Rang, nóng ơi là nóng! Đồng chí Thư ký thấy tôi mồ hôi nhễ nhại, mệt mỏi, tìm mãi trong cặp ra đưa cho tôi một gói sâm chè cao ly và một cốc nước, nói khẽ: "Anh vào góc kia uống". Đồng chí hướng dẫn tôi xé bao chè sâm, dốc vào miệng, uống cho đỡ mệt. Đúng là lần đầu tiên tôi uống chè sâm, uống xong thấy dễ chịu thật. Tôi suy nghĩ làm sao để dân giàu lên, mình được uống chè

sâm với dân thì sướng biết bao! Phải làm và làm cho được.

Về đến Hà Nội, buổi trưa nắng hè oi ả, lại thấy rặt xe đạp là xe đạp, với dép cao su. Nhiều người còn mặc quần áo vá. Tôi nghĩ bao giờ thì lên đến chủ nghĩa xã hội? "Phải quyết tâm làm cho nó đến..."

Là người Hải Phòng không ai không hiểu Hải Phòng là thành phố Cảng, thành phố công nghiệp, và đường lối chung phải ưu tiên phát triển công nghiệp. Nhưng giữa lúc ngành công nghiệp đang đứng trước những thách thức lớn, công nghệ lạc hậu, vốn không có, nguyên liệu nhập về không đủ, phải chia nhau từng tấn sắt thép, mà Ủy ban kế hoạch Nhà nước cũng quên Hải Phòng là thành phố công nghiệp, nên những năm cuối thập kỷ 70, phân chia nguyên liệu sắt thép chỉ ngang Quảng Ninh và Thái Bình. Vậy Hải Phòng

phải tìm hướng đi nào cho phù hợp và có hiệu quả nhất, không giáo điều, máy móc? Chúng tôi tạm thời vẫn duy trì những ngành công nghiệp khó khăn và phát triển những ngành công nghiệp có điều kiện, chờ thời. Khởi đầu bằng nông nghiệp lúc đó là thuận nhất, vì ngân sách trống rỗng, lương thực Nhà nước cấp có hạn. Đầu tư vào nông nghiệp là nhanh nhất. Sau 1 vụ khoảng 3, 4 tháng là có ăn. Thực tế phương hướng này rất đúng và đã giải quyết được nhiều khó khăn cho thành phố. Ây thế mà lại có người cho Hải Phòng đi chệch hướng. Đến khi Hải Phòng được Trung ương đồng tình, ủng hộ và khuyến khích, thì họ lại tức tối, chống phá. Thế mới biết vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng đã là khó, nhưng vượt qua rào cản của những người thiển cận, bảo thủ còn phức tạp hơn nhiều.

Hiện lương thực cung cấp cho cán bộ công nhân viên thiếu quá, hết 10 ngày đầu tháng đã không có gạo bán. Trong khi tầu gạo đã đến Cảng. May gặp anh Đinh Đức Thiện, Bộ trưởng Giao thông vận tải kiêm Bộ trưởng Dầu khí (lúc đó là Bộ, sau này là Tổng cục Dầu khí), Thành Ủy và UBND đề nghị anh Thiện tạm xuất cho ít gạo để bán cho cán bộ, công nhân. Anh Thiện đồng ý xuất ngay cho Hải Phòng 2.000 tấn. Một tháng sau anh Thiện xuống Văn phòng Ủy ban, vừa bước vào phòng làm việc của tôi, anh vừa nói: "Có thằng Bộ trưởng nào như tao không? Kiêm hai Bộ trưởng mà không cho lấy hai vợ. Có thằng Bộ trưởng nào như tao phải đến Chủ tịch thành phố hàng ngày? Chủ tịch bảo xuất gạo, phải xuất gạo ngay. Lập trường giai cấp ở chỗ đó đấy! Thế mà họp Chính phủ họ bảo tao xuất vô nguyên tắc, chưa nhập

kho lương thực chưa có phiếu xuất kho đã xuất cứ xồn xồn như các bà hàng cá. Phê bình tao, tao bảo nếu để công nhân đói, họ lên kéo sụp "cổng nhà đỏ" này thì các anh không yên đâu. Để tôi làm Thủ tướng 15 phút, tôi sẽ giải quyết xong các vấn đề rắc rối, trì trệ của các anh. Tao nói xong, không họp nữa ra về, xuống thẳng Hải Phòng vào nói cho cậu biết..." Tôi chỉ còn biết cảm ơn anh đã gánh chịu những lời phê bình cho nhân dân Hải Phòng, chứ không dám bình luận gì thêm...

Anh Đinh Đức Thiện, con người thông minh, tính tình thẳng thắn, bộc trực. Khi làm Bộ trưởng Giao thông vận tải, môi khi xuống Hải Phòng, anh đến thăm tôi, kể rất nhiều chuyện trong nhà tù, trong kháng chiến chống Pháp, nhất là trong chiến tranh chống Mỹ. Khi anh phụ trách hậu cần, chuẩn bị chiến dịch

Hồ Chí Minh, những sáng kiến táo bạo của anh trong việc tích trữ đạn pháo các loại, nhất là đạn pháo 130 ly. Anh nói: "Mình chuẩn bị đánh chúng sao cho ba đời chúng còn khiếp pháo của tao. Anh hay đọc thơ cho tôi nghe. Thơ anh viết hay, có nhiều góc cạnh châm biếm rất vui, kể cả thơ châm biếm ông anh Lê Đức Thọ làm tổ chức...

Tôi rất quí anh và anh cũng mến tôi. Khi sinh thời, đã nghỉ hưu, anh cũng hay đến tôi chơi và bảo tôi lại nhà chơi. Nay thi thỏang tôi cũng đến thắp hương cho anh, tưởng nhớ một con người hết lòng cho đất nước.

Tôi bàn tiếp với anh Tạo để ra nghị quyết về "khoán sản" trong nông nghiệp. Anh Tạo đưa ra Thành Ủy bàn nhiều kỳ họp. Vẫn còn 4 Thành Ủy viên không đồng ý. Anh Tạo trao đổi với tôi tiếp tục

tranh thủ sự đồng tình của anh Trường Chinh. Tôi đã hỏi ý kiến anh Lê Duẩn, Tổng Bí thư, sau 3 giờ báo cáo. Anh Ba nghe rất kỹ và đồng tình ngay (tôi sẽ nói kỹ trong chương anh Ba với Hải Phòng). Anh Phạm Văn Đồng coi như đã đồng ý rồi. Anh rất vui, chỉ hỏi anh Ba, anh Trường Chinh ý kiến thế nào? (Tôi sẽ nói kỹ trong chương các đồng chí Bộ Chính trị lúc đó với Hải Phòng).

Để từng bước xoay chuyển tình hình, tôi bàn với anh Tạo cho chia huyện An Thuỵ ra, huyện Kiến Thuỵ nhập với thị xã Đồ Sơn vừa có thị xã vừa có huyện, gọi là huyện Đồ Sơn. Huyện An Lão cũ nhập với thị xã Kiến An, gọi là huyện Kiến An. Trước mắt giải quyết mâu thuẫn triền miên của huyện An Thuỵ. Bước sau sẽ tách hai thị xã Kiến An và Đồ Sơn đưa lên thành Quận. Còn hai

huyện Kiến Thuỵ, An Lão trở lại huyện cũ theo truyền thống. Thành Ủy và Ủy ban thành phố mời đồng chí Vũ Trọng Kiên, Trưởng ban Tổ chức Chính phủ xuống Hải Phòng làm việc một ngày, đồng chí Vũ Trọng Kiên đồng ý trình Chính phủ phê duyệt.

Tháng 3-1980 hai huyện mới được thành lập. Đồng chí Vũ Ngọc Làn, Bí thư Huyện Ủy Kiến An, sẽ nhận chỉ đạo điểm nghị quyết khoán. Đồng chí Nguyễn Đình Nhiên, Bí thư Thị xã Đồ Sơn về làm Bí thư Huyện Ủy Đồ Sơn.

Tôi đã báo cáo anh Trường Chinh 2, 3 lần, anh tỏ vẻ không phản đối. Một lần anh Trường Chinh đi xem bắn tập tên lửa thật ở Hải Phòng, tôi đưa anh đi xem tại Đồ Sơn. Trưa ăn cơm chỉ có hai người, tôi lại đem vấn đề khoán ra xin ý kiến anh. Tôi cảm giác anh không vui,

nhưng anh không nói vào khoán. Anh kể chuyện huyện Xuân Trường, quê anh với thái độ gay gắt, phê bình huyện này buông lỏng quản lý, để hợp tác xã khoán lung tung, không có kỷ cương gì... Tôi biết là anh phê bình tôi. Tôi chuyển sang báo cáo công việc khác, về làm kinh tế, về Cảng...

Anh Tạo kể lại hôm họp Quốc hội, (anh Tạo và tôi đều là đại biểu Quốc hội khóa VII) giờ nghỉ giải lao, anh Trường Chinh gọi anh Tạo ra ngoài phê phán rất gay gắt: "Anh định phá hết hợp tác xã nông nghiệp ở Hải Phòng và cả nước à?.". Anh Tạo bảo tôi gay lắm! Nhưng tôi một mặt mời anh Trường Chinh về thăm Hải Phòng, lấy thực tế thuyết phục, mặt khác bảo đồng chí Nguyễn Đình Nhiên ra nghị quyết của Huyện Ủy về khoán,

dựa vào nghị quyết dự thảo của Thành Ủy mà viết.

Anh Nhiên do dự, nhưng sau hai, ba ngày anh lên Hải Phòng gặp tôi, mời tôi về Huyện bàn việc ra nghị quyết. Tôi báo cáo anh Tạo việc này, anh Tạo tỏ ý không đồng tình và bảo: "Cậu Nhiên không ổn đâu. Hồi tôi làm Tổ chức Trung ương, tôi biết cậu này". Tôi trình bày lại với anh Tạo. Việc khoán đã chín muồi lắm rồi, cứ cho một huyện ra nghị quyết trước, để lấy ý kiến từ cơ sở, thêm áp lực với trên. Anh Tạo nể tôi, bảo "Thôi tùy anh". Tôi nói với anh Tạo nếu trên có hỏi, anh cứ bảo chủ tịch thành phố cho làm. Anh tỏ vẻ không vui, nói "Nếu có trách nhiệm là trách nhiệm chung". Hôm sau anh Nhiên lên thành phố hỏi tôi: "Anh Tạo có đồng ý không?". Tôi nói anh Tạo đồng ý rồi, nhưng có vấn đề đấy, cần làm

thận trọng, đừng để xảy ra phức tạp.

Huyện Đồ sơn ra nghị quyết được 32 ngày thì Ban Thường vụ ra nghị quyết 24 nổi tiếng về "khoán" trong nông nghiệp, làm cơ sở cho chỉ thị 100 của ban Bí thư tháng 1-1981 về khoán sản phẩm trong nông nghiệp cho nhóm lao động và lao động xã viên và làm cơ sở cho nghị quyết khoán 10 tháng 4- 1988 của Bộ Chính trị khóa VI về "khoán 10".

Cuộc đấu tranh cho một cái mới ra đời thật quá vất vả, khó khăn. Trong thời kỳ chuẩn bị ra nghị quyết, các huyện ngoại thành, nhất là huyện Tiên lãng, xã Đoàn Xá Đồ sơn, xã Hưng Đạo, huyện An Lão nghe thành phố bàn khoán, tình hình sản xuất bức xúc, hợp tác xã cứ tạm cho khoán từng phần, mỗi xã để dành một số ruộng khoán để rút kinh nghiệm.

Các đoàn kiểm tra của Trung ương về Hải Phòng ngày càng đông, đoàn đồng tình, đoàn lưỡng lự, đoàn phản đối, đủ các loại. Quần chúng thì phán khởi. Tỉnh Hải Hưng, một tỉnh nông nghiệp lớn bên cạnh Hải Phòng. Đồng chí Bí thư Tỉnh Ủy tuyên bố "Nếu có dây thép gai tôi sẽ rào luồng gió độc của Hải Phòng thổi sang". Nhưng các huyện của Hải hưng. các đồng chí Bí thư, chủ tịch lén lút xuống Hải Phòng học kinh nghiệm khoán.

Các anh trong Bộ Chính trị như Đại tướng Võ Nguyên Giáp, anh Nguyễn Duy Trinh, anh Trần Quốc Hoàn... đều xuống nghiên cứu khoán. Anh Giáp, anh Trinh tỏ ý đồng tình ngay. Anh Trần Quốc Hoàn hỏi rất sâu và tỏ vẻ lưỡng lự, nói: "Thiếu lương thực thì phải làm thôi". Các anh Ủy viên Ban Bí thư và Ủy viên

Trung ương như anh Hoàng Tùng. anh Vũ Oanh, anh Trương Kiện thì ủng hộ rất nhiệt tình. Anh Vũ Oanh còn tuyên bố: "Đây là chìa khóa vàng" làm một số người chống khoán phản đối quyết liệt. Đến mức đồng chí Vũ Duy Hiệu, đảng viên năm 1930, nguyên chủ tịch Ủy ban cách mạng lâm thời tỉnh Hải dương 1945, nguyên phó tổng giám đốc ngân hàng Việt Nam, anh ruột anh Vũ Oanh phải đến hỏi tôi "Khoán ra sao, mà chú Vũ Oanh lại mạnh mồm nói như vậy?". Tôi báo cáo với anh Vũ Duy Hiệu "Anh Oanh nói đúng đấy! Anh yên tâm". Sau này ta đã xuất được trên 3 triệu tấn gạo, tôi lại chơi, nói vui với anh Vũ Duy Hiệu: "Nay đã là kho vàng rồi, không chỉ có chìa khóa vàng..." Anh Hiệu rất vui. nay anh đã 95 tuổi.

Ba mươi tết năm 1980, anh Đỗ Mười

xuống thăm và chúc tết nhân dân Hải Phòng. Tôi mời anh đi xem sản xuất nông nghiệp. Ngồi trên chiếc xe Com-măngca anh thấy ngày 30 tết, nông dân cấy rợp đồng, anh cười vui vẻ nói: "Chỉ có khoán mới có chuyện làm ăn chăm chỉ của nông dân như thế này..."

Trở lại khoảng tháng 9-1980, nghị quyết 24 về khoán trong nông nghiệp đã được hơn 3 tháng. Thành Ủy tổ chức sơ kết. Một số tỉnh và ngành Trung ương cùng đến dự. Một số tỉnh không được mời cũng đến. Các báo càng đến đông. Những nhà báo như Lê Điền, Thái Duy, Hữu Thọ ủng hộ khoán ngay từ đầu, rất sốt sắng viết bài, tuyên truyền cho khoán. Những nhà báo còn do dự hoặc chưa đồng tình cũng đến đông để nghe ngóng tình hình.

Lúc đó anh Trường Chinh đã đồng

ý cho khoán trong lần thứ năm tôi xin ý kiến anh. Ý kiến anh góp tôi đã ghi kỹ và đọc lại cho anh nghe (tôi sẽ nói trong chương anh Trường Chinh với Hải Phòng). Khi họp hội nghị, tôi hỏi ý kiến anh Tạo, đề nghị cho tôi phổ biến ý kiến anh Trường Chinh, anh Tạo tỏ ra ngại ngần, nói: "ấy chê - ết! ấy chê - ết! Để xem đã". Mặc dù tôi đã đọc ý kiến anh Trường Chinh đồng ý cho khoán để anh Tạo nghe, nhưng có lẽ anh chưa tin, và sợ không đúng ý anh Trường Chinh. Tôi đành không phổ biến, nhưng cũng tiếc!

Đến khoảng tháng 11-1980. Ban nông nghiệp Trung ương họp các trưởng ban nông nghiệp toàn quốc, có mời anh Tạo và tôi lên dự. Anh Tạo bảo tôi đại diện, anh không đi. Tôi cùng đồng chí Trưởng ban Nông nghiệp đi họp. Đồng chí trưởng ban nông nghiệp Hải Phòng

lúc đó chưa đồng ý khoán. Khi đến cuộc họp, đồng chí Võ Thúc Đồng là trưởng ban bảo tôi: "Hôm nay Hải Phòng cử "gà nòi" đi họp đây". Mấy đồng chí phó ban chống khoán, cũng đùa vài câu và cười hơi "mỉa mai". Tôi vui vẻ bắt tay các anh và các đồng chí trong hội nghị.

Vào cuộc họp, sau lời tuyên bố lý do cuộc họp, là nghe việc khoán nông nghiệp của Hải Phòng, anh Võ Thúc Đồng mời tôi phát biểu trước. Tôi lên phân tích lý do làm khoán, cơ sở lý luận, kết quả và tồn tại, khoảng 45 phút. Sau đó các tỉnh phát biểu. Tất cả đều phản đối khoán, phê phán các mặt tiêu cực của nó, lên án gay gắt. Có những lời nói thiếu văn hóa nữa. Duy chỉ có đồng chí Huy, Viện phó Viện nông nghiệp thì ủng hộ một vài ý nhưng rụt rè. Hôm đó tôi thấy cần phải đem ý kiến anh Trường

Chinh ra phổ biến, tôi đọc nguyên văn lời anh Trường Chinh mà tôi đã ghi vào sổ... Tôi vừa đọc thong thả, vừa theo dõi thái độ hội nghị. Thấy nhiều bộ mặt ngơ ngác, có bộ mặt nghi ngờ, có người thì thầm với nhau, nhằm nói to cho tôi nghe thấy, như: "Kỳ này tay Thành sẽ chết với ông Trường Chinh... dám bịa, ghê thật!". Tôi vẫn tỏ ra như không nghe thấy, và cứ nói một cách phấn khởi về ý anh Trường chinh...

Khi kết thúc hội nghị, anh Võ Thúc Đông tiễn tôi, vỗ vai tôi nói: "Tôi ủng hộ ý kiến anh, nhưng trong lúc này điều kiện tôi không nói công khai được...". Còn các đồng chí Vụ trưởng ủng hộ khoán như: Lê Công Thiện, đồng chí Phước thì tỏ ra phấn khởi và bảo tôi: "Cứ yên tâm, chúng tôi sẽ ủng hộ triệt để Bài phát biểu của anh hôm nay thuyết phục lắm!".

Đến nay, đồng chí Võ Thúc Đồng đã 90 tuổi với 75 tuổi Đảng, thỉnh thoảng gặp đồng chí, tôi nói vui: "Chiến sĩ Côn Đảo mà nhát, không dám công khai ủng hộ khoán ngay từ đầu". Anh cười và đấm tôi: "Cậu hay nhớ dai...".

Làm thế nào để xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội và dần dần nâng cao đời sống nhân dân?

Đây là câu hỏi cực khó trong đầu thập kỷ 80 đối với toàn quốc. Đặc biệt là Hải Phòng, nơi còn khó hơn nhiều vì thành phố vừa công nghiệp vừa có Cảng. Nông nghiệp tuy đã bước đầu làm khoán, nhưng vẫn rất nghèo, do đồng ruộng chua mặn!

Bài toán trong đầu tôi tuy một phần đã có phác thảo, nhưng bước đi cụ thể ra sao? Cái nào làm trước, cái nào làm

sau? Biết bao con toán. Trong lúc ngân sách thành phố không còn gì, gạo chạy từng ngày, nguyên liệu dùng trong công nghiệp Trung ương cho rất ít, thất nghiệp, ăn mày ăn xin các nơi kéo về, lũ lượt đi ngoài phố. Giờ trưa ăn cơm, người ăn xin gõ cửa vào cả nhà ông Chủ tịch!

Tôi đề nghị anh Tạo, Thường vụ Thành Ủy và Thường trực Ủy ban chọn lựa một số công trình thủy lợi loại vừa, hỗ trợ cho nông dân làm khoán, vừa giải quyết việc làm, vừa tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, cung cấp nước cho nông nghiệp, tổ chức lấn biển với qui mô lớn để tăng diện tích cho nông nghiệp và lấy đất xây dựng công nghiệp. Tôi luôn quan niệm rằng: xây dựng CNXH tất nhiên phải có những công trình lớn như nhà máy Thủy điện Hòa Bình, cầu Thăng Long., nhưng đối với người dân

không phải ai cũng biết. Cái mà họ cần là nơi đang sống phải ngày một tốt hơn. Từ cái ngõ vào nhà sao cho không lầy lội mỗi khi trời mưa, cái nhà đang ở không dột nát, cái hố xí mỗi khi đi vệ sinh không phải một nón che đầu, một nón che phía trước... Vì vậy, phải xây dựng, chỉnh trang và làm sạch đẹp thành phố, phá bỏ những hố xí không có mái che ở các khu lao động như Thượng Hạ Lý, An Dương, Máy Chai, Trại Chuối... Tôi cũng cho phá dỡ những tàn tích chiến tranh còn lại như bộ khung nhà máy lọc nước của xí nghiệp xi măng, bên cầu Thượng Lý, trông rất khó coi, các lô cốt thời Pháp còn ngăn cản đường giao thông ở đường số 5 như tháp canh Dụ Nghĩa lấn 1/4 lòng đường; tháp canh Đồn Riêng, đường 14 ra Đồ Sơn v.v... Những khu nhà tranh tre nứa lá, lợp tôn lụp xụp ở các phố lao động, tôi bảo cán bộ vận động

nhân dân sửa chữa cho ngăn nắp, từng bước bỏ hố xí thùng, xây hố xí tự hoại, nhà nước cấp kinh phí một nửa. Ngoài ra, những công trình văn hóa sẽ cùng lúc được khởi công như xây dựng nhà văn hóa Việt Tiệp, cung văn hóa thiếu nhi, sửa chữa phục chế Nhà hát lớn thành phố, trang bị nhạc cụ và dàn âm thanh hiện đại cho Đoàn ca múa, tạo mọi điều kiện cho Đoàn kịch nói dựng vở "Nhân chứng và lịch sử" nói về Bác Hồ, tổ chức hội thảo về danh nhân văn hóa Nguyễn Bỉnh Khiêm, thay nhạc hiệu của Đài phát thanh và truyền hình Hải Phòng bằng bài "Thành phố Hoa Phượng đỏ" thơ của Hải Như, nhạc của Lương Vĩnh... Ở ngoại thành phát động phong trào "ngói hóa" nông thôn, xây dựng cụm văn hóa xã, thị trấn huyện khang trang, phấn đấu xây dựng Hải Phòng từ các công trình ở xã lên đến huyện và nối vào thành phố.

Tất cả những dự định trên, tôi đều viết thành đề án đưa ra thành Ủy và Hội đồng nhân dân bàn, ra nghị quyết. Triển khai ý tưởng đó, cùng với việc luôn luôn báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Trung ương tôi đã tham khảo các đồng chí lãnh đạo ở một số tỉnh, thành phố, như các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Phan Văn Khải, thành phố Hồ Chí Minh; mời các học giả, nhân sĩ trí thức, các văn nghệ sĩ đóng góp ý kiến như: học giả Nguyễn Khắc Viện, Vũ Khiêu, Trần Bạch Đằng, kiến trúc sự Khôi Nguyên La Mã, Ngô Viết Thụ, người thiết kế dinh Thống Nhất Sài Gòn, các giáo sư Vũ Tuyên Hoàng, Võ Tòng Xuân, các văn nghệ sĩ như nhà văn Nguyên Hồng, Học Phi, nhạc sĩ Văn Cao...

Để thử nghiệm khả năng chỉ đạo của mình, tôi cho làm một công trình

nhỏ đầu tiên, đó là con đường phường Vạn Mỹ, đoạn từ cầu Tre đến Đoạn xá. Đường cũ rải nhựa mỏng đã bong hết, chỉ còn cát đá, sỏi, đất lại là lối xuống cảng, xe cộ đi lại nhiều, dân cư đông đúc, rất bụi. Quần chúng kêu ca, oán trách chính quyền thành phố đã lâu, không ai giải quyết đoạn đường dài 800m này. Tôi hỏi sở nhà đất và đô thị, sở giao thông và sở tài chính họ đều nói không có tiền. Trong khi đó công nhân làm đường thất nghiệp, máy móc bỏ không. Tôi nghĩ chỉ còn cách đi vay. Tôi biết xí nghiệp vận tải đường sông III trực thuộc bộ Giao thông vận tải, đơn vị làm ăn khá, đồng chí Nghiệp giám đốc xí nghiệp có quan hệ tốt với thành phố. Tôi đến gặp đồng chí Nghiệp xin vay một triệu đồng, 6 tháng sẽ trả. Đồng chí Nghiệp đồng ý ngay và nói: "Nếu chậm một năm Chủ tịch trả cũng được". Tôi cảm ơn. Hôm sau, tôi

cho triển khai ngay, với nguyên tắc phải làm tốt, rải nhựa bảo đảm đường thành phố cấp cao, khẩn trương thi công trong 40 ngày, kết thúc con đường đầy bụi bặm cho nhân dân. Báo chí, đài, không cần nói, chỉ khi hoàn thành xong đúng kỳ sẽ nói. Các đơn vị ra quân phối hợp làm chặt chẽ. Thiết kế, sơ đồ tiến độ thi công làm rành mạch rõ ràng. Hàng ngày hết giờ làm việc tôi đến kiểm tra xem anh em làm có đúng như lời nói không? Và mệnh lệnh của chủ tịch, anh em có chấp hành nghiêm chỉnh chỉnh không?

Không kể những ngày chuẩn bị, tính từ ngày thi công, đúng 39,5 ngày con đường nhựa phẳng lì, đen bóng hoàn thành. Tôi cũng thấy phấn khởi. Anh em đề nghị tổ chức khánh thành, tôi bảo thôi vì chỉ có khúc đường ngắn, làm rút kinh nghiệm. Nếu cần thì cho đài, báo thô-

ng tin cho nhân dân biết. Đợi khi nào có công trình lớn sẽ tổ chức khánh thành. Mọi người vui vẻ đồng tình. Tôi lại nghĩ: "Tiền đâu? Ở đầu mà ra cả". Từ đó ai hỏi tôi xin vốn, xin tiền, tôi bảo các đồng chí hỏi cái đầu của các đồng chí. Đến nay trở thành thành ngữ: "Tiền đâu? Ở đầu mà ra". Hải Phòng có cảng là thế mạnh, Hải Phòng phải tận dụng thế mạnh này chứ.

Nhân dịp Tổng Bí thư Lê Duẩn về thăm Hải Phòng, tôi dựa vào ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư thường nói: "Mỗi tỉnh thành phải tự lo, phải coi mình như một nước nhỏ, phải tìm cách làm sáng tạo..." Tôi đề nghị anh Lê Duẩn cho Hải Phòng mua một con tàu biển, chở hàng đi bán ở những thị trường gần. Anh Lê Duẩn đồng ý ngay và còn khuyến khích nữa. Tôi lại đề nghị anh nói với anh Lê Khắc, Bộ trưởng Ngoại thương giúp.

Sau một tuần được ý kiến của anh Ba (tên gọi thân mật của Tổng Bí thư Lê Duẩn), chúng tôi mời anh Lê Khắc xuống làm việc ở Hải Phòng. Anh Khắc đồng ý cho Hải Phòng mua tàu theo ý anh Ba. Thế là ngành vận tải biển do Trung ương độc quyền, nay Hải Phòng, đơn vị đầu tiên có tàu biển xuất dương.

Ngay sau đó, tôi nhờ chị Trương Thị Nhân - giám đốc Công ty Vận tải và thuê tàu (Vietfract) của Bộ Ngoại thương mua giúp một tàu biển cũ của Nhật Bản. Đồng thời tôi khẩn trương xây dựng cảng Cửa Cấm, Cảng riêng của Hải Phòng, để khi mua được tàu về là có Cảng đậu ngay, không phải thuê cầu Cảng của Trung ương, khỏi bị động và tránh cước phí rất đắt. Không những thế khi đã có Cảng, nếu tàu nhà không đậu hết, cho thuê cũng tăng được ít nhiều ngân sách địa

phương. Vì Cảng Trung ương lúc nào cũng chật ních tàu, tàu phải chờ đợi lần lượt vào Cảng rất nhiều. Khi mua được tàu về, chị Nhân bảo tôi: "Anh nghĩ xa thật. Có cảng cho tàu đậu ngay, còn có cảng để kinh doanh nữa". Tuy cầu cảng Cửa Cấm mới có một cầu tàu dài 105m, nhưng tàu mới, đỗ cảng mới cũng thấy vui! Tàu cũ mua về cho sơn lại, với cái tên "Sông Cấm", ngành Hàng hải Việt Nam có thêm một "bạn mới", "người địa phương Hải Phòng".

Chúng tôi chuẩn bị chuyến hàng đem bán cho Hồng kông. Hàng hóa đủ loại: tương, cà, mắm, muối... Vì là lính mới, dân "local", bỡ ngỡ mọi thứ. Từ thuyền trưởng đến thủy thủ đều nhờ Công ty Vietfracht giúp đỡ. Chuyến hàng đầu tiên chạy từ Hải Phòng đến Hồng kông, mua bán xong, trở về hết một tuần. Cả

một tuần không đêm nào tôi ngủ được. Tôi lo đủ mọi thứ. Hồng kông lúc đó là thị trường tư bản duy nhất ta có đại diện thương mại. Tôi rất sợ bị sự cố xảy ra: sợ đắm tàu, sợ bị bắt, bị lừa. Vì toàn cán bộ mới ra buôn bán với nước tư bản, hàng ngày các đồng chí trên tàu "Sông Cấm" đều báo cáo công việc của mình cho Chủ tịch. Chủ tịch Ủy ban thành phố như một anh Giám đốc công ty, lo từng ly từng tý. Từ giấy thông hành (Passport), đến cuộc sống thủy thủ, đến hàng hóa đem bán v.v... Tôi nhớ không kỹ lắm, tổng số hàng bán giá khoảng trên một triệu US đô la, do công ty dịch vụ du lịch là đồng chí Vân Nam chuẩn bị. Hàng mua về, bán lãi được gấp đôi. Thật là thành công rất đáng phấn khởi.

Tôi chỉ đạo anh em rất chặt chẽ. Ai buôn lậu, lợi dụng tham nhũng, kỷ luật

nghiêm minh. Việc kinh doanh rất có hiệu quả, nhất là những chuyến đi Nhật sau này, chở hàng của ta đi bán, mua hàng cũ về bán lại cho dân, thành ra xe máy rất rẻ (lúc đó chỉ việc ra bãi rác chọn, trả cho công an Nhật mỗi chiếc 5 -10 $US là được giấy phép xuất). Xe máy của Nhật đem về định giá phải chăng ở thị trường Việt Nam đắt như "tôm tươi". Đi vài chuyến đã có tiền thực hiện chương trình lấn biển, làm thủy lợi, mua hàng hóa cung cấp cho cán bộ công nhân viên, nhất là mặt hàng vải vóc. Nhà nước phát phiếu nhưng không có vải bán, thành phố có vải nhập về bán thu tem phiếu, bị lỗ một ít, nhưng nhân dân phấn khởi. Năm 1981-1982 làm ăn khá lên, nhân dịp 2-9 và Tết âm lịch, thành phố biếu cán bộ công nhân viên, các lực lượng võ trang, học sinh trung học, đại học mỗi người 5m. Vì lúc này Nhà nước không

còn vải để bán theo tem phiếu nữa, coi như xóa bỏ tem phiếu.

Năm 1981 tôi cho mua thêm con tàu thứ 2 mang tên "Hoa Phượng", trọng tải 2.900 tấn, có một khoang chở hàng đông lạnh, với giá gần 200.000 đô la. Khi đoàn đi mua tàu ở Nhật Bản điện về xin ý kiến quyết định, tôi phải điện đi, điện lại và gọi điện trực tiếp. Vì giá một con tàu có một khoang chở hàng đông lạnh 1.000 m3, mới có 6 tuổi giá chỉ như vậy là quá rẻ. Tôi sợ bị lừa, bảo các đồng chí fax cả lý lịch tàu về xem. Tôi vẫn lo bị lừa, nhờ các đồng chí Tổng cục Hàng hải xác minh giá cả và kỹ thuật giúp. Các đồng chí đều nói đúng, tôi mới đồng ý mua. Đúng là rẻ thật. Giá cước 1 m3 hàng lạnh là 600 $US, ta đang thiếu loại tàu này. Khi tàu về có hàng chở từ Nhật, nên chỉ sau chưa đầy một năm đã thu xong vốn.

Xem ra ngành hàng hải địa phương có vẻ làm ăn tốt. Từ đó Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng cũng mua tàu kinh doanh. Còn Bình Trị Thiên thì liên doanh với Hải Phòng mua con tàu thứ 3, tên là tàu "Huế - Hải Phòng", 2.600 tấn còn rất mới và đẹp. Hôm tàu về cảng Cửa Cấm, anh Vũ Thăng Bí thư Tỉnh Ủy từ Huế ra đón tàu. Chúng tôi rất hài lòng về con tàu đẹp, giá cả phải chăng.

Đến lúc này, bộ máy của công ty vận tải biển Hải Phòng nhỏ bé (Haiphong ship), đã đi vào nề nếp với 3 con tàu kinh doanh có hiệu quả. Tôi cho là bước dầu đạt được yêu cầu.

Tôi chuyển sang khôi phục sản xuất công nghiệp địa phương, từ lâu do thiếu nguyên liệu bị trì trệ. Trước hết là hợp tác với nhà máy xi măng, mua than cốc cho nhà máy, chỉ yêu cầu trả lại thành phố xi

măng bao, để thành phố xây dựng công trình. Sau nữa tôi tìm cách thúc đẩy cho phát triển mạnh nghề giày dép xuất khẩu, ngành may mặc, ngành giấy, hóa chất Sông Cấm, nhập thiết bị xây dựng nhà máy chế biến ô xy, phát triển ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp truyền thống, tạo công việc làm cho nhân dân.

Tiếp theo tôi mở công trình lấn biển lớn, kết hợp với xây dựng đường xuyên đảo đi trên đất Hải Phòng, không phải qua đất tỉnh Quảng Ninh, một công trình mà tôi ấp ủ từ lâu. Theo dự kiến, tuyến đường đi thẳng từ ngã 5 qua đường Đà Nẵng, xuyên qua doanh trại quân đội (nhà tù Đoạn Xá) qua Hạ Đoạn, Sâm Bồ, đắp đập ngăn sông Cấm, nối với đảo Đình Vũ, qua phà Đình Vũ, sang xã Hoàng Châu huyện Cát Hải cũ để xuyên qua huyện này ra bến phà Gót sang Cát

Bà, ra đến Bến Bèo thị trấn Cát bà, tất cả dài 53 km.

Đoạn đường từ cảng Đoạn Xá ra Đình Vũ được thi công trước, với hai lực lượng: lực lượng hàng vạn lao động làm đường đất và lực lượng các loại tàu thuyền chở 25 vạn khối đá từ Thủy Nguyên, Cát Bà về làm đập Đình Vũ.

Công trường mở ra thu hút được rất nhiều lao động nông thôn, kể cả nông dân Thái Bình, Hà Nam Ninh cũng ra làm với công mỗi ngày là 1 đồng và 1 kg gạo. Lao động các nơi xếp hàng xin việc, làm cho thành phố sôi động hẳn lên.

Trong dịp đi kiểm tra cắm tuyến con đường "xuyên đảo", tôi ghé thăm xí nghiệp muối Phù Long. Các anh chị em cán bộ công nhân viên kể lại bao nhiêu chuyện về cuộc sống trên hòn đảo xa đất

liền, chuyện đồng chí Kích giám đốc xí nghiệp bị sét đánh, anh chị em vô cùng thương tiếc. Trước khi ra về, tôi hỏi anh chị em có đề xuất gì với thành phố không. Các chị em nữ nhao nhao đề nghị: "Cho chúng cháu về công tác ở thành phố để lấy chồng. Chúng cháu ở đây ế chồng hết". Tôi trả lời chị em: "Cứ yên tâm. Hôm nay có một mình tôi không thể giải quyết được". Chị em cười ồ lên! Tôi cũng hơi ngượng, vì câu nói sơ hở! Tôi vội nói tiếp: "Tôi sẽ tìm mọi cách để giải quyết nguyện vọng chính đáng của chị em...".

Trên đường về, tôi ghé vào trung đoàn 174 bàn với đồng chí Thông trung đoàn trưởng, đồng chí Khoát chính Ủy, đưa trung đoàn đóng từ Mốc trắng Hiền Hào, chuyển dần về đóng gần xí nghiệp muối Phù Long để tạo điều kiện cho

chiến sĩ làm quen với tự vệ nữ xí nghiệp.

Năm 2003 nhân dịp ra kỷ niệm ngày thành lập trung đoàn 174 ở thị trấn Cát Bà, tôi gặp lại đồng chí Thông, đồng chí Khoát và hàng trăm chiến sĩ của trung đoàn đã lập gia đình với nữ công nhân muối xí nghiệp Phù Long. Khi nói chuyện với hội nghị, tôi nhắc lại chuyện này, mọi người đều vui lắm. Nay xí nghiệp muối Phù Long đã giải tán, nhưng công nhân xí nghiệp ở lại Cát Bà làm ăn rất đông, góp phần tăng lao động cho Cát Bà để xây dựng khu trung tâm du lịch của thành phố và quốc gia.

Đối với nông nghiệp, sau khi cải tiến một bước quản lý "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và lao động xã viên" (cách nói và viết lúc đó phải như vậy. Cấm không được dùng cụm từ "khoán

hộ", nhưng thực chất là khoán cho gia đình), việc đầu tiên về kỹ thuật là phải giải quyết nước ngọt, vì các huyện nông nghiệp Hải Phòng, đất đều bị nhiễm mặn. Để ngọt hóa đất canh tác, tôi quyết định cho xây các cụm thủy nông, bơm nước ngọt từ các sông đầu nguồn, như trạm bơm Trung Trang (có 24 máy bơm, mỗi máy 4.000 m3/giờ. Thường gọi là "Cống Trung Lương"). Cống Thượng đồng, cống Rỗ, cống Dương Áo, cống An Sơn đều có trạm bơm. Một số cống lớn có từ 4 đến 12 cửa như: cống Cổ Tiểu 2, cống Cái Tắt. Ba cống ở đê lấn biển trên đường 14 là những cống chuyên dùng tiêu mặn và ngăn nước mặn. không có Trạm bơm.

Các cống từng bước xây dựng, đã thực sự "ngọt hóa" đồng ruộng Hải Phòng. Sau này cụm từ "ngọt hóa đồng

ruộng" đã được nhiều người dùng, thành quen thuộc.

Sau khi cơ bản hoàn thành con đường xuyên đảo đi từ ngã 5 ra đến Đình Vũ, và quai đê lấn biển khu Tràng Cát, đắp chặn cửa sông Cấm nối sang sông Lạch Trạy, giáp với Thủy Giang, diện tích đất được mở rộng là 2800 ha.

Để tiếp tục công cuộc lấn biển, tôi đề nghị Thành Ủy và UBND thành phố quyết định lấn biến nữa. Đồ Sơn, từ Cầu Rào đến xí nghiệp muối Đồ Sơn, nối với đê "Cầm Cập" mở rộng thêm 2050 ha.

Tuyến đê này rất quan trọng, vì nó mở cho khu du lịch Đồ sơn một diện tích rộng lớn, nối liền với nội thành, tạo ra khu kinh tế tổng hợp: du lịch, chăn nuôi, trồng trọt,... phục vụ cho nội thành và xuất khẩu.

Nhưng trên thực tế về mặt địa lý, việc này rất khó khăn. Kinh nghiệm lấn biển qua các năm, tháng khi đất bồi lên độ +2 trở lên so với "cost 0" Hòn Dấu là an toàn. Nhưng dự án lấn biển lần này phải đắp một con đê mới dài 15 km, có đoạn sâu 0,8 vào quãng giữa đê, đúng gió hướng Đông.

Tuy được thông qua, nhưng nhiều đồng chí còn lo lắng và do dự. Đến ngày khởi công, có những đồng chí lãnh đạo vắng mặt, vì sợ vỡ đê, không thành công sẽ liên đới chịu trách nhiệm! Quả nhiên, gặp rất nhiều khó khăn, phải thay 3 lần chỉ huy công trường. Đầu tiên là đồng chí Công Đông, Phó giám đốc Sở Nông nghiệp, sau đến đồng chí Trần Đảm, Giám đốc Sở Thủy lợi, một đồng chí xông xáo, nhiệt tình, lăn lộn với công trường, biết kỹ thuật, nhưng sau trận bão năm 1981,

đê đã hàn khẩu xong bị vỡ 14 chỗ. Có chỗ vỡ rộng hàng trăm mét, sâu 14-15m. Đồng chí Trần Đảm đến gặp tôi, xin rút lui Trưởng ban chỉ đạo công trình. Tôi hỏi han rất kỹ, thì đồng chí Trần Đảm nói vẫn quyết tâm làm tiếp, nhưng phải tìm đơn vị khác thi công.

Tôi tiếp tục cùng các đồng chí Phó Chủ tịch Nguyễn Dần, Cao văn, Trịnh Thái Hưng, Nguyên Mạnh, Trần Hạnh v.v... đi khảo sát thực địa mấy ngày liền. Từ khi khởi công tôi thường xuyên có mặt tại hiện trường. Cứ sau giờ làm việc buổi chiều tôi đến ngay công trình, trừ những ngày đi họp ở Hà Nội.

Tôi mời các đồng chí chỉ huy quân sự gồm đồng chí Võ An Đông, Tư lệnh trưởng F350, đồng chí Nguyễn Chất, Phó Tư lệnh, đồng chí Trường Xuân, Chính Ủy... đi khảo sát tiếp. Tôi quyết định

giao cho đồng chí Võ An Đông làm chỉ huy trưởng công trường. Những kinh nghiệm trong quá trình đắp con đê dài 15km và những khuyết điểm tồn tại cũng được tổng kết. Địa hình, thủy triều, cũng được xác định cho rõ. Tất cả phương án kỹ thuật chi tiết được thông qua, lịch thi công từng tuần, từng tháng cũng được thông qua. Đặc biệt tháng "hạ long", chỗ vỡ sâu nhất phải được thực hiện trong tháng 3- 1982.(Tháng có 3 con nước, và thủy triều lên, có biên độ thấp nhất trong năm).

- Mọi lực lượng công nghiệp của thành phố, lao động, được huy động tối đa cùng với lực lượng vũ trang quyết tâm hoàn thành con đê trong năm 1982. Lực lượng vũ trang điều tất cả khả năng cơ giới của mình để phục vụ tốt nhất. Hàng ngày có 2 trung đoàn thay phiên nhau

đắp những đoạn đê xung yếu.

- Thành phố huy động 10 tàu hút bùn thường xuyên phun cát, tạo chân đế bằng cát cho những đoạn đê xung yếu.

- Chuẩn bị 10 sà lan giải bản, chở đến khu "Hạ Long", mỗi sà lan chất đầy đá, kéo thành một đoạn đê sắt, đánh đắm, làm thành một thân đê vững chắc.

- Ban chỉ huy cho đan rọ tre, rọ sắt, rồi dùng phà và thuyền chở đất củ, đất sét, xa công trường hàng chục km, đem về cho vào rọ thả chìm để phục vụ "Hạ Long".

Để chuẩn bị cho "Hạ Long" đúng tháng 3-1982, mọi việc phải làm trong khoảng 6 tháng, từ tháng 10- 1981, hết sức khẩn trương vất vả. Các lực lượng ra quân, phối hợp rất đúng tiến độ. Hai

đồng chí Phó Chủ tịch Nguyễn Dần, Cao Văn, lúc nào cũng có mặt ở hiện trường cùng với các đồng chí khác và Ban chỉ huy công trình, bảo đảm chính xác các công đoạn thi công. Để giảm áp lực nước cho khu "Hạ Long", ta đã phải khoanh các vùng chứa nước trong 2050 ha đất mới lấn biển mở rộng ra nhiều ô nhỏ, có đê nhỏ và thấp để giữ nước khi xuống, không đổ dồn vào điểm "Hạ Long", tạo cho cửa "hạ long" có dòng chảy vừa phải, không chảy xiết, khoét sâu, gây khó khăn cho công việc.

Điểm chính giữa nơi "Hạ Long" là chỗ bị vỡ đê dịp bão tháng 9-1981, sâu tới 14-15m, phải dùng các loại bạch đàn dài trên 10 mét làm cọc. Việc đóng cọc này cũng nhờ ta biết được quá khứ, khi ngài Trần Hưng Đạo phá quân Nguyên bằng cách đóng cọc gỗ lim trên tuyến

sông Bạch Đằng, sông Giá (mà ngày nay đã tìm thấy hàng bãi cọc). Ngài đã nhờ quy luật thủy triều tạo nên chiến thắng quyết định cho dân tộc.

Từ thực tế cuộc sống ấy, anh em bộ đội dùng phà chở gỗ bạch đàn, đợi khi nước thủy triều cân bằng thả cọc xuống. Mỗi cọc có một đòn gánh buộc ngang thân cây, tùy theo mức nước nông hay sâu mà để đòn gánh cao hay thấp. Hai chiến sĩ đặt cây cọc từ phà xuống nước, đúng điểm đã định, rồi mỗi người đu vào một đầu đòn gánh, nén cọc xuống cho vững chắc. Còn cọc xuống được sâu nhờ nước chảy vào khi triều dâng, chảy ra biển khi thủy triều xuống, lắc đi, lắc lại làm cho cây cọc xuống đến thềm đất cứng. Cứ như thế hàng ngàn cây cọc đóng xuống điểm "Hạ Long".

Đúng đến 3 ngày thủy triều thấp

nhất, Ban chỉ huy bố trí lực lượng đánh đắm sà lan sắt. Sau đó mỗi kíp một tiểu đoàn làm 4 tiếng liền, chuyển các rọ đất, đá lấp vào điểm "Hạ Long". Trong 3 ngày liền tiến công liên tục, nâng cao điểm "Hạ Long" lên +4, đạt yêu cầu đề ra. Hết thời hạn thủy triền thấp nhất, toàn tuyến đê 15 km đều đạt cao trình +4m trở lên, kết thúc thời kỳ khó khăn nhất của tuyến đê lịch sử này.

Khi mới khởi công, các cụ già xã Hòa Nghĩa, Anh Dũng gần đó nói: "Nếu ông Thành đắp được con đề này, chúng tôi sẽ đi bằng đầu. Chúng tôi ở đây hàng trăm năm, nếu lấn được chúng tôi đã lấn rồi, không phải đợi đến các ông. Nơi này nguy hiểm lắm, đang đêm gió đông thổi vào thân đê, thủy triều lên là đê vỡ. Đời này qua đời khác, không làm được...".

Khi đê hàn khẩu xong, các cụ kéo

nhau lũ lượt đi xem. Các cụ gặp tôi đều cười vui vẻ, nói: "Chỉ có các ông cộng sản mới làm được...". Tôi nói với các cụ: "Nhờ hồng phúc của Bác Hồ, chúng tôi mới làm được...".

Hàng tháng trời, các cụ, bà con nông dân ở các huyện ngoại thành rủ nhau đến xem như xem cuộc triển lãm. Lúc đó còn hàng nghìn lao động đang bồi trúc cho đê lên cao hơn. Quả là con đê đã làm chấn động nhân dân Hải Phòng với chiều cao 6,5m so với "cost" Hòn Dáu, chân đê rộng 60m, mặt đê rộng 5m, độ xoải bên ngoài 1/3 độ, trong đê 1/2, ngoài lát đá hoặc bê tông lưới thép. Đoạn đê biển này hàng năm vẫn được gia cố, đã trở thành đường giao thông đi tham quan biển Đồ Sơn, nó tồn tại như một minh chứng cho sự quyết lâm, lòng dũng cảm của lãnh đạo và nhân dân Hải Phòng.

Đã hơn 20 năm kể từ ngày khánh thành "không kèn, không trống", nhưng tôi không thể quên những năm đầu, đêm mưa bão, tôi thắc thỏm đến mất ngủ. Khi bão lớn nhất, tôi ra đê để kiểm tra độ bền vững của đê ra sao?

Nhớ lại lúc đó, khi quyết toán kinh phí chưa đến 1 đồng/m2, (nay 1 m2 lên hàng triệu đồng). Những đồng chí ngại không dám ra dự lễ khởi công, sợ liên quan trách nhiệm, nay cũng rất hoan nghênh. Có đồng chí nói với tôi: "Phải hiểu biết khoa học, kỹ thuật, có quyết tâm và lòng tin mới làm được...". Tôi không dám nhắc lại chuyện cũ, và coi như tôi không nhớ. Có nhớ tôi cũng không bao giờ nhắc lại sự "thận trọng" đó, làm mếch lòng đồng chí mình. Khi tôi và đồng chí Nguyễn Dần, Chủ tịch UBND thành phố đưa đồng chí Đỗ Mười đi thăm đoạn đê

"xung yếu" này, đồng chí Đỗ Mười bảo tôi và đồng chí Dần: "Đê này mà vỡ thì Bí thư với Chủ tịch đi tong!" Tôi và đồng chí Dần cùng cười.

Sau khi hoàn thành xong hai dự án lấn biển lớn, và rất nhiều khó khăn, mở rộng hơn 5.000 ha, bằng diện tích một huyện, chúng tôi mở thêm công trường lấn biển khu Gia Minh, Thủy Nguyên gồm 1300 ha. Thành phố chỉ đạo cho các huyện Vĩnh Bảo, Kiến Thuỵ, Tiên Lãng... tổ chức lấn biển từng vùng nhỏ 300-500 ha, có sự viện trợ của thành phố. Các huyện ra quân làm rất tốt, mở rộng thêm diện tích canh tác, đẩy nước mặn ra xa những thửa ruộng phía trong đã thuần hóa, đưa năng suất lúa lên rất nhanh.

Để từng bước nâng dần đời sống của nhân dân, theo qui luật cơ bản của chủ nghĩa xã hội: "Đời sống nhân dân không

ngừng được nâng cao, làm cho chủ nghĩa xã hội từng bước được thực hiện". Tôi chỉ đạo các đơn vị sản xuất kinh doanh phải hết sức tiết kiệm, nhất là công ty xuất nhập khẩu, Haiphong Ship, Cảng... là nơi tạo ra giá trị gia tăng. Có chỉ thị của Thành Ủy cấm các cấp không được biếu xén cấp trên, hoặc khao thưởng "ăn nhậu" phung phí... để có tiền góp với thành phố lo cho cán bộ công nhân viên chức, lực lượng võ trang, các học sinh trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học đóng trên địa bàn thành phố gồm hơn 25 vạn suất (250.000 người), trong dịp quốc khánh 2-9, Tết âm lịch có túi quà, và mỗi năm 5 mét vải thông dụng như ka ki, pô-pơ-lin, vải đen may quần cho phụ nữ v.v... Đồng thời phải tìm kiếm công việc làm cho người thất nghiệp. Kiên quyết, nhưng làm từng bước, xóa 6 tệ nạn xã hội như: mãi dâm, cờ bạc, ăn mày, trẻ em

lang thang, văn hóa truỵ lạc, mê tín dị đoan, ma chay giỗ Tết ăn uống linh đình tốn phí.

Về giao thông vận tải, cầu Rào đã qua 3 đời Chủ tịch là: Đồng chí Lê Đức Thịnh, đồng chí Đỗ Chính, đồng chí Đặng Toàn, đến tôi là Chủ tịch thứ 4 mà cầu Rào vẫn chưa hoàn thành. Nhân dân kêu ca: "làm quá chậm, như kéo Rào". Tôi cùng các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Ủy ban và đồng chí Lê Bảo, nguyên Phó Chủ tịch, cố vấn xây dựng cho UBND, ngày đêm tìm mọi cách xử lý các sự cố kéo dài đó. Cầu đã khởi công cuối năm 1973 sau khi ký hiệp định Paris về Việt Nam, mà đến 1979 mới xong các mô và trụ. Lắp được mỗi bên một nửa dầm đúc hẫng dự ứng lực, thép dự ứng lực mua từ chiến lợi phẩm ở sân bay Tân Sân Nhất đã bị han rỉ. Kỹ thuật làm cầu

kiểu mới này của Pháp, ta chưa quen nên cầu khánh thành 1980 thì đến cuối năm 1987 bị đổ. Do dự đoán được tình hình nên khi cầu sụp đổ không bị thiệt hại gì thêm, ngoài cầu đổ. Cây cầu đầu tiên làm theo kỹ thuật "dự ứng lực" ở Việt Nam sau 7 năm bị đổ, làm cho nhiều người không tin tưởng. Nhưng sau các cầu: Niệm Nghĩa, An Dương, Phù Long đến vẫn vững. Đến nay, cả nước có hàng chục cầu đúc dầm hẫng, dự ứng lực, có cầu dài hơn 2km vẫn tồn tại vững vàng.

Thực là vạn sự khởi đầu nan. Cầu Rào do đội cầu địa phương thực hiện, Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo kỹ thuật. Thời gian làm cầu quá kéo dài, vệ sinh công nghiệp không đảm bảo. Cầu Rào đổ, cũng gây ra sự đàm tiếu trong một thời gian. Tôi chỉ là người hoàn thành cầu trong giai đoạn cuối với thời gian

6 tháng. Khi cầu đổ tôi đã về công tác ở Trung ương, nhưng sự đàm tiếu đổ dồn vào tôi. Âu cũng là qui luật xã hội "túm người có tóc, chứ ai túm người trọc đầu". Tôi chỉ cười không giải thích, chỉ nói ngắn gọn: "Nếu ai muốn nghiên cứu kỹ, hãy xem nhật ký công trình". Mãi đến khi Bộ Giao thông vận tải kết luận sự cố này, thì dư luận mới không đổ dồn vào tôi. Nhưng nay vẫn còn 3 cầu: Niệm, An Dương, Phù Long, nên thơ Tố Hữu vẫn giữ được tính chính xác của nó, kể cả cầu Rào đã được làm lại thành 4 cầu (4 cống 3 cầu, 5 cửa ô...).

Từ những việc làm thực tế ấy, tôi hình thành một mô hình xây dựng CNXH, dựa trên đường lối của Trung ương vận dụng vào Hải Phòng, đề ra bước đi thích hợp cho thành phố. Từng bước bổ sung, hoàn chỉnh về lý luận, kết

hợp điều kiện cụ thể cho một thành phố đi lên CNXH. Ý tưởng thì rất lớn, nhưng thực hiện lại vô cùng khó khăn. Nhất là về lý luận, Nghị quyết của các kỳ đại hội, của các khóa Trung ương cũng chưa đặt rõ tiêu chuẩn cho từng giai đoạn tiến lên CNXH phải làm những việc gì, bước đi theo kế hoạch từng năm, dài hạn 5 năm ra sao. Cái có định lượng thì thiếu định lính, cái có định tính lại không có định lượng. Đọc tài liệu các nước bạn cũng thế. Vậy ta lấy cơ sở gì xây dựng cho Hải Phòng một nền tảng, một lý luận thuyết phục để mọi người ra sức tập trung trí tuệ, sinh lực, xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH? Tôi suy nghĩ trăn trở, vừa lắng nghe những tư duy, ý tưởng của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Trung ương, dần dần từng bước hình thành mô hình xây dựng CNXH ở Hải Phòng. Mô hình đó, tư tưởng bao trùm là phải

vì con người. Sau nữa thuyết phục mọi người tin là làm được. Cái được trước hết là đem lại lợi ích cho chính mình. Khi tham gia công sức để tạo ra của cải vật chất, văn hóa tinh thần, kết quả trở lại với họ, họ có thể nhìn thấy, sờ thấy, đếm được. Cách đây 5.000 năm Kinh Thi đã nói: "Văn chất bân bân, nhiên hậu quân tử" (Văn hóa, vật chất dồi dào, sau đó mới có người tử tế). Nhưng sau 5.000 năm các vua chúa Trung Quốc vẫn để người dân nghèo đói, nói nhưng không làm, muốn làm lại do cơ chế không có, không làm được. Đến đời Xuân Thu, Khổng Tử đã viết Kinh Xuân Thu để quản lý Nhà nước, với nội dung lấy nhân nghĩa làm đầu, "Quốc dĩ dân vi bản, dân dĩ thực vi tiên" (Nhà nước lấy dân làm gốc, người dân lấy ăn làm trước). Nói hay như vậy nhưng cũng không làm được là bao. Khổng Tử còn nói: "Nhân dục vô nhai"

(lòng tham không có đáy). Vua chúa lúc ấy chỉ biết lợi dụng triết lý đó để phục vụ lợi ích của họ, không tận dụng động lực này để phục vụ cho từng người, tức là phục vụ cho cả cộng đồng. Thời kỳ cận đại, các khẩu hiệu của giới cầm quyền đưa ra trong cuộc cách mạng dân chủ tư sản dân quyền như: "Tự do, bình đẳng, bác ái"; "Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc" rất hay, rất nổi tiếng. Nhưng rốt cục vẫn là một thiểu số dân được hưởng những tư tưởng triết học tiến bộ đó.

Trở lại các triết lý xa xưa của các vị Thánh "Tâm linh" như Đức chúa Jésu, đức Phật Thích Ca, đức Thánh Mohamatt v.v..., tư tưởng học thuyết đẹp đẽ của các ngài nhằm dạy cho loài người thương yêu nhau, đùm bọc giúp đỡ nhau khi hoạn nạn. Rồi do lòng sùng kính, nhân loại

cúng bái, tế lễ, cầu nguyện các đấng "Chí tôn" phù hộ... dần dần trở thành những tôn giáo, đạo giáo khác nhau đi vào cuộc sống của dân lành. Kết quả là tùy theo phong tục tập quán của từng quốc gia, từng vùng lãnh thổ, những tín đồ kế thừa giáo lý mở rộng tư tưởng chính thống ra nhiều chi phái khác nhau.

Nhưng một điều đáng tiếc là tất cả những lý tưởng ban đầu của các đấng "Chí tôn" vẫn không được thực hiện dù ở bất cứ nước nào.

Từ khi chủ nghĩa Marx ra đời, giai cấp công nhân và nhân dân lao động, đặc biệt là dân tộc bị mất quyền độc lập, làm nô lệ cho ngoại bang như Việt Nam, trông chờ tin tưởng vào chủ nghĩa Marx rất lớn. Bác Hồ của chúng ta, người đặt niềm tin vào chủ nghĩa Marx hơn ai hết, đã đem tư tưởng, triết học của Marx vào

Việt Nam, với những lời nói ngắn gọn, xúc tích, rất dễ hiểu, rất chân thành, đi vào lòng người như: "Nước có độc lập mà người dân vẫn còn nghèo đói, thì độc lập đó cũng không có ý nghĩa gì!". Lời nói đó đã chỉ ra cho chúng ta phải hành động, không nói suông, lừa dối quần chúng để nắm chính quyền, dùng quyền hành cho mình sống "Vinh thân, phì gia".

Tôi rất tâm đắc với tư tưởng chỉ đạo của Tổng Bí thư Lê Duẩn: "Mỗi tỉnh phải coi mình như một nước, phải chủ động sáng tạo, không ỷ lại trông chờ cấp trên..." "Tỉnh Ủy, Thành Ủy là gì? Là lo cho dân ăn gì, mặc gì, mỗi năm được ăn bao nhiêu quả trứng, bao nhiêu kg thịt? Chứ Tỉnh Ủy, Thành Ủy cũng chung chung như Trung ương thì dân tin vào Đảng sao được...?" Vận dụng số vốn lý luận về học thuyết Marx-lénine, duy

vật biện chứng, duy vật lịch sử, có tham khảo kinh dịch của Trung Quốc, các triết gia trước Marx như Hê-ghen, Phơ-ec-bách, Di-đơ-rô, Ê- pi-quya v.v... Tôi nhận ra rằng Hải Phòng cần phấn đấu xây dựng từng bước lên CNXH với sự lãnh đạo, giúp đỡ của Trung ương, chắc chắn sẽ thành công. Để có thực tế phục vụ đúc kết lý luận, tôi tiếp tục suy nghĩ, nhiều đêm, ngày hình thành ra mô hình CNXH ở Hải Phòng, quê hương thứ hai biết bao yêu dấu của tôi.

Làm Bí thư Thành Ủy

Đúc kết trong thời gian hơn 30 tháng làm Chủ tịch UBND Hải Phòng, tôi đã cùng đồng chí Bùi Quang Tạo và tập thể Thành Ủy, UBND Thành phố, cùng cán bộ công nhân viên, lực lượng vũ trang, nhân dân Hải Phòng làm được một số công việc mang tính mở đầu cho Hải

Phòng từng bước đi lên CNXH. Việc lớn nhất là xây dựng được một đội ngũ cán bộ tin cậy lẫn nhau và xây dựng được lòng tin của nhân dân đối với lãnh đạo Thành phố.

Trước hết, đội ngũ cán bộ lãnh đạo đã hình thành một tổ chức thực hiện hiệu quả mọi chính sách, chủ trương đề ra gồm UBND và các cán bộ chủ chốt của sở, ngành. Các Phó Chủ tịch lúc ấy là đồng chí Nguyễn Dần (sau làm Chủ tịch thay tôi), đồng chí Võ Thị Hoàng Mai, đồng chí Cao Văn, đồng chí Trịnh Thái Hưng, đồng chí Nguyễn Mạnh, sau đó là các đồng chí Nguyễn Đình Nhiên, Trương Quang Được, Trần Hạnh, Đào An, Nguyễn Thị Bảy. Bên Thường trực Đảng có đồng chí Lê Thành Dương, Lê Danh Xương. Cấp sở có những cán bộ bị kíp lãnh đạo trước đánh giá là trung

bình, thì qua những công việc làm cụ thể, nay đã hoàn thành nhiệm vụ, được nhân dân khen ngợi như các đồng chí Dương Khắc Thụ, Ủy viên Thường vụ, Giám đốc Sở Công an, đồng chí Nguyễn Anh Đề, Giám đốc Nhà đất và công trình đô thị, đồng chí Trần Đảm, Giám đốc Sở Thủy lợi, đồng chí Lê Vân, Giám đốc Sở xây dựng, đồng chí Phạm Văn Diệt, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, đồng chí Hồ Chu, Giám đốc Sở văn hóa v.v... các Giám đốc những công ty chuyên trách như đồng chí Vân Nam, Giám đốc Công ty Du lịch dịch vụ, đồng chí Cần, Giám đốc Công ty vệ sinh đô thị v.v... đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thành công việc của thành phố lúc ấy.

Đối với ngoại thành, khu vực nông nghiệp phải kể đến các đồng chí Vũ Ngọc Lan, Bí thư Huyện Ủy Kiến An (thị xã

Kiến An + huyện An Lão), đồng chí Đào Hướng, Bí thư Huyện Ủy Thủy nguyên, đồng chí Lựu, Bí thư huyện Tiên Lãng, đồng chí Nguyễn Kỳ, Nguyễn Việt, Bí thư Huyện Ủy An Hải, đồng chí Rường, Bí thư Huyện Ủy Vĩnh Bảo, đồng chí Trần Khoát, Bí thư Huyện Ủy Cát Hải, cùng các đồng chí Chủ tịch UBND huyện đã góp phần to lớn vào phong trào khoán sản phẩm trong nông nghiệp theo chỉ thị 100 của Ban Bí thư và Nghị quyết 24 của Ban Thường vụ Thành Ủy Hải Phòng. các quận nội thành có các đồng chí Bí thư Quận Ủy, Chủ tịch UBND như quận Lê Chân có đồng chí Nguyễn Thị Xuân Mỹ, và quận Hồng Bàng có đồng chí Nguyễn Văn Cảnh, đồng chí Hiến, quận Ngô Quyền, đồng chí Vịnh, Bí thư quận Ủy đều là nòng cốt của các mũi tiến công. Riêng lực lượng vũ trang địa phương, lực lượng chủ đạo lấn biển khai hoang

có Đại tá Võ An Đông, Đại tá Nguyễn Chất, Thiếu tướng Trường Xuân, Đại tá Nguyễn Đình Thản, Đại tá Vũ Văn...

Ngoài ra còn phải kể đến một đội ngũ cán bộ "thầm lặng", nhưng sự đóng góp của anh chị em rất quan trọng cho sự phát triển của thành phố. Đó là các tổ chức quần chúng, các Ban của Đảng và Văn phòng Thành Ủy. Họ làm tham mưu cho cấp Ủy, viết bao nhiêu công văn, chỉ thị, nghị quyết để chuyển đạt những tư tưởng chỉ đạo của Thành Ủy xuống cơ sở Đảng và quần chúng. Các đồng chí đã làm việc ngày đêm, nhưng ít ai biết đến như các đồng chí Trần Mạnh, Chánh Văn phòng Thành Ủy, đồng chí Quản Đức Khiêm, Thư ký của Chủ tịch và Bí thư Thành Ủy, đồng chí Nguyễn Lộ, đồng chí Nguyễn Văn Đồng, Phó Văn phòng Thành Ủy. Đồng chí Phạm Văn

Phách, Chánh Văn phòng và Bùi Mạnh Tưởng, Phó Văn phòng Ủy Các đoàn thể quần chúng như chị Trần Thị Thanh Thọ, Ủy viên Thường vụ, Bí thư Hội phụ nữ, đồng chí Trần Sáng, Bí thư Thành đoàn, chị Thịnh, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Kiểm tra, và nhiều các đồng chí lãnh đạo khác thuộc khối dân vận và công tác Đảng, cũng đã góp phần rất lớn vào công việc xây dựng phát triển cơ sở Đảng và phong trào quần chúng, hướng vào mục tiêu xây dựng thành phố. Ngoài ra sự kết hợp chặt chẽ với Quân khu 3 cũng góp phần thắng lợi không nhỏ. Mặt trận này có Đại tướng Nguyễn Quyết, Thượng tướng Nguyễn Trọng Xuyên và các đồng chí tướng, tá khác. Bộ Tư lệnh Hải quân có Thiếu tướng Đoàn Bá Khánh, Tư lệnh Hải quân, các đồng chí Tướng Trà, Tướng Phát... Sư đoàn phòng không 363 và các quân binh chủng của Bộ Quốc

phòng đóng tại địa phương, tất cả đều hăng hái, triệt để hợp tác ủng hộ Hải Phòng vô điều kiện, hưởng ứng phong trào thi đua "làm giàu, đánh thắng" của Quân khu 3 một cách nồng nhiệt.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 5 (2-1982)

Tôi được Đại hội bầu làm Ủy viên Trung ương dự khuyết khóa V (lúc ấy còn có Ủy viên dự khuyết, Ủy viên chính thức - nay chỉ bầu Ủy viên). Tôi được phân công làm Bí thư Thành Ủy Hải Phòng. Anh Bùi Quang Tạo về Trung ương làm Chủ nhiệm Thanh tra Chính phủ.

Sang năm 1983, tôi và đồng chí Nguyễn Tấn Trịnh được chọn trong số

Ủy viên dự khuyết vào Ủy viên chính thức (do các đồng chí Ủy viên chính thức bầu)

Với thực tế của hai năm, bốn tháng làm Chủ tịch, từ những ý tưởng đã tổ chức thực hiện thành những công trình, những sản phẩm to nhỏ ở khắp thành phố, điều đó đã giúp tôi hình thành cơ chế xây dựng một mô hình XHCN ở địa phương, Thành phố Hải Phòng. Gần 32 năm được điều động đến Hải Phòng, khởi đầu là Bí thư Quận Ủy Ngô Quyền, nay làm Bí thư Thành Ủy, tôi lo lắng đêm ngày, đem hết sức lực, trí tuệ, suy nghĩ làm cho được ý tưởng mình đã theo đuổi từ khi được kết nạp vào Đảng, với bao hy vọng sẽ thành công. Mặc dù sức khoẻ tôi không phải là tốt lắm, năm 1982-1983 bệnh tôi kéo dài, chữa mãi không khỏi, công việc lại quá nhiều, nhất là sau khi

tổ chức thành công Đại hội Đảng thành phố lần thứ 8 nhằm quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 5 để thống nhất tư tưởng và hành động toàn Đảng bộ và nhân dân thành phố. Sau đó, tôi bị sưng màng phổi, viêm họng hạt, chuyển sang "hen xuyễn". Nhờ các bác sĩ Đông, Tây y, và tự rèn luyện nâng thể lực lên, nên tôi đã qua khỏi. Cũng từ đó sức khoẻ được nâng lên, đủ sức chống chọi với bao gian nguy thử thách về mọi lĩnh vực, nhất là lĩnh vực chính trị, để tồn tại đến ngày hôm nay...

Để triển khai Nghị quyết Đại hội 8 của thành phố, tôi chỉ đạo Ủy ban Nhân dân thành phố và các ngành thực hiện thật tốt các công trình làm dở dang. Tôi cũng xây dựng quy chế làm việc giữa Đảng và Chính quyền, không chồng chéo giẫm chân lên nhau. Khi đã có nghị

quyết của Đảng, chính quyền cụ thể hóa và triển khai thực hiện. Đảng không "lấn sân" của chính quyền. Khi có khó khăn chính quyền không thể khắc phục được, Đảng sẽ giúp đỡ. Công việc của Đảng là trực tiếp nghiên cứu xây dựng các Nghị quyết trên bình diện mô hình XHCN, đi từng bước có chọn lọc, Nghị quyết nào ra trước, Nghị quyết nào ra sau cho phù hợp. Trước khi ra Nghị quyết, tập thể Thành Ủy đi thực tế khảo sát tình hình, tổ chức thí điểm làm được khoảng 30% có kết quả rồi mới họp Thành Ủy ra Nghị quyết. cách làm đó coi như qui trình ra các Nghị quyết của Đảng, nó tránh tình trạng duy ý chí và giáo điều của đồng chí lãnh đạo chủ chốt. Chưa khảo nghiệm, mới nghe báo cáo, mới nảy sinh ý nghĩ hay hay trong đầu đã vội vàng ra Nghị quyết, như vậy Nghị quyết sẽ không sát với thực tế, quần chúng không chấp

nhận, làm mất uy tín của Đảng, mất công sức của cán bộ cấp dưới.

Trong 4 năm 3 tháng làm Bí thư Thành phố, tôi đã chủ trì đề ra 46 Nghị quyết về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, văn hóa, đời sống, dịch vụ du lịch... Tính bình quân hơn một tháng ra một Nghị quyết, nhưng không Nghị quyết nào trùng với Nghị quyết nào, được nhân dân, Đảng viên hoan nghênh thực hiện rất nhiệt tình, chưa có ai kêu là Thành Ủy ra quá nhiều Nghị quyết! Tất cả Nghị quyết đó, cái nọ bổ sung cho cái kia hình thành một mô hình XHCN về lý luận và thực tế. Có những Nghị quyết như: Ngói hóa nông thôn; Xóa bỏ hố xí thùng, xây dựng hố xí tự hoại, giải phóng cho chị em làm vệ sinh thường phải vất vả suốt đêm, kể cả ngày 30 Tết; Nghị quyết bê tông hóa ngõ xóm

trong nội thành, không để tình trạng đi lại lầy lội trong các xóm ngõ; Nghị quyết xóa bỏ "6 tệ nạn xã hội" trong một năm, không còn ăn mày, ăn xin và trẻ em lang thang trong thành phố; Nghị quyết tiếp tục cải tiến quản lý nông nghiệp; Nghị quyết về giao thông; Nghị quyết về Công nghiệp và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động; Nghị quyết về Văn hóa quần chúng; Nghị quyết về Thương nghiệp và thu mua lương thực; Nghị quyết về Xây dựng cơ bản, về lấn biển khai hoang mở rộng thành phố hướng ra biển; Nghị quyết về Xây dựng Đảng, các Tổ chức quần chúng v.v...

Tất cả các Nghị quyết được thực hiện đến nơi, đến chốn từ 70% trở lên. Tất cả những kết quả thực hiện các Nghị quyết được người dân nhìn thấy, sờ thấy, đếm được...

Có những việc làm của Thành Ủy, UBND Thành phố, đến nay tôi đã rời khỏi Thành phố về Hà Nội công tác gần 20 năm nhưng mỗi khi về Hải Phòng gặp nhân dân, cán bộ, là anh em nhắc đến như gói quà Tết hàng năm của Thành phố vào những dịp 2-9 Quốc khánh, Tết âm lịch... Những kỷ niệm không bao giờ quên!

Rồi công trình lấn biển, hố xí tự hoại, đường lát bê tông hoặc tấm đan... đi đến đâu nhân dân cũng nhắc tới...

Hôm 30-5-2004 vừa rồi tôi ra Đình Vũ xem đường xuyên Đảo. Đến phà Đình Vũ, anh em phụ trách bến phà, cũng như nhân dân xúm lại quanh tôi hỏi thăm sức khoẻ. Đồng chí Vang phụ trách ở đó nói: "Bác để lại "lộc" cho chúng con được hưởng, ai cũng nhớ công ơn của bác...". Tôi rất cảm động, nói: "Đảo Đình Vũ với

đường xuyên Đảo đã góp phần làm cho hàng vạn người giàu có đấy! Các đồng chí quản lý tốt sẽ giàu to. Đồng chí rất trẻ, tôi gặp đồng chí lần đầu, trông chiếc thẻ đeo trên ngực mới biết tên tuổi. Vậy mà, đúng như sách cổ đã dạy: "Vi ân bất cầu báo, thụ ân bất năng vong..." (làm ơn không cần mong được báo đáp lại, chịu ơn không nên quên). Cảm ơn đồng chí đã thể hiện tinh thần đó". Tối hôm ấy tôi về làm việc ở Thành phố, đồng chí Then, nguyên Bí thư Huyện Ủy An Lão, nay là Ủy viên Thường vụ Trưởng ban Tuyên giáo Thành Ủy Hải Phòng (Đồng chí Then người thôn Đại, xã An Thọ, huyện An Lão) anh em tâm sự, đồng chí nhắc lại bao kỷ niệm hồi làm khoán trong nông nghiệp, lúc chưa khoán dân đói như thế nào, một số người phải đi tha phương cầu thực, sau làm khoán phấn khởi như thế nào, và nay cả huyện An Lão đều khá

giả. Thật là bao nỗi buồn vui sâu sắc thời kỳ quá khứ...

Những năm 1983-1984 nông nghiệp Hải Phòng phát triển rất nhanh. Lương thực coi như đã tự túc được cho cả phi nông nghiệp. Hàng năm không phải lên Trung ương xin gạo, xin mỳ. Ngoài mua thóc nghĩa vụ (giá 0,2 đ//kg thóc) Hải Phòng được đồng chí Tố Hữu, đồng chí Trần Phương đồng ý cho mua thóc của nông dân sau khi làm xong nghĩa vụ với Nhà nước với giá 1,70đ/kg. Tuy giá ngoài cao so với giá nghĩa vụ nhiều, nhưng với giá nhập bằng đô la Mỹ chỉ bằng gần 1/2, Nhà nước lại không phải lỗ vốn bán lương thực cho Hải Phòng, còn Hải Phòng có thêm lương thực trả cho lao động ở các nơi về thành phố tham gia lao động lấn biển với giá 1kg và l đồng/ ngày công lao động. Mọi người phấn khởi lắm.

Thời gian đó Hải Phòng được coi như mô hình phát triển kinh tế năng động của cả nước. Khách đến tham quan ngày một đông. Báo chí ca ngợi, có ngày báo Nhân Dân đăng 4 bài về Hải Phòng. Bí thư Thành Ủy Hải Phòng cũng được cấp trên các ngành quan tâm. Nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt như Tổng Bí thư Lê Duẩn, Chủ tịch nước Trường Chinh... cũng rất quan tâm, đã có những dự kiến này dự kiến khác về tương lai của Bí thư Thành Ủy (những dư luận đó cũng làm cho một số người lo lắng và dần dần trở nên đố kỵ, ghen tỵ. Sự ác ý ấy hình thành dần dần từ nhỏ đến lớn, đến ngày 2-8-2003 mới bộc lộ hết để khách quan nhìn nhận có cơ sở khoa học kết luận chính xác, có căn cứ, không suy diễn... Việc này khá dài, 20 năm sau, mới hiểu thấu được sự tình...).

Trong khi phong trào đang lên, biết bao nhiêu đoàn các địa phương, các ngành đến Hải Phòng học tập, rút kinh nghiệm, tổng kết, thì giữa năm 1983, đồng chí Đỗ Mười nhân danh Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cử 3 Đoàn sắp xếp công nghiệp về 3 thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh.

Đoàn về Hải Phòng do đồng chí Tô Duy làm trưởng đoàn. Về Hải Phòng trong lúc tình hình chính trị, tư tưởng và các mặt hoạt động rất tốt đẹp... Đồng chí Tô Duy xuống không làm việc với Thành Ủy mà chỉ làm việc với UBND thành phố. Đồng chí còn nói với đồng chí Bắc, cán bộ Văn phòng Ủy ban và một số đắc trong Đoàn là: "Tôi không gặp anh Thành, anh Thành có đến gặp tôi thì gặp...". Đồng chí Tô Duy cử đồng chí Phí Đức Phong, cán bộ của Đoàn đến

gặp tôi nói: "Kỳ này Đoàn xuống sắp xếp công nghiệp để giúp cho Hải Phòng phát triển cả công, nông nghiệp...".

Mới mấy tháng trước đây, đồng chí Tô Duy xuống Hải Phòng gặp tôi rất thân mật. Nhất là đầu năm 1982, khi tôi làm Bí thư Thành Ủy, đồng chí Tô Duy cùng với vợ là chị Lê Thu, các cháu đến thăm Hải Phòng, chúc mừng tôi. Trong bữa cơm thân mật, chị Lê Thu còn nói: "Mình với Duy có nhiều kỷ niệm với cậu Thành lắm! Sau đám cưới chúng mình, chúng mình còn đến thăm cậu ở Hồ Lao (nơi căn cứ địa của Thành Ủy Hải Phòng thời kháng chiến ở huyện Sơn Động, Bắc Giang)". Vợ chồng đồng chí Tô Duy tổ chức cưới ngày 8-7-1951, đám cưới tập thể, ngoài đồng chí Tô Duy và chị Lê Thu, còn có đồng chí Lê Xuân Thịnh với chị Kiệm; đồng chí Nghĩa (tức Linh) với

chị Phụng Dương. Hiện nay 5 người còn sống, chỉ có anh Thịnh hy sinh tại Thái Bình năm 1952. Không những thế, từ ngày tôi về công tác ở Hải Phòng (tháng 6-1950), quan hệ giữa tôi và đồng chí Tô Duy vẫn tốt đẹp. Trước khi đi công tác Hà Nội (khoảng năm 1960-1961) đồng chí Tô Duy còn đến thăm tôi ở cơ quan chào "tạm biệt". Trong các năm sau, mỗi năm một vài lần lên Hà Nội công tác, tôi thường vào thăm đồng chí Tô Duy. Năm 1980 khi tôi học lớp quản lý kinh tế do giáo sư Liên Xô giảng, khóa I tại trường Hành chính Trung ương, lúc đó tôi là Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng, đồng chí Tô Duy còn mời tôi về Xuân Cầu chơi, còn trực tiếp trẩy bưởi mời tôi ăn. Khi đi trên chiếc cầu tre vào Xuân Cầu, tôi còn dắt đồng chí, vì đồng chí nói với tôi đang bị 6 bệnh nên chân đi bị run. Khi tôi ra về đồng chí đề nghị

tôi giúp cho 60 tấn xi măng để làm cây cầu này, và sửa chữa nhà lưu niệm của đồng chí Tô Hiệu, là chú ruột đồng chí Tô Duy. Tôi giải quyết ngay cho xã về Hải Phòng lấy xi măng sau một tuần. Lúc đó xi măng mua khó khăn lắm! Hải Phòng dùng ngoại tệ mua than "cốc", gia công cho nhà máy xi măng để đổi thành phẩm mới có. Đồng chí Tô Duy rất phấn khởi.

Cả một quá trình thân thiện với nhau, đột nhiên có cuộc sắp xếp công nghiệp, đồng chí Tô Duy làm Tổ trưởng với thái độ "bất thường" đối với tôi... Tất nhiên tôi phải đánh dấu hỏi (?).

Nhưng thái độ của tôi vẫn bình thường. Muốn nói gì thì nói, đồng chí Tô Duy đã có thời kỳ là cấp trên của tôi, tôi gặp đồng chí Chủ tịch Nguyễn Dần dặn làm việc, hợp tác chặt chẽ với đồng chí Tô Duy.

Qua giao ban hàng tuần với đồng chí Nguyễn Dần, tôi biết được là các đồng chí đi sắp xếp công nghiệp thì ít, nhưng xuống nông thôn, tìm hiểu điều tra tình hình thì nhiều, với thái độ cố tình moi móc khuyết điểm... Qua báo cáo của các đồng chí Bí thư, Chủ tịch các huyện mà đoàn đồng chí Tô Duy đến làm việc, thì thấy ý định của đoàn không phải trọng tâm sắp xếp công nghiệp, họ tìm hiểu tình hình nông nghiệp là chính.

Cuối năm 1983 đầu năm 1984 thì đoàn rút về Hà Nội, sau cuộc làm việc với Ban Thường vụ Thành Ủy. Trong cuộc họp vui vẻ, thân mật, đồng chí Tô Duy nhắc lại ý đồng chí Phí Đức Phong là: "giúp Hải Phòng phát triển công nghiệp như nông nghiệp..." rất thiện chí!

Sau ít ngày, đồng chí Đỗ Mười mời tôi và đồng chí Nguyễn Dần lên số 8 Chu

Văn An làm việc.

Trưa hôm đó đồng chí Đỗ Mười mời cơm chúng tôi rất chu đáo. Buổi sáng làm việc, khi đọc báo cáo của Tổ sắp xếp công nghiệp, tôi thấy rõ ý đồ của Tổ, trong đó có câu: "Hải Phòng chú trọng phát triển nông nghiệp là trệch hướng, sai đường lối của Đảng". Khi phát biểu với đồng chí Đỗ Mười, tôi phân tích Hải Phòng là thành phố công nghiệp, Thành Ủy rất coi trọng phát triển công nghiệp, đồng thời rất coi trọng phát triển nông nghiệp để giải quyết lương thực cho công nhân là rất đúng với thực tế. Khoán sản phẩm, một mô hình đã được chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng cho thực hiện trong toàn quốc, sao lại bảo Hải Phòng đi trệch hướng? Thái độ của tôi nói rất găng, nhưng đồng chí Tô Duy hơi mỉm cười, khiến tôi phải đánh dấu hỏi (?) lần

thứ hai. Sau đó tôi xin phép anh Mười ra về, vì chiều có cuộc họp. Anh Mười bảo tôi ăn cơm rồi sẽ về và nói: "Bí thư về thì làm việc với ai?". Tôi báo cáo anh Mười có Phó Bí thư - Chủ tịch và Văn phòng ở lại ghi chép, ý anh thế nào tôi sẽ thực hiện nghiêm chỉnh...

Nhưng rút cục tôi chỉ biết về báo cáo của Tổ sắp xếp công nghiệp còn ý anh Mười thế nào tôi không được biết.

Ngày 14-4-1984 Bộ Chính trị và Ban Bí thư triệu tập tôi lên Hà Nội làm việc hai ngày. Tổng Bí thư Lê Duẩn chủ trì, các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ... cùng dự, tổng số khoảng hơn 60 người đủ các ngành của Trung ương. Anh Mười không đến dự, nhưng cử người của Văn phòng đến theo rõi tình hình hội nghị. Về phía Hải Phòng còn có đồng chí Trịnh Thái Hưng, Phó

Chủ tịch cùng tham dự với tôi. Qua nghe báo cáo tình hình, tôi trình bày khoảng 2 giờ, các đồng chí phát biểu đánh giá rất cao việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 5, nhất là Hải Phòng đã vận dụng sáng tạo, phát triển công, nông nghiệp có bước tiến mới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế cả nước, mặc dù trước đó đã có báo cáo của Tổ sắp xếp công nghiệp do đồng chí Tô Duy gửi đến, vẫn giữ nguyên như cũ, vẫn ghi: "Hải Phòng thành phố công nghiệp mà chú trọng phát triển nông nghiệp là trệch hướng..." Hội nghị không ai nói đến vấn đề này cả.

Khi các đồng chí nhắc nhiều và đánh giá cao việc phát triển nông nghiệp Hải Phòng, nhân có ý kiến hỏi, tôi báo cáo bổ sung, có nói một ý như sau: "Thế mà đồng chí phụ trách Tổ sắp xếp công

nghiệp Hải Phòng lại phê bình Thành Ủy phát triển nông nghiệp là trệch hướng...". Anh Lê Duẩn nói chen vào: "Nói tầm bậy...".

Sau khi tan hội nghị, tôi nghĩ mọi chuyện vậy là bình thường, và như vậy Trung ương đã bác bỏ báo cáo của Tổ sắp xếp công nghiệp ở Hải Phòng.

Tối hôm đó, tôi và đồng chí Trịnh Thái Hưng đến thăm anh Mười, thâm tâm tôi nghĩ chỉ có thân tình thôi. Ai ngờ hai chúng tôi đến nhà, anh Mười tỏ vẻ không bằng lòng, không bắt tay chúng tôi. Anh đứng dậy đi đi, lại lại nói gay gắt: "Cậu Thành phê bình mình, nói đồng chí phụ trách công nghiệp phê bình Hải Phòng trệch hướng, cứ nói đi nói lại mãi".

Tôi và đồng chí Hưng nhìn nhau. Anh Hưng hỏi tôi: "Chúng mình có nói gì

anh Mười đâu nhỉ?". Tôi rất phân vân suy nghĩ, không rõ anh Mười nghe ai phản ảnh mà phẫn nộ đến như thế. Tôi để anh Mười nói cho hết cơn nóng rồi mới nói: "Tôi báo cáo anh Mười, có anh Hưng làm chứng, tôi chỉ một lần nói: "Đồng chí phụ trách Tổ sắp xếp công nghiệp Hải Phòng của Trung ương phê bình Hải Phòng làm nông nghiệp là trệch hướng, không nêu tên ai...". Hai chúng tôi kể lại cuộc họp ngày hôm nay cho anh Mười nghe, mãi anh mới vui vẻ nói chuyện với chúng tôi... Khoảng 40 phút, chúng tôi xin phép ra về (Lúc này tôi vẫn nghĩ anh Mười nghe nhầm).

Hôm sau đến họp, mọi người lại chia buồn với chúng tôi về cơn lốc tối vừa qua, lật úp một thuyền ở bến Bính, phía bên Thủy Nguyên làm chết hơn 20 người... Tôi rất buồn.

Tại sao anh Mười lại nổi nóng với mình? Tôi tìm hiểu thêm ở Văn phòng Trung ương mới biết chính anh Mười là người phản đối Hải Phòng, lấy nông nghiệp làm trọng là trệch hướng, coi nhẹ công nghiệp... Tôi bắt đầu có "ấn tượng" về cách làm của Tổ sắp xếp công nghiệp do anh Tô Duy làm Tổ trưởng. Phải chăng cách làm ấy có mục đích của nó? Trên đường trở về Hải Phòng, tôi nhắc anh Trịnh Thái Hưng: "Anh Mười đối với Hải Phòng không như trước nữa đâu! Anh em mình làm ăn cần thận trọng" (đồng chí Trịnh Thái Hưng đã mất năm 1996). Đồng chí Hưng cũng bổ sung cho tôi thêm một số tình hình của Tổ sắp xếp công nghiệp khi làm việc ở Hải Phòng, có nhiều hành vi xoi mói, tìm khuyết điểm, giống như đồng chí Nguyễn Dần, Chủ tịch thành phố đã phản ảnh với tôi.

Sau sự việc đưa Hải Phòng ra đấu về khoán sản phẩm nông nghiệp là sai đường lối phát triển của một thành phố công nghiệp không thành công, nhóm người của anh Tô Duy còn tung ra dự kiến sẽ "hạ bệ" tôi hoặc điều về Trung ương để đe doạ tôi. Tôi vẫn làm việc và làm việc tích cực hơn. Đối với anh Mười tôi vẫn một mực quí trọng là Thủ trưởng cũ, không nghi ngờ, dù dư luận nói đến tai tôi những điều nhận xét về tôi của anh Mười không có thiện chí. Anh Mười thỉnh thoảng còn gọi đồng chí Nguyễn Dần, Chủ tịch UBND lên báo cáo tình hình Hải Phòng. Anh răn đe anh Dần không được nghe Đoàn Duy Thành và nói: "Bỏ tem phiếu là có tội". Anh Dần về kể lại với tôi, tôi bảo: "Phát tem phiếu mà không có hàng bán cho dân mới là có tội, lừa dối dân, tạo cho mậu dịch viên và cán bộ tham nhũng". Đến nay anh

Dần thường kể lại chuyện này. Ngày 19-6-2004 anh Dần còn kể chuyện này cho đông người nghe ở nhà khách số 2 Bến Bính Hải Phòng.

Qua việc này và nhiều việc khác về thái độ của anh Mười đối với tôi, nhất là sau khi có những nhận xét đánh giá cao về tôi của Tổng Bí thư Lê Duẩn và Chủ tịch nước Trường Chinh và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị khác, tôi cảm thấy có điều gì đó chẳng lành.

Tôi bàn với nhà tôi sẽ tập trung làm việc thật tốt cho Thành phố, đến 13-5-1985 kỷ niệm 30 năm giải phóng, tôi xin nghỉ. Tôi đã có đơn đề nghị từ lâu, rằng sẽ làm cho đủ 40 năm tham gia cách mạng là xin về hưu. Nhà tôi hỏi tại sao? Tôi nói:

- Nhân dục vô nhai" (lòng tham vô

đáy), mình cũng như người khác, phải biết dừng ở điểm nào nên dừng. Mình lại là nhà nho, thấm nhuần đạo lý của Khổng Tử, của Tư tưởng Bác Hồ, mình làm chỉ vì mục đích vì dân vì nước, không vụ lợi. Làm Chủ tịch rồi Bí thư Thành Ủy một thành phố đi đầu trong xuất nhập khẩu đến hôm nay nhà mình có một đồng đô-la nào đâu? Anh chỉ cầm 200 USD năm 1978 làm Trưởng đoàn đi thăm Nhật Bản. Được cấp 200 đô la để chi cho cả đoàn, khi về không tiêu một xu lại trả lại tài chính đủ 200 USD. Không những thế, Nhật Bản còn cho mỗi người 300 USD do không phải lấy vé máy bay lượt về, do phía Nhật đài thọ, cũng đem về nộp cho Ủy ban đủ 2.100 USD. Mình sống đến hôm nay và làm được một số việc cho dân, cho nước. Đó là hạnh phúc lắm rồi! Mình càng làm tốt bao nhiêu thì sẽ càng phát sinh đố kỵ kèn cựa bấy nhiêu! Đó

cũng là lẽ thường tình dễ hiểu. Người "quân tử" biết tiến biết thoái, không nên dấn sâu vào con đường "danh vọng". Nguyễn Trải đã về nghỉ, lại nể vua ra giúp đời, nên bị chết oan. Ở đời khó lắm! Nếu theo cách mạng như vậy là "tiêu cực". Trong lúc dân cần ta phục vụ, đem lại lợi ích cho dân, ta lại nghỉ, phải chăng ta thoái thác công việc cá nhân chủ nghĩa... Nói thế nào cũng được. Ta phải làm chủ mình để quyết định. Anh nghĩ ý "lên Hà Nội" chưa xuất hiện trong giai đoạn này thì hơn, không phải ai xa lạ khác "đánh" mình đâu, sẽ là những người thân đánh mình trước, em theo rõi mà xem. Cho nên ta không nên xin bất kỳ một thứ gì mang tính "lợi và danh" với anh Mười, sau này sẽ khó xử. Có xin thì xin công việc làm cho dân, cho nước... Với người khác cũng vậy thôi, không phải chỉ với anh Mười!

Sau cuộc họp của Bộ Chính trị, ý định đưa vấn đề "Hải Phòng đi trệch hướng" không thành công, chắc chắn sẽ có những việc làm mới khác, kể cả vu khống chính trị, tôi lại nói với nhà tôi như vậy Nhưng thực sự chúng tôi không quan tâm, chỉ mong làm sao cho dân ta giàu lên, không phải làm nô lệ ngoại bang.

Ngẫm lại lịch sử trong hơn 1.000 năm giữ nước, kể từ Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê... đến nhà Nguyễn, nước ta đã trải qua 8 lần bị xâm chiếm của phương Bắc. Họ bị thất bại 7 lần, chỉ có một lần họ chiếm được nước ta 20 năm, do nội bộ mất đoàn kết (thời kỳ cuối nhà Trần). Vì nước xâm chiếm nước ta phương thức sản xuất không hơn ta là bao nhiêu. Nhưng từ năm 1862 Pháp bắt đầu đô hộ nước ta, một nước tư bản phát triển,

phương thức sản xuất nổi trội hơn nước ta nhiều lần, nên dân ta phải chịu khuất phục chúng, làm nô lệ suốt 83 năm ròng rã. Chỉ có Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biết tận dụng thời cơ, với sự lãnh đạo thông minh tài tình, với ý chí kiên định, mới đưa dân tộc ta thoát ách nô lệ: Nhưng khi đó ta vẫn là một nước rất nghèo, phương thức sản xuất rất lạc hậu. Đã vậy Pháp lại đến, tái xâm lược Việt Nam thêm 9 năm, sau đó Pháp nhường cho Mỹ xâm chiếm một nửa nước ta 20 năm, tổng cộng lại là 113 năm dân lộc bị nô lệ. Miền Bắc tuy được giải phóng sớm 20 năm, nhưng đóng góp cùng miền Nam đánh thắng đế quốc Mỹ, tổn thất về người và của biết bao nhiêu mà kể. Một nước nghèo, lạc hậu, không có vũ khí tối tân để bảo vệ đất nước, đó là nỗi đau của cả dân tộc, của từng người Việt Nam, không một

người yêu nước nào không "cám cảnh" điều ấy.

Thành phố Hải Phòng đang trong khí thế thi đua đẩy mạnh sản xuất công, nông nghiệp, dịch vụ, "Ngói hóa nông thôn, ngọt hóa đồng ruộng", xây dựng thành phố "khang trang sạch đẹp, lịch sự văn minh", xây dựng đường xá, cổng, ngõ, xóa bỏ hố xí thùng, xây hố xí tự hoại, thực hiện chủ trương nhà nước và nhân dân cùng làm (Nhà nước cấp 1/2 số tiền xây hố xí tự hoại cho dân), xây dựng nhà cửa khang trang nối nội thành đến các thị trấn, huyện, đường nội thành sang Kiến An qua Cầu Niệm mới khánh thành, hai bên phố xá được qui hoạch xây dựng trước, những ngôi nhà 2 tầng trở lên, hoặc mái bằng nếu làm 1 tầng v.v...

Trong khi đó bất ngờ ở Hà Nội có chỉ thị "Z30" rất mật, tịch thu nhà từ 2 tầng trở lên, bất kể to nhỏ, trị giá bao nhiêu. Chỉ thị "Z30" không được phổ biến cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chỉ có chỉ thị bằng "miệng". Hải Phòng cũng được 1, 2 đồng chí Bộ Chính trị nhắc nhở rằng Hà Nội làm trước, Hải Phòng theo Hà Nội mà làm. Bên Sở công an cũng được mấy đồng chí Thứ trưởng nhắc Giám đốc Sở Công an Hải Phòng triển khai, đề nghị Thành Ủy thông qua chủ trương cho làm...

Tôi triệu tập Ban Thường vụ Thành Ủy để bàn việc này. Tôi đề nghị mọi người suy tính thật kỹ mọi mặt, vì vấn đề này liên quan đến pháp luật, không thể tùy tiện tịch thu nhà của dân được, nếu họ không phạm pháp. Hải Phòng cần đợi chỉ thị chính thức bằng văn bản

của Trung ương hoặc Chính phủ sẽ làm cũng không muộn. Mà tiến hành cũng phải có phương pháp. Trung ương chỉ thị rõ nguyên nhân tịch thu... mới tiến hành được.

Tôi trực tiếp lên Hà Nội xem việc tịch thu một số nhà. Tôi thấy chẳng khác gì Cải cách ruộng đất. Cải cách ruộng đất còn đấu tố rồi mới tịch thu, nhưng Z30 chỉ đọc lệnh là tịch thu, bốc cả gia đình gia chủ lên xe đi ở chỗ khác. Tôi đi 3 lần xem được 3 nhà. Tôi đến Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Chính phủ xin xem chỉ thị Z30. Hóa ra chẳng ai biết cả và tỏ vẻ giữ bí mật, thái độ người được tôi hỏi cũng sợ sệt, e dè nói "nước đôi", không bảo làm, cũng không bảo không! Tôi thấy rất lạ lùng. Đang thời buổi hòa bình xây dựng, mọi người đang phấn khởi làm ăn, cớ sao lại có việc làm

"kỳ lạ" này? Nhất là tôi thấy tận mắt một gia đình bị tịch thu, cả nhà đội khăn tang bị đẩy lên xe, khóc sướt mướt...

Về đến Hải Phòng tôi lại thấy dân chúng xao xuyến lo sợ. Nhiều người chạy đến Bí thư Thành Ủy hỏi han... Còn những gia đình đang xây dựng thì dừng lại không xây, hoặc thu nhỏ lại, định xây 2 tầng thì rút còn 1 tầng thôi v.v... Ngày nay, khi tôi đi từ Hải Phòng sang Kiến An, tôi vẫn thấy buồn phiền về "Z30" đã làm cho con đường này mất đẹp. Nhà cửa hai bên, xây dựng thời kỳ "Z30", không xứng với con đường mở rộng!

Tại các cuộc Hội nghị lớn của Thành phố, tôi nói: "Đây là vấn đề quyền công dân, thành phố sẽ không làm việc này với bất kỳ gợi ý của ai. Chỉ khi có chỉ thị chính thức, đóng "dấu son" búa liềm, hoặc dấu Quốc huy, thì Hải Phòng sẽ

thực hiện nghiêm chỉnh"...

Dư luận sức ép 4 phía với Hải Phòng. Thành phố Hồ Chí Minh điện ra hỏi: "Hải Phòng có làm không?". Tôi trả lời: "Đợi chỉ thị chính thức". Trong khi đó Hà Nội đã lịch thu tới 105 nhà. Có những đồng chí phê bình Giám đốc Sở Công an Hải Phòng mất lập trường, mất quan điểm, vì đồng chí Giám đốc Sở Công an Hải Phòng trả lời: "Hải Phòng chưa làm, vì Hải Phòng có cách làm khác...".

Một buổi chiều sắp hết giờ làm việc, đồng chí Nguyễn Văn An, Bí thư Tỉnh Ủy Hà Nam Ninh (nay là Chủ tịch Quốc hội) gọi điện thoại cho tôi nói: "Có việc cần, tôi và đồng chí Thuật, Chủ tịch UBND tỉnh muốn ra Hải Phòng trao đổi với anh. Anh chuẩn bị cho chúng tôi ăn cơm tối, xong việc là về ngay...".

Tôi chuẩn bị cơm tối và đón đồng chí An, đồng chí Thuật ở nhà khách số 13 Trần Hưng Đạo. Đến 20 giờ, hai đồng chí đến Hải Phòng. Chúng tôi bàn công việc ngay.

Đồng chí An, đồng chí Thuật trao đổi với tôi về việc tịch thu nhà ở thành phố Nam Đinh, thị xã Ninh Bình, thị xã Hà Nam... Qua trao đổi phân tích việc Hải Phòng không làm, nếu không có chỉ thị của Ban Bí thư, hoặc chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hai đồng chí tỉnh bạn rất tâm đắc. Tôi lấy tình lấy lý phân tích mọi mặt cho hai đồng chí nghe. Thứ nhất là phi đạo lý, sai pháp luật. Cuộc sống của nhân dân còn khổ sở, tích cóp được ít tiền làm nhà cho cha mẹ, con cái ở không dễ dàng gì. Nay ta tịch thu, thế thì CNXH, người dân ở vào đâu? ở bằng cái gì v.v. và v v.

Hai đồng chí rất đồng tình với quan điểm của tôi. Tôi nói: "Tháng 6-1983 họp Hội nghị Trung ương tôi sẽ phát biểu về vấn đề này...".

Hai đồng chí vui vẻ, yên tâm ra về, sau khi ăn cơm xong. Đồng chí An bảo đồng chí Thuật đưa cho tôi xem 100 quyết định ký tên, đóng dấu sẵn để ngay hôm sau tổ chức các đoàn đi tịch thu nhà ở 3 địa điểm trên. Anh An nói: "Tôi thấy không yên tâm nên điện ra trao đổi với anh. Chúng tôi sẽ đốt ngay các quyết định này tối nay". Các đồng chí ra về.

Tôi tiễn các đồng chí, khi quay lại, nghĩ ngợi băn khoăn vô cùng. Thành phố Nam Định, hai thị xã Ninh Bình và Hà Nam mà có tới 100 quyết định tịch thu nhà, hỏi lấy đâu ra nhà mà tịch thu? Tôi phân vân quá! Các đồng chí mình đơn giản thật! Coi sinh mệnh chính trị của

người dân như thế nào mà lại có "Z30". Hai cuộc kháng chiến trường kỳ, bao sự hy sinh, nay "ký cóp" xây dựng được căn nhà, bị tịch thu với quan điểm cho rằng "làm ăn bất chính", tài sản không rõ ràng... Nghĩ mà rơi nước mắt!

Về đến nhà đã 24 giờ. Nhà tôi hỏi tiếp khách gì quan trọng mà khuya thế? Tôi kể hết chuyện cho nhà tôi nghe. Tôi nói: "Tôi sẽ trình bày cặn kẽ vấn đề này ở Hội nghị Trung ương sắp tới..." Nhà tôi hỏi lại: "Anh định đương đầu đến bao giờ?" Tôi trả lời: "Tôi sẽ đương đầu đến khi còn cái đầu này". Hai vợ chồng tâm sự, đến lúc mệt quá, ngủ lúc nào không biết.

Lúc đó Hải Phòng đã có một vài nhà tư nhân xây dựng 2, 3 tầng, như nhà anh Thêm, thủy thủ tàu Viễn dương, xây dựng ở xã Đằng Lâm, gần sân bay Cát

Bi; nhà anh Bút lái xe, xây dựng ở Quán Toan, bên đường 5. Anh Thêm rất sợ. Hôm đến dự tổng kết ở công ty VOSCO, khi nói chuyện, anh em xôn xao hỏi tôi Hải Phòng có tịch thu nhà như ở Hà Nội không? Có hai thủy thủ Viễn dương làm nhà ở Hà Nội đã bị tịch thu. Tôi trả lời: "Khi có lệnh chính thức sẽ làm". Tôi cũng nói ý kiến riêng tôi thì không nên làm vậy. Tôi khuyên các thủy thủ tiết kiệm được tiền cần xây nhà cao và đẹp hơn nhà anh Thêm. Tới Hội nghị Trung ương tháng 6-1983 này, tôi sẽ tình bày quan điểm của tôi về vấn đề trên.

Nghe thế mọi người phấn khởi lắm.

Một hôm anh Mười về làm việc với Hải Phòng. Làm việc xong, tôi và đồng chí Nguyễn Dần, Chủ tịch, đưa anh Mười đi xem nhà máy đóng tàu bến

Kiền. Qua Quán Toan, anh Mười trông thấy nhà anh Bút lái xe, anh Mười hỏi nhà ai mà to thế! Tôi báo cáo đó là của một lái xe Đoàn 12. Anh Mười nói: "Nếu tôi là Bí thư, Chủ tịch Thành phố, tôi sẽ tịch thu cái nhà này làm nhà mẫu giáo...". Tôi và anh Dần nhìn nhau lặng im. Khi anh Mười về rồi, anh Dần bảo tôi: "Thế là cụ Mười cũng đồng ý tịch thu nhà..." Tôi không nói gì. Anh Dần nói thêm: "Đợi chỉ thị chính thức sẽ bàn việc này anh Thành ạ"!

Tôi gật đầu và suy nghĩ...

Nay, nếu ai qua Quán Toan nhìn lại cái nhà anh Bút (mà tôi thường gọi là "Hàn Bút" vì cách đấy khoảng hơn một km có nhà "Hàn Điềm", địa chủ, cũng có cái nhà 2 tầng); nhà "Hàn Bút" và cả nhà "Hàn Điềm" nữa, so với nhà nông dân

ở khu vực đó hiện nay, không ý nghĩa gì, chỉ như những "chuồng chim to" mà thôi.

Nhân chuyện liên quan đến nhận thức, thực thi luật pháp và quyền công dân, tôi nhớ lại một việc, đối với nhà cầm quyền có thể là chuyện nhỏ, nhưng đối với một người dân là cả cuộc đời và sự nghiệp của họ.

Hôm ấy, với cương vị là Chủ tịch thành phố tôi nhận được một lá đơn kêu cứu của một sinh viên trường Đại học Hàng hải. Nội dung trình bày sự việc và tha thiết đề nghị Chủ tịch can thiệp để nhà trường nhận cháu vào học. Số là bố cháu một cán bộ của "Haiphong Ship" đã nhận vận chuyển một loại hàng hiếm vào thành phố Hồ Chí Minh, bị công an tình nghi là buôn lậu đến khám nhà. Khi ở

trường về thấy vậy, như một phản ứng tự nhiên, cháu đã vứt một túi sách sang nhà bên cạnh. Thế là cháu cũng bị bắt. Xét trong túi xách chỉ có quần áo cũ, không có gì liên quan đến vụ việc trên, vài ngày sau cháu được tha. Khi cháu trở lại trường thì trường không cho cháu tiếp tục học nữa, với lý do là đã bị bắt, bị tù. Tôi cho kiểm tra lại, và ghi ý kiến gửi tới giáo sư Lê Đức Toàn, hiệu trưởng: "Luật pháp chưa kết luận, các đồng chí cứ để cho cháu tiếp tục học, nếu sau này có bị tù, thì một người tù có học vẫn còn hơn một người tù vô học". Tôi được biết sau đó cháu đã tốt nghiệp đại học và hiện nay đang là một thạc sĩ, một nhà kinh doanh giỏi.

Cuộc kiểm tra tài chính toàn diện của Đoàn Chính phủ

Tiếp theo Tổ sắp xếp công nghiệp của

đoàn anh Tô Duy vừa kết thúc, thì đoàn kiểm tra tài chính toàn diện của Chính phủ về Hải Phòng do đồng chí Ngô Thiết Thạch, Thứ trưởng Bộ Tài chính làm trưởng đoàn. Lúc đó Hải Phòng đang nổi lên như một điển hình làm kinh tế giỏi, một "Con chim én báo hiệu mùa xuân". Nhiều lời khen, chê lẫn lộn. Có dư luận tung ra: Hải Phòng lấy đâu nhiều tiền thế để xây dựng cầu, cống, đường xá? Họ đưa ra 3 yếu tố để có tiền:

- Buôn lậu.

- Ăn cắp của kho Cảng.

- Gián điệp cho ông Thành tiền để xây dựng, nhằm nâng cao uy tín ông Thành, nhờ vậy sau này được lựa chọn vào vai trò chủ chốt quốc gia để "khuynh đảo" đất nước.

Đoàn đồng chí Ngô Thiết Thạch đến gặp Bí thư Thành Ủy ngay và với thái độ đúng đắn. Tôi tiếp họ cũng rất thẳng thắn.

Trong buổi gặp đầu tiên, tôi đã nói ngay rằng: "Đồng chí Trưởng đoàn và các đồng chí trong đoàn cứ làm việc đến xong thì thôi. Từ thành phố đến quận, huyện và cả xã nữa, các đồng chí đi đâu cũng được, xem gì cũng được. Ai cản trở việc kiểm tra cứ cho tôi biết, tôi sẽ kỷ luật người đó ngay. Còn chế độ ăn nghỉ, tùy các đồng chí:

- Ăn chế độ chung là 5đ/ngày. Nếu cần ăn thêm đoàn sẽ chi thêm, thành phố phục vụ.

- Thành phố sẽ chi hoàn toàn 35đ/ngày như mức ăn bình thường của các đoàn đến Hải Phòng từ trước.

Tôi nói thêm đó là sự minh bạch của địa phương. Chúng tôi có những nghị quyết về tiếp khách, chi tiêu, bán hàng cho khách rất rõ ràng. Thí dụ bán xe gắn máy cho khách cũng giảm 5% theo thời giá lúc bán. Thành Ủy viên và con cái Ủy viên Thường vụ thành Ủy cấm không được mua...

Tôi lại nói:

- Tùy các đồng chí lựa chọn, kẻo sau này bảo thành phố đối phó, cho ăn 5đ/ngày để cuộc sống khó khăn phải rút sớm. Hoặc bảo cho ăn 35đ/ngày là mua chuộc đoàn, để bao che lỗi lầm cho địa phương...

Đoàn làm việc một thời gian, với những kết luận đúng đắn: Hải Phòng làm ăn minh bạch rõ ràng, sổ sách ghi chép từ cái nhỏ nhất như biếu xén cấp

trên chỉ bằng hiện vật cũng đều ghi lại cho ai, tặng ai, biếu ai, đều ghi sổ sách, tiếp tân, bán hàng... đều có nghị quyết và ghi chép ngày, tháng, rõ ràng. Đoàn đã xác minh một số đối tượng, đều công nhận là đúng...

Khi đoàn rút, thành phố biếu mỗi đoàn viên 5m vải, còn tiền ăn, ở thành phố thanh toán cho đoàn chu đáo với mức 35đ/ngày. Sau cuộc kiểm tra dài ngày đó không có dư luận gì xấu về Đoàn, cũng như của địa phương.

"Chưa hết kiểm tra đâu" - tôi nghĩ. Đoàn kiểm tra của đồng chí Ngô Thiết Thạch chưa kiểm tra ngân sách Đảng. Quả nhiên tiếp sau đó đoàn kiểm tra ngân sách Thành Ủy lại về Hải Phòng do đồng chí Hoàng (Hoàng Lửa), Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương làm Trưởng đoàn và 5 cán bộ. Trước khi xuống Hải

Phòng, anh Hoàng gọi điện thoại cho tôi, nói: "Tôi được ý kiến của Ban Bí thư xuống kiểm tra ngân sách Thành Ủy. Tôi dự định làm trong 45 ngày, đề nghị anh giúp đỡ..." Tôi trả lời: "Mời anh cứ xuống làm việc, tôi sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất cho anh kiểm tra...".

Hôm sau anh Hoàng xuống thẳng Văn phòng Thành Ủy làm việc với Chánh, Phó Văn phòng và gặp đồng chí Lê Danh Xương, Phó Bí thư Thường trực Thành Ủy. Anh Hoàng nói khi kết thúc sẽ gặp anh Thành. Tôi chỉ thị cho Văn phòng Thành Ủy cung cấp mọi tài liệu về tài chính cho Đoàn, không có việc gì phải hỏi ý kiến tôi cả. Có việc gì cần, hỏi anh Xương giải quyết.

Điều thuận lợi cho Đoàn làm việc là Thành Ủy Hải Phòng vốn cấm không cho Văn phòng Thành Ủy, các Ban của

Đảng, tổ chức quần chúng, cơ quan công an, viện kiểm soát, quân sự, tham gia làm kinh tế. Những ngành không có chức năng làm kinh tế không được làm kinh tế. Mặc dù Ban Bí thư có chỉ thị số 12 về việc Đảng làm kinh tế, nhưng Thành Ủy Hải Phòng có công văn gửi Ban Bí thư xin phép cho Thành Ủy Hải Phòng không làm kinh tế. Với lý do là Đảng cầm quyền, ngân sách của Đảng do chính quyền cung cấp. Quan điểm này tôi vẫn giữ đến hôm nay, mặc dù sau 1986 tôi rời Hải Phòng, Thành Ủy Hải Phòng bắt đầu làm kinh tế và thành lập Ban Tài chính quản trị, (cũng đẻ ra phức tạp và dư luận không hay), dù nay trong cả nước Đảng đã làm kinh tế, tôi vẫn giữ ý kiến là quyết định đó không phù hợp với một Đảng cầm quyền...

Trở lại với đoàn kiểm tra Đảng của

đồng chí Hoàng dạo đó, Đoàn mới làm được 20 ngày đã hết việc, không còn việc gì phải xem xét nữa. Sổ sách chứng từ đầy đủ, Văn phòng Thành Ủy và đồng chí Lê Danh Xương đã báo cáo kỹ càng với Đoàn. Anh Hoàng vui vẻ kết thúc kiểm tra và gọi điện thoại cho biết: "Không có vấn đề phải gặp tôi, tất cả đã trao đổi với anh Xương và anh Trần Xuân Mạnh, Chánh văn phòng rồi". Và Đoàn xin phép rút về Hà Nội. Tôi mời anh ở lại để gặp nói chuyện cho vui thôi, nếu kiểm tra không còn vấn đề gì. Anh Hoàng nói hôm sau phải họp Ủy ban Kiểm tra không thể ở lại. Tôi cảm ơn anh Hoàng trước khi Đoàn lên đường. Hôm sau đồng chí Lê Danh Xương, đồng chí Trần Xuân Mạnh báo cáo lại: Đoàn rất phấn khởi. Khi ở Hà Nội nghe nhiều dư luận không hay, nay Đoàn qua thực tế thấy Văn phòng Thành Ủy giúp cho Thành Ủy chi

tiêu rõ ràng, rành mạch, không có vấn đề gì. Riêng quà biếu thì hơi rộng, thí dụ cho 5 chai nước mắm, thì nên rút xuống 2, 3 chai/người thôi...

Tôi về nói chuyện với nhà tôi: kinh tế họ nói sai, tung dư luận xấu về Hải Phòng nhưng sự thật đã được kết luận. Vấn đề tiếp chắc là vấn đề chính trị. Với ý định của họ, qua hành động, thái độ, tôi cũng dần dần hình dung ra họ sẽ làm gì những bước tiếp. Nhưng nội dung cụ thể thì tôi không thể tưởng tượng được.

Cuộc họp Hội nghị Trung ương tháng 6-1983

Cuộc họp nội dung kiểm điểm công tác 6 tháng đầu năm và đề ra nhiệm vụ hoàn thành kế hoạch 1983 do Tổng Bí thư Lê Duẩn chủ trì. Đồng chí Tổng Bí thư đọc lời khai mạc xong, phiên họp

đầu tiên do đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ Trưởng Bộ Công An điều khiển. Báo cáo tình hình 6 tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm, Văn phòng Trung ương đã gửi cho các Ủy viên Trung ương đọc, nghiên cứu trước, đến Hội nghị là phát biểu ngay. Đồng chí Phạm Hùng chỉ định tôi phát biểu trước.

Tôi phát biểu một số ý kiến ngắn gọn về Dự thảo báo cáo, còn dành thì giờ cho vấn đề "Z30", về tịch thu nhà ở Hà Nội. Tôi nói "Z30" đã ảnh hưởng rất lớn tới các mặt chính trị, tư tưởng của Đảng bộ và nhân dân Hải Phòng, nhất là nội thành.

Tôi nói một mạch 2 giờ liền.

- Rõ ràng không có cơ sở gì đặt ra việc tịch thu nhà của người dân, khi họ không

phạm pháp luật, không bị pháp luật xử. Chỉ một Quyết định của Chính quyền địa phương là xông vào đuổi người chủ ra khỏi nhà, rồi tịch thu. Trong lúc này nhà cửa cho dân ở thiếu thốn, ngay cán bộ CNVC cũng không thuê được nhà ở, hoặc có thuê được nhưng nhà hỏng không có tiền sửa chữa. Đối với những khu nhà Nhà nước quản lý thì dân xin sửa không cho, dân xin mua không bán, càng để càng dột nát, xuống cấp... Nay người dân (chủ yếu là cán bộ công nhân viên chức ở một số ngành đi công tác nước ngoài, như thủy thủ tàu viễn dương, cán bộ đi công tác nước ngoài) tích cóp được ít tiền để dựng gian nhà cho vợ con ở, thực sự phải nhìn nhận là việc tốt. Đất chật, người ta làm nhiều tầng, nhưng cũng không to tát gì. Tôi đã trực tiếp xem tịch thu 3 nhà ở Hà Nội thì thấy thảm thiết lắm. Họ kêu khóc, đội "khăn tang",

khi đội công tác đẩy họ lên xe chở đi. Tôi xin đặt ra một câu hỏi với Trung ương: "Chúng ta làm cách mạng để làm gì? Người cộng sản hy sinh suốt đời cho nhân dân, đem lại hạnh phúc cho nhân dân, thử hỏi ta đã đem lại cho nhân dân cái gì, sau khi đất nước đã được thống nhất 8 năm? Những việc của chúng ta làm là trái đạo lý. Bác Hồ trong di chúc đã nói: "Sau khi nước ta được thông nhất, chúng ta sẽ xây dựng đất nước ta to đẹp hơn, đàng hoàng hơn... " Ta chưa xây dựng thì để cho dân xây trước, còn ta sẽ xây dựng lớn hơn, cả nước thành công trường, xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Thành Ủy Hải Phòng chủ trương "ngói hóa nông thôn", mai đây sẽ xây nhà 2, 3 tầng, lại bị tịch thu hay sao? Năm 1950 khi tôi làm Bí thư Quận Ủy Ngô Quyền, cơ quan đóng ở huyện Kinh Môn, địa phương mời tôi nói chuyện về Chủ nghĩa cộng sản để

chuẩn bị Đảng ra công khai hoạt động vào đầu năm 1951, tôi đã nói với nông dân xã Châu Xá: "Khi kháng chiến thắng lợi, bà con sẽ hết cảnh nghèo khổ, không còn ở nhà tranh vách đất, mà ở nhà xây". Họ vỗ tay hoan hô không ngớt. Nay độc lập thống nhất rồi, mình không có tiền xây nhà cho dân ở, họ xây ta tịch thu, hỏi còn đạo lý gì nữa?

Hội trường im phăng phắc. Tôi nhìn anh Ba, anh Hai Hùng... Cả hai anh tỏ thái độ suy nghĩ, theo dõi ý kiến của tôi. Cuối cùng tôi đề nghị: "Hải Phòng chờ ý kiến chính thức của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thủ tướng Chính phủ sẽ thi hành nghiêm túc. Còn điện thoại nhắc nhở của một số đồng chí bảo nên bắt chước Hà Nội mà làm để có phong trào, thì chúng tôi không làm. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước Đảng và trước dân.

Có một đồng chí phê bình Hải Phòng không làm theo là vấn đề quan điểm, lập trường, chứ không phải cách làm. Tôi cho những lời phê bình đó "hồ đồ". Tôi đề nghị Hội nghị Trung ương cần bàn rõ, để thực hiện thống nhất cả nước. Hiện nay nhân dân đang do dự, suy nghĩ về chính sách của chúng ta...

Sau khi phát biểu xong, đồng chí Phạm Hùng đứng dậy thong thả, hượm, hượm vài cái, cười và nói: "Rất sáng tạo, rất sáng tạo! Tôi ủng hộ ý kiến anh Thành... Có đồng chí nào phát biểu gì, cứ nói..."

Mấy phút im lặng, rồi anh Ba đứng dậy phân tích đạo lý của Đảng ta, của dân tộc, nguyện vọng của quần chúng nhân dân. Sau đó anh hỏi: "Có đồng chí nào phân tích đạo lý hơn thì phát biểu tiếp...".

Tôi hồi hộp.

Không ngờ hai anh lại ủng hộ mạnh mẽ ý kiến của tôi đến thế. Tôi sợ quá! Nếu cứ nghe theo mấy đồng chí làm "Z30" thì thật chết, sai cả ý Đảng và lòng dân. Không hiểu cái chỉ thị "Z30" ấy ở đâu mà ra? Bây giờ Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chinh trị phụ trách nội chính lại đồng tình một cách triệt để với tôi. Biết bao suy nghĩ về vấn đề này...

Sau đó một số đồng chí Thành phố Hồ Chí Minh và phía Nam, đồng chí Quất, Bí thư Hà Bắc... phát biểu, hoan nghênh, ủng hộ ý kiến tôi. Thế là hết cái "Z30" mà sau này Hà Nội phải giải quyết hậu quả đến năm 1992-1993 mới xong.

Hội nghị Trung ương năm 1991 đồng chí Phạm Hưng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã đặt cho sự kiện "Z30" cái

tên mới là "Chết rét"... Khi phát biểu xong ngồi xuống, trông thấy đồng chí Hồng Hà, Tổng biên tập báo Nhân dân ngồi ghế sau, tôi quay lại nói với đồng chí Hồng Hà: báo Nhân dân ngày... 6-1983 có đăng 6 bài phê bình các địa phương không tịch thu nhà. Trong 6 bài đó có 5 bài phê bình Hải Phòng, một bài phê bình Hà Bắc... Tôi xin nhắc anh Hồng Hà, anh có đăng một triệu bài, nhưng không có chỉ thị đóng dấu búa liềm và quốc huy tôi cũng không làm đâu..." Anh Hồng Hà đính chính: "Đó là Tổ ý kiến bạn đọc cho in, tôi không biết...".

Giữa thời kỳ hòa bình xây dựng đất nước mà có những việc làm kỳ lạ như vậy, thật đáng làm một bài học cho các thế hệ cấp Ủy mai sau suy nghĩ và thận trọng. Khi sai sẽ gây ra bao oán thù, nó sẽ tích tụ chồng chất dần lên, thành những hận

thù sâu xa đến tận đời con, đời cháu... Khi có biến cố chính trị, những người bị xử sai này dễ ngả về phe chống đối cách mạng mà ta không thể coi thường.

Khi chúng ta ở thế "thượng phong", phải nghĩ đến lúc "hạ mạt". Trách nhiệm của người đi trước, phải biết để lại "hồng phúc" cho người đi sau. Chớ để xảy ra chuyện: "Cha ăn mặn, con khát nước" như dân gian thường nói. Những người cầm cân nảy mực một quốc gia càng phải nắm lấy những điều răn dạy của tổ tiên, và của các bậc hiền triết đã để lại cho nhân loại biết bao châm ngôn, tục ngữ... Chúng ta cần đọc kỹ, suy ngẫm kỹ. Bất kỳ hoàn cảnh nào cũng có thể ứng dụng, cho chuẩn mực, cho đúng đạo lý.

Kinh nghiệm sai lầm trong Cải cách ruộng đất, rồi chỉnh đốn tổ chức, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh,

tưởng rằng những bài học lớn lao đó chưa xa lắm. Tôi vẫn thường nghiêm khắc xem xét chính mình việc vận dụng học thuyết của Marx-Lénine, tư tưởng Hồ Chí Minh, với quan điểm chính trị, lập trường giai cấp cho nhuần nhuyễn, phù hợp với đạo lý muôn thuở mà tổ tiên ta để lại.

Có như vậy mới hy vọng tạo nên sự hòa hợp đoàn kết với tầm cao hơn, sâu rộng hơn, không chỉ có lý trí mà còn tình cảm của người đối với người... xây dựng một nước giàu, đủ sức bảo vệ lổ quốc, không bao giờ để ngoại bang xâm chiếm, nô dịch bằng bất kỳ hình thức nào.

Tổ chức kỷ niệm 30 năm giải phóng Hải Phòng

Từ 13-5-1955 đến 13-5-1985, tôi đã chứng kiến biết bao đổi thay của thành

phố Cảng Hải Phòng. Tiếp quản, xây dựng rồi chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ kéo dài từ 8-1964 đến tháng 2-1973, ròng rã 9 năm liền. Chín năm ấy giặc Mỹ đã tàn phá gần 3/4 thành phố công nghiệp lớn thứ hai miền Bắc. Hàng nghìn chiến sĩ và nhân dân hy sinh do bom Mỹ giết hại, không kể hàng vạn con em Hải Phòng vào miền Nam chiến đấu, góp phần giải phóng miền Nam để rồi hàng nghìn chiến sĩ nằm lại trên chiến trường miền Nam máu lửa. Trung đoàn Hải Phòng chi viện cho Đà Nẵng, khi giải phóng Đà Nẵng, đã không còn một chiến sĩ nào của Trung đoàn trong số quân đi vào đợt đầu... Vậy mà sau 10 năm, quân dân Hải Phòng dưới sự lãnh đạo của Thành Ủy, sự chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ, đã khôi phục, xây dựng lại Thành phố khang trang hơn, lịch thiệp hơn, từng bước thực hiện Di

chúc của Bác Hồ.

Để đón nhận Huân chương Sao vàng của Nhà nước trao tặng, Thành Ủy, Ủy ban Nhân dân Thành phố tổ chức ngày kỷ niệm với đầy đủ ý nghĩa lớn lao của nó. Trước hết phát động phong trào thi đua xây dựng thành phố, tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội, khơi dậy một tinh thần tự lực tự cường, không ỷ lại trông chờ, mà phát huy từ tiềm năng của thành phố, cùng với sự giúp đỡ của Trung ương, sự hợp tác với các tỉnh, thành trong cả nước, đồng thời tận dụng sự hợp tác quốc tế để xây dựng một mô hình XHCN của một địa phương, góp phần kinh nghiệm cho Trung ương.

Thành Ủy, UBND thành phố, tổ chức kỷ niệm 30 năm giải phóng rất long trọng. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Chính phủ, phân công nhau

về các địa phương dự, vì dịp này cả nước cũng kỷ niệm 10 năm giải phóng, thống nhất đất nước. Thủ tướng Phạm Văn Đồng về dự với Hải Phòng, còn đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn xuống chúc mừng Hải Phòng trước một ngày. Đồng chí Chủ tịch Trường Chinh gọi điện cho tôi chúc mừng Hải Phòng và nói thêm: "Tôi cũng muốn đi Hải Phòng nhưng không được phân công, nên gọi điện chúc mừng Hải Phòng. Đồng chí chuyển lời tôi đến Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang Hải Phòng giúp tôi". Giọng nói và lời văn của Chủ tịch Trường Chinh đến hôm nay nhớ lại tôi còn rất xúc động về tình cảm của đồng chí.

Anh Đỗ Mười cũng rất nhiệt tình. Anh gọi điện cho tôi, nói rằng anh sẽ xuống dự và sẽ giục anh Đồng Sĩ Nguyên với các đồng chí khác cùng xuống dự...

Ngày lễ lớn trên lễ đài Thành phố, Đoàn chủ tịch chỉ thiếu vắng Tổng Bí thư Lê Duẩn và Chủ tịch Trường Chinh, còn hầu hết các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư đều đến dự và tham gia Chủ tịch đoàn. Ngày kỷ niệm có diễu hành của lực lượng quần chúng, diễu binh của thủy, lục, không quân rất hoành tráng. Các đoàn đại biểu tỉnh bạn kết nghĩa của Campuchia và Lào khi thấy máy bay phản lực bay qua lễ đài đã nói: "Chúng tôi kỷ niệm ngày Quốc khánh cũng không bằng Hải Phòng...".

Các đồng chí lãnh đạo Hải Phòng và Kiến An qua các thời kỳ đều được trân trọng mời về dự. Các đồng chí về khá đông đủ.

Ngày tổ chức kỷ niệm 30 năm giải phóng Hải Phòng, Kiến An thành công rất tốt đẹp, gây được không khí vui tươi,

hào hứng cho mọi tầng lớp nhân dân Thành phố.

Đến cuối năm tôi cùng Ban Thường vụ Thành Ủy chủ trì hoàn tất 46 Nghị quyết của Thành Ủy và Ban Thường vụ Thành Ủy. Tôi lên báo cáo với anh Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách tổ chức, rằng hết năm 1985 tôi xin nghỉ. (Dự định này tôi đã chuẩn bị từ lâu, chuẩn bị cả cho vợ tôi cùng các cháu. Tôi phục vụ cách mạng đã tròn 40 năm, sức khoẻ do tù đày bệnh tật hiện suy giảm, vả lại cũng chưa bao giờ tha thiết quyền chức, danh lợi. Các cụ xưa đã răn dạy phải biết rút lui đúng lúc mới là người hiểu đời).

Tôi bị đồng chí Lê Đức Thọ phê phán là thiếu ý chí vươn lên. Tôi thưa lại rằng hàng năm tôi đã báo cáo Tổ chức là đến năm 56 tuổi tôi xin nghỉ, để Tổ chức biết

trước, khỏi bị động... Anh Thọ lại tỏ ra nóng giận:

- Cậu nói thế khác nào cậu nói chúng mình. Cậu mới hơn 50 tuổi, chúng mình đã 70 tuổi... Cậu đã được xếp vào đội ngũ kế cận... Tại sao lại nghĩ như vậy.

- Tôi lại thưa với anh, tôi cũng được anh Nguyễn Đức Tâm cho biết như vậy. Nhưng tôi báo cáo với anh kẻo có người lại nghĩ tôi được trên chú ý, quên lời hứa của mình, anh em địa phương sẽ coi thường...

Anh Thọ đứng dậy nói:

- Thôi, bỏ cái ý định ấy đi. Cậu ở Hải Phòng làm tốt, tôi đã hỏi cung Hoàng Trừ, Trường Xuân, cậu gìn giữ lắm, gìn giữ lắm.

Rồi anh hỏi sang việc khác. Anh

Thọ không chỉ nói riêng với tôi, mà còn nói với cán bộ giúp việc. Anh Đạt, thư ký của anh, đã đôi lần nói với tôi: "Tôi ít thấy anh Lê Đức Thọ khen cán bộ cao cấp trước mặt đông người, nhưng anh Thọ đã khen anh trước nhiều người: Cậu Thành cậu ấy gìn giữ lắm!.".

Giờ đây tôi đã có thể nói rất thành thực rằng: "Anh Thọ cũng làm tôi khổ nhiều lần". Tôi vẫn rất kính trọng cái "tài" và tính "quyết đoán" của anh, nhưng tôi thấy anh còn khá độc đoán chuyên quyền về công tác Tổ chức cán bộ.

Việc tôi xin nghỉ sau tổ chức lễ kỷ niệm 30 năm giải phóng Hải Phòng bị lọt ra ngoài. Những kẻ xấu tung tin tôi sợ lên Trung ương bị "vạch mặt" nên "ăn non". Kỳ này vào Đại hội Đảng toàn quốc sẽ "lột lon", hoặc điều đi để "điệu hổ ly sơn". Có như vậy mới trị được những tay

chân như Trưởng Xuân. Nào là kỳ này nếu không đánh bật Đoàn Duy Thành ra khỏi Trung ương thì cũng làm cho mất nhiều phiếu bầu, để không đủ vào Bộ Chính trị, không có điều kiện ngoi lên cao. Trong số những kẻ xấu bụng ấy, tôi biết rõ nhất là anh Tô Duy, anh Nguyễn Thắng, còn có tên là Thắng Rỗ, Thắng Lầm. Họ đi gặp các cơ sở quận Ngô Quyền và những anh chị em bị bắt, kêu gọi, kích động, để họ vu khống tôi. Nhiều anh chị em được anh Tô Duy đến tận nhà phát động như anh Sửu, cô Định v.v... Nhưng không ai theo họ cả, lại vào báo tin cho tôi biết. Trừ anh Hoàng Chữ đã viết một lá thư gửi cho đồng chí Đỗ Mười. Đồng chí Đỗ Mười xem xong chuyển cho anh Nguyễn Đức Tâm, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương. Các anh ấy làm có lớp lang, bài bản, khá chu đáo... Mặt khác các anh ấy kéo thêm một

số bạn bè, cán bộ dưới quyền (nhưng chẳng ai bị tù, trừ anh Hoàng Chữ, một nhân chứng sống của các anh ấy. Sau nay anh Hoàng Chữ khi đối chất đã phải xin lỗi tôi, nói rằng mình bị tác động. Tôi sẽ nói kỹ vấn đề đối chất ở chương khác).

Về phía gia đình tôi, vợ tôi và các cháu đều nói do tôi quyết định mọi việc. Các cháu là đảng viên, cán bộ trung cấp, chúng nói: chưa đủ độ "chín" để tham gia vào việc của bố! Riêng cụ thân sinh ra nhà tôi đã gần 90 tuổi, cụ khuyên tôi: "Trèo cây đã đến buồng rồi, không nên nghỉ...".

Bè bạn, đồng chí thân thiết cũng khuyên tôi không nên nghỉ sớm, nếu Đảng và Nhà nước còn sử dụng.

Tôi cũng thấy khó xử. Mối quan hệ xã hội cũng ràng buộc tôi, để đáp ứng cả

người có động cơ xấu và người có động cơ tốt với mình. Xem ra không cách nào khác là về Hà Nội, nhận một công việc thích hợp với khả năng, nhất là không chen vào ai, đặc biệt là anh Mười. Tôi nghĩ không bao giờ tôi chen lấn vào anh, vì anh là Thủ trưởng cũ của tôi, hơn nữa trong tư duy của hầu hết các "vị bô lão" ít ai dám mạnh bạo cho lớp trẻ vượt lên trên. Đặc biệt là anh Mười. Qua nhiều năm làm việc với anh, tôi hiểu ý anh rất sâu sắc. Đôi khi anh mới nói nửa lời tôi đã biết anh định nói gì rồi, chỗ nào nói thật, chỗ nào nói chỉ để động viên người khác. Tôi đã có ý định nếu được xếp vượt lên trên anh Mười là tôi kiên quyết rút, nhường anh Mười ngay.

Cũng như đối với anh Bùi Quang Tạo, khi trên có ý định điều anh Tạo về Trung ương, tôi tha thiết đề nghị anh Tạo

ở lại làm Bí thư, tôi chỉ làm Chủ tịch là đủ. Tiếc rằng anh Tạo đã qua đời, chỉ còn anh Nguyễn Đức Tâm biết rõ chuyện đó.

Tôi thường suy nghĩ nhiều và đôi khi rất buồn về những kỳ chuẩn bị Đại hội Đảng ở địa phương cũng như toàn quốc. Đã có lần tôi trực tiếp nói với anh Ba, anh Trường Chinh, anh Lê Đức Thọ, anh Nguyễn Đức Tâm là việc phê bình, tự phê bình, nên làm thường xuyên hàng năm đối với cán bộ lãnh đạo các cấp.

Khi tổ chức Đại hội chỉ tập trung bàn công việc phải làm trong nhiệm kỳ và hàng năm của nhiệm kỳ đó, không nên cứ đến nhiệm kỳ 5 năm mới làm kỹ về phê bình. Làm như vậy mất thì giờ, những người cơ hội muốn lật nhau, thường tìm mọi cách nói xấu, vu khống để tranh giành địa vị trong các kỳ bầu cử của Đại hội. Các đồng chí lãnh đạo

các cấp nhiều khi cũng lợi dụng các cuộc phê bình, tự phê bình, để loại trừ những người không ăn cánh với mình. Điều đó khiến cho việc chuẩn bị đại hội thường căng thẳng, không hồ hởi phấn khởi như ý nghĩa ngày hội lớn của Đảng. Những người muốn vào địa vị này, địa vị khác, chạy chọt, tranh thủ, buồn vui... không xứng với tầm cao của một đảng tiên phong, vì nhân dân mà làm cách mạng, không đúng với tư tưởng và đạo đức của Bác Hồ, tạo nên một thói hư trong Đảng.

Nghe tôi trình bày những suy nghĩ trên rất mừng là các đồng chí không có phản ứng gì, nhưng việc làm vẫn không thay đổi, vẫn làm theo cách làm cũ, nặng nề và mệt mỏi. Nhất là những Đại hội thay đổi cán bộ chủ chốt, thật là mệt và buồn. Như Đại hội 6, anh Linh thay anh Trường Chinh, Đại hội 7 đưa anh

Văn ra kiểm điểm những việc mà anh Trường Chinh nói với tôi nhiều lần, đã giải quyết từ năm 1941-1942. Đại hội 9 thay anh Lê Khả Phiêu v.v... Ta không có chính sách đào tạo nhân tài, cứ "nước đến chân mới nhảy". Anh Nguyễn Văn Linh đã nói nhiều lần ở Hội nghị Trung ương: "Tôi có được chuẩn bị làm Tổng Bí thư đâu", và lúc cần quá, phải đi tìm người, anh Linh ví: "Chẳng khác gì cầm bó đóm đi tìm ếch, tìm không được ếch, lại bắt được nhái". Anh Nông Đức Mạnh cũng than phiền là không được đào tạo làm Tổng Bí thư, Đại hội cử thì phải làm thôi...

Chúng ta đều biết "nhân tài" là nguyên khí của quốc gia. Một nước có 80 triệu dân thì nhân tài không phải hiếm. Có chính sách và có cơ chế đúng, cộng thêm người đứng đầu đất nước quan tâm

là ra nhân tài. Nhưng đào tạo nhân tài quốc gia mới là chuyện quan trọng nhất. Phải có cơ chế rõ ràng, dân chủ tuyển dụng, đồng thời không những nâng cao dân trí, truyền thống văn hóa dân tộc và văn hóa thế giới cho mọi người hiểu được tiêu chuẩn thế nào là nhân tài. Phải qua khảo nghiệm thực tế, hành động thiết thực, ứng phó lúc khó khăn, liêm khiết, bình dân, gần quần chúng, đã được kiểm nghiệm như kiểu Bin Clinton đã qua mấy nhiệm kỳ Thống đốc bang làm rất giỏi, Hồ Cẩm Đào qua các vùng tự trị cam go nhất, qua nơi kinh tế lập trung, giải quyết các công việc phức tạp, được kiểm nghiệm là có tài. Như vậy người ta ở một nước lớn, đông dân, mà có Tổng thống 47 tuổi, Tổng Bí thư kiêm Chủ tịch nước 59 tuổi.

Đương nhiên còn bao vị tiền bối,

trưởng lão muốn giữ quyền, nhưng với tài năng, đức độ của nhân tài được quần chúng suy tôn mến phục, thì các vị trưởng lão cũng tránh cho nhân tài đi lên. Lịch sử Việt Nam những Triều đại có "Vua sáng, tôi hiền" vẫn chọn được nhân tài đó thôi. Bước vào chuẩn bị Đại hội VI, công việc rất khẩn trương như bao kỳ Đại hội khác. Nhưng lần này đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đã qua đời, đồng chí Trường Chinh được tái cử làm Tổng Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu lại, tham gia Bộ Chính trị... Những việc đó có liên quan đến vấn đề nhân sự chủ chốt của Đại hội.

Về phần tôi, càng gần đến Đại hội những người có ý định không tốt càng tìm mọi cách làm giảm uy tín tôi, bịa đặt nhiều chuyện ly kỳ ngoài hậu trường. Còn chính trường thì những động tác

của một hai đồng chí chủ chốt, có trách nhiệm về nhân sự, như anh Lê Đức Thọ, với cương vị phụ trách Tổ chức Đại hội, nói góp thêm trong các cuộc họp lớn của cả nước.

Tôi nhớ có hai lần:

- Lần thứ nhất ở Hội nghị cán bộ chủ chốt các địa phương, Anh Thọ nói về chuyện mấy đồng chí Bí thư Tỉnh, Thành Ủy, xuất bản Tuyển tập để tuyên truyền đề cao cá nhân. Tôi được biết có 3 Tuyển tập của 3 Bí thư là: Anh Nguyễn Văn Linh - Bí thư Thành Ủy thành phố Hồ Chí Minh, anh Hoàng Minh Thắng - Bí thư Tỉnh Ủy Quảng Nam Đà Nẵng, và tôi là Bí thư Thành Ủy Hải Phòng. Ba tác phẩm này đều xuất bản đầu năm 1985 để kỷ niệm 10 năm giải phóng miền Nam và 30 năm giải phóng Hải Phòng. Về lý do xuất bản tuyển tập của hai đồng chí

trên thì tôi không rõ, còn quyển sách của Hải Phòng do Ban Tuyên huấn Trung ương chỉ đạo. Đồng chí Hoàng, Phó ban xuống Hải Phòng, chọn lựa bài nói của tôi, cộng với Nhà xuất bản Hải Phòng cho in cuốn: "Hải Phòng trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ" (Đoàn Duy Thành), Nhà xuất bản Hải Phòng. Đồng chí Hoàng giải thích là 30 năm kỷ niệm Hải Phòng giải phóng, cần có cuốn sách của lãnh đạo Thành phố để tuyên truyền giáo dục cho Đảng viên và nhân dân. Mọi việc đều do đồng chí Hoàng và Ban Tuyên huấn làm cả. Đồng chí Nguyễn Hữu Huân, Giám đốc Nhà xuất bản (nay đang ở Hải Phòng) chỉ đưa tôi duyệt qua những đầu bài tôi viết. Tôi không hề quan tâm một chút nào đến quyển sách này, nhất là ý đồ đề cao uy tín cá nhân...

Sau khi anh Lê Đức Thọ nói xong, một số cán bộ "dịch" ra là: anh Thọ ám chỉ Đoàn Duy Thành đấy! Như anh C.VT, cấp thứ trưởng cùng nhiều anh em nói cho tôi biết, tôi chỉ cười vui vẻ và cảm ơn.

- Lần thứ hai là: Hội nghị Ban Tuyên huấn toàn quốc, gồm các đồng chí Trưởng, Phó Ban Tuyên huấn các tỉnh, thành phố và các Bộ ngành Trung ương dự họp. Trong buổi đến nói chuyện, anh Lê Đức Thọ nói: "Đồng chí Trưởng ban Tuyên huấn Hải Phòng về nói với anh Thành, Bí thư Thành Ủy biết là anh Tố Hữu tặng Hải Phòng bài thơ có 8 câu, 4 câu khen, 4 câu phê bình, anh Thành chỉ phổ biến 4 câu khen, cắt 4 câu phê bình...".

Nghe anh Lê Đức Thọ nói, cả Hội nghị xôn xao bàn tán...

Đồng chí Tô Ngạc, quyền Trưởng ban Tuyên huấn đi họp về phản ảnh cho tôi biết. Sau một tuần, tôi đến nhà anh Lê Đức Thọ, mang theo bài thơ: "Mừng Hải Phòng" của anh Tố Hữu gồm 8 câu, in giấy trắng bóng, rất đẹp có ký tên Tố Hữu:

Bốn cống, ba cầu năm cửa ô

Đào kênh lấn biển mở cơ đồ,

Làm ăn hai chữ à ra thế

Chèo chống nghìn tay một tiếng hô.

Nhộn nhịp Sáu kho vui đất Cảng

Khang trang Tam Bạc rạng Thành Tô

Giá còn nữ tướng Lê Chân nhỉ?

Ất cũng khen con cháu Bác Hồ!

Ký Tố Hữu

Ngoài ra anh Tố Hữu còn làm thêm 4 câu, dặn đồng chí Lê Danh Xương - phó Bí thư Thường trực, đồng chí Tô Ngạc, quyền Trưởng ban Tuyên huấn, đồng chí Vũ Long,Tổng Biên tập báo Hải Phòng, nhà thơ Nguyễn Viết Lãm, về báo cáo với tôi là: "Bốn câu thơ này làm ngoài, chỉ đọc cho Ban Thường vụ Thành Ủy nghe không đăng báo, không phổ biến rộng rãi". Nhưng tôi đã phổ biến cả 4 câu, gồm 12 câu cho cán bộ Hội nghị và toàn thể hội viên Hội nhà văn Hải Phòng cùng nghe:

Triều dâng sóng dậy đời ca lát,

Gió tự Đồ Sơn mát Thủ đô,

Tám nghề, bảy chữ đừng ham nhé!

Chín chắn mười mươi cũng chớ phô.

Tôi báo cáo với anh Thọ và đưa cho

anh xem toàn bài thơ. Anh xem xong tỏ vẻ nghĩ ngợi, không nói gì, bắt tay tôi. Tôi chào anh ra về, cũng không nói gì thêm (Tôi sẽ nói kỹ việc này ở chương anh Tố Hữu với Hải Phòng).

Thế đấy! Đến Đại hội, có nhiều chuyện tương tự như câu chuyện của tôi. Nhiều đồng chí phàn nàn, còn tôi đã có quan điểm riêng, nên tôi coi những vấn đề này như mình đã dự đoán trước, không có gì phải suy nghĩ cả.

Trong lúc ấy, tôi thấy anh Mười gặp tôi rất vui vẻ. Tôi biết anh đã nắm chắc vấn đề gì về tôi rồi. Anh Tô Duy đã tìm ra ngón đòn "hiểm" đánh vào sinh mệnh chính trị của tôi, nhất là thư của anh Hoàng Chữ (cùng tù với tôi ở Cát Bi) gửi anh Mười, tố cáo tôi không bị tra tấn gì, mặc quần áo trắng, đọc nhật trình, xem địch tra tấn anh em. Anh Hoàng Chữ

được coi là một nhân chứng sống duy nhất.

Anh Tô Duy dùng vấn đề kinh tế không lật được tôi, chuyển sang chính trị cũng rất có bài bản. Nhưng vì bịa chuyện nên dễ sơ hở. Tôi ở trong tù không ai biết tên tôi là Đoàn Duy Thành, mà chỉ tên là Duy, không ai biết tôi làm chức vụ gì ở ngoài cả. Thế mà anh Hoàng Chữ dám nói: "Tôi trông thấy một anh đẹp trai, trắng trẻo, mặc quần áo trắng, đọc nhật trình. Tôi hỏi ai đấy? Anh em tù bảo đó là anh Đoàn Duy Thành, Bí thư quận Ủy Ngô Quyền...".

Sau này đối chất, kết luận xong, các đồng chí sao cho tôi một bản thư anh Hoàng Chữ, thấy chữ anh Mười ký ở dưới (chữ ký tắt ít người biết là chữ ký anh Mười), cùng với ý kiến chuyển thư của anh Hoàng Chữ cho anh Nguyễn

Đức Tâm, Trưởng ban Tổ chức Trung ương xem xét.

Lúc đó tôi bị tiến công tứ phía. Anh Tô Duy lúc này đã tập hợp thêm được một số người. Ngoài người cũ là anh Tô Duy, Nguyễn Thắng (Thắng Lầm), Hoàng Chữ, có thêm anh Nguyễn Mạnh Ái, nguyên Cục phó cục bảo vệ quân đội, nguyên Bí thư Quận Ủy Ngô Quyền, anh Trịnh Đình Hoành, nguyên Quận đội trưởng quận Ngô Quyền, anh Lê Quang Tuấn, nguyên Bí thư Thành Ủy Hải Phòng, anh Trần Đông, nguyên Bí thư Thành Ủy Hải Phòng...

Tôi buộc phải suy nghĩ.

Những người này trước đây cũng là những đồng chí tốt, thân thiết với mình, sao nay bỗng nhiên cùng nhau tố giác mình trước ngày sắp diễn ra Đại hội lần

thứ 6? chắc có thế lực nào đứng sau, đủ sức mạnh thuyết phục mới kéo được đông cán bộ chủ chốt Hải Phòng vào tố cáo mình, dùng đa số để quật ngã mình đây. Nhưng ai là người đứng sau họ? Tôi vẫn còn phân vân chưa xác định...

Những tháng đầu năm 1986, tôi phải đương đầu với bao nhiêu "cuộc chiến".

Tôi nhớ nhất vào tháng 3-1986, cuộc họp tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đấu Bí thư Thành Ủy Hải Phòng theo cơ chế thị trường, do cố vấn Liên Xô Pascard báo cáo.

Trước khi có cuộc họp này, một buổi chiều vừa làm việc xong, tôi được điện thoại của anh Hồ Nghinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Ban Kinh tế Trung ương cho biết:

- Tối hôm nay tôi và các anh Vũ Quang, Ủy viên Trung ương Đảng, Chánh văn phòng Trung ương xuống bàn với anh một việc rất cần. Anh chuẩn bị cho chúng tôi ăn cơm tối, bàn công việc xong là chúng tôi về Hà Nội ngay.

Tôi chuẩn bị cơm tối, chờ hai anh xuống cùng ăn và làm việc. Chín giờ tối các anh mới đến nhà khách số 13 Trần Hưng Đạo. Lúc đó đường số 5 còn xấu lắm, phải qua 2 cầu, nếu có xe lửa qua phải đợi, thường phải đi 3-4 giờ từ Hà Nội mới tới Hải Phòng. Nhưng vì hai anh hết lòng ủng hộ cuộc đổi mới của Hải Phòng nên đã cấp tốc xuống Hải Phòng thông tin cho tôi biết có cuộc họp quan trọng, để tôi chuẩn bị chu đáo. Một số người dự định sẽ đánh bại Hải Phòng trong kỳ họp này. Hai anh bảo tôi phải chuẩn bị kỹ báo cáo, có lập luận vững

chắc để phản bác lại luận điệu bảo Hải Phòng đi theo kinh tế "thị trường"...

Tôi thấy anh Hồ Nghinh, anh Vũ Quang tâm huyết với Hải Phòng quá cũng rất xúc động. Làm cho dân giàu nước mạnh mà vất vả thật! Chúng tôi vừa ăn cơm, vừa bàn những phương sách đối phó, đến hơn 12 giờ khuya mới ăn cơm xong. Tôi tiễn hai anh về Hà Nội và nói: "Hai anh cứ yên tâm, tôi sẽ chuẩn bị kỹ và nói đầy đủ sự thật của Hải Phòng từ sau đổi tiền đến nay". Đúng như hai anh thông báo, hôm sau tôi nhận được điện hoả tốc lên Hà Nội họp ở nhà số 10 khu biệt thự Hồ Tây. Lúc này anh Ba yếu, thường nghỉ ở đây. Họp ở Hồ Tây anh Ba dự cho thuận tiện. Hôm sau tôi đi sớm từ Hải Phòng lên, đúng 8 giờ sáng ngày 23 hay 26-3-1986, tôi không nhớ chính xác, đã tới nơi họp.

Tôi đi đến trạm gác khu biệt thự, trông thấy một đồng chí đi lén ở sau nhà và vẫy tay ra hiệu gọi tôi. Tôi cho dừng xe lại, bước xuống. Đó là đồng chí Nguyễn Lam, Ban Bí thư, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương. Bắt tay tôi và ghé vào tai tôi, anh nói rất nhanh: "Hôm nay Bộ Chính trị đấu Hải Phòng đi theo kinh tế thị trường, do đồng chí Pascard, cố vấn Liên Xô báo cáo với Bộ Chính trị. Anh liệu mà báo cáo".

Cảm ơn anh Nguyễn Lam, Hồ Nghinh, Vũ Quang phải lo lắng cho Hải Phòng. Còn với tôi, tôi đã chuẩn bị kỹ những việc làm, tôi cảm thấy rất tốt, và rất đạt kết quả, đặc biệt sau đổi tiền. Tôi đã báo cáo kỹ với đồng chí Pascard khi đồng chí xuống Hải Phòng cuối năm 1985, xem xét kết quả đổi tiền. Đồng chí còn khen Hải Phòng giải quyết sáng tạo,

không bị động như một số nơi đồng chí đến nghiên cứu. Không biết vì sao mà phải có cuộc họp quan trọng này?

Tôi bước vào Hội nghị vẫn bình thường như bao cuộc họp khác mà Bộ Chính trị, Ban Bí thư gọi lên báo cáo.

Tôi thấy Hội nghị ngồi im phăng phắc, như đang đợi một cái gì đó. Tôi đến chào và bắt tay đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn và tất cả các đồng chí dự Hội nghị, khoảng hơn 40 người.

Anh Ba nói vài lời tuyên bố lý do và bảo tôi báo cáo tình hình Hải Phòng và các giải pháp giải quyết sau đổi tiền. Tôi báo cáo với Hội nghị gần 3 giờ, kể cả trả lời một vài câu hỏi chen ngang của vài đồng chí, Đến gần 11 giờ thì xong.

Anh Ba đứng dậy không nói gì thêm,

chỉ hỏi có đồng chí nào bổ sung hoặc hỏi thêm tôi gì không. Hội nghị ngồi im không ai nói gì. Anh Ba tuyên bố: Hội nghị nghỉ trưa, chiều họp tiếp.

Chiều họp tiếp, anh Ba nhắc hỏi đồng chí nào có biện pháp hay hơn thì phát biểu. Anh Nguyễn Thanh Bình đứng lên, nói đại ý biện pháp giải quyết sau đổi tiền của Hải Phòng như vậy là tốt, cần rút kinh nghiệm chung, anh cũng bổ sung thêm một số kinh nghiệm của Hà Nội... Một vài đồng chí khác phát biểu đều ủng hộ cách giải quyết sau đổi tiền của Hải Phòng cho là sáng tạo, linh hoạt nên không ách tắc do thiếu tiền lẻ gây ra. Nhất là chỉ đạo đổi tiền tháng 9-1985, Thành Ủy đã phân công tất cả Ủy viên Thường vụ trực tiếp chỉ đạo từng huyện, quận, nên không có sai sót gì đáng kể, sản xuất vẫn phát triển, dân không kêu

ca thiếu tiền lẻ như các nơi, lưu thông phân phối không trì trệ...

Hội nghị với mục đích "đấu" Hải Phòng đi theo kinh tế thị trường, trở thành Hội nghị bàn biện pháp khắc phục sau đổi tiền.

Khi ra về tôi bắt tay chào anh Nguyễn Lam, anh Hồ Nghinh, anh Vũ Quang, anh Tiệp, cán bộ theo rõi Hải Phòng. Các anh ấy đều phấn khởi. Anh Hồ Nghinh nói: "Thế là ta đã thắng...". Anh Nguyễn Lam bắt tay tôi thật chặt và nói: "Đúng là Đoàn Duy Thành". Còn đồng chí Tiệp thì xuýt xoa "Tôi lo quá! Lo cho anh, lo cho Hải Phòng. Mấy ông găng lắm đấy! Không hiểu sao, sau khi nghe báo cáo của anh lại không thấy nói gì...".

Nhưng chưa hết gian khổ. Càng đến gần Đại hội, càng nhiều việc. Anh Lê

Đức Thọ gọi tôi lên chất vấn về tàu "Hoa Phượng Đỏ" của Hải Phòng đi buôn lậu hàng cũ ở Nhật Bản. Chỉ do một số thủy thủ mua mấy cái xe máy cũ của Nhật Bản về cảng, trốn thuế bị bắt, trong đó có con rể đồng chí Nguyễn Dần mua 2 cái. Chính vì việc này mà đồng chí Lê Đức Thọ kiên quyết không để anh Dần làm Bí thư Thành Ủy và không được đi dự Đại hội 6.

Tôi trình bày có tính tranh luận với anh Thọ về tàu "Hoa Phượng Đỏ" buôn lậu. Anh Thọ nói:

- Các anh không ra quyết định hủy tổ chức đội tàu, tôi sẽ bảo Ban Bí thư ra quyết định bác bỏ quyết định của các anh. Tôi đã hỏi anh Đồng Sĩ Nguyên rồi...

Tôi cãi lại, tôi làm đúng chỉ thị của đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư và đã

được Chính phủ cùng Bộ Ngoại thương ra văn bản đồng ý. Chúng tôi không làm sai. Nếu bây giờ lại bảo sai và có văn bản của Ban Bí thư bác bỏ quyết định của địa phương, tôi cũng chấp hành nghiêm chỉnh. Tôi nói đến đấy, anh Thọ bảo: "Thôi được, tôi sẽ xem sau". Thế là kết thúc Sau đó anh Thọ cũng không nhắc lại việc này nữa.

Tôi còn một lần nữa tranh luận với anh Thọ là việc xử vụ Trường Xuân. Không rõ anh Thọ nghe phản ánh ở đâu, bảo Trường Xuân buôn bán xe tăng, buôn xác lính Mỹ (!?) đủ tội để xử tử hình. Tôi gặp anh Linh, Tổng Bí thư, thái độ anh không rõ rệt, bảo anh Thọ phụ trách việc này.

Anh Lê Đức Anh thì ủng hộ, bảo tôi:

- Anh với tôi cứu nó khỏi mất cái đầu đã, rồi sẽ tính sau.

Tôi gặp anh Mười thì anh phân vân, cũng muốn cứu, nhưng nói:

- Hình như cậu này là thành phần tiểu thương, chẳng có huân chương, huy chương gì cả...

Tôi nói:

- Thành phần thì tôi không biết, nhưng huân, huy chương tôi thấy cậu ta đeo đầy ngực...

Anh Mười suy nghĩ. Tôi hiểu ý anh cũng không muốn xử mức án cao nhất. Tôi gặp anh Trần Xuân Bách, người được anh Thọ giao cho hỏi cung Trường Xuân, anh Bách bảo tôi: "Mình hỏi 3 lần, nhưng chẳng có gì, mình thôi rồi...".

Mọi người bảo tôi, việc bây giờ là ở anh Thọ.

Các anh bên Bộ Quốc phòng cũng bảo tôi như vậy. Anh Văn Tiến Dũng muốn cứu nhưng nói hơi khó. Mọi người bảo tôi muốn cứu Trường Xuân thì phải gặp anh Thọ. Anh Thọ đã hỏi cung Trường Xuân và khen tôi "giữ gìn lắm". Tôi biết, làm kinh tế liên quan đến tiền, hàng. Muốn làm giàu cho đất nước, người lãnh đạo phải ý tứ gương mẫu từ những cái nhỏ nhất. Khi tổng kết các chương trình của quân đội, anh em đều gửi tặng phẩm cho tôi, tôi nhận hết và gửi lại tặng chiến sĩ có thành tích nhất. Quân đội làm biết bao công trình quai đê, lấn biển cho thành phố, thành phố trả công chu đáo, nhưng không bao giờ tôi nhận một gói chè của anh em. Tôi đến gặp anh Thọ trình bày chủ trương

của Thành Ủy đã chỉ thị cho lực lượng vũ trang làm công trình quai đê lấn biển cho thành phố, cấm buôn bán, có nghị quyết của Thành Ủy rành mạch. Còn Bộ chỉ huy Hải Phòng làm kinh tế, là do Bộ Quốc phòng cho phép. Còn họ lợi dụng tham ô như thế nào đã được cơ quan điều tra xác minh. Theo tôi được biết thì 16 người liên quan tham ô 3,6 triệu đồng, trị giá bằng một bộ video cassette. Tất nhiên họ có tội, nhưng tôi biết một Ủy viên Bộ Chính trị sang Nhật được tặng 5 bộ video cassette, đem về chia cho một số Ủy viên Bộ Chính trị chưa có tivi loại tốt. Tôi không dám coi đó là tham ô, nhưng tôi nghĩ về việc bọn họ tham ô không lớn lắm, nên hạ án cho họ. Còn tôi, chắc anh Lê Đức Thọ đã rõ, tôi không liên quan dính dáng đến chủ trương và vật chất với anh em này. Anh Thọ chỉ nghe, không nói gì. Tôi lo nhất là đã nhắc đến 5 bộ video

cassettee, sợ phật ý anh Thọ. Nhưng rất may, anh đứng dạy bảo tôi: "Tôi giao việc này cho anh Đỗ Mười, cậu gặp Đỗ Mười để bàn..." Tôi mừng quá, thế là ý tôi và anh Lê Đức Anh sẽ thực hiện được bước quan trọng nhất.

Ra về, gặp lại anh Đạt, thư ký của anh Thọ, các anh cũng lo cho tôi. Anh Đạt nói: "Tôi chưa thấy cán bộ cao cấp nào dám cãi tay đôi với anh Thọ. Có anh chỉ cãi lại một câu thôi mà cũng đã khốn khổ...". Tôi nói: "Mình tranh luận với anh Thọ có tình có lý, ngay việc tàu "Hoa phượng đỏ" anh Thọ cũng thôi. Vì mình trình bày với mục đích phục vụ nhân dân, không có cá nhân...". Anh Đạt hiện nay sinh sống ở Hà Nội.

Trong thời gian tôi làm Bí thư Thành Ủy, ngoài việc lo cuộc sống của nhân dân, cán bộ cùng công nhân viên chức

nói chung, tôi chú ý nhà ở cho cán bộ lãnh đạo từ chuyên viên I (lương lúc đó 105 đồng/một tháng) trở lên, vì những cán bộ này tập trung công việc hàng ngày ít có điều kiện lo việc nhà. Tôi đã cùng Ban Thường vụ Thành Ủy bàn và đưa ra Thành Ủy, Hội đồng nhân dân cùng bàn, ra Nghị quyết xây dựng khu nhà chung cư "Đồng tâm quốc tế" cho cán bộ. Mỗi hộ được từ 40 m2 đến 64 m2/hộ, có ít vườn, có khu nhà giữ trẻ, vườn hoa công cộng. (Đến nay vẫn là khu chung cư cho cán bộ Trung sơ cấp duy nhất ở Hải Phòng. Nhiều nhà đã xây lấn ra vườn, nhưng nói chung vẫn còn giữ được quy hoạch ban đầu).

Những năm tháng công tác ở Hải Phòng, tôi rất chú trọng học hỏi các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Các anh lãnh đạo ở hai thành phố lớn là những đồng chí có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh như anh Lê Văn Lương, anh Nguyễn Văn Linh, anh Võ Văn Kiệt, anh Mai Chí Thọ... Các anh lại là những người khiêm tốn và tôi cũng quen biết các anh từ lâu, như anh Lương, anh Linh, những người cùng tù ở Côn Đảo. Tuy là các bậc đàn anh lớp trước, nhưng các anh rất mến tôi. Khi tôi làm Bí thư Hải Phòng, anh Lương làm Bí thư Hà Nội, cứ 3, 4 tháng một lần, anh Lương lại đưa cán bộ chủ chốt của Thành phố xuống Hải Phòng trao đổi kinh nghiệm xây dựng, quản lý thành phố. Nhiều lần anh Lương còn tâm sự với tôi: "Tôi sẽ xin anh về Hà Nội làm Bí thư thay tôi". Rồi chuyện đó đã xảy ra thật. Nhưng tôi xin với anh Ba Duẩn cho tôi ở lại Hải Phòng. Nếu anh Ba không đồng ý, thì 1984 tôi đã phải về làm Bí thư Hà Nội. Sau trên cử anh Nguyễn

Thanh Bình về làm Bí thư Hà Nội. Anh Bình gặp tôi nói: "Đáng lẽ việc này là của anh, không phải của tôi...". Còn anh Nguyễn Văn Linh, khi anh làm Bí thư Trung ương Cục, mỗi lần ra Hà Nội báo cáo anh thường xuống Hải Phòng nghỉ, vì anh ở Hải Phòng từ lúc 6 tuổi, học tập, hoạt động cũng ở Hải Phòng rất sớm, 16 tuổi đã bị bắt. Anh coi Hải Phòng là quê hương thứ hai. Mỗi lần anh đến Hải Phòng, tôi thường được phân công đưa anh đi thăm thành phố. Tuy giữ bí mật, nhưng anh em trò truyện rất nhiều về công việc, quá khứ, hiện tại... Khi anh làm Bí thư Thành Ủy Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi lần ra họp Trung ương anh thường xuống thăm Hải Phòng và cũng thường mời tôi vào thăm thành phố Hồ Chí Minh. Tôi nhớ có một lần anh mời tôi nói chuyện về kinh nghiệm đổi mới ở Hải Phòng với Thành Ủy. Lần đó ăn cơm

chiều xong, anh hẹn tôi 7 giờ tối đến trao đổi thêm. Anh em trao đổi rất nhiều việc của hai Thành phố và một số việc chung trong cả nước. Đến 10 giờ anh em phục vụ đem lên hai bát cháo lươn, rất ngon. Anh Linh bảo tôi: "Đây là do tài chính của Đảng lo đấy!" Tôi buồn cười, nhưng không dám cười. Ăn xong tôi mới nói: "Hải Phòng, Đảng không làm kinh tế, với lý do là Đảng cầm quyền, ngân sách Nhà nước phải cấp đủ cho cấp Ủy chi tiêu như bên UBND Thành phố. Vì Đảng làm kinh tế là không có lợi". Anh tranh luận với tôi. Cho đến khi làm Tổng Bí thư, anh cũng còn tranh luận với tôi chuyện ấy. Nhất là khi Liên Xô sụp đổ, anh bảo tôi: "Nếu chính quyền sụp đổ, thì Đảng còn tiền đâu mà tiêu, nếu không làm kinh tế?". Tôi bảo anh: "Nếu chính quyền Việt Nam sụp đổ thì đầu anh và đầu tôi cũng mất, còn đâu mà làm kinh tế? Ta

phải dồn sức giữ lấy chính quyền". Tuy tôi phản đối Đảng làm kinh tế, nhưng tôi vẫn giúp kinh tế Đảng rất nhiều. Khi tôi làm Phó Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, cả nước chỉ có quota nhập 2.000 xe con, tôi đã cấp cho Ban Quản trị Tài chính Trung ương do đồng chí Lê Đức Thịnh làm trưởng ban, với lời quyết của đồng chí Thanh Bình, Thường trực Ban Bí thư. Lúc đó chưa có thuế xuất nhập khẩu, lãi rất lớn. Anh Thịnh đã đem bán quota thu mấy triệu đô la Mỹ, để xây dựng khách sạn Tây Hồ. Nếu trực tiếp nhập sẽ lãi lớn hơn nhiều. Việc bán quota này cũng có dư luận không hay.

Tối hôm ăn cháo lươn với anh Linh xong, tôi nói vui với anh Linh: "Hôm nào đi họp Hà Nội, anh xuống Hải Phòng chơi, tôi chiêu đãi anh 2 bát cháo lươn, mặc dù ở Hải Phòng Đảng không

làm kinh tế". Hai anh em cùng cười. Anh Linh bảo sẽ bàn tiếp chuyện ấy.

Đối với anh Võ Văn Kiệt tôi được nghe tiếng anh nhiều, song ít được gặp. Đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn bảo tôi vào thành phố Hồ Chí Minh rủ anh Sáu Dân cùng đổi mới. Tôi vào thành phố, anh Sáu Dân đi vắng. Tôi gặp anh Mai Chí Thọ cũng bàn được một số công việc ở nhà riêng. Khi về tôi báo cáo anh Ba, anh Ba bảo tôi cần gặp trực tiếp anh Sáu Dân. Lần thứ hai tôi gặp anh Sáu Dân ở Hà Nội. Gặp anh lần đầu, tôi có cảm tình ngay. Anh vui vẻ thân mật, bàn công việc rất sôi nổi. Tôi trình bày các việc làm của Hải Phòng và đề nghị anh giúp đỡ. Anh nói: "Chúng ta hợp tác với nhau. Tôi đồng ý những ý kiến của anh. Chủ nghĩa thực dụng nó xấu, chúng mình cứ bước chân vào bước chân của nó, nhưng bước

nhanh đi là được". Đó là câu nói khiến tôi đánh giá anh Sáu Dân có tư tưởng đổi mới mạnh mẽ.

Tôi rất say sưa với công tác ở Hải Phòng, chỉ mong sao làm hết khóa, đến cuối năm 1986 sẽ về nghỉ. Nhưng anh Lê Đức Thọ, anh Nguyên Đức Tâm đã trực tiếp gặp tôi để trao đổi, điều tôi về Trung ương công tác, cũng không được các anh cho biết về làm công việc gì. Khi gặp anh Tâm lần cuối, tôi đề nghị anh: "Về Trung ương làm gì cũng được, nhưng đừng xếp tôi làm Bộ trưởng Bộ Ngoại thương".

Thế là theo yêu cầu mới tôi phải rời Hải Phòng - nơi tôi đã gắn bó suốt 36 năm và luôn coi là quê hương thứ hai của mình; nơi tôi đã quen thuộc từng phố phường, xóm ngõ trong nội thành, đến các làng mạc thôn xã ở ngoại thành và hải đảo; nơi tôi có biết bao nhiêu đồng

chí cùng chiến đấu, lao động, và đồng bào thân quen với biết bao nhiêu kỷ niệm vui buồn. Tôi nhớ lại những ngày hoạt động đầy căng thẳng trong nội thành, ngày đêm giáp mặt với quân thù, những năm tháng bị bắt, bị tù đầy, tra tấn chết đi, sống lại, rồi tiếp quản thành phố, xây dựng trong hòa bình, trong chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ... Tôi càng không bao giờ quên thời gian là lãnh đạo chủ chốt thành phố, cùng các đồng chí trong Ban Thường vụ, trong Thành Ủy, các đồng chí Bí thư, Chủ tịch các huyện, trưởng phó các ngành, giám đốc các doanh nghiệp... Họ đã cùng tôi đoàn kết, say sưa làm việc không kể ngày đêm, mà đến nay mỗi khi trở lại Hải Phòng, nhiều bà con vẫn còn nhớ, còn nhắc lại, nhiều cánh tay vẫy chào ở khắp nơi. Tôi tự nhận thấy đã làm được một số việc cho thành phố, cho dân, nhưng vẫn còn

bao nhiêu ý định dang dở, chỉ với Hoài bão xây dựng Hải Phòng sớm trở thành một thành phố văn minh, hiện đại, nhân dân giàu có, văn hóa phát triển...

Ngày 23-6-1986 trên đường từ Hải Phòng lên Hà Nội họp, đến cầu Lai Vu lúc 6 giờ chiều, nghe đài Tiếng nói Việt Nam công bố quyết định của Hội đồng Nhà nước bổ nhiệm một số thành viên Hội đồng Bộ trưởng, trong đó có tôi là Bộ trưởng Bộ Ngoại thương...

Tôi lên đến số 8 Chu Văn An, có đồng chí gặp tôi đã chào Bộ trưởng và chúc mừng. Trong lúc đó tôi chỉ buồn vì sau 36 năm tôi lăn lộn sống chết với đất, với người, nay phải rời xa Hải Phòng, chẳng khác gì phải rời tổ ấm.

Đúng 36 năm chẵn! Tháng 6-1950 tôi đến Hải Phòng - Tháng 6-1986 tôi ra đi.

Sao mà bâng khuâng, buồn thế! Nhớ Hải Phòng, nhớ nhiều công trình còn làm dở dang, bao nhiêu nỗi nhớ! Phải chăng đó cũng là cái "tật" của tôi. Khi ở Hải Phòng, mỗi lần thay đổi công tác là tôi rất buồn, có lúc rơi nước mắt, mặc dù được lên chức lên quyền. Tôi làm việc gì, ở đâu tôi cũng yêu mến say sưa với công việc, ra đi còn những công trình làm dở dang nên rất nhớ người, nhớ việc...

Hôm sau đến họp Trung ương, đầu tiên là tôi gặp anh Nguyễn Đức Tâm, phàn nàn việc tôi đã đề nghị không làm Bộ trưởng Bộ Ngoại thương nhưng không được xem xét. Anh Tâm bảo tôi: "Bộ Chính trị bàn kỹ rồi. Không có người.

Còn anh làm Bộ nào mà chẳng được...”

Tôi phải chấp hành. Sau một tháng bàn giao, tôi về làm Bộ trưởng Ngoại thương, một lĩnh vực mới, một địa bàn mới...

Chương 7

TÒNG CHÍNH TẠI THỦ ĐÔ

Tháng 7-1986 tôi về Hà Nội nhận nhiệm vụ Bộ Trưởng Bộ Ngoại thương.

Đến Hà Nội được 2 ngày, đồng chí Lê Đức Thọ gọi tôi đến nhà riêng để bảo ban công việc mới. Sau một vài câu hỏi han về sự bàn giao công việc ở Hải Phòng, anh Thọ đi ngay vào công việc. Anh nói:

- Cậu lên Hà Nội, bây giờ chưa nên đi vào công việc của Bộ ngay, mà cần đi xuống cơ sở các tỉnh, thành phố để nắm tình hình. Khi nắm được tình hình các địa phương rồi, sẽ về Bộ nắm tình hình bộ máy tổ chức của Bộ. Vì ở trên Trung ương bảo thủ trì trệ lắm! Nếu không, sẽ bị bộ máy trên này bao vây, mình lại làm theo lối cũ, sa vào tình trạng quan liêu bàn giấy, xa rời quần chúng như một số cán bộ ở địa phương được điều lên Trung ương, không phát huy được tác dụng!

Anh kể tên một số cán bộ làm ví dụ. Tôi cảm ơn anh và làm theo chỉ thị của anh. Nhưng ý tôi hơi khác. Mình ở địa phương mới lên, muốn ở lại Bộ nắm tình hình chung, không riêng gì Bộ mà cả Trung ương, Chính phủ, các ngành, xem cung cách làm ăn ở trên này ra sao, rồi sẽ đi địa phương thì tốt hơn. Tuy vậy tôi

vẫn chấp hành ý kiến anh Thọ Sau một tuần ở Văn phòng Bộ, họp sơ kết 6 tháng hết 3 ngày - Bàn giao công việc với anh Lê Khắc, nguyên Bộ trưởng và nắm sơ qua tình hình Văn phòng Bộ hết 3 ngày.

Tôi với anh Lê Khắc biết nhau từ lâu, nên việc bàn giao, trao đổi công việc thuận lợi, vui vẻ. Anh tâm sự với tôi: "Mình được anh Nguyễn Lam, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Kinh tế cho biết là mình vẫn ở lại làm Bộ trưởng. Hôm nghe thông báo trên đài, mình mới biết ông lên thay mình...". Rồi anh nói sang chuyện bàn giao công việc. Anh Lê Khắc nguyên là Phó ban Tổ chức Trung ương, sang làm Ngoại thương, nên anh chú ý nhiều về công tác cán bộ, rồi mới đến công tác nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu. Anh kể đã sang làm Bộ trưởng được 6 năm 6 tháng. Nhưng

không làm được nhiều việc rõ rệt, vì quân của "Lý Ban" nó phá quá! Mình với cậu Tu, Thứ trưởng tổ chức hướng dẫn nhân dân trồng được 2 vạn ha cây điều ở Tây Nguyên và Nam Bộ (đào lộn hột) là đáng kể hơn cả. Anh phân tích cho tôi nghe về năng lực trình độ từng Thứ trưởng.

Khi tôi về còn 4 thứ trưởng là các anh: Nguyễn Tu, Hoàng Trọng Đại, Nguyễn Mạnh Cầm, Tạ Cả. Còn các anh Nguyễn Văn Đào, Nguyễn Chanh đã về hưu hoặc chuyển công tác. Rồi anh nói về đội ngũ cán bộ chủ chốt: Vụ Trưởng, Vụ Phó, Chánh Phó Giám đốc các Tổng công ty... Nghe anh em kể lại, anh rất nghiêm khắc với cán bộ, nhất là những cán. bộ quan hệ nhiều với anh Lý Ban, Thứ trưởng Thường trực cũ. Trong bộ có một văn vần, do anh em sáng tác:

Thời tiết năm nay khắc nghiệt ghê

Chanh rụng, Đào rơi, hoa Đại héo!

Cầm về, Tu sửa, chốn vườn hoang...

Anh bảo tôi:

- Các tay thứ trưởng này đá lẫn nhau ghê quá! Tôi đã bảo các cậu ấy không khác gì đàn ngựa nhốt chung một chuồng...

Qua anh nói, tôi vừa buồn cười, vừa nhớ mấy anh em bạn làm ngoại thương khuyên tôi đừng nhận làm Bộ trưởng Bộ Ngoại thương, rắc rối lắm, nhất là mình ở nhà quê lên, không "đọ" nổi họ đâu.

Nhưng biết làm thế nào? Tổ chức đã quyết rồi cứ làm đã...

Sau một tuần ở văn phòng Bộ, tôi vào nắm tình hình các tỉnh miền Nam, nơi có nhiều hàng hóa xuất nhập khẩu, các công ty lớn của Bộ cũng đóng ở Thành

phố Hồ Chí Minh. Theo đúng chỉ thị của anh Lê Đức Thọ, tôi công tác ở miền Nam khoảng hai tháng. Khi anh Ba sắp mất tôi mới ra Bắc.

Dự lễ tang anh Ba xong (10-9-1986 anh Ba qua đời) tôi tiếp tục đi các tỉnh phía Bắc và Bắc Trung Bộ.

Trong dịp đi công tác các tỉnh phía Nam tôi nhận thấy có rất nhiều việc thuộc Bộ Ngoại thương phải giải quyết, trong đó nổi bật việc xuất cà phê sang các nước Liên Xô và Đông Âu. Tổng số lượng xuất có 15.000 tấn/năm mà năm nào ta cũng không hoàn thành, năm sau phải trả nợ năm trước. Trong chuyến đi này có đồng chí Tu, Thứ trưởng, đồng chí Nguyễn Xuân Quang, Tổng Giám đốc Tổng công ty Tổng hợp II của Bộ, đồng chí Nhật Hồng, Giám đốc Vietcombank Sai gon, đồng chí Vinh, Chánh văn phòng Bộ, và

một số cán bộ của Bộ. Vấn đề bức xúc lúc đó là cà phê sắp đến mùa thu hoạch, nhưng giá thu mua quá rẻ, mua chịu của dân Dark-Lak, Gia Lai, Kontum, nhất là Dark-Lak, thì không thu mua được. Có gia đình tôi đến thăm còn 4, 5 tấn cà phê vụ trước, đóng vào bao, vào cót, để chờ giá cao mới bán. Trong khi đó giá bán cà phê cho các nước tư bản đang lên, từ 2.000 USD/tấn đến 2.700 USD/tấn. Còn giá cà phê ta mua, dùng hàng hóa đối lưu, tính ra khoảng 600 USD/tấn, mà ta lại mua chịu. Tôi quyết định mỗi gia đình có cà phê bán cho Nhà nước 50%, còn 50% cho bán sang thị trường các nước tư bản. Mọi người lúc đó mới đổ cà phê ra bán chịu cho Nhà nước 50%, còn 50% bán cho thị trường tư bản. Nhân dân phấn khởi, các đồng chí Tỉnh Ủy, UBND tỉnh Dark-Lak phấn khởi. Tôi nhớ lúc đó đồng chí Tư Trương, Phó chủ tịch

UBND tỉnh Dark-Lak phụ trách kinh tế và đồng chí Chính, Giám đốc công ty xuất nhập khẩu tỉnh, vô cùng phấn khởi về chủ trương này. Hàng ngày mua được cà phê là cho chuyển xuống thành phố Hồ Chí Minh để xuống tàu Liên Xô đang đợi ở cảng...

Trong lúc đang say sưa vận dụng linh hoạt việc mua cà phê rất có hiệu quả, tôi được điện của Văn phòng Chính phủ cho biết là phiên họp Thường vụ Hội đồng bộ trưởng anh Đỗ Mười bảo: "Ông Thành đang làm hỗn loạn tình hình mua cà phê ở Tây Nguyên, làm loạn thị trường v.v...". Tôi lờ đi, không trả lời, vì đó chỉ là thông tin. Văn phòng Bộ cũng điện vào tương tự như vậy.

Hôm sau tôi nhận được điện thoại trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng, hỏi về việc này.

Tôi báo cáo tóm tắt tình hình với anh Tô, cách giải quyết cụ thể và có kết quả rõ rệt. Còn ai đó bảo tôi làm loạn thị trường là không có căn cứ, nếu làm sai, tôi xin cách chức Bộ trưởng Bộ Ngoại thương. Anh Tô nói: "Tôi cũng nghe có người nói như vậy, nhưng tôi không nghĩ như vậy. Đồng chí cứ giải quyết xong công việc, về báo cáo...".

Không ngờ kết quả vượt quá yêu cầu, đến giữa tháng 12-1986 ta đã giao xong cà phê cho Liên Xô và các nước Đông Au, không những thế mà còn trả hết nợ cà phê những năm trước tồn đọng lại... Thế mà mãi hết vụ cà phê 1987, cũng theo phương thức năm 1986, còn làm tốt hơn nhiều, do đó mới hết dư luận "ông Thành làm loạn thị trường miền Nam". Ngày nay thỉnh thoảng gặp lại anh Tư Trương, anh Chính, anh Ba Quang

chúng tôi còn nhắc lại câu chuyện xuất cà phê sang thị trường Liên Xô và Đông Âu năm 1986 và 1987.

Ra đến Hà Nội được 2, 3 ngày thì anh Ba mất. Tôi chạy lại gia đình anh. Chị và các cháu xúm lại hỏi tôi đi đâu mấy tháng: "Lúc anh Ba yếu nặng chú không lại?". Tôi nói chuyện đi công tác miền Nam nên thất lễ với anh Ba trong những ngày cuối cùng. Cả nhà anh Ba lo lắng, nhất là mấy cháu gái: Cừ, Muội, Hồng, các con rể Lê Bá Tôn, Hồ Ngọc Đại. Nói là cháu, nhưng các cháu chỉ kém tôi 5, 7 tuổi. Tất cả xúm lại hỏi tôi và lo lắng:

- Ba cháu mất rồi, liệu họ... có giết gia đình nhà cháu không?

Tôi nói:

- Tại sao các cháu lại có ý nghĩ lạ như

vậy? Ai dám hại nhà mình? Ba cháu là con người vĩ đại, một nhà hiền triết mới kế nghiệp được Cụ Hồ, giải phóng miền Nam. Không có Ba làm sao giải phóng được miền Nam, thống nhất được đất nước, không để xảy ra lắm máu? Ai dám hại gia đình nhà mình?

Đừng nghĩ linh tinh. Đảng mình là Đảng vĩ đại, nhân dân yêu quý Ba các cháu, sao lại nghĩ vớ vẩn như vậy? Các cháu yên tâm, chú nghĩ không bao giờ có chuyện đó. Còn bao nhiêu người có mặt... ai dám làm bậy?

Bấy giờ các cháu mới yên tâm. Hồ Ngọc Đại nói chen vào:

- Còn bao nhiêu các chú... Họ chẳng dám làm bậy đâu!

Sau đó, tôi mới tìm hiểu, tại sao có

chuyện hoảng loạn tại gia đình anh Ba như vậy, khi anh qua đời... Đó là những người có dụng ý chia rẽ, nói phe cánh anh Lê Đức Thọ và Trần Xuân Bách định ám hại gia đình anh Ba. Tôi nghĩ không bao giờ có thể như thế được Đảng ta được Bác Hồ xây dựng và lãnh đạo đội ngũ cốt cán cách mạng, đã làm nên bao kỳ tích, không thể có những hành động "đồi bại" như thế được. Mấy ngày đó tôi thường xuyên lại nhà anh Ba, để ổn định tư tưởng cho các cháu, nhất là cháu Cừ, vợ đồng chí Lê Bá Tôn, lo lắng nhất...

Tôi cũng chỉ mới biết có sự bất hòa giữa anh Ba và anh Lê Đức Thọ, cách đấy khoảng 4, 5 tháng. Vì tôi ít quan lâm, tôi tin các anh đã có quá trình rèn luyện, lại là người gần gũi Bác Hồ, chắc chắn các anh luôn luôn đoàn kết bên nhau để thực hiện và xây dựng sự nghiệp Bác để lại.

Khoảng tháng 5-1986 tôi đến thăm anh Ba ở Hồ Tây, gần đến khu biệt thự tôi gặp xe anh Thọ đi ra. Tôi vào thăm anh Ba, có anh Bùi San ở đó. Thấy tôi đến, anh Bùi San chào anh Ba ra về. Tôi bắt tay anh Bùi San và vào thăm anh Ba. Anh Ba tỏ vẻ hơi bực tức nói: - Đấy nó đấy, tôi vừa đuổi nó ra rồi...

Tôi suy nghĩ mãi mới biết là xe anh Thọ vừa ra... Tôi không nói gì, chỉ thăm sức khoẻ anh, nói tóm tắt một vài việc lớn của Hải Phòng để báo cáo với anh, vì lúc này tôi thấy anh Ba mệt nhiều. Tôi muốn để anh nghỉ ngơi, nên xin phép ra về. Nhưng anh Ba bảo tôi ngồi lại nói chuyện, rồi anh nói:

- Mấy anh lại đây bảo tôi viết di chúc, tôi nói không cần. Việc viết di chúc chỉ dành riêng cho Bác. Còn tôi, tôi nghĩ Trung ương các đồng chí đã trưởng

thành cả rồi, viết di chúc chỉ gây khó khăn cho các đồng chí. Mình nói thế này, nhưng khi Trung ương bàn lại khác, sinh ra phức tạp, mất đoàn kết. Các đồng chí viết sẵn di chúc bảo tôi ký, tôi không ký.

Rồi anh bảo tôi:

- Tôi đã bàn với một số đ/c Bộ Chính trị, kỳ Đại hội này đưa anh Linh hoặc anh Võ Chí Công thay tôi làm cả khóa hoặc nửa khóa rồi để đồng chí Thành làm. Còn anh Tố Hữu sau đổi tiền không còn khả năng làm Tổng Bí thư...

Tôi đợi anh Ba nói hết, và suy nghĩ. Những lần trước, khi về thăm Hải Phòng hoặc anh gọi tôi lên nhà chơi, anh Ba có nhắc vấn đề này, tôi đều nói:

- Nước ta còn ảnh hưởng lễ giáo phương Đông, lớp trẻ không thể qua mặt

các đồng chí lão thành đi trước mình hàng thập kỷ...

Anh Ba ngắt lời tôi, mỉm cười và nói:

- Tôi đã bàn với một số đồng chí Bộ Chính trị, đồng chí Thành thì các đồng chí đồng ý...

Lúc đó anh mệt, tôi không dám nói dài với anh, chỉ nói gọn:

- Rất cảm ơn anh, nhưng theo tôi nghĩ thì rất khó...

Anh lại vui vẻ đứng dậy, vỗ vai tôi và nói: "Cứ làm việc cho tốt...". Tôi chào anh ra về, chỉ nghĩ nhiều về bệnh tật của anh, và cũng hơi buồn vì trong các anh đã có sự rạn nứt... sẽ gây ảnh hưởng xấu đến đoàn kết nội bộ của Đảng.

Sau lễ tang Tổng Bí thư Lê Duẩn, tôi

làm việc ở Bộ ít ngày, lại tiếp tục đi nắm tình hình các tỉnh thành phố phía Bắc. Trong lúc đó tình hình chuẩn bị Đại hội 6 khẩn trương. Đồng chí Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Linh được bổ sung vào Bộ chính trị và Thường trực Ban Bí thư, cùng chuẩn bị Đại hội Đảng, chủ yếu là về văn kiện Đại hội, còn chuẩn bị tổ chức cán bộ do anh Lê Đức Thọ phụ trách.

Đi các tỉnh miền Bắc, nắm tình hình một vài ngày, tôi lại về Bộ làm việc. Các tin tức về việc chuẩn bị Đại hội 6 rất sôi nổi, nhất là vấn đề nhân sự Đại hội. Những đồng chí thân thiết với tôi đến chơi, thông tin cho tôi biết về thế lực chống tôi, đang hoạt động rất ráo riết với mục tiêu:

- Số một: đánh bật tôi ra khỏi Trung ương

- Thứ hai: phải làm mất rất nhiều phiếu để tôi không được giới thiệu vào Bộ Chính trị. Đồng thời các đồng chí bảo: Giá là các anh khác, họ sẽ ở lại Hà Nội theo rõi tình hình để đối phó. Tôi cứ bỏ nhiệm sở đi về các tỉnh nắm tình hình, đó là mắc mưu anh Lê Đức Thọ.

Tôi cười và nói: "Mình đã có quan điểm của mình rồi...". Có đồng chí còn nóng với tôi, nói: "Ông định bỏ chúng tôi hay sao?" Thế mới khó. Tôi phân tích lại cho các đồng chí nghe: "Chúng ta phải làm cho thành công chủ nghĩa xã hội, dân giàu nước mạnh, không bị mất nước. Chứ tranh giành chức vụ, mất đoàn kết thì rất lôi thôi...".

Trong lúc gần đến Đại hội, đồng chí Tạ Cả, thứ trưởng phụ trách tổ chức đến nói với tôi: "Một đồng chí lãnh đạo lâu năm ở Ban Tổ chức Trung ương, nói

qua đồng chí cán bộ Ban Tổ chức Trung ương theo rõi Bộ Ngoại thương, bảo tôi nói lại với anh: Anh phải rất cảnh giác với những lời khen của anh Mười. Tất cả đều là "đãi bôi". Anh Tạ Cả là đồng chí quen biết tôi từ lâu, nay đã qua đời, còn hai đồng chí kia vẫn khoẻ mạnh và đang sinh sống ở Hà Nội. Tôi nói với anh Tạ Cả, cảm ơn hai đồng chí đã thông tin cho tôi biết để cảnh giác... Còn tôi quan hệ với anh Mười vẫn bình thường, không tỏ ra một sự khác biệt nào, vẫn như khi tôi còn là cán bộ dưới quyền trực tiếp của anh ấy.

Anh Trường Chinh tuy làm Tổng Bí thư, nhưng tôi cảm thấy chung quanh anh có nhiều người không thực lòng ủng hộ anh. Anh chỉ chủ trì chủ yếu về văn kiện, Báo cáo chính trị trước Đại hội... Tôi cảm thấy anh bị lấn át. Anh thường

gọi tôi sang nhà trao đổi những nội dung "đổi mới", nhất là cách quản lý, lý luận về kinh tế thị trường, kinh tế kế hoạch hóa, hỏi kinh nghiệm xây dựng kinh tế của Nhật Bản và một số nước khác.

Khi trao đổi về nhân sự, anh bảo tôi rằng việc ấy anh Thọ chuẩn bị, chưa đưa ra bàn ở Bộ Chính trị, còn phân tán ý kiến ở những vị trí chủ chốt. Suy nghĩ một lát, anh nói với tôi:

- Nếu tôi tiếp tục làm Tổng Bí thư, tôi đề nghị anh Văn làm Chủ tịch nước, đồng chí phụ trách bên Chính phủ.

Tôi nghĩ có thể anh Ba đã bàn với anh Trường Chinh, hoặc tự anh Trường Chinh chọn tôi, tôi không rõ. Tôi thưa với anh Trường Chinh là:

- Theo tôi nắm được tình hình thì thế

lực không muốn để anh làm tiếp Tổng Bí thư rất đông. Tôi thấy rất khó đấy! Tôi xin chân thành cảm ơn anh và đề nghị nên cử anh Mười làm Thủ Tướng vì anh Mười đã làm Phó Thủ tướng lâu năm!

Anh Trường Chính nghiêm nét mặt, tỏ vẻ không đồng ý và nói:

- Anh Mười anh ấy võ biền lắm, đồng chí thấy đấy? Các cuộc họp, tôi nói, anh ta thường chẹn họng tôi.

Và anh nói thêm một vài nhật xét khác về anh Mười...

Tháng 11-1986 Trung ương họp để thông qua các văn kiện chính thức đưa ra Đại hội 6. Tôi đang họp, chiều về thì được đồng chí Trung Thành, chuyên viên cao cấp của Ban Tổ chức Trung ương, làm công tác Tổ chức cán bộ từ

1951, theo dõi vụ việc của tôi cho biết là có thư tố giác tôi khai man lý lịch gồm 9 điểm, trong đó anh Thọ giao cho phải xác minh ngay hai vấn đề mới là: ngày bị bắt và ngày được tha từ Côn Đảo về. Tôi hỏi anh Trung Thành có phải là anh Tô Duy tố giác tôi? Anh Trung Thành hỏi lại tôi:

- Sao anh biết?

- Tôi biết lâu rồi, anh em Hải Phòng nói cho tôi biết, anh Tô Duy, anh Thắng, anh Ái đi sưu tầm hàng năm nay về việc tôi bị bắt, bị tù ở Hải Phòng. Quá nhiều người biết, họ đều nói đến tai tôi. Tôi vẫn còn nghi ngờ, vì tôi đánh giá anh Tô Duy không đến nỗi hành động trái lương tâm như vậy! Nhưng từ hôm anh Đức Lạc, Trưởng ban Tổ chức Thành Ủy Hà Nội, Phó Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội (bạn tù với tôi ở trại giam Cát Bi) lại tôi

chơi, nói chuyện tỉ mỉ về việc này, tôi mới tin là anh Tô Duy đã làm việc ấy.

Anh Trung Thành bảo tôi đúng là anh Tô Duy. Tôi cung cấp thêm cho anh Trung Thành những vấn đề mới của anh Tô Duy nêu ra và thư của anh Hoàng Chữ gửi cho anh Đỗ Mười. Tôi chỉ được anh Trung Thành ghi sổ tay nói lại, tôi không được xem bản chính.

Mãi sau ngày đối chất 26-2-1993 tôi mới có bản photocopy thư vu khống tôi của anh Tô Duy và anh Hoàng Chữ. Anh Trung Thành và một số cán bộ phải làm khẩn trương hơn một tháng mới có báo cáo chính thức với anh Lê Đức Thọ là mọi việc đã rõ ràng như kết luận 897 ngày 24-10-1984 do anh Võ Chí Công ký.

Thế là ngón đòn vu khống chính trị do anh Tô Duy làm tham mưu bị bước

đầu bẻ gãy. Nhưng chưa phải kết thúc. Họ còn đeo đuổi vấn đề này cho đến hôm nay, từng thời kỳ hành động của họ, tôi sẽ trình bày tiếp ở những phần sau...

Trong khi đó những anh chị em cùng cánh với anh Tô Duy dùng cơ sở quen biết của mình ở các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương ở toàn quốc, thông tin cho các đoàn Đại biểu đi dự Đại hội về những tin thất thiệt liên quan đến lý lịch của tôi. Có những đồng chí Đại biểu đã phẫn nộ về những hành động tuyên truyền xuyên tạc bỉ ổi của họ, như chị Ba Thi đoàn Đại biểu thành phố Hồ Chí Minh, anh Quý - Ủy viên Thường vụ Phó chủ tịch tỉnh Hải Hưng, anh Đức Lạc - Hà Nội v.v... Họ đã trực tiếp gặp tôi thông tin cho biết, và các đồng chí đã phản bác lại những luận điệu vu khống trong các đoàn Đại biểu đi họp Đại hội.

Riêng ở Hải Phòng, Đại hội Đảng Thành phố bầu đại biểu đi họp Đại hội 6 (lúc đó các Ủy viên Trung ương cũng phải do Đại hội cấp dưới bầu, không như hiện nay Ủy viên Trung ương là đại biểu đương nhiên) do những người thuộc phe cánh anh Tô Duy, họ tuyên truyền lôi kéo được một số đại biểu, nên tôi bị mất hơn 40 phiếu bầu cử Đại biểu đi họp Trung ương ở Đại hội Hải Phòng.

Đến Đại hội Đảng toàn quốc, họ tiếp tục tìm cách tuyên truyền xuyên tạc. Anh Tô Duy công khai phát biểu ở đoàn, vu khống lý lịch tôi nhưng đã bị Đoàn ngăn lại, không cho phát biểu vô nguyên tắc.

Họ rỉ tai, nhỏ to thông tin xuyên tạc, vận động các đại biểu Đại hội không bầu cho tôi. Nhiều đồng chí Đại biểu thông tin cho tôi biết. Không những thế, họ còn dung túng cho bà Dung đeo băng trước

ngực "đả đảo Đoàn Duy Thành" được đi chung quanh nhà họp Đại hội Ba Đình. Bà Dung là người thế nào? Bà Dung là đảng viên và là mậu dịch viên công ty bách hóa Hải Phòng, bị bệnh thần kinh phân liệt, có mâu thuẫn với chị Đỗ Thị Mận, Phó Chủ nhiệm công ty, là vợ đồng chí Đặng Toàn, Chủ tịch UBND thành phố. Đã nhiều năm bà Dung đến công ty đánh chửi chị Mận, đeo băng đả đảo anh Đặng Toàn. Tôi được phân công giải quyết vụ này. Xét về đời sống bà Dung, không có chồng con, nhà ở không có, phải đi ở nhờ, tôi đã dàn xếp với công ty xếp cho bà Dung một gian nhà ở, nâng cho một bậc lương v.v... Bà Dung không đến cơ quan gây sự đánh chửi chị Mận được khoảng nửa năm, sau đó lại đến tiếp diễn, rồi đi khắp phố chung quanh công ty bách hóa chửi vợ chồng anh Toàn chị Mận. Anh Đặng Toàn lại chạy

đến tôi cầu cứu. Tôi mời các đồng chí Bí thư Đảng Ủy công ty và Giám đốc công ty, giao nhiệm vụ phải kiểm điểm và có hình thức kỷ luật với bà Dung. Thế là bà Dung bỏ việc đi kiện khắp nơi, và đeo băng đả đảo tôi.

Ban Tổ chức Đại hội nhiều người biết rõ căn nguyên việc này, đáng lẽ phải dẹp đi mới phải, trái lại cho đó là "dân chủ", "quyền công dân", cho đến nơi tiếp dân của Đại hội, đeo băng đả đảo tôi, được đi ngoài đường quanh Hội trường Ba Đình nhằm làm cho các Đoàn đại biểu nhìn thấy. Đó cũng là một việc làm của nhóm anh Tô Duy. Mặc dù khi tỉnh táo, bà Dung vẫn nói tôi là ân nhân của bà ta. Nghĩa là các anh ấy không thực hiện được việc gạt tôi ra khỏi danh sách giới thiệu của Trung ương, thì dùng đủ mọi thứ có thể, tác động vào lá phiếu,

không bầu tôi vào Trung ương khóa 6, để đạt được mục tiêu thứ 2 của các anh ấy đề ra.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 6 khai mạc. Cũng như các lần Đại hội trước, chủ yếu là bàn nhân sự Ban Chấp hành Trung ương, còn bàn về báo cáo chính trị, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm đã bàn kỹ ở Đại hội các cấp, đến Đại hội chính thức chỉ bàn những vấn đề lớn còn tồn tại đưa ra thảo luận. Thời gian còn lại là bàn về tổ chức nhân sự.

Trong Đại hội, anh Vũ Oanh nói với tôi:

- Anh Lê Đức Thọ "mót" làm Tổng Bí thư lắm đấy!

Lúc đó tôi mới biết. Vì nhiều lần anh Thọ gặp tôi đều nói là Anh "bị nhiều

bệnh không thể đảm đương được nhiều công việc". Anh Thọ cũng nhiều lần hỏi tôi Tổng Bí thư nên là ai, tôi đều trả lời là tùy Bộ Chính trị quyết định, giới thiệu ra Trung ương chúng tôi sẽ bầu thôi. Ngay trong Đại hội, khi anh Vũ Oanh cho tôi biết ý anh Thọ, tôi cũng vẫn trả lời anh Thọ như vậy. Hôm Ban Chấp hành bàn về nhân sự, anh Thọ gọi tôi sang nhà riêng hỏi tôi về chuyện các đồng chí Trung ương bàn nhân sự Tổng Bí thư thế nào, đã giới thiệu ai chưa? Tôi báo cáo anh Thọ, tổ Trung ương của tôi các đồng chí đều nói không nắm được cụ thể, nên không giới thiệu ai, đợi Bộ Chính trị giới thiệu. Anh Thọ lại hỏi tôi: "Ý cậu thế nào?". Tôi cũng báo cáo anh Thọ như lần trước và nói thêm vấn đề vị trí Tổng Bí thư rất quan trọng, đặc biệt trong lúc này là phải có uy tín mới qui tụ được toàn Đảng, nhất là anh Ba mới qua đời. Còn

chọn ai tùy tiểu ban nhân sự chọn và báo cáo Bộ Chính trị. Tôi không nắm được cụ thể nên không dám giới thiệu cụ thể ai cả. Anh Thọ không nói gì thêm và hỏi sang việc khác...

Khi Đại hội đang họp ở các Đoàn và Tổ, (Đoàn Hải Phòng với Hà Nội là một Tổ, họp ở Văn phòng Ban Tổ chức Trung ương), tôi được đồng chí Đỗ Mười gọi ra ngoài và cùng sang số 4 Nguyễn Cảnh Chân, Văn phòng Trung ương Đảng. Đồng chí dẫn tôi vào một phòng. Khi đi lên đường tôi suy nghĩ không rõ anh Mười có việc gì. Tôi đoán có lẽ anh Mười làm tư tưởng cho tôi để rút lui khỏi danh sách Trung ương giới thiệu. Một số đồng chí thôi Ủy viên Trung ương khóa này, đều được từng đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị gọi đến làm tư tưởng để rút lui. Tôi nghĩ có lẽ tôi cũng vậy. Nhưng khi

vào một phòng, ngồi nói chuyện, anh Mười nêu vấn đề anh Võ Nguyễn Giáp (anh Văn) ra nói về lý lịch anh Văn, năm 16 tuổi đã được thực dân Pháp cho sang Pháp học 6 tháng. Anh Mười bảo tôi về nói cho Đoàn Đại biểu Hải Phòng biết và những ai quen biết ở Đoàn khác cũng nói cho các đồng chí ấy biết... Rồi anh Mười đi ngay.

Tôi lại trở lại tổ họp tiếp. Tôi suy nghĩ, không hiểu tại sao lúc này anh Mười lại nêu vấn đề lý lịch anh Văn ra. Việc này anh Trường Chinh đã nói với tôi mấy lần, và anh Trường Chinh đã kết luận về tiểu sử anh Văn từ năm 1941 - 1942, kể cả việc làm con nuôi Martin, Chánh mật thám Đông Dương, cũng được kết luận là không có, chỉ do những phần tử xấu tung ra. Nay lại có vấn đề đi Pháp học 6 tháng.

Tối hôm đó tôi đến nhà anh Trường Chinh hỏi việc này anh Trường Chinh bảo tôi: "Làm gì có việc đó...". Tôi về nhà, kể lại chuyện cho nhà tôi nghe. Lúc này chúng tôi ở nhờ một phòng của Bộ Ngoại thương. Tôi mới lên, nhà tôi đi theo để nấu nướng cho và nhà tôi cũng là đảng viên lâu năm, rất quan tâm đến việc một số người vu khống tôi. Nghe tôi kể xong, nhà tôi nói ngay:

- Em đã nói với anh nhiều lần, anh thương người và tin người quá đáng, lại thêm tính "phổi bò", có gì nói hết. Sống ở Hà Nội họ khôn lắm, anh phải đề phòng. Còn việc anh Mười nói với anh, anh cứ lờ đi. Có khi anh Mười chỉ tung ra tin như thế, để anh biến thành cái loa cho anh ấy. Anh Văn và những người thân anh Văn chỉ biết anh đi tuyên truyền xuyên tạc lý lịch anh Văn, họ sẽ quay sang đánh

anh. Như vậy anh Mười bắn một phát tên, được cả hai đích.

Tôi cười và khen nhà tôi:

- Em cảnh giác hơn anh.

Nhà tôi bảo:

- Từ hôm cái ông tổ chức báo cho anh biết ông Mười khen anh chỉ là "đãi bôi" thôi, nên em thấy anh Mười nói gì với anh mà em biết, em đều phải suy nghĩ xem ý tứ anh Mười thế nào, không tin ngay như anh đâu.

Khi bầu cử Ban Chấp hành Trung ương, tôi vẫn trúng Trung ương chính thức, nhưng phiếu thấp, chỉ hơn đồng chí thấp nhất cuối cùng (đồng chí Lữ Minh Châu có 42 phiếu). Như vậy nhóm người chống đối vu khống tôi đạt được yêu cầu. Với hơn 50% số phiếu bầu thì

ít ai giới thiệu vào Bộ Chính trị, thường phải là 70% trở lên. Nhưng theo tôi được biết cũng có nhiều đồng chí Ủy viên Trung ương giới thiệu tôi vào Bộ Chính trị, nhưng ban nhân sự không giới thiệu.

Đến tháng 1-1987, Trung ương bầu bổ sung Phó Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (Phó Thủ tướng), Bộ Chính trị lại giới thiệu tôi để đưa ra Trung ương lấy ý kiến. Lúc này tôi thấy anh Lê Đức Thọ chú ý tôi khác thường.

Ngay hôm họp Bộ Chính trị tôi được mời dự, anh Thọ nói:

- Anh Thành nay đã là Phó Thủ tướng, cần nắm tình hình và đi vào công việc...

Tôi rất bỡ ngỡ, hỏi các đồng chí Tổ chức Trung ương, vì tôi không biết gì về

tin này cả. Các đồng chí Tổ chức cho biết là Bộ Chính trị đã nhất trí tất cả rồi, trừ anh Mười, nói để suy nghĩ thêm, chưa có thư trả lời chính thức.

Đến ngày 17-2-1987 tôi được Hội đồng Nhà nước phê duyệt là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trương. Tôi vẫn kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại thương vì chưa có người thay.

Khi tôi nhận thêm nhiệm vụ mới, phụ trách lưu thông phân phối, thì cũng là lúc giá-lương-tiền đang bê bối, kinh tế khủng hoảng nghiêm trọng, lạm phát phi mã 780% năm 1986.

Tôi cùng với văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Chính phủ chuẩn bị dự thảo Nghị quyết Trung ương lần thứ hai khóa 6, họp vào tháng 4-1987. Tôi suy nghĩ rất nhiều. Mình mới lên

nhận nhiệm vụ, ngân sách cạn kiệt, dự trữ ngoại tệ tại Ngân hàng Nhà nước chỉ còn hơn 1 triệu $US. Lương thực rất khó khăn. Liên Xô và các nước Đông Âu viện trợ rất hạn chế... Tôi chủ trì biên tập dự thảo Nghị quyết với nội dung 4 giảm:

- Giảm bội chi ngân sách.

- Giảm tốc độ lạm phát.

- Giảm tốc độ tăng giá.

- Giảm khó khăn về đời sống của người ăn lương, của lực lượng võ trang và nhân dân lao động nói chung.

Các biện pháp đẩy mạnh sản xuất, nới lỏng đầu bán ra, giá nguyên liệu bán cho xí nghiệp vẫn giữ giá như cũ, nhưng bán ra theo giá thị trường, nhập một số hàng tiêu dùng và cho phép cán bộ công nhân viên đi công tác nước ngoài được

mua hàng hóa theo tiêu chuẩn quy định không phải nộp thuế, để tăng thêm hàng hóa đang khan hiếm.

Về nông nghiệp:

- Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo chỉ thị 100, cải tiến quản lý nông nghiệp theo hướng mở rộng khoán ra toàn quốc.

Sau khi Nghị quyết được chính thức thông qua tháng 4-1987, tổ chức Hội nghị phổ biến cho cán bộ chủ chốt toàn quốc ở Hội trường Ba Đình, tôi phổ biến xong, có một số nhà kinh tế, và anh em hỏi tôi: trong điều kiện khó khăn này lấy gì mà làm được? Có nhà kinh tế bảo tôi là nên sửa 4 tăng như đồng chí Trần Nhật Quang v.v. Mọi người hoan nghênh nghị quyết, nhưng không biết dùng cách gì mà giảm được. Khi tôi đến Câu lạc bộ

Thăng Long nói chuyện, các đồng chí lão thành cách mạng cũng lo lắng cho tôi. Phụ trách lưu thông phân phối, ngân hàng, tài chính lúc này là vô cùng khó khăn. Tôi nói vui và cũng là lời hứa hẹn. "Nếu thành công, sang năm 1988 tôi sẽ đến báo cáo với các cụ". Không những lo lắng, mà có người làm ca dao châm biếm Nghị quyết Trung ương 2:

Trăm năm trong cõi người ta,

Đầu vào thì cứng, đầu ra thì mềm

"Hộp đen" thì cứ phồng lên,

Cấp dưới cứ dẫy, cấp trên cứ đè

Anh Phạm Hùng gặp tôi nói: "Nghe người ta nói, anh làm bài ca dao này phải không? Vì bài này từ Hải Phòng mà ra". Tôi thưa, với anh là tôi không làm bài này, nhưng khi anh em đọc cho nghe, tôi có sửa vài từ cho bớt "tục".

Ngay kỳ họp Quốc hội tháng 7-1987 anh Nguyễn Văn Linh, anh Phạm Hùng đều có bài vịnh lại bài ca dao trên, đọc trước Quốc hội cho Đại biểu cùng nghe.

Tôi làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng được 6 tháng thì Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng nghỉ, anh Phạm Hùng lên thay vào tháng 7-1987.

Trong thời gian làm việc với anh Tô (tên thân mật của anh Phạm Văn Đồng), anh hay bàn chuyện trọng đại quốc gia với tôi. Anh biết tôi đã là cán bộ đón anh ở hội nghị Fông-ten-nơ-bơ-lô từ Pháp về qua ga Lai Khê, quê tôi; và sau đó cũng tham gia việc chuẩn bị đưa, đón anh qua đường 5 thuộc đất Kim Thành để đi Việt Bắc. Sau đó tôi lại cũng tù ở Côn Đảo, dù tôi là lớp tù sau anh nhiều thập kỷ và như người xưa thường nói: "Đồng bệnh

tương lân", anh cũng bị bệnh phổi lúc 17, 18 tuổi rất nặng, tưởng không qua được. Tôi thì bị địch đánh gẫy xương sườn số 9, sưng phổi, nước vàng chảy ròng rã 5 năm mới hết. Bởi vậy trong các cuộc đến làm việc với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, tuy anh hơn tôi 26 tuổi nhưng anh em bàn chuyện rất vui. Anh đáng tuổi đẻ ra tôi, nhưng tôi vẫn gọi anh bằng anh hoặc Chủ tịch, hoặc Thủ tướng. Có lúc vui chuyện, tôi nói: "Trong cái nhà Chủ tịch phủ, bao nhiêu năm không trang bị lại gì cả, vẫn những quạt trần Marelly của Ý sản xuất, kêu "cọc..., cọc... cọc", hố xí, vệ sinh cũng vậy, tất cả đều thể hiện tính "bảo thủ không đổi mới". Anh Tô cười khà khà vui vẻ nói: "Các đồng chí còn trẻ, phải đổi mới cả chỗ làm việc này nữa mới được" rồi anh lại cười. Tôi vẫn nghĩ anh là nhà "hiền triết", nhà ngoại giao, hơn là nhà quản lý. Có hôm ngồi

chờ đón khách ngoại ở phòng khách lớn của Chủ tịch phủ, tôi hỏi anh kỳ họp Quốc hội tháng 7-1987 anh sẽ nghỉ, anh đã chọn xong người thay chưa? Anh bảo: "Còn đang bàn...".

Tôi hỏi: "Anh Đỗ Mười thế nào?" Anh suy nghĩ đến 2,3 phút, rồi trả lời gọn có 3 từ: "Chỉ có phá!" Tôi ngồi yên không hỏi gì thêm, anh cũng không nói gì thêm... rồi chúng tôi chuyển sang câu chuyện khác, khi khách chưa đến.

Cách đánh giá của các anh lãnh đạo chủ chốt với anh Mười ra sao tôi đều biết cả, từ anh Lê Duẩn, anh Trường Chinh, anh Lê Đức Thọ, anh Nguyễn Văn Linh... Nhưng anh Đỗ Mười vẫn làm cả Thủ tướng và Tổng Bí thư hơn 10 năm. Nhất là anh Phạm Văn Đồng biết rất rõ anh Mười, anh lại là người qua đời sau các anh trên. Sau này tôi mới hiểu một chi

tiết nhỏ, là anh Mười làm thêm khóa thứ hai Tổng Bí thư, anh Tô phản ứng rất gay gắt. Tuy thế phản ứng của nhà lãnh đạo có tầm cỡ, nhà hiền triết, nhà ngoại giao cũng khác những người khác. Anh đã nói với 5 đồng chí là cấp tướng, nếu anh Mười không chịu thôi giữa nhiệm kỳ các đồng chí phải tham gia "hạ" anh Mười xuống... Việc này qua cơ quan nắm tin tức, anh Đỗ Mười đã được báo cáo lại. Như vậy sự phản ứng của anh Tô cũng quyết liệt. Nhưng lời nói việc làm của anh nhẹ nhàng, không thô bạo như những người thiếu học vấn...

Tháng 7-1987 Quốc hội chuẩn y để anh Tô nghỉ, vì tuổi cao. Anh Phạm Hùng thay làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Anh Đỗ Mười thôi giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về thường trực Ban Bí thư.

Tôi cũng có số "hên" và không "hên". Làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng có 15 tháng, một nửa thời gian làm với Chủ tịch Phạm Văn Đồng, một nửa thời gian làm với Chủ tịch Phạm Hùng. Tôi làm việc với hai Chủ tịch họ Phạm để lại trong tôi nhiều kỷ niệm, nhiều "dấu ấn" sâu sắc, không bao giờ quên. Tôi cũng học được ở hai anh những kinh nghiệm trường đời, nhân tình thế thái, mà cả hai đã trải qua. Các anh đã kể lại mọi chuyện cho tôi nghe, như tài sản quí bàn giao cho thế hệ trẻ. Ba anh em cùng tù Côn Đảo. Anh Phạm Hùng còn được đọc báo cáo của tôi năm 1953 khi anh làm Bí thư Đặc khu Ủy miền Đông Nam Bộ.

Cuối năm 1987, có cuộc họp liên tịch giữa Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng để kiểm điểm thực hiện nghị quyết 2 của Trung ương

và phương hướng thực hiện tiếp...

Tôi trình bày báo cáo kiểm điểm thực. hiện nghị quyết 2 và biện pháp thực hiện tiếp. Về biện pháp có nhiều vấn đề, tôi nêu một vài vấn đề chủ yếu:

- Xuất Nam, nhập Bắc về lương thực, đỡ tốn phí về vận tải.

- Xóa bỏ các trạm ngăn sông, cấm chợ, cho lưu thông hàng hóa trong cả nước, cả nước là một thị trường thống nhất.

- Nhập vàng, kinh doanh vàng bạc, tạo ra thị trường vàng, để vàng làm "kim bản vị".

- Chấp nhận đồng đô-la Mỹ được chuyển đổi theo giá thị trường, có hướng dẫn của Ngân hàng...v.v.

Thảo luận trong 2 ngày, các vấn đề khác được chấp nhận, riêng nhập vàng bị anh Đỗ Mười phản đối. Khi tôi trình bày xong báo cáo, anh Phạm Hùng đứng dậy cười vui vẻ:

- Ông Thành chơi sang nhỉ, nhập vàng cơ à?

Khi kết luận Hội nghị, anh Nguyễn Văn Linh - Tổng Bí thư chỉ kết luận những vấn đề không có ai phản đối, còn vấn đề "vàng" anh không nhắc đến.

Kết thúc hội nghị tôi lo quá? Vì vấn đề nhập vàng tuy là một mặt hàng nhập, nhưng nó có nhiều ý nghĩa quan trọng:

- Giá vàng trong nước và thế giới chênh lệch nhau lớn. Ta cấm tư nhân kinh doanh vàng bạc, nhà nước được phép kinh doanh, nhưng không được

phép nhập vàng thỏi, chỉ khai thác tại nội địa được mỗi năm khoảng 2 tấn vàng cốm (sa khoáng), đem ra kinh doanh, nên giá vàng trong nước và thế giới chênh lệch nhau ba lần. Nhập vàng sẽ lãi lớn, bổ sung ngân sách, chống được lạm phát.

- Kinh doanh vàng bạc, tạo ra mặt hàng mới phong phú, bổ sung cho quỹ hàng hóa. Mặt hàng đặc biệt này được nhân dân ta ưa thích, dùng vàng làm đồ trang sức, tích trữ vàng...

- Phá bỏ được thị trường coi vàng như thứ cấm kỵ, chỉ có giai cấp giàu có mới dùng, còn người lao động không được dùng, tự mình đẻ ra kỳ thị dân lộc mình, coi vàng là thứ ghê gớm quá.

Trong thời tạm chiếm ở phía Nam, người dân bán trầu cau cũng có hàng đấu

vàng. Như mẹ vợ chú Đào Hữu Thăng, di cư vào miền Nam, chồng chết, chỉ bán trầu cau, khi giải phóng gả chồng cho con gái lấy chú Đào Hữu Thăng là bạn tù của tôi, bà mẹ vợ cho con gái một đấu vàng toàn nhẫn là nhẫn, đào ở gốc cây đu đủ lên. Chú Thăng được một đấu, cân được hơn 1 kg, khoảng 30 cây. Khi tôi vào chơi nhà ở thành phố Hồ Chí Minh, chú Thăng mở tủ cho tôi xem. Thế thì việc kinh doanh vàng bạc để mở rộng kinh doanh, trước hết quốc doanh thu lãi cho ngân sách nhà nước, sau cho tư nhân kinh doanh, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, ta có thêm dự trữ vàng trong dân, vị thế kinh tế, vị thế chính trị của nước ta có kim loại quí bảo lãnh cho nền kinh tế, điều đó rất cần thiết cho kinh tế thị trường.

Đêm về nằm ngủ tôi buồn quá. Sáng hôm sau, tôi lại trình bày tiếp với anh Phạm Hùng. Anh Hùng bảo tôi: "Sang báo cáo anh Linh, còn tôi đã đồng ý với anh từ hôm anh trình phương án". Tôi đề nghị anh Phạm Hùng bảo anh Sáu Dân cùng đi với tôi sang báo cáo với anh Linh cho mạnh. Anh Phạm Hùng xua tay: "Đừng, đừng, mình anh sang là đủ. Anh Sáu cùng đi có khi lại không hay"... Hôm đó tôi mới hiểu giữa anh Linh và anh Sáu có vấn đề với nhau. Sau này tìm hiểu, tôi mới biết được ý của anh Phạm Hùng.

Tôi sang trình bày với anh Linh ngay. Vì vấn đề này tôi đã suy nghĩ từ lâu, nhất là những lý luận về tài chính tiền lệ của Keynes, nhà kinh tế tư bản nói nhiều về kinh tế thị trường và sự can thiệp của nhà nước vào thị trường như thế nào.

Tôi đến nhà anh Linh. Sau 15 phút tôi trình bày, anh Linh đồng ý ngay. Tôi vội nói:

- Hôm qua sao anh không kết luận cho tôi dễ làm việc. Vì có quyết định tập thể của Bộ Chính trị rất quan trọng.

Anh Linh ngắt lời tôi:

- Ây chết, nếu hôm qua tôi kết luận, có người phản đối thì hôm nay tôi sao dám đồng ý với anh. Anh thấy đấy, những "tay to mồm" phản đối là khó xử lắm!

Tôi thầm phục anh. Tổng Bí thư thông minh, thế mà chị Huệ cứ hay nói với tôi, có lần có mặt cả anh Linh: "Anh Linh nhà tôi "đần" lắm, anh làm việc với anh Linh, anh giúp đỡ anh ấy...". Anh Linh vỗ vai tôi, vừa cười vừa nói: "Bà Huệ ấy mà...?"

Anh đứng dậy bắt tay tôi và bảo:

- Anh với tôi cùng anh Hai Hùng chịu trách nhiệm trước Trung ương. Cứ làm, không cần phổ biến rộng. Đây chỉ là một mặt hàng, anh Hùng quyết là đủ. Nhưng nó là mặt hàng "vàng" nên Tổng Bí thư phải có ý kiến.

Anh rất vui tiễn tôi ra cửa...

Tôi ra về rất phấn khởi, báo cáo lại với anh Phạm Hùng và anh Võ Văn Kiệt. Hai anh phân công tôi phụ trách. Tôi đề nghị: Bộ Ngoại thương làm cũng được, nhưng mặt hàng vàng để Ngân Hàng nhà nước làm thì phù hợp với chuyên ngành hơn. Anh Phạm Hùng bảo tôi sang bàn với anh Lữ Minh Châu, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước, lúc đó chưa gọi là "Thống đốc". Tôi sang bàn với anh Lữ Minh Châu, anh Châu nói: "Đây là vấn

để mới, nên để bên Bộ Ngoại thương làm. Anh là Phó Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, phụ trách trực tiếp tốt hơn...". Tôi về báo cáo lại anh Hai Hùng. Anh Hùng, anh

Sáu Dân cùng nói: "Ông Thành và Bộ Ngoại thương làm là hợp lý..." Tôi phải nhận và tổ chức bộ phận chuyên trách nhập vàng do đồng chí Đinh Phú Định, thứ trưởng, đồng chí Uyển, Vụ trưởng xuất nhập khẩu giúp tôi thực hiện cụ thể. Để lấy thực tế chứng minh, tôi giao đồng chí Lạc, Tổng Giám đốc Tổng công ty xuất nhập khẩu Kỹ thuật dầu khí (Petechim) nhập nhanh một chuyến để rút kinh nghiệm.

Công ty đã nhập lần đầu từ Hồng kông, chở bằng máy bay 15 tấn vàng 999 JSC của Thuỵ Sĩ về Thành phố Hồ Chí Minh. Các doanh nghiệp Nhà nước, tư

nhân đến xếp hàng mua từng thỏi vàng từ 5 kg đến 50 kg về chế biến ra từng cây vàng bán lẻ. Chuyến đầu lãi tới 3 lần, có liền trả nợ chuyến trước và nhập chuyến sau, một phần nộp vào ngân sách. Mọi người yên tâm là nhập vàng có lãi lớn cho Ngân sách Trung ương và địa phương. Sau đó mở rộng ra cả nước nhưng chủ yếu vẫn là Thành phố Hồ Chí Minh và các công ty xuất nhập khẩu các tỉnh phía Nam. Còn các tỉnh phía Bắc chỉ có Hà Nội xin nhập 10 tấn. Nhưng thủ tục vay tiền, mở L/C cũng như giao dịch chậm trễ, phải hết 6 tháng mới nhập được 900 kg từ Hồng kông, bằng tàu thủy về Hải Phòng. Đồng chí Vũ Ngọc Phương thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Trần Tấn, Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội. Khi chở vàng về Hà Nội, các đồng chí sợ đi đường số 5 bị cướp, các đồng chí phải cử công an áp tải đi

qua Nam Định, qua đường số 1 về Hà Nội để đánh lạc hướng bọn trộm cướp dọc đường số 5. Về Hà Nội ban đêm, nên để tạm ở văn phòng UBND Thành phố một đêm, làm cho một số người tò mò, thắc mắc tại sao không đem gửi Ngân hàng ngay mà lại để ở văn phòng UBND Thành phố...

Khi tôi biết việc này, tôi bảo đồng chí Vũ Ngọc Phương: "Có gần một tấn vàng, cho vào cái xe U oát chạy một mạch ban ngày về Hà Nội, rồi đem đến Ngân hàng gửi, làm gì phải đi đêm, qua Nam Định về Hà Nội, vòng vo tốn thì giờ, lại sinh thắc mắc cho một số người... Chú là người cảnh giác cao độ, thời bình mà cứ làm như thời chiến...".

Các công ty xuất nhập khẩu miền Bắc cũng được thông báo, nhưng vì không kinh doanh quen, còn sợ mọi thứ, nên

không dám nhập. Ngay Hải Phòng, tôi gọi báo mấy lần, nhưng cũng không dám nhập vàng. Riêng các tỉnh phía Nam chạy xô ra Bộ Ngoại thương xin quota nhập vàng. Để thuận tiện cho Thành phố Hồ Chí Minh, anh Sáu Dân ký Ủy nhiệm cho đồng chí Nhật Hồng, Giám đốc Vietcombank Sài Gòn, ký giấy phép nhập cho thành phố là 50 tấn. Còn tỉnh khác vẫn phải ra Bộ Ngoại thương xin quota. Tính đến tháng 4-1990, trước khi tôi thôi giữ chức Bộ Trưởng Bộ kinh tế đối ngoại, cả nước nhập được khoảng 160 tấn, tính ra USD Ngân sách Trung ương và các tỉnh, thành phố có nhập vàng lãi khoảng hơn 1 tỉ USD góp phần rất quan trọng vào chống lạm phát, từ 780% năm 1986, năm 1990 còn 67% giảm hơn 10 lần.

Xin từ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Sau 8 tháng thực hiện Nghị quyết 2 của Trung ương, tôi thấy xu hướng và thực hiện bước đầu có kết quả, tôi đề nghị Trung ương cần ra một Nghị quyết toàn diện chuyển kinh tế kế hoạch hóa sang kinh tế Thị trường định hướng XHCN.

Hội nghị liên tịch Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng định vào ngày 1 và 2-2- 1988. Đồng chí Phạm Hùng giao cho tôi cùng 6 Bộ trưởng trong ngành và một số chuyên viên kinh tế chuẩn bị. Tôi đã chủ trì xây dựng một phương án, có mô hình để dễ chỉ đạo.

Mô hình này thể hiện chuyển dần từng bước, toàn diện của cả nền kinh tế sang kinh tế thị trường. Việc chuẩn bị rất công phu. Khi được quyết, bất cứ đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị nào cũng có thể chỉ đạo theo mô hình đó được.

Nó vừa đồng bộ, dễ nhìn thấy diễn biến tình hình qua ngày tháng cập nhật, các ngành các cấp không lúng túng. Thực sự tôi rất phấn khởi khi đưa ra Hội đồng Bộ trưởng tham gia. Các thành viên Chính phủ đều hoan nghênh, anh Phạm Hùng phân công tôi báo cáo dự thảo Nghị quyết 4 này trước hội nghị liên tịch (gọi là liên tịch nhưng thực chất là Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng).

Ngày 1-2-1988 tôi trình bày xong, Hội nghị có 14 Ủy viên Bộ Chính trị họp, 12 đồng chí phát biểu đồng tình, đồng chí Nguyễn Văn Linh sơ kết ý kiến của 12 đồng chí đã phát và phát biểu bổ sung, anh Linh cũng đồng tình với dự thảo Nghị quyết 4.

Đến cuối giờ chiều ngày 1-2-1988 anh Đỗ Mười phát biểu. Anh không đi vào đề án, anh phát biểu phê phán trực

tiếp tôi, với những ý chính sau đây:

- Một Phó Thủ tướng và 5, 6 Bộ trưởng không chịu đi cơ sở, cứ ngồi ở bàn giấy nghiên cứu mô hình nọ, mô hình kia để làm gì? Vấn đề mới quá, tôi đề nghị gác lại đến tháng 9-1988 sẽ bàn.

Vân vân và vân vân, xoay quanh phê phán tôi.

Hội nghị nghỉ, hôm sau bàn tiếp. Tôi nghĩ vấn đề tôi và các Bộ trưởng trong khối đã tính toán bàn kỹ, được cả Hội đồng chính phủ thông qua. Dự thảo nghị quyết 4 mang tính lý luận cao và mô hình chuyển dịch nền kinh tế có cơ sở khoa học. Nghị quyết này tiếp nối Nghị quyết II rất có hệ thống. Nay đồng chí Thường trực Ban Bí thư đề nghị để tháng 9-1988 mới bàn, các đồng chí Bộ Chính trị cũng đồng ý, tôi thấy không còn cơ sở để làm

việc có hiệu quả cho việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 6 đổi mới, có tầm sâu rộng, khắc phục nhanh khủng hoảng kinh tế, đưa kinh tế nhanh ổn định và phát triển. Tôi quyết định sẽ xin từ chức vào ngày hôm sau.

Tối hôm đó tôi trao đổi kỹ với nhà tôi và đồng chí Ngô Hải thư ký của tôi về thái độ của anh Đỗ Mười. Anh Đỗ Mười không thực hiện được ý định loại tôi khỏi Ban Chấp hành Trung ương khóa 6, tôi lại còn làm Phó Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, như vậy sẽ cản bước tiến của anh Mười. Nếu tôi từ chức vừa thỏa lòng anh Mười và giữ được đoàn kết nội bộ, vừa cũng là tấm gương chung: Khi không còn điều kiện để thực thi nhiệm vụ thì nên rút lui cho người khác thay thế, mình làm việc khác, nếu hết việc thì về nghỉ, vì lúc này tôi đã 59 tuổi. Nhà tôi

và chú Ngô Hải hiểu ý tôi và lòng anh Mười nên cũng đồng tình với tôi.

Tôi viết đơn xin từ chức để đọc vào chiều mai 2.2.1988. Tôi dự kiến phát biểu bổ sung, sau đó sẽ đọc đơn xin từ chức.

Sáng 2-2-1988 thế nào tôi cũng phải báo cáo đồng chí Tổng Bí thư và Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng trước, để bảo đảm ý thức tổ chức, kỷ luật...

Sáng hôm sau vào giờ giải lao, tôi báo cáo với anh Linh việc tôi xin từ chức để giữ gìn đoàn kết nội bộ. Anh Linh bảo tôi cần suy nghĩ thêm. Tôi nói đã suy nghĩ kỹ rồi. Anh Linh không nói gì thêm. Khi tôi báo cáo anh Hai Hùng, anh Hùng nói: "Không nên, để bàn thêm". Tôi báo cáo rằng đã suy nghĩ kỹ rồi. Tôi không thể làm việc tốt được nếu anh Mười còn cản trở. Tôi đề nghị anh cho phép tôi từ

chức, anh Hùng hơi cười vui: "Để xem, xem...".

Khi tôi đọc đơn từ chức, hai anh mới cho là thật. Các anh cứ tưởng tôi bực tức với anh Mười nên nói vậy thôi. Anh Hùng còn bảo: "Tôi tưởng anh nói đùa". Vì khi đề nghị xin từ chức, thái độ tôi vẫn vui vẻ bình thường, không có thái độ tức giận gì cả, nên anh vẫn nghĩ tôi chỉ nói cho đỡ bực mình với anh Mười thôi.

Khi tôi đọc đơn xin từ chức Phó Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, hội nghị có khoảng hơn 60 người, họp ở Hội trường T78, tại thành phố Hồ Chí Minh, mọi người đều lắng nghe với vẻ bất ngờ. Sau đó, anh Linh đứng lên luôn, phê bình anh Đỗ Mười một cách nghiêm khắc, với mấy ý chính sau đây:

- Ông Mười tưởng rằng Ủy viên Bộ Chính trị là to lắm, muốn nói gì cũng được, muốn phê bình ai cũng được. Hồi tôi làm Bí thư Thành Ủy Thành phố Hồ Chí Minh, mỗi lần vào Thành phố là ông Mười đòi gặp tôi. Nhiều lần tôi từ chối không gặp. Ông tưởng là Ủy viên Bộ Chính trị muốn làm gì thì làm...

Khi anh Linh dứt lời, anh Mười nói:
- Tôi nói đó là tinh thần Bôn-xê-vích...

Tôi xuýt nữa bật cười to...

Tối hôm đó tôi sang chào anh Trường Chinh (Anh Trường Chinh đang nghỉ ở T78), đồng thời xin ý kiến anh về đôi câu đối, tôi định viết ở lăng cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc ở Cao Lãnh. Vì ngày hôm sau, 3-2 ngày thành lập Đảng, tôi xuống thắp hương tại nhà lưu niệm cụ

Phó bảng và viết ngay tại đó cho có ý nghĩa. Nội dung:

"Thiên hồng địa tử đô Sinh Sắc

Giải phóng sơn hà hiển Chí Minh"

Đọc xong hai câu thơ và tôi nói thêm ý của nó, anh Trường Chinh nghe xong khen: "Hay lắm! hay lắm! Khí phách lắm! Khí phách lắm!" Tôi yên tâm. Anh Trường Chinh mà Đảng ta và nhân dân ta thường gọi anh là: "Anh Thận" vì anh rất cẩn thận trong từng lời nói và bài viết, đối nhân xử thế, việc gì cũng thận trọng, nên mới được nhân dân và cán bộ đặt cho anh chữ "Thận" làm tên gọi thân mật, nay anh đã khen thì tôi có thể yên tâm.

Câu đối này tôi cũng đưa cụ Minh, một nhà "uyên thâm túc Nho" xem

trước. Cụ Minh góp ý với tôi thay chữ "giai" bằng chữ "đô", chữ "rực" bằng chữ "hiển". Cụ giải thích chữ "đô" đắt nghĩa hơn chữ "giai", dù chúng đều có nghĩa là "đều". Chữ "hiển" thay chữ "rực" để khỏi hiểu lầm đối với người ít biết chữ Hán. Vì trong câu đối viết chữ "rực" là bay lên; nhưng đọc mà không trông chữ viết thì nghĩ chữ "rực" là "rực rỡ", hiểu sai ý, nên thay bằng chữ "hiển". Tôi đồng ý với cụ Minh.

Năm 1987 mất mùa nên ảnh hưởng đến năm 1988. Lương thực lúc đó chỉ dựa vào sản xuất trong nước, tiền nhập lương thực không có, viện trợ của Liên Xô và các nước Đông Âu về lương thực không đáng kể.

Ảnh hưởng vụ mùa thất thu đã kéo dài đến năm 1988, nhất là những nơi mất mùa nặng như Thanh Hóa, Nghệ

An. Tết âm lịch, đầu năm 1988, Thanh Hóa đã có hơn 100 người chết đói. Anh Phạm Hùng dự định về miền Năm ăn Tết, nhưng tình hình lương thực căng thẳng, anh ở lại Hà Nội ăn Tết, đến mùng 6 Tết mới vào Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày mùng 2 Tết anh đến thăm tôi. Vì không được báo trước, nên tôi về Hải Phòng. Sáng 4 Tết tôi đến chúc tết anh ở nhà riêng, anh bảo tôi: "Mấy hôm nay ở lại Hà Nội lo gạo, lương thực cho Thanh Hóa và những tỉnh thiếu đói nặng. Nay đã hòm hòm, mốt tôi vào Thành phố.". Tôi thấy anh vất vả quá.

Mới làm Thủ tướng được hơn 6 tháng mà anh già hẳn đi. Hai anh em ngồi nói chuyện gần hết buổi sáng, hết chuyện nước, đến chuyện nhà, rồi lại đến chuyện tù Côn Đảo... Tôi thấy anh dáng vẻ mệt mỏi và buồn, đôi khi nói đến tình hình

đói ở Thanh Hóa anh lại rơi nước mắt. Rồi anh nhắc lại chuyện tôi xin từ chức tuần trước. Tôi động viên anh rằng tôi vẫn ra sức làm việc, không vì xin từ chức mà nản việc. Anh bảo tôi: "Tôi mừng vì anh vẫn giữ được thái độ bình thường. Việc anh từ chức là độc nhất vô song". Tôi nói: "Tôi xin từ chức là thực sự có lỗi với anh, vì anh mới làm Chủ tịch được hơn 6 tháng. Tôi từ chức có thể có người hiểu sai, mong anh thông cảm". Anh nhắc lại một vài ý hôm họp và vài ý trách anh Mười. Rồi anh nói: "Tôi hoàn toàn thông cảm với anh. Trong điều kiện này rất khó làm việc với anh Mười...".

Không ngờ ngày 6 Tết anh vào Thành phố Hồ Chí Minh ăn Tết với gia đình và thăm bà con bạn bè thân thiết, ngày mồng 8 Tết, một cơn đau tim đột ngột đã cướp đi người chiến sĩ cách

mạng lão thành. Ngày xưa giặc Pháp kết án anh với án tử hình, sau giảm án đày ra Côn Đảo nhưng chúng không cướp được sinh mạng anh. Với sức khỏe tốt, được rèn võ, luyện "gồng trà kha", nay anh đang say mê với công việc mới, đầy trọng trách, trong hoàn cảnh kinh tế đất nước đang gặp nhiều khó khăn, anh mất đi để lại bao thương tiếc cho nhân dân, cho Đảng. Tôi thực sự quí mến anh và anh cũng yêu mến tôi như những người ruột thịt thân thiết. (Tôi sẽ nói kỹ về anh ở chương các đồng chí Bộ Chính trị với Hải Phòng).

Anh Phạm Hùng qua đời, anh Võ Văn Kiệt làm quyền Thủ tướng, đến tháng 6-1988 Quốc hội họp bầu anh Đỗ Mười làm Thủ tướng.

Tháng 3-1988 Bộ Ngoại thương sát nhập với Ủy ban hợp tác Lào - Kampu-

chia, do anh Đặng Thí làm Chủ nhiệm, Ủy ban Hợp tác đầu tư với nước ngoài do anh Võ Đông Giang làm Chủ nhiệm. Bộ mới ra đời có tên là Bộ kinh tế đối ngoại do tôi làm Bộ trưởng.

Còn tôi đến 2-5-1988 được chuẩn y miễn nhiệm cùng với hai đồng chí Nguyễn Ngọc Trìu, Nguyễn Văn Chính (Chín Cần), cũng không tuyên bố rõ lý do tôi xin từ chức, mà chỉ nói chung: cả ba người thôi giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng để nhận nhiệm vụ khác. Tôi thấy viết thế nào cũng được, miễn là mình được thôi chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

Hôm đưa ba đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng ra Quốc hội phê chuẩn, tôi thấy anh Nguyễn Ngọc Trìu, hai tay vắt sau, vừa đi vừa suy nghĩ trong giờ giải lao. Tôi mời anh Trìu vào uống

cà phê và bảo: Suy nghĩ làm gì cho tổn thọ, "nhất đại vi quan, vạn đại vi dân". Khi hai anh em ngồi uống cà phê, thấy có cảnh có tình, tôi làm 4 câu thơ tặng anh Trìu:

"Hai thằng miễn nhiệm uống cà phê,

Thế sự xem ra vẫn ê chề.

Dân đói, dân no còn lắm chuyện

Việc nhà, việc nước vẫn còn mê".

Anh Trần Hoàn ngồi bàn bên cạnh, thấy tôi đọc thơ ngó sang bảo đọc to cho nghe. Tôi nói đùa: "Muốn kiểm duyệt phải không?". Anh Trần Hoàn cười. Tôi đọc to cho anh Trần Hoàn nghe, anh Hoàn nói: "Hay đấy? vẫn còn có hậu". Tôi nói lại: "Bọn tớ làm cách mạng đến cùng, không bao giờ nản chí".

Tôi làm Bộ trưởng Bộ Kinh tế, anh Mười làm Thủ tướng, tôi vẫn giữ thái độ bình thường. Anh Mười đối với tôi bề ngoài cũng thấy dễ chịu hơn, nhưng tôi nghĩ sẽ có ngày cũng phải chia tay. Chắc anh Mười cũng không muốn tôi làm lâu.

Đúng như vậy, khi tôi nhập vàng anh còn là Thường trực bên Đảng, nay sang làm Thủ tướng, hàng năm đi đâu anh cũng rêu rao: "Đoàn Duy Thành Bộ trưởng Kinh tế đối ngoại đấy, không nhập phân bón, nguyên liệu, đi nhập vàng..." Anh em các ngành, các địa phương thông tin cho tôi biết, tôi thấy chẳng có gì phải suy nghĩ, vì đó là tất yếu. Anh Mười không hiểu rằng lúc đó lấy tiền đâu mà nhập phân bón, nguyên liệu? Phải nhập vàng chịu, trả nhanh; vòng sau có lãi để nhập phân bón, nguyên liệu. Khi họp Hội đồng Bộ trưởng, anh tuyên bố: "Anh

Thành nghỉ Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, nhưng tôi vẫn thực hiện bài của anh Thành". Họp Thường vụ Hội đồng bộ trưởng anh cũng tuyên bố như vậy.

Nhưng sang năm 1989 tình hình khá hơn. Anh gặp tôi hai lần khi họp Hội đồng bộ trưởng, anh Mười nói: "Bài của cậu tính cũng sai". Tôi nghiêm nét mặt nhưng không nói gì. Lần sau có mặt anh Đoàn Trọng Truyến, anh Mười lại nói: "Bài của cậu cũng tính sai..." Tôi hơi khó chịu, trả lời anh Mười: "Anh đã nói nhiều lần, anh thực hiện bài của tôi. Bài của tôi, tôi tính rất kỹ. Chỉ có thể do người thực hiện sai, còn tôi tính không sai". Anh không nói gì và đi chỗ khác.

⋆⋆⋆

Tính tỷ suất lãi ngân hàng với đồng Việt Nam và tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng đô-la Mỹ và ngoại tệ khác, là vấn đề khó trong quản lý kinh tế. Điều này lúc nào tôi cũng quan tâm suy nghĩ. Khi có lạm phát phi mã lại càng khó. Lúc đó Hội đồng bộ trưởng họp nhiều lần, có những đề xuất rất táo bạo, phi kinh tế, như đưa lãi suất đồng Việt Nam lên 20%/tháng của anh Nguyễn Cơ Thạch. Anh còn nói mạnh mẽ rằng phải đem bom đánh tan nhà máy in bạc đi, in quá nhiều để gây lạm phát. Tôi rất thích tính anh Thạch. Tuy là nhà ngoại giao có tài, nhưng anh rất quan tâm đến kinh tế, đặc biệt là công nghệ thông tin. Tôi nói với anh Thạch đưa lãi suất lên 20% tháng thì bán cả nước Việt Nam đi mà trả lãi. Anh tranh luận với tôi rất thoải mái. Anh luôn luôn giữ chữ "lên" với tôi. Cái gì hứa, làm đúng lời hứa. Anh Nguyễn Cơ

Thạch và anh Mai Chí Thọ hay bảo tôi là có hai ông Thành. Ông Thành ở Hải Phòng thì thoáng, còn ông Thành lên Trung ương lại quá chặt chẽ. Tôi nghĩ các anh rất có tình cảm với tôi nhưng các anh ít nghiên cứu sâu về kinh tế. Trong lúc khủng hoảng kinh tế, sản xuất đình đốn, vay tiền của dân, cho ai vay lãi được 5%/tháng? Doanh nghiệp không ai dám vay vì làm sao ra lãi 5%/tháng để trả nợ ngân hàng? còn Nhà nước lấy tiền đâu bù chênh lệch khoảng 15%/tháng? Tôi nói vui với anh Thạch: "Nghe anh chỉ có đổ thóc giống ra mà ăn..." Anh cười vui vẻ, nhưng vẫn tranh luận tiếp.

Sau đó anh Mười quyết định lãi suất 12%/tháng. Hỏi ý kiến tôi, tôi bảo: "Chống lạm phát mà nâng lãi suất như thế này thì chỉ kéo dài được chu kỳ lạm phát". Nhưng chu kỳ sau sẽ lạm phát

cao hơn chu kỳ trước. Nếu nâng lãi suất đồng nội tệ lên quá cao để chống được lạm phát và kinh tế khủng hoảng thì thế giới họ đã làm từ lâu rồi, và không bao giờ có khủng hoảng kinh tế cả. Theo ý tôi trong trường hợp đặc biệt này chỉ nên 4% một tháng là đã quá bạo tay rồi. Thử hỏi có xí nghiệp nào làm ra lãi 2% tháng không? Khi tôi làm Bí thư Thành Ủy Hải Phòng, năm 1985, Thành phố đã vay của nhân dân Hải Phòng 150 triệu với lãi suất 4%/tháng, được Ngân hàng Trung ương đồng ý. Chúng tôi dự kiến trong một tháng rưỡi vay đủ số tiền trên. Nhưng thật bất ngờ chỉ trong một tháng nhân dân đem đến cho vay tới 200 triệu. Chúng tôi phải kết thúc ngay. Sau tháng 9-1985 Thành phố phải trả hết cho nhân dân, vì sợ đồng tiền Việt Nam đang bị mất giá sau đổi tiền nhân dân sẽ thiệt thòi. Từ kinh nghiệm và thực tế lúc đó,

tôi đề xuất lãi suất không nên quá 4%/tháng. Nhưng Hội đồng bộ trưởng vẫn quyết định 12%/tháng.

Có một số anh chị em quen thân đến hỏi tôi lãi suất gửi tiền tiết kiệm cao, có nên gửi không? Tôi trả lời anh chị em nên gửi, lãi lớn đấy.

Có anh chị em gửi chỉ hơn một năm đã lãi 2, 3 lần. Vì vàng bán lúc đó rất đắt, lấy tiền mặt gửi ngân hàng, khi rút ra mua vàng giá rẻ. Ngay đồng chí Quản Đức Khiêm, thư ký của tôi ở Hải Phòng, gửi tiết kiệm hơn một năm, khi rút ra cũng lãi gần 3 lần, được 10 lạng vàng.

Tôi làm Bộ trưởng Kinh tế công việc đang suôn sẻ, đưa doanh số xuất khẩu từ 600 triệu Rúp và đô la/năm, nay lên hơn 2 tỉ đô la và Rúp. Kinh tế đất nước đang đi vào thế ổn định, thì lại có kế hoạch

sát nhập các bộ, Bộ kinh tế đối ngoại sát nhập với Bộ Nội thương và Bộ Vật tư thành Bộ Thương mại. Việc này đúng như tôi dự đoán, có sát nhập mới có lý do để loại tôi ra khỏi thành viên Chính phủ.

Trong khi đang chuẩn bị, anh Hoàng Minh Thắng sang bàn với tôi, đề nghị tôi nhường cho anh làm Bộ trưởng Bộ Thương mại. Anh Thắng nói: "Anh làm việc gì cũng được, nhường tôi làm Bộ trưởng Bộ Thương mại. Tôi chỉ thích làm Bộ trưởng Bộ Thương mại...". Tôi với anh Thắng là bạn với nhau, khi tôi làm Bí thư Hải Phòng, anh Thắng làm Bí thư Quảng Nam - Đà Nẵng, có quan hệ hợp tác với nhau rất chặt chẽ. Nhất là trong kháng chiến chống Mỹ, Hải Phòng kết nghĩa với Đà Nẵng quan hệ chúng tôi càng khăng khít hơn. Anh Thắng khi làm Bộ trưởng

Bộ nội thương, tôi làm Phó chủ tịch phụ trách khối Lưu thông phân phối, Tài chính, Ngân hàng. Nay anh Thắng đã đề nghị, tôi đồng ý ngay. Vì anh đã là cấp dưới của tôi, nay có việc này tại sao tôi lại không nhường anh? Anh Thắng rất phấn khởi.

Nhưng công việc không phải bình thường như thế. Hôm họp Hội nghị Ban chấp hành Trung ương ở nhà "Con rùa" bên bờ Hồ Tây, anh Đỗ Mười gặp tôi trao đổi việc nhân sự. Qua trao đổi, anh Mười bảo tôi về chuẩn bị tổ chức, để tiếp tục làm Bộ trưởng Bộ Thương mại. Tôi rất phân vân, nhưng điều trước hết là tôi phải thông tin cho anh Hoàng Minh Thắng biết. Tôi gặp anh Thắng báo chuyện anh Đỗ Mười bảo tôi tiếp tục làm Bộ trưởng.

- Anh liệu mà chạy, kẻo lại thất vọng, rồi lại bảo tôi tranh nhau với anh cái chức Bộ trưởng Bộ Thương mại.

Chúng tôi vẫn nhắc lại chuyện này với nhau một cách đùa vui. Nhưng việc anh Mười bảo tôi làm tiếp Bộ trưởng Bộ Thương mại cũng chỉ là câu chuyện "làm quà" cho vui vẻ thôi. Vì trước và sau khi quyết định anh Thắng làm Bộ trưởng Bộ Thương mại, anh Mười không hề nói lại với tôi một lời. Đó cũng là điều dễ hiểu.

Trong 3 năm 8 tháng làm Bộ trưởng Bộ Ngoại thương rồi làm Bộ trưởng Bộ kinh tế đối ngoại, biết bao công việc phải làm.

Trước hết là ổn định tổ chức, xây dựng cơ sở vật chất của Bộ Ngoại thương quá cũ, xây dựng Nghị định 164 của Chính phủ về xuất nhập khẩu - đầu tư.

Tôi đã cùng các đồng chí lãnh đạo Bộ lo toan công việc, rồi lo từ bữa ăn sáng, ăn trưa cho cán bộ công nhân, viên chức thuộc Văn phòng

Khi còn ở Hải Phòng, tôi nghĩ lên Bộ Ngoại thương chắc chắn sẽ có tiện nghi tốt hơn. Không ngờ lên đến Bộ cái gì cũng thiếu, tôi không thể tưởng tượng được. Ở Hải Phòng phòng làm việc của Bí thư, Chủ tịch Thành phố... đều có điều hòa. Lên Bộ chỉ mỗi phòng khách ngoại trên lầu 2 nhà 31 Tràng Tiền là có điều hòa nhiệt độ do Liên Xô sản xuất. Các phòng làm việc thì che chắn. Riêng phòng tròn ở nhà chính của Bộ, ngăn làm 2, một phòng dành cho Vụ xuất nhập khẩu, còn một nửa để nguyên liệu xây dựng xi măng, sắt thép...

Lối lên phòng khách ngoại trên lầu 2 có hai lối. Lối cho khách đi lên bằng cầu

thang chính, vì là nhà "băng" cũ nên tầng rất cao. Có lần ông Thứ trưởng Bộ Ngoại thương Phi-líp-pin đến gặp tôi, khi đến phòng khách ông thở rất to và nói: "Tôi không cảm động đâu, nhưng cầu thang cao quá, tôi mệt".

Còn một lối riêng cho Bộ trưởng đi lên tiếp khách, với một cầu thang phụ chật hẹp, phải đi qua cửa "hố xí" quá hẹp, phải đi nghiêng để quần áo chỉnh tề tiếp khách, không bị nhàu. Hôm anh Lê Khắc dẫn tôi đi xem lần đầu để bàn giao, tôi bật cười nghĩ lại chuyện bàn giao với đồng chí Nguyễn Quốc Hiếu, Giám đốc Sở Thương nghiệp Hải Phòng, cơ quan cũng phải có lối phụ lên phòng Giám đốc. Lần này có khác là lối phụ để lên tiếp khách nước ngoài...

Trong 44 tháng công tác tại Bộ, tôi đã vạch kế hoạch cho từng năm và ba năm

làm những việc gì cho Bộ, cho đất nước.

Việc giải quyết bữa ăn trưa cho cán bộ công nhân, viên chức, là vấn đề bức xúc vì lúc đó đã bắt đầu làm thông giờ. Sáng nào anh chị em đến làm việc đều mang cạp lồng đựng bữa cơm trưa. Tất cả đều đi xe đạp, duy có một đồng chí đi cái xe máy "Babetta", đó là đồng chí mạnh bạo nhất. Một số anh chị em đi nước ngoài cũng mua được xe máy Nhật, nhưng không dám đi, sợ cho là giàu có, cứ phải cho xe đắp chiếu để trong buồng. Có đồng chí mua được 2, 3 xe máy phải tháo rời ra để ở gầm giường, tôi đến chơi, thấy lủng củng đồ đạc dưới gầm giường, hoặc cất giấu vào góc nhà, lỉnh cà lỉnh kỉnh. Tôi bảo các đồng chí đem ra mà đi, hoặc bán đi gởi vào tiết kiệm, việc gì phải giấu như "thuốc phiện lậu" vậy. Tôi nói mãi, dần dần các đồng chí thấy

quen, đem hết xe ra đi. Năm 1988 hầu hết không còn ai đi xe đạp đến Bộ làm việc, quần áo ăn mặc chỉnh tề hơn. Đồng chí Phối, Vụ trưởng Vụ II, đã làm Tham tán Thương mại ở Nhật Bản 2 khóa, một cán bộ gương mẫu giữ gìn, nhưng tiền lương tiết kiệm mua được xe máy cũ của Nhật rất rẻ cũng không dám mang ra đi công tác, quần áo chỉ có một bộ com-lê để ở trong tủ làm việc, khi tiếp khách mới mặc, còn đi làm chỉ mặc bộ quần áo "đại cán" sĩ quan ka ki, mùa hè mặc sơ-mi xanh, hoặc trắng, với quần ka-ki Trung Quốc. Các đồng chí khác cũng vậy. Tôi bảo anh Phối cứ mặc quần áo đàng hoàng, thắt "cravate" cẩn thận. Mình là cơ quan đối ngoại, việc gì phải kiêng kỵ? Sau đó ít lâu mới hình thành phong trào ăn mặc chỉnh tề hơn.

Còn ăn trưa, tôi bàn với xí nghiệp làm kinh tế, cải thiện đời sống của Công đoàn. Tôi bảo đồng chí Dương, giám đốc thôi nghề ép than và cán mì đi, tổ chức sản xuất thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Xí nghiệp khá lên, cung cấp bữa ăn trưa cho anh chị em 50đ/người, bỏ được cảnh mang theo cạp lồng cơm, đến trưa đem ra hâm nóng ăn trong phòng, vừa nhếch nhác vừa mất vệ sinh. Số tiền trên ra hiệu ăn bữa trưa còn dư, đem về bổ sung cho bữa ăn sáng và tối.

Còn trụ sở Bộ, tôi cho đập 3 nhà rất cổ, xây lâu năm, có nhà tường đã nứt, chỉ đợi chấn động nhẹ thì trần và nhà sụp đổ. Tôi quyết định cho xây nhà 3 tầng làm việc hiện nay, cải tạo nhà chính, nhà phụ làm việc, phá hầm phòng không, xây một tầng làm Hội trường hiện nay, có thể họp được 350 người. Nay các đồng chí trong

Bộ ngăn làm nhiều phòng làm việc, bắc quạt và điều hòa cho các phòng, cải tạo phòng tròn làm nơi hội thảo ít người, xây thêm phòng khách ngoại ở tầng dưới, lấy hai ngà voi dài nhất nước từ Công ty Thủ công mỹ nghệ Sài Gòn về trưng bày ở phòng nhà tròn... tạo cảnh quan và bộ mặt, thật đàng hoàng đối với khách trong nước và nước ngoài. Trước khi đập 3 nhà cũ, tôi phải cho quay phim chụp ảnh. Kể cả khi nhờ xe xích của Bộ Nội vụ đến kéo đổ 3 nhà cũng quay phim hiện trạng, kẻo nếu có người không đồng tình với mình, khiếu nại, sẽ có bằng chứng giải trình. Trước khi xe xích kéo sụp 3 nhà, tôi cũng đứng xem. Xe mới hơi chuyển bánh, nhà đã đổ sụp, gạch vữa lả tả, nhiều thanh sắt làm cốt đã mục nát, trông rất sợ. Vì tôi làm cẩn thận nên sau xây dựng không có đơn kiện cáo về việc này.

Để giảm đầu mối và bớt độc quyền về ngoại thương, tôi bàn giao những Tổng công ty xuất nhập khẩu chuyên ngành cho các Bộ chuyên ngành, chỉ giữ lại những Tổng Ty tổng hợp xuất nhập khẩu, những công ty mà không có Bộ chuyên ngành nhận. Sau khi củng cố lại các công ty và thành lập những công ty cần thiết, như công ty Tổng hợp II miền Trung (Centrimex), tôi bàn với Bộ Ngoại giao nâng cấp các tùy viên Thương mại là cán bộ của Bộ Ngoại thương, sau này là Bộ kinh tế đối ngoại cử, lên chức Tham tán. Được anh Nguyễn Cơ Thạch cử anh Nguyễn Di Niên Thứ trưởng phụ trách tổ chức sang làm việc, đi tới thống nhất đề cử các đồng chí Tùy viên Thương mại làm Tham tán Thương mại. (Trước đó Bộ Ngoại thương chỉ có đồng chí Đinh Xuân Trâm Thứ trưởng làm Tham tán Thương mại tại Liên Xô). Thế là tôi giải

quyết xong việc phân biệt đối xử giữa cán bộ ngoại giao và cán bộ ngoại thương trong nhiều năm.

Về tổ chức cán bộ, Bộ Ngoại thương đề bạt thêm 2 thứ trưởng là các đồng chí Đinh Phú Định và Lê Kim Lăng, đề bạt 113 cán bộ từ Trưởng phòng đến Vụ trưởng, Vụ phó, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc các Tổng công ty và công ty, hầu hết là cán bộ trẻ có học vấn... Tiếp đó tôi xây dựng khu nhà cho cán bộ công nhân, viên chức ở Láng Hạ với phương thức Bộ xin đất, bỏ tiền một nửa ra xây dựng, cán bộ bỏ một nửa tiền đóng góp với Bộ. Chủ trương này cũng có người không tán thành và còn thách đố "ông Thành làm sao được...". Nhưng khi có kết quả, thì những ý phản đối thành ý kiến ủng hộ. Hai khu nhà chung cư của Bộ kinh tế đối ngoại cũ hiện nay, trông

vẫn khang trang (sau nhà Seaprodex Hà Nội).

Rồi khu nhà tập thể của Bộ ở Văn Chương cũng được nhanh chóng hoàn thiện đưa vào sử dụng. Riêng trụ sở của Bộ được thiết kế xây dựng 11 tầng, đã được Chính phủ duyệt, trích số tiền cấp phép cho nước ngoài lập cơ quan đại diện tại Việt Nam (mỗi giấy phép phải nộp 5.000 USD) do tôi đề xuất với Chính phủ và Bộ Tài chính. Số tiền này nộp ngân sách 20%. Còn lại dành cho Bộ xây dựng trụ sở, được khoảng 8 triệu USS.

Thiết kế đã được duyệt, khoan đất khảo sát để xây dựng đã làm. Đến khi chuẩn bị khởi công, tôi thôi làm Bộ trưởng, và đến nay đã 15 năm, trụ sở mới vẫn chưa được xây dựng!

Gần đây, nhiều báo chí nhắc đến

chuyện nhập 160 tấn vàng. Có đồng chí phóng viên hỏi tôi: "Nhiều công ty nhập vàng lãi nhiều, có công ty nào biếu "quà" bác không?". Tôi kể lại cho các đồng chí phóng viên nghe rằng lúc đó chỉ có công ty nhà nước được nhập vàng, lãi nộp ngân sách Trung ương hoặc địa phương, cuối năm trích phần thưởng theo chế độ. Nếu công ty nào có tấm lòng "phong bì" cho Bộ trưởng, tôi cũng không nhận. Ngay quota thời đó người ta cũng tung tin Bộ Ngoại thương nhận tiền cho xuất sắt thép phế phẩm, một vạn $US/một quota/một vạn tấn v.v... Tôi đề nghị Quốc hội cho kiểm tra.

Còn tôi và thứ trưởng của tôi không bao giờ làm như vậy. Nếu có đồng chí nào nhận tiền cấp quota, tôi là Bộ trưởng, tôi chịu trách nhiệm. Tôi đề nghị các vị không nên tự "tầm thường" mình rồi

"tầm thường" luôn cả chúng tôi. Quốc hội lúc đó đã phân công đồng chí Trần Quyết, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, lập đoàn đi kiểm tra. Đoàn dự kiến kiểm tra 10 tỉnh, thành phố trọng điểm, sau kiểm tra toàn bộ 40 tỉnh, thành phố trong cả nước và đã có báo cáo trước Quốc hội về vấn đề này.

Không tìm ra hiện tượng tiêu cực trong việc cấp quota xuất sắt thép phế phẩm, cũng như mặt hàng khác...

Đầu năm 1990 trong chuyến vào công tác ở các tỉnh phía Nam (lúc này tôi cũng sắp thôi làm Bộ trưởng), đồng chí Lạc, Tổng giám đốc CTY Pétechim đến thăm tôi ở nhà khách, khi về đồng chí có đưa cho tôi một phong bì, ngoài đề kính gửi Bộ trưởng Đoàn Duy Thành. Tôi nghĩ chắc là thư, vì từ khi về làm Bộ trưởng đến hôm đó, không có công ty nào

biếu tôi tiền cả. Đến khi đồng chí Lạc về, tôi bóc thư ra xem trong thư có 300.000 đồng, và lá thư nhỏ: "Kính biếu đồng chí để mua quà cho các cháu". Tôi nghĩ Cty Petechim là công ty kinh doanh khá, lại được giao nhập vàng sớm với khối lượng lớn, lãi cho ngân sách nhà nước nhiều, chắc đồng chí Lạc nghĩ Bộ trưởng sắp nghỉ, gửi quà cho Bộ trưởng. Tôi viết thư cảm ơn và trả lại số tiền trên cho đồng chí Lạc. Ngay lúc đó, có một đứa cháu gọi nhà tôi bằng bà cô ruột đến chơi, xin tôi một trăm nghìn để mua xe đạp, cháu chỉ thiếu có một trăm nghìn thôi. Nhân có tiền của đồng chí Lạc cho, tôi rút ra một trăm nghìn cho cháu. Còn hai trăm nghìn đồng, tôi bỏ vào phong bì dán kín cùng lá thư, nói rõ tôi lấy 100.000 đồng cho cháu mua xe đạp. "Tôi gửi lại đồng chí 200.000 đồng. Tôi đã có tiền mang theo để mua quà cho cháu khi về Hà Nội,

xin cảm ơn đồng chí". Đồng chí Lạc hiện nay mới về hưu và sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Để thúc đẩy sản xuất phái triển, mở rộng cho các doanh nghiệp tư nhân và hợp tác xã được trực tiếp xuất khẩu, xóa bỏ dần dần độc quyền ngoại thương, tôi đã ký thí điểm cho hợp tác xã sản xuất giày Bình Tiên (Biti›s) xuất giày sang Liên Xô (cũ) và một số hợp tác xã, doanh nghiệp khác xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, trước hết là xuất sang Liên Xô và các nước Đông Âu. Việc đó giúp cho các cơ sở sản xuất phát triển nhanh hơn. Đến nay, mọi tổ chức, thành phần cứ hội tụ đủ điều kiện qui định, đều được xuất nhập khẩu.

Đến 30-4-1990 tôi thôi giữ chức Bộ trưởng Bộ kinh tế đối ngoại. Tôi xin nghỉ, nhưng anh Nguyễn Văn Linh, anh

Nguyễn Thanh Bình,Thường trực Ban Bí thư, anh Nguyễn Đức Tâm, Trưởng ban Tổ chức Trung ương bảo tôi ở lại làm việc. Anh Đỗ Mười bảo tôi lại nhà chơi, anh bảo tôi làm một số việc nào là làm Bộ trưởng Bộ Tài chính thay anh Hoàng Quy, làm bí thư Thành Ủy Hà Nội... Tôi báo cáo anh Mười: "Chả lẽ tôi lại tranh việc của anh Hoàng Quy hay sao?". Còn Bí thư Thành Ủy, tôi nghĩ lúc này anh Mười cũng nói cho vui thôi, không có tính khả thi, nên tôi xin phép anh Mười ra về. Anh Mười giữ ở lại bàn thêm, nhưng tôi cho là anh Mười chỉ động viên tôi thôi. Nếu anh có thiện chí thì tôi chẳng phải xin từ chức và "thất cơ lỡ vận" như hiện nay. Bởi vậy tôi đứng dạy ra về. Khi anh Qui chất chất anh Mười tại sao không xếp việc cho tôi, anh Mười bảo: "Mình giữ cậu ấy ở lại bàn nhưng cậu ấy giật tay mình bỏ về".

Còn tôi đối với anh em trong khối lúc nào cũng có quan hệ tốt, cùng làm cùng chịu trách nhiệm, không ai đổ trách nhiệm cho ai. Có một lần họp Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí Hoàng Quy, Bộ trưởng, trình ra Thường vụ một việc bị đồng chí Chủ tịch Phạm Hùng phê phán gay gắt. Đồng chí Phạm Hùng quay sang hỏi tôi: "Bộ Tài chính đã xin ý kiến anh Thành chưa?". Thực ra Bộ chưa hỏi ý kiến tôi, nhưng tôi đứng ngay dậy: "Báo cáo anh Phạm Hùng, Bộ Tài chính đã xin ý kiến tôi rồi, và hôm nay xin ý kiến Thường vụ. Chúng tôi sẽ viết lại theo ý kiến Chủ tịch kết luận". Anh Phạm Hùng vui vẻ ngay, bảo về làm lại trình Thường vụ và Hội đồng Bộ trưởng vào thảo luận sau... Câu chuyện này anh em Bộ Tài chính và đồng chí Ngô Hải khi gặp tôi thường hay nhắc lại câu chuyện "đỡ đòn" hôm ấy.

Tôi thường nghĩ, mình là cấp trên thì không bao giờ tranh công cấp dưới. Phải thương anh em và che chắn cho anh em. Nếu anh em sai, có khi còn phải nhận khuyết điểm về mình, vì anh em "thấp cổ bé họng" hơn mình, dễ bị thiệt thòi. Làm điều này tất nhiên phải nhận phần thiệt về mình, có khi còn mang tiếng "anh hùng rơm", có khi mang vạ vào thân.

Từ tháng 5-1990 tôi xin nghỉ, các đồng chí không giải quyết, nhưng xếp việc rõ rệt cũng không, chỉ giao những việc vặt, kiểm tra nơi này nơi khác về báo cáo. Tôi chắc các đồng chí khó xếp việc cho tôi, tôi bèn đến chào tạm biệt đồng chí Nguyễn Văn Linh ở nhà khách Hồ Tây. Đồng chí Nguyễn Văn Linh ôm tôi khóc, và nói: "Tôi không bảo vệ được anh...". Tôi cảm ơn anh, đề nghị anh ủng hộ tôi về nghỉ.

Tôi có làm gì sai đâu mà anh phải bảo vệ? Anh lại khóc thực sự. Tôi vừa buồn, vừa thương anh và tự hỏi: "Sao thế này nhỉ? Làm cách mạng là sự tự nguyện, nay cách mạng thành công rồi thì phân công nhau mà làm. Nay hết công việc nguy hiểm rồi, hòa bình rồi, ai làm cũng được...".

Tôi nhớ lại khi tôi làm Bộ trưởng Kinh tế đối ngoại, luật đầu tư nước ngoài đã được thông qua Quốc hội cuối năm 1987. Chẳng ai triển khai. Đến khi thành lập Bộ kinh tế đối ngoại, lại giao tôi phụ trách. Khi có luật đầu tư nước ngoài, các nhà doanh nghiệp nước ngoài nộp hồ sơ hàng đống chờ đợi, chẳng ai giải quyết, đùn đẩy nhau. Tôi phải đứng ra làm. Tập hợp một số cán bộ, trời nóng bức, không có điều hòa, cởi trần ra làm hơn 2 tháng trời mới chọn được 25 doanh nghiệp. Tôi

ký giấy phép cho 25 doanh nghiệp đầu tiên vào đầu tư ở Việt Nam. Giấy phép số 1 là Công ty Wicarent Hồng kông đầu tư ở Vũng Tàu... Khi đã đi vào nề nếp, Vụ Đầu tư của Bộ kinh tế đối ngoại lo công việc này rất chu đáo. Nhưng chưa được bao lâu thì có quyết định lập Bộ Đầu tư đối ngoại tách ra khỏi Bộ kinh tế đối ngoại (nhập vào Bộ kinh tế đối ngoại chưa đầy một năm lại tách ra?). Tôi nghĩ đây là một ý định không tốt đẹp gì với tôi. Nhưng không sao cả, mình không vụ lợi, vì đất nước, vì nhân dân mà làm chả việc gì phải bực. Nhưng ngẫm nghĩ cũng thấy người đời lắm "mưu mẹo" mà quá đơn giản, không có chiều sâu. Đến cán bộ bình thường ở Bộ tôi lúc đó cũng nhìn thấy bước đi của các đồng chí cấp trên muốn gì ở Bộ trưởng của mình. Các đồng chí hỏi tôi, tôi bảo: "Các đồng chí

nhìn thấy vấn đề rồi còn hỏi tôi làm gì nữa...".

Đến tháng 9-1990, đồng chí Nguyễn Đức Tâm gặp tôi, bảo tôi về làm Viện trưởng Nghiên cứu Kinh tế Trung ương thay anh Nguyễn Văn Trân về hưu. Tôi bảo để tôi suy nghĩ đã, anh cứ đi tìm đồng chí khác, tôi còn xem anh em ở Viện có muốn tôi về hay không? Nếu cất nhắc anh em tại chỗ lên được thì tốt. Anh Tâm bảo tôi: "Đã tìm tại chỗ và nơi khác không có. Anh suy nghĩ kỹ và phản ứng tích cực nhé!". Sau khi đi chuyến tàu hoả vào miền Nam họp, tôi lại gặp anh Nguyễn Đức Tâm. Anh Tâm gặp tôi lần trước đã hơn 2 tháng rồi. Anh lại hỏi: "Anh đồng ý về Viện cho nhé". Tôi bảo: "Nếu tổ chức không tìm được ai và anh em ở Viện đồng ý tôi về, tôi sẽ nhận". Sau một tuần, tôi nhận được quyết định của

Thủ tướng Đỗ Mười ký cử tôi về làm Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Trung ương.

Tôi đến họp Hội đồng bộ trưởng trở lại. Anh Mười tuyên bố: "Anh Thành sẽ làm Bộ trưởng - Viện trưởng để làm việc trong Hội đồng Bộ trưởng cho thuận lợi". Rồi Văn phòng chuẩn bị đề nghị với Hội đồng Nhà nước bổ nhiệm tôi làm Bộ trưởng - Viện trưởng. Khi đưa ra Hội đồng Nhà nước phê chuẩn, có ý kiến của đồng chí Nguyễn Việt Dũng đưa vấn đề đồng chí Tô Duy ra yêu cầu cần phải xác minh, nên Hội đồng Nhà nước do dự, đề nghị làm rõ. Anh Mười về phổ biến lại với tôi và nói: "Chính phủ đã đề nghị nhưng Hội đồng Nhà nước không duyệt..." Tôi đứng dậy nói với anh Mười một câu: "Là âm mưu của chúng nó cả", rồi tôi đi chỗ khác (chuyện này xảy ra trong giờ giải

lao của cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng).

Đi sứ Trung Quốc

Tháng 1-1991 tôi và anh Vũ Oanh được cử sang Trung Quốc nghiên cứu tình hình kinh tế Trung quốc do Trung ương Đảng và Chính phủ Trung Quốc mời. Đồng chí Vũ Oanh làm trưởng đoàn, tôi làm phó đoàn. Đoàn còn có đồng chí Vũ Quang, đồng chí Lê Quí An và một phiên dịch cấp vụ trưởng của Ban Đối ngoại trung ương Đảng.

Đoàn chúng tôi sang Trung Quốc trong tình hình hai nước chưa bình thường quan hệ ngoại giao, mới có cuộc gặp gỡ Trùng Khánh giữa các đồng chí Nguyễn Văn Linh, cố vấn Phạm Văn Đồng, Thủ tướng Đỗ Mười với các đồng chí Giang Trạch Dân, Lý Bằng của Trung Quốc. Trong chuyến đi này còn có đồng

chí Đinh Nho Liêm, Thứ trưởng bộ Ngoại giao cùng đi. Khi về, đồng chí Đinh Nho Liêm có chép lại 2 câu thơ trong bữa tiệc tiếp Đoàn Việt Nam, do đồng chí Giang Trạch Dân đọc, đó là:

Độ tận khiếp ba huynh đệ tại,

Tương phùng nhất tiểu dẫn ân cừu thù

Nghĩa là: Đò qua hết sóng dữ anh em vẫn là anh em. Gặp nhau cười một tiếng là trôi hết hận.

Tôi nghĩ hai câu thơ đó hay. Nếu đồng chí Tổng bí thư Giang Trạch Dân, trong bữa tiệc thân tình đã ứng tác làm 2 câu thơ đó thì thật là tuyệt. Nhưng tôi tra cứu thì 2 câu thơ đó của một nhà thơ đời Thanh, không rõ tên. (Thanh mạt thi nhân, khuyết danh) gồm 4 câu:

Nhân tình vong liệm vô kiêm ái,

Thế đạo không Hoài mạc cộng ưu

Độ tận khiếp ba huynh đệ tại

Tương phùng nhất tiễu dẫn ân cừu.

Đồng chí Giang Trạch Dân đem thơ của cổ nhân đọc để nói hộ tấm lòng mình đối với các đồng chí Việt Nam, thể hiện tình cảm thân thiết nghĩa tình, vừa là đồng chí, vừa là anh em.

Nhưng hãy kể đường đi sang Trung Quốc trước đã. Chúng tôi đi ô tô đến Hữu nghị quan, các đồng chí Trung Quốc phải rỡ rào dây thép gai, cho xe đón chúng tôi về Nam Ninh, thủ phủ Quảng Tây. Từ đây chúng tôi đi máy bay đến Bắc Kinh.

Đoàn chúng tôi được đón tiếp thân tình, trọng thị, ở tại nhà khách Điếu

ngư đài một tuần, nghiên cứu và nghe các chuyên gia đầu ngành và cán bộ cao cấp giới thiệu kinh nghiệm cải cách, mở cửa của Trung Quốc. Đồng chí Trần Cẩm Hoa, nguyên Chủ tịch thành phố Thượng Hải, làm Chủ nhiệm Ủy ban cải cách toàn Trung Quốc, đón tiếp và trao đổi với chúng tôi rất tận tình. Chúng tôi đi thăm và làm việc với một số ngành như ngân hàng, Ủy ban Kế hoạch, Bộ Ngoại giao. v.v. Chúng tôi đi thăm Vạn Lý trường thành, Cố cung và một số nơi danh lam thắng cảnh ở Bắc Kinh.

Có một câu chuyện đáng nhớ, lúc chúng tôi đến thăm Cố cung (Thiên An Môn), khi đến cung Tiền, nơi vua chuẩn bị ra ngự triều, các Hoàng hậu, Hoàng phi, con cháu ra chúc tụng vua buổi sáng, chúng tôi thấy sau ghế vua ngồi, có một đại tự lớn viết hai chữ "Vô vi"

nghĩa là "không làm gì". Cùng đi có Đại sứ Đặng Nghiêm Hoành và một số cán bộ đại sứ quán. Phía Trung Quốc lúc đó có các đồng chí Lý Gia Trung, Tề Kiến Quốc (sau này đều là Đại sứ Trung Quốc tại Việt Nam) và một số đồng chí Trung Quốc khác.

Vì biết tôi có học chữ "hán", một số đồng chí hỏi tại sao sau ghế vua ngồi lại viết chữ "Vô vi". Tôi bảo các đồng chí Việt Nam hỏi các đồng chí Trung Quốc. Hai đồng chí Lý và Tề bảo hỏi đồng chí Thành. Tôi nói các đồng chí cứ thử đoán xem các vua Trung Quốc tại sao lại viết chữ "Vô vi". Các đồng chí Việt Nam nhanh nhảu nói: "Vô vi" chắc là của Lão Tử. Rồi các đồng chí bảo tôi "giảng" cho nghe. Tôi bảo các đồng chí cứ suy nghĩ kỹ đi, ta đi thăm xong Cố cung khi quay

lại "Cung tiến", tôi sẽ nói cho các đồng chí nghe.

Tôi cũng định lờ đi, không giải thích, nhưng khi quay lại "Cung tiền" các đồng chí Việt Nam cũng như Trung Quốc vẫn nhắc tôi giải thích cho nghe hai chữ "Vô vi". Tôi mới nói chữ "Vô vi" là của Khổng Tử, ca ngợi đạo đức của vua Nghiêu, vua Thuấn đời nhà Hạ, thường gọi là Đế Nghiêu, Đế Thuấn. Điểm nổi bật là hai ông đã dùng nhân nghĩa quản lý đất nước, được nhân dân Trung Quốc thời đó ca ngợi là bậc "Thánh quân". Các ông chọn người "hiền tài" trong thiên hạ để kế nghiệp, không truyền ngôi cho con... Cho nên Khổng Tử đã dùng một câu nói để khen cả Vua Nghiêu và vua Thuấn, câu đó trong sách Luận ngữ: "Vô vi nhi trị giả kỳ Thuấn giả dư!" nghĩa là: "Không làm việc gì lớn trong thiên hạ mà trị vì được

thiên hạ, chỉ có vua Thuấn mà thôi". Khi vua Nghiêu chọn vua Thuấn thay mình, vua Thuấn chỉ là người quản lý một trang trại, có cha là Cổ Tẩu mắc tội giết người, có em là Tượng, một tên lưu manh. Thế mà vua Nghiêu thấy được tài đức của vua Thuấn; gả hai con gái cho rồi truyền ngôi cho làm Hoàng đế. Vua Thuấn đã cai trị đất nước rất giỏi, nổi tiếng Trung Quốc. Mãi mãi sau này nhân dân Trung Quốc ca ngợi công đức của hai vua. Cho nên Khổng Tử chỉ nói vua Thuấn, nhưng hàm ý vua Nghiêu có tài mới chọn được vua Thuấn, con nhà thường dân, và mặc dù Cổ Tẩu bố vua Thuấn: "Phụ tiện nhi hành ác" nghĩa là loại ty tiện và làm điều ác.

Còn nói "Vô vi" là của đạo Lão, sẽ không phù hợp với thực tế Trung Quốc. Xây dựng cố cung từ thời nhà Tống, nhà

Minh tiếp tục hoàn thiện. Nhà Tống và nhà Minh lấy đạo Khổng làm quốc đạo, coi Lão Tử là kẻ chống lại đạo Khổng. Do đó không thể có việc vua các nhà Tống - Minh rồi đến nhà Thanh lại viết "vô vi" của đạo Lão để trên đầu mình. Các đồng chí Trung Quốc và Việt Nam đều đồng ý.

Người ta hay nói "thâm nho" chẳng qua học chữ Nho (hoặc có người gọi là học chữ Hán), khi học một câu nói của Khổng Tử, Mạnh Tử, Tăng Tử, Tử Tư.v.v... dưới câu nói đó có lời bàn của các triết gia, các nhà lý luận đời sau giải thích ý nghĩa, để cho người học hiểu được câu nói ngắn gọn của "Thánh hiền". Nghĩa là muốn hiểu được các câu nói của Thánh hiền, người ta phải học kỹ các bài bàn, mới hiểu được toàn diện và sâu sắc. Nói: "Thâm nho" khi có ý chê ghét. nên người ta phải dùng chữ "uyên thâm túc

Nho" nghiêm túc hơn.

Trong dịp đi thăm này, đồng chí Lý Bằng, Thủ tướng Chính phủ Trung Quốc có buổi tiếp và làm việc với đồng chí Vũ Oanh, Ủy viên Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong câu chuyện rất thân tình giữa hai đồng chí, đồng chí Vũ Oanh trình bày rất nhiều vấn đề, nhất là vấn đề bình thường quan hệ mọi mặt giữa hai nước cần làm sớm, để nhân dân hai nước có điều kiện làm ăn buôn bán thông thương. Đồng chí Vũ Oanh kể lại những câu chuyện rất buồn ở biên giới giữa hai nước. Nhân dân đi buôn bán, phải gánh gồng, đội vác qua núi non hiểm trở, đã có người ngã lăn xuống suối chết. Đồng chí Lý Bằng rất cảm động nhưng nói:

- Bây giờ hết giờ, mai sẽ làm tiếp...

Đồng chí Thư ký của đồng chí Lý Bằng bảo:

- Mai Thủ tướng đã có lịch làm việc rồi.

Đồng chí Lý Bằng suy nghĩ một lát và nói:

- Việc bình thường hóa quan hệ mọi mặt giữa hai nước cần có một thời gian chuẩn bị. Trong thời gian chuẩn bị làm việc lớn, chúng ta hãy làm những việc nhỏ. Việc buôn bán làm ăn ở biên giới, mai tôi sẽ cử đồng chí Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao đến làm việc với đồng chí ở Điếu Ngư Đài.

Tôi liền nảy ra ý nghĩ làm bài thơ tứ tuyệt tặng hai đồng chí, Lý Bằng và Vũ Oanh và để hưởng ứng bài thơ của đồng chí Giang Trạch Dân đọc hồi tháng

9-1990 ở Trùng Khánh mừng Đoàn cấp cao của ta sang Trung Quốc. Nội dung bài thơ của tôi:

Song điểu Tề phi

Hoàng Oanh phi đáo Bắc Kinh đô,

Hội ngộ kim Bằng diệc lạc hồ!

Đại sự vị thành hành tiểu sự,

Song điểu tề phi chí thiện đỗ.

Tạm dịch:

Hai con chim cùng bay

"Hoàng Oanh bay đến Bắc kinh đô,

Gặp gỡ chim Bằng thỏa ước tình,

Việc lớn chưa thành, làm việc nhỏ

Vỗ cánh cùng bay đến điểm lành.

Hai đồng chí đều có tên theo âm Hán là 2 loài chim đẹp, nên tôi dùng đầu đề bài thơ là: "Song điểu Tề phi".

Sau khi rời Bắc Kinh, các đồng chí đưa đoàn chúng tôi thăm Thẩm Quyến, Khu kinh tế tự do thuộc tỉnh Quảng Đông, đối diện với Hồng kông. Chúng tôi ở đây nghiên cứu 3 ngày rồi đi ô tô về thăm Quảng Châu, thăm khu công nghệ mới và nhiều nhà máy lớn ở Quảng Châu cũng như Khu kinh tế Chu Hải... Sau đó chúng tôi đi ô tô về Nam Ninh, thăm Nam Ninh một ngày, rồi đi xe trở về Lạng Sơn, Hữu Nghị Quan. Các đồng chí Trung Quốc đưa tiễn chúng tôi về đến tận địa phận Việt Nam. Các đồng chí Bí thư Tỉnh Ủy Lạng Sơn cùng các đồng chí lãnh đạo khác của tỉnh, các phóng viên đến đón chúng tôi tại cửa khẩu. Thế là chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ chuyến

đi "sứ" nghiên cứu kinh tế một nước XHCN, qua một thời gian gián đoạn quan hệ, nay bắt đầu khôi phục.

Trong những ngày "trăng mật" chúng tôi được đón tiếp chân tình, trọng thị tết âm lịch. Anh Vũ Oanh bảo tôi viết nhanh báo cáo để vào thành phố Hồ Chí Minh báo cáo với anh Linh, Tổng Bí thư. Anh Vũ Oanh bảo tôi cùng đi. Tôi xin ở lại. Ngày 29 tết anh Oanh vào báo cáo với anh Linh và ngày 30 Tết về Hà Nội. Một cuộc đi vất vả nhưng có nhiều kết quả, nhiều suy nghĩ.

Mồng hai tết anh Oanh đến chúc tết tôi, phàn nàn rằng: "Hôm tôi đến báo cáo anh Đỗ Mười, trước khi vào báo cáo anh Linh, anh Mười tỏ ý không vui và bảo tôi vào báo cáo anh Linh, nói anh ấy ở lại làm khóa nữa. Tôi suy nghĩ tại sao anh Mười lại có thái độ như vậy? Khi đến

gặp anh Linh mới biết các ông ở nhà đã bàn, anh Linh nghỉ, anh Mười thay làm Tổng bí thư. Tôi nghĩ anh Mười sợ tôi vào khuyên anh Linh ở lại làm khóa nữa, có nghĩa anh Mười sợ mất chân Tổng bí thư. Thế đấy anh Thành ạ!". Tôi chỉ cười không bình luận gì.

Tôi về làm việc ở Viện Quản lý Trung ương được 19 tháng 20 ngày. Tôi cố gắng thu xếp cách nghiên cứu và lề lối làm việc. Trong điều kiện Viện có 115 cán bộ công nhân viên, hầu hết là đại học, phó tiến sĩ và tiến sĩ nhưng đời sống rất khó khăn, lương bình quân có 42.000 đ/ tháng. Viện có một công ty xuất nhập khẩu, hàng năm chỉ kiếm thêm được triệu đồng để cải thiện cho anh em, bằng cách xin chặt củi ở Phú Thọ lấy củi xuất khẩu, mặt khác cho anh em đi mua dừa, chuối. về gửi các nhà hàng ăn uống giải

khát để lấy lãi Có khi không bán được, nhà hàng trả lại, đem về phân phối nội bộ ăn cho hết. Tôi thấy việc làm rẻ rúng quá, lại không đúng ngành nghề. Tôi đề nghị giải tán công ty xuất nhập khẩu chuyên làm kinh tế của Viện. Các đồng chí đều đồng ý. Tôi tổ chức cho anh em nghiên cứu các đề án, như xây dựng khu kinh tế mở cho Móng Cái, Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh trả cho 3,5 triệu/tháng, xây dựng đề án cải tiến quản lý cho công ty OSC Vũng Tàu được trả cho 4 triệu tháng, xây dựng cải tiến cho Công ty Tradico, cho Tổng cục Bưu điện tách ra khỏi Bộ Giao thông vận tải, trực thuộc Chính phủ... mỗi đề án cũng được trả hàng triệu đồng.

Tết âm lịch sắp đến, tôi hỏi anh em có tiền ăn tết không? Anh em bảo quĩ không có. Quĩ Công đoàn có 20 triệu

đồng, vừa qua đã phân phối cho anh em hết rồi. Tôi hỏi anh em có cần tiến ăn tết không? Đồng chí nào cũng nói rất cần nhưng không tìm đâu ra tiền. Tôi đã tính toán trước, tôi bảo anh em hiện nay chưa có tiền trong quĩ, tôi tạm vay ở Công ty Tổng hợp I Bộ Thương mại 15 triệu đồng phân phối cho anh em tiêu Tết. Sau Tết thu được tiền các dự án sẽ trả. Thế là anh chị em có tiền ăn tết.

Tháng 3-1991 thu tiền các nơi gửi về trả xong nợ, mọi người phấn khởi. Từ tháng 5-1991 tiền ăn trưa cho anh chị em cơ quan đài thọ mỗi tháng 150.000 đồng/tháng (Hiện nay tôi đã rời khỏi viện hơn 10 năm, mức ăn trưa vẫn giữ nguyên không thay đổi). Tôi hỏi đồng chí Doanh, Viện trưởng sao không nâng thêm cho anh chị em. Đồng chí bảo tôi: "Quĩ phúc lợi anh xây dựng, tổ chức kỷ

niệm 20 năm thành lập Viện, chi gần hết rồi". Còn từ hồi đồng chí An về làm viện trưởng tôi chưa có dịp hỏi lại. Tôi đã xếp sắp bộ máy và đề bạt 27 cán bộ vào các chức vụ như vụ trưởng, vụ phó, chánh phó văn phòng. Đồng chí Vũ Tiến Lộc từ cán bộ của Viện Quản lý kinh tế Trung ương, tôi sử dụng làm thư ký và đào lạo nay trở thành Chủ tịch VCCI.

Trong những tháng đầu năm 1991, chuẩn bị Đại hội 7 những người có ý định xấu với tôi lại tung ra những dư luận xuyên tạc để loại tôi khỏi Trung ương khóa 7. Tôi đã tiên liệu trước tình hình này nhưng không ngờ các đồng chí đó dùng đủ mọi hành động không tốt đẹp đến thế đối với tôi. Đến Đại hội Hải Phòng, anh Mười và tôi cùng một số đồng chí khác về ứng cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc.

Ngày khai mạc, anh Đạt, đại tá, đứng lên tố tôi khai man lý lịch và một vài việc lặt vặt khác. Đại hội phải cho thẩm tra, lấy bản kết luận của đồng chí Võ Chí Công ra đọc và đồng chí Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu khẳng định việc tố cáo của anh Đạt là không đúng. Nhưng khi bầu cử tôi cũng bị mất hơn một trăm phiếu. Còn ở Trung ương, Bộ Chính trị không giới thiệu tôi vào danh sách Trung ương khóa 7. Đồng chí Nguyễn Thanh Bình và đồng chí Nguyễn Đức Tâm gặp tôi để đả thông tư tưởng. Anh Bình nói:

- Lá thư anh gửi cho các giám đốc công ty trực thuộc về việc thôi làm Bộ trưởng là có ảnh hưởng không tốt.

Tôi nói lại:

- Thư của tôi chẳng có gì làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng cả, chỉ có

một câu: Trong 44 tháng tòng chính ở Thủ đô Hà Nội, tôi mới hiểu thế nào là nhân tình thế thái. Chỉ có thế thôi. Lúc này một số dư luận không tốt về tôi, xuyên tạc Hội nghị tổng kết của Bộ tại Hội trường Thống nhất Thành phố Hồ Chí Minh, các anh chẳng ai bảo vệ tôi, tôi phải viết thư nói rõ việc đó.

Hai anh Bình và Tâm không nói gì. Hôm đó có cả anh Văn Phác, cũng là người được làm tư tưởng để thôi Trung ương khóa 7. Tôi hiểu đây chỉ là cuộc gặp mang tính thủ tục, tôi không nói gì thêm, vì việc đã "an bài" ở chỗ khác rồi. Thế là kết thúc cuộc gặp giữa anh Nguyễn Thanh Bình, anh Nguyễn Đức Tâm với tôi và anh Văn Phác.

Ngay trong cuộc họp Trung ương để chuẩn bị Đại hội, anh Linh gọi tôi bảo:

- Tôi vẫn giới thiệu anh vào Trung ương khóa 7, nhưng anh Đỗ Mười bảo để Ban Cán sự Chính phủ bàn thêm. Hai lần tôi nhắc, bên Chính phủ đều đề nghị anh thôi không ứng cử khóa 7.

Tôi cảm ơn anh Linh, và nói:

- Tôi biết rõ ý định của các đồng chí đó lâu rồi. Anh đừng bận tâm đến việc của tôi, ảnh hưởng đến công việc của anh.

Anh Linh lại khóc.

Một sức ép khác, là căn nhà của tôi ở Hải Phòng, tôi đã trả thành phố. Còn căn nhà số 4 Nguyễn Khắc Cần tôi mượn ở tạm, khi Nhà nước chưa xếp nhà cho tôi theo tiêu chuẩn. Mà cái nhà số 4 Nguyễn Khắc Cần do tôi xây dựng bằng số tiền đền của công ty Du lịch vì xây nhà làm

ảnh hưởng đến nhà tôi đang ở, cộng thêm 10 triệu kinh phí của Bộ, xây dựng làm chỗ làm việc cho Bộ trưởng. Nhưng lúc đó không hiểu sao Ủy ban Kiểm tra Trung ương cử cán bộ đến thúc giục tôi phải di chuyển ngay vì Đại hội đến nơi rồi... Tôi biên thư trả lời, đại ý nói: "Khi việc tày đình đối với tôi là chuyện vu khống bỉ ổi việc tôi bị bắt, bị tù... sao các đồng chí không giải quyết? Còn cái nhà nó sù sù ra đấy, không cho tôi ở, tôi sẽ đi nơi khác. Nay chưa có nhà, tôi ra đường đứng hay sao? Các đồng chí không nên giục tôi. Tôi là người "Tri sĩ", không táng tận lương tâm cướp nhà của Nhà nước đâu. Mà cướp cũng không được với các đồng chí".

Thế mới yên. Cho đến khi có công văn chính thức của Bộ Thương mại giải quyết cho tôi xây nhà, tôi đi ngay, không

chần chừ một ngày. Nghĩ lại cái khẩu hiệu "Mình vì mọi người, mọi người vì mình" tôi thấy nó "rỗng", ngay cả giữa đồng chí với nhau.

Nhưng nhà tôi, cô Phí Thị Tâm không giữ được bình tĩnh, đã đem đốt hết Huân chương, bằng khen của cả hai vợ chồng, một bó to bằng bắp đùi. Khi tôi biết chuyện liền trách nhà tôi: "Sao em vội vàng thế? Làm thế có ích gì. Có khi người ta lại hiểu lầm..." Nhà tôi to tiếng: "Sắp ra đứng đường còn nhà đâu mà treo huân chương, huy chương, bằng khen. Em đốt đi để dọn nhà cho nhanh gọn". Rồi nhà tôi khóc. Tôi bảo: "Khóc là không có bản lĩnh. Họ đối với mình như vậy, mình bình tĩnh xử lý, chân lý sẽ thuộc về mình. Nếu mình làm khác thì mình cũng như họ thôi. Em nên bình bĩnh. Còn anh Mười đối với anh, anh đã

bảo em là "Nhân dục vô nhai", anh ở địa vị anh Mười có khi anh cũng làm như anh Mười". Nhà tôi lại to tiếng với tôi: "Anh đừng lấy anh ra để an ủi em. Em ở với anh gần 50 năm, đã có 4 mặt con, em hiểu anh không bao giờ làm những điều thất đức như các anh khác đâu. Anh đúng lấy việc đó ra nói với em, để em bớt giận. Anh hy sinh cho đất nước thế nào, dám chết, dám bỏ chức vụ nhường quyền cho người khác, không hề tranh chấp với bất cứ ai về quyền lợi, em biết rõ chứ. Sao anh tự hạ thấp anh xuống, ví anh cũng như họ là thế nào? Mai em sẽ đến chất vấn ông Nguyễn Văn Linh về việc này". Tôi nói: "Anh Linh quí anh lắm em đừng làm phiền anh Linh và làm ồn ào sự việc Chẳng hay ho gì cho Đảng, cho các anh ấy khi đang lãnh đạo đất nước...".

Từ đó nhà tôi phát bệnh. Hết bệnh

này đến bệnh khác. Đến 3-5-1999 (tức 18-3 quí mão) nhà tôi qua đời, chưa được đến ở ngôi nhà mới 216 Đội Cấn mà cách mạng đem lại hạnh phúc cho chúng tôi.

Trong những tháng nhà tôi ốm đau, không rõ đồng chí Lê Đăng Doanh báo cáo với anh Mười thế nào, một hôm đồng chí Lê Đăng Doanh bảo tôi: "Chiều hôm nay khoảng 5 giờ, anh Mười đến thăm chị Tâm. Anh ở nhà đón ông ấy một tí" Tôi trả lời: "Tất nhiên tôi ở nhà đón anh Mười". Tới đợi gần 6 giờ, anh Mười không thấy đến. Tôi nghĩ chắc lại có việc đột xuất. Lúc đó tôi có điện thoại của ông lang Chấn, ở Hoàng Hoa Thám gọi đến lấy thuốc. Tôi đi đến nhà ông lang Chấn lấy thuốc xong về ngay. Về đến nhà thì anh Mười đến thăm nhà tôi vừa về. Tôi hỏi qua nhà tôi, nhà tôi bảo: "Em

không dậy được, chỉ ngồi nói chuyện với anh Mười một vài câu, rồi anh Mười về". Tôi vội đi xe lại nhà anh Mười để cảm ơn và nói rõ sự vắng mặt, kẻo anh hiểu lầm. Anh bảo tôi sang ngay anh Trần Vỹ, nguyên Chủ tịch UBND Hà Nội hỏi về chữa bệnh "tiểu đường". Anh Mười lại gọi điện cho anh Trần Vỹ để tôi đến đỡ bất ngờ. Tôi cảm ơn anh Mười đã đến thăm nhà tôi, rồi tôi vội đi ngay đến nhà anh Trần Vỹ. Anh Vỹ hướng dẫn tôi chữa bệnh "tiểu đường" bằng cách uống nước chè tươi. Giã chè tươi, pha với nước sôi để nguội rồi uống ngày 3 lần. Tôi ngồi nói chuyện với anh Trần Vỹ khoảng 15 phút, rồi về làm theo sự chỉ dẫn của anh Trần Vỹ ngay tối hôm đó.

Khi nhà tôi qua đời, anh Đỗ Mười công tác tại thành phố Hồ Chí Minh, cũng gửi điện chia buồn với gia đình tôi.

Khi Đại hội 7 họp, một số đoàn vẫn giới thiệu tôi ứng cử vào ban chấp hành. Tôi nghĩ Trung ương khóa 6 không giới thiệu tôi, nên tôi gặp báo cáo với anh Nguyễn Văn Linh xin rút khỏi danh sách ứng cử cho đúng ý thức kỷ luật. Anh Linh bảo tôi: "Cứ để vậy, đừng rút". Khi bầu tôi được hơn 260 phiếu đạt hơn 25% số đại biểu đi dự Đại hội. Các đồng chí ứng cử tự do không ai trúng cử. Hai đồng chí được Trung ương giới thiệu cũng không trúng.

Trước khi họp Đại hội 7 vấn đề tiểu sử của anh Văn cũng lại được đem ra thảo luận, có thêm một vài việc mới, thiếu cứ liệu. Có một hôm anh Văn họp Trung ương khóa 6, anh Văn phải đứng lên thanh minh cho mình và nói: "Một vị tướng cầm quân đánh thắng ở Điện Biên Phủ mà còn bị nghi ngờ thân Pháp..."

Giọng nói của anh vừa rung động vừa chân thành. Tôi thực sự không cầm được nước mắt. Tôi nghĩ nội bộ với nhau, cứ thẳng thắn bảo nhau, ai làm thì làm, ai nghỉ thì nghỉ, giữ sao cho được tình cảm chân thành là chính, chả thế một nhà thơ đã viết:

Tất cả trên đời đều trôi nổi,

Còn lại non sông một chữ tình...

Với tinh thần đó, trong khóa 6 đã hai lần tôi phát biểu tại phiên họp toàn thể của Trung ương là: "Khi cần, đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh cứ gọi điện cho tôi, là tôi nghỉ ngay, không cần phải giải thích vì sao."

Chương 8

CUỘC ĐỐI CHẤT CÓ MỘT KHÔNG HAI TRONG LỊCH SỬ ĐẢNG TA

Suốt hai năm ròng rã, từ khi tôi thôi Ủy viên khóa 6. Hàng tháng hoặc hai tháng tôi biên thư cho Bộ Chính trị và Ban Bí thư xin đối chất với những người có đơn vu khống chính trị tôi. Tôi nghĩ những người này không những loại được tôi ra khỏi chính trường, họ còn muốn làm "nhục" tôi nữa. Nên họ rêu rao do tôi khai man lý lịch phải ra khỏi các

chức vụ. Nếu làm rõ ràng thì tôi còn phải khai trừ và đưa ra tòa về tội làm "gián điệp" cho Pháp. Bởi vậy tôi phải kiên quyết đề nghị đối chất với họ. Đối với người làm hại mình, bên ngoài lại tỏ vẻ hàm ơn cho mình, bao dung cho mình, tôi cũng cần phải làm rõ trắng đen. Tôi nói rõ trong đơn, nếu lý lịch của tôi có chỗ khai man, tôi xin được "xử bắn". Còn người vu khống tôi, chỉ cần thề trước khi đối chất là: "Nếu vu khống tôi, xin làm con chó là đủ".

Nhưng nguyện vọng ấy mãi không được chấp nhận. Anh Đỗ Mười và một số đồng chí bảo tôi: "Lý lịch anh đã có văn bản của anh Võ Chí Công kết luận rồi, Đảng có đánh giá gì anh đâu mà phải đòi đối chất". Tuy nói vậy, nhưng một số người vẫn vu khống, họ cũng không chịu cùng tôi đối chất.

Họ nói: "Vì bảo vệ Đảng mà họ nói thôi. Đối chất mất hết tình nghĩa giữa chúng tôi và anh Thành".

Họ nói đạo lý "xanh rờn" như vậy nghe có "thấu tình đạt lý không" (??). Tôi viết thư cho anh Lê Đức Anh nói: "Đề nghị anh chủ trì giúp, vì anh Mười đối với tôi và anh Tô Duy cũng khó nói..."

Anh Lê Đức Anh gặp tôi ở Quốc hội nói: "Việc này đã rõ quá rồi, không làm không được, tôi sẽ nói với Mười chủ trì giải quyết sớm". Nhưng mãi cũng không thấy tổ chức đối chất. Anh Đỗ Mười gặp tôi bảo phía bên kia họ không đối chất.

Một hôm nhà tôi và tôi đến thăm anh Mười. Lúc đó nhà tôi thấy bức xúc quá, nên cứ vừa khóc, vừa đập bàn nói: "Anh phải chủ trì giải quyết cho nhà em. Nhà em phải hy sinh vào đất địch gian

khổ, bị bắt, bị tra tấn, giam cầm khổ như thế nào. Nay họ vu khống cho nhà em là gián điệp quốc tế, các cháu đều là đảng viên cả, chúng sẽ nghĩ về Đảng ra sao? v.v.".

Anh Mười quay sang bảo tôi:

- Tại sao anh Thành lại nói việc này với chị ấy? Việc này để tôi giải quyết. Cô ốm nên yên tâm chữa bệnh. Tại sao anh Thành lại nói với chị ấy trong lúc ốm đau.

Tôi hơi khó chịu, nói:

- Thưa anh Mười, việc này cả nước cùng biết, tôi sao giấu được nhà tôi. Anh bảo với Tô Duy có đào mả bố hắn lên cũng không tìm được tài liệu tôi bị bắt tháng 2-1951.

Anh Mười đứng phắt dậy đi ra tủ sách xem, không nói chuyện với chúng

tôi nữa. Tôi rỉ tai nhà tôi: "Chạm nọc rồi". Khoảng 5,7 phút đi vòng xem các tủ sách như tìm cái gì, anh Mười tỏ ra bực tức, nhưng không nói. Sau trở lại ngồi xuống nói với chúng tôi: "Cô cứ yên tâm để việc này tôi giải quyết". Chúng tôi đứng dậy xin phép anh Mười ra về.

Tôi nghĩ phải kéo những người này ra trận tiền, không để họ cứ ở chỗ tranh tối, tranh sáng trong xó tối, nhân danh bảo vệ Đảng để tiếp tục vu khống, làm "nhục" mình. Tôi bèn viết một lá thư gửi anh Mười và gửi rộng rãi các đồng chí Ban bí thư, Bộ Chính trị, các ban của Đảng. Tôi thôi không xin đối chất nữa, chỉ cần xác minh cho tôi bị bắt tháng 9-1951 không phải tháng 2-1951 là đủ. Lá thư đó lọt đến tay những người vu khống tôi, họ yên trí là tôi sợ đối chất, vì họ có nhân chứng sống như Hoàng

Chữ, đã có thư gửi anh Đỗ Mười (phần trên đã nói nội dung bức thư). Họ hí hửng chỉ một nhân chứng sống Hoàng Chữ cũng đủ để đánh gục tôi. Còn ngày bị bắt tháng 2 hoặc tháng 9-1951 không còn ý nghĩa nữa. Lập tức những người vu khống ký tên xin đối chất với tôi, gồm 12 người. Sau anh Nguyễn Văn Bút, Phó Bí thư Thành Ủy xin rút. Vì hôm họp anh em kháng chiến "Đèo Voi", anh Bút gặp tôi giơ tay bắt tay, tôi không bắt tay. Anh Bút vẫn nài tôi bắt tay. Tôi nói: "Anh phải hứa với tôi từ nay không tham gia với nhóm vu khống tôi". Anh Bút đồng ý, tôi bắt tay anh Bút. Từ đó anh cự tuyệt và không tham gia với nhóm này nữa. Quan hệ giữa tôi và anh Nguyễn Văn Bút trở lại bình thường.

Hôm 19-6-2004 vừa qua, trong bữa cơm Thành Ủy và UBND thành phố Hải

Phòng chiêu đãi chúng tôi, anh Bút lại kể lại tình bè bạn thân thiết giữa tôi và anh Bút cho mọi người nghe, (trong đó có đồng chí Trịnh Văn Sử, Phó Bí thư Thường trực, Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng cùng nghe). Anh Bút kể lại câu chuyện khi chúng tôi về chuẩn bị nhận chức Bí thư Quận Ủy Bạch Đằng và Ngô Quyền: "Trong lúc chờ đợi ở Đèo Voi, sống khổ sở mỗi bữa có một con cá phèn nướng, sáng tôi ăn đầu anh Thành ăn đuôi, chiều ngược lại. Có mấy cọng rau muống cũng chia đôi...". Mọi người nghe rất xúc động...

Mãi đến ngày 26-2-1993 Ban Bí thư mới quyết cho tổ chức cuộc họp đối chất do anh Đỗ Mười, Tổng Bí thư chủ trì, có anh Nguyễn Đình Hương Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban Bảo vệ Chính trị Nội bộ và 8 cán bộ Vụ trưởng, Vụ

phó ban Tổ chức Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ đã tham gia cuộc đối chất xác minh vấn đề bị bắt, bị tù của tôi, và những đơn tố giác. Hải Phòng có đồng chí Lê Danh Xương, Bí thư Thành Ủy, đồng chí Trần Huy Năng, Ủy viên thường vụ, trưởng ban Tổ chức thành Ủy cùng dự.

Về phía những người tố giác có 11 đồng chí.

1/ Tô Duy, nguyên Bí thư Tỉnh Ủy Kiến An, Ủy viên thường vụ Phó Chủ tịch UBND Hải Phòng, Chủ nhiệm Ủy ban vật giá Trung ương.

2/ Lê Quang Tuấn, nguyên Bí thư Thành Ủy Hải Phòng 1948, Giám đốc công an khu 3, Bí thư tỉnh Ủy Hà Bắc, Viện trưởng viện thi đua khen thưởng.

3/ Trần Đông, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Thành Ủy Hải Phòng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ (nay là bộ Công an).

4/ Nguyễn Mạnh Ái, nguyên Bí thư quận Ủy Ngô Quyền, cục Phó Cục bảo vệ Tổng cục chính trị QĐND Việt Nam.

Và 7 đồng chí khác là Nguyễn Thắng, Vũ Kính, Phạm Diệt, Vũ Tiến Long, Hoàng Hải, Hoàng Chữ, Phùng Văn Về.

Về phía nhân chứng cho tôi có 10 đồng chí: Lê Nghiêm, Quận Ủy viên quận Ngô Quyền, hoạt động trong nội thành, người trực tiếp đón tôi vào nội thành công tác, đồng chí Nguyễn Văn Nhuận, Bí thư chi bộ khu 7 thuộc quận Ngô Quyền là người đưa đón tôi đi hoạt động ở nội thành; cô Trần Thị Định cùng với chồng là đồng chí Bảo, là cán bộ của

khu 7, nơi tôi qua lại ăn ở. Cô Định và chú Bảo còn ứng cho tôi mượn một cây vàng lấy tiền lo thẻ căn cước của tôi và đồng chí Đào Ái cho chúng tôi có giấy tờ của địch, đi lại trong nội thành hoạt động. Đồng chí Lê Công Thiên, Phó Bí thư huyện Ủy Kim Thành, huyện đội trưởng, đã giúp đỡ tôi về chữa bệnh ở Kim Thành. Các đồng chí Nguyễn Xuân Sâm, Nguyễn Văn Nghĩ, Nguyễn Tân, Vũ Quang Đạo, là những đồng chí cùng bị bắt và cùng bị tù với tôi ở nhà tù Đoạn Xá, Côn Đảo... Đồng chí Nguyễn Văn Linh, nguyên quyền Trưởng ty y tế Hải Phòng, cưới chị Phụng Dương ngày 8-7-1951, cưới tập thể với đám cưới anh Tô Duy cưới chị Lê Thu; anh Nguyễn Đình Hân, chuyên viên văn phòng thành Ủy, tháng 7-1951 còn ăn cơm với tôi ở văn phòng thành Ủy tại Hồ Lao Sơn Động Bắc Giang, trước khi tôi vào nội thành

công tác.

Đến hội nghị đối chất vẫn còn vu khống trắng trợn

Đúng 8 giờ ngày 26-2-1993 hội nghị họp.

Đồng chí Đỗ Mười chủ trì hội nghị tuyên bố:

- Hôm nay tôi là Bao Công. Ai có ý kiến gì nói cho hết.

Sau đó anh Mười nói:

- Bị bắt tháng 2 hay tháng 9 có gì quan trọng nhỉ? Vấn đề bị bắt khai báo ra sao, trong tù hoạt động thế nào, mới là quan trọng chứ?

Tôi đứng lên báo cáo với anh Mười:

- Các anh đây không tìm thấy khuyết

điểm của tôi khi bị bắt, khi bị tù, các anh ấy xoay sang việc tôi bị bắt tháng 2-1951. Trong lý lịch tôi khai bị bắt tháng 9-1951 như vậy chênh lệch nhau 7 tháng. Bảy tháng ấy tôi đi đâu? Chắc đi huấn luyện làm tình báo cho địch. Không đơn giản như anh nói đâu, anh Mười ạ?

Ban Tổ chức báo cáo là còn thiếu anh Hoàng Chữ. Tức thời anh Nguyễn Thắng, anh Vũ Tiến Long đứng dậy nói:

- Anh Hoàng Chữ không dám lên Hà Nội họp vì sợ anh Thành giết.

Anh Nguyễn Mạnh Ái cũng nói là anh Hoàng Chữ nói với anh Ái như vậy. Có mỗi một nhân chứng sống lại vắng mặt. Nhân chứng này viết thư trực tiếp cho anh Mười, nếu không có mặt thì còn chứng lý gì để đối chất? Trong lúc đó một cán bộ Ban tổ chức đứng dậy báo cáo với

anh Mười: "Anh ta trốn đấy! Chứ ai giết mà anh ta sợ". Anh Mười bảo anh Lê Danh Xương cho người tìm và dẫn bằng được anh Hoàng Chữ lên Hà Nội. Đồng chí Lê Danh Xương điện về Hải Phòng yêu cầu tìm mọi cách đưa anh Hoàng Chữ lên Hà Nội họp ngay.

Cuộc họp bắt đầu. Các anh Tô Duy, Trần Đông phát biểu trước, rồi đến các anh Nguyễn Thắng, Vũ Tiến Long, Phạm Điệp, Nguyễn Mạnh Ái. Họ phát biểu dài dòng đại để như: tôi đã 20 năm làm công an nên có kinh nghiệm chống gián điệp, âm mưu nọ, âm mưu kia. Họ không nêu được ý gì cụ thể cả, chỉ nghe dư luận v.v... Tôi có lúc khó chịu, có lúc xuýt bật cười. Tôi ghi chép kỹ, để khi phát biểu sẽ nói cho mỗi vị một trang. Tất cả đều chung chung. Có anh không nói, vì không biết gì cả, như anh Hoàng Hải, anh

Lê Quang Tuấn họ đã định không phát biểu. Tôi nhắc anh Mười bảo anh Tuấn phát biểu, anh Tuấn mới phát biểu: "Đây là hội nghị của Đảng, nên cứ phát biểu chung, không nên hết phe này phát biểu rồi đến phe kia phát biểu" (chấm hết).

Lúc đó đã là 3 giờ chiều. Một cán bộ Ban Tổ chức Thành Ủy đưa anh Hoàng Chữ vào hội trường. Ngồi 5 phút, anh Mười bảo anh Hoàng Chữ phát biểu. Anh Chữ nói:

- Tôi xin lỗi đồng chí Đỗ Mười, đồng chí Đoàn Duy Thành, tôi chỉ nghe quân tôi nói, tôi không trông thấy đồng chí Thành mặc quần áo trắng, đọc nhật trình, không bị tra tấn gì, ngồi xem anh em bị tra tấn. Tôi nói như vậy là có sự tác động. Một lần nữa tôi xin lỗi đồng chí Tổng Bí thư và đồng chí Thành.

Rồi anh Hoàng Chữ ngồi xuống. Tôi liền hỏi: "Ai tác động?". Anh Hoàng Chữ không trả lời. Còn anh Phùng Văn Về, cháu ông bà Ngời, ở ngõ Sỏi phố ga Hải Phòng là nhân chứng đã tuyên bố biết tôi bị bắt tháng 2-1951, đã cùng ăn, cùng ngủ với tôi ở nhà ông bà Ngời. Anh Về phát biểu:

- Tôi chưa gặp anh Thành lần nào, chỉ thấy cô, chú tôi nói là anh Duy bị bắt ở đây. Tôi nhớ là mùa nóng bức, tôi không nhớ rõ là ngày tháng nào cả.

Anh Hoàng Hải phát biểu:

- Tôi không biết gì cả. Các anh ấy nhờ tôi đưa anh Về lên đây giúp.

Đặc biệt là anh Vũ Kính, nguyên Ủy viên Thường vụ quận Ủy Ngô Quyền, phụ trách văn phòng từ khi mới lập quận,

anh người Hưng Yên, thường vụ huyện Ủy Mỹ Hào, được điều sang Hải Phòng từ 1949.

Anh cũng học Hán tự, cũng biết đạo lý của Thánh hiền. Anh biết tôi làm Bí thư quận Ủy, rồi xuống làm Phó Bí thư vì không phải là Thành Ủy viên.

Tháng 7-1951 tôi vào nội thành hoạt động, tôi gửi tài liệu và tư trang cho anh. Sau anh gửi tài liệu và tư trang của tôi cho anh Trần Phương (Phương xích) là Bí thư quận Ủy Ngô Quyền trả lại tôi. Anh Vũ Kính đã làm Chánh văn phòng Thành Ủy và đón tôi ở Côn Đảo về. Sau anh làm Phó Giám đốc sở Công an, rồi làm Hiệu trưởng trường trung cấp Công an của Bộ Nội vụ, trường đóng ở Hà Bắc. Tôi đã có ý định mời anh Vũ Kính làm chứng cho tôi, sau biết được anh đứng trong danh sách 12 đồng chí dự đối chất

với tôi nên tôi không mời nữa, đợi xem ngày họp đối chất anh sẽ nói gì về tôi. Đến khi phát biểu, anh Vũ Kính chỉ nói một câu: "Tôi đến đây chỉ để chứng minh cuộc họp Ban chấp hành quận Ủy Ngô Quyền tháng 6-1951 là không có. Lúc đó tôi đi học ở trường Trần Phú". Rồi anh Kính ngồi xuống không nói gì thêm. Tôi cũng hơi buồn cười, vì chẳng có ai nhắc đến cuộc họp (tháng 6-1951). Khi giải lao, tôi gặp anh Kính, nhắc lại chuyện cũ. Anh Kính bảo tôi: "Tôi còn nhớ tất cả, kể cả tháng 7-1951 tôi còn đưa anh ra Đồng Vành chụp ảnh, rồi đưa cậu Văn Te làm giấy chứng minh do Bang Trình Thủy nguyên ký" Tôi nói lại: "Tôi định mời anh làm nhân chứng cho tôi, nhưng thấy danh sách đối chất với tôi có tên anh rồi, nên tôi không mời nữa". Anh lặng yên không nói gì.

Từ 3g30 chiều, 10 đồng chí bảo vệ sự thật cho tôi mới phát biểu. Trong lúc những người tố giác nói sai sự thật, các đồng chí phía tôi rất tức giận, như cô Định, đồng chí Thiện, đồng chí Vũ Quang Đạo. Họ giơ tay liên tục đòi phát biểu. Tôi ra hiệu cho họ cứ bình tĩnh, để các anh phía bên kia phát cho hết ý đi, mình phát cũng không muộn. Cô Định tức giận đứng dạy phát biểu rất xúc động. Khi cô phát biểu xong, đồng chí Đỗ Mười ôm hôn cô và nói: "Tôi thương vợ chồng cô quá!". Đồng chí Nguyên Tân (Văn Tân) tức giận nói: "... Chúng tôi đã bị địch giày xéo lên xác chúng tôi, các anh còn định giày xéo lên xác chúng tôi lần nữa hay sao?" Anh Vũ Quang Đạo, móc một mắt giả do anh làm "cooc-vê" đập đá ở Côn Đảo bị đá bắn vào mù mắt, nói "Tôi lấy một con mắt còn lại, bảo đảm rằng đồng chí Thành là một đảng

viên kiên cường, đã cùng với anh Văn (Hiến), anh Lê Đình Thụ cùng các đồng chí trong Đảo Ủy Côn đảo vạch ra kế hoạch vượt đảo có một không hai trong lịch sử các nhà tù của đế quốc...”

Khi kết thúc hội nghị, đồng chí Vũ Quang Đạo nói với anh Đỗ Mười: “Hôm nay tôi đem cả thẻ đảng viên đến đây. Nếu anh kết luận khác là tôi trả thẻ đảng, để xin ra Đảng” Anh Mười nói: “Đến thế à!”.

Đến 7 giờ tối, hai phía đã phát biểu xong, anh Mười nhìn tôi bảo:

- Đủ rồi, để tôi kết luận kẻo muộn. Anh Thành không cần phát biểu nữa.

Tôi xin phát biểu 5 phút, tôi nói:

- Tôi định phát biểu dài, tôi đã chuẩn bị phát biểu trả lời cho mỗi anh một

trang, nhưng anh Mười bảo thôi, vậy tôi chỉ nói về anh Vũ Kính, anh Kính biết tất cả mọi việc của tôi, nếu anh nói hết sự thật cho các anh này biết, có thể không phải có cuộc họp này. Tôi kể lại đầu đuôi từ ngày thành lập quận, anh Vũ Kính ở đủ các thời kỳ tôi vào nội thành hoạt động. Tôi bị bắt, bị tù, ra tù, anh Vũ Kính lại đón tôi, nghe hết mọi chuyện thẩm tra, điều tra xác minh về tôi, v.v. Tất cả lời phát biểu của tôi, anh Kính đều công nhận là đúng. Tôi định nói thêm về anh Nguyễn Mạnh Ái một chút, nhưng anh Mười bảo tôi quá muộn rồi, để anh kết luận. Tôi ngồi xuống vừa suy nghĩ. Anh Vũ Kính có học Hán tự nên còn giữ được chữ "tín". Còn anh Tô Duy, việc rành rành như "canh nấu hẹ", như việc vợ chồng anh và chị Lê Thu cưới tập thể với vợ chồng anh chị Linh và Phụng Dương, anh Lê Xuân Thịnh và chị Kiệm,

5 người còn sống (trừ anh Thịnh đã hy sinh từ 1952) cớ sao anh có thể nói khác đi. Năm 1982 vợ chồng anh Tô Duy và chị Lê Thu còn xác minh lại với tôi là, họ cưới nhau 8-7-1951 ở Hồ Lao, có mặt tôi ở đó, rồi mấy hôm sau họ còn đến thăm tôi Anh Linh (Nghĩa), chị Phụng Dương, chị Kiệm đều chứng nhận tôi có mặt trong sự kiện trọng đại của ba đôi vợ chồng. Thế mà anh Tô Duy phủi tay để vu khống tôi bị bắt tháng 2-1951 chứ không phải tháng 9-1951, để ghép cho tôi 7 tháng vắng mặt là được địch cho đi đào tạo làm gián điệp. Anh Tô Duy còn bảo các anh em đi thẩm tra, bắt tôi phải tả lại đám cưới, nơi tổ chức đám cưới, trang trí như thế nào? Để bảo đảm tính trung thực của mình, tôi tả lại đầy đủ đám cưới cho cán bộ đi thẩm tra. Anh Tô Duy lại xoay ra việc khác, nói với cán bộ đi kiểm tra: "Cậu Thành đã đi điều

tra tỉ mỉ nơi tổ chức đám cưới...". Anh Tô Duy có biết đâu từ đó đến nay tôi chưa lần nào trở lại Hồ Lao, và cũng chẳng hỏi lại ai về việc này làm gì.

Thế mới hay có học cũng có hơn. Trong lúc làm việc với nhau ở quận, khi nghỉ làm việc ở Ràng Động, Minh Tân, Quì Khê, Minh Đức Thủy nguyên, hoặc Châu Xá, Kinh Môn... tôi và anh Vũ Kính hay đem Tứ thư, Ngũ Kinh ra bàn luận. Trong đó có chữ "tín", Khổng Tử nói trong sách Luận ngữ. Trong một buổi Khổng Tử giảng bài cho học trò của mình có mặt Tử Cống, một trong 72 học trò giỏi của Khổng Tử. Tử Cống là nhà ngoại giao và chính trị. Ông hỏi đức Khổng Tử một câu về chính trị "Tử Cống vấn chính, Khổng Tử viết, Túc thực, túc binh dân tín chi hỹ" (Tử Cống hỏi về làm chính trị, Khổng Tử trả lời:

Đủ lương thực, đủ binh lính, giữ chữ tín với dân). Tử Cống hỏi tiếp: Nếu 3 điều trên bất đắc dĩ phải bỏ một thì bỏ điều nào trước? Khổng Tử bảo: bỏ bớt binh lính. Tử Cống lại hỏi, còn 2 điều cũng bất đắc dĩ phải bỏ một thì bỏ điều nào? Khổng Tử trả lời: bỏ lương thực và giải thích: "Nhân sinh giai hữu tử, nhân vô tín bất lập" (Mọi người sinh ra phải có chết, nhưng người không giữ được chữ tín thì không thành người). Câu chuyện của Khổng tử nói với Tử Cống, chúng tôi rất tâm đắc, nên tôi nghĩ anh Vũ Kính dù có đứng trong danh sách 11 người, nhưng chỉ nói và công nhận sự thật để giữ được chữ tín". Đó cũng là điều khó làm đối với một số người đã không giữ được chữ tín, mà còn bịa đặt, tráo trở lá mặt lá trái... là điều đáng suy ngẫm lắm thay!

Anh Đỗ Mười kết luận.

Trước khi kết thúc, anh Mười nói:

- Đề nghị anh Thành thôi không truy ngược lại nữa. Vì Đảng ta còn khó khăn.

Bản thông báo lời lẽ rõ ràng, nghiêm túc. Có đoạn viết "... Các đồng chí nghi vấn chính trị với đồng chí Đoàn Duy Thành là sai, không có căn cứ xác thực, yêu cầu các đảng viên phải nghiêm túc chấp hành kết luận của Ban Bí thư. Nếu đồng chí nào còn có ý kiến bảo lưu ở khía cạnh này, hay khía cạnh khác thì để lưu vào hồ sơ. Không đồng chí nào được nói khác kết luận của Ban Bí thư. Phải giữ vững nguyên tắc lập trung dân chủ và kỷ cương của Đảng".

Thông báo này phổ biến đến các Tỉnh Ủy, Thành Ủy, Đảng Ủy trực thuộc

Trung ương. Riêng Đảng bộ thành phố Hải Phòng và Đảng bộ cơ sở nơi đồng chí Đoàn Duy Thành sinh hoạt Đảng được phổ biến đến chi bộ (Đồng chí Đào Duy Tùng thay mặt Ban Bí thư đã ký).

Sau 3, 4 tháng, tình hình lắng dịu. Khoảng tháng 9-1993, có Hội nghị giữa nhiệm kỳ, bầu bổ sung Trung ương. Số đại biểu đi dự đại hội lần thứ 7 chỉ được triệu tập khoảng 70%, tôi không được triệu tập đi họp, dù tôi là đại biểu chính thức Đại hội Đảng lần thứ 7. Tôi không được cử đi họp là chắc chắn như dự đoán của tôi. Tôi cũng không biết chính xác số đại biểu dự hội nghị giữa nhiệm kỳ là bao nhiêu đại biểu. Nhiều đồng chí Ủy viên, có cả Ủy viên Bộ Chính trị nói với tôi, yêu cầu Trung ương mời tôi đi dự hội nghị giữa nhiệm kỳ và bầu lại vào Ban chấp hành Trung ương. Nhưng tôi

đều cảm ơn và từ chối, không đặt vấn đề này ra làm gì nữa. Việc nó đã qua rồi, cho nó qua. Có đồng chí còn nói găng: "Cứ đến bắt đền ông Mười là ông ấy phải giải quyết". Tôi nói lại: "Tôi đã nói với anh Mười, tôi chỉ đến xin công việc làm ích quốc lợi dân, còn xin chức vụ, quyền lợi không bao giờ tôi xin".

Trong bản dự thảo thông báo của Văn phòng Trung ương về vấn đề của tôi, đưa cho anh Mười duyệt, anh chỉ gạch đi 2 từ: "hoàn toàn" ở câu: "Các đồng chí nghi vấn chính trị đối với đồng chí Đoàn Duy Thành là hoàn toàn sai". Nay chỉ còn "là sai". Nó cũng làm nhẹ khuyết điểm cho những đồng chí vu khống tôi một ít. Anh Đỗ Mười thừa biết là họ "hoàn toàn" bịa đặt. Sau một thời gian, họ lại tung tin: "Anh Đỗ Mười vội vàng, hồ đồ kết luận không chính xác về Đoàn Duy Thành".

Rồi họ đi "vơ bèo vạt tép" tin thất thiệt về tôi, như nhân chứng Nguyễn Văn Cấp, nguyên Bí thư Huyện Ủy Kim Thành nói là không có việc tôi về chữa bệnh ở Kim Thành. Tôi yêu cầu cho đối chất với anh Cấp. Anh Mười bảo: "Đối chất thế là đủ rồi. Vấn đề là để làm rõ bị bắt tháng 9 hay tháng 2-1951. Tháng 7-1951 cậu còn ở cơ quan văn phòng Thành Ủy. Còn dự đám cưới tập thể, bao nhiêu người làm chứng. Còn việc đi chữa bệnh ở Kim Thành tháng 2 đến tháng 5-1951 đã có anh Lê Công Thiệu làm chứng là đủ". Tôi muốn đối chất với anh Cấp để vạch bộ mặt giả dối của anh ta. Vì tôi về chữa bệnh ở cơ quan huyện đội, anh Cấp cùng đồng chí Nguyễn Đình Củng, Chánh văn phòng đến thăm tôi ở nhà bà Kỷ, xóm Chùa, thôn Quê Phương, xã Bình Dân. Khi cơ quan huyện đội chuyển sang sơ tán ở Bãi

Xuân Đám, Thanh Hà, ban đêm ngủ trên thuyền, anh Cấp còn đánh cờ tướng bằng trí nhớ với tôi v.v... Anh Cấp quen biết quá rõ tôi. Thế mà trong đơn tố cáo tôi, anh Cấp nói: "Tôi không biết anh Thành, tôi cũng không gặp anh Thành lần nào. Chỉ khi anh Thành làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tôi mới biết..." Anh bị một số anh em tù Côn Đảo ở Hải Dương và đồng chi Lê Công Thiệu phản bác lại. Anh Cấp lại đến đồng chí Nguyễn Đình Củng xác minh việc anh ta đến thăm tôi và có ý vận động anh Củng nói là không có. Khi sinh thời, đồng chí Củng kể lại chuyện này với tôi. Tôi lại càng thấy đấu tranh nội bộ nếu không nghiêm, nó sẽ lây lan rất phức tạp.

Chính sau khi đối chất xong, các đồng chí Ban Tổ chức kiến nghị với anh Mười nên có hình thức kỷ luật với những

người nói sai sự thật, nhưng anh Mười gạt đi.

Một số anh em trong số 11 người, đi phân bua với nhiều người, nói là vì việc chung phải làm. Có người còn nói với một đồng chí bạn thân của tôi là: "Mình phục vụ cho ông ấy (ý nói anh Mười), ông lại kết luận mình sai. Nay mình chỉ yêu cầu ông ấy sửa bản thông cáo, bỏ chữ "là sai" là chúng mình không làm tiếp nữa. (nghĩa là không vu khống ông Thành tiếp nữa)". Cổ nhân đã răn dạy, cần phải nhớ: "Sinh sự, sự sinh; hà nhật liễu! (Sinh ra việc, gây sự với người ta, người ta phải gây sự lại, không ngày nào kết thúc được). Do đó người lãnh đạo vì dân, vì nước, phải biết vì lợi ích của nhân dân, phải chọn điểm dừng, chấm dứt sự việc. Chỉ biết có mình và quên việc người khác phản ứng lại ra sao, tất nhiên phải

đẻ thêm chuyện, không biết giải quyết đến lúc nào cho hết. Đến nay thấy rõ hai phía đều đòi nợ anh Mười. Tôi đòi anh Mười phải trả lại những gì anh đã làm ảnh hưởng đến tôi, gia đình vợ con tôi. Còn phía bên kia họ đòi công phục vụ anh, hơn nữa đã không được trả công lại bị kết luận là sai. Cứ thế, và cứ thế... Từ việc làm không đàng hoàng chính trực, biết bao cán bộ cấp dưới bắt chước, sinh nhờn kỷ luật. Từ kỷ luật sắt thành kỷ luật "mỡ" đó chẳng phải là bài học xây dựng Đảng, xây dựng con người lãnh đạo, phải có đức, có tài để làm gương tốt cho đời nay và mai sau hay sao? Các con tôi, bốn trai, các cháu đã trưởng thành, đều là đảng viên và cán bộ trung cấp. Chúng biết suy nghĩ và đều có bản lĩnh. Các cháu không buồn, không nản lòng, chỉ cám cảnh cho những đồng chí của bố mình lại làm những việc đen tối, nhằm

hãm hại bố mình một cách độc ác. Có một số nhà văn, nhà báo đến phỏng vấn các cháu, cháu Đoàn Duy Khương con trai thứ ba của tôi đã trả lời:

- Tôi biết bố tôi đã hy sinh cho đất nước, cho gia đình và chúng tôi như thế nào. Mẹ tôi và bạn bè của bố tôi kể lại cho chúng tôi nghe. Tôi tin tưởng sắt đá rằng bố tôi là người trung thành tuyệt đối với Đảng và dân tộc. Nhưng cứ giả thiết rằng bố tôi là "gián điệp quốc tế" thì tôi rất tự hào được là con một người thông minh nhất thế giới. Vì tất cả các loại gián điệp thông minh và giỏi nhất thế giới, mà ta biết, họ đi làm gián điệp, phải thay tên đổi họ, phải bỏ vợ con gia đình ở quê hương, đi một nơi khác... Thế mà bố tôi làm "gián điệp quốc tế" vẫn sống đầm ấm với mẹ con tôi vẫn sống ở quê nhà với cái tên thật mà trong nước

lẫn thế giới đều quen thuộc: "Ông Đoàn Duy Thành". Như thế phải là người thông minh nhất thế giới mới che mặt được cơ quan chống gián điệp của ta chứ!

Đồng chí Đỗ Mười đã dùng rất nhiều cách để hạ uy tín của tôi. Có rất nhiều chuyện, tôi chỉ kể ra đây hai chuyện. Trước đại hội 7 trong cuộc họp bàn về nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa 7. Anh Mười đứng lên phát biểu: "Bây giờ mới khui ra Đoàn Duy Thành có 3, 4 nhà ở Hải Phòng...". Đồng chí Nguyễn Đình Hương, Phó ban Tổ chức Trung ương phải đứng lên cải chính: "Anh Đoàn Duy Thành chỉ có một nhà ở Hải Phòng do thành phố thu xếp cho, chúng tôi đã đi kiểm tra. Khi về công tác ở Trung ương, anh Thành đã trả lại nhà cho thành phố".

Câu chuyện thứ hai. Anh Mười nói với một số cán bộ thân anh Mười để họ làm cái loa nói theo: "Đoàn Duy Thành ôm chân Võ Văn Kiệt". Họ rêu rao chuyện đó hàng năm. Anh Lê Đức Thọ nghe biết chuyện này. Anh Thọ đã nói trong một cuộc họp: "Đoàn Duy Thành nó thèm ôm chân ai. Đến tôi, nó cũng cãi tới số". Một hôm tôi gặp anh Mười, tôi bảo: "Anh bảo tôi ôm chân anh Võ Văn Kiệt? Anh biết đấy, ở cái đất nước này tôi không thèm ôm chân ai. Nếu có ôm chân là ôm chân anh. Tôi đề nghị anh không nên nói như vậy. Tôi quí trọng người có đức, có tài; lễ độ, tôn kính người biết tự trọng và đối nhân xử thế có nhân cách..." Từ đó anh Mười mới không nói nữa ,v.v.

Kể ra còn nhiều, nhưng tôi nghĩ những chuyện sinh hoạt tầm thường của cá nhân không nên kể.

Sắp hết đời chỉ mong được tự do nhưng vẫn không yên thân

Cuối năm 2002 mọi người đều biết là đến tháng 4-2003 tôi sẽ nghỉ hưu, sau Đại hội Phòng Thương mại và Công nghiệp VN. Một số nhà văn, nhà báo đến chơi. Trong các buổi đến chơi, các đồng chí cũng không đặt vấn đề phỏng vấn, chỉ đề nghị tôi trong đời hoạt động cách mạng có những gì còn đọng lại, mang dấu ấn vui buồn thì kể lại cho nghe. Trong các cuộc gặp gỡ cuối năm vui vẻ đó, tôi kể một số chuyện mà tôi tâm đắc nhất... Rồi các nhà báo về tự viết. Họ đưa lại tôi xem những sự kiện viết có chính xác không, còn văn vẻ, đầu đề bài báo do nhà báo, nhà văn viết, tôi không duyệt lại. Số báo có các bài khi xuất bản các đồng chí đều biếu tôi, nơi một bản, nơi 2, 3 bản, như các bài "Vị tướng của doanh nhân" báo

Thế Giới mới; bài "Thủ lĩnh của doanh nghiệp" của báo Tài chính; bài "Người say mê với sự nghiệp làm giàu" của báo Khoa học. Và một số báo khác.

Những bài báo trên là hoàn toàn sự thật 100% nhưng không hiểu sao anh Đỗ Mười lại tức giận đến thế! Anh không nói gì với tôi, nhưng qua nhiều nguồn tin tôi biết. Tôi nghĩ có dịp đến thăm, tôi sẽ nói cho anh Mười rõ là tôi không có ý định viết về mình. Ngay các nhà báo viết những bài trên, gần đây đến chơi và gọi điện cho tôi nói rằng họ viết hoàn toàn tự nguyện, không ai đề nghị, nhưng áy náy vì đã làm cho tôi phải phiền lòng. Tôi bảo không sao cả, quan trọng là sự thật.

Ngày 2-8-2003 anh Đỗ Mười bảo tôi đến chơi. Nhân đó tôi hỏi anh Mười sao không kỷ luật những người tái vu khống

tôi trên tờ báo An ninh Thế giới?

- Tôi sẽ kiện ra tòa về tội vu khống chính trị. Hôm nay tôi chính thức đề nghị với anh đồng ý cho tôi kiện.

Anh Mười vội vàng tìm máy gọi anh Nông Đức Mạnh, anh Phan Diễn, anh Trần Đình Hoan để nói chuyện. Nhưng ba anh trên đều đi vắng. Anh Mười nói chuyện với thư ký của ba anh, nhắc ba anh giải quyết sớm vụ việc của tôi, không để tôi đi kiện.

Sau đó anh ngồi nói chuyện với tôi, anh bảo: "Mình đã vo tròn lại, cậu lại rũ rối ra". Câu nói đó tôi rất sửng sốt, không hiểu tôi rũ rối cái gì. Vụ anh Tô Duy vu khống tôi, từ ngày có kết luận của Tổng Bí thư tôi có nói gì nữa đâu. Chỉ khi họ tung tin anh Mười kết luận "hồ đồ", "vội vàng", ám chỉ anh Mười thiên

vị tôi, tôi mới làm đơn xin đối chất lại, xóa kết luận cũ, giao cho một người chủ trì do phía anh Tô Duy giới thiệu, để khỏi mang tiếng cho anh Mười. Có thế thôi. Tôi có rũ rối gì đâu? Anh Mười nói: "Tôi nhận được miếng giấy con của anh Nguyễn Văn Trân (anh giơ ba đầu ngón tay ra, và nói bằng từng đây này), phản đối bài báo của cậu "Vị tướng của doanh nhân". Tôi nghĩ liên quan gì đến anh Nguyễn Văn Trân về bài báo này nhỉ? Tôi ngồi suy nghĩ phân vân quá! Vì sao mấy bài báo nói sự thật vừa qua, lại dẫn đến bài báo của anh Tô Duy đăng ở trang 31 báo An ninh thế giới ra ngày 17-4-2003. Trước ngày họp Đại hội Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam? Thật là khó hiểu...

Sau đó anh Mười bảo tôi thôi đừng kiện Tô Duy nữa: "Hai ông gộc, một Phó

Thủ tướng, một Bộ trưởng đi kiện nhau làm gì". Tôi nói tôi kiện thì anh và anh Võ Chí Công cũng phải ra tòa làm chứng. Anh Mười bảo: "Thế cơ à". Tôi cười và nói: "Luật của thế giới là vậy đấy. Còn ở ta các anh viết một lá thư, hoặc cho luật sư nói thay là đủ". Anh Mười bảo tôi thôi đừng kiện nữa, sẽ bảo anh Nông Đức Mạnh giải quyết sớm. Còn việc nhập vàng hỏi chú Thuý, anh không nhớ. Tôi nghĩ việc nhập vàng anh "chửi" tôi hàng năm, anh lại không nhớ, thật là kỳ lạ! Tôi chào anh ra về. Anh tiễn tôi ra đến cổng, một cách thân mật.

Tối về nhà, tôi tiếp tục suy nghĩ. Mở lá thư của anh Tô Duy viết ngày 15-5-2003 gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư và anh Đỗ Mười, trang 4 có đoạn viết: "Đồng chí Đỗ Mười nguyên Tổng bí thư Trung ương Đảng, tố cáo bài báo đó chứa đựng

nhiều điều bịa đặt, lừa bịp rất trắng trợn, để đề cao cá nhân Đoàn Duy Thành một cách hết sức lố bịch".

Tôi lại nhớ buổi gặp anh Mười, khi tôi mới đến, anh Mười nói ngay: "Cậu Tài nó mới được phong anh hùng đấy!" Thoáng nghĩ tôi hiểu anh lại muốn động viên tôi (anh Tài cũng bị nghi oan khi ở tù như tôi, sau được thẩm tra kết luận tốt).

Khi tôi nói đến các bài báo mới đăng dịp tết năm 2002-2003 đều hoàn toàn là sự thật, chẳng có một việc nào bịa đặt, tôi chìa lá thư của anh Tô Duy ra. Anh Mười tỏ vẻ hơi bối rối, nói lảng sang chuyện khác. Vì lá thư này anh Tô Duy cũng gửi cho anh Mười. Tôi định đọc đoạn anh Mười nhận xét bài báo như đã nói trên, nhưng suy nghĩ tôi lại thôi. Vì anh mời

tôi đến chơi chứ tôi không chủ động đến để "đôi co" với anh.

Mấy hôm sau chị Kiệm, nguyên Vụ trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (phu nhân đồng chí Lê Xuân Thịnh, nguyên Bí thư Thành Ủy Hải Phòng đã hy sinh ở Thái Bình) đến chơi kể lại chuyện mới gặp anh Mười. Chị kể: "Anh Mười nói: cậu Thành cũng có khuyết điểm. Tôi đã vo tròn rồi cậu Thành lại cho đăng báo tâng bốc mình quá mức. Việc nhập vàng là tôi bảo Cao Sĩ Kiêm nhập. Cậu Trần Phương và cậu Thành lúc đó tính đều sai cả. Tôi làm, tôi tính mới đúng, mới giải quyết được lạm phát, khủng hoảng kinh tế". Chị Kiệm nói lại với anh Mười: "Tôi tưởng khuyết điểm gì, chứ nói quá mức thành tích thì không khuyết điểm để so sánh với việc anh Tô Duy đăng trên báo An ninh thế giới...".

Sau khi tôi nghe chị Kiệm kể lại câu chuyện gặp anh Mười, tôi buồn cười về một đồng chí Thủ tướng vơ hết thành tích về mình, đổ lỗi cho người khác, nhất là nói sai sự thật:

1/ Khi tôi nhập vàng anh Cao Sĩ Kiêm còn ở Thái Bình.

2/ Việc anh Trần Phương tính ra sao tôi không biết.

Còn bài tính của tôi khi tôi làm Phó Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, anh Mười đã tuyên bố 2 lần ở các phiên họp Hội đồng bộ trưởng và Thường vụ Hội đồng bộ trưởng là "làm theo bài tính của anh Đoàn Duy Thành". Nay anh Mười nói với chị Kiệm là tôi tính sai hết. Tôi vừa buồn cười vừa suy nghĩ nói với chị Kiệm: "Đúng là nhân dục vô nhai. Mình là thằng đầy tớ dọn cỗ cho thầy ăn, mình chỉ đợi vét

đĩa mà cũng không được vét đĩa, thầy lại đòi vét nốt...". Tôi nhớ lại khi được điều về Hà Nội công tác, vội vàng khăn gói ra đi, nhà tôi sợ tôi ốm, cũng theo lên Hà Nội phục vụ chồng, giao cho bà ngoại trông nom các cháu ở Hải Phòng. Các cháu cũng đã lớn, đi làm việc nhưng vẫn ăn ở chung tại số 10 Đinh Tiên Hoàng. Nghe chú Xuân Khang, kỹ sư, nhạc sĩ kể lại mà tôi rơi nước mắt: "Đến gặp cháu Phương, cháu Trọng đang ăn cơm trưa, chẳng thấy có gì. Cháu Phương bảo cháu Trọng xem còn gì mang cho anh ăn cơm. Cháu Trọng bảo chỉ còn mấy con tôm, bà dặn để dành tối ăn...". Tôi nhắc câu chuyện đó với nhà tôi, bảo nhà tôi lo cho các cháu đôi chút về đời sống. Nhà tôi gắt: "Lương chỉ có thế thì ăn thế. Nghe cái mồm chú Khang làm gì...".

Trong lúc đó, không biết theo chỉ thị

của ai, họ đem camera, đặt ở tầng hai nhà kế bên nhà số 10 Đinh Tiên Hoàng để theo rõi nhà tôi. Sau này tôi biết một chi tiết rất nhỏ: "Đặt camera theo rõi nhà ông Thành xem có di chuyển tài sản gì đi đâu không. Nếu có, báo ngay cho biết chuyển tài sản gì đi, nhất là ban đêm, sẽ ập vào bắt và khám nhà". Theo rõi nửa năm chẳng thấy động tĩnh gì nên họ rút.

Phòng gác hai là của đồng chí Phan Văn, Giám đốc Sở Văn hóa được phân phối. Nhưng đồng chí Phan Văn về ở với con, phòng khóa cửa. Còn do ai cho mượn để đặt máy quay thì đồng chí kể lại chuyện này không cho tôi biết.

Họ nghĩ rằng tôi công tác ở Hải Phòng 36 năm, làm Chủ tịch và Bí thư Thành Ủy 7 năm, chắc vơ vét được nhiều tiền của lắm, nhiều tài sản quí hiếm lắm! Sau khi được nghe kể lại chuyện này, tôi

rất buồn. Làm cho dân, cho nước, mình không vụ lợi một xu nhỏ, đối xử với mình lại như thế?

Mãi đến 1990, khi tôi nghỉ Bộ trưởng Bộ kinh tế đối ngoại và xin về hưu, một số công ty thuộc Bộ và địa phương đến thăm thấy Bộ trưởng tài sản chẳng có gì, đồng chí Mai Văn Dâu, Giám đốc Tổng hợp I của Bộ mang xuống tặng một cái Tivi cũ của Nhật bản; Công ty xuất nhập khẩu thành phố Vũng Tàu và tỉnh Đồng Tháp cho cái tủ lạnh và bộ Radio Cassette; Vợ chồng đồng chí Giám đốc công ty Huy Hoàng - Cẩm Nhung cho bộ Cassette 4 tầng mới nhất của Nhật Bản và 5 triệu đồng. Nhà tôi từ chối mãi không được. Chú Huy Hoàng và cô Cẩm Nhung nằn nì mãi, và nói: "Anh đã nghỉ rồi, đây là tình cảm, chị nhận cho". Nhà tôi nhất định không nhận. Hai cô

chú cứ để lại và ra về... Công ty Rau quả Hải Phòng cho nhà tôi một điều hòa cũ do Liên Xô sản xuất. Từ đó trong nhà chúng tôi mới có hàng "xịn" để dùng. Còn trước chỉ có một Tivi Neptun của Ba Lan sản xuất, một đài Hồng Đăng của Trung Quốc. Nghỉ Bộ trưởng, thành ra đổi đời về sinh hoạt.

Khi đương chức, một số anh em biếu quà bình thường, thì nhà tôi nhận, còn không nhận. Có người đi nước ngoài về cho mấy củ sâm cao ly, khách ra đến cổng rồi, nhà tôi còn đuổi theo trả lại. Năm 1993 tôi sang thăm Thái Lan. Biết anh Nguyễn Văn Linh mới đi thăm Italia về cùng nghỉ ở lầu trên khách sạn Principale Băng Cốc, tôi lên thăm anh. Anh kể chuyện đi thăm Italia cho tôi nghe. Rồi anh nhắc lại việc tôi xin từ chức, anh lại khóc, anh lại nói lại: "Tôi khô-

ng cứu được anh". Tôi bảo: "Tôi làm gì khiến anh phải cứu? Có ủng hộ tôi thì ủng hộ". Tôi biết anh Nguyễn Văn Linh rất có tình cảm với Hải Phòng và với tôi. Anh lớn lên từ 6 tuổi đã ở với chú tại Hải Phòng. Qua nhiều năm công tác, tôi quen biết anh, lại cùng ở tù Côn Đảo, tuy anh là bậc đàn anh, lớp tù trước so với tôi nhưng mỗi khi anh em gặp nhau là chuyện trò rất sôi nổi... Các đồng chí tỉnh ủy Hải Hưng kể lại với tôi, anh đến thăm Hải Hưng, nói chuyện với Tỉnh Ủy, anh cũng nhắc đến tôi một cách trìu mến và nói: "Trong Đảng ta, cán bộ cao cấp được thử thách, thẩm tra, xem xét kỹ nhất là đồng chí Đoàn Duy Thành...". Có đồng chí hỏi anh: tại sao anh không bảo vệ được anh Thành? Anh trả lời: "Ba thằng đánh một, chẳng chột cũng què". Tôi cũng chẳng tìm hiểu họ là ai, mặc dù một số đồng chí Tỉnh Ủy Hải Hưng

nói rõ là anh Linh đã chỉ ra họ, tên là gì, nhưng tôi nghĩ tìm hiểu để làm gì? Mình theo tư tưởng và đạo đức của Bác Hồ, và đối nhân xử thế của Khổng đạo. Sách Luận ngữ đã chép, có một học trò hỏi Khổng Tử một câu về xử thế: "Dĩ đức báo oán hà như?" (Lấy điều đức để báo oán lại oán thù có được không?) Khổng Tử trả lời: "Bất nhược dĩ trực báo oan" (không bằng lấy điều thẳng để báo lại). Bởi vậy tìm hiểu chỉ thêm phải suy nghĩ. Một người đã quá đủ rồi, huống chi lại ba người đánh một! Tôi bỏ qua, chẳng nghĩ, chẳng nói làm gì, họ chỉ là người "góp cỗ chia phần" thôi. "Dậu đổ thì bìm leo" đó là thói đời.

Trước khi anh Nguyễn Văn Linh mất 25 ngày, tôi đến thăm anh ở nhà riêng, có các đồng chí Vũ Tiến Lộc, Nguyễn Hữu Hải, Phạm Gia Túc cùng đi. Lúc này anh

yếu nhiều. Anh vẫn đi từ gác xuống, một tay bịt một bên mắt, một tay ôm bụng, tiếp chúng tôi hơn 1 giờ. Tôi tặng anh cuốn "Côn Đảo một thời để nhớ", hồi ký của tập thể anh em tù chính trị Côn Đảo sinh sống ở Hà Nội. Anh cố vui để tiếp chúng tôi, nói nhiều chuyện trong nước và thế giới. Bất thình lình anh hỏi: "Tại sao lúc đó anh lại thôi Phó thủ tướng nhỉ?". Tôi cũng bất ngờ. Tôi trả lời anh, tôi từ chức tại hội trường T78, anh chủ trì mà anh quên rồi à? Anh suy nghĩ một lát rồi nhớ ra: "Tại sao tôi lại cho anh từ chức nhỉ?". Rồi anh lại khóc. Tôi vừa cảm động, vừa thương anh, không biết với anh chống đỡ được đến bao giờ bệnh ung thư đang hoành hành ở anh. Đau yếu thế, mà anh chỉ bàn việc, lo cho nước, cho dân. Bao điều suy nghĩ mà anh bộc lộ với tôi và các đồng chí cùng đi. Chúng tôi rất cảm động về con người cộng sản này. Hoạt

động từ năm 13 tuổi, đến 16 đã bị bắt, bị tra tấn và đày đi Côn Đảo. Gần đây đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị khi làm trưởng Ban tổ chức kể lại với tôi là: "Anh Linh là người mà bảo nghỉ là nghỉ ngay, rất vui vẻ, không khó khăn như những anh khác...".

Kể từ sau ngày tôi từ chức, đến lúc anh Nguyễn Văn Linh qua đời, tôi gặp anh bốn lần. Lần nào anh cũng khóc mỗi khi nhắc đến việc từ chức của tôi. Còn tôi từ chức là vì lý tưởng và phẩm chất của tôi, giữ cho đảng ta nội bộ đoàn kết, tìm được người có tài - đồng chí để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đối với anh Nguyễn văn Linh, tôi biết ơn anh đã có tình cảm thực sự chân thành với tôi.

Và từ ngày 02-8-2003 tôi khẳng định được hơn 20 năm qua anh Đỗ Mười là

nguyên nhân của mọi nguyên nhân gây rắc rối cho đời hoạt động của tôi.

Còn anh Tô Duy là người trung thành với anh Đỗ Mười, được anh Mười giao mọi việc, đã cung cấp tài liệu giả để anh Mười tin. Khi sự thật đã quá rõ ràng anh Mười không còn cách nào khác, phải kết luận là tôi đúng. Anh Tô Duy vừa không bằng lòng, vừa cố ý tìm chứng cứ để cho anh Mười tin mình đúng, nên đã táng tận lương tâm cứ nói tôi bị bắt tháng 2-1951, dù không có chứng cứ gì cả. Còn anh Mười cũng phải bảo vệ anh Tô Duy. Anh Tô Duy vì anh Mười mà làm. Bởi thế sự việc giải quyết không dứt điểm được. Tôi tự hỏi sự việc này còn kéo dài đến bao giờ? Đó là nguy cơ tiềm ẩn, gây rối ren trong nội bộ, gây bài học xấu cho hiện nay và mai sau về việc tranh chức, tranh quyền trong nội bộ. Còn tôi

sống được đến hôm nay vì trong Đảng cũng còn dân chủ, cũng có những cán bộ trung thực, không a dua làm điều bất nghĩa.

Tôi nhớ năm 1996, tôi đến Paris dự hội thảo và dự triển lãm Việt Nam tại Pháp. Xong việc, tôi cùng đồng chí Bùi Việt Cường, đại điện Việt Nam ở Liên hiệp quốc đóng ở Geneve Thuỵ sĩ và ông Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Việt kiều ở Pháp, đến thăm người em con ông cậu tôi là Nguyễn Đức Riễm đã gần 90 tuổi. Hai vợ chồng chú Riễm đón chúng tôi, chú mừng rỡ nói: "Bác còn giữ được cái đầu đến thăm em là quí lắm rồi! Bên này người ta đồn bác là gián điệp quốc tế, em rất lo. Thế là chế độ cộng sản cũng còn công minh hơn phong kiến nhà Lê. Nếu đã không thì có vụ "Lệ Chi Viên thứ hai ở Việt Nam". Tôi buồn cười hỏi: "Sao,

ghê thế cơ à?" Tôi chẳng thấy gì đáng sợ. Tôi không lúc nào buồn và suy nghĩ ghê gớm như chú cả. Tôi vẫn làm việc bình thường". (Chú Riễm là cơ sở tình báo của ta, từ 1954 đưa vào vùng tạm chiếm hoạt động, còn hoạt động như thế nào tôi không biết. Chú Riễm đã mất năm 2000).

Trong nước cũng nhiều người lo lắng cho tôi, nhưng tôi không kể làm gì cho thêm đau lòng. Mong sao từ nay trở về sau không còn có những con người như vậy, để Đảng ta vượt lên tầm của thời đại, để có một Đảng trong sáng tuyệt vời. Noi gương Bác Hồ để xây dựng Đảng, thì mọi việc sẽ thành công.

Còn đối với anh Đỗ Mười, tôi phải phục anh là người "siêu" trong việc che giấu nội tâm của mình.

Ngày 21-6-2003 trong thư tôi gửi Bộ Chính trị, Ban Bí thư, anh Đỗ Mười, anh Võ Chí Công, ở trang 7 tôi còn đánh giá: "Chắc cả nước ta ai cũng biết đồng chí Đỗ Mười là người thẳng thắn trung thực". Nhưng mãi đến ngày 2-8-2003, hơn 20 năm, sự thật đã trần truồng, tôi mới khẳng định được, người đứng sau vụ án "gián điệp quốc tế" này, chính là đồng chí Đỗ Mười, nguyên Tổng Bí thư của Đảng ta. Đồng chí Đỗ Mười đạo diễn và chỉ đạo rất tinh vi, lúc cứng lúc mềm đối với tôi, làm cho đối tượng như rơi vào trận đồ bát quái, không xác định được phương hướng. Do đó, quá trình diễn ra vụ án nghi vấn chính trị lớn nhất đối với tôi, có rất nhiều đồng chí, kể cả hầu hết Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, lúc đó đặt câu hỏi với tôi: "Cần phải xem xét còn có nguyên nhân sâu xa gì nữa mà hơn một chục cán bộ chủ chốt

Hải Phòng, không ai có chứng cứ cụ thể, lại dám ký vào đơn tố cáo? Anh cần xem xét kỹ việc này". Tôi chưa trả lời được câu hỏi ấy.

Nhưng từ sau ngày 2-8-2003, tôi đã có thể trả lời câu hỏi này, khi đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, ngày 8-8-2003 đặt câu hỏi như nội dung trên. Xin thưa: "Tất cả là do đồng chí Đỗ Mười".

Tháng 1-2004 đồng chí Nguyễn Đức Tâm, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương lại đặt lại câu hỏi này với tôi, mà trước đây đồng chí đã hỏi tôi nhiều lần, tôi chưa trả lời được. Nay tôi đã trả lời chính thức đồng chí Nguyễn Đức Tâm: "Tất cả là do đồng chí Đỗ Mười".

Viết đến đây tôi nhớ đến Nguyễn Trãi. Trước khi qua đời ông đã than rằng:

"Mọi chưng khắp chốn đều thông cả,

Bụi một lòng người cực hiểm thay!"

Và, lời trăng trối cuối cùng của Phu-xích, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Tiệp Khắc, tác giả tiểu thuyết "Viết dưới giá treo cổ":

"Nhân loại hỡi! Ta yêu tất cả mọi người. Hãy cảnh giác!".

Chương 9

CON CÁ NÓ SỐNG VÌ NƯỚC – CHỦ TỊCH PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI) SỐNG VÌ DOANH NGHIỆP

Thuở nhỏ, trước năm 1945, thỉnh thoảng tôi theo bố mẹ đi xem hội, vào một số đình chùa. Tôi gặp từng đám người nghèo khổ phải đi ăn mày, ăn xin khách thập phương đến lễ hội. Người thì mù loà, người thì tàn tật, khố rách áo ôm, tay xách con, tay lạy van: "Lạy ông đi qua, lạy bà đi lại, cứu vớt chúng con.

Con cá nó sống vì nước, con sống vì ông, vì bà...". Cứ thế mà kêu xin. Câu "Con cá nó sống vì nước, con sống vì ông, vì bà", cứ hằn sâu trong đầu tôi cho đến ngày sang làm Chủ tịch Phòng Thương mại trong một thế đứng không còn "tấc đất cắm dùi", nói theo nghĩa bóng về hoàn cảnh tôi lúc đó.

Khi về Bộ Ngoại thương, nhập vào Bộ kinh tế đối ngoại, chẳng được bao lâu, lại nhập tiếp. Tôi sang làm Viện trưởng Viện Quản lý kinh tế Trung ương, đồng chí Cao Văn, quyền Chủ tịch UBND Thành phố Hải Phòng và một số anh chị em đồng chí thân thiết đến chơi, và nói: "Đến Vụ, Viện là đến ngõ cụt rồi...". Đó cũng là câu cửa miệng của mọi người: "Xuống đến chức Vụ, Viện là về vườn". Tưởng đó là câu chuyện chia sẻ tấm lòng cho người cùng đường, để khuây khoả

nỗi lòng người tri kỷ, nhưng hóa ra thật. Tôi làm Viện trưởng Quản lý kinh tế Trung ương đang say sưa với công việc, sắp xếp bộ máy đi vào làm ăn, chuẩn bị dự án xây dựng một Viện quản lý kinh tế quốc gia, cả về qui mô xây dựng và nội dung nghiên cứu, nhưng chỉ được 19 tháng 20 ngày thì có quyết định sát nhập vào Bộ Kế hoạch đầu tư. Từ một Viện ngang Bộ, trực thuộc Chính phủ, nay xếp ngang một Tổng cục trực thuộc Bộ, đương nhiên Viện trưởng phải đi nơi khác hoặc về nghỉ... "hết đất".

Tôi bàn giao công việc với đồng chí Đỗ Quốc Sam, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch đầu tư và liên hoan hợp nhất vui vẻ cùng anh chị em trong Viện. Nhưng trong tâm tư lại thêm một nỗi buồn ghi trong ký ức, như bao cuộc phải chuyển công tác trong đời, từ địa phương lên đến trung

ương. Nhớ lại những cuộc tiễn đưa, khi tôi từ Giám đốc Sở Thương nghiệp Hải Phòng lên làm Phó chủ tịch UBND thành phố, anh em tiễn tôi cùng nước mắt lưng tròng. Khi tôi rời ghế Bộ trưởng Bộ kinh tế đối ngoại, cán bộ công nhân viên đứng trên gác, dưới nhà, vẫy tay chào tôi rưng rưng nước mắt... Không hiểu họ nghĩ điều gì khi Bộ trưởng phải ra đi mà họ khóc?

Sau mấy ngày tôi được đồng chí Nguyễn Đức Tâm rồi đồng chí Võ Văn Kiệt mời lên giao nhiệm vụ mới - Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Khi gặp đồng chí Nguyễn Đức Tâm, tôi đề nghị đưa đồng chí Tạ Cả, Thứ trưởng Thường trực sang làm Chủ tịch VCCI. Anh Tâm nói: "Phòng tách ra khỏi Bộ Thương mại, trực thuộc Trung ương.

Là một tổ chức mới, có quan hệ quốc tế rộng lớn, anh nên nhận cho..."

Cũng như lần sang làm Viện trưởng, tôi đề nghị anh tìm cán bộ sở tại, nếu anh Tạ Cả không làm được. Anh Tâm nói ngay: "Tại chỗ làm sao có người?". Tôi đề nghị anh xem các đồng chí các ngành trung ương có ai thích hợp thì điều về, nếu không có ai, đề nghị anh cho tôi suy nghĩ ít ngày và xem anh em ở Phòng họ có ưng tôi về đó không...

Mấy hôm sau anh Võ Văn Kiệt lại nhắc tôi về sớm để chuẩn bị Đại hội lần thứ II, tách Phòng ra khỏi Bộ Thương mại. Các đồng chí Đoàn Ngọc Bông, Phạm Chi Lan, Tổng Thư ký và Phó Tổng thư ký, chủ động đến nhà tôi báo cáo và xin ý kiến về tổ chức Đại hội.

Tôi vốn là Bộ trưởng Bộ Ngoại

thương, đối với anh chị em Phòng Thương mại tôi đều quen biết, chỉ hiềm một nỗi mình xuống cấp lại chèn ép anh chị em, họ không có điều kiện thăng tiến, về tâm lý mà nói, chắc anh chị em cũng có suy nghĩ. Nên tôi rất do dự. Có đồng chí nghĩ tôi cho "Phòng" là bé nhỏ, thực sự nó chỉ là cấp Vụ. Cán bộ Bộ Ngoại thương còn đánh giá "Phòng" là "cái đuôi" của Vụ II (Vụ phụ trách thị trường các nước tư bản).

Tôi thì nghĩ khác. Dù to hay bé tôi không quan tâm, miễn là nơi đó không ai thích và không muốn làm, không có tranh chấp quyền lực. Càng khó tôi càng thích làm, để thử nghiệm khả năng của mình.

Hôm gặp đồng chí Cao Văn, tôi bảo: "Vụ, Viện chưa phải đã là kết thúc, "Trưởng phòng" mới là tột cùng". Đồng

chí Cao Văn nói từ Phó Thủ tướng xuống làm Trưởng phòng, mà vẫn làm được việc mới hay chứ! Tôi đi nhiều nơi họ cũng giới thiệu tôi là Trưởng phòng... Tôi nghĩ lại câu của người ăn xin: "Con cá nó sống vì nước, con sống vì ông, vì bà". Tôi lấy làm tâm đắc, nhưng sửa lại: "Con cá nó sống vì nước, Chủ tịch sống vì doanh nghiệp". Có doanh nghiệp thì Chủ tịch VCCI mới có chỗ sống. Chủ tịch VCCI sống, thì phải làm vì doanh nghiệp.

Tổ chức Đại hội lần thứ II xong, tôi được bầu làm chủ tịch VCCI. Khi đến nhận nhiệm vụ tại 33 Bà Triệu, với cái nhà cổ kính, là một trong bốn ngôi nhà cổ kính nhất Hà Nội được bảo tồn. Có 600 m2 nhà sử dụng cho 3 cơ quan của Bộ ở chung. Sau VCCI đền bù cho hai cơ quan khác chuyển đi, chỉ còn một cơ quan ở lại là VCCI. Nhưng cũng quá

chật, Chủ tịch VCCI chỉ làm việc trong một phòng 10 m2, gần bên hố xí tập thể. Nhà văn Trần Bạch Đằng đến chơi bảo: "Chủ tịch VCCI chỗ làm việc như thế này không chấp nhận được". Tôi trả lời: "Anh Tư ạ, anh là nhà nho, tôi cũng là nhà nho, anh nhớ Khổng Tử đã nói: Quân tử cố cùng...". Anh Trần Bạch Đằng nói ngay: "Tiểu nhân cùng tư lạm". Cả hai chúng tôi cùng cười. Tôi nói: "Anh Tư nhớ nhé! Khi tôi có phòng làm rộng và sang, anh đừng chê tôi nhé!", anh Trần Bạch Đằng gật gật: "Không chê mà còn khen nữa".

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trực thuộc lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ. Danh nghĩa bên ngoài là Tổ chức phi chính phủ (NGO), nhưng đặc biệt là VCCI tự lo liệu về ngân sách, không ăn lương của ngân sách Nhà nước, do đó đối với bên ngoài

họ mới cho mình đúng là Tổ chức NGO của Việt Nam. Khi tôi nhận quyết định về công tác ở VCCI, tôi đã hình dung 3 việc lớn phải làm:

1/ Xây dựng cơ chế cho Phòng mà điều quan trọng nhất là xây dựng Điều lệ của Phòng, thông qua Đại hội và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đồng thời xây dựng bộ máy phù hợp với qui mô, chức năng, nhiệm vụ của Phòng đúng với điều lệ được duyệt.

2/ Xây dựng cơ sở vật chất cho Phòng, đó là cơ sở cho chủ nghĩa xã hội được thực hiện ở Phòng, đồng thời bảo đảm ngân sách của Phòng được ổn định, từng bước đi lên một cách vững bền.

3/ Phải xác lập cho được vai trò của doanh nghiệp trong xã hội, là lực lượng nòng cốt trong việc xây dựng nền kinh

tế đất nước, bảo đảm cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của Đảng được vững chắc.

Để rút kinh nghiệm của các Phòng Thương mại và Công nghiệp thế giới, tháng 7-1993 tôi đi thăm Thái Lan và Singapore một tuần. Các bạn hoạt động đa dạng, phong phú, tổ chức nhiều loại hình khác nhau, nhằm thu hút nhiều doanh nghiệp vào tổ chức của mình. Có nước có nhiều phòng, nhiều hội, nhiều hiệp hội phi chính phủ. Sau kết hợp đi họp, đi hội thảo, đi làm việc, tôi đã nghiên cứu một số nước đã có Phòng Thương mại từ lâu đời như Nhật Bản, Pháp. Đặc biệt ở Pháp, Phòng Thương mại đã có cách đây 400 năm. Napoleon đã có sắc lệnh về Phòng Thương mại Pháp cách đây khoảng 200 năm, Phòng Thương mại quản lý nhiều trường đại học kinh

tế thương mại nổi tiếng, kinh doanh cả hàng không và nhiều lĩnh vực khác.

Còn kết nạp hội viên, nơi thì tự nguyện, nơi thì bắt buộc. Như ở Pháp, sau khi được cấp giấy phép kinh doanh, doanh nghiệp phải đến phòng thương mại sở tại xin làm hội viên, do sắc lệnh về phòng thương mại qui định.

Đó là những việc làm của bạn, nước phát triển đã có hàng triệu doanh nghiệp. Ở Pháp và Nhật khoảng 20 người dân có một doanh nghiệp. Mỹ 10 người dân có một doanh nghiệp. Còn Việt Nam, những năm đầu thập kỷ 90, chưa có luật doanh nghiệp, khoảng 3.000 người dân mới có một doanh nghiệp. Nền kinh tế Việt Nam tuy có tăng trưởng, nhưng lực lượng làm cho kinh tế tăng trưởng với khối lượng quá nhỏ bé. GDP tính theo đầu người của họ đã là hàng vạn đô la

Mỹ. Còn ta mới có vài ba trăm đô la. Đó là điều tôi trăn trở lo lắng cho sự phát triển của đất nước. Trong lúc nước ta thực hiện kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhưng tư duy về phát triển doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân còn có nhiều điều khác nhau. Nhiều người nhìn doanh nghiệp tư nhân với con mắt canh chừng, thành kiến, cho doanh nhân nói chung như những người ăn xài xa xỉ, ném tiền qua cửa sổ, trai gái, rượu chè... Ta có biết đâu họ đang tiết kiệm từng đồng để có vốn xây dựng xí nghiệp, công ty, nhất là doanh nghiệp tư doanh. Tất nhiên cũng có một số ít doanh nhân hư đốn, "Con sâu bỏ rầu nồi canh", đối với những người này ta không chú ý giáo dục uốn nắn cho họ, mà có xu hướng muốn phơi bày trên báo chương. Chúng ta không thấy rằng nước ta nghèo, nhân dân ta không có kinh

nghiệm kinh doanh, làm giàu, bằng của nả của ông cha ta để lại. Đã nghèo, văn hóa lại thấp thì vừa không biết làm giàu, vừa hay ghen tị với những người khá giả hơn mình. Kinh nghiệm khi công tác ở địa phương, tôi thấy những cảnh như nhà hàng xóm nuôi được cá, chăn nuôi gà vịt sinh trưởng tốt, người hàng xóm không làm được, khó chịu, vứt thuốc sâu xuống ao và gà bị bệnh sang nhà hàng xóm, làm cho cá chết, gà "toi" mới thỏa lòng. Khi lên Hà Nội, giữa những thập kỷ 80, tôi còn được nghe kể rằng ở trên này nhà mua được con gà làm thịt cũng phải gói lông lại, chặt thịt không dám dùng dao, thớt, mà phải dùng kéo cắt. Thịt ăn xong, xương và lông gà gói lại đem ra ngoài đê sông Hồng vứt đi, sợ người hàng xóm nhìn thấy. Đó là sự thật, chúng ta phải đi lên từ cuộc sống khó khăn của nhân dân sau bao năm chiến tranh, lại thực

hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, tem phiếu kê khai phiền toái, hàng hóa không có, chia nhau mua từng bao diêm, sợi chỉ... Nó bị vật chất tác động vào tư tưởng, và tư tưởng đố kỵ ghen tị lặt vặt không thể tránh khỏi. Người lãnh đạo phải từng bước tìm ra phương pháp khắc phục.

Xác lập vai trò doanh nghiệp, doanh nhân trong xã hội

Từ những tình hình trên, với cương vị Chủ tịch VCCI, tôi từng bước đưa vấn đề này ra bàn bạc trong lãnh đạo VCCI, xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của VCCI là đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, bảo vệ quyền lợi cho họ, kết hợp với các Bộ, ngành, địa phương, để tổ chức, xây dựng, đào tạo doanh nghiệp... tiến tới phát triển doanh nghiệp lớn mạnh, làm lực lượng chủ yếu

trong phát triển kinh tế đất nước.

Để làm rõ vấn đề này tôi đã viết nhiều bài báo với nhiều nội dung khác nhau, nhưng đều nhằm làm cho xã hội nhận thức, đánh giá đúng vai trò doanh nghiệp. Tôi đã có các bài: "Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa"; "Làm thế nào để dân giàu, nước mạnh..." đăng trên báo Nhân dân, báo Diễn đàn doanh nghiệp và nhiều tờ báo khác.

Để có sự xoay chuyển mạnh về tư duy, nhận thức xã hội đối với doanh nghiệp, tôi đã đề nghị với Thủ tướng Võ Văn Kiệt có cuộc gặp gỡ thân mật, đối thoại với doanh nghiệp.

Được Thủ tướng đồng ý, ngày 8-2-1995, lần đầu tiên giới doanh nghiệp được gặp mặt thân mật, trao đổi ý kiến thẳng thắn, dân chủ với Thủ tướng. Các

doanh nghiệp rất phấn khởi. Thủ tướng cũng nắm được tâm tư nguyện vọng của doanh nghiệp, đã giải quyết kịp thời một số mắc mớ lớn với doanh nghiệp, làm cho không khí hồ hởi cởi mở giữa doanh nghiệp với Thủ tướng, với các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan có quan hệ sống còn đến sự phát triển kinh tế đất nước, đến quyền lợi của công nhân, giám đốc xí nghiệp, công ty.

Qua các năm sau, đầu Xuân vẫn có những cuộc gặp giữa Thủ tướng và doanh nghiệp. Nhưng vì bận nhiều công việc, nên Thủ tướng Võ Văn Kiệt ủy nhiệm các Phó Thủ tướng thay. Từ năm 1997, khi Thủ tướng Phan Văn Khải nhận nhiệm vụ, năm nào Thủ tướng Phan Văn Khải cũng gặp doanh nhân. Đồng chí Phan Văn Khải thường tâm sự với tôi là: "Đời tôi quan tâm đến hai

việc lớn nhất là: phục vụ doanh nghiệp để phát triển doanh nghiệp và xóa đói, nghèo". Thủ tướng, các Bộ ngành quản lý đã cùng quan lâm vai trò của doanh nghiệp, doanh nhân, các thành phần được đề cao, có vai trò trong xã hội, bớt dần những nhận thức không đúng về doanh nghiệp. Để tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho phát triển doanh nghiệp, Nhà nước cần phải có một luật cho doanh nghiệp. VCCI đã cùng các ngành, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, đề xuất với Quốc hội ra một luật về doanh nghiệp. VCCI đã cử hai Phó Chủ tịch là Phạm Chi Lan và Vũ Tiến Lộc, cùng Trưởng ban pháp chế Trần Hữu Huỳnh cùng nhiều chuyên viên, cán bộ, tham gia vào chương trình soạn thảo luật doanh nghiệp. Hội đồng cố vấn của Phòng cùng tham gia tích cực như ông Vũ Quốc Tuấn, ông Nguyễn Văn Trọng, ông

Lê Văn Châu, ông Năm Nghị, bà Nguyễn Thị Hiền v.v... đã tham gia tích cực vào việc soạn thảo luật doanh nghiệp. Còn tôi đã có một số buổi đến báo cáo với Ban Thường vụ Quốc hội và các Ủy ban của Quốc hội về vấn đề doanh nghiệp, tham gia vào Tiểu ban chuẩn bị Nghị quyết Trung ương lần thứ 5 khóa 9 về phát triển kinh tế tư nhân, v.v...

Khi trong Đảng, cũng như ngoài nhân dân đã thấy rõ tầm quan trọng của doanh nghiệp, Quốc hội đã thảo luận và thông qua luật doanh nghiệp với số phiếu ưng thuận rất cao, đánh dấu một bước ngoặt về phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế của nước ta, góp phần rất quan trọng vào những năm khủng hoảng kinh tế khu vực Đông Á và Nam Á, giữ được tốc độ tăng trưởng trên dưới 7%. Trong khi các nước bạn, có nước

mức tăng trưởng "âm".

Kể từ năm 2000 số lượng doanh nghiệp mới đăng ký liên tục tăng nhanh với tốc độ chưa từng thấy. Cho đến tháng 9-2003 đã có 72.601 doanh nghiệp mới đăng ký (trong 9 năm 1991 - 1999 có 45.000 doanh nghiệp đăng ký), đưa tổng số doanh nghiệp đăng ký của khu vực tư nhân ở nước ta lên khoảng 120 ngàn doanh nghiệp. Số doanh nghiệp đăng ký trung bình hàng năm hiện nay bằng 3,75 lần so với trung bình hàng năm của thời kỳ 1991 -1999. Số doanh nghiệp mới đăng ký trong 4 năm (2000- 2003) ước cao gấp 2 lần so với 9 năm trước đây (1991 - 1999).

Thông qua hoạt động của mình, đặc biệt là hoạt động hợp tác với các Bộ, ngành, chính quyền địa phương, các hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức chính

trị, xã hội, nghề nghiệp khác, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã chú trọng tuyên truyền và khuyến khích tinh thần kinh doanh, tinh thần doanh nghiệp trong xã hội, khuyến khích và cổ vũ phong trào làm giàu, phong trào khởi sự doanh nghiệp. Chương trình "Khởi sự doanh nghiệp" được VCCI triển khai từ năm 1998 với sự hỗ trợ của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) và Cơ quan hợp tác Phát triển Thuỵ Điển (SIDA), đã thu được kết quả khả quan. Chương trình đã phát triển được 252 tổ chức đối tác tại 42 tỉnh, thành phố, tổ chức đào tạo được 15.339 doanh nghiệp về kiến thức khởi sự và phát triển doanh nghiệp. Bên cạnh đó, chương trình còn tạo ra 3.000 việc làm chính thức và 6.000 việc làm thời vụ cho doanh nhân và học viên tham gia chương trình. Điều quan trọng là thông qua các khóa đào tạo và tư vấn của

chương trình, đã lạo được phong trào lập nghiệp bằng kinh doanh và khuyến khích nhân dân bỏ vốn đầu tư kinh doanh, đóng góp vào việc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế địa phương.

Trường cán bộ quản lý doanh nghiệp của VCCI mới thành lập được 5 năm (1999-2004) đã:

- Đào tạo tin học cho 5.150 học viên

- Đào tạo ngoại ngữ cho 2.783 học viên

- Đào tạo kinh tế quản trị 6.782 học viên

- Hợp tác đào tạo cho 1.581 học viên (từ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ).

Hàng năm VCCI còn phối hợp với các ngành, các cấp, các trường... mở các

lớp dài hạn, ngắn hạn, hoặc gửi ra nước ngoài đào tạo. Mỗi năm hàng chục ngàn doanh nhân được đào tạo theo phương pháp này.

Các hoạt động trên của Phòng có ý nghĩa là những bước chuẩn bị quan trọng về nhận thức và tâm lý xã hội cho sự ra đời và đi vào thực tiễn của Luật doanh nghiệp.

Để góp phần vào nhận thức kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong khi chờ đợi những tác phẩm lớn của các nhà lý luận và thực tiễn, tôi viết 4 tiểu luận để giúp các nhà doanh nghiệp và những ai quan tâm đến sự phát triển kinh tế của đất nước trong giai đoạn khó khăn phức tạp này, để họ nghiên cứu tham khảo, giúp cho người quản lý và người thực hiện cùng nhau góp sức vạch ra con đường tiến lên CNXH ở Việt Nam,

từ một nước nông nghiệp đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục liêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

Đó là 4 tiểu luận:

- Những nguyên tắc vận hành cơ chế thị trường ở Việt Nam.

- Làm thế nào để thực hiện được mục liêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

- Vai trò then chốt của doanh nghiệp Nhà nước.

- Đảng lãnh đạo kinh tế, đảng viên làm kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bốn tác phẩm trên đã được nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản hàng

vạn cuốn, để các doanh nghiệp, doanh nhân, các nhà nghiên cứu và độc giả ưa thích tìm đọc.

Những tác phẩm này về mặt lý luận thì không lớn, nhưng về thực tiễn đã giúp cho người đọc yên tâm, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước để vững bước đi lên, làm giàu cho nhà, cho nước.

Để làm rõ vai trò vị trí xã hội của doanh nghiệp, VCCI đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo về chủ đề này ở Trung ương và các địa phương, tổ chức gặp gỡ đối thoại với các ngành liên quan như: công an, tài chính, ngân hàng, hải quan, thuế vụ v.v...

Những cuộc gặp gỡ, hội thảo, đối thoại trên đã giúp cho Doanh nghiệp

thấy được những khuyết điểm tồn tại của mình. Đồng thời làm rõ được vai trò cực kỳ quan trọng của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế, phát triển xã hội, thấy rõ doanh nghiệp, doanh nhân là con đẻ của xã hội, mọi người có trách nhiệm bảo vệ, giúp đỡ nó, cùng với doanh nghiệp, doanh nhân và toàn xã hội là một mặt trận tiến công xóa đói giảm nghèo, xây dựng đất nước giàu về vật chất, giàu về tinh thần, về văn hóa. Như vậy hiện nay đã giảm bỏ rất nhiều rào cản gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Để kinh doanh, buôn bán, sản xuất văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, không thể chỉ dựa vào kiến thức học tập của doanh nhân, công nhân viên chức tại trường, mà cần bổ sung những kiến thức, văn hóa bắt nguồn từ cội rễ dân tộc, kết hợp với văn hóa, văn minh

thời đại. VCCI đã thành lập Trung tâm văn hóa doanh nhân để bổ sung cho mặt còn hẫng hụt của doanh nghiệp, doanh nhân.

Như sách kinh điển cách đây 5.000 năm, kinh thi đã nói: "Văn chất bân bần, nhiên hậu quân tử" (văn hóa và vật chất đầy đủ sẽ có người tử tế). Nếu chỉ có vật chất thôi thì con người mới thực có một nửa của mình. Đó là phần "con". Còn phần "người" tức là ý thức, tư tưởng chỉ đạo cho phần "con" hành động, phần "người" phải được học tập, trao dồi những ý tưởng cao đẹp mà tổ tiên đã chắt lọc hàng bao thế kỷ mới có được, cộng với những nền văn hóa các nước, được hội tụ qua lựa chọn nghiêm túc, từ bên ngoài bổ sung cho nền văn hóa Việt Nam luôn luôn phong phú và hiện đại, làm cho "con người" hoàn chỉnh cả

về vật chất và tinh thần, để người Việt Nam làm gì, ở đâu cũng không bị lạc hậu với thế giới. Con người Việt Nam luôn luôn thể hiện đạo đức, lương tri của loài người ở tầm cao.

Luật doanh nghiệp đã xác định vai trò vị trí của doanh nghiệp và doanh nhân. Tầng lớp doanh nhân có vị trí xứng đáng, góp phần cực kỳ quan trọng vào việc xây dựng đất nước. Tôi đã nhiều lần viết thành văn bản gửi lên Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, đưa doanh nhân vào trong 4 giai tầng chủ yếu trong xã hội là: "Công, nông, trí, doanh nhân", vấn đề này đang được bàn bạc nghiêm túc trong Trung ương Đảng và các ngành, các cấp với những tin tức đáng mừng: thuận nhiều hơn nghịch...

Hai tờ báo và tạp chí: Diễn đàn Doanh nghiệp và VIB Forum, mỗi tuần mỗi tờ

ra 4 kỳ, là những người bạn thân thiết của doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, là cẩm nang hành nghề, người bạn đường không thể thiếu của doanh nhân. Tất cả là để gắn Luật doanh nghiệp với doanh nhân, tiếp tục phát hiện những điều cần bổ sung và khắc phục khi thực hiện Luật doanh nghiệp.

Xây dựng cơ sở vật chất cho VCCI thực hiện xây dựng CNXH tại chỗ

Từ thủa thiếu thời, khi tham gia cách mạng, công tác 5 năm ở quê tôi Hải Dương, Kim Thành, 36 năm công tác ở Hải Phòng, rồi lên Trung ương, tôi luôn luôn nghĩ nước Việt Nam ta nghèo quá. Được giác ngộ cách mạng, làm việc và hiểu dần, tôi càng thấy thấm thía về ý chí tự lực tự cường của Bác Hồ. Tôi tự liên hệ với bản thân, đã luôn tự làm để sống, không ỷ lại. Sau này được đào tạo, học

tập qua sách vở, và đi tham quan học hỏi ở bên ngoài, tôi thấy ở Việt Nam thiếu một vế "hành", nặng về học văn tự đơn thuần, khi bước vào thực tế đời sống dễ bị động, dựa dẫm, theo lối công chức. Ngay trong gia đình tôi, từ cụ Đốc Khảm, cụ Khóa Thản, đến bố tôi cũng vậy, đều theo học thuyết Nho giáo. Những gì cụ Tán Thuật, cụ Cử Đức để lại như: học để hiểu để dạy học và làm thuốc, cứu dân độ thế là rất hay, nhưng khâu phát triển xã hội bằng kinh tế, các cụ hình như không nhắc tới, coi như: "Trời sinh voi, trời sinh cỏ", hoặc "Đời cua, cua máy; đời cáy, cáy đào". Các cụ ít chú ý đến "Toán, lý, hóa", chỉ tập trung vào văn chương. Khi Pháp sang chiếm đóng nước ta; con em, những tầng lớp khá giả cũng chỉ học và thi vào các trường luật để ra làm quan, trường y để làm bác sĩ chữa bệnh, hoặc sư phạm, văn chương, lịch sử để đi dạy

học. Còn các ngành nông nghiệp, công nghệ thực hành, ít ai nhập học. Những ngành quan trọng: cơ khí chế tạo, giao thông vận tải, hóa, vật lý... thì "mẫu quốc" (đế quốc Pháp) giữ kín, chỉ mở trường ở chính quốc. Chỉ một số người có ý chí, có tiền, thông minh, mới bén mảng sang chính quốc để thụ giáo. Nên tôi suy nghĩ rất nhiều, và nay vẫn tiếp tục suy nghĩ. Chúng ta giáo dục còn hạn hẹp, giáo điều, nghèo, lại không quan tâm dạy lý thuyết phát triển và thực hành trong các trường lớp.

Tư tưởng tiến công đã yếu, lý thuyết phát triển, lý luận cơ bản phần nhiều chỉ học "chay". Bởi vậy cán bộ ta người khá về lý luận thì tổ chức thực hiện kém, người khá tổ chức thực hiện lại không hiểu lý luận. Có thể nói việc tổ chức thực hiện rất "Tù mù", không theo một tư duy

hệ thống nhất định, nên kết quả hạn hẹp, lãng phí nhiều. Khi buông lỏng quản lý thì tham nhũng tràn lan.

Do đó, khi tôi về phụ trách VCCI, cũng xuất phát từ kinh nghiệm đã làm ở Hải Phòng, ở Bộ Ngoại thương và Bộ kinh tế đối ngoại, Viện Quản lý kinh tế Trung ương, theo cách nói nôm na (với ý đẹp) "Ngựa theo đường cũ" nghĩa là vẫn tự lực cánh sinh, xây dựng CNXH tại chỗ. Còn "Tiền đâu" luôn là thành ngữ "ở đầu mà ra".

Tôi bắt đầu nâng cấp nhà 33 Bà Triệu, một ngôi nhà cổ kính và chật hẹp, giống như con "bọ hung", trông rất buồn cười. Thế mà khi xin phép cải tạo nâng cấp lên cho đẹp, đích thân tôi phải đến thuyết trình việc này với một Hội đồng của Viện qui hoạch thành phố Hà Nội. Tôi nói: "Tôi chỉ làm cho ngôi nhà đẹp thêm

và làm đẹp cho thành phố. Các đồng chí xem bản vẽ thì rõ". Tôi được thông qua nhanh chóng không quá 90 phút. Về đến cơ quan lại gặp mấy bà người Úc, cơ quan bảo tồn di tích đến chất vấn: "Các ông vì ghét Pháp nên muốn xóa bỏ những di tích của Pháp để lại phải không?".

Tôi trả lời: "Các bà nói đơn giản quá, Việt Nam là nước có truyền thống văn hóa, biết bảo tồn những cái gì là di sản quí giá của dân tộc mình và của thế giới. Hai bà cứ đợi xem. Khi nhà chúng tôi cải tạo nâng cấp xong nó sẽ đẹp hơn bây giờ nhiều. Và những cái gì là vẻ đẹp cũ vẫn được giữ nguyên". Khi nâng cấp xong, tạp chí kiến trúc của Australia đã đăng một bài và ảnh cái nhà mới cải tạo nâng cấp, với những lời khen: "Chưa thấy một ngôi nhà cải tạo nâng cấp lại giữ được dáng cũ và tăng vẻ đẹp như vậy".

Còn tiền, lấy đâu được 3,6 tỷ để cải tạo nâng cấp ngôi nhà từ 600 m2 sử dụng lên 2.200 m2, với một đơn nguyên mới, xây áp vào phía sau nhà, làm mất hẳn dáng con "Bọ hung", thành một ngôi nhà 4 tầng, tuy nhỏ nhưng vẫn có vẻ bề thế hiên ngang đứng giữa ngã tư Lý Thường Kiệt và Bà Triệu. Các khách nước ngoài, nhất là Pháp và Mỹ rất khen, ngôi nhà cổ và đẹp. Ông Đô-na-hu, Chủ tịch Phòng Thương mại Mỹ, có trụ sở rất lớn, đối diện với Nhà trắng, khi ở 33 Bà Triệu ra về, còn đứng ngắm nhìn ngôi nhà này khá lâu. Cả hai ông bà đều khen ngôi nhà kiến trúc hài hòa, phía sau có điểm tựa bề thế!

Lúc đó là năm 1997. Tôi nói lần sau ông bà sang thăm Việt Nam tôi sẽ tiếp ông bà ở trụ sở mới, to đẹp hơn ngôi nhà này nhiều. Ông Đô-na-hu vội hỏi sao lại

dời đi. Tôi trả lời ở đây quá chật hẹp với một Phòng Thương mại quốc gia, không đủ chỗ làm việc và điều kiện để trang bị phương tiện mới cho cán bộ công nhân viên sử dụng. Ông Đô-na-hu nói ngay: "Khi ông chuyển đến địa điểm mới, tôi sẽ sang thăm Việt Nam lần nữa". Nhưng đến nay ông bà Đô-na-hu chưa sang thăm Việt Nam lần thứ hai.

Tôi nhớ lại năm 1994 phái đoàn Kedenrein của Nhật Bản do ông Toyoda Chủ tịch tập đoàn TOYOTA làm Chủ tịch sang thăm Việt Nam và thăm Phòng Thương mại Việt Nam. Để chuẩn bị cho đoàn đến thăm VCCI, ông Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam đến VCCI xem nơi tiếp đón đoàn. Xem xong ông Đại sứ bảo: "Nơi này không đủ tiêu chuẩn để tiếp đoàn Kedenrein Nhật Bản". Tôi cũng thấy quá chật hẹp, điều kiện vệ sinh

cũng kém, nên đành chuyển chỗ khác, bằng cách thuê phòng khách nhà Khách Chính phủ, số 12 phố Ngô Quyền để tiếp đoàn Kedenrein Nhật Bản do ông Toyoda dẫn đầu. Năm 2001, đoàn Kedenrein lại sang thăm Việt Nam do ông I-mai, Chủ tịch làm Trưởng đoàn và ông Nacarawa, Tổng thư ký. Họ tới thăm VCCI. Tôi tiếp đoàn ở số 9 Đào Duy Anh. Khi ra về, ông Nacarawa nói với tôi trụ sở của VCCI to và đẹp hơn trụ sở của Kedenrein ở Gotenba, dưới chân núi Phú Sĩ, (nơi tôi đã đến thăm 2 lần). Tôi cảm ơn và nói: "Trụ sở ở Gotenba vẫn đẹp và cổ kính hơn". Số tiền có được 3,6 tỷ để nâng cấp ngôi nhà 33 Bà Triệu là do qui tụ được mọi nguồn tiền hiện có ở Hà Nội, các chi nhánh, nhất là chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và một số công ty đóng góp. Trước đây do quản lý tài chính chưa có qui chế, mỗi nơi một cách, đơn vị nào

thu nhập được nhiều thì sau lương, lại tiếp tục phân phối hàng tháng, hàng quí, có nơi hàng tuần cho anh em cán bộ công nhân. Nơi thì theo thâm niên, nơi thì theo tổ, nhóm, đơn vị nhỏ thu nhập được thêm cũng chia cho các thành viên.

Để khắc phục những tình trạng trên, từng bước tôi qui chế lại việc phân phối thu nhập. Lấy lương hàng tháng làm cơ bản. Vận dụng cho một tổ chức tự chủ về ngân sách. Nếu thu nhập và làm ăn khấm khá cũng không được quá chênh lệch với những cơ quan khác ở trung ương. Phát huy mọi nỗ lực của tập thể và cá nhân, làm tốt mọi công việc, tăng thu nhập cho ngân sách của Phòng, bảo đảm lương cơ bản và hàng năm thu nhập đều có tăng hơn năm trước cho mỗi thành viên. Nơi có điều kiện cũng như nơi không có điều kiện, đều làm việc ngang nhau, có thu

nhập ngang nhau. Tránh tình trạng sử dụng tiền thu nhập của nơi có điều kiện đem phân phối bất hợp lý như năm 1996 (Trong lúc tôi đi công tác ở Tây Nguyên, các đồng chí đã duyệt một lúc cho chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh chia 526 triệu đồng, cho hơn 50 cán bộ công nhân viên. Có người được trên 23,6 triệu, có người không được đồng nào. Thế là sinh thắc mắc khiếu kiện. Khi tôi biết đã chia xong rồi. Tôi nghĩ thu hồi là đúng, nhưng tiền đã vào túi anh chị em rồi, đòi lại chắc ai cũng tiếc. Tôi thôi không đặt vấn đề thu hồi, nhưng phải kết thúc ngay từ đó, không được chia chác tùy tiện như vậy). Tôi nói rõ qui chế của Nhà nước, Bộ trưởng Tài chính cũng chỉ được phép duyệt chi dưới 500 triệu đồng, mà là chi cho công việc, không phải cho tiêu dùng, phân phối cá nhân. Thủ tướng mới duyệt từ 500 triệu đồng trở lên, mà phải dựa

vào qui chế cho phép. Ta cần rút kinh nghiệm nghiêm khắc. Đơn vị, cá nhân nào thấy làm ra được tiền, do chính sách của Nhà nước đem lại, không biết dành dụm để xây dựng, tích lũy ăn hôm nay không lo ngày mai, khi "thất cơ lỡ vận", nước đến chân mới nhảy, tránh sao khỏi hoạ (Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu). Hàng trăm con người, rồi sẽ lên đến ngàn người, mà quản lý tài chính thế này, tất có ngày nhịn đói. Từ đó việc quản lý mới đi đúng qui chế đề ra.

Số tiền hàng năm do các nguồn thu được, chi lương, giải quyết phúc lợi, khen thưởng, hàng năm đều tăng. Nhưng điều quan trọng là phải tích lũy xây dựng cơ sở vật chất.

Sau khi hoàn thành nâng cấp trụ sở 33 Bà Triệu, Phòng tiếp tục xây dựng nhà 9 tầng mới ở số 79 Bà Triệu; Liên doanh

với tỉnh Cao Bằng xây nhà Sao Bắc, số 4 Dã Tượng, Hà Nội.

Trong lúc đó Phòng chuẩn bị xây trụ sở mới ở số 9 Đào Duy Anh. Xây trụ sở mới phải chuẩn bị hàng chục tỷ, mới có thể khởi công một ngôi nhà có 10.000 m2 sử dụng. Đất đai đã có, còn vốn xây dựng phải huy động toàn lực của Phòng, từ các chi nhánh, các công ty, nhất là những công ty có thu nhập khá như công ty Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ (đồng chí Ngãi) v.v... Mặt khác, Phòng giao cho đồng chí Phan Đức Thiện và Vũ Tiến Lộc bàn bạc với Công ty Toyota, hợp tác xây dựng bằng góp vốn xây nhà để thuê trong 10 năm, trả tiền trước sáu năm, bằng 1,7 triệu $US. Tôi vay của một công ty Nhật Bản được 180.000 USD với không lãi suất, vốn bao giờ trả cũng được. Nếu khó khăn thì công ty đó ủng

hộ. Với số đô la và số tiền Việt Nam có được. Lãnh đạo Phòng quyết định khởi công xây trụ sở mới, số 9 Đào Duy Anh. Tiến hành khởi công tháng 3-1998. Hàng ngày, trừ những ngày đi công tác xa, tối nào tôi cũng đến hiện trường bàn bạc với bên B do đồng chí Hưng, Tổng Giám đốc Công ty VIC (Liên doanh Việt Nam - Cu Ba) và đồng chí Toàn, Phó Tổng giám đốc phụ trách. Hai đồng chí Hưng và Toàn giỏi về nghề nghiệp, nhiệt tình, có tấm lòng với VCCI. Còn tôi và đồng chí Phạm Gia Túc đại diện bên A cùng các đồng chí bàn bạc giải quyết những ách tắc, bảo đảm giao nhà cho Toyota thuê vào 16 tháng 8 năm 1998, (vì mỗi tháng chậm là mất 30.000 $US và còn phải bị phạt nữa). Ngôi nhà cao 8 tầng, diện tích sử dụng là 10.000 m2. Thời gian thi công chưa hết 10 tháng, với chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật bảo đảm như

dự kiến. Đến nay đã tròn 6 năm giao nhà (phần thuê) cho công ty Toyota (16-8-2004). Một ngôi nhà lớn nhất của VCCI, hoàn toàn sở hữu của VCCI, không còn nợ ai một xu. Để xây dựng nó, đồng chí Đoàn Ngọc Bông hay nói là: "Tay không bắt giặc". Tôi sửa lại một chút: "Có ít bột nhưng gột nên hồ tốt". Nếu tính 5 nhà đã cho thuê (chưa kể Hải Phòng) hàng năm VCCI thu 15 tỷ đồng (chưa kể tầng 2 và tầng 8 nhà Đào Duy Anh làm siêu thị và bán hàng ăn uống, nộp lãi cho VCCI. Như vậy vừa có trụ sở sang trọng mà tăng thu cho ngân sách của Phòng. Đó chẳng phải là xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH của Phòng sao? Đó chẳng phải là điều vui lắm thay.

Tư duy của tôi là làm gì cũng cần chủ động, sáng tạo, tránh ỷ lại. Xin cấp trên là xin cơ chế, chính sách để làm.

Còn xin ngân sách phải hạn chế đến mức tối thiểu. Vì nước nghèo, ngân sách cũng thu từ đồng tiền của dân nghèo mà ra. Dầu khí có khai thác được cũng chỉ đủ dùng cho việc mua dầu tinh để dùng trong nước. Mà dầu khí khai thác mãi rồi cũng hết. Ta phải làm ra giá trị gia tăng mới có tích lũy. Nên tôi rất suy nghĩ trước khi xin ngân sách Nhà nước. Khi ở Hải Phòng cũng vậy. Các công trình xây dựng cái nào địa phương lo được là không xin, để trung ương tập trung vốn làm những công trình lớn hơn. Đồng chí Vũ Đại, Ủy viên Trung ương, Bộ trưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thường nói: "Chiều thứ bẩy, nếu muốn cải thiện, nghỉ Đồ Sơn, tắm biển, ăn hải sản thì tôi gọi điện cho ông Thành là được đón tiếp chu đáo. Thích nhất là khi ra về vui vẻ, ông Thành không xin bất cứ cái gì của Ủy ban kế hoạch nhà

nước. Đó là điều tôi thích nhất...". Đồng chí nói nhiều lần cho nhiều người nghe. Tôi cũng được nghe trực tiếp vài ba lần.

Ý tưởng của tôi là mọi người phải tự vận động, hợp tác hỗ trợ nhau cùng phát triển. Còn đi xin ngân sách hoặc vay ngân hàng là chẳng đừng được mới xin và vay thôi. Có như vậy mới huy động được lòng ham muốn của con người thành động lực tạo ra vật chất cho mình và cho xã hội, mới có chủ nghĩa xã hội nhanh được. Do đó khi ở Hải Phòng tôi nêu lên "học thuyết" xây dựng chủ nghĩa xã hội tại chỗ, là vì những lý do trên. Đối với VCCI cũng vậy, tôi cũng từng bước xây dựng cơ sở từ Hà Nội, đến Đà Nẵng, Cần Thơ, Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, các nơi đều xây trụ sở làm việc khang trang, sạch đẹp, tạo thành một mạng lưới VCCI nối liền từ Bắc -

Trung - Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Phòng tiếp xúc với doanh nghiệp được thuận lợi. Doanh nhân đến trụ sở Hà Nội hay ở các chi nhánh, được coi như ngôi nhà chung, có đủ phương tiện làm việc, tra cứu, nối mạng khi cần đến, đều được phục vụ. Mặt khác VCCI là một tổ chức NGO của một quốc gia, mới gia nhập với các tổ chức Thương mại quốc tế, cũng cần có bộ mặt tương xứng với một đất nước đang phát triển, tuy còn nghèo, nhưng với tầm chính trị thì đã đánh thắng hai đế quốc to. Mình còn kém xa các bạn quốc tế về phát triển kinh tế, nhưng độ dầy về bảo vệ độc lập, tự do, thì các bạn quốc tế đi đến đâu cũng muốn được tìm hiểu bản chất con người Việt Nam. Tục ngữ có câu: "quen nể dạ, lạ nể áo", dù còn nghèo, nhưng cũng phải tiết kiệm, dành dụm xây dựng nơi tiếp đón khách; Hội thảo trong nước và quốc

tế có nơi có chốn, để mọi người nhìn thấy phong cách làm ăn của một Việt Nam anh hùng. Cán bộ công nhân viên chức do vật chất tác động đến ý thức, nên từ làm việc đến ăn mặc, giờ giấc cũng nghiêm túc hơn. Tiếp khách ngoại cũng tự tin hơn, khi nghe thấy bạn khen nhà mình to đẹp. Khi tôi tiếp ông Chủ tịch Phòng Thương mại Đông Nam Á, người Phi-lip-pin, ông nói: "Phòng Thương mại ASEAN chỉ cần có một phòng như ở đây làm trụ sở cũng chưa có". Tôi nghĩ ông ta khiêm tốn, nhưng đến trụ sở ở Phi-lip-pin tôi mới thấy nó bé thật. Tôi cũng cảm thấy vui vui về thành quả do mình và tập thể làm nên.

Nghĩ lại đất nước ta sau 17 năm đổi mới (kể từ Nghị quyết Đại hội 6 năm 1986), với số vốn nước ngoài đầu tư khoảng 30 tỷ đô-la Mỹ, cộng với đủ

gạo ăn, có xuất khẩu, dầu khí khai thác bán dầu thô mua xăng dầu đủ sử dụng trong nước, và những giá trị gia tăng do trong nước làm ra tích lũy được, trong 17 năm qua chúng ta đã làm được nhiều việc, có bước tiến quan trọng, được nhân dân trong nước và thế giới công nhận. Nhưng vẫn còn là một nước nghèo. Tỉ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, nông thôn... Nếu được kiểm toán khách quan, toàn quốc, thì số thất thoát, mất mát rất lớn...

Giả thiết rằng, mô hình và cách tính toán của tôi trình Hội nghị Bộ Chính trị đầu tháng 2-1988, không bị phá bỏ, với cách làm của tôi ở Phòng Thương mại và Công nghiệp từ 1993-2003, chắc sự phát triển kinh tế của đất nước sẽ có bước tiến xa hơn. Ở phạm vi toàn quốc nó thuận lợi hơn gấp hàng 100 lần ở

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Nhất là tệ tham nhũng, bệnh HIV-AIDS, tha hóa biến chất, xây dựng không theo qui hoạch, rất lãng phí... chắc không trầm trọng như hiện nay. Vì có bài bản, có lý luận, tiến hành từng bước theo một hệ thống, mô hình thống nhất, từ trên xuống dưới, để chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Mô hình đó cụ thể từng bước đi, ai cũng có thể nhìn thấy nắm bắt công việc mình làm, rất thiết thực. Rất tiếc nó bị phá sản, trong bối cảnh 12/14 Ủy viên Bộ Chính trị và Tổng Bí thư sơ bộ kết luận đồng ý và phát biểu riêng đã đồng ý với đề án tôi trình bày. Đó có phải là "vận" nước, hay "vận" người, thật tiếc lắm thay. Tác hại này lại chỉ do một Ủy viên Bộ Chính trị to mồm, ăn nói "hung hăng", luôn luôn coi mình cái gì cũng biết tất cả, lấy nhiệt

tình làm đầu nhưng kiến thức hạn hẹp, với thành phần thợ thủ công (thợ sơn) nên luôn luôn cho mình là giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng để nói, do đó nhiều người nể nang và cũng nhiều người sợ, phải chiều ý vì cái tính "võ biền" như đồng chí Trường Chinh nhận xét.

Xây dựng cơ chế và bộ máy tổ chức cán bộ

Năm 1993, Phòng tách ra khỏi Bộ Thương mại, số cán bộ công nhân viên khoảng trên dưới 100 người, và một chi bộ 30 đảng viên trực thuộc Đảng Ủy Bộ Thương mại chỉ đạo. Cơ quan văn phòng khoảng 30 người, còn lại ở chi nhánh và công ty trực thuộc. Với nhiệm vụ to lớn vừa được Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ xác định qua tổ chức Đại hội Phòng lần thứ II, sau 30 năm thành lập Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt

Nam mới tổ chức Đại hội. Anh chị em làm việc tại Phòng theo quán tính của 30 năm tồn tại. Tính năng động và đổi mới có hạn, chỉ muốn làm theo cách cũ. Một số anh chị em nghĩ rằng tôi đã 64 tuổi sang làm Chủ tịch mấy năm rồi về hưu, cũng không sốt sắng hợp tác làm việc, hoặc chỉ bàn "chùn", không muốn tìm thêm việc để làm. Đại hội chi bộ có 30 đảng viên, cũng phải thuê phòng họp ở khách sạn Hòa Bình, trong một cái kho, có vài cái quạt trần cũ kỹ. Nhưng vẫn thuê, vẫn họp bình thường. Hai lần đến họp ở đó, tôi thấy rất lạ!

Trước hết là, sau khi Điều lệ Phòng Thương mại được Đại hội lần thứ II thông qua và được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn, dựa trên cơ sở của điều lệ, tôi cho xây dựng các qui chế làm việc, quản lý cơ quan, quản lý tài chính... đưa

xuống cho cán bộ công nhân viên thảo luận góp ý kiến.

Tôi thành lập các ban nghiệp vụ, bỏ các phòng, thành lập Đảng bộ, đề nghị trực thuộc Đảng Ủy Khối kinh tế Trung ương, được cấp trên chấp nhận. Khó khăn ban đầu về tổ chức là thiếu cán bộ. Phải nâng cấp nhanh. Đồng chí Đoàn Ngọc Bông từ Tổng Thư ký lên Phó Chủ tịch, đồng chí Phạm Chi Lan từ Phó Tổng thư ký lên Tổng Thư ký. Còn cấp phòng cũng được đưa lên cấp trưởng, phó ban. Có đồng chí phải kiêm nhiệm, chủ yếu là đề bạt từ dưới lên. Còn xin ở các ngành Trung ương về khoảng 10 đồng chí, bổ sung vào các nơi đang thiếu hụt. Bộ máy đi dần vào ổn định, hàng năm phát triển dần lên theo khối lượng công việc gia tăng. Về thông tin tuyên truyền, báo chí, từ một tờ tin, chuyển thành báo tuần, lấy

tên là Diễn đàn Doanh nghiệp từ tháng 10-1993, mỗi tuần ra 4 số. Tiếp đến là Tạp chí VIB Forum cũng ra 4 số/tuần. Thành lập Trường cán bộ quản lý doanh nghiệp, Thư viện, Trung tâm nghiên cứu phần mềm về quản lý tài chính, thành lập thị trường điện tử, Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMES), Văn phòng Giới chủ (người sử dụng lao động) v.v...

Công việc ngày càng đi vào nề nếp, anh chị em cán bộ công nhân viên làm việc rất nhiệt tình, từ các đồng chí Thường trực, đến các đồng chí trương, phó ban, chánh phó giám đốc công ty và trung tâm, đến toàn thể anh chị em trong khối VCCI từ Hà Nội đến địa phương. Tất cả đều làm việc hăng say, đoàn kết xây dựng VCCL ngày một lớn mạnh. Phòng đã tổ chức cho anh chị em học tập trong

nước, nâng dần trình độ cho mọi người, một số được gửi ra nước ngoài đào tạo. Đến nay 85% cán bộ công nhân viên ở cơ quan văn phòng có trình độ đại học trở lên, Ban Thường trực và cán bộ trưởng, phó ban, trưởng phòng, phổ biến là có 2 bằng đại học, và biết một ngoại ngữ, một số có bằng thạc sĩ, tiến sĩ. Phương tiện làm việc cũng được trang bị tương đối hiện đại, công nghệ thông tin được dùng phổ biến trong cơ quan để làm việc, giúp cho kiến thức được sử dụng tốt vào việc phục vụ công việc của Phòng ngày càng có hiệu quả.

Về Đảng và tổ chức quần chúng, luôn luôn phát triển phù hợp với công việc và biên chế tăng. Đến nay Đảng bộ đã trên 200 đảng viên, dưới sự lãnh đạo của Đảng Ủy cơ sở có 11 đảng Ủy viên, có trên 20 chi bộ trực thuộc từ Thành phố

Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, đều trực thuộc Đảng Ủy VCCI quản lý theo ngành dọc.

Các đoàn thể như thanh niên, phụ nữ, công đoàn đều phát triển và làm nòng cốt trong phong trào thi đua, văn hóa quần chúng, thể dục thể thao, cải thiện đời sống cho mọi người. Chế độ lương, bảo hiểm xã hội ngày một hoàn chỉnh. Lương bình quân hiện nay là gần 2 triệu đồng/tháng. Bảo đảm cuộc sống tối thiểu cho mọi người. Nếu tính từ 1993 khi tách ra khỏi Bộ Thương mại, lương bình quân là 420.000 đồng, thì nay tăng gần 5 lần. Việc đi nghỉ hàng năm cũng bắt đầu cho nhiều anh chị em đi du lịch nước ngoài như Thái Lan, Trung Quốc... Tính đoàn kết trong Đảng và quần chúng thì thông qua các hoạt động sôi nổi trong công việc và sinh hoạt văn hóa, thể thao thể dục, tạo điều kiện cho mọi người gặp

gỡ, tiếp xúc, giao lưu kiến thức, văn hóa:. được gần nhau, tạo không khí trong cơ quan lúc nào cũng như ngày hội mà Lénine mong ước: cách mạng là ngày hội của quần chúng.

Trong điều kiện độc lập về ngân sách, không có tài trợ của ngân sách Nhà nước, nên việc chi tiêu luôn phải tiết kiệm, chi tiêu có mục đích, chi tiêu tạo ra giá trị gia tăng được khuyến khích. Còn chi tiêu, tiêu phí thì giảm tới mức thấp nhất.

Tôi có ý thức luôn luôn chuyển "lòng tham không đáy" cho công việc quốc gia, nghĩa là công việc của Phòng, còn cá nhân là "lòng tham phải có đáy" (nhân dục hữu nhai). Tôi luôn suy nghĩ việc này sang việc khác, nhằm phát triển doanh nghiệp. Nhiều anh chị em gặp tôi thường nói là: "luôn luôn bị giao công việc mới", "Anh em suy nghĩ không kịp

Thủ trưởng". Quả thật như vậy. Tôi có thói quen không bao giờ làm theo đường mòn, rập khuôn, mà luôn luôn sáng tạo, nghĩ ra việc mới, hoặc học tập kinh nghiệm có hiệu quả của bạn. Còn ngồi chơi xơi nước, tán chuyện tào lao, là tôi rất sốt ruột, nhất là bới móc chuyện đời tư của người khác...

Đến nay tổng số cán bộ công nhân viên là 800 người. Đảng bộ 5 năm liền là Đảng bộ vững mạnh, trong sạch. Tôi thường nói với các đồng chí trong Đảng bộ "Được cờ, được giấy khen, bằng khen của Đảng bộ cấp trên là mừng. Nhưng chúng ta nhớ rằng Đảng bộ ở một cơ quan không có quyền hạn, ít quan hệ đến những việc: Xin, cho, cấp, phát... như cơ quan Nhà nước, chỉ có đi giúp đỡ, bảo ban, hướng dẫn... doanh nghiệp làm giàu, tạo mọi thuận lợi cho họ, bằng

lời nói, giấy tờ hướng dẫn... nên môi trường cũng tạo cho Đảng bộ ta vững mạnh, trong sạch. Giả thiết ta cũng có quyền quyết định đến tài chính, quan hệ lợi ích sống còn của doanh nghiệp, chưa chắc chúng ta đã giữ được trong sạch. Do đó, Đảng Ủy phải tăng cường giáo dục cho đảng viên, chặt chẽ khi kết nạp, bảo đảm đủ tiêu chuẩn, nhất là tiêu chuẩn tự giác đứng dưới cờ của Đảng, dám hy sinh quyền lợi cá nhân cho quyền lợi dân tộc, kể cả tính mạng của mình. Có làm được như vậy mới luôn là Đảng bộ vững mạnh, trong sạch, xứng đáng với lá cờ của cấp trên trao tặng cho Đảng bộ ta".

NHỮNG CUỘC ĐI CÔNG TÁC NƯỚC NGOÀI VÀ TRONG NƯỚC ĐÁNG GHI NHỚ !

Thăm quê hương Lénine.

Từ ngày lên công tác ở Trung ương, nhất là thời kỳ làm Bộ trưởng Bộ Ngoại thương, Bộ trưởng Bộ Kinh tế đối ngoại và Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, tôi thỉnh thoảng đi nước ngoài công tác. Mỗi cuộc đi, tôi đều đặt ra cho mình một mục tiêu nhất định. Đi ít nhưng được nhiều, giúp cho suy nghĩ vận dụng, bổ sung vào kiến thức của mình.

Tháng 3-1987 tôi sang Liên Xô lần thứ 2, họp khối SEV. Năm đó là năm rét nhất kể từ sau Đại chiến thứ II. Tôi đến thành phố Léningrad (nay là Sant-Per-terburg) rét xuống âm 38 độ, âm 39 độ. Rét ơi là rét, mặc bao nhiêu quần áo cũng không đủ ấm. Khi đến viếng đài liệt sĩ vô danh của thành phố, phải chạy, mặc niệm 1, 2 giây, đồng chí hướng dẫn đã bảo phải vào xe ngay kẻo bị "cóng". Các

đồng chí Liên Xô nói rét năm nay bằng rét lúc quân phát xít Hít-le tấn công Lé-ningrad, nên nhiều lính Đức đã chết rét. Trong lúc Liên Xô rét như vậy thì Việt Nam mùa đông nóng như mùa hạ, làm cho nhiều nơi mất mùa, vì chưa có giống lúa mới chịu nóng. Nạn đói năm 1987-1988 ở các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An trầm trọng, do mất vụ Đông Xuân vì khí hậu nóng.

Khi họp Hội nghị khối SEV về ngoại thương tôi cảm thấy ít bổ ích, thiếu tính phát triển tích cực, bị động với Bộ Ngoại thương Liên Xô. Đến họp như để chia phần viện trợ từ Liên Xô, còn các nước Đông Âu và Việt Nam như những thành phần phụ thuộc, điều chỉnh thêm bớt chút ít, khi được phân công xuất nhập trao đổi hàng hóa. Tôi nhớ lúc đó Việt Nam xuất ít, nhập nhiều, thiếu ngoại tệ

(Rúp). Các đồng chí đại diện của ta ở khối SEV bảo tôi viết một thư tay cho đồng chí Aristov, Bộ trưởng Bộ Ngoại thương Liên Xô xin vay 100 triệu Rúp để thanh toán. Đồng chí Aristov bảo Ngân hàng MIB của khối SEV cho vay đủ 100 triệu Rúp. Tôi thấy dễ dàng quá. Tôi nghĩ, nếu khi tôi ở Hải Phòng có một triệu Rúp tôi sẽ làm giàu. Nay về Trung ương có 100 triệu Rúp trả nợ mua bột mì, ký một cái là đã ăn hết sạch. Dám cho Việt Nam 100 triệu Rúp làm vốn kinh doanh, sau một năm sẽ đẻ ra bao nhiêu lãi? Năm sau không phải vay nữa có tốt biết bao? Cứ vay nợ để ăn, "nợ chằng, nợ đụp", biết bao giờ trả nợ cho xong.

Cuối năm 1987, đồng chí Aristov thôi giữ chức Bộ trưởng Ngoại thương. Năm 1989 đồng chí được cử làm Đại sứ Liên Xô tại Phần Lan. Năm 1989 tôi sang

thăm Phần Lan, tôi đến thăm đồng chí Aristov, đồng chí Hồ Huấn Nghiêm, Ủy viên Ủy ban Kế hoạch cùng đi trong đoàn với tôi, giúp tôi phiên dịch tiếng Nga.

Tôi đến Đại sứ Liên Xô ở thủ đô Hensinky, hai vợ chồng đồng chí Aristov xuống đón chúng tôi tại chân cầu thang máy, rất thân tình. Trong hơn 1 giờ đến thăm đồng chí Aristov, đồng chí rất cảm động, kể lại bao chuyện biến thiên trong đời mình. Đồng chí nói: "Hơn một năm bị mất chức Bộ trưởng, tôi như người mất hồn, mới sang làm Đại sứ được mấy tháng tại Phần Lan, mới trở lại bình thường. Được các đồng chí Việt Nam đến thăm, tôi và nhà tôi rất phấn khởi, ngay từ khi nhận được tin đồng chí đến thăm...". Tôi tặng đồng chí một kỷ niệm nhỏ của Việt Nam, bức tranh sơn mài. Ra về tôi và đồng chí Hồ Huấn Nghiêm trao

đối với nhau, thấy các đồng chí Liên Xô cũng như đồng chí Aristov tình nghĩa và chân thành với Việt Nam quá! Một tình cảm của những người cộng sản.

Thăm quê hương Khổng Tử

Năm 1996 tôi được đồng chí Lý Thụy Hoàn, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội nghị chính trị Hiệp thương Trung Quốc (Hiệp chính) mời sang Bắc Kinh dự hội thảo: "Trung Quốc và châu Á với thế kỷ 21" do đồng chí Giang Trạch Dân, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa; đồng chí Lý Bằng, Thủ tướng Quốc vụ viện; đồng chí Lý Thụy Hoàn, Chủ tịch chính Hiệp hội chủ trì.

Cuộc hội thảo trong 4 ngày. Khách nước ngoài được mời có 19 người gồm các ông Lý Quang Diệu, nguyên Thủ

tướng Singapore, cựu Thủ tướng Đức Smith, cựu Thủ tướng Nhật Bản Nakasonê, Kissinger Mỹ, và một số vị khác. Cuộc hội thảo rất phong phú, có nhiều dự đoán sắc sảo. Có đoàn đi rất đông, như đoàn Mỹ tới 40 người. Đoàn Việt Nam có 3 người. Sau khi đi dự Hội nghị về, tôi đã báo cáo với Bộ Chính trị 32 vấn đề mà tôi rút ra từ cuộc hội thảo này.

Kết thúc hội thảo, Thủ tướng Lý Bằng hỏi tôi có đi tham quan địa phương nào để đồng chí cho thu xếp. Tôi nói: "Tôi là đồ đệ của Khổng Tử, tôi muốn đi thăm quê hương của Khổng Tử". Đồng chí cho chuẩn bị ngay. Tôi đề nghị với đồng chí, tôi xin phép được đi với một số doanh nghiệp Việt Nam và Trung Quốc, mong đồng chí thông cảm. Nhưng Thủ tướng Lý Bằng vẫn điện cho tỉnh Sơn Đông đón tiếp tôi rất trọng thị.

Tôi nhớ hôm đến Bắc Kinh dự hội thảo, một đồng chí Vụ trưởng Bộ Ngoại giao ra đón ở sân bay. Về đến khách sạn Bắc Kinh, tôi thấy trải thảm đỏ, hoa, hai bên hai hàng đứng đón. Tôi nghĩ mình đi hội thảo như mọi lần, có ai đón đưa gì đâu, cứ đến khách sạn, phát biểu xong là về. Tôi ghé tai hỏi đồng chí Đào Duy Chữ và Vũ Tiến Lộc: "Bạn đón đoàn nào mà sang thế?". Đồng chí Chữ bảo: "Bạn đón anh đấy!". Tôi tưởng đồng chí nói đùa, hóa ra bạn đón tôi thật. Tôi vội sờ tay lên cổ, xem lại cravate, và quần áo cho chỉnh lề..., các đồng chí tặng hoa, mời vào phòng khánh tiết của khách sạn giải khát và bạn giới thiệu một vài nét ngắn gọn về cuộc hội thảo quan trọng này. Tôi đã có bài gửi sang Trung Quốc trước 6 tháng, bạn đã cho dịch sang tiếng Anh và Trung Quốc. Ngày mai vào hội thảo, tôi chỉ đọc bằng một trong hai thứ

tiếng trên, tùy tôi lựa chọn. Tiếng Anh tôi khá hơn, chắc đọc sẽ lưu loát. Còn tiếng Trung tôi đọc và viết tốt, nhưng nói tiếng phổ thông rất kém. Nhưng chẳng lẽ đến Trung Quốc lại đọc tiếng Anh, tôi đành đọc tiếng Trung, dù phát âm không chuẩn thì bạn cũng vui hơn là tôi đọc tiếng Anh. Đọc xong bài phát biểu, đồng chí Chữ là người giỏi tiếng Trung, bảo tôi: "Riêng anh dũng cảm đọc tiếng Trung là đáng 10 điểm rồi!". Cả ba anh em cùng cười.

Tôi đi Tế Nam, thủ phủ tỉnh Sơn Đông, một tỉnh lớn miền Duyên Hải, với 87 triệu dân, đông dân hơn nước ta, có nền công nghiệp phát triển, có bia Thanh Đảo nổi tiếng, đặc biệt có huyện Khúc Phụ, quê hương Khổng Tử, có núi Thái Sơn, có biển Bắc Hải. Khi sinh thời Khổng Tử thường dẫn đệ tử lên núi Thái

Sơn vừa du ngoạn, vừa giảng bài cho môn đồ hoặc đi thuyền trên biển... Thành phố Tế Nam cách thủ đô Bắc Kinh 800 km. Chúng tôi đi bằng máy bay, sau đó đi ôtô khoảng hơn 70 km đến huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông thời Xuân Thu, cách đây hơn 2500 năm là hai nước: "Tề và Lỗ". Khổng Tử sinh ở nước Lỗ nhỏ, nước Tề lớn và mạnh hơn nước Lỗ. Nhưng là có đạo, nên nước Tề cũng kiêng nể nước Lỗ.

Đoàn chúng tôi đến Tế Nam được tỉnh Sơn Đông đón tiếp chu đáo. Tối hôm đó đồng chí Chủ tịch tỉnh Sơn Đông chiêu đãi chúng tôi.

Hôm sau, chúng tôi đi thăm Khổng Miếu, Khổng Phủ và Khổng Lâm (Khổng miếu là nơi thờ Đức Khổng Tử, Khổng phủ là gia đình Khổng Tử. Khổng lâm là khu riêng hàng chục ha nơi an táng Khổng Tử và phu nhân, con trai Khổng

Tử là Lý Ngư và cháu đích tôn là Tử Tư, người viết ra sách Trung dung. Tổng số có hơn 3.000 ngôi mộ).

Khổng Miếu xây từ đời nhà Tống. Khi Khổng Đạo được coi là quốc đạo của nhà nước Trung Quốc và từ đời thứ 34 con cháu Khổng Tử mới đến Khổng phủ ở. Khổng miếu cũng có diện tích bằng Cố cung (Thiên An Môn), rộng 73ha, xây dựng na ná như Cố cung. Có khác là hai bên tả vu, hữu vu ở Khổng miếu là bia ghi các đời vua đến đây tế Khổng Tử. Còn Cố cung là các quan triều đình làm việc.

Khổng miếu xây cao gần bằng Cố cung, chỉ thấp hơn một viên gạch, gọi là: "Kính Thiên Tử" xây thấp một chút bằng chiều dầy viên gạch.

Toàn huyện Khúc Phụ chỉ có nhà

2 tầng và bắt buộc không được xây cao hơn Khổng miếu.

Nơi đây khách quốc tế đến tham quan, lúc nào cũng có hàng vạn khách du lịch ở khắp huyện Khúc Phụ. Các nhà nghiên cứu lịch sử, khảo cổ, nhà văn, nhà thơ, nhà báo... đi lại tấp nập, buổi trưa nằm la liệt ở Khổng lâm, Khổng miếu... để suy tư về một nhà tư tưởng vĩ đại phương Đông.

Trong Khổng miếu, ngoài tượng của Khổng Tử, đồ cúng tế, trang bị vừa phải như sinh thời của Ngài, không lộng lẫy như ở Cố cung. Đặc biệt có bức tường giả để giấu các bộ sách kinh điển như: Tứ Thư, Lục Kinh v.v... của cháu đời thứ 7 của Khổng Tử, để chống lại chủ trương của Tần Thủy Hoàng là "Đốt sách, giết học trò" (Phần thư, Khanh nho). Cái hầm giả là bức tường đó nay vẫn còn.

Đến Khổng Lâm, nơi đặt mộ của Khổng Tử và phu nhân, rồi đến cháu đích tôn là Tử Tư, rồi mới đến Lý Ngư là con trai của Khổng Tử, thân sinh ra Tử Tư, vì Tử Tư được xếp vào bậc đại hiền, nên xếp mộ ở trước bố, gần với ông nội là đức Khổng Tử.

làm nhà ở bên mộ thầy ba năm. Riêng Tử Cống ở lại 6 năm mới về. Nhà Tử Cống hiện nay vẫn còn dấu tích các cây cổ thụ do các ông Tử Lộ, Tử Cống trồng, đến nay vẫn giữ được. Theo các hướng dẫn viên cho biết: "Nếu không có Thủ tướng Chu Ân Lai tích cực can thiệp và bảo vệ, thì khu di tích lịch sử vĩ đại này sẽ bị thời kỳ Cách mạng văn hóa ở Trung Quốc phá hết!

Đến nay con cháu của Khổng Tử về ở Bắc Kinh, không còn ai ở Khổng Phủ. Cháu đời thứ 80 của Khổng Tử đã sang

Hà Nội tham quan và vào Văn Miếu thắp hương cho Khổng Tử. Rõ ràng Khổng Tử là một người thầy tiêu biểu của muôn đời, đã được UNESCO thừa nhận đúng như trong Khổng Miếu, ở đền chính bức đại tự rất to viết 4 chữ "Vạn thế sư biểu".

Nước Lỗ quê hương của Khổng Tử, là nơi sinh ra rất nhiều danh nhân văn hóa nổi tiếng như Khổng Minh, Vương An Thạch, tể tướng Trung Quốc thời nhà Tống. Lại có núi Thái Sơn cao nhất vùng. Khổng Tử đã nói: "Đăng Thái Sơn nhi thiên hạ tiểu" (lên núi Thái Sơn, trông thiên hạ nhỏ bé). "Thiên hạ", cách nói của thời kỳ phong kiến Trung Quốc, coi Trung Quốc là cả thế giới. Nay lên tham quan núi Thái Sơn đã có xe cáp treo, chỉ phải trèo núi khoảng 300-400m. Cao như thế mà các vua Trung Quốc hàng năm đến tế Khổng Tử lên đỉnh núi Thái Sơn.

Vua Càn Long nhà Thanh là ông vua ba lần lên núi Thái Sơn tế đức Khổng Tử.

Trong chuyến đi thăm này tôi mới hiểu rõ tại sao Trung Quốc khi tổ chức cưới (và Việt Nam cũng vậy), dùng chữ "Song hỉ". Trước đây tôi nghĩ đám cưới là của hai họ, nhà trai nhà gái, cùng vui nên dùng chữ "Song hỉ". Chuyến đi Sơn Đông lần này tôi mới hiểu ngọn nguồn. Đó là một chuyện ngẫu nhiên, tình cờ và là vận may của Vương Tể tướng nước Tống. Ông học giỏi nhất vùng, cùng quê với Khổng Tử, sau này là người học giỏi nhất nước, làm đến chức Tể tướng Trung Quốc.

Chuyện kể rằng: Khi đi Bắc Kinh để thi đình, trên đường xa 800 km, ông đi qua một vùng trù phú. Ở đấy có một "Phú gia địch quốc" có cô con gái xinh đẹp. Phú ông muốn tìm người tài trong

thiên hạ để kén chồng cho con gái. Phú ông cũng là người học rộng, uyên bác, muốn thử tài trong thiên hạ nên viết một vế câu đối, treo bên cái đèn lồng tả "Đèn kéo quân", nội dung:

"Mã tẩu đăng, đăng tẩu mã, đăng tức, mã đình bộ" (nghĩa là: ngựa chạy theo đèn, đèn chạy theo ngựa, đèn tắt, ngựa dừng chân).

Ngài... "tân khoa" Vương An Thạch học giỏi nổi tiếng nhất vùng mà đọc đi, đọc lại suy nghĩ mãi, cũng không tìm ra được lời hay, ý đẹp, đối đáp lại... Ông đành bàn với những người phục vụ cùng đi: "Hãy về Kinh thi xong, tính sau", mặc dù ngài "tân Khoa" rất luyến tiếc người con gái đẹp, lẫn của cải giàu sang, và tự trách mình học giỏi, tài cao mà có một vế câu đối... lại không đối được, đành đi thẳng.

Đến Bắc Kinh, ông vào thi ròng rã hàng tháng. Cuối cùng ông đỗ "Tam khôi", một trong ba người giỏi nhất thi đình (lấy tiến sĩ). Nhưng ông Vương chỉ đứng thứ ba, vì khoa này không có ai đủ điểm trúng Trạng nguyên và Bảng nhỡn. Ông đỗ Thám Hoa. Khi kiểm tra lại (phúc khảo), Vua Tống cho gọi ông vào Triều và ra cho một vế câu đối, bắt ông đối lại. Cờ nhà Tống lúc đó có thêu con hổ ở giữa, nên vua ra vế câu đối có nội dung sau đây: "Hổ phi kỳ, Kỳ phi hổ, Kỳ quyển, hổ tàng hình" (nghĩa là: Hổ bay theo cờ, cơ bay theo hổ, cờ cuốn, hổ giấu mình).

Ngài Thám hoa mừng thầm trong bụng là mình gặp may, ông liền lấy vế câu đối của "Phú ông" đem đối lại, Vua khen hay, chính thức phê duyệt ông đỗ Thám Hoa, đứng thứ ba trong hàng Tam

Khôi. Và đứng đầu tiến sĩ khoa đó.

Ông vinh quy, không quên qua nhà "Phú ông" dùng vế câu đối của vua ra để đối lại câu đối của phú ông. Phú ông rất hài lòng và gả con gái yêu cho quan Tân khoa Thám hoa Vương An Thạch. Hai vế câu đối trọn vẹn:

"Mã tẩu đăng đăng tẩu mã, đăng tức, mã đình bộ.

Hỗ phi kỳ, kỳ phi hổ kỳ quyển, hổ tàng hình".

Phú ông cho tổ chức đám cưới ngay tại nhà mình. Trong ngày tân hôn, quan Thám hoa nhận được cờ Tiệp của nhà vua phong cho làm Tể tướng (ngang Thủ tướng), phải kíp về triều nhận nhiệm vụ

Quan Thám hoa sung sướng, viết hai chữ rất to tặng bố vợ và gửi về gia đình:

"Song hỉ". Một vận may hiếm có: làm Tể tướng lấy vợ đẹp. Chữ nghĩa thông minh nhất nước mà phải nhờ 2 vế câu đối của người khác mới thành danh. Thế mới biết làm cả 2 vế câu đối thì dễ, còn phải đối lại vế câu đối của người khác là khó lắm thay!

Chẳng phải thế mà ngay trong nước ta, đời này lưu truyền đời khác, còn một vế câu đối vẫn chưa có nhân tài điền vào.

Ở làng Rồng huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương có vế câu đối: "Đình làng Rồng có cây gỗ rắn, đục ba năm chẳng cắn miệng xà, long lại hoàn long...".

Hay ở làng Bo, Thái Bình có vế câu đối:

"Con bò lang chạy vào làng Bo"

Hay hai câu đối của Đoàn Thị Điểm

thách Trạng Quỳnh đối:

"da trắng vỗ bì bạch"

"Thằng Quỳnh ngồi trên cây cậy dái đỏ hồng hồng".

Ngay đến Lưỡng quốc trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, khi sang sứ Trung Quốc, đến Hữu nghị quan (ngày nay). Người gác cửa quan thấy quan trạng Mạc Đĩnh Chi đến muộn bèn ra một vế đối, dán ở bên cửa quan và khóa cửa lại:

"Đáo quan trì, quan quan bế, nguyện quan khách quá quan" (đến cửa quan chậm, cửa quan đóng, xin quí khách trèo qua mà đi).

Câu đối khó quá, ngay người ra câu đối cũng chẳng đối được. Quan trạng Việt Nam lấy ngay ý đó viết nốt vế kia dán lên:

"Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh, tiên đối" (Ra đối dễ, đối lại khó, xin ngài đối trước).

Vị gác cửa quan liền mở cửa cho Trạng nguyên Việt Nam sang Trung Quốc và cho là nhà thông thái nhất của Việt Nam. Chẳng thế mà Mạc Đĩnh Chi sang sứ Trung Quốc, đời Tống, đời văn hiến thịnh trị mà triều đình Trung Quốc đã tặng Mạc Đĩnh Chi là Trạng nguyên Trung Quốc.

Thăm quê hương Chúa Jesu và thánh Mohamad

Trung Đông, nơi còn ghi lại đậm nét quá trình lịch sử tiến bộ của loài người. Trung Đông lúc nào cũng có nhiều sự kiện, nơi tiếp giáp 3 lục địa chủ yếu của Trái đất: châu Á, châu âu, châu Phi. Và nơi đây từ xa xưa đã xuất hiện nhiều tôn

giáo, chỉ sau đạo Phật của châu Á. Đó cũng là nơi xuất hiện một dân tộc tuy nhỏ bé nhưng khá thông minh, đã sinh ra chúa Jesu, Marx, Eisntein.v.v... là dân tộc Do Thái, thông minh đến mức mà Hitler căm tức họ, đã giết 4 triệu người Do Thái trong đại chiến thế giới thứ II. Sau đại chiến, nhờ Mỹ, Anh và Liên hiệp quốc can thiệp họ mới được trở về mảnh đất quê hương của Jesu nay gọi là Israel, một đất nước có 7 triệu dân với diện tích khoảng 30.000 km2, còn khoảng 6 triệu dân vẫn đi kinh doanh buôn bán ở nước ngoài, nhưng hàng năm vẫn gửi về xây dựng đất nước hàng chục tỷ USD.

Tháng 7-2001, tôi dẫn đoàn doanh nghiệp Việt Nam gần 20 người sang thăm Israel. Đến đây mới thấy ý chí của người Do Thái và sự tranh chấp đất đai phức tạp giữa Palestin và Israel, cuộc đấu

tranh giữa 2 đạo giáo Hồi giáo và Thiên chúa giáo. Nội bộ Thiên chúa giáo, Do Thái giáo và Tin Lành cũng rất phức tạp. Đến đây mới thấy hết tính phức tạp của tín ngưỡng, tâm linh, thần quyền.

Sau khi làm việc với Bộ Ngoại giao, Bộ Phát triển Đầu tư, Phòng Thương mại và Công nghiệp Israel, thăm một số xí nghiệp chế biến kim cương, xí nghiệp điện tử, chế biến điêu khắc các loại hình tượng bằng kim loại của các nghệ nhân nổi tiếng, thăm nơi trồng rau trên bãi sa mạc thiếu nước ngọt (vì cả nước Israel là sa mạc, nguyên liệu chỉ có một "biển chết", biển không còn hoạt động và cạn dần, nước mặn đến 30 độ bom-bê. Thế mà vẫn tổ chức tắm ở đây, coi như tắm nước muối), đến thăm 5 ky-but (hợp tác xã) trong tổng số hơn 500 hợp tác xã, với gần 500.000 xã viên. Hợp tác xã sản xuất

kinh doanh rất giỏi, ăn tập thể, ở tập thể. Chúng tôi đã đến ăn một bữa trưa do hợp tác xã chiêu đãi. ăn do khách tùy chọn, có khoảng hơn 30 món ăn mỗi bữa, và thay đổi luôn. Mỗi căn hộ 64 m2 cho gia đình 4 người, có sân vườn. Hàng năm sau khi chia lãi cho xã viên, mỗi xã viên được thưởng 5.000 USD để đi du lịch. Đi làm đều có ô tô chở đi. Chúng tôi đến thăm một ky-but nuôi cá cảnh xuất khẩu sang Nhật Bản doanh số 300 triệu USD/ năm. Mọi người đi làm việc đúng giờ và vận hành máy móc, hầu hết là tự động hóa, như tưới nước cho cà chua, cà tía. Có máy tính cặp vào lá cây, khi cây thiếu nước, máy tự động tưới cho cây. Nhưng cũng có những khâu làm thủ công như bắt cá cảnh, đóng vào các công-ten-nơ có dưỡng khí, đưa ra sân bay, bảo đảm đến Nhật cá vẫn mạnh khoẻ.

Theo báo cáo của ông chủ nhiệm hợp tác xã thì đã có một số người không muốn làm ở hợp tác xã, muốn xin ra hợp tác xã để đi làm nơi khác, tự do.

Cả nước Israel có 3 thành phố lớn, Thủ đô là Ten-a-vip, cảng An-pha và thành phố Jerusalem còn đang tranh chấp giữa Palestin và Israel. Đoàn chúng tôi nghỉ ở Ten-a-vip. Cảng An-pha là cảng nước sâu. Khi đoàn chúng tôi đến xem cảng, thấy hàng không mẫu hạm Mỹ chở đầy máy bay đậu ở cảng này.

Ngày cuối, chúng tôi đến thăm thánh địa Jerusalem. Chúng tôi đến thăm mộ chúa Jesu, cùng là dấu tích ông bị đóng đinh câu rút. Mộ ông và đền thờ ông được quản lý chặt chẽ. Dù thờ chúa Jesu, nhưng lại chia làm 3 tông phái khác nhau: Thiên chúa giáo, Do thái và Tin lành. Ba tông phái đều coi mình là theo chính đạo của

chúa Jesu, và đều đòi trông coi đền thờ lẫn mộ chúa. Để bảo đảm không thiên vị, ba phái phải thuê một người theo đạo Hồi cầm chìa khóa trông coi ngôi mộ và đền thờ chúa Jesu. Tôi đến đây mới thấy con chiên của Chúa từ khắp thế giới đến đây làm lễ. Tấm đá Chúa Jesu nằm khi bị đóng đinh câu rút chết, luôn luôn sạch bóng, vì ai đến đây cầu Chúa đều cúi sát miệng liếm trên tấm đá, rồi vào đền thờ Chúa đứng hàng giờ. Người đông nghịt, nhất là ngày chủ nhật. Chúng tôi là khách tham quan cũng đứng hồi lâu để thấy những gì con chiên của Chúa tưởng nhớ người quá cố, người đã tử vì đạo, vì hạnh phúc cho dân lành.

Sau khi thăm mộ và đền thờ chúa Jesu, chúng tôi sang đền thờ thánh Mohamad và bức tường thờ thánh Mohamad, chiếu theo đường thẳng chỉ cách đền

thờ chúa Jesu khoảng 400 mét. Nhưng cách hành hương, lễ bái hai bên khác biệt nhau. Giữa Hồi giáo và Thiên chúa giáo luôn luôn kình địch nhau. Mặc dù mục đích của hai vị Thánh này đều cứu loài người khỏi khổ đau, không còn đàn áp nhau giữa người và người. Thế mà do bị kích động của các nhà cầm quyền, cũng như những vị trưởng lão của 2 tôn giáo, mà các tín đồ không hòa hợp được. Hai giáo phái này đều có tổ chức, và là 2/3 tôn giáo lớn nhất thế giới. Họ đều nhân danh vì mục đích chung cao cả, là cứu loài người "khỏi đau khổ", nên đã có những cuộc chiến tranh đẫm máu, như cuộc chiến tranh "thập tự chinh" và ngày nay vẫn còn tiếp diễn, kỳ thị, chém giết lẫn nhau.

Chúng tôi vào đền thờ Thánh Mohamad, rộng rãi trang nghiêm, thấy ít

người vào hành lễ. Nhưng sang bức tường thờ Thánh thì đông như ngày hội. Những con chiên tứ phương đến, đều mặc quần áo cổ truyền của vùng Trung Đông, áo trắng, khăn trắng quấn trên đầu mỗi người. Cầu gì đều viết lên giấy, đặt trên bức tường, ghi rõ họ tên quê quán, nội dung cầu Thánh cho gì, rồi đập đầu vào tường 3 lần. Có người đập rất nhiều lần. Tôi hỏi bà hướng dẫn viên đập đầu mạnh như vậy nếu vỡ đầu thì sao? Bà bảo: đã có khăn che chắn. Lúc đó tôi mới hiểu cái khăn đội trên đầu là công cụ bảo hiểm cho cái đầu khi lễ thánh, cầu nguyện. Đồng chí Vũ Khoa, Tổng giám đốc Vinaconex hỏi tôi: "Mọi người đều viết giấy cầu nguyện, sao anh không viết". Tôi bảo đồng chí Vũ Khoa: "Thánh Mohamad được cho là ngài thông minh nhất thế giới, sao ngài lại không biết tôi đến đây. Tôi chỉ vái ba vái là đủ".

Chuyện đến thăm thành phố Jerusalem cổ kính, biết bao sự kiện, biết bao công trình xây dựng theo văn hóa Trung Đông. Nhìn sang dải Gaza, nơi đang có sự tranh chấp quyết liệt giữa Palestin và Israel thì tôi lại buồn cho Trung Đông, chưa biết bao giờ đến hồi chấm dứt. Đến hôm nay vẫn còn quyết liệt, bởi ai cũng muốn hơn, ai cũng muốn thắng, tuy lẽ phải lúc nào cũng thuộc về kẻ có sức mạnh. Không biết đến bao giờ chân lý thuộc về kẻ yếu?

Tối hôm chia tay, Đại sứ Mensua, đại sứ Israel tại Việt Nam, chiêu đãi toàn đoàn tại gia đình. Đại sứ Mensua là người dân tộc thiểu số, không phải gốc Do Thái. Ông là Đại tá chuyển sang làm ngoại giao, một người rất quí Việt Nam. Tối hôm đó ông mời 2 cụ thân sinh và các anh chị em con cháu đến đông đủ, hàng

chục người cùng đến liên hoan với chúng tôi. Bà đại sứ đã sang Việt Nam cùng Đại sứ, nên nấu món ăn Việt Nam rất giỏi. Chúng tôi được chiêu đãi cả món ăn Israel. Một bữa tiệc rất thân thiết, đầm ấm như ở chính gia đình mình. Tôi rất nhớ cụ ông luôn luôn kể chuyện gia đình, đất nước, cho chúng tôi nghe, như những người thân ở xa về. Ông bà Đại sứ Mensua ân cần chăm sóc và dành cả thời gian đưa đoàn đi tham quan đất nước Israel. Ông hay nhắc đến việc Việt Nam tham gia ý kiến với Palestin và Israel mong họ thương lượng với nhau để hai nước sống hòa thuận. Việt Nam có rất nhiều kinh nghiệm về vấn đề này.

Thăm Hợp chủng quốc Hoa kỳ

Tháng 9-1994, Đoàn doanh nghiệp Việt Nam gồm 150 nhà doanh nghiệp do tôi làm trưởng đoàn sang thăm Hoa

Kỳ, tổ chức triển lãm tại thành phố San Francico tại bang California. Lần đầu tiên có đoàn doanh nghiệp lớn sang Mỹ trong điều kiện hai nước mới bắt đầu lập lại quan hệ ngoại giao, nên hai bên đều có sự thăm dò lẫn nhau. Ban đầu đoàn gồm 250 người, có một số quan chức cao cấp là Ủy viên Trung ương Đảng cùng đi. Nhưng sau vụ bắt sò huyết của Đại sứ nước ta, phía Mỹ đưa lên báo chí, phía ta sinh lo lắng, rút đoàn xuống còn 150 người. Tôi cũng thấy buồn vì đã chuẩn bị hàng năm cho cuộc triển lãm. Doanh nghiệp đăng ký rất đông, đã phải cắt đi rất nhiều, nay lại giảm 100 doanh nghiệp, rất khó nói. Tiền thu rồi, vé máy bay, visa chuẩn bị gần xong, nay cắt ai, để lại ai, cứ phải thương lượng từng người rất vất vả. Nhưng rồi mọi việc cũng ổn thỏa.

Đội tiền trạm sang San Francico

trước đã chuẩn bị sẵn. Doanh nghiệp đem hàng hóa sang trưng bày, những hàng cồng kềnh đã được chuyển qua tàu thủy sang trước. Thành phố San Francico từ ông Thị trưởng đến công chức tòa Thị chính đều giúp đỡ tận tình. Vì là tuần trăng mật, lại là lúc một số người Việt Nam ở Mỹ bị "cú sốc", hai bên ký hiệp định bình thường hóa quan hệ, họ tổ chức các nhóm chống đối đi khắp nơi xuyên tạc cuộc triển lãm, và vận động nhân dân Mỹ tẩy chay. Truyền đơn, báo chí xuyên tạc cuộc triển lãm được đăng trên một số báo nhỏ địa phương. Còn các báo lớn đều ca ngợi cuộc triển lãm này. Việc bảo vệ cho cuộc triển lãm cũng được phía Mỹ tổ chức chu đáo, từ FBI đến an ninh của bang và thành phố cũng được huy động bảo vệ cho triển lãm.

Ngày khai mạc, lực lượng cảnh sát

Mỹ bố trí vòng trong vòng ngoài bảo vệ. Từ sáng sớm bọn phản động đã thuê 2 máy bay cỡ nhỏ, kéo 2 khẩu hiệu: Đả đảo cộng sản... bay lượn khắp bầu trời thành phố San Francico suốt buổi sáng. Một khoảnh đồi nhỏ cách cổng vào nhà triển lãm khoảng 50 mét, có 75 người, đeo băng, khẩu hiệu, cầm cờ ba que đả đảo triển lãm, đả đảo Dương Kỳ Anh, trưởng ban tổ chức triển lãm. Tôi sang hôm khai mạc nên họ không biết tên. Đến hôm bế mạc họ mới biết. Họ là những dân di tản, thất nghiệp, bọn phản động thuê mỗi ngày 75USD, nhưng phải đóng quĩ của bọn phản động 25USD chỉ còn 50 USD/ ngày. Người nào trông cũng gầy còm, chỉ có vài 3 tên chỉ huy là to béo. Họ bị cảnh sát Mỹ bắt buộc đứng vào một khu vực có dây chăng chung quanh, ra ngoài vòng dây là cảnh sát đánh ngay, nên bọn họ chỉ đứng hô đả đảo.

Chỉ được buổi sáng ngày hôm đầu, còn hôm sau vừa hô vừa cười, đùa vài phút rồi thôi. Họ còn lân la nói chuyện với anh em triển lãm và xin phép được vào triển lãm mua cơm ăn. Anh em hỏi tôi, tôi bảo: "Cứ cho họ vào mua, nhưng phải có điều kiện chỉ được đi người không, không được mang biểu ngữ, cờ, khẩu hiệu. Chúng tôi lại phải điều đình với cảnh sát Mỹ cho phép họ vào. Cảnh sát Mỹ khen ta nhân đạo. Còn họ, họ không cho vào. Bọn này vào mua nhanh rồi đem ra cho nhau ăn, không dám làm gì, và phân trần: "Chúng tôi không có việc làm, đi làm thuê, họ bảo sao làm vậy". Anh em tuyên truyền giáo dục họ và dẫn họ ra khỏi cổng triển lãm, giao cho cảnh sát Mỹ. Họ lại ra chỗ đứng đã được qui định.

Để bảo vệ an toàn cho triển lãm,

chúng tôi được Thị trưởng chỉ thị cho xe Harley đưa đi, đón về, rất chu đáo. Có 2 xe mô tô loại rất lớn với 2 cảnh sát đưa đi, đưa về.

Từ cổng triển lãm ra đến nơi ô tô đỗ, có 4 cảnh sát, cưỡi 4 con ngựa loại rất to đưa chúng tôi ra xe, giao cho kíp cảnh sát đi xe mô tô đưa chúng tôi về nhà nghỉ.

Trong 4 ngày triển lãm, doanh nghiệp Mỹ và người Việt Nam ở Mỹ đến xem rất đông. Hàng hóa của ta đem sang triển lãm bán hết trong ngày thứ hai, thứ ba. Các doanh nghiệp phấn khởi.

Cuộc triển lãm suôn sẻ, được Bộ Ngoại giao ghi vào báo cáo năm 1999 là 1/10 sự kiện lớn về đối ngoại. Sau triển lãm tôi đến nói chuyện tại cuộc hội thảo ở thành phố Seatle, Bang Washington State, giữa Mỹ và Trung Quốc; rồi

đoàn đến tham quan nhà máy sản xuất máy bay Boeing. Lần đầu tiên có đoàn Việt Nam đến nhà máy, ông Tổng giám đốc tiếp và báo cáo với đoàn, cho đoàn quay phim của ta muốn quay đâu cũng được. Bạn bảo đó là ngoại lệ cho đoàn Việt Nam. Đoàn chúng tôi được lên xem chiếc máy bay Boeing 777 đầu tiên đang đóng dở. Bạn giới thiệu đó là loại Boeing chở khách tối tân nhất. Gần đây ta đã mua loại máy bay này chở khách. Tôi đã đi 4 lần, thấy nó tối tân và rất tiện nghi. Nhưng chở được ít khách hơn loại Boeing 747. Rời Washington, chúng tôi đi thăm thành phố New York, thăm thủ đô Washington, thăm Las Vegas, các thành phố phía nam nước Mỹ. Tôi đã có tất cả 18 cuộc nói chuyện với doanh nghiệp, với nhân dân Mỹ và một số quan chức Mỹ. Cuộc đi khá vất vả, được cái giao thông ở Mỹ thuận lợi, đi máy bay cũng như đi

xe bus ở ta, cứ 30 phút có một chuyến, không đi chuyến trước thì đi chuyến sau, chỉ phải chờ, còn các thủ tục lên máy bay cứ có vé là lên ngay, không phải hỏi han kiểm soát gì cả. Vì thủ tục ở Mỹ họ kiểm soát rất kỹ khi nhập cảnh. Còn đã vào nội địa, người trong nước và nước ngoài như nhau, đi lại bình thường.

Sau 5 năm, 1999 tôi sang Mỹ lần thứ 2 để gặp gỡ các doanh nghiệp Mỹ, do ông Chủ lịch Phòng Thương mại Mỹ Dô-na-hu mời sang để giải thích vì sao Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ chậm được ký kết. Tôi cũng làm việc với Phòng Thương mại Mỹ và một số địa phương. Trong chuyến đi này đoàn chúng tôi có 55 người, hầu hết là doanh nghiệp.

Chúng tôi đi thăm 3 nước. Trước hết là thăm Cuba, dự hội chợ triển lãm quốc tế Lahavana. Trong những ngày ở Cuba,

tình hình chính trị ổn định, nhưng kinh tế phát triển chậm, do Mỹ cấm vận, mặt khác việc quản lý của các đồng chí Cuba có phần chặt chẽ. Thí dụ tư nhân ăn uống chỉ có 12 ghế ngồi là tối đa. Thừa một ghế là bị phạt. Chúng tôi phải đến 4 nơi mà cũng không đủ ghế cho đoàn ngồi ăn một bữa, lại phải trở về khách sạn quốc doanh. Riêng du lịch phát triển, giáo dục học sinh được bao cấp hoàn toàn. Lương cán bộ công nhân, viên chức rất thấp, Bộ trưởng 20USD/ tháng. Cán bộ công nhân, viên chức 10 USD tháng. Tôi thấy anh chị em phục vụ vất vả. Tôi nói với anh chị em trong đoàn mỗi ngày người phục vụ đến phòng hãy cho mỗi người 1 USD. Các đồng chí phục vụ rất phấn khởi, khen Việt Nam rất tốt. Mình cũng nghèo, nhưng thấy bạn lại còn khó khăn hơn. Tôi gặp 3 đồng chí Bộ trưởng, trao đổi nên mở rộng cải cách đổi mới.

Và giới thiệu kinh nghiệm đổi mới Việt Nam cho các đồng chí và cán bộ nghe.

Ở Cuba 3 ngày, sang thăm Canada, ở Toronto 2 ngày, chúng tôi đi đường bộ sang Mỹ, qua thác Niagra-fall đẹp nhất ở Canada, ngay biên giới với Mỹ. Chúng tôi đi ôtô về New York. Trên đường đi chúng tôi ghé thăm một làng cổ, người gốc Hà Lan đã nhập cư vào Mỹ hơn 200 năm, có khoảng 300 gia đình. Những người gốc Hà Lan này vẫn theo cổ truyền không dùng bất cứ cái gì dùng đến điện. Nhà đốt đèn dầu, đi xe ngựa, không dùng ti vi, radio, ăn mặc áo dân tộc, nhà hầu hết là một tầng, ở vào một khu vực. Khách đến tham quan nơi đây rất đông. Cảm thấy đến đây như vào một thung lũng, vì chung quanh đó có nhiều nhà cao tầng. Tôi hỏi người hướng dẫn viên được trả lời: dân ở đây chỉ đi gần,

khoảng 100 km trở về, họ đi xe ngựa, xe đạp, đi bộ, không đi ôtô, máy bay những phương tiện có liên quan đến điện. Thế giới thấy lạ, khách du lịch tới tham quan đông, nên họ sống bằng nghề dịch vụ du lịch.

Đến thủ đô Washington, làm việc và dự hội thảo ở trụ sở Phòng Thương mại Mỹ, đối diện với Nhà trắng. Cuộc hội thảo có khoảng 10 Thượng nghị sĩ và Hạ nghị sĩ cùng dự. Nhiều vị phát biểu mong muốn sớm có Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ để quan hệ kinh tế giữa hai nước được toàn diện. Các doanh nghiệp mong muốn sớm vào Việt Nam đầu tư. Tôi phát biểu một bài và giải đáp những việc cần phải làm để sớm có Hiệp định song phương về Thương mại giữa 2 nước.

Sau đó tôi được mời đến nói chuyện ở Trung tâm Nghiên cứu chiến lược và

quan hệ quốc tế (CISIS), của Kissinger, Bresinky, Carter. Có 3 ông trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao và nhiều quan chức Mỹ đến nghe. Sau bài phát biểu của tôi các bạn Mỹ hỏi 26 câu, hầu hết là có nội dung tốt, thiết thực cho quan hệ tốt đẹp Việt Mỹ, nhưng cũng có 4 câu hỏi như có phải Việt Nam không thực hiện được chủ nghĩa xã hội bằng kế hoạch hóa tập trung, nay phải quay sang kinh tế thị trường không? v.v... Tôi trả lời: "Người Mỹ là những người thích nói thẳng, tôi cũng thích nói thẳng, chỉ có nói thẳng chúng ta mới dễ gặp nhau để hợp tác lâu dài. Tôi tự giới thiệu với các ngài, tôi là một người cộng sản "nòi". Tôi phải nói rằng kinh tế thị trường nay còn hiệu quả là do loài người nhiều thế hệ tạo ra. Tôi từ trong bụng mẹ đã làm kinh tế thị trường, vì mẹ tôi đang vận hành cơ chế thị trường ở nước tôi lúc đó Cho nên tôi

sinh ra trong kinh tế thị trường, kinh tế thị trường đối với tôi không xa lạ. Trước đây chúng tôi muốn xây dựng CNXH thật nhanh, để có hạnh phúc cho toàn dân. Nhưng kết quả không như mong muốn, không có hiệu quả, chúng tôi bỏ nó, trở lại vận dụng kinh tế thị trường do cha ông để lại, để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Có học thêm kinh nghiệm của các nước, như Mỹ chẳng hạn, có một nền kinh tế phát triển, vận dụng qui luật kinh tế có khác với những nước đang phát triển và có nhiều kinh nghiệm hay. Đó là sự trao đổi kinh nghiệm chung giữa các nước với nhau".

Người Mỹ có tính hay "hợm mình" cái gì cũng muốn hơn người. Tôi nhớ lại dịp họp các doanh nghiệp, khối ASEAN ở khách san New World năm 2001, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt

Nam có mời Thượng nghị sĩ John Kerry đến nói chuyện, đi cùng có đại sứ Mỹ Peterson... Nội dung bài nói rất hay. Nhưng đến phần cuối ông John Kerry nói: "Nước Mỹ phải lãnh đạo thế giới, nhưng đến nay chưa làm được nhiều". Khi phát biểu lời cảm ơn, tôi đánh giá cao bài phát biểu của ông Kerry, những đoạn cuối tôi có ý kiến là: "Không nên dùng từ lãnh đạo thế giới mà là "hướng dẫn" thế giới. Vì dùng từ lãnh đạo thế giới chắc nhiều nước không đồng tình với Mỹ. (Hội nghị vỗ tay rất to, nhất là các đại biểu Malayxia). Nước Mỹ là nước giàu nhất thế giới, rất có nhiều điều kiện hướng dẫn giúp đỡ các nước nghèo. Khi được giúp đỡ một cách chân thành, họ thoát khỏi khó khăn, họ sẽ biết ơn nước Mỹ. Lúc đó nước Mỹ không cần nói lãnh đạo, họ cũng đi theo Mỹ và đặt nước Mỹ lãnh đạo họ. Như thế có tốt hơn không.".

Tôi thấy ông Kerry hơi ngượng tôi nói thêm: "Nếu cách nói đó là thói quen của người Mỹ, thì các vị thông cảm với tôi". Tôi theo rõi từ đó, các quan chức cao cấp của Mỹ cũng thấy ít nói đến "từ" này. Nay ông John Kerry là ứng cử viên Tổng thống của đảng dân chủ. Nếu ông trúng cử chắc ông sẽ bỏ hoàn toàn cụm từ "lãnh đạo thế giới".

Những cuộc đi công tác địa phương đáng nhớ

Thời kỳ công tác ở Trung ương, tôi đã đi khắp các tỉnh thành phố trong nước, có tỉnh thành phố tôi đến làm việc nhiều lần. Tỉnh, thành phố nào tôi cũng rất có cảm tình. Các đồng chí lãnh đạo cũng như các đơn vị tôi đến thăm hoặc làm việc, đều để lại trong tôi nhiều kỷ niệm không bao giờ quên, những ấn tượng sâu sắc về con người và cảnh vật. Đến

nay tôi đã về hưu, nhưng các địa phương vẫn quan tâm thăm hỏi, có tỉnh hàng năm đều có thư mời về thăm, hoặc nghỉ ở những danh lam thắng cảnh của địa phương, làm cho tôi suy nghĩ, luôn luôn lúc nào cũng thấy trách nhiệm với đất nước, với nhân dân.

Tôi không phải là nhà thơ uyên bác gì, nên không dám đến đâu cũng "vạch đá đề thơ". Nhưng có vài lần ở ba miền, nhất là những năm 1987-1988, tôi về công tác ở tỉnh Đồng Tháp, đến đâu nhân dân cũng mến mộ cụ Phó Bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh ra Hồ Chủ tịch. Nhiều người kể về công lao của cụ Phó Bảng, xây dựng phong trào cách mạng ở Cao Lãnh. Có người nói: "Chúng tôi chưa biết Bác Hồ thế nào, nhưng thấy cụ Phó Bảng là chúng tôi quý Bác Hồ". Tôi cảm động mới làm đôi câu đối thờ cụ,

nói lên tính kết nối giữa cụ Phó Bảng với Bác Hồ trong sự nghiệp xây dựng phong trào cách mạng và hoàn thành sự nghiệp cách mạng của cha con cụ đối với dân tộc Việt Nam. Đôi câu đối đó lan tỏa đi một số nơi, nên một số tỉnh tôi đến làm việc các đồng chí đề nghị làm cho một đôi để đặt ở nơi có ý nghĩa. Tôi nghĩ đến đâu cũng viết câu đối thì chẳng hay gì, sinh nhàm chán. Tháng 4-1989 tôi đến thăm Nghĩa Bình, đến thăm huyện Tây Sơn thờ vua Quang Trung. Tôi xúc động làm một đôi câu đối để ở đền thờ với nội dung:

"Bát thập tuế khởi sự binh nhung bất tri chiến bại.

Tam cửu niên băng hà cường tặc do khuất uy linh"

(Nghĩa là: năm mười bảy tuổi, khởi

binh đánh giặc, không biết thua là gì! Ba mươi chín tuổi mất, giặc dữ còn sợ oai nghiêm).

Trước khi viết chính thức tôi có nhờ cụ Minh nhuận sắc. Cụ Minh bảo tôi bỏ "Thanh, Xiêm một hữu thất kinh" (quân Thanh quân Xiêm chưa hết sợ) vì nay ta đã hòa nhập với thế giới, những từ nhắc lại quá khứ, nêu rõ tên, nên bỏ. Cụ thay vào đó là: "Cường tặc do khuất uy linh". Tôi đồng ý với cụ Minh.

Tháng 10-1989 tôi lên làm việc với tỉnh Vĩnh Phú, các đồng chí lãnh đạo tỉnh có đề nghị tôi viết một đôi câu đối ở đền Hùng. Tôi nghĩ ở Nam Bộ tôi đã viết một đôi câu đối ở lăng cụ Phó Bảng, miền Trung có đôi câu đối ở đền thờ vua Quang Trung, ở miền Bắc cũng cần có một đôi câu đối của Thầy đồ "Đổi mới" xứ Đông để thờ Tổ. Tôi viết:

"Tứ thiên niên Hồng Lạc cố cương giang sơn thế việt

Lục thập triệu tử tôn cách mạng chế độ nhật tân"

(Nghĩa là: bốn nghìn năm Hồng Lạc, sông núi, bờ cõi vẫn giữ vững, con cháu người Việt ở đời đời, chữ "Thế Việt" còn có nghĩa là Vượt đời...).

Sáu mươi triệu con cháu làm cách mạng và đang đổi mới, chữ "Nhật tân" trích sách đại học của Tăng tử "Cẩu nhật tân nhật nhật tân, hựu nhật tân: (đã mới rồi, ngày ngày càng đổi mới, tiếp tục đổi mới).

Tôi lại nhờ cụ Minh nhuận sắc, cụ đồng ý không thêm bớt chữ nào. Tôi đọc để xin ý kiến anh Trường Chinh, anh Nguyễn Văn Linh, hai anh đều tâm đắc.

Anh Trường Chinh thích vế thứ nhất, nhất là chữ "Thế Việt". Anh Nguyễn Văn Linh thích vế thứ hai, nhất là chữ "nhật tân". Câu đối được treo ở những nơi trân trọng, những cũng có nhiều ý khen chê. Khen thì nhiều, chê ít nhưng "to miệng". Đến mức Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin Vĩnh Phú phải hạ xuống cất vào kho. Sau Bí thư tỉnh Ủy Vĩnh Phú, đồng chí Nguyễn Văn Đăng bảo cứ treo trên đền chính và đề nghị con cháu cả nước ai có câu đối hay cứ đem đến đền thờ Tổ sẽ treo hết. Còn Bí thư Tỉnh Ủy Đồng Tháp, đồng chí Tư Hữu nói thẳng với mấy người đến chê bai, rằng: các đồng chí giỏi thì làm đem đến đây tôi sẽ khắc trên bia đá, còn chê thì ai chê chẳng được. Chúng tôi cần làm, chứ không cần nói.

Câu đối ở đền thờ vua Quang Trung, ở Tây Sơn, Bình Định, chắc ở xa, ít người

đến nên chưa thấy có ý kiến gì. Thế mới biết, làm người khó lắm! Cổ nhân đã nói: "Tố vi nhân nan, tận chỉ bút đầu can" (làm người là khó, viết 4 chữ đó hết giấy mực vẫn chưa hết khó) và đặt ra 4 câu thơ để nhắn nhủ người đời:

Xảo yếm đa lao, chuyết yếm nhàn.

Thiện hiềm nhu nhược, ác hiềm ngoan

Phú tao tật đố, bần tao tiện

Cần viết tham lam, kiệm viết kiên....

(Nghĩa là: Khéo tay chê là vất vả, vụng về chê là lười biếng

Làm điều thiện, chê là nhu nhược; làm điều ác, bảo là ngoan cố.

Giàu có bị ghen ghét, nghèo chê là ti tiện.

Cần mẫn bảo là tham lam, tiết kiệm chê là keo kiệt...)

Cho nên người đời mới than rằng: "Tối nhân nan".

Đó là những cuộc đi công tác nước ngoài và trong nước mà tôi có nhiều ấn tượng sâu sắc nhất.

Bất cứ cuộc đi nước ngoài hay trong nước đối với tôi đều rất bổ ích và giữ lại nhiều kỷ niệm sâu sắc không bao giờ quên, với tình đồng chí, tình bạn bè, tình cán bộ với nhân dân, như nguồn cổ vũ động viên tôi suốt đời.

Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn với Hải Phòng

Đồng chí Lê Duẩn trong những năm 1930 đã hoạt động cách mạng ở Hải Phòng và năm 1931 đồng chí bị thực dân

Pháp bắt ở Ngõ Đá, Hải Phòng. Bởi vậy đồng chí Lê Duẩn có nhiều kỷ niệm với nhân dân và Đảng bộ Hải Phòng.

Sau những năm ra tù lần thứ nhất ở Côn Đảo về, đồng chí tiếp tục hoạt động ở miền Trung và các tỉnh miền Nam. Vào những năm 1939-1940 với cương vị là Ủy viên Thường vụ Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng với đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, Ủy viên Thường vụ Phan Đăng Lưu và Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập mặt trận phản đế Đông Dương, thay mặt trận Dân chủ, chuyển hướng cuộc đấu tranh cách mạng sang một thời kỳ mới.

Năm 1940 đồng chí lại bị bắt và bị đày ra Côn Đảo lần thứ hai cho đến khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công. Đồng chí được Đảng và Chính phủ đón

về đất liền, tham gia cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Tôi là bậc hậu sinh, biết tiếng đồng chí Lê Duẩn bắt đầu từ khi tôi bị bắt và đày ra Côn Đảo, được các đồng chí Nam bộ kể về anh Ba (tên thân mật của đồng chí Lê Duẩn), tôi mới hiểu anh Ba qua những câu chuyện kể về tài năng và đức độ của anh trong tù, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở miền Nam. Một con người thông minh, sáng tạo, đã cùng Trung ương Đảng và Bác Hồ đưa cách mạng ở Nam Bộ vượt qua bao nhiêu khó khăn của thời kỳ "trứng nước" đến ngày thắng lợi. Anh đã hoạt động trên mảnh đất đầy gian khổ nơi có nhiều xu hướng chính trị và đạo giáo phúc tạp, nơi quân Anh rồi đến quân Pháp trở lại xâm chiếm nước ta lần thứ hai, ngay sau ngày nước ta tuyên bố độc lập 2-9- 1945. Với

tài trí thông minh, anh được quân, dân Nam Bộ gọi là "ông 200 bougies" hoặc "ông 500 Bougies". (Sáng như bóng đèn điện 200-500 nến).

Tôi chỉ được nghe kể thế thôi, còn con người cụ thể thì mãi đến năm 1957 anh ra Bắc và xuống Hải Phòng nói chuyện với Hội nghị cán bộ, tôi mới biết anh. Lúc đó tôi chưa phải là cán bộ chủ chốt của Hải Phòng. Nhưng do muốn tìm hiểu một con người sẽ kế thừa sự nghiệp của Bác, khi giải lao tôi đến gần anh, hỏi chuyện việc anh ra miền Bắc gặp nhiều khó khăn ra sao. Anh thân mật kể cho nghe. Chúng tôi vây quanh và đặt ra nhiều câu hỏi. Anh sẵn sàng trả lời, vừa vui vẻ, vừa thân mật. Thấy anh khoẻ mạnh, tươi cười, nhưng hay nói nhanh, giọng Quảng Trị pha Nam Bộ rất khó nghe. Riêng tôi ở nhiều với anh em

ba miền, nên nghe khá hơn, đôi khi phải "dịch" lại cho một số anh em cán bộ Hải Phòng có lúc nghe mà không hiểu được gì cả. Có anh em như đồng chí Hải, cán bộ Tuyên huấn, bảo chẳng ghi chép được gì. Nhưng tất cả vẫn thấy vui, vì được gặp anh Ba lần đầu, thái độ anh cởi mở, gần gũi anh em.

Từ đó, hàng năm anh thường xuống Hải Phòng 2, 3 lần để gặp gỡ cán bộ, thăm nội ngoại thành, nhất là từ khi chị Bảy Vân về công tác ở báo Hải Phòng, ba cháu nhỏ cũng về Hải Phòng, nên anh Ba luôn tranh thủ những ngày nghỉ về thăm chị Ba với các cháu. Mỗi lần về, anh đều dành thời gian thăm phong trào. Giữa những năm 60, tôi phụ trách Liên hiệp xã Tiểu công nghiệp và Thủ công nghiệp. Trong những buổi ra ngoại thành, sang huyện Thủy Nguyên, Thành Ủy giao cho

tôi dẫn anh đi xem. Từ những chuyến đi này, tôi có điều kiện tiếp xúc, gần gũi với anh qua câu chuyện đến thăm các cơ sở.

Tôi nhận thấy người chuẩn bị thay Bác Hồ, không phải chỉ giỏi chống ngoại xâm, mà có tầm nhìn về kinh tế rất sáng suốt. Từ đó bắt đầu tôi mến anh Ba, và luôn muốn gợi những ý kiến suy nghĩ của mình để anh Ba giải đáp.

Có một số lần xuống xem hợp tác xã dệt thảm len xuất khẩu ở Thủy Nguyên, một lần xem hợp tác xã may mặc ở nội thành, một lần xem hợp tác xã nông nghiệp kiêm làm nghề thủ công ở An Hải, đã cho tôi ấn tượng sâu sắc về tư duy kinh tế của anh Ba.

Đến hợp tác xã dệt thảm len gia công xuất khẩu, anh hỏi tôi sao lại tập trung khung dệt cồng kềnh thế này vào

một nơi? Sao không để ở từng nhà cho thuận tiện đi lại, năng suất sẽ cao, không phải làm thêm nhà để khung cửi? Còn tập trung chỉ là cơ khí sản xuất theo dây chuyền thì người ta mới tập trung... Đến hợp tác xã may mặc anh Ba còn chất vấn tôi: Tại sao máy khâu mà cũng vào hợp tác xã, để người ta làm cá thể có hơn không? Những câu hỏi liên quan đến đường lối làm ăn tập thể, tổ chức hợp tác xã mà anh Ba hỏi như vậy khó trả lời quá! Tôi báo cáo anh Ba đó là theo hướng dẫn chỉ đạo của Trung ương. Anh Ba vặn lại tôi: "Các đồng chí ở cơ sở sát thực tế, trên không sát, phải đề xuất chứ. Cứ làm mà không có ý kiến gì là không được". Tôi suy nghĩ quá! Nhưng lúc này chỉ nên vâng, dạ, còn biết nói sao đây, khi phong trào hợp tác hóa đang lên mạnh. Đến hợp tác xã dệt thảm len xuất khẩu, có em bé gái 16 tuổi đang dệt thảm, anh Ba hỏi cháu có

biết đồng đô-la là gì không? Cháu ngớ người ra. Tôi vội thưa với anh, tôi cũng chưa nhìn thấy đồng đô-la... Anh Ba phân tích ngay, làm xuất khẩu mà không hiểu đồng đô-la là gì là không được. Phải cho các cháu nó biết giá trị của đồng đô la. Anh vỗ vai tôi và bảo: "Còn đồng chí càng phải biết đồng đô-la là gì? Có thế mới hăng say sản xuất, làm ra hàng xuất khẩu để có đô-la xây dựng chủ nghĩa xã hội". Thật là ý "mới toanh" tôi thấy ở một nhà chính trị lỗi lạc nói ra. Tôi thấy thích mà cũng thấy lạ tai, vì các đồng chí khác kiêng ky, thành kiến với đồng đô-la, còn anh Ba lại say sưa nói về nó. Tôi nghĩ đây là con người có một tầm tư duy kinh tế khác thường. Tôi nghĩ sao anh Ba không làm cho các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị khác nghĩ như anh nhỉ?

Khi đến hợp tác xã nông nghiệp, anh

hỏi tôi: "Đồng chí có biết thế nào là sản xuất lớn không?" Tôi đang ngập ngừng anh Ba nói ngay: "Sản xuất lớn không phải là tập trung vào hợp tác xã để nuôi, mà mỗi gia đình nông dân nuôi 40-50 con lợn, hàng trăm con gà thế là sản xuất lớn... Việc gì mà ngồi túm tụm hàng chục người thế kia thái rau, làm sao có năng suất, có hiệu quả được...".

Qua những lần đưa anh Ba đi thăm phong trào hợp tác xã sản xuất, tôi thấy lý giải nhiều điều rất sáng sủa để phát triển sản xuất, xây dựng đất nước. Tôi không hiểu tại sao các ngành Trung ương không nói theo cách nói của anh, và theo ý kiến của anh? Tôi tiếp tục theo rõi và suy nghĩ về cái đầu sáng 500 nến trong chiến tranh chống Pháp và nay đang chống Mỹ, cái đầu ấy thể hiện trong kinh tế cũng rất sáng tạo, có lẽ sáng hơn 500 nến nữa.

Đến năm 1979 tôi làm Chủ tịch UBND Thành phố, tôi có điều kiện làm việc trực tiếp với anh Ba. Trong nhiều buổi đưa anh đi thăm cơ sở sản xuất, anh có nhiều gợi ý rất sáng, truyền cảm, truyền ý thức tự lực tự cường cho những người đi theo. Câu nói cửa miệng và đầu tiên khi bắt đầu câu chuyện thường là anh nhắc: Thành phố, Thành Ủy phải làm gì cho dân, phải hiểu được dân cần gì? Thành Ủy là phải lo cho dân, mỗi người ăn một năm bao nhiêu thịt, cá, bao nhiêu quả trứng. Thành Ủy phải biết hàng ngày nhân dân ăn gì? Chứ Thành Ủy cũng chung chung như Trung ương thì Thành Ủy làm được gì? Hoặc mỗi tỉnh, thành phố, phải coi mình như một nước nhỏ mà lo toan thay Trung ương. Thế giới có nước người ta chỉ có 1.000 km2 với mấy trăm nghìn dân, bé hơn Hải Phòng, người ta còn làm giỏi như thế. Thành Ủy

Hải Phòng phải biến thành phố là Hồng kông, Singapore thứ hai... Lần nào anh cũng nhắc, cũng nói một cách tâm huyết, thật thà, thẳng thắn với chúng tôi.

Trong những buổi làm việc với anh Ba, sau những ý kiến trực tiếp vào vấn đề chính xong rồi, anh Ba đều có những suy nghĩ lớn cho đất nước, muốn truyền đạt cho thế hệ sau, lớp trẻ chúng tôi. Trong các buổi nói chuyện anh rất dân chủ và lắng nghe ý kiến mọi người. Có những ý kiến anh tranh luận lại, nhưng thái độ cởi mở, thân thiết, không áp đặt.

Có lần tôi làm việc với anh ở Đồ Sơn, khi công việc chính đã được ý kiến anh chỉ đạo, anh nói sang quan hệ giữa nước ta và Trung Quốc. Rồi anh nói văn hóa của ta cao hơn Trung Quốc, và phê phán Khổng Tử coi thường cả mẹ. Tôi hỏi anh Khổng Tử nói ở chỗ nào? Anh

bảo Khổng Tử nói: "Phụ nhân nan hóa" (người phụ nữ khó cải hóa). Rồi anh nói văn hóa của ta là: "Nhiễu điều phủ lấy giá gương"... "Bầu ơi thương lấy bí cùng"... Còn Khổng Tử nói: "Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân", còn ta thì "Mình vì mọi người, mọi người vì mình" là cao hơn văn hóa Trung Quốc. Rồi anh phê bình Mao Trạch Đông và Khổng Tử cùng là "một giuộc".

Tôi suy nghĩ tìm câu nói để anh Ba hiểu rõ về triết học của Khổng Tử khác với Mao Trạch Đông. Khi anh Ba dừng phát biểu, tôi thưa với anh:

- Mao Trạch Đông phê bình Khổng Tử mạnh mẽ lắm!

Anh Ba đứng dậy hỏi tôi: - Ở chỗ nào?

Tôi thưa với Anh là sau khi Lâm Bưu chết, Nhân dân Nhật báo Bắc Kinh có 7 bài liền: "Phê Lâm, phê Khổng". Anh lại hỏi: "Nội dung thế nào, sao tôi không biết?" Tôi báo cáo tường tận câu chuyện này, trong 7 bài báo trên để anh Ba rõ: "Vấn đề là khi sinh thời, Lâm Bưu có treo hai chữ đại tự ở giữa nhà mình, hai chữ đó là "Khắc Kỷ", ý Lâm Bưu muốn mượn lời Khổng Tử để phê phán Mao Trạch Đông. Trong sách Luận Ngữ chép, khi học trò giỏi nhất của Khổng Tử là thầy Nhan Hồi hỏi Khổng Tử, làm thế nào thì làm được điều "Nhân" (Nhan tử vấn nhân, Khổng Tử viết: Khắc kỷ phục lễ vi nhân), Khổng Tử trả lời là phải nghiêm khắc với mình, thực hiện đúng lễ (pháp luật), thì mới làm được điều "nhân". Sau khi Lâm Bưu chết, Mao Trạch Đông phê bình Lâm Bưu và phê bình Khổng Tử. Vì Lâm đã lấy câu của Khổng Tử dạy Nhan

tử để phê phán gián tiếp Mao Trạch Đông là người coi thường pháp luật, điều lệ, nghĩa là kẻ bất nhân. Nên Mao phê cả hai: Lâm và Khổng. Tôi nói xong, anh Ba hỏi tôi: "Đồng chí học đến gì?". Tôi thưa với anh là tôi đã học kỹ Tứ thư, còn Lục kinh, tôi học Kinh thi và Kinh Xuân thu (Kinh Trị quốc của phong kiến Trung Quốc). Còn kinh dịch, kinh lễ, kinh thư, kinh nhạc, tôi chỉ đọc qua thôi. Anh nói ngay: Tôi chỉ đọc "Luận ngữ", "Mạnh Tử" (hai bộ sách này thuộc về Tứ thư gồm: Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học, Trung dung). Anh vui vẻ nói: "Thôi nghỉ ăn cơm, sáng mai đồng chí ra nói tiếp về Khổng Tử...".

Sáng hôm sau tôi ra Đồ Sơn tiếp câu chuyện còn lại về Khổng Tử. Trước khi bàn đến Khổng Tử, anh Ba lại nhắc tôi những điều suy nghĩ sâu sắc của anh về

xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Anh trăn trở nhiều điều của các nước anh em, nhất là Liên Xô và lý luận về chuyên chính vô sản, làm chủ tập thể... Rồi anh dừng lại, bảo tôi nói tiếp về Khổng Tử. Tôi báo cáo tiếp với anh về nhận thức của tôi đối với Khổng Tử, Tôi nói: "Khổng Tử sinh ra cách đây 2.500 năm, trong một chế độ phong kiến tập quyền mạnh ở Trung Quốc, nên Khổng Tử cũng không thoát khỏi hệ tư tưởng đó. Hơn nữa Khổng Tử đã viết ra Kinh Xuân Thu để cai quản đất nước theo Triết học "Quân quân, Thần thần, Phụ phụ, Tử tử". Nhưng Khổng Tử là nhà triết học vĩ đại lấy nhân nghĩa làm đầu, từ bỏ mọi quyền cao chức trọng, đi dạy học để giáo hóa nhân dân theo triết lý của mình. Còn sách Luận ngữ gồm 10 tập (đại toàn). Khổng Tử chỉ nói hai câu là mất lập trường giai cấp, theo quan điểm của ta hiện nay. Anh Ba hỏi

2 câu đó là gì. Tôi báo cáo anh là: "Phụ nhân nan hóa" như anh đã phê bình là Khổng Tử coi khinh cả mẹ. Còn câu thứ hai là: "Dân khả sử vi chi, bất khả sử tri chỉ" nghĩa là người dân chỉ sai khiến họ làm, còn không sai khiến họ học được, ý nói chỉ có người quân tử mới dạy bảo cho biết được. Trong điều kiện cách đây 2.500 năm ta cũng nên thông cảm với Khổng Tử.

Trong lễ giáo phong kiến, người phụ nữ Trung Quốc phải bó chân, chỉ ở trong nhà thì đúng là "nan hóa" thật. Anh Ba nghe nhưng không nói gì. Tôi nói tiếp ngay điều kiện bị trói buộc của thuyết duy tâm, duy thần, thế mà khi học trò của Khổng Tử hỏi về thờ thần linh, lần thứ nhất ông trả lời: "Vị năng sự nhân, yên năng sự quỉ". (Thờ người chưa xong, làm sao thờ được quỉ thần). Lần thứ hai

ông trả lời: "Kính nhi viễn chi" (Kính nhưng nên xa quỉ thần). Đó là tư tưởng của Khổng Tử có tiến bộ. Anh Ba đồng ý với tôi. Tôi phân tích thêm triết học của Khổng Tử ảnh hưởng rất lớn đến Việt Nam, nhất là điều nhân nghĩa. Chính do triết học phương Đông nổi tiếng ấy nên Nguyễn Trãi lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, đã phá tan quân Minh, giúp Lê Lợi dựng nên nghiệp lớn. Còn cuộc chiến tranh Mỹ và Việt Nam, sau ta giải phóng miền Nam không có tắm máu như kẻ thù rêu rao, là ta kế thừa điều nhân nghĩa truyền thống của dân tộc, đã làm cho việc thống nhất đất nước, được nhanh chóng và ổn định. Tôi nói thêm: "Anh Ba được cả thế giới và trong nước ca ngợi là nhà chính trị, nhà quân sự và là nhà hiền triết, mới kế thừa sự nghiệp Bác Hồ giao cho thành công".

Tôi thấy anh vui lên, không có phản ứng gì, vì tôi còn e rằng anh còn thành kiến với triết học của Khổng Tử. Nhân đó tôi nói luôn: "Khổng Tử nói: "Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân" (nếu ta không muốn, ắt người chẳng ưa, không bắt người khác làm điều mình không muốn). Đó là lời nói khuyên nhủ cho dân trí còn thấp. Khi dân trí cao mới có thể làm được "Mình vì nọi người, mọi người vì mình". Anh Ba không nói gì thêm. Từ những buổi đàm đạo về Khổng Tử với anh Ba, tôi theo rõi thấy anh Ba không phê phán Khổng Tử nữa và cũng không nhắc đến văn hóa ta cao hơn Trung Quốc.

Năm 1979, khi khởi sự bàn bạc việc khoán sản phẩm trong nông nghiệp với anh Bùi Quang Tạo, Bí thư Thành Ủy, chúng tôi bàn nhau kỳ này làm phải có kết quả để giải quyết vấn đề lương thực

cho toàn quốc. Cần phải khẩn trương và thận trọng, tránh thất bại. Chúng tôi bàn nhau phải thuyết phục được 3 đồng chí chủ chốt trong Bộ Chính trị mới có thể thành công. Trước hết là anh Ba, anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng. Anh Tạo nói với tôi: Khó nhất là anh Trường Chinh, vì anh Trường Chinh đã phê bình nghiêm khắc tỉnh Vĩnh Phúc, và cũng đã phê bình anh Tạo ở Quốc hội. Tôi nói với anh Tạo: tôi sẽ chịu trách nhiệm báo cáo với cả 3 anh. Anh Tạo bảo nếu được như thế thì tốt và bảo tôi: "Anh thân với anh Ba, anh nên nói với anh Ba trước".

Mấy hôm sau, tôi lên Hà Nội, xin gặp anh Ba. Anh Ba rất vui vẻ tiếp tôi. Tôi trình bày với anh 3 giờ liền toàn cảnh kinh tế Hải Phòng và cả nước, đặc biệt là kinh tế nông nghiệp sa sút, nhân dân bị

đói lúa chín không gặt, đi buôn bán, mò cua bắt ốc kiếm ăn. Cán bộ công nhân viên chức Hải Phòng là khu vực phi nông nghiệp, có tháng thiếu lương thực hàng tuần, nhân dân kêu ca, ta táan... Cung cách quản lý hợp tác xã thì rong công, phóng điểm, tham nhũng. Nông dân đặt ca dao, hò vè phê phán lãnh đạo hợp tác xã như: Mỗi người làm việc bằng hai, để cho chủ nhiệm mua đài mua xe; mỗi người làm việc bằng ba, để cho chủ nhiệm làm nhà xây sân; trâu xanh ăn cỏ, trâu đỏ ăn gà v.v... Nghe xong anh Ba đứng dậy nói: "Tôi đồng ý. Làm ngay, làm ngay, không phải hỏi ai nữa...", rồi anh phân tích cho tôi nghe về quản lý kinh tế. Mình từ sản xuất nhỏ đi lên, phải biết cách làm cho hiệu quả. Cứ áp đặt cách làm của người ta vào nước mình thì khó thành công lắm! Giáo điều là rất nguy hiểm. Tôi mừng quá, xin phép anh ra

về, anh còn dặn: "Về bàn với cấp Ủy làm ngay, tôi sẽ xuống xem..." Tôi về báo cáo với anh Tạo. Anh Tạo vẫn chưa vui, tỏ vẻ vẫn lo lắng. Anh nói chỗ anh Trường Chinh, nếu phản đối là khó đấy. Tôi nói: "Tôi hiểu... nhưng được anh Ba đồng ý, ta cứ đem ra Ban Thường vụ và Thành Ủy bàn. Tôi sẽ báo cáo anh Trường Chinh xem ra sao. Chắc anh Trường Chinh cũng thấy rõ tình hình nông nghiệp, sau 15 năm sự việc ở Vĩnh Phúc, tư duy của anh Trường Chinh chắc cũng có sự thay đổi...".

Ý kiến anh Ba đã giúp chúng tôi thêm quyết tâm thay đổi cách quản lý trong nông nghiệp. Anh đã chỉ đạo Ban Bí thư, mặc dù còn nhiều trở ngại, nhưng tháng 1-1981 anh Lê Thanh Nghị, Thường trực Ban Bí thư đã ký chỉ thị số 100 về khoán sản phẩm trong nông nghiệp đến nhóm

lao động và xã viên lao động (thực chất là khoán hộ), mở đầu kỷ nguyên mới trong quản lý kinh tế, không những trong sản xuất nông nghiệp mà cả trong các lĩnh vực khác, đánh dấu bước đột phá cho thời kỳ đổi mới của Hải Phòng và cả nước.

Sau vụ lúa khoán đầu tiên, tháng 10-1980, anh Ba xuống tận hợp tác xã ở Hải Phòng xem kết quả. Anh đến hợp tác xã Trường Thành, Trường Sơn, các cánh đồng của Thủy Nguyên, An Lão, Kiến Thuỵ... Anh rất vui, động viên mọi người làm ra thóc gạo đủ ăn, và còn để xuất khẩu nữa...

Mỗi lần anh về thăm Hải Phòng, tôi có dịp làm việc với anh, càng thấy anh lúc nào cũng suy nghĩ để tìm ra giải pháp phát triển kinh tế đất nước. Đặc biệt anh chú ý nghiên cứu lý luận. Trong 2 năm tôi

học tập lý luận ở trường Nguyễn Ái Quốc (khóa năm 1969-1971), những ngày anh làm việc ở Hà Nội, chiều thứ bảy hàng tuần, anh thường xuống Trường gặp giáo viên, học sinh trao đổi thảo luận.

Anh nêu những ý kiến mới ra để mọi người tham gia ý kiến. Tôi đã quen với cách làm của anh, nên trong những buổi làm việc xong ở Hải Phòng, tôi thường đem những vấn đề lý luận ra hỏi anh. Có lần tôi hỏi anh: Sao lại đặt vấn đề "Làm chủ tập thể" mà không đặt vấn đề "dân chủ"? Anh phân tích cho tôi nghe hàng giờ. Anh nói: "Dân chủ tập thể" nó thay cho "chuyên chính vô sản". Nay đất nước đã độc lập thống nhất, phải làm cho mọi người được làm chủ đất nước, làm chủ ở từng xã, từng phường, đơn vị sản xuất, đơn vị công tác v.v... Nếu cứ nêu khẩu hiệu "chuyên chính vô sản" thì khi mình

cầm quyền, ta chuyên chính với giai cấp phi vô sản, gây ra xích mích dân tộc suốt thời kỳ nọ sang thời kỳ kia. Khi xưa giai cấp tư sản chuyên chính với vô sản, nay họ mất quyền lại tìm cách chống chúng ta, phục hồi lại chuyên chính tư sản, cứ thế mãi... Ta phải biết giai cấp công nhân lãnh đạo để giải phóng dân tộc, giải phóng cho mọi giai cấp, mọi tầng lớp, làm cho mọi người được làm chủ đất nước, làm chủ xã hội... Như vậy tầm cao, tầm nhìn của giai cấp công nhân hơn hẳn quá khứ. Nên không cần nêu "chuyên chính vô sản" làm gì. Vấn đề này có ý nghĩa đoàn kết trong nội bộ Đảng, trong toàn dân. Đưa vấn đề "làm chủ tập thể", những đồng chí muốn duy trì khẩu hiệu "chuyên chính vô sản" cũng dễ chấp nhận, tạo ra sự nhất trí cao. Còn dân chủ cho mọi người sẽ thực hiện từng bước, nó thuận với mọi người, đã được làm chủ

tập thể rồi thì dân chủ cho mọi người là điều tất yếu phải đến. Anh nói đi nói lại rất say sưa như một cuộc giảng bài được học trò chú ý lắng nghe. Tôi cũng thấy phấn khởi về cách lập luận và lý giải của anh. Tôi thấy trong tư duy của anh đã chứa đựng nội dung dân chủ rất sâu sắc và tế nhị.

Trong các buổi đưa anh đi thăm cơ sở, anh kể lại cho tôi nghe những cuộc vận động nhân dân làm cách mạng. Cùng ở, cùng làm, cùng sống với dân, tôi cảm thấy lúc nào anh cũng đang sống trong lòng dân. Như câu chuyện mua gia cầm, mua thịt lợn nghĩa vụ... Tem phiếu phát cho dân, nhưng không có hàng bán, con phe tem phiếu cấu kết với mậu dịch viên xấu tuồn hàng ra ngoài, tôi kể cho anh nghe, và đưa anh đi xem thực tế ở các cửa hàng. Xem xong anh bảo tôi phải tìm

cách quản lý khác. Tôi đề nghị bỏ nghĩa vụ của nông dân phải bán gia cầm, thịt lợn cho nhà nước; bỏ tem phiếu... Anh đều nhất trí rất nhanh. Anh nêu những vấn đề phải giải quyết đời sống cho cán bộ công nhân viên chức, trước hết là nâng cao năng suất chất lượng, hạ giá thành với việc nâng lương, rất nhiều ý kiến phong phú.

Riêng vấn đề giá, anh có nhiều ý kiến khác tôi. Nhưng qua nhiều lần trao đổi, anh nhấn mạnh giá trị sử dụng của hàng hóa, còn tôi nhấn mạnh đến qui luật cung cầu, sản xuất ra hàng hóa phải tiêu thụ được, nghĩa là chất lượng và giá cả phù hợp với túi tiền của nhân dân. Cuối cùng anh chấp nhận. Vì giá trị sử dụng cũng nhằm phục vụ người tiêu dùng, nhưng chỉ một mặt thôi thì lấy gì để tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa, nên phải chú

ý cả cung lẫn cầu. Anh đồng ý. Như vậy anh đã chấp nhận kinh tế thị trường với quy luật cung cầu.

Anh rất quan tâm đến phát triển công nghiệp, đặc biệt là ngành luyện kim và cơ khí. Anh luôn luôn coi ngành cơ khí là then chốt, là xương sống của nền kinh tế. Nên trong tiểu luận "Dưới lá cờ vẻ vang" anh đặc biệt nêu vai trò của ngành cơ khí. Tôi rất đồng tình với anh cách đặt vấn đề của một nước đang phát triển. Nhưng lấy tiền đâu ra để xây dựng ngành công nghiệp? Anh mới có hướng chung về tích lũy XHCN, còn biện pháp vẫn hạn hẹp. Tôi nêu nhiều ý kiến đề xuất với anh, nói chung anh nhất trí, duy chỉ có vấn đề xuất khẩu sắt thép phế liệu để tích lũy, là anh gạt đi ngay một cách kiên quyết, mặc dù lúc đó Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã cho Hải

Phòng xuất chuyến đầu tiên 2 vạn tấn sắt thép phế liệu.

Tôi phải lấy thực tế để thuyết phục anh. Trong các chuyến thăm cảng, thăm các đống sắt thép phế liệu, ca nô, sa-lan giải bản, để dọc bờ sông Cấm, từ bến Bính đến Quán Toan, tôi đưa anh đi xem. Đống sa- lan hỏng chất như đống núi con bên vụng Quynh bờ sông Cấm. Tôi cho dừng xe, dùng một cây gậy nhỏ, đập vào thành sa-lan và đống sắt thép phế phẩm, chúng bị oxy hóa gẫy tả tơi, thủng từng lỗ lớn Anh Ba đứng nhìn và suy nghĩ. Lúc ấy tôi mới nói: "Thép phế liệu lò luyện kim trong nước dùng rất ít, cứ để sau 6 tháng là oxy hóa mất 50%, vì nó là loại phế phẩm để ngoài trời, lại bên dòng sông nước mặn". Anh Ba hỏi tôi làm thế nào để bảo quản được, để dùng cho luyện kim lâu dài? Tôi báo cáo anh

là không có kho nào chứa hết được... Tôi tiếp tục đưa anh đi xem một số nơi khác. Đến trưa nghỉ ăn cơm, anh hỏi tôi còn cách nào bảo quản được không? Tôi báo cáo anh chỉ còn cách xuất khẩu lấy đô la, hoặc mua vàng gửi vào ngân hàng lấy lãi là có hiệu quả hơn cả. Khi cần tái nhập ta có ngoại tệ mạnh, nhập sắt thép phế liệu cho luyện kim. Hải Phòng đã thành lập công ty phá dỡ tàu hỏng xuất khẩu, bằng cách mua tàu nước ngoài đem về sông Bạch Đằng phá lấy sắt thép, và các loại vật liệu còn tốt ở trên tàu để xuất khẩu, hoặc bán trong nước lãi rất khá. Anh bảo tôi đưa đi xem. Tôi đưa anh đến cảng Cửa Cấm, nơi công ty đang phá dỡ các loại tàu, sà-lan nhỏ giải bản, ra Đình Vũ xem công nhân đang phá dỡ một con tàu mua của Bun-ga-ri, trọng tải 6.000 tấn, công nhân phá dỡ đang vận chuyển từng tấm thép lớn vào bờ... Anh đồng ý ngay

cách làm này. Từ đó cả nước cùng xuất sắt thép phế liệu. Đến khi tôi nghỉ Bộ trưởng Bộ kinh tế đối ngoại, toàn quốc đã xuất được hơn 2 triệu tấn sắt thép phế liệu, thu về hàng trăm triệu $US.

Trong các lần đi xem quai đê lấn biển ở đường 14 Đồ Sơn, đi xem đường xuyên đảo... anh hay hỏi tôi về nước Nhật.

Năm 1978, tôi sang thăm Nhật Bản, tôi đã gửi cho anh một bản báo cáo về đất nước Nhật, anh rất tâm đắc cách đánh giá của tôi. Anh luôn luôn nhắc tôi phải học tập kinh nghiệm của Nhật. Anh còn nói khi bình thưởng quan hệ với Mỹ, anh sẽ đi thăm Nhật Bản và Mỹ. Rồi anh kể luôn cho tôi nghe về cách đánh giá của anh về nước Mỹ. Anh kể: Một đồng chí lãnh đạo Bộ Ngoại giao đi Mỹ về báo cáo với anh: cái gì Mỹ cũng xấu, kinh tế, xã hội... đều kém. Anh hỏi lại đồng chí cán

bộ Bộ Ngoại giao: "Mỹ yếu thế mà tại sao Liên Xô, Trung Quốc... đều nể Mỹ? Đồng chí báo cáo thế thì làm sao hợp tác được với Mỹ?" Rồi anh bảo đồng chí đó về chuẩn bị lại, mai báo cáo tiếp. Hôm sau đồng chí đó báo cáo phù hợp với nhận định đánh giá của anh Ba về Mỹ. Anh nói tiếp: cán bộ ta hay nói để chiều ý kiến lãnh đạo, vì ta thường phê phán cái gì Mỹ cũng xấu cả, anh em sợ mất lập trường phải nói theo. Còn đây là báo cáo với lãnh đạo để chuẩn bị làm ăn với Mỹ mà báo cáo thế thì nguy hiểm quá!

Sau đó anh nói sẽ có kế hoạch thăm Mỹ sau khi hai nước bình thường quan hệ. Anh muốn quan hệ với Mỹ lập lại càng sớm càng tốt. Chính ý nghĩ đó nên khi đồng chí Fidel Castro, Tổng Bí thư Đảng cộng sản Cuba, mấy lần mời anh sang thăm Cuba, anh chưa đi ngay. Anh

đợi sau khi bình thường quan hệ với Mỹ, anh sẽ đi thăm Cuba và thăm Mỹ cùng một chuyến đi. Vừa có ý nghĩa tạo thế cho Cuba, yêu cầu Mỹ bỏ cấm vận với Cuba, vừa tạo ra thế và lực Việt Nam - Cuba hợp tác với Mỹ, thì thuận lợi hơn cho cả hai nước, thay vì việc đi thăm Cuba ngay bây giờ.

Trong những năm cuối đời, đầu thập niên 80, anh xuống Hải Phòng luôn, hoặc tôi lên Hà Nội, đến nhà riêng anh để báo cáo công việc của Hải Phòng. Anh bàn với tôi về nhiều mặt công việc của đất nước. Tôi hết sức suy nghĩ về tư duy của anh. Tư duy ấy rất rõ về xây dựng kinh tế. Tại sao Bộ Chính trị không có tiếng nói chung với anh? Do Bộ Chính trị không hiểu ý anh, trình độ "bất cập" hay do tính bảo thủ quá nặng, không dám chống anh, nhưng vẫn luôn luôn làm

trái ý tưởng của anh? Qua một câu dặn dò của đồng chí Đậu Ngọc Xuân, trợ lý lâu năm của anh Ba nói với tôi: "Anh Ba nói gì với anh, chỉ nên ghi nhớ, nếu làm theo ý kiến anh Ba là trên này "bẻ ghi" ngay đấy"... Tôi hiểu ý anh Đậu Ngọc Xuân, nên tôi thực hiện ý anh Ba có sự lựa chọn và làm rất tích cực và nhanh, đến khi trên Trung ương có phản ứng thì đã thành hiện thực, có hiệu quả rồi, "bẻ ghi" cũng không kịp nữa.

Một hôm tôi đưa anh đi xem nhà máy đóng tàu Phà Rừng, do Phần Lan giúp ta xây dựng. Khi đến thăm nhà máy, đồng chí phiên dịch tiếng Anh chưa đến, đồng chí giám đốc nhà máy dịch cho anh Ba, nói chuyện với chuyên gia Phần Lan. Khi anh Ba nói đến khai thác nguồn nguyên liệu hải sản, đề nghị Phần Lan giúp đỡ đóng các loại tàu đánh cá ra biển xa,

đồng chí giám đốc báo cáo với anh Ba: "Tôi không đủ từ tiếng Anh để dịch câu này, đề nghị anh Thành dịch giúp". Tôi bị động phải dịch, tuy không hay, nhưng cũng suôn sẻ.

Khi về qua phà Bính, anh bảo cứ để nhân dân cùng đi chuyến phà dành riêng cho đoàn xe của anh. Anh rất vui, thăm hỏi mọi người dân trên phà thân mật, chan hòa. Mọi người cùng xúm lại chào và xem Tổng Bí thư, bày tỏ lòng quý mến kính trọng.

Trưa ăn cơm ở nhà số 2 Bến Bính, nhà khách thành phố, anh hỏi tôi học tiếng Anh từ lúc nào. Tôi báo cáo với anh, tôi học từ lúc 41 tuổi, tự học là chính. Anh bảo tôi anh chỉ đọc được tiếng Pháp, còn tiếng Anh chỉ biết mấy câu chào hỏi thôi. Rồi anh nói: "Bộ Capital (tư bản) của Marx, tôi đọc bằng tiếng Pháp ở Côn

Đảo đấy! Biết được tiếng nước ngoài là rất tốt, hiểu được người ta nói, dễ thông cảm và hợp tác mới tốt...".

Con cá nó sống vì nước . . .

CHƯƠNG 10

Đồng chí Trường Chinh, Đồng chí Phạm Văn Đồng và một số đồng chí Ủy Viên Bộ Chính Trị, Ủy Viên Ban Bí Thư thời kỳ đó, đối với Đảng Bộ và Nhân Dân Hải Phòng

Đồng chí Trường Chinh

Anh Trường Chinh làm Tổng Bí thư Đảng ta hai thời kỳ từ 1942-1956 và thời kỳ từ 9-1986 đến 12- 1986, nhiều năm làm Chủ tịch Quốc hội và Chủ tịch nước.

Tôi nghe tiếng anh và biết anh từ lâu, nhưng trực tiếp làm việc với anh nhiều là từ khi tôi làm Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng rồi Đại biểu Quốc hội khóa 7 và khóa 8. Trong những năm chuẩn bị thực hiện khoán sản phẩm trong nông nghiệp, tôi đặc biệt quan tâm theo rõi hành động, thái độ của anh đối với khoán trong nông nghiệp. Vì anh là người nổi tiếng bảo vệ mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ, và đã có 2 bài đăng trên báo Nhân dân năm 1966, phê phán việc làm khoán hộ ở tỉnh Vĩnh Phúc, do Bí thư Tỉnh Ủy Kim Ngọc đề xướng.

Tôi lại biết anh rất thận trọng trong nói năng, viết lách, ứng xử... Anh đã được mọi người thân quen đặt cho cái tên thân mật để gọi là: "Anh Thận". Sau này thống nhất đất nước, các đồng chí miền Nam còn gọi anh là: "Anh Năm

Trường Chinh".

Tôi kém anh hơn 20 tuổi, nhưng tôi vẫn gọi anh bằng "Anh", vì anh không thích gọi là "bác" là "Chủ tịch". Anh gọi tôi bằng đồng chí". Trong những chuyến thăm Hải Phòng hoặc anh xuống nghỉ tại Đồ Sơn, tôi có dịp tiếp xúc với anh nhiều. Anh hay kể chuyện về những ngày bắt đầu tham gia cách mạng, sự học hành khi còn thiếu thời. Anh nói rằng: "Trước khi tiếp cận với chủ nghĩa Marx - Lênin, với đường cách mạng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, anh giác ngộ về tinh thần yêu nước qua thơ, văn của Cao Bá Quát. Bởi vậy tôi có ấn tượng anh là nhà "Uyên thâm túc nho", nhất là cụ thân sinh ra anh đỗ Tú tài (Cụ Tú Đễ).

Tết âm lịch năm 1980, anh xuống ăn Tết ở Hải Phòng. Ngày mồng một Tết lại là ngày sinh nhật của anh.

Chín giờ sáng tôi cùng một số cán bộ lãnh đạo Thành phố ra Đồ Sơn chúc Tết và mừng ngày sinh nhật của anh. Chúng tôi có tặng anh một tấm thảm len nhỏ, thêu: "Thánh Gióng cưỡi ngựa". Tôi viết lại một đôi câu đối của Cao Bá Quát ở đền thờ Thánh Gióng tại Gia Lâm, Hà Nội, nội dung:

Phá tặc đãn hiềm tam tuế vãn,

Đằng vân do hận cửu thiên dê.

Nghĩa là:

Ba tuổi đánh giặc còn cho là muộn.

Bay lên chín tầng mây còn giận là thấp!

Tôi viết bằng chữ Hán, khi đưa đến anh, anh bảo tôi đọc và dịch sang tiếng

việt. Anh nói: "Hay thế nhỉ!", rồi anh bảo đúng là khí phách Việt Nam. Tôi vừa giật mình, vừa bất ngờ. Anh nói ngay, lúc nhỏ tôi có học một ít chữ Hán, sau này học ít chữ phổ thông Trung Quốc, nên không đọc được chữ cổ? Rồi anh lại kể về thơ Cao Bá Quát, do một số bạn học của anh biết chữ Hán dịch cho nghe; hoặc những bài thơ nôm của Cao Bá Quát đã viết sang chữ quốc ngữ. Anh khen Cao Bá Quát là người có khí phách, quán thế...

Sau đó anh hỏi tôi về sức học Hán Tự, tôi báo cáo anh, tôi đã học xong Tứ Thư, còn Lục Kinh tôi đã học Kinh Thi, Kinh Xuân Thu. Còn Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Thư tôi chỉ đọc qua thôi. Kinh Dịch nhiều chỗ khó lắm! phải hỏi bố tôi và bác tôi giảng cho mới hiểu. Sau đó tôi nói: "Hà Nam Ninh là đất văn học, nhất là từ khi Nam Định có trường

Thi Hương, thì Nam Định nổi lên là nơi có nhiều người học cao, có hai "Tam Nguyên". Anh liền hỏi 2 Tam Nguyên là ai, tôi chỉ biết cụ Nguyễn Khuyến ở Bình Lục, Hà Nam... Tôi báo cáo với anh còn cụ Trần Bích San quê ở Nam Định, 34 tuổi đã đỗ Tam Nguyên, 36 tuổi vua Tự Đức sai đi sứ sang Pháp. Việc không thành, cụ đã thắt cổ tự tử. Trước khi mất cụ Trần Bích San đã viết một bài thơ tứ tuyệt tự thán rất hay.

Anh Trường Chinh liền nói: "Thế mà tôi không biết cụ Trần Bích San". Tôi báo cáo với anh cụ Trần Bích San mất sớm nên ít người biết. Còn thơ văn của cụ để lại nhiều, ta nên sưu tầm... Nhà tôi trước đây có nhiều bài thơ, bài viết, nhất là bài "Đình Đối" của cụ rất nổi tiếng. Tiếc rằng khi giặc Pháp chiếm ga Lai Khê tháng 12-1946, chúng đốt hết làng

tôi, nên sách vở của gia đình tôi bị cháy hết. Anh Trường Chinh tỏ ra rất tiếc, và bảo tôi có nhớ bài thơ "Tứ tuyệt" của cụ Tam nguyên Trần Bích San, thì đọc cho nghe.

Tôi đọc 4 câu thơ đó:

Giá mã kỳ khu khởi nhất hành,

Cảm tương tâm sự khấu sơn anh,

Tây lương kỹ lưỡng thử như thử

Nam quốc sơn hà linh bất linh?

Tôi dịch cho anh nghe. Anh hỏi tôi có dịch thành thơ được không? Tôi nói dịch được nhưng không hay, xin phép anh hôm sau tôi sẽ dịch và báo cáo với anh. Hôm sau tôi ra Đồ Sơn báo cáo với anh bản dịch sang tiếng Việt của tôi:

Người ngựa ra đi luống gập ghềnh,

Xin cùng Thần Núi dãi tâm tình,

Giặc Tây ngoan cố là như thế

Non nước Việt Nam liệu có thiêng?

Anh khen dịch thế là đắt nghĩa, hay lắm!

Tôi lại nói theo thiển nghĩ của tôi bài thơ này của cụ Tam nguyên Trần Bích San có bóng dáng của bài thơ " Nam Quốc Sơn Hà" của cụ Lý Thường Kiệt. Anh Trường Chinh đồng tình và nói thêm: "Nhất là câu Nam Quốc sơn hà linh bất linh?".

Anh bảo tôi Hải Dương cũ là đất văn học. Tôi thưa với anh: "Hải Hưng có hai lưỡng quốc trạng nguyên là cụ Mạc Đĩnh Chi và cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm". Cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm quê ở Vĩnh Bảo, Huyện Vĩnh Bảo trước năm 1947 cũng

thuộc Hải Hưng. Cho nên trước đây đã có câu so sánh về học lành của hai tỉnh miền Bắc là: "Xứ Đông Cổ Am" (quê Trạng Trình - Nguyễn Bỉnh Khiêm. Khi xưa xã Cổ Am và xã Lý Học là một xã), "Xứ Nam Hành Thiện" (Hành Thiện là quê đồng chí Trường Chinh). Đồng chí Trường Chinh rất tâm đắc câu ví von đó:

"Xứ đông Cổ Am

Xứ Nam Hành Thiện"

Trong những năm tháng vận động cho được sự đồng tình của 3 anh chủ chốt trong Bộ Chính trị là anh Lê Duẩn, anh Trường Chinh, anh Phạm Văn Đồng thì anh Trường Chinh là một điểm chúng tôi phải thuyết phục, vận động cho bằng được anh đồng ý. Anh Trường Chinh đồng ý thì mới có thể làm rộng ra cả nước, mới giải quyết tận gốc thiếu lương

thực và đói khổ.

Qua tiếp xúc tôi thấy anh rất dễ gần, không khó khăn như một số đồng chí nói. Tôi mời anh đi thăm nhiều hợp tác xã nông nghiệp ngoại thành, đi thăm các khu quai đê lấn biển, nhất là thăm đảo Đình Vũ và đường xuyên đảo. Đi tới đâu anh chị em ở đơn vị báo cáo, anh rất chú ý lắng nghe, và thường nhắc đi, nhắc lại hai từ: "Hay nhỉ!" với nụ cười rất tươi. Anh chỉ hỏi những điều chưa rõ. Không thấy anh tranh luận, hoặc nêu vấn đề cho anh em thảo luận. Nhưng tôi thấy anh suy nghĩ nhiều. Trưa về ăn cơm tôi cũng thấy anh suy nghĩ... Ngay cả trong câu chuyện lúc nghỉ, anh vẫn hỏi tôi chi tiết về cuộc sống của nông dân, của công nhân, của bộ đội, của cán bộ viên chức. Những lúc ấy tôi cung cấp cho anh những số liệu cụ thể, thiết thực về đời sống của

nhân dân, của cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng võ trang đóng trên địa bàn thành phố... Có những thời kỳ anh xuống làm việc hàng tuần. Tôi và đồng chí Hà Nghiệp, trợ lý của anh, đưa anh đi xem hết nơi này nơi khác. Cuối cùng là sau 5 lần xin ý kiến về khoán sản phẩm trong nông nghiệp, anh đã đồng tình. Không những thế anh còn động viên tôi. Anh nói: "Đồng chí đã nắm được lý luận, nắm được thực tế, đồng chí cố gắng làm để thành hiện thực cho cả nước". Anh không những chỉ quan tâm đến khoán trong nông nghiệp, anh quan tâm đến sản xuất công nghiệp, đến thương nghiệp...

Nhà anh có giàn phong lan ở cửa rất đẹp. Anh chọn những dò phong lan đẹp nhất tặng cho quán Phong Lan hai lần. Lần nào anh cũng bảo tôi đến nhà và

trực tiếp chọn phong lan tặng cho Hải Phòng đồng thời gửi thư cho cán bộ mậu dịch viên ở quán Phong Lan. Khi đi thăm quán Phong Lan, anh xem từng gian hàng và nói chuyện với anh chị em mậu dịch viên rất thân mật. Đến nay nhiều đồng chí như Vân Nam... còn nhớ nhiều kỷ niệm của Chủ tịch Trường Chinh với quán Phong Lan. Tiếc rằng quán Phong Lan nay không còn nữa, qua biến thiên phá đi hợp doanh không thành, nay nó trở thành vườn hoa trung tâm thành phố.

Anh còn có những chuyến đi thăm đảo Cát Bà, Cát Hải, thăm lực lượng Hải quân, thăm bộ đội quân khu 3 làm kinh tế "làm giàu đánh thắng", thăm lực lượng tên lửa thực tập bắn tên lửa ở Quần Mục. Biết bao kỷ niệm của đồng chí Trường Chinh với Hải Phòng thời kỳ "đổi mới".

Anh Hà Nghiệp nhiều lần nói với tôi: "Anh Thận thay đổi tư duy nhiều là từ ngày Hải Phòng đổi mới, nhất là khoán sản phẩm trong nông nghiệp...".

Tôi tuy là bậc đàn em, nhưng anh rất lắng nghe và trao đổi thân tình, bảo ban từng ly tùng tí, qua những câu chuyện có nội dung giáo dục. Tôi đã viết về anh ở chương 6 và chương 7, tôi không lặp lại ở chương này. Tôi thấy anh là một nhà chính trị lỗi lạc, người học trò xuất sắc của Bác Hồ, người bạn thân thiết của anh Ba. Hai anh rất quí nhau và tôn trọng nhau. Những năm cuối đời của hai anh, tôi rất gần hai anh. Từ việc nhỏ đến việc lớn, các anh đều tạo cho nhau một sự thống nhất cao.

Nếu còn gợn lên một chút là chờ đợi, trao đổi cho thống nhất. Cả hai anh đều nói với tôi là giữ sao cho đoàn kết

thật sự, cùng nhau xây dựng đất nước mới thành công. Mỗi việc tôi xin ý kiến, các anh đều hỏi lại ý kiến của nhau cho thống nhất. Tôi nghĩ 2 cái đầu đó cộng lại nó sáng 1000 bougies. Khi anh làm cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, cứ 3 tháng một lần anh bảo tôi lại chơi, nói chuyện tình hình kinh tế thế giới, trong nước, cho anh nghe. Anh rất quan tâm đến mọi việc của quốc gia. Anh đúng là cán bộ mẫu mực mọi mặt, đã góp phần to lớn vào sự nghiệp đổi mới đất nước.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng

Trong các chương trước tôi đã nói nhiều về anh Tô (tên gọi thân mật của Thủ tướng Phạm Văn Đồng), chương này tôi chỉ nêu một vài chi tiết về sự quan tâm của anh Tô đối với Hải Phòng.

Trong những năm kinh tế khủng hoảng của thập kỷ 80, mỗi khi xuống thăm và làm việc ở Hải Phòng, anh có nhiều suy nghĩ, tìm cách gì để thoát ra khỏi sự khủng hoảng kinh tế. Trong các câu chuyện tôi thấy anh hiểu sâu sắc về những lý luận kinh tế kinh điển của Marx - Lênin và một số nhà kinh tế tư bản. Nhưng anh ít đề xuất những vấn đề mới, chỉ nghe nhiều, suy nghĩ nhiều. Khi thấy bức bách thì lời nói da diết, dằn vặt... Tôi hỏi ý kiến anh về khoán sản phẩm trong nông nghiệp thì anh vui hẳn lên, và hỏi tôi: "Ý kiến anh Ba và anh Trường Chinh thế nào?". Tôi báo cáo: "Anh Ba đồng ý và tỏ thái độ quyết tâm cho làm còn anh Trường Chinh chưa trả lời, nhưng thái độ bình thường, còn tiếp tục đi xem tình hình nông nghiệp của Hải Phòng và một số tỉnh". Anh ngồi suy nghĩ một lát rồi đứng dậy nói: "Làm lấy mà ăn mà cũng

còn khó...". Rồi anh cười vui vẻ nói : "Các đồng chí cố thuyết phục anh Năm, để thống nhất sớm...". Như vậy là anh Tô đã đồng ý về khoán sản phẩm nông nghiệp cho nông dân, tôi rất mừng.

Đầu năm 1980, tình hình kinh tế cả nước rất khó khăn. Hải Phòng lại càng khó khăn, vì phải lo nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp. Nhưng lo hơn cả là cái ăn cho người, thực sự phải chạy gạo từng bữa.

Xe Chủ tịch thành phố vừa ra khỏi nhà được vài chục mét, hai mẹ con một người làm thủ công nghiệp (diện phi nông nghiệp) ở Thủy Nguyên, không được đong gạo đã lăn ra trước xe Chủ tịch thành phố. Mọi người dân tò mò kéo nhau chạy lại xem sự kiện gì mà lại lăn ra trước xe Chủ tịch. Tôi cho đỗ xe lại, hỏi người đó thì được biết hai tháng

nay huyện không có gạo bán cho họ. Tôi bảo bà ta về văn phòng Ủy ban giải quyết. Khi bà ta đến văn phòng Ủy ban, tôi mới biết là huyện không những không có gạo bán, mà còn thu sổ gạo của gia đình bà ta. Bà ta nói : "Gạo chưa có bán thì chịu, chứ sổ gạo là cuộc sống của gia đình, mất sổ chỉ có chết đói. Còn sổ, thiếu gạo còn đi vay hàng xóm được. Mất sổ rồi không ai cho vay cả". Tôi điện cho Huyện bảo trả lại sổ cho bà ta. Huyện báo cáo lại : "Bà ta không chịu lao động, lại đi buôn, phá rối thị trường". Tôi bảo Huyện trả lại sổ gạo, còn bà ta đi buôn bán vặt để kiếm sống thì gọi đến giáo dục, không nên thu sổ gạo. Thu sổ gạo tựa hồ cắt cái dạ dày của người ta là không được. Sau đó tôi bảo bà ta về huyện nhận lại sổ gạo. Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa, một đồng chí ở Văn phòng Chính phủ điện xuống hỏi tôi việc này thực hư ra sao?

Tôi trả lời: "Do thiếu lương thực gây ra cả, cứ có lương thực là xong hết". Tôi nói vui : "Có thực mới vực được đạo mà. Tôi đề nghị đồng chí báo cáo Thủ tướng cho làm khoán sớm là xong hết". Đồng chí đó nói lại : "Hôm Thủ tướng gặp anh, thế là Thủ tướng đồng ý rồi"...

Tháng 7-1980 anh Tô xuống Hải Phòng làm việc và nghỉ ít ngày ở Đồ Sơn. Tôi đưa anh đi xem Cảng, xem các đống sắt thép phế thải đổ dọc bờ sông Cấm từ Thượng Lý đến Quán Toan. Tôi đề nghị anh Tô cho xuất. Anh xem kỹ và sờ tay vào một sa-lan giải bản. Tôi lấy tay đấm vào thành sa-lan, những miếng thép đã oxy hóa rơi lả tả. Tôi báo cáo anh Tô, nếu để lâu sẽ oxy hóa hết, chỉ là đống đất, không phải sắt thép phế thải nữa, thiệt hại rất lớn. Anh Tô hỏi tôi : "Xuất thì bao nhiêu tiền một tấn?".

Tôi báo cáo anh, từ 70 đến 100 USD/ tấn, tùy theo chất lượng. Anh bảo : "Tôi về Hà Nội sẽ tìm cách đáp ứng yêu của của đồng chí". Tôi rất mừng. Đúng một tuần sau, đồng chí Nguyễn Văn Ích, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ký một công văn, thừa lệnh Thủ tướng cho phép Hải Phòng xuất khẩu 2 vạn tấn sắt thép phế thải. Lần đầu tiên nước ta xuất khẩu loại hàng này. Sau đó lại được anh Ba đồng ý.

Cả nước đã xuất hết các bãi sắt thép phế thải để rải rác khắp nơi, làm sạch những quãng đường, những khu công nghiệp, những nơi bốt địch đóng dọc đường số 1 và các sân bay, bến cảng. Hàng triệu tấn sắt thép phế thải đã được xuất khẩu. Nhà nước thu nhập thêm ngoại tệ mạnh và có việc làm cho một số lao động đi thu gom sắt thép phế thải các

nơi về bán. Tuy vậy cái gì nó cũng có mặt trái của nó. Do không quản lý chặt chẽ, nên một số người tham lam đi ăn cắp, phá cả những thiết bị còn sử dụng được lấy sắt thép để bán. Thậm chí lấy cắp cả xích, còng ở nhà tù Côn Đảo đem đi xuất khẩu. Sau ta đã ngăn chặn kịp thời.

Thủ tướng Phạm Hùng

Các chương trước tôi đã viết đôi nét về anh Phạm Hùng. Cuộc đời cách mạng đầy kỳ tích của anh như một huyền thoại mà tôi chỉ được nghe kể. Mãi đến ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc, năm 1958, anh là Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Trưởng ban chỉ đạo "Ba xây, ba chống", còn tôi làm Chủ nhiệm công ty thương nghiệp Hải Phòng, sau đó làm Giám đốc Sở Thương nghiệp, khi đó, tôi mới có dịp

gặp anh. Anh thường trao đổi với tôi về kinh nghiệm chống tham ô, móc ngoặc, kinh nghiệm "Ba xây, ba chống" và những vấn đề về lập trường tư tưởng của người cộng sản. Ở anh là tinh thần nói thẳng, nói thật, nói đúng suy nghĩ của mình. Sau này, khi anh được điều vào làm Bí thư Trung ương cục miền Nam, tôi ít khi được gặp anh, nhưng những lần gặp nhau ít ỏi đó, anh thường kể cho tôi nghe về tình hình đấu tranh của cách mạng miền Nam, của Nam Bộ anh hùng.

Sau ngày đất nước hoàn toàn thống nhất, khi tôi là Chủ tịch thành phố, rồi Bí thư Thành Ủy Hải Phòng thì anh là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Cứ vài tháng anh lại xuống Hải Phòng một lần, có tháng xuống 2 lần. Tôi đưa anh đi xem các công trình lấn biển, mở đường tại Cát Bà, Cát

Hải; xuống các làng xã, phố phường tìm hiểu đời sống nhân dân qua phong trào mở ngõ hẻm, xây dựng nhà vệ sinh... mà lúc đó Hải Phòng là địa phương dẫn đầu cả nước. Anh rất phấn khởi nói: "Thế này mới là cách mạng, mới là chủ nghĩa xã hội. Nếu chỉ nói mà không làm thì không bao giờ có cả". Anh rất muốn từ thực tiễn của Hải Phòng xây dựng các mô hình phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Tôi cũng đưa anh đi kiểm tra tình hình sản xuất nông nghiệp tại Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên, có đợt đi hai ba ngày liền. Khi đến cống thủy nông Thượng Đồng, Trung Trang, anh nói: "Phải gọi là cụm thủy nông đầu mối, là tổ hợp tưới tiêu mới đúng tâm cỡ của nó, không thể chỉ gọi là cống". Anh về

thăm nông dân làm khoán, cầm bông lúa trĩu hạt, anh cười rất tươi và nói với tôi: "Chắc chắn miền Bắc sẽ lo được lúa gạo. Miền Nam sẽ không phải đưa gạo ra miền Bắc nữa mà dành cho xuất khẩu". Điều anh nói nay đã thành sự thật. Con số 34 triệu tấn lương thực và hơn 4 triệu tấn gạo xuất khẩu hiện nay đạt được thì thời đó có lẽ chỉ là giấc mơ. Chỉ có anh là dự đoán được.

Năm 1987, tình hình kinh tế xã hội rất khó khăn do mất mùa và không nhập khẩu gạo kịp. Ở Thanh Hóa và Nghệ An đã có người chết đói. Lúc đó anh là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và tôi là Phó, trách nhiệm của anh rất nặng nề. Ngày mồng 4 Tết đầu năm 1988, tôi đến nhà riêng thăm anh. Anh nói mà không cầm được nước mắt: "Tình hình khó khăn quá, tôi phải ở lại Hà Nội để chạy gạo ăn

tết". Sau Tết anh vào Nam để chỉ đạo lo vấn đề lương thực cho dân. Không ngờ mấy hôm sau thì chúng tôi được tin anh mất. Có lẽ do tận tâm, tận lực, trăn trở tìm giải pháp đưa đất nước thoát khỏi thời điểm khó khăn này, công việc đã vắt cạn kiệt sức lực của anh. Anh đã trở về bên Bác Hồ, Các Mác, Lê-nin, nhưng anh đã để lại lòng tiếc thương vô hạn cho đồng bào, đồng chí.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Anh Văn tên gọi thân mật của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Tuy là nhà quân sự số một của Việt Nam, rất bận công việc chuyên ngành, nhưng anh Văn rất quan tâm nghiên cứu về kinh tế. Anh hay tâm sự với tôi: "Đánh thắng giặc ngoại xâm rồi là phải làm kinh tế, nâng cao đời sống

nhân dân, trả ơn đáp nghĩa đối với người đã hy sinh cho tổ quốc, có thực lực xây dựng và bảo vệ tổ quốc...".

Trong thời kỳ Hải Phòng bắt đầu đổi mới, anh thường xuống Hải Phòng xem các công trường có lực lượng võ trang tham gia như quai đê lấn biển, xem đường xuyên đảo, con đường không những chỉ có ý nghĩa về kinh tế mà còn có ý nghĩa lớn về quốc phòng. Anh ra Cát Bà, đi Tiên Lãng, anh vừa thăm hỏi bộ đội làm kinh tế, vừa xem xét bố trí lực lượng bảo vệ bờ biển. Đến đâu anh cũng gặp gỡ các chiến sĩ đang lao động hoặc đang đứng gác, trò chuyện thân mật như cha con trong gia đình. Anh em rất phấn khởi được gặp vị tướng tài huyền thoại mà họ nghĩ không bao giờ được nhìn thấy, nay lại còn được bắt tay, trò chuyện. Nhiều anh em chiến sĩ kể với tôi, sau khi Đại

tướng đã ra về: "Chúng cháu nghĩ đi bộ đội chỉ mong sao được gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp, không ngờ hôm nay được gặp Đại tướng thật, cháu mừng quá! Tối nay cháu phải viết thư về gia đình báo tin mừng cho bố mẹ cháu ngay..."

Anh đi sâu nghiên cứu tình hình nông dân và sản xuất nông nghiệp. Có lần anh xuống cả Mỹ Đức huyện Kiến Thuỵ cả một ngày. Sáng đi xem nông dân sản xuất, anh xem bà con nhổ mạ, cấy lúa, làm đất. Anh hỏi các "lão nông tri điền" rất tỉ mỉ. Mọi người vui mừng được đón Đại tướng xuống tận ruộng để thăm. Không những thế mà còn gợi ý cho bà con nông dân nên trồng cây gì, nuôi con gì cho có hiệu quả. Anh kể chuyện một số nơi anh đã thăm có kinh nghiệm tốt, anh phổ biến lại cho bà con. Mọi người rất phấn khởi.

Buổi chiều anh làm việc với cán bộ lãnh đạo xã tại trụ sở. Đồng chí Sự, Bí thư Đảng Ủy báo cáo công việc của xã, đặc biệt là kết quả khoán sản phẩm trong nông nghiệp, về năng suất lúa, về cải thiện đời sống cho nhân dân. Nghe xong, anh quay sang hỏi tôi: "Ông nghe học trò báo cáo có được không?". Tôi báo cáo với anh, đồng chí Bí thư Đảng Ủy báo cáo thế là chân thật, có thế nào báo cáo thế (Anh Văn hay gọi đùa tôi là "ông thầy kinh tế"). Đại tướng rất ủng hộ chủ trương "Làm giàu đánh thắng" của Đại tướng Nguyễn Quyết, Tư lệnh liên Khu 3 (lúc đó Đại tướng Nguyễn Quyết mới là Trung tướng). Cho nên mỗi lần về thăm Hải Phòng anh lại sang thăm quân khu, hoặc ngược lại đến thăm quân khu 3, thế nào anh cũng ghé qua Hải Phòng thăm Thành Ủy, UBND Thành phố. Có lần vội về, anh ghé thăm tôi tại nhà riêng mấy

phút rồi về Hà Nội.

Tôi nghĩ ít có vị tướng nào tuổi cao mà luôn luôn đáp ứng mong mỏi của quần chúng, nhất là đối với lực lượng võ trang. Đó là điều đáng quí "Để lại non sông một chữ tình" là thế! Đối với tôi, anh Văn hơn tôi 19 tuổi, tôi vốn là hậu sinh, đàn em của anh, nhưng mỗi khi gặp tôi anh đều bảo tôi nói về tình hình kinh tế trong nước và quốc tế cho nghe. Sau đó, anh có những nhận xét sắc sảo về tình hình kinh tế trong nước, cách làm ăn của ta có những ưu, khuyết điểm gì. Mỗi khi có những vấn đề kinh tế anh cần nói chuyện với tôi, anh thường gọi điện cho tôi và hẹn đến thăm. Nhưng bao giờ tôi cũng chủ động đến báo cáo với anh. Có lần anh đến thăm nhà tôi ở số 4 Nguyễn Khắc Cần, có cả chị Hà, phu nhân của anh cùng đi.

Anh chị ngồi chơi nói chuyện với vợ chồng tôi một lúc. Rồi anh bảo tôi lên gác xem nhà ông Thành có đẹp không? Tôi mời anh lên gác xem, anh bảo chị Hà ở lại ngồi chơi với nhà tôi, anh đi ra ngoài ban công nói nhỏ với tôi: "Ma-noeuvre politique" bấy giờ tôi mới hiểu. Có thế thôi mà anh phải thận trọng, phải lên gác và ra ngoài ban công, mà chỉ nói nhỏ thôi. Nay tôi xin phép anh, tôi nói to cho mọi người biết. Khi tôi đến chơi nhà, chị Hà hay nói với tôi: "Anh Văn thật thà lắm? Có gì anh bảo anh Văn giúp". Tôi thưa với chị: "Tôi là học trò đến học anh, còn chị là giáo sư sử học, chị biết câu tục ngữ của tổ tiên ta để lại "Thật thà là cha quỉ quái", chị không nên phiền lòng. Thật thà của anh sẽ để lại "Hồng phúc" cho các cháu".

Những chương trước tôi đã nói về

anh, có những tâm tư u uẩn trong cuộc đời hoạt động của mình vì có những người vu khống lý lịch anh...

Tôi rất buồn khi viết đến đây. Đáng lẽ Đảng ta phải biết bảo vệ những cái tốt đẹp của từng cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cao cấp. Phải coi đó là những báu vật quí hiếm, phải gìn giữ, dồn góp lại thành những viên hồng ngọc để con cháu đời đời noi theo. Còn mỗi người chúng ta phải giữ cho mình trong sạch, lại được tổ chức bảo tồn, thì những tấm gương đó sẽ tái tạo lại ở các thế hệ kế tiếp. Trong sáng, đẹp đẽ như Bác Hồ, đã là tấm gương cho chúng ta noi theo. Tại sao ta không biết làm như vậy, mà lại làm ngược lại. Thật là tiếc lắm thay!

Phó Chủ tịch Nhà nước Lê Thanh Nghị

Đồng chí Lê Thanh Nghị là một nhà cách mạng lớn của Đảng và Nhà nước ta, nguyên là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, người ký Chỉ thị số 100/BBT tháng 1-1981 cho mở rộng khoán sản phẩm nông nghiệp trong cả nước.

Anh vốn xuất thân là một công nhân điện, tham gia cách mạng từ những năm 1930, anh hoạt đồng nhiều ở Hải Dương và Hải Phòng, nhất là thời kỳ tiền khởi nghĩa, anh phụ trách miền Duyên Hải, chỉ đạo khởi nghĩa Hải Phòng, làm Bí thư khu 3 thời bắt đầu kháng chiến, sau về làm Phó Bí thư Liên khu 3, Bí thư Liên khu 3. Anh lấy chị Thanh, người Hải Phòng, nên có mối quan hệ cách mạng và tình

cảm gia đình với Hải Phòng rất thắm thiết. Trong những chương khác tôi đã viết về anh Lê Thanh Nghị, chương này tôi chỉ nêu một số điều về việc anh quan tâm đến phong trào của nhân dân Hải Phòng, đặc biệt của công nhân những năm 60, khi có phong trào "sóng Duyên Hải, gió Đại Phong". Anh phụ trách công nghiệp, thường xuyên xuống Hải Phòng để chỉ đạo và đúc rút kinh nghiệm về thi đua yêu nước, dấy lên từ "Sóng Duyên Hải" làm điểm để phổ biến cho các thành phố và khu công nghiệp khác.

Những năm 70, 80 nhất là sau ngay giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, anh phụ trách kinh tế, công việc bận rộn, nhưng anh vẫn giành cho Hải Phòng sự quan tâm, nhất là khi khó khăn về lương thực cho công nhân. Anh ít nói, điềm tĩnh, suy nghĩ kỹ. Với địch

thì rất kiên cường, không nhượng bộ một bước, nhưng với đồng chí, đồng bào, anh không to tiếng với ai bao giờ. Đồng chí Phạm Hùng kể lại cho tôi nghe về anh Lê Thanh Nghị khi cùng tù với anh Phạm Hùng ở nhà tù Côn Đảo, anh Hùng kể: "Trong những buổi xếp hàng đi làm coóc-vê, hoặc vào phòng ngủ, anh Nghị bao giờ cũng đi trước hoặc đi cùng để đón đòn cho anh em. Địch đánh đập xua đuổi mọi người, anh cứ ung dung thư thái, đĩnh đạc, không bao giờ chạy. Địch càng đánh, anh càng đi thong thả, không nhìn ngang, nhìn ngửa, làm cho địch phải gờm. Các đồng chí khác cũng noi gương anh đi đứng đàng hoàng làm địch phải nể, bớt dùng roi vọt với anh em."

Khi chuẩn bị làm khoán trong nông nghiệp, Thành Ủy Hải Phòng báo cáo

Ban Bí thư, anh Nghị là Thường trực Ban Bí thư, anh chú ý lắng nghe, và đi xem tình hình sản xuất nông nghiệp. Tôi đưa anh đi xem nhiều nơi ở ngoại thành. Khi chuẩn bị ra Chỉ thị 100, Văn phòng Trung ương đã chuẩn bị đưa sang anh ký, anh còn gọi tôi lên nhà riêng để xem đi xem lại từng chữ. Lúc đầu dự thảo nói thẳng là khoán đến hộ gia đình, nhưng chữ "Khoán hộ" lúc đó rất kiêng kỵ coi như phạm "huý". Anh bảo tôi tìm chữ gì thích hợp. Tôi bàn với anh Bùi Quang Tạo, anh Hữu Thọ, trao đi đổi lại, mới tìm được cụm từ có thể được nhiều người đồng tình là: "Khoán đến nhóm lao động và lao động xã viên" đưa lên anh Nghị xem. Anh nhất trí. Sau đó anh Nghị ký Chỉ thị 100/BBT tháng 1-1981.

"Vạn sự khởi đầu nan", từ Nghị quyết của Ban Thường vụ Thành Ủy Hải

Phòng ngày 27-6-1980 về khoán trong nông nghiệp, đến Chỉ thị 100/BBT cách nhau hơn 7 tháng mà biết bao khó khăn vướng mắc, chúng tôi suy nghĩ đắn đo bao tháng ròng và các anh ủng hộ khoán ở Trung ương cũng trăn trở suy nghĩ biết bao ngày đêm để giải quyết. Đói thì đói, nhưng chỉ sợ mất lập trường, mất chủ nghĩa xã hội, mà chủ nghĩa xã hội thì có ai đã hình dung ra được cụ thể như thế nào? Chỉ biết là phải làm cho mọi người sung sướng, hoặc như Marx nói về thời kỳ cuối của xã hội xã hội chủ nghĩa là: hàng hóa phải nhiều như nước trong nguồn chảy ra, mới tiến lên cộng sản được. Thế mà một nước nông nghiệp lại thiếu lương thực, đành chịu chết đói, chỉ vì sợ mất chủ nghĩa xã hội, phá vỡ hợp tác xã. Anh Nghị tâm sự với tôi: "Đánh giặc chết người, tù đày hy sinh gian khổ, chết chóc, thì thống nhất quan điểm lại

dễ. Nay làm ra gạo ăn, không phải đi xin viện trợ, đi xin viện trợ là tôi phụ trách, tôi thấy khó khăn, mình đi lắm cũng ngượng, thế mà khó quá nhỉ?".

Sau khi Chị thị 100 của Ban Bí thư ra được 6 tháng, anh Nghị gọi tôi lên hỏi tình hình thực hiện Chỉ thị 100. Tôi báo cáo là anh yên tâm, trúng rồi đó, quần chúng phấn khởi, lúa tốt lắm! Anh hỏi lại tôi: Sao họ nói quá thể, nhất là Ban Nông nghiệp Trung ương báo cáo, nhiều nơi phá bỏ bờ vùng bờ thửa đã qui hoạch... Họ kêu lắm!". Tôi báo cáo anh: "Một số anh em chưa thông với Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, nên hay tập hợp những mặt tiêu cực, đối khi còn nói vống lên... Anh yên tâm là tôi báo cáo đúng, không một chiều...". Lúc đó anh Nghị mới yên tâm. Chị Thanh, phu nhân anh Nghị nói chen vào: "Mấy hôm nay anh lo lắm! Vì anh

là người ký Chỉ thị 100, nếu sai họ sẽ đổ cho anh hết, hôm nay chú nói chắc vậy anh mới yên tâm". Tôi xin phép về. Anh Nghị dặn có gì khó khăn phải cho biết ngay. Sau 3 tháng lên nói cho anh nghe kết quả.

Đúng như anh Tô nói: "Làm mà ăn cũng khó khăn thế đấy!". Đến năm 1989, tôi làm Bộ Trưởng Kinh tế đối ngoại, ký chuyến xuất khẩu gạo đầu tiên, tôi đến báo cáo anh Nghị. Anh ngẫm nghĩ và rưng rưng nước mắt. Chị Nghị bảo "Bây giờ Ba phải vui chứ! Có gạo ăn rồi, lại có gạo xuất khẩu không phải đi xin nữa, sao Ba lại khóc..." (Chị Nghị thường gọi anh Nghị bằng Ba). Cuối năm 1990, gạo xuất được nhiều hơn, gần 2 triệu tấn, thì anh Lê Thanh Nghị của chúng ta qua đời. Một con người suốt cuộc đời lo cho dân, cho nước. Địch tra tấn, đánh đập, không một

tiếng kêu, bình tĩnh, thản nhiên. Khi dân có gạo ăn lại khóc, khóc vì sung sướng, khóc vì 2 triệu người chết đói năm 1945 do nước mất nhà tan!

Chủ tịch nước Võ Chí Công

Những năm cuối thập kỷ 70 đầu thập kỷ 80, anh Võ Chí Công là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng phụ trách Nông nghiệp và Thủy sản. Anh thường xuống Hải Phòng làm việc và tôi mới có dịp làm việc với anh Năm Công (tên gọi thân mật của đồng chí Võ Chí Công), con người nổi tiếng trong cuộc kháng chiến chống chiến tranh xâm lược miền Nam nước ta. Tại Liên khu 3, Khu 6 miền Trung anh hoạt động với chức danh công khai là Đại diện Đảng Nhân dân Cách mạng trong Mặt trận Giải phóng miền

Nam thống nhất đất nước, với dáng vóc một nhà nông, khoẻ mạnh, dễ thương. Tôi gặp anh lần đầu đã thấy mến anh. Với giọng nói miền Trung, ngắn gọn, thẳng thắn, không dài dòng, đi ngay vào công việc.

Thời gian đó, Hải Phòng đang chuẩn bị khoán trong nông nghiệp. Với cương vị Ủy biên Bộ Chính trị, anh ủng hộ ý kiến đề xuất của Hải Phòng rất tích cực. Anh nói rất đơn giản: "Để nông dân người ta cày cấy cho có gạo ăn và nộp thuế cho Nhà nước. Mỗi người có mấy sào bắc bộ có đáng là bao mà sợ họ trở thành địa chủ". Tôi đưa anh đi xem sản xuất nông nghiệp hồi đó. Anh bảo: "Cứ để làm ăn như thế này thì đói triền miên... tôi sẽ về giúp Thành phố thuyết phục các ngành Trung ương ủng hộ Hải Phòng về khoán trong nông nghiệp".

Khi Hải Phòng ra NQ số 24 của Ban Thường vụ Thành Ủy, anh Võ Chí Công rất hoan nghênh và ra sức tuyên truyền cho khoán của Hải Phòng. Khi có Chị thị 100 của Ban Bí thư, có cuộc họp sơ kết khoán sản phẩm nông nghiệp ở Hải Phòng và phổ biến Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, về việc mở rộng khoán ra toàn quốc, được tổ chức tại Hải Phòng trong 2 ngày. Ngày hôm sau tổng kết hội nghị, đáng lẽ anh Tố Hữu Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư sẽ xuống Hải Phòng tổng kết, nhưng vì bận nên anh Võ Chí Công thay mặt Bộ Chính trị và Ban Bí thư tổng kết hội nghị. Trong hội nghị này có một số đại biểu chưa thông với Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, có ý kiến không tán thành. Nhưng khi tổng kết, anh Võ Chí Công nói: "Khoán là đúng rồi, các đồng chí đừng sợ. Nếu khoán làm cho trời sụp đổ, tôi sẽ chịu trách nhiệm.".

Ở những bước ngoặt lịch sử trong chiến tranh cũng như trong hòa bình xây dựng kinh tế, phải có những đồng chí dám quyết đoán như vậy mới đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng vượt qua được khó khăn, đặc biệt những lúc gay cấn, khắc nghiệt, nếu do dự kéo dài chỉ khổ cho nhân dân, gây tổn thất cho cách mạng.

Anh Lê Đức Thọ, anh Tố Hữu

Hai anh như hai ngôi sao đổi ngôi cho nhau. Anh Lê Đức Thọ nhà chính trị xuất sắc, nhà ngoại giao nổi tiếng ở Hội nghị Paris lại quan tâm làm thơ. Còn anh Tố Hữu nhà thơ cách mạng vĩ đại lại sang làm kinh tế. Hai anh có duyên nợ với nhau, tôi là người đứng giữa cũng được "thơm" lây và cũng bị "vạ" lây.

Về hai anh trong các chương trước tôi đã viết. Chương này chỉ kể vài chuyện về hai anh đối với Hải Phòng và cá nhân tôi.

Hai anh đều rất quí mến Đảng bộ và nhân dân Hải Phòng, nhất là thời kỳ đổi mới của Hải Phòng, hai anh đều quan tâm, có những lời khen động viên phong trào và cá nhân tôi rất chân thành.

Anh Tố Hữu lại có cả bài thơ "Mừng Hải Phòng" tôi đã nhắc ở chương trước. Ở đây tôi chỉ nói bài thơ có 12 câu này, đã có người phản ảnh sai sự thật và anh Lê Đức Thọ đã phê phán tôi tại Hội nghị các Trưởng ban Tuyên huấn toàn quốc, trước thềm của Đại hội Đảng lần thứ 6 (1986).

Năm 2000, tôi gặp anh Tố Hữu cùng đi họp ở Quốc hội. Anh Tố Hữu nhắc

tới bài thơ "Mừng Hải Phòng". Tôi báo cáo anh Tố Hữu: "Được anh khen mà tôi xuýt chết đấy!" Tôi kể cho anh nghe, anh bảo tôi: "Thế cơ à, mình không biết". Anh Tố Hữu không những chỉ khen bằng thơ mà lúc đó anh là Phó Thủ tướng Thường trực, đi đâu, có gì hay, hoặc có điều gì không rõ, anh đều đến Hải Phòng phổ biến kinh nghiệm tốt, bàn bạc những vấn đề chưa sáng tỏ. Anh đi kiểm tra Hải Phòng từ nội thành đến ngoại thành, xem công trường quai đê lấn biển Đồ Sơn...

Tết âm lịch 1982, ngày 30, anh từ Quảng Ninh về, tôi mời anh ở lại ăn bữa cơm "tất niên" rồi sẽ về Hà Nội. Ăn cơm xong, trước khi ra về anh đọc cho tôi nghe bài thơ anh mới sáng tác ở Quảng Ninh "... Đêm 30 riêng một ngọn đèn; Dở, hay khôn, dại những chê khen...".

Anh bảo tôi góp ý kiến. Tôi không dám góp, vì ngôn từ và ý của anh đã chuẩn lắm rồi, tôi cho rằng bài thơ in ra sẽ có nhiều người khen về tâm tư thực của nhà kinh tế quốc gia, song chắc sẽ có người chê. Đúng như vậy, khi bài thơ in ra có nhiều ý kiến khen chê, có cả ý kiến xuyên tạc. Sau Tết anh gặp tôi, nhắc đến bài thơ đó. Anh bảo: "Đời là thế đấy, Thành ạ! ".

Anh Lê Đức Thọ sau khi nhận được bài thơ trọn vẹn 12 câu của anh Tố Hữu "Mừng Hải Phòng", anh không nói gì, tỏ vẻ nghĩ ngợi. Mãi đến năm 1990 trước khi qua đời khoảng 30 ngày, anh Lê Đức Thọ bảo tôi đến chơi. Anh bảo các đồng chí bác sĩ, bảo vệ ra ngoài. Anh nói chuyện với tôi khoảng 40 phút, tôi vừa nghe vừa bóp tay cho anh, vì anh đang bị đau tay và vai bên phải do bệnh ung thư hành hạ. Anh rất tỉnh táo nói với tôi

nhiều chuyện tâm phúc, mang tính dặn dò đàn em trước khi từ biệt cõi đời. Cuối cùng anh nói: "Ngay bài thơ của anh Tố Hữu mừng Hải Phòng, họ cũng phản ảnh sai sự thật...

"Thôi nhé cậu về". Tôi bắt tay anh, đứng dậy chào anh ra về. Vài hôm sau anh vào bệnh viện 108 và qua đời. Trước khi anh mất 3 ngày, tôi còn vào bệnh viện thăm anh, anh chỉ gật đầu mà không nói được.

Tôi và anh Lê Đức Thọ có duyên gặp nhau khi đến thăm anh Lê Duẩn, tháng 5-1986. Khi tôi ở Hải Phòng đến thăm anh Lê Duẩn đang ốm ở nhà biệt thự số 10 Hồ Tây, thì gặp anh Lê Đức Thọ vừa ra khỏi cổng. Năm 1988 lần giỗ thứ hai ngày mất của anh Ba, tôi đến thắp hương cho anh, lại gặp anh Lê Đức Thọ ở giữa sân. Anh vừa vào thắp hương cho anh Ba

xong. Tôi chào anh, hỏi thăm sức khoẻ anh, rồi tôi vào thắp hương cho anh Ba. Giáo sư, tiến sĩ Hồ Ngọc Đại, con rể anh Ba ra đón tôi. Hồ Ngọc Đại nói: "Anh Lê Đức Thọ vừa khen anh". Tôi hỏi: "Khen thế nào?" Đồng chí Hồ Ngọc Đại nói: "Anh Thọ khen ba tôi chọn anh là chính xác". Tôi suy ngẫm lại, sau Đại hội 6, anh Thọ quả có quan tâm đến tôi thật.

Các anh Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn, Văn Tiến Dũng, Chu Huy Mân, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Đức Tâm, Đồng Sĩ Nguyên, Hoàng Tùng, Vũ Oanh, Nguyễn Quyết, Lê Quang Đạo... cũng rất quan tâm đến cuộc đổi mới của Hải Phòng.

Anh Nguyễn Duy Trinh 30 Tết năm 1981 còn xuống Hải Phòng, bàn biện pháp tìm ra vốn để phát triển sản xuất, khai hoang lấn biển.

Anh Trần Quốc Hoàn, mồng 2 Tết năm 1982 xuống thăm và chúc Tết nhân dân Hải Phòng, xem khoán sản phẩm trong nông nghiệp kết quả ra sao. Anh bảo tôi: "Thiếu lương thực thì phải khoán thôi, sau này có đủ lương thực rồi phải nghĩ cách nào vừa có lương thực, vừa giữ được hợp tác xã". Tôi báo cáo với anh: "có thực mới vực được đạo" có đủ lương thực ăn, nhân dân no ấm, được học hành sẽ nghĩ được nhiều cách làm tốt hơn, phát triển được sản xuất, lúc đó nông dân sẽ tự nguyện cùng hợp tác làm ăn, lúc đó hợp tác xã mới có thực chất và vững mạnh. Anh bảo tôi: "Thế thì tốt quá!" Tôi biết anh vẫn còn phân vân với khoán sản phẩm trong nông nghiệp.

Anh Văn Tiến Dũng, anh Chu Huy Mân, hai vị Đại tướng tuy rất bận công việc quân sự, nhưng hai anh hàng năm

vẫn xuống Hải Phòng thăm đất cảng làm ăn. Có lần họp Trung ương, anh Văn Tiến Dũng bảo tôi sang sân bay Bạch Mai đi trực thăng với anh về Hải Phòng quan sát hệ thống phòng thủ bờ biển và khai hoang lấn biển của lực lượng vũ trang ở Vinh Quang, Tiên Lãng... Sau đó anh về quân khu 3, hôm sau đi thăm Cát Bà, Cát Hải, thăm một số hợp tác xã nông nghiệp ngoại thành. Anh rất vui về một thành phố công nghiệp đã tự túc được lương thực.

Anh Chu Huy Mân đi thuyền, lội bãi lầy ra thăm bộ đội đào kênh Cái Tráp, cắt ngang huyện Cát Hải, từ Lạch Huyện sang sông Bạch Đằng, rút ngắn hơn 20 km đường thủy từ Hồng Gai về Hải Phòng không phải qua sông Chanh, sông Ruột Lợn của Quảng Ninh và Thủy Nguyên, rất thuận lợi cho vận tải biển.

Hải quân xuất kích ra biển cũng rút ngắn được khá nhiều thời gian. Anh Chu Huy Mân khen những suy nghĩ của lãnh đạo địa phương đã kết hợp kinh tế với quốc phòng rất chặt chẽ, một công đôi việc, tiết kiệm được xăng dầu, thời gian, sau này cảng Hải Phòng mở rộng ra biển thì lại càng có hiệu quả lớn.

Anh Nguyễn Thanh Bình là người luôn luôn suy nghĩ tìm cách cải tiến quản lý kinh tế và luôn luôn ủng hộ cái mới. Anh nhìn nhận vấn đề đổi mới rất nhanh. Anh lúc nào cũng bảo vệ những cán bộ dám nghĩ dám làm, dám khuyến khích động viên họ. Anh thẳng thắn phê bình tư tưởng bảo thủ, chế độ ban ơn, xin, cho, của một số cán bộ lãnh đạo lúc đó. Đối với Hải Phòng đổi mới, coi như anh ủng hộ tuyệt đối. Anh luôn luôn động viên giúp đỡ Hải Phòng đi lên, nhất

là khi chuẩn bị làm khoán, có nhiều lực cản ghê gớm. Anh phê phán rất quyết liệt những hành động cản trở nhân tố mới ra đời.

Anh Nguyễn Đức Tâm, nhà tổ chức thận trọng và khiêm tốn. Anh nghiên cứu về cán bộ, hoặc đi thăm những nơi sản xuất, đến các công trình của Hải Phòng. Anh suy nghĩ cách làm, gợi ý nhỏ nhẹ cho địa phương suy nghĩ từng việc cụ thể, để thực hiện cho tốt. Anh làm tổ chức nên rất quan tâm đến quá trình hoạt động của cán bộ. Anh lo cho những cán bộ chủ chốt có được một lý lịch chân thực trong sạch, không còn hiện tượng man khai lý lịch, lừa dối tổ chức để lên chức lên quyền. Đối với cá nhân tôi, tôi biết anh theo dõi và nghiên cứu tiểu sử cá nhân tôi rất kỹ. Nên khi một số người xấu vu khống lý lịch tôi, anh thường đặt

đi đặt lại câu hỏi rất nhiều lần với tôi: "Anh phải xem kỹ, đằng sau vấn đề này là vấn đề gì? Chẳng nhẽ hơn một chục cán bộ chủ chốt của Hải Phòng không có thù ghét gì với anh, họ chẳng có một chút chứng cứ gì trong tay, mà dám ký tên tập thể tố cáo anh, tại sao? Cần suy nghĩ tìm ra cho được nguyên nhân". Tôi phải khất lại để suy nghĩ và tìm hiểu, không thể suy diễn bừa được. Đến ngày 2-8-2003 tôi đã tìm ra nguyên nhân để trả lời câu hỏi khó khăn phức tạp đó.

Tháng 1-2004, tôi gặp anh. Tôi tưởng bây giờ anh đã nghỉ, chắc anh cũng quên việc của tôi. Không ngờ sau những câu chuyện thông thường. Anh lại nghiêm nghị hỏi: "Cái việc anh Tô Duy, anh đã tìm ra cái gì ở đằng sau đó chưa?" Hôm đó tôi báo cáo với anh, tôi đã tìm ra rồi. Đó là anh Đỗ Mười, nguyên Tổng Bí

thư của Đảng ta chỉ đạo anh Tô Duy vu khống tôi hơn 20 năm qua. Anh Tâm bảo tôi: "Có thế chứ, vô lý những con người đó tự nhiên lại ký và tố cáo dai dẳng. Khi tổ chức đã kết luận và đã chúng minh đầy đủ họ sai, nhưng họ vẫn làm, vậy phải có nguyên nhân sâu xa. Tôi làm tổ chức tôi hiểu điều đó rất rõ". Rồi anh thở phào nhẹ nhõm, như vừa trút được một gánh nặng. Tôi báo cáo anh, tôi cũng thấy buồn, tôi không nghĩ con người đó lại là con người như vậy, buồn cho mình, buồn cho Đảng ta.

Anh Đồng Sĩ Nguyên, một nhà hành động thực tiễn. Anh luôn xông pha vào những nơi khó khăn gian khổ, từ tư lệnh Đoàn 559, bí hiệu của Binh đoàn Trường Sơn, phụ trách hàng nghìn km trong rừng sâu. Anh thường giới thiệu với tôi về động Phong Nha - Kẻ Bàng, và bảo

tôi giới thiệu với bên ngoài và kêu gọi đầu tư. Tôi đã giới thiệu với khách nước ngoài về "Động" nổi tiếng của Việt Nam.

Tháng 6-2004 trong dịp vào dự Festival Huế, tôi đã đi thăm những nơi anh giới thiệu, như động Phong Nha - Kẻ Bàng, Nghĩa trang Trường Sơn, Mười cô gái ngã ba Đồng Lộc và đường Hồ Chí Minh đang xây dựng. Tôi đã đi hơn 200 km đường Hồ Chí Minh từ Quảng Trị - Quảng Bình - Hà Tĩnh, tôi lại suy ngẫm về con người anh Đồng Sĩ Nguyên, tuy tuổi già, vẫn nhận làm phái viên Chính phủ, chỉ đạo và làm cố vấn cho các công trình. Khi còn là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng, Bộ Trưởng Bộ Giao thông anh thường về Hải Phòng làm việc với tôi. Anh em ý hợp tâm đầu, công việc bàn xong là quyết, là làm, không bàn đi bàn lại vòng vo mất thì giờ. Khi giải quyết

công việc của Cảng, mở rộng đường 5, đường xuyên đảo Đình Vũ, đào kênh Cái Tráp... bàn đến đâu chúng tôi nhất trí với nhau rất nhanh và bắt tay vào việc.

Tôi biết anh khi anh là Phó Tổng Tham mưu trưởng, từ những năm 1964-1965, anh về bàn với Hải Phòng chuẩn bị mọi điều kiện chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc. Từ đó cho đến sau này lên Trung ương làm việc với anh trong Thường Vụ Hội đồng Bộ trưởng, tôi thấy lúc nào anh cũng năng nổ, bàn hết việc này đến việc khác, suy nghĩ cách làm cho có hiệu quả. Có đồng chí nói anh Đồng Sĩ Nguyên thuộc phái bảo thủ. Nhưng anh làm việc với tôi, cho đến hôm nay, tôi vẫn thấy anh là người hành động, ít bàn lý sự dông dài. Còn tôi ở Hải Phòng là một trong những địa phương đổi mới

sớm nhất, những vấn đề như khoán trong nông nghiệp, bỏ tem phiếu, xóa bỏ chế độ bán gia cầm, lợn cho nông dân... tôi trao đổi với anh, anh rất đồng tình. Anh còn nói nông dân khổ lắm. Kháng chiến, hầu hết là nông dân ra trận. Vợ con ở nhà làm ruộng đóng góp lúa gạo cho chiến trường, hai sương một nắng khổ lắm! Nay bớt cho bà con thứ nào hay thứ đó. Nhưng anh có suy nghĩ kỹ, anh hỏi lại tôi: "Thế ông Thành đã nghĩ lấy gì cho bộ đội ăn chưa?". Tôi đã phân tích về cách giải quyết cái ăn, cái mặc cho lực lượng võ trang và cán bộ công nhân viên. Anh nghe xong nói ngay: "Thế thì tôi giơ cả hai tay ủng hộ ông". Rồi "khịt, khịt" vài ba cái, anh nói: "Ông nghĩ hay đấy, làm đi". Tôi chưa thấy một lời nói, một việc làm "bảo thủ" của anh với tôi cả. Đến nay con người hành động Đồng Sĩ Nguyên vẫn đi bộ dọc Trường Sơn, để

chỉ đạo một con đường dài hơn 2500 km, xuyên Việt. Tất nhiên đã có đường nhựa bóng lộn, chẳng nhẽ lại không đi ô tô. Tôi đã đi trên 200 km nhựa bê tông bóng loáng, một còn đường dài nhất xuyên qua Trường Sơn Đông - Trường Sơn Tây mang tên Bác. Tôi đi trên đoạn đường hơn 200 km, chỉ mong gặp anh Đồng Sĩ Nguyên để nói một câu: "Anh đã để lại dấu chân anh trên dọc con đường này trong hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ. Nay dấu chân anh để lại trên con đường nhựa dài suốt từ Việc Bắc đến đồng bằng Nam Bộ, đến Năm Căn, Cà Mau". Xây dựng con đường này đã kết hợp kinh tế với quốc phòng, nhất là du lịch, rất hay. Tôi mới "cưỡi ngựa xem hoa" nhưng thấy những nhánh đường rẽ vào nghĩa trang Trường Sơn, vào Phong Nha - Kẻ Bàng rồi ra ngã ba Đồng Lộc, nói rõ nét ý tưởng của nhà hoạch định ra

con đường huyền thoại này. Đi một đoạn đường ngắn mà thấy mình trẻ lại. Chỉ có điều là đường còn hẹp, nhiều đoạn không bắc cầu qua suối, đường phải uốn theo sườn núi ngoằn ngoèo, khúc khủyu, làm cho tốc độ xe bị giảm nhiều.

Các anh Hoàng Tùng, Vũ Oanh, Nguyễn Quyết, Lê Quang Đạo. Khi ấy các anh là Ủy viên Ban Bí thư, các anh là những người đầu tiên ủng hộ khoán trong nông nghiệp. Anh Hoàng Tùng lúc đó là Trưởng Ban tuyên huấn, anh luôn đưa những nhà báo ủng hộ khoán như: Hữu Thọ, Lê Điền, Thái Duy... theo sát tình hình Hải Phòng và có những bài báo đấu tranh nảy lửa trên báo chí để ủng hộ khoán. Anh Hoàng Tùng mỗi khi về Hải Phòng, thường bàn với anh Bùi Quang Tạo và tôi những cách xử sự của Trung ương, để làm cơ sở mở rộng khoán ra cả

nước. Anh tha thiết với phong trào Hải Phòng về cả lý trí và tình cảm. Con người đã 2 lần làm Bí thư Thành Ủy Hải Phòng, mặc dù mỗi lần vài ba tháng trong những năm đầu cách mạng tháng 8 mới thành công. Đến nay anh Hoàng Tùng còn để lại nhiều kỷ niệm với Đảng bộ và nhân dân Hải Phòng.

Anh Vũ Oanh, tôi đã nói ở chương trước, anh say mê với đổi mới của Hải Phòng, nhất là nông nghiệp. Khi anh làm Trưởng Ban Nông nghiệp Trung ương, anh thường xuyên xuống Hải Phòng rút kinh nghiệm và góp nhiều ý kiến cho địa phương. Một tầm nhìn xa và tiên đoán sớm của anh là: "Khoán sản phẩm trong nông nghiệp là chìa khóa vàng.". Nay nó không phải là chìa khóa nữa mà là "kho vàng". Anh Nguyễn Quyết, khi anh là Tư lệnh, Chính Ủy quân khu 3, anh đã cùng

Đảng Ủy quân khu đề ra phong trào "Làm giàu đánh thắng", đã góp sức toàn quân cùng các địa phương khai hoang lấn biển, mở rộng địa bàn, bảo vệ miền duyên hải. Anh rất quan tâm giúp đỡ địa phương, bất cứ lúc nào Hải Phòng yêu cầu cái gì là Quân khu ủng hộ ngay, từ lực lượng lao động, đến phương tiện vận tải mà quân khu có. Anh đã đóng góp cho Hải Phòng trong những công trình lớn như đắp đê đường 14 Đồ Sơn, đường xuyên đảo, đào kênh Cái Tráp. Anh là nhà quân sự kỳ cựu, một vị Đại tướng, nhưng nhìn về kinh tế anh cũng có cái nhìn sắc sảo. Phải có kinh tế mạnh mới có quốc phòng mạnh. Khi làm Tư lệnh Quân khu, trong điều kiện kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, anh đã huy động quân đội làm kinh tế để bổ sung bữa cơm, cho chiến sĩ có lương thực, thực phẩm khá hơn, doanh trại xây dựng

khang trang hơn, từng bước góp phần cải thiện đời sống cho lực lượng vũ trang, không chỉ trong quân khu mà cả nước.

Anh Lê Quang Đạo, anh theo sát tình hình khoán Hải Phòng chặt chẽ để ủng hộ, nhưng có nhiều lo lắng. Trong các cuộc họp Quốc hội, hễ anh gặp tôi là hỏi kết quả khoán ra sao? Trên Trung ương lắm ý kiến khác nhau lắm, anh thường thông tin cho tôi biết những ý kiến trái chiều để đề phòng. Anh hỏi thăm ý kiến các đồng chí chủ chốt trong Bộ Chính trị ra sao, nhất là ý kiến anh Trường Chinh. Anh lo ngại ở cái "post" đó. Hình như trước đây đã có thời kỳ anh làm Thư ký cho anh Trường Chinh thì phải (?). Tôi thấy anh biết rất chi tiết về tính tình và phong cách làm việc của anh Trường Chinh. Anh khuyên tôi phải lay chuyển được cái "post" quan trọng đó thì khoán

mới thành công trong cả nước. Nếu không chỉ "khoán chui" thì kinh tế khó khăn vẫn y nguyên. Anh Lê Quang Đạo là con người cẩn thận, anh mỗi lần nói anh lại nhắc tôi: "Tôi chỉ thông tin cho anh biết thôi nhé, để chọn lựa cách làm việc cho kết quả". Tôi hiểu ý anh.

Ngoài các anh tôi đã nhớ được, tôi nêu ở chương này, còn biết bao nhiêu đồng chí Ủy viên Trung ương khác, như: đồng chí Hồ Nghinh, đồng chí Vũ Quang, đồng chí Trương Kiện... đã hết lòng ủng hộ Hải Phòng, để Hải Phòng bứt ra khỏi cơ chế kế hoạch hóa, tập trung bao cấp. Tôi rất biết ơn các anh vì sự nghiệp chung của đất nước. Có anh còn lo cho cả cá nhân tôi. Nếu khoán trong nông nghiệp không thành thì sao? Đó là những tấm lòng vì đất nước, vì tình đồng chí, thân thương, cùng nhau phấn

đấu cho một Việt Nam giàu có, bảo đảm cho hôm nay và mãi mãi mai sau phải là: dân giàu, nước mạnh, ấm no, hạnh phúc.

Chương 11

KẾT LUẬN

Ý thứ nhất: Người ta ở đời từ khi biết nghĩ cho tới tuổi trưởng thành, ai ai cũng mong sao được học hành đến nơi đến chốn, thành đạt, có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Chẳng ai muốn mình khổ cả. Tuy nhiên đời là biển khổ, khó ai tránh khỏi một lần rơi vào cái biển mênh mông đó. Nhưng được như vậy cũng lấy làm hạnh phúc lắm rồi.

Còn tôi, tôi thấy suốt đời mình là

khổ, cho đến tận những năm tháng cuối bây giờ, tuy nhiều người cứ nói tôi có hậu vận tốt. Với tôi, xấu tốt cũng không mấy ý nghĩa, tôi chỉ mong làm được nhiều việc cho nước, cho dân, góp phần biến cái biển khổ đó thành ra biển sướng. Được vậy hạnh phúc biết bao!

Rất tiếc ước mơ đó từ tuổi vị thành niên của tôi đã không thực hiện được đến nơi đến chốn. Tôi tham gia cách mạng khi mới bước vào đời, được các đồng chí đi trước tuyên truyền dìu dắt, nhất là ông Đoàn Hữu Lộng, chú họ tôi, một người kiểu mẫu xứng đáng. Dù ông không tham gia cách mạng được hết cuộc đời, nhưng ông đã sống, đã giữ trọn đạo đức, phẩm tiết cho tới tận tuổi 89, rồi qua đời ông luôn là tấm gương lớn cho tôi noi theo: Không giả dối, không bon chen, chỉ mong góp phần xây dựng đất nước, sao

cho nước giầu để mình sẽ cùng ở trong cái bể giầu đó mới thật thỏa nguyện. Cứ ước mơ và ước mơ, hành động và hành động, cho tới tận cuối đời vẫn thế.

Gần hết cuộc đời với 58 năm đi làm cách mạng, tôi gặp rất nhiều người tốt, kẻ xấu, nhưng lúc nào tôi cũng lạc quan cho rằng số kẻ xấu kia sẽ ngày một hết dần, không thể cứ tồn tại mãi. Có thể sự lạc quan đó do được cách mạng giáo dục, đào tạo, nhất là chúng ta có tấm gương nhân ái của Bác Hồ vĩ đại để noi theo. Bởi vậy tôi có đức tin vào người đi trước, có sự tin tưởng vô tư vào lớp trẻ đi sau.

Gặp bất cứ trường hợp nào người ta không tốt, đối xấu với mình, tôi đều nghĩ đó là thiểu số, không đáng kể. Miễn sao số đông biết vì lợi ích của Tổ quốc dám hy sinh thân mình, hy sinh quyền lợi cá nhân để dành tất cả cho dân tộc. Không

thể vì lẽ gì cả một dân tộc hy sinh hàng triệu con người để đổi lấy độc lập tự do hạnh phúc, mà có người lại xấu, lại ích kỷ hại nhân, hoặc bon chen, giành quyền lợi cho riêng mình hưởng thụ.

Ngày hôm nay ngồi viết những trang hồi ký cuối đời này, tôi cũng chỉ muốn thêm một chút nữa góp phần xây dựng Đảng, xây dựng đất nước phồn vinh, khắc phục những gì đang cản trở đất nước đi lên. Tôi lường trước những trang viết không chỉ mang lại lợi ích chung như tôi mong muốn mà biết đấu nó cũng có thể mang lại nguy hiểm cho tính mạng cá nhân người viết. Nhưng tôi xác định viết ra cho toàn Đảng, toàn dân khắc phục được khuyết điểm để tồn tại và phát triển, thì sự hy sinh nào cũng đáng giá. Nhất định phải có một biển sướng, không phải biển khổ! Nếu mình

vẫn tồn tại được bơi vài giây phút trong đó cũng toại nguyện lắm rồi. Còn nếu mình không được hưởng thì sau này con cháu, họ hàng, bạn bè, chiến hữu cùng toàn dân tộc được bơi trong một biển sướng, như thế dù sống hay chết cũng là làm trọn nhiệm vụ với dân với nước!

Biết bao suy nghĩ dằn vặt trước khi tôi đặt bút viết tập hồi ký này sao cho "vừa đủ", nghĩa là không dài quá, không ngắn quá, không nói thừa. Tôi chỉ nói lên một sự thật hiển nhiên trong cuộc đời tôi, cuộc đời ấy hơn một nửa thế kỷ chịu bao cam go mới có tư liệu thật, tư liệu sống để viết lại. Cuốn hồi ký trước hết tôi dành cho con cháu, đồng chí thân thiết, sau nữa dành cho những ai quan tâm đến thời cuộc, hoặc quan tâm đến tác giả, đọc để rút ra một chút gì có ích cho mình, hoặc đọc giải trí cho khuây

khoả tuổi già, hoặc khích lệ lòng ham muốn cho tuổi trẻ. Được như vậy cũng là cách làm giàu và phong phú tư duy cho mọi người chứ sao? Đó cũng là một phần "biển sướng tinh thần" vô cùng quan trọng đối với những ai quan tâm đến sự nghiệp xây dựng cơ sở, vật chất cho chủ nghĩa xã hội chứ sao?

Ý thứ hai: Rút ra từ những trang hồi ký, người ta có thể thấy: Muốn thế giới tồn tại và phát triển lành mạnh được, đòi hỏi phải có những cái đầu trí tuệ mới có thể khắc phục biết bao nhiêu khó khăn, ví như:

- Về thiên nhiên: Trời đất xoay vần, nóng lạnh, bão tố, lũ lụt, mưa gió thất thường, không theo quy luật nhất định và con người không thể lúc nào cũng dự đoán, nắm bắt chính xác được. Điều đó không chỉ do thiên nhiên, mà còn do ý

thức thiển cận, thiếu học vấn của con người cộng với lòng tham không đáng có, tất cả đã tác động vào thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường, làm thủng tầng ôzôn, gây ra nóng lạnh thất thường, băng giá, tuyết tan... khó lòng khống chế được.

- Về con người: Con người ta bản chất bao giờ cũng có hai phần: Phần Con và phần Người. Nếu không học tập rèn luyện, không có trí tuệ thì hành động cũng giống như súc vật. Thế cho nên để con người khác súc vật, mới gọi người là Con người, chứ không gọi con người là súc vật cao cấp. Đã là súc vật thì cao cấp mấy cũng không có phần Người như con người vốn có. Từ ngàn xưa con người đã biết muốn được sống hạnh phúc cho mình thì phải biết tạo cho người khác, cho đồng loại cùng sung sướng, gọi là tính nhân quần. Bởi thế các bậc chí

tôn, hiền giả mới nghĩ ra bao nhiêu học thuyết, đạo lý, tìm mọi cách giáo dục, thuyết phục mọi người phải sống theo tính nhân quần ấy. Nhưng tiếc thay chỉ một số rất ít, và rất ít người đi theo, làm theo lời các bậc cứu thế đó. Còn lại số đông, nhất là những người có quyền, có thế, lại vận dụng những học thuyết cao cả để che giấu sai lầm của mình, lừa dối người khác, vụ lợi cá nhân.

Loài người qua kinh nghiệm đấu tranh, quảng đại quần chúng cũng ngày một khôn lên, biết tận dụng thế mạnh của mình, thế yếu của kẻ cầm quyền, rút kinh nghiệm sống còn: Không có cây gậy giữ thân thì không thể tồn tại được. Và những người cầm quyền cũng rút ra rằng dù mạnh mấy mà không có một cơ chế quản lý vững thì cũng dẫn đến: "Nhất đại vi quan, vạn đại vi dân". Lúc

đó sẽ như câu ca dao: Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa thì quét lá đa. Bao giờ trời nổi can qua, con vua thất thế lại ra quét chùa.

Bởi vậy kẻ cai trị và người dân bị trị gặp nhau ở một điểm là phải tìm ra một khuôn khổ để cùng nhau tồn tại, ai cũng được bình đẳng, sung sướng. Cái khuôn khổ đó đã được các vĩ nhân qua nhiều thời đại cố gắng tìm ra, nhưng nó có mặt hay, có mặt dở, không cái nào trọn vẹn. Tất nhiên theo quy luật tiếp thu truyền thống những phát kiến sau thường có mặt tiến bộ, hợp lý hơn trước. Cho tới khi học thuyết của Marx ra đời, nó mang tính nhân văn cao hơn hẳn, có sức thuyết phục hơn hẳn.

Nhưng dù sao đó mới chỉ là học thuyết, chưa có thực tế kiểm nghiệm. Rồi Cách mạng tháng 10 Nga năm 1917

Lênin đã đem học thuyết vĩ đại đó áp dụng vào một đất nước rộng 1/6 địa cầu, là người có công rất lớn. Ông vận dụng sáng tạo học thuyết của Marx vào nước Nga, đem lại một số kinh nghiệm cho loài người. Việc Stalin lãnh đạo nước Nga làm nên chiến thắng kỳ diệu chống phát xít Đức là nhờ tinh thần quật cường của dân tộc Nga, kết hợp với tính quyết liệt, bất chấp nguy nan và thiên tài quân sự của người lãnh đạo tối cao làm nên. Hơn ai hết dân tộc Nga hiểu rằng phải đánh thắng phát xít Đức mới mong thực hiện được ý tưởng của Marx - Lênin. Đó là động lực tinh thần quan trọng, là quyết tâm biến ước mơ thành hành động của nhân dân Liên Xô. Khi thế chiến thứ hai kết thúc, vòng nguyệt quế với bao lời tung hô chiến thắng, đã tạo nên một đám mây đen che phủ trong đầu những người lãnh đạo đất nước rộng nhất thế giới này.

Sự vinh quang làm cho họ mê mụ, hay phần lớn những cái đầu hạn hẹp kiến thức đã trút hết trí lực vào cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại rồi, nay số kiến thức dành cho việc xây dựng và phát triển đất nước đã không nhiều lại bị đám mây đen nói trên che phủ, nên suy tư cho kinh tế của các vị đã không đáp ứng được với thời cuộc.

Những vị lãnh đạo đó không còn đủ trí tuệ tìm ra con đường dẫn dắt dân tộc từng bước tiến lên xã hội chủ nghĩa, dân giàu nước mạnh, lại thêm lòng ham hố vinh quang, quyền lực, tạo ra sự "kiêu ngạo cộng sản", nước lớn nước bé, dân tộc đa số, dân tộc thiểu số, khiến ngày càng đi xa với thực tế cuộc sống của dân. Đã vậy cuộc sống hòa bình sau bao năm hy sinh gian khổ sinh ra sự ham muốn hưởng thụ ở họ không có bờ bến. Việc

làm cho tương lai, cho dân tộc đã bị coi nhẹ hoặc quên lãng, nhưng sự hưởng thụ vật chất cho cá nhân mình lại được đề cao, được quan tâm quá mức. Họ quên rằng với cuộc Cách mạng tháng 10, với cuộc chiến tranh vệ quốc có những mặt chưa được thấu tình đạt lý, còn bao việc phải làm, còn tồn dư sự thù hận trong nội bộ dân tộc. Trong khi đó những lực lượng đối kháng lại là những người thực tế, biết thân biết phận, xoay vào củng cố và phát triển lực lượng hùng mạnh, tìm những cái hay của chủ nghĩa Marx - Lênin để rút kinh nghiệm, vận dụng, đồng thời tìm những khe hở của Liên Xô và các nước Đông Âu tranh thủ phân hóa bằng mọi cách rất tinh vi. Đến khi chín mùi, họ làm cho nó tự đổ vỡ từ bên trong, không ai cứu vãn nổi. Bài học đó không bao giờ nên quên.

Đáng lưu ý là phe đối kháng không ngừng mở rộng dân chủ, đào tạo tuyển dụng người có tài, có đức để quản lý đất nước một cách tài tình. Còn Liên Xô và các nước Đông Âu thì trì trệ về lĩnh vực này. Đến mức ở Berlin, mấy hôm trước đồng chí Hônếchcơ, Tổng Bí thư Đảng Xã hội Dân chủ Đức, Chủ tịch Đông Đức, đón đồng chí Nguyễn Văn Linh sang dự quốc khánh, một ngày lễ có hàng triệu người tham dự, tung hô lời chào mừng nồng nhiệt nước Cộng hòa Dân chủ Đông Đức. Vậy mà sau một tuần đồng chí Nguyễn Văn Linh về nước, bức tường Berlin bị phá đổ, đồng chí Hônếchcơ bị bắt, bị đưa ra xử.

Còn ở Liên Xô thì 36 triệu Đảng viên Cộng sản đứng ngoài cuộc để Gooc-ba-chốp thao túng, muốn làm gì thì làm, cho đến khi đổ sụp cả thành trì cách

mạng thế giới. Cho nên có thể nói sự nghiệp đất nước vững mạnh tiến lên, hay thụt lùi sụp đổ, một phần là trách nhiệm người đứng đầu nhà nước quyết định. Lên nhanh, đổ nhanh; xuống chậm, đổ từ từ cũng là do người đứng đầu. Nếu không chọn người đúng đầu có tài, có đức, quản lý đất nước có phương pháp khoa học, sáng tạo với một cơ chế chặt chẽ, thì chẳng khác gì dùng "đóm đi soi ếch", phó mặc cho vận may rủi, thịnh suy, rồi tin vào quy luật "có thịnh, có suy" sẽ rất nguy hiểm. Nhiều nước người ta có cơ chế chính sách, có khuôn khổ pháp luật phù hợp, họ lại đào tạo, chọn lựa ra nhân tài lãnh đạo đất nước nên họ vẫn liên tục phát triển. Ta có khoa học biện chứng lại không làm được việc đó, thực là đáng tiếc.

Ý thứ ba: Việt Nam muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội bằng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, làm công cụ xây dựng và tích lũy tập trung vốn, muốn thế chúng ta cần phải dựa vào lý luận của Marx và tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng lấy học thuyết độc lập và hoàn chỉnh. Tham khảo kinh nghiệm các nước bạn cũng rất cần, nhưng tuyệt đối không được sao chép những điều mình tâm đắc vào văn kiện của mình, làm cho nó trở nên hữu danh vô thực, không có sức sống, không có khả năng thực thi. Bài học ấy muôn thuở chính xác kể cả trong chiến tranh lẫn trong hòa bình xây dựng. Khi nào ta thực sự sáng tạo là ta thành công. Trong bất cứ quốc gia nào, vấn đề xã hội bền vững được đặt lên hàng đầu. Xã hội nào không bền vững trên linh thần đoàn kết dân tộc, dân chủ thực sự với mọi tầng

lớp nhân dân thì xã hội ấy có nguy cơ sụp đổ. Bởi vậy rất cần trên dưới đoàn kết một lòng, không ngừng trau dồi học tập, mở mang và nâng cao dân trí trên nền văn hóa truyền thống để toàn xã hội được hưởng thụ nền dân chủ đích thực.

Chúng ta đã có vị thế đáng tự hào nên trường quốc tế vì đánh thắng đế quốc Mỹ, một nước giầu mạnh nhất toàn cầu, hầu hết các nước khác đều nể sợ. Thế mà dân tộc ta đã chiến thắng. Cuộc kháng chiến thần thánh ấy góp vào kho báu lịch sử dân tộc như một tài sản vô giá. Có những người ngoại quốc chỉ muốn đến Việt Nam một ngày, để chiêm ngưỡng xem hình dáng lẫn trí tuệ người Việt Nam thế nào, mà dám đánh và đánh thắng đế quốc Mỹ. Đó là một lợi thế vô cùng quan trọng. Nhưng sau ba mươi năm chiến thắng, chúng ta không những

không bồi đắp cho nó mà còn làm mất mát đi khá nhiều lợi thế của đất nước, làm xói mòn lòng tin của chính nhân dân ta, bè bạn ta. Trong những năm qua, nhất là sau những năm đổi mới, xã hội xuống cấp quá nhanh, chưa có báo cáo năm nào nêu được chỉ tiêu xã hội như chỉ tiêu phát triển kinh tế đáng phấn khởi, ngược lại năm nào cũng nêu tệ tham nhũng chưa khắc phục như một quốc nạn, rồi nghiện hút, SIDA chưa bao giờ giảm, chỉ thấy tăng... Đã vậy sự mất đoàn kết trong Đảng, trong dân ngày càng nghiêm trọng, ức hiếp dân để xảy ra khiếu kiện liên miên. Đi đến đâu, làm việc gì cũng gặp tệ nạn hối lộ, ăn chặn. Sự tha hóa trong bộ máy công quyền mà các báo cáo của Chính phủ, của Quốc hội, của Đảng, kêu ca thảm thiết, nhưng nó vẫn cứ tồn tại ngày một nghiêm trọng. Có thể nói phổ biến cán bộ viên chức

nhà nước từ hành vi nhỏ đến lớn đều liên quan đến tham nhũng. Trong khi đó một nước tư bản gần kề chúng ta là Singapore mức tham nhũng trong viên chức nhà nước không quá 5%.

Nói thế để chúng ta tìm ra nguyên nhân mà xử lý những vấn đề xã hội đáng báo động trên. Mọi việc quy lại đều do con người tạo ra và do con người quyết định tất cả. Mới thấy vị trí con người có tầm quan trọng nhường nào. Quần chúng nhân dân bỏ lá phiếu bầu ra những người đại diện họ, lãnh đạo đất nước, nếu họ có trí tuệ, biết lựa chọn người tài đức, người tìm được biện pháp xây dựng cơ chế, xây dựng luật pháp, theo rõi bộ máy thực hiện luật pháp nghiêm túc, lúc đó người dân đỡ khổ. Nhược bằng họ kém trí tuệ không biết tốt xấu, bầu bán cho xong chuyện, "quan ba cũng ừ, quan tư

cũng gật", hỏi lấy đâu ra nhân tài phục vụ lại họ.

Đó là vấn đề muôn thuở, ai cũng biết, nhưng vẫn không làm được, hoặc cố tình không làm. Nhân dân lâu nay đã tạo ra những người lãnh đạo hầu như chỉ cần chức và quyền để vụ lợi cho riêng mình, còn nhiệm vụ phục vụ nhân dân làm qua quít, che mắt thế gian.

Nhìn các nước quanh ta, những người lãnh đạo nổi danh như Đặng Tiểu Bình của Trung quốc; Lý Quang Diệu của Singapore; Mathia của Malaysia họ đều tạo cho đất nước những bước nhảy vọt... mới thấy rõ vai trò cá nhân quyết định đến vận mệnh quốc gia như thế nào. Năm 1997, một buổi chiều tôi đến biên giới giữa Malaysia và Singapore thấy hàng ngàn hàng vạn người Malaysia sang lao động ở Singapore, xếp hàng

qua cửa khẩu về nước. Thế mà năm 2003 họ đã ký hợp đồng thuê hàng vạn lao động Việt Nam sang Malaysia làm việc, vì lao động trong nước quá thiếu, chỉ 7 năm họ thay đổi lao động. Còn Việt Nam cứ thiếu việc, cứ phải đi làm thuê, trong hoàn cảnh chủ quan ta thuận lợi hơn hơn nhiều. Đó là điều cần học tập bạn. Giá mà ta có được người lãnh đạo đất nước tài đức, tạo nên bước ngoặt phát triển nhanh cho nhân dân đỡ khổ, không phải đi làm thuê cho nước ngoài thì đâu đến nỗi phải chịu bao cảnh nhục nhã, rắc rối đến với người đi lao động đã được phơi bày trên báo chí gần đây.

Ông cha ta nói "Một người biết lo bằng kho người biết làm" để đề cao vai trò nhân tài của mọi thời đại. Vì chính nhân tài mới là người tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho đất nước. Những

nhà lãnh đạo nên luôn luôn chú trọng đến câu: "Bỏ sót nhân tài là có tội với quốc gia", mà tổ chức tuyển chọn kỹ càng, công khai, chính xác. Không nên để đến Đại hội mới bàn ra tán vào, có khi người nỏ mồm, nịnh hót, gáy hay lại được tuyển lựa, người thầm lặng, thật thà, tài đức thật sự lại bị bỏ quên. Không phải ít những nhà lãnh đạo gặp vài lời nói trái ý mình đã vội vàng thành kiến, trù dập. Bởi thế họ chỉ thích người xu nịnh, lựa chiều (mà số người xu nịnh ít khi có tài, trình độ trí tuệ kém) kết quả có khi tuyển lựa phải người dốt nát. Nếu dốt lại nhiệt tình nữa thì như Thủ tướng Phạm Văn Đồng khi sinh thời đã nói: "Dốt nát cộng với nhiệt tình thành phá hoại". Nhỡn tiền chúng ta cũng thấy điều đó ở một vài người rồi. Đó cũng là bài học quý cho việc chọn lựa nhân tài vậy.

Nhưng nếu nhà nước may mắn đã chọn được nhân tài, lúc ấy lại cần một sự tin cậy trao phó cho họ nhiệm vụ lãnh đạo đất nước, không can thiệp. Bởi vì họ có hệ thống tư duy thống nhất, nếu bị xen vào, bị ức chế đôi khi sẽ làm phá vỡ kết cấu kế hoạch, hỏng cả đại sự quốc gia. Kết thúc tập hồi ký này, tôi mong nó góp phần nhỏ bé vào sự nghiệp xây dựng Đảng, xây dựng đất nước. Tôi ao ước sao mọi người đi đâu cũng có thể ngẩng cao đầu tự hào là người Việt Nam văn minh, giàu đẹp, có văn hóa, có trí tuệ. Muốn làm được thế phải thực hiện lời Bác Hồ đã dậy: "Muốn có chủ nghĩa xã hội, phải có con người xã hội chủ nghĩa". Lời nói đó nghe nhiều cũng quen tai, nhưng thực là chí lý, làm được khó lắm. Cho nên ta phải chịu nghe, chịu nhắc lại để thấm nhuần câu nói của Bác. Nhiều năm qua tôi cứ suy ngẫm mãi thấy nó quả là

sâu sắc, quả là thâm thuý! Bác lo xa cho Đảng cho dân tộc biết chừng nào! Nếu chúng ta không bồi dưỡng giáo dục cho có con người xã hội chủ nghĩa thì chủ nghĩa xã hội sẽ xa vời, chẳng khác nào cái bánh vẽ.

Làm người đã khó, làm người xã hội chủ nghĩa còn khó hơn nhiều, chúng ta chỉ có cách duy nhất quyết tâm vượt qua mọi trở ngại và làm cho được, như các cụ xưa đã dạy:

Thế thượng vô nan sự

Nhân tâm tự bất kiên

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã Việt hóa tài tình và xúc tích câu thơ như sau:

Không có việc gì khó

Chỉ sợ lòng không bền

Chúng ta cần bền gan vững chí làm theo lời Bác dạy.

Viết từ ngày 3-2-2004, viết xong ngày 5-8-2004.

HẾT